BEST-SELLER
CỬA MẬT
LA PORTE DÉROBÉE
Tiểu thuyết
CHRISTINE KERDELLANT
ÉRIC MEYER
NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

CHRISTINE KERDELLANT
ERIC MEYER

QUÉ SƠN *dịch*

CỬA MẬT

LA PORTE DÉROBÉE

Tiểu thuyết

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

http://tieulun.hopto.org

epub©vctvegroup
05-12-2017

http://tieulun.hopto.org

Chết giàu là chết vô phước.

Dale Carnegie

—★—

http://tieulun.hopto.org

• *Một thriller văn hóa...!*

Pho tiểu thuyết đầy những quy chiếu Lịch sử và Nghệ thuật dựa trên một cuộc tìm kiếm những cảm xúc yêu đương song song với cuộc điều tra công nghệ.

Đây là cuốn sách hay, lôi cuốn và làm phong phú đầu óc, đọc thấy khoái cảm vô cùng...

Balesdent (16/5/2007)

• *Tuyệt vời!!!*

Một sự tạo dựng tình trạng hồi hộp rất thành công, các tình tiết gay cấn làm lạnh sống lưng và hoàn toàn có thể chấp nhận được...

Nhất thiết phải đọc ! Bạn sẽ khám phá một khía cạnh của Versailles mà chắc chắn là bạn chưa hề biết đến.

Cathy "Cathy" (20/4/2007)

• *Hay hơn "Mật mã Da Vinci" !...*

Một đêm và nửa ngày, đó là thời gian tôi bỏ ra để miệt mài đọc cuốn sách này từ những dòng đầu cho đến trang cuối cùng ! Tôi hoàn toàn đồng ý với lời bình : "Đây là một thriller tuyệt hay với những quy chiếu lịch sử chất lượng cao, với con đường thụ giáo phức tạp và tinh vi, với những đột biến vừa nhiều vừa bất ngờ".

So với "Mật mã Da Vinci" thì cuốn tiểu thuyết này hay hơn và thực sự vượt trội ! Không những vì nó được viết giỏi hơn mà do nó không hề được xây dựng trên luận đề giả tạo của một âm mưu bịa đặt cũng như những tìm tòi nhọc sức bí hiểm, mà dựa trên một bí mật lịch sử hoàn toàn có thật.

Lucia (30/4/2007)

• Một tiểu thuyết thriller tuyệt vời, pha trộn lịch sử nước Pháp với thế giới đương đại. Nó lôi kéo chúng ta đi xuyên qua những ngôi vườn của lâu đài Versailles, tìm kiếm cái chìa khóa tin học để cứu vớt thế giới trước hiểm họa lớn của thế kỷ!

Dù sao, vẫn thật là thú vị khi được đi dạo giữa hai thế kỷ 18 và 21.

Các bạn yêu thích loại tiểu thuyết này nên nhanh chân tìm đọc nhé.

Xénia (22/5/2009)

• Đây là một thriller mới kiểu Pháp, vừa mang hơi hướng lịch sử vừa có tính bí hiểm, pha trộn với thriller công nghệ... và kết quả là nỗi bất ngờ thú vị hiếm thấy.

Tưởng như mình rơi ngay vào giữa "Đại Số Dách" (sự tê liệt tin học toàn cầu) do một cái "backdoor" huyền thoại gây ra. "Backdoor" này hẳn là do Microsoft (Controlware trong tiểu thuyết) cài đặt trong Windows (Shadows) dưới sự chỉ đạo của ông chủ tịch Bill Gates (Dan Barett).

Và chính là đằng sau một "backdoor" khác nằm ở lâu đài Versailles mà người ta có thể chấm dứt tình trạng hỗn loạn...

Một sự dàn dựng rất công phu với những đột khởi căng thẳng... Nói gọn lại, tiểu thuyết này là một thành công.

Vì thế, lần tới đi Paris, tôi tự hứa sẽ đi thăm lâu đài Versailles... Mặt khác, tôi sẽ cập nhật hóa phần mềm chống virus của mình.

Gegan (15/10/2009)

MỞ ĐẦU

Trước khi nhấn phím "Enter"[1] Owen Makresh nhíu mày tưởng nhớ đến người anh ruột Karim chết trong vụ World Trade Center[2] sụp đổ dữ dội ngày 11 tháng 9 năm 2001. Sáu năm sau, tính theo từng ngày, đây là giờ phút hắn sắp trở thành người hùng như Karim.

Hắn quay người về phía Dmitri và nụ cười của hắn biến thành cái nhếch mép gượng gạo. Cả hai đứa hắn cùng đến thành phố Tallinn ở Estonie ngay sáng nay theo chuyến bay từ Jakarta có quá cảnh ở Moscou. Chúng đi xe bus từ phi trường về trung tâm thủ đô nước Estonie này rồi cuốc bộ đến quán bar nằm ở cuối con đường lát đá tảng trong khu phố trung cổ. Tổ chức đã cung cấp cho chúng những tấm hộ chiếu giả và một thẻ từ dùng để mở hai cánh cửa gỗ của bar Noku. Không phải bất cứ ai cũng có thể vào quán rượu này đâu, chỉ khách quen mới có tấm thẻ ra vào. Noku có nghĩa là "văn hóa trẻ", lại cũng có nghĩa "con cu" trong tiếng lóng xứ này.

— Mày có biết mấy giờ ngày mai tụi nó đến không? - Dimitri hỏi khẽ khi bước qua cửa.

— Biết làm quái gì, - Owen đáp trả. - Ở giai đoạn 1 này, tao với mày là khá đông rồi đó.

Vào giờ này cái câu lạc bộ tư gần như vắng tanh. Bình thường thôi, chiều thứ ba mà. Vài thanh niên Nga ngồi tựa quầy bar nhấm nháp từng ngụm Saku, một loại bia địa phương. Nhạc rock theo kiểu các nước Baltes[3] lấn át tiếng nói chuyện. Cuối phòng, các hốc tường là nơi đặt nhiều PC[4] mốt mới nhất, màn hình phẳng nhấp nháy trong bóng tối. Tất cả mấy máy tính này

đều nối mạng Internet. Từ nơi này người ta có thể kết nối với bất cứ nơi nào trên thế giới, với lưu lượng cung cấp rất cao.

Owen nhìn đồng hồ: 17 giờ 43. Hắn ra dấu, chỉ cho Dmitri bước đến hốc tường cuối phòng. Ở hốc bên cạnh, một gã thiếu niên, chắc là người Nga nếu đoán theo những con chữ hiện to trên màn hình, đang tải về những hình ảnh khiêu dâm rồi ghép vào đoạn băng quảng cáo cho cuốn phim sắp tới của George Lucas[5]. Bên cạnh chàng ta là một phụ nữ trẻ đầu cạo trọc, áo veste da, đang thiết kế trang chủ một mạng web. Owen kịp nhìn cái tên hiện ra: *American Expresss* với ba chữ "S". Hẳn là một web giả mạo từ trang mạng thật của *American Express.* Đây là kỹ thuật – thường được gọi là *phishing* – quá quen thuộc với bọn tin tặc từ tám hay chín năm nay nhưng vẫn luôn tỏ ra hữu hiệu. Chỉ cần tạo ra một web giống hệt cái web chính thức của một công ty lớn, nhưng chỉ khác một chi tiết nhỏ, ví dụ như dư một chữ. Rồi những người khách hàng lơ đãng tưởng mình đang vào trang chủ của ngân hàng quen thuộc của mình thì tự ý đưa ra địa chỉ rồi mật khẩu của mình...

Owen quá sành mấy trò lừa đảo này nhưng hôm nay hắn khinh bỉ chúng ra mặt. Hắn đâu còn chơi trong cùng cái sân này nữa. Chuyện mà hắn sắp làm, chính xác là trong một trăm tám mươi giây nữa, lại thuộc một tầm cỡ hoàn toàn khác.

Khuôn mặt hắn không tỏ ra một chút gì căng thẳng, các cử chỉ cũng chẳng lộ ra chút gì ngập ngừng. Owen cảm thấy thích thú, ngay cả ngất ngây trước viễn cảnh của cái việc hắn sắp ra tay thực hiện. Hắn, đứa con út trong nhà, một tên xoàng xĩnh, một kẻ bị khinh miệt, luôn nấp sau cái bóng của anh mình, thế nhưng, chỉ trong vài khoảnh khắc nữa thôi, sẽ đi vào Lịch sử.

Hắn hình dung, trong giây phút này, đến làn sóng xung kích mà hắn sắp

gây ra. Hắn biết tầm cỡ rộng lớn của làn sóng này. Nhưng không ai, kể cả hắn, ở giai đoạn này, lường được mọi hậu quả. Hình ảnh của Karim hiện lên trong đầu. Sáu năm rồi còn gì, kể từ ngày anh hắn chết cháy trong chiếc máy bay Boeing 747 đâm vào tòa tháp phía Nam.

Owen cho chiếu đi chiếu lại cả trăm lần cuộn phim đó trong tâm trí. Karim chắc là đã chết ngay lập tức, như phần lớn các hành khách khác. Có lẽ với nụ cười trên môi... Bởi vì, ngược lại với tất cả bọn chó đó, anh không sợ. Thật vậy, trước khi bước chân vào máy bay anh đã biết nơi nó sẽ đến. Và ngay lúc đâm vào tòa tháp anh đâu có ngồi giữa đám hành khách. Anh ở trong buồng lái mà, ngồi ngay chỗ tên phi công trưởng đội bay... mà anh đã thọc tiết mười phút trước đó.

Owen cười khẩy, đặt tay lên con chuột máy tính. Hắn nhắm mắt lại để nghe rõ hơn tiếng clic nhỏ xíu phát ra từ cái phím mà hắn sắp ấn xuống. Và ngay trước khi ngón tay nhấp nhẹ xuống, hắn phun vào tai Dmitri vừa mới đến bên cạnh:

— Này người anh em, mười giây nữa thôi, và cái thế giới này, bọn ta sẽ làm chủ!

1

Emma Shannon đặt chiếc va-li hiệu Lancel xuống trước cửa phòng 17 khách sạn Overlord[6]. Nàng rút từ túi ra tấm thẻ từ, đẩy nó vào khe ổ khóa và chờ tiếng *click* khởi động. Nàng thích cái tín hiệu kín đáo này, mở cửa cho nàng vào một thế giới quen thuộc là phòng khách sạn.

Nhưng lần này nàng không nghe gì cả. Ánh đèn báo hiệu nhỏ xíu cứ đỏ mãi. Emma Shannon chùi dòng từ của tấm thẻ trên ve áo rồi thử lại lần nữa. Không kết quả. Gã bồi tầng vừa xuất hiện ở cuối hành lang đã thấy ngay vẻ khó chịu trên mặt nàng.

— Thưa bà, thẻ không mở được sao?

— Đúng là không gì qua mắt anh được.

— Chúng tôi đang bị rắc rối với máy tính ở quầy lễ tân. Chắc là cái máy chủ trung tâm chạy bậy rồi. Để tôi mở với chìa vạn năng.

Emma đẩy cửa vào. Nàng cảm thấy mệt mỏi, bực dọc, dù tên bồi tầng đã tỏ ra dễ thương. Khi đến nghỉ ở một khách sạn, nhất là sau một chuyến đi mệt nhoài, nàng không thể chịu nổi mấy chuyện trái ý. Theo thói quen, nàng bước về phía chiếc giường nằm xa cửa sổ nhất. Cứ phải lui tới hoài mấy khách sạn kiểu này, thực ra tất cả đều giống hệt nhau, nàng đã biết tìm cho mình những dấu hiệu, những cái mốc giúp nàng tìm được sự thư thái, dù chỉ là bề mặt thôi. Rồi nàng đặt chiếc va-li lên giường, mở ra, lấy từ phía

trên chồng trang phục xếp gọn gàng bộ quần áo ngủ bằng lụa màu xanh mà nàng lúc nào cũng mang theo trong hành lý. Sau đó, nàng kéo các tấm màn dày nặng để nhìn ra phong cảnh bên ngoài. Giống như ở Barcelone tuần vừa qua hay ở Cuba tháng trước, nàng cũng được biệt đãi lần này. Phòng 17 nhìn ra biển mà. Từ cửa sổ ta có thể trông thấy những con đê của cảng biển nhân tạo, được tạo thành từ những chiếc xà-lan bằng bê-tông được những con tàu Mỹ đổ khuôn trong vịnh, ngày 6 tháng 6 năm 1944.

Emma nhìn say sưa dải bọt biển dài có vẻ như viền quanh chân trời, và để ánh mắt mình dõi theo mấy cánh buồm trắng ngoài xa nổi bật trên nền nước màu lam ngọc. Mặt trời sắp sửa lặn xuống biển. Vùng biển Manche này, vào cuối hè, mang sắc màu của biển Caribê.

"Dân Pháp thực là may mắn," người đàn bà Mỹ tự nhủ sau khi ngắm nhìn thỏa thích cảnh biển. "Họ có đủ cả, cây cọ ven biển hay núi Alpes, tha hồ chọn những biển ấm hay biển Băng, tất cả lại nằm trong một diện tích còn nhỏ hơn bang California! Vậy mà họ còn kêu ca đấy!"

Căn phòng rộng, sáng sủa, đây đó điểm xuyết những nét vàng và đỏ chói làm nhớ đến những ngôi nhà vùng Provence và các bức tranh của Van Gogh[7] mà mẹ nàng rất yêu thích. Emma cũng nhận ra trước tiên chiếc máy TV màn hình phẳng, gắn vào tường, ngay trước giường. Nàng đưa tay cầm lấy cái thiết bị điều khiển từ xa và tìm kênh truyền hình *CNN*. Dù đang ở bất cứ nơi nào trên thế giới, nàng luôn thích nghe cái điệp cú của đài này: *This is CNN, be the first to know!* "Các bạn đang ở *CNN*, hãy là người đầu tiên biết tin". Thường thì còn lâu nàng mới là người cuối cùng biết các tin tức thế giới. Nàng nhận các tín hiệu báo trước ngay trên điện thoại di động của mình mà. Vậy thì nàng nghe *CNN* không phải để biết tin tức nhưng để hít thở không khí của đất nước nàng đến. Ở Bangkok, Abu Dhabi, Tokyo, hay như tối nay bên bờ biển Manche, hay khắp các nơi mà công việc làm ăn hay

các hội nghị đưa dẫn đến, nàng, một người mất gốc, tìm thấy lại ở đài *CNN* này như cái dây rốn, một giọng nói mẹ hiền, gần như một mùi hương của tổ quốc. Cả một thời gian dài nàng đã chống chọi lại phản xạ non nớt một cách mơ hồ này, nhưng nàng cũng nhận thấy rằng rất đông đồng nghiệp của nàng, thuộc mọi quốc tịch, cũng mang những phản xạ tự động kiểu Pavlov[8] này. Ví dụ như người Pháp chẳng hạn, khi đến Mỹ họ bao giờ cũng cố tìm cho ra một "quán bình dân" phục vụ cà phê "đích thực"...

Arromanches[9]. Nàng biết rõ nơi này. Thích lắm. Women's Annual Congress[10] từ hơn chục năm nay thường tổ chức các sinh hoạt trí thức và giao lưu xã hội mùa hè của mình ở Overlord. "Một cuộc đổ bộ thực sự", dân làng kháo nhau. Mỗi năm vào cuối mùa du lịch, hàng đám toàn là đàn bà, cỡ trung niên, đi lên đi xuống nhộn nhịp suốt cả tuần trên những con đường hẹp trong ngôi làng thuộc vùng Normandie này. Các tiệm cà phê, cửa hàng thuốc lá, cánh xe taxi vui ra mặt. Những ngư dân già đã từng thấy một cuộc đổ bộ khác, vào năm 1944, thì cười rúc rích trên đê.

Cuộc lễ trọng vì nữ quyền mà Emma Shannon là một trong những khách mời danh dự năm nay, đã bắt đầu từ hôm thứ bảy tuần trước và sẽ bế mạc vào tối thứ sáu này. Nàng dự liệu sẽ ở đây ba ngày cuối cùng; con gái nàng, Rebecca, sẽ đến gặp nàng cuối tuần rồi hai mẹ con sẽ đi tham quan địa phương này: Utah Beach, Omaha, Gold, Juno cũng như các nghĩa trang quân đội, và nếu còn thì giờ thì đến luôn bán đảo Cotentin trông giống như phong cảnh Ái Nhĩ Lan.

Còn ba tiếng đồng hồ nữa mới đến giờ ăn tối. Emma tự hỏi có nên lợi dụng thời gian rảnh rỗi này để xuống bãi biển và bơi lội hay là tốt hơn nên xem lại bài nói chuyện vào ngày mai: "Phụ nữ lãnh đạo có giỏi hơn đàn ông không?". Cuối cùng nàng ngồi lên giường, tháo xõa tóc, tận hưởng khoảng thời gian nghỉ ngơi hiếm hoi này. Khi di chuyển đến nơi này, nơi nọ, nàng

thích biến đổi khoảng trống này thành giây phút riêng tư cho riêng mình. Những quãng lặng hiếm có như thế này đôi khi cũng xuất hiện tình cờ trong thời gian biểu dày đặc của nàng, giữa hai cuộc hẹn, hai cuộc họp, hai chuyến đi. Một cô bạn thân, từng sống sót sau một tai nạn giao thông nghiêm trọng, cứ đều đặn nhắc nàng: hạnh phúc, có phải cái gì khác hơn là sự tích lũy những "bụi bặm hàng ngày" vui thích này hay sao?

Vậy mà chiều nay Emma thấy không thể dứt bỏ được cảm giác lo lắng và bực dọc xuất hiện từ sáng sớm và càng lúc càng nặng nề. Có phải do chuyến đi dài từ Luân Đôn tới Arromanches không? Do luồng gió khá nóng thổi tới không? Do sự cố nhỏ nhặt với tấm thẻ từ mở cửa vừa rồi không? Không. Đơn giản là nàng không muốn tự thú nhận cái việc đã làm tăng nỗi bất ổn khó chịu trong người. Hình ảnh đã khiến nàng rối loạn từ lúc ở quầy lễ tân. Cái hình dáng nàng chợt thấy từ xa, trong sảnh. Chỉ trong một phần tư giây thôi, dáng vẻ đó, phong thái đó, nét mặt nhìn nghiêng sắc sảo đó, tất cả sao có vẻ quen thuộc với nàng đến thế.

Nàng bước đến cái minibar, mở thêm lon Coca Light thứ hai rồi cởi bộ váy và áo sơ mi màu xám sẫm ném lên giường. Rồi nàng thả người nằm dài trên chiếc giường kia, trên mình chỉ còn mặc độc nhất bộ đồ lót đen, đưa mắt nhìn về cánh cửa lớn dẫn ra ban công đang mở, tìm cách đuổi khỏi tâm trí cái hình ảnh quấy rầy đó để mà tận hưởng giây phút thư thái trong khung cảnh gần như quen thuộc này. Dĩ nhiên, nàng đâu có đang ở nhà mình nơi đây, nhưng qua nhiều năm đi đây đi đó nàng đã biết thích nghi với những nơi chốn không thuộc riêng ai như thế này dễ dàng, đến nỗi nàng tự hỏi phải chăng những căn phòng khách sạn cuối cùng đã trở thành nơi an trú của riêng nàng.

— Tất cả những gì ta thấy thân thiết thì không thuộc về ta, và không có cái gì thuộc về ta mà ta lại thấy thân thiết, - nàng lẩm bẩm.

Nàng đã trích ra câu nói khá yếm thế này một ngày lâu lắm rồi, từ bài phỏng vấn ông chủ một công ty lớn dày dạn trong chuyện chu du thế giới, nhưng với năm tháng qua đi, nàng lại thấy nó không chắc đúng. Thực ra, Emma sở hữu những thứ mà nàng yêu thích và chúng thực sự thuộc về nàng: ngôi nhà nơi nàng sinh ra ở thị trấn Farmington với ba ngàn dân thuộc bang Minnesota, dù nàng không bao giờ thực sự sống ở đó. Một bức ảnh chụp nàng lúc hai mươi tuổi với bà ngoại, treo trong căn hộ nàng sống ở thành phố San Francisco. Một vài lá thư cũng thế, nàng sẽ mang theo đến một hoang đảo nếu nàng chỉ được phép mang đi một va-li thôi... Nhưng, ngược lại, những gì nàng thấy thân thiết thực sự thì có thuộc về nàng không? Cha nàng sống với người vợ thứ ba ở Brazil, và ông chẳng bao giờ chịu ở nước nào quá bốn năm liên tục, thì sao? Hai cha con chỉ gặp nhau ở các sảnh phi trường, giữa hai chuyến bay – và may sao là như thế vì họ chẳng biết nói gì với nhau nữa. Cô con gái Rebecca thì lớn lên ở Pháp với bà ngoại, và bây giờ mười bảy tuổi, là một trong những nghệ sĩ múa nhiều hứa hẹn nhất của nhà hát Opéra de Paris, thì sao? Nàng yêu quý nó lắm, cứ mỗi ba ngày là gọi điện cho nó và kéo nó sang Frisco[11] ngay mỗi khi nàng có được vài ngày nghỉ. Nhưng những cơ hội như thế trở nên hiếm hoi bởi vì Rebecca từ nay đi học thêm, trong những kỳ nghỉ học, với một cựu nghệ sĩ múa ngôi sao.

Rồi Bradley nữa, giám đốc ngân hàng thương mại, người bạn đời của Emma, chia sẻ cuộc sống với nàng từ năm năm nay. Bradley gắn bó với nàng lắm, nàng chắc thế, nhưng cứ cố gắng sống với một người đàn bà mỗi năm vắng mặt lên đến cả nửa năm, thì về phần mình anh cũng hình thành những thói quen riêng: đi chơi golf với các đồng nghiệp ở nhà băng, quản lý các cổ phần đầu tư của mình bằng Internet, sưu tầm các phao cứu đắm và những cuộc đi chơi xa ở công viên quốc gia Yosemite, và đôi khi... Tất nhiên họ vẫn xuất hiện như một cặp đôi mỗi khi có thể. Nhưng chỉ mỗi khi có thể

thôi, đúng thế. Những con người thân thiết nhất với bạn có thuộc về bạn không?

"Điều duy nhất thực sự thuộc về bạn, đó là những giấc mơ của bạn", nàng nghĩ.

Và nàng cắn môi. Dù không muốn, khuôn mặt người đàn ông chợt thấy trong sảnh khách sạn lại đến, chồng lên khuôn mặt Bradley. Rồi như thể muốn tống khứ sự bối rối do chàng ta gây ra nơi nàng, Emma sải bước về phía cái xắc tay, rút ra từ ví tấm ảnh mẹ nàng, Anne-Laure Le Menestrel. Bà đã qua đời hai năm rồi, và nàng luôn nhớ bà, nhất là khi ở Pháp, xứ sở không bao giờ thực sự là quê hương dù nàng sống ở đấy nhiều năm. Mẹ nàng thì lớn lên ở Pháp, và bà quay lại đó sống sau khi ly dị.

— *Miss you, mom*, - nàng thì thào. - Mẹ ơi, con nhớ mẹ quá.

Nàng đặt tấm ảnh lên giường rồi chợt nghĩ, với một chút mặc cảm phạm tội, rằng Rebecca chắc là còn đau khổ hơn nữa về sự qua đời của bà ngoại nó. Và nàng, Emma, lại thường không có mặt ở đó để bù trừ cho con sự thiếu thốn này.

Chuông hiệu của *World Business News*[12], báo kinh tế của *CNN*, reo lên như giải khuây. Người đọc bản tin kể ra hàng loạt sự cố lặp đi lặp lại trên Internet từ đầu buổi sáng nay. Emma nghe một cách lơ đãng nhưng vẫn đọc hàng chữ chạy bên dưới màn hình thông báo diễn biến các cổ phần của những đại công ty Mỹ khi thị trường chứng khoán Wall Street mở cửa. *IBM: 20,25 đô-la, -1% ; General Motors: 50,75 đô-la, -2%; Controlware: 70,25 đô-la, + 10%.* Thế là có một công ty thoát được hội chứng 11 tháng 9: thực vậy, từ sáu năm nay, cứ vào ngày tháng đáng sợ này thì những tin đồn loạn xạ nhất lại được người ta tin và như thế thường làm hạ giá chứng khoán.

— 10%! *My God!*[13] Dan đã thắng lớn hôm nay! - Emma kêu lên bằng tiếng

Anh.

Nàng cầm lại cái thiết bị điều khiển từ xa và tăng cường độ âm thanh. Người đọc tin loan báo rằng Controlware sắp sửa tung ra thị trường đầu năm 2008 một phần mềm mới dành cho đại chúng. Cổ phần công ty này, anh ta nói, đã tăng lên 17% nội trong hai ngày. Hình ảnh ông chủ nó, Dan Barett tiếng tăm lừng lẫy, tươi cười hiện ra chồng lên màn hình.

— Đáng lẽ họ nên chọn một tấm hình nào chụp gần đây hơn, - Emma thở dài, kéo hai đầu gối về dưới cằm rồi uống thêm một ngụm Coca.

Khuôn mặt Dan Barett, thật vậy, đã thay đổi. Người đàn ông giàu nhất thế giới trông già dặn hơn. Tuy tránh được các nếp nhăn nhưng năm tháng đã thêm những kí lô thừa. Và cặp kính, vuông, lúc nào cũng ở trên mặt. Nhưng ông có vẻ thư thái hơn ngày xưa. Người ta chưa bao giờ thấy ông mặc đồ lớn, đeo cà vạt, ngay cả khi xuất hiện trên TV. Quần đen, áo polo dài tay, Barett đi làm mang xăng-đan không vớ. Ông đưa ra phong cách thiền của người thành đạt. Phong cách của một người cực giàu, và giống như một người cực nghèo, có thể quả quyết rằng sự giàu có đích thực là nằm ở bên trong con người. Một chi tiết độc nhất khiến Emma luyến tiếc những năm tuổi trẻ: đầu tóc của Dan. Đường ngôi giữa mái tóc bây giờ đã ngả sang màu vàng xám, được vạch thẳng quá. Emma đã buông lời trách móc về nó với Dan khi hai người trải qua những ngày cuối tuần cuối cùng với nhau.

— Do Amelia đó, - Dan nhún vai trả lời.

Từ khi kết hôn với Amelia, ông có vẻ tách biệt hơn bao giờ hết với những thứ nhỏ nhặt mang tính thẩm mỹ như thế. Như thể đối với ông những qui cách về ăn mặc, tóc tai đúng mốt không hề hiện hữu. Nghịch lý lạ lùng ở một con người không ngừng chứng tỏ mình là hay nhất trong mọi thứ.

Ngay khoảnh khắc này, hình ảnh người đàn ông nàng chợt thấy khi đến

khách sạn lại hiện ra trong tâm trí nàng. Nàng cảm thấy bối rối giống như trước một lần nữa. Và muốn gọi điện cho Brad.

Đồng hồ đeo ở cổ tay phải, lúc nào cũng để theo giờ San Francisco – trong khi đồng hồ đeo ở cổ tay trái thì được chỉnh theo giờ địa phương nơi nàng đến – chỉ 8 giờ sáng. Đâu khó gì hình dung ra Brad đang làm gì lúc này. Anh có thể ngồi ở ghế sau trong xe của mình, trên xa lộ số 1, đọc tờ *Wall Street Journal*, thỉnh thoảng phát ra vài lời bình về phía tên tài xế. Emma đã thấy cái cảnh này thường lắm. Quá nhiều lần rồi. Dậy sớm, có mặt sớm ở văn phòng, buổi tối về nhà sớm nhất có thể được. Và nhất là không ăn sáng kiểu Pháp như anh nói để chọc Emma. Brad là một người chồng ta có thể đoán trước được hành vi.

Emma đưa cổ tay trái lên mặt rồi phát âm rõ ràng chữ "Brad" về phía cái đồng hồ. Số điện thoại của chồng nàng hiện ra trên màn hình nhỏ xíu và tự động gọi. Nhưng trước khi cuộc gọi đến được số đó thì một giọng nói bằng tiếng Pháp báo là:

— *Cuộc gọi không thể tới được. Xin gọi lại sau.*

— Xuỵt! Mấy thứ hàng mẫu đầu tiên này bao giờ cũng thế, gọi hai lần mới được một lần! Đừng hòng nhờ ta tài trợ cho cái đồ vô dụng này!

Từ buổi sáng nay Emma thử nghiệm cái phát minh mới nhất của một công ty nhỏ ở Luân Đôn: điện thoại di động thu nhỏ lại dưới dạng đồng hồ. Đầu buổi chiều ở phòng đợi phi trường nàng đã gọi thành công vài cuộc. Khá nhiều ánh mắt tò mò. Nhưng cuộc thử nghiệm không cho kết quả rõ ràng.

Nàng đi tìm cái điện thoại di động trong xắc tay và gọi số của Brad, theo kiểu cũ, bằng cách nhấn phím.

Cuộc gọi bị gián đoạn.

— Nhưng còn chuyện gì nữa đây? Sao không gọi đến được?

Thôi, thây kệ. Gửi thư điện tử vậy. Nàng lấy laptop từ túi bên trong va-li ra, kiểu mới nhất của Sony, đặt nó lên bàn giấy nằm gần cửa lớn mở ra ban công. Trong khi máy khởi động, nàng đi sắp xếp đồ đạc lấy ra từ hành lý, cái thì để trên các kệ tủ đứng, cái thì trong các ngăn kéo tủ cômmốt, cái thì trên các ván kệ nhỏ trong phòng tắm. Rồi nàng ngồi thoải mái trên giường, chân gác trên một chiếc gối, bắt đầu đọc mail của Bradley gửi từ tối hôm trước mà nàng đã tải xuống sáng nay ở Luân Đôn. Ngoài những thông tin về ngôi biệt thự trên đồi ở Sausalito[14] mà hai vợ chồng đang tìm cách mua và những lời âu yếm thường lệ, anh khuyên nàng nên thử liếc mắt vào một trang mạng, hứa là nàng sẽ có một "sự ngạc nhiên lý thú". Nàng nhấn chuột ngay tức khắc trên địa chỉ ghi kèm dưới thư: *www. operadeparis.fr.* Chắc liên quan đến Rebecca đây.

Nhưng trang mạng này không hiện ra. Cái khung dài màu xanh nằm ngang phía dưới màn hình chỉ thời gian chờ đợi thì bị tắc nghẽn. Emma chờ thêm một phút rồi mất hết kiên nhẫn. Nàng lại tìm cách nối với *www. fool.com*, một trang mạng chuyên về thông tin chứng khoán mà nàng thích nhất. Uổng công. Máy tính chạy không. Cuối cùng một tin nhắn cảnh báo xuất hiện trên màn hình: *Không nối mạng được.*

Chuyện gì xảy ra vậy?

Nàng gọi điện cho lễ tân, giải thích bằng tiếng Pháp, thứ tiếng đã trở lại với nàng một cách tự phát, là nàng không thể gọi cho ai bằng điện thoại di động cũng như không thể nối mạng Internet.

— Xin bà yên tâm. Bà không phải là người duy nhất, thưa bà Shannon! - Nhân viên lễ tân trả lời.

Anh ta phát âm "chat-non" với giọng rặt Pháp nhưng Emma chẳng

muốn sửa sai anh ta làm gì. Ít ra anh ta đã gọi nàng bằng tên họ. Sự cá nhân hóa trong dịch vụ thì khá hiếm nơi người Pháp. Tuy vậy nàng vẫn thích hơn nếu anh ta biết làm cho hệ thống hoạt động.

— Vậy à? - Nàng lên tiếng lại. - Tại sao? Chuyện gì xảy ra vậy?

— Chính là toàn bộ hệ thống bị ứ nghẹn, thưa bà, - nhân viên lễ tân tự bào chữa. - Ngay cả nước Mỹ cũng không có Internet từ sáng nay, hình như thế. Bà không nghe gì à? Họ loan tin này trên đài phát thanh đó bà! - Anh ta có vẻ hơi bực.

— Anh không có ai trong khách sạn biết sửa chữa sao? - Emma gằn giọng.

Trong một doanh nghiệp được tổ chức tốt – nàng ở vị thế để biết rõ việc này mà – những vấn đề tin học thường được giải quyết nhanh chóng.

— Thưa bà, không có, chính vì tôi nói với bà là hệ thống toàn cầu bị...

Ngay lúc nhân viên lễ tân ngưng nói Emma nghe được tiếng chuông reo từ một điện thoại khác.

— Xin lỗi bà một chút, xin bà cứ giữ máy.

Một tiếng động khô khốc. Chắc là tiếng máy điện thoại bị vứt mạnh xuống quầy, Emma tự nhủ, tai nàng vẫn còn áp vào máy.

— Bác sĩ? Không, thưa bà, ông chưa có mặt ở đây. Nhưng đang đến. Vâng, người đó đã được chở đến phòng 112... Vâng, các đại biểu hơi hốt hoảng: có vẻ như bà ấy ngã vật xuống ở bục giảng khi đang đọc bài nói chuyện của mình.

Thình lình, một tiếng kêu từ xa cắt đứt giọng nói nghèn nghẹn của anh lễ tân. Tiếng kêu của một người đàn bà, một nữ nhân viên khác, chắc thế, có thể đang đứng gần anh ta. Emma lúc đó nghe rõ:

— Michael, gọi lại bác sĩ đi, bảo ông nhanh lên. Bà khách đau quặn trên giường. Cặp mắt đã méo xệch, tao nghĩ bả sắp tiêu rồi đó!

http://tieulun.hopto.org

2

Pierre giật mình tỉnh giấc. Anh đâu có nằm mơ: còi hụ chát chúa dưới cửa sổ phòng anh đến từ xe chữa lửa. Anh vội vàng bước nhanh ra ban công, vừa kịp thấy mấy cánh cửa chiếc xe màu đỏ đó đóng lại theo sau cái cáng thương rồi vụt chạy như tên bắn.

Tạ ơn Trời, anh tự nhủ, khách sạn không bị cháy. Chắc ai đó đi lặn mà không tuân theo ngưỡng hạ áp, hay ai đó đi tắm bị sốc nhiệt.

Anh liếc nhìn đồng hồ, buột miệng chửi thề. 7 giờ 55! Hôm qua anh đã lập trình giờ báo thức là 7 giờ 15 trên điện thoại di động. Than ôi! khi chuông reo – thật ra đó là giọng của Freddy Mercury hò hét bài *We are the champions*[15] – anh quờ quạng bấm nhằm phím đỏ rồi úp mặt vào gối, hai bàn tay luồn dưới gối, nằm thế ngủ nướng. Không có tiếng còi hụ thì anh còn ngáy nữa. Và suýt nữa thì bỏ mất cuộc hẹn lúc 8 giờ 15.

Bây giờ thì anh chỉ còn chút thì giờ để tắm vòi hoa sen, cạo râu, xỏ quần hiệu Dockers màu be. Rồi ba chân bốn cẳng chạy xuống phòng ăn, dùng bữa sáng. Pierre ghét làm việc bụng đói.

Anh bật TV ở kênh LCI cùng lúc bước nhanh vào phòng tắm. Khi anh đi ngủ lúc hai giờ sáng thì Internet vẫn còn bị tê liệt. Nhưng bây giờ anh đâu có thì giờ đi kiểm tra trên máy tính của mình để biết mọi sự đã ổn chưa. Làm chuyện kiểm tra đó, hoặc đi uống cà phê.

Đứng dưới vòi hoa sen anh nghe tiếng cô xướng ngôn viên vọng đến một cách đứt quãng. Cô loan báo hàng loạt sự cố xảy ra ở đại lục Bắc Mỹ. Những hệ thống điều hòa không khí ở thành phố New Orleans đột nhiên bị hỏng. Nhiều hãng hàng không trong đó có Air Canada và Continental, đã có những chuyến bay bị trễ do sự rối loạn chức năng ở các trung tâm giữ chỗ của hãng mình gây ra. Những quầy check-in ở các phi trường Boston và La Guardia bị đóng cửa. Nhưng chắc là chẳng có tin gì mới về Internet.

Pierre nhét tấm thẻ từ vào túi sau quần jean, chụp lấy điện thoại di động và đi ra hành lang chẳng buồn tắt TV. Anh vừa mới bấm xong mật mã số PIN thì một tiếng bíp vang lên, báo hiệu có tin nhắn SMS[16]. Anh định đọc thì lại nghe chuông reo sau lưng mình. Nó phát ra từ máy điện thoại trong phòng anh. Ai mà có thể muốn gọi anh ở đây vào giờ này? Tất cả đồng nghiệp anh đều có số di động của anh mà. Vợ anh cũng vậy, luôn gọi anh ở máy Nokia khi anh đi xa. Bực tức, anh mở lại cửa phòng và tiến về cái bàn đầu giường.

— A lô!

— A lô? Phải anh không, Pierre?

Anh nhận ra giọng nói của Clara.

— Ừ, chào em! Bình thường chứ? Em may lắm đó, anh sắp sửa xuống dưới nhà ăn sáng, và anh đang bị trễ đây. Chút xíu nữa thì cái điện thoại này reo mà không ai bắt máy đó. Hơn nữa, tại sao em không gọi vào máy di động của anh như thường lệ?

— Em đã thử nhiều lần, không thể vào mạng được! Em chẳng biết chuyện gì xảy ra. Ở Marseille từ tối hôm qua các điện thoại di động đều chết cứng mất rồi.

— Vậy à?

Di động của anh có vẻ còn chạy, vì có tin SMS đang chờ mà.

— Vâng... Nhưng không phải chuyện này mà em gọi anh. Máy tính của mình đang còn gặp vấn đề. Gaétan phải sửa soạn một bài thuyết trình cho ngày mai, nó phải tìm trên Internet các tấm ảnh chụp thắng cảnh Mont-Saint-Michel, nhưng không thể nào nối mạng được. Anh có biết ta có thể làm cách nào để sửa chữa không? Em chán ngấy mấy thứ máy tính này quá! Lần cuối cùng...

Pierre biết sẽ là vô ích nếu hy vọng chận được vợ mình một khi nàng đã bắt đầu mở miệng. Anh chờ đến khi nàng ngừng một chút lấy hơi để thở mới xen vào:

— Em để anh nói nghe... Vấn đề không đến từ máy tính đâu. Vả lại, đáng lẽ em phải biết nếu em xem tin tức trên TV. Hay đơn giản là gọi điện cho hàng xóm.

Pierre giải thích cho vợ hiểu là Internet đã tịt ngặng từ hôm qua. Hệ thống đã bị đặt trong tình trạng HS[17] từ giữa buổi chiều. Khó mà nói được cho chính xác những cái bất thường này bắt đầu từ mấy giờ, nhưng các nhà báo Mỹ tin là chúng được khởi phát trùng ngày giờ với sự sát hại ngày 11 tháng 9-2001: 8 giờ 46 phút, giờ New York, lúc chiếc Boeing 747 đầu tiên đâm vào tòa tháp phía Bắc của World Trade Center. Rất có thể! Hơn nữa, nhiều đòn tấn công của tin tặc đã được tiến hành song song hay nối tiếp nhau.

— Em đâu có thì giờ mà xem tin tức, - Clara đáp trả. - Em chẳng có được một phút rảnh rỗi. Điều mà em biết, đó là cái máy tính của chúng ta không hề hoạt động! Mỗi khi có một virus, y như rằng chúng ta lãnh đủ.

Pierre thở dài, đưa tay vuốt đầu tóc còn ẩm ướt. Anh cố gắng kiềm chế nỗi bực dọc. Lần nào cũng như thế cả. Mỗi sự cố làm rối loạn hệ thống máy

tính gia đình thì vợ chồng sinh ra cãi vã. Clara trách móc chồng cứ tối nào – thay vì thảo luận với nàng – cũng tìm cách cài đặt thêm phần mềm mới. "Vô dụng". Lại "ngăn trở những cái khác hoạt động", hiểu ngầm là cái phần mềm nàng sử dụng để xem hình ảnh bạn bè nàng.

Trong khi Clara tiếp tục lải nhải, Pierre nhìn những hình ảnh và phụ đề chạy trên kênh *LCI*. Người xướng ngôn nói về những phản ứng dây chuyền ở châu Âu. Những chuyến bay ở các phi trường Orly và Roissy[18] đều bị trễ. Các chuyến tàu lửa Eurostar thì bị chận lại, không được khởi hành từ Luân Đôn.

Tất cả những sự cố này – bây giờ anh hiểu ra – đều liên hệ, một cách trực tiếp hay gián tiếp, đến sự cắt đứt hay đến sự giảm tốc độ của việc nối mạng Internet. Tất nhiên là thế rồi.

Về phần Clara, nàng ở trên một hành tinh khác.

— Được rồi, không sao, để tính sau, - nàng thét lên... - Em đưa con đến trạm xe bus rồi đi gặp Sylvie. Cô ấy mới phát hiện các áo sơ mi nữ đang bán hạ giá ở Saint-Charles. Ngoài ra, em còn chưa mua xong vật dụng năm học mới cho Garance, rồi bọn em chiều nay đi...

Một buổi mua sắm. Thế là chấm dứt ở đây được rồi. Anh chụp lấy cơ hội:

— Em yêu, nghe này, ta gọi lại chút xíu nữa nghe? Các cuộc hội thảo sẽ bắt đầu trong mười phút nữa, anh phải xuống đó.

— Vâng... Nhưng anh thấy con gái mình bắt đầu điệu đàng biết bao! Nó đáng yêu lắm. Sáng hôm qua, trước khi đi học nó đã thay đổi áo quần hai lần... nó mặc quần jean trước rồi nó thấy cái áo sơ mi có hoa không hợp...

— Clara, anh phải đi đây!

— Vâng, anh yêu... Em gọi anh sau. Hôn anh.

— Hôn em.

Pierre đặt mạnh cái điện thoại xuống bàn đầu giường. Clara không những làm hỏng bữa ăn sáng của anh mà còn đụng ngay đến vấn đề từng gây cho anh bực dọc nhất từ mấy tháng nay: giáo dục hai đứa con gái, Garance và Sixtine. Mới mười tuổi đầu mà hai chị em sinh đôi này đã tưởng mình là ca sĩ Britney Spears không bằng. Quần jean trễ cạp, dây cột lòng thòng, áo sơ mi chẽn bó sát người, phần trên hợp với phần dưới hay cố ý cọc cạch, còn tùy mà, nhưng bao giờ cũng sau vài cuộc "buôn chuyện" dài dòng vô bổ và vài vòng ra vào các cửa hiệu áo quần. Cách đây một hay hai năm anh còn làm được chuyện là kéo mọi người cùng đi chơi bằng xe đạp ở mấy vùng biển đá, nhưng hiện nay thì đành chịu. Chiều thứ bảy hai cô nương nhắm hướng Bonneveine, một trung tâm thương mại ở Marseille, mà trực chỉ, cùng với bà mẹ. Và bộ ba này đâu có bằng lòng với các tiệm Zara hay H&M. Một hôm Clara về nhà với bộ quần áo "hấp dẫn" cho Garance mua ở tiệm Marie-Puce. Giá mua: 300 euro trả bằng thẻ tín dụng Visa Premier trên tài khoản chung của hai vợ chồng. Buổi tối, mặt đối mặt, Pierre bảo vợ lưu ý là tiền lương anh tự trả cho mình ở công ty nhỏ của anh đã không tăng từ năm năm nay, trong khi những chi tiêu gia đình cứ tăng đều đều từ 5 đến 10 % mỗi năm, chưa kể các thứ thuế địa phương, tiền trả các buổi chữa trị tâm lý cho vợ, tiền học trường chuyên dành cho con nít phát triển sớm, nơi đã phải gởi Gaétan đến "vì đứa bé này chán học và ta không nên làm hỏng một tài năng như thế". Ngược lại, khi Pierre muốn lắp đặt ADSL[19] và kết nối hai máy tính bằng Wifi, Clara lại làm mình làm mẩy, cho rằng việc này sẽ còn mang thêm virus vào nhà.

"Đời là thế," anh tự nói với chính mình, "cũng đành theo số má thôi! Người đàn bà mà ta cưới hồi hai mươi lăm tuổi không thể cùng là người đàn bà lúc bốn mươi..."

Khi đến phòng ăn khách sạn Overlord, Pierre biết mình chỉ còn vừa đủ năm phút để uống vội một tách cà phê. Những đại biểu sắp nhanh chóng vào ngồi đầy cái hội trường lớn. Bây giờ đã quá trễ để anh bắt đầu cho thử máy móc ở phòng điều khiển, nhưng Bernard, trưởng nhóm kỹ thuật, chắc chắn là đã lo liệu việc này. Mặc dù... Từ ngày đầu tiên của đại hội, thứ bảy trước, Pierre đã thấy các nhân viên kỹ thuật của mình thường có giờ giấc lộn xộn, ngược lại với các nữ đại biểu, họ lúc nào cũng đúng giờ. Ở tầm mức cao, tính đúng giờ, đúng hẹn là sự lịch thiệp của các nữ hoàng, anh tự nhủ. Vậy mà sáng nay, về chuyện đúng giờ, anh lại không vương giả chút nào, còn thua mấy tên nhân viên của mình. Và anh thấy hối hận. Tổ chức Women's Annual Congress là một trong những khách hàng lớn của S3E (Sonorisation, Éclairage, Équipement informatique et Électronique)[20]. Đây là không phải lúc để mất thị trường này.

Anh ngồi xuống chiếc bàn trống đầu tiên và tìm cách gọi các nhân viên phục vụ đang bận tíu tít. Hai tên hiến binh mặc quân phục đang đứng nói chuyện ở cửa ra vào với viên giám đốc khách sạn. Ngoài sân hiên, không còn bàn trống, và bên trong người ta chen chúc nhau.

"Tương phản nhau quá!" Pierre tự nhủ, mắt nhìn về phía bãi biển.

Vì biển sáng nay thấy lặng và sáng như một cái hồ trên núi. Gió khá nóng hôm qua đã ngừng thổi trong đêm. Vài vết màu xanh nhạt xuất hiện trên mặt nước khiến ta đoán là có những dải cát trắng rộng lớn ngoài xa. Nước chỉ cần trong thêm chút nữa thì từ sân hiên người ta hẳn là thấy ra những con cá hồng quẫy vây hay tắm nắng dưới những tia mặt trời đầu tiên.

Nhưng chẳng ai sẽ nhìn chúng cả. Ở cuối bến nổi bằng gỗ tếch chìa thẳng ra trên mặt nước, những cái bàn nằm chỗ tốt nhất bị mấy đám đàn bà chiếm cứ, họ còn kéo thêm ghế vào ngồi cho đông. Trời nóng nhưng

không chị nào mặc áo đầm mỏng. Phần lớn các chị mặc đồ veste bộ với quần dài thuần màu đen hay có sọc nhỏ, vải prince-de galles[21], hay áo may bó sát người, nói chung quá nóng vào mùa này. Những chị thoải mái nhất thì mặc quần jean và áo sơ mi không ống tay để lộ những đôi vai rám nắng. Pierre có cảm tưởng mấy chị này quan sát lẫn nhau như những con thú cùng giống, hất hàm hay vẫy tay chào nhau để tránh đến gần nhau. Phần lớn họ có vẻ lo ngại, các xắc tay bóng nhoáng màu đen hay sáng rực, đặt dưới đất kẹp giữa hai chân. Một phản xạ của mấy chị thị dân ngay ngáy lo mất trộm. Pierre nhận ra, từ xa, phong thái "nữ doanh nhân đi nghỉ mát về" còn bị stress ngay cả trước khi bắt đầu làm việc lại. Loại đàn bà làm anh khó chịu.

Vài chị đứng đây, đứng đó, tay cầm tờ báo, nhíu mày. Các chị khác thì gõ lên sổ nhật ký điện tử của mình. Đối diện với bầy business women[22] này, trong đó có thêm, theo anh thấy, vài nữ diễn viên và ngôi sao truyền hình, Pierre cảm thấy nhỏ nhoi, tầm thường, lạc điệu. Đồ tỉnh lẻ, như dân Paris hay bĩu môi. Nhưng xét cho cùng, đó là cái phận quèn của anh mà: chỉ là một tên cung cấp trang thiết bị cho hội nghị, không hơn không kém, giữa những tên cung cấp khác... ngay cả khi có sự thông cảm lẫn nhau giữa anh và nhân vật thứ hai của Women's Congress, người đàn bà Pháp độc nhất trong ban chấp hành hội, tên là Christelle Loric. Chính nhờ bà này "đẩy" mà từ ba năm nay anh nhận được thị trường béo bở này.

Pierre tìm cách nhận diện các khuôn mặt có tiếng giữa đám đàn bà. Anh đọc trên tờ *Le Figaro* do khách sạn đưa tận phòng là Hillary Clinton[23] sẽ đến dự. Có cả Ségolène Royal[24] nữa, cũng như vài tổng giám đốc lớn như Indra K. Nooyi, điều hành công ty Pepsi-Cola ở Ấn Độ. Đây là lần thứ ba anh phụ trách bộ phận hậu cần điện tử cho Đại hội, và anh nhanh chóng nhận ra rằng sự tập hợp này, mà thoạt đầu anh thấy nó như một cuộc trình diễn cho vui của đám đàn bà đang cần sự chú ý của giới truyền thông, là một

định chế. Điểm hẹn không thể không đến của những người phát ngôn cho sự nghiệp phụ nữ trên thế giới. Một loại gặp gỡ thượng đỉnh toàn cầu của Nữ giới, với chữ N lớn. Những bài diễn văn lịch sử đã được đọc lên ở đây, nói về thân phận đàn bà ở các nước Hồi giáo, cuộc đấu tranh cho bình đẳng lương bổng hay là những hậu quả của một chiến thắng phụ nữ trong cuộc bầu cử tổng thống Mỹ. Pierre nhớ lại hình ảnh của Benazir Bhutto[25] hay Ingrid Betancourt[26] chụp trước viện bảo tàng Cuộc Đổ Bộ. Vài người đàn ông được WAC mời đến nghe diễn từ hay làm diễn giả nhưng ta thấy họ chỉ xuất hiện lúc gần cuối đại hội. Thậm chí những nhà báo nữ cũng mặc váy lót – hay nói cho đúng hơn, theo như anh thấy trước mắt, bộ veste với quần dài theo thông lệ.

Tổ chức WAC là thị trường bự nhất, bỏ xa các thị trường khác, mà công ty S3E, mới có bảy năm hiện hữu, đã giành được. Nhưng nhờ có cái tiếng làm cho WAC này mà S3E ngày càng nhận thêm hợp đồng ở Paris đến mức Pierre đã nghĩ đến chuyện rời bỏ Marseille. Clara đã la làng khi nghe đến chuyện "lên lại" Paris, quên mất là mình đã bị trầm cảm khi phải "xuống" Marseille vài năm trước đó. Nhưng Clara thì lúc nào cũng đồng bóng như vậy mà!

Một tên bồi mặt không cạo râu, cuối cùng cũng đến gần anh.

— Cà phê, thưa ông? Hay ông muốn dùng thứ khác?

Giọng khô khốc.

— Không, tôi đã bị trễ... tôi đang vội.

— Ông không phải duy nhất mà.

Tên bồi bàn đưa tay lấy tách của Pierre, rót cà phê vào, đặt lên bàn nhưng quên để lại trên dĩa lót. Nước cà phê tràn ra ngoài tách làm bẩn khăn trải bàn. "Một tên làm phụ thêm đến từ Paris", Pierre nghĩ thầm, tin

rằng những bồi bếp ở tỉnh thì bao giờ cũng dễ thương hơn những đồng nghiệp Paris của họ. Nhưng xem nào, hình như hắn đang xin lỗi.

— Cảm ơn, anh ân cần lắm, - Pierre nói khi bỏ một cục đường vào tách. - Nhưng nói tôi nghe chuyện gì xảy ra ở khách sạn hôm nay vậy? Hồi nãy, tôi thấy người ta khiêng một người bị thương trên cáng...

Tên bồi đang bỏ đi liền quay gót trở lại.

— Ông không biết à? Phòng 112. Một cô người Thụy Điển bị khó ở chiều hôm qua. Bác sĩ đã đến khẩn cấp tối qua. Ông ta cho là dị ứng nên không đưa vào bệnh viện. Chẩn bệnh sai mà, theo ý tôi. Đúng hơn, tôi muốn nói là...

— Rồi sao nữa?

— Sáng nay người ta thấy cô đã hôn mê sâu, đang ở trong tình trạng nguy kịch, có vẻ thế. Đó là một quản đốc viện bảo tàng. Một cô nàng trẻ đẹp, tôi bảo đảm với ông đó! Nhưng mà hơi kỳ quặc: trưa hôm qua cô ta hỏi tôi trà Darjeeling... rồi khi tôi mang trà đến, cô ta lại bảo rằng cô đã gọi một double-crème[27] mà! Đâu thua bà chằng! Thế mà tôi cứ tưởng năm nay dễ chịu lắm. Họ đến ít đông hơn thường lệ, mấy bà superwomen[28] này.

Pierre không nhìn tên bồi rời đi. Anh đã cầm lấy cái điện thoại di động để đọc tin nhắn đến hồi nãy, khi anh ra khỏi phòng. Do Franck gửi đến, Franck là một đồng nghiệp cũ, được đào tạo bài bản ngành tin học như anh, đang làm cho một PME[29] ở Aixen-Provence, và ngày thứ bảy thường chơi bóng rugby với anh.

MUỐN GỬI FAX CHO MÀY. SỐ FAX?

Hắn hẳn là muốn điện thoại cho mình mà không được đây. Khi các hệ thống phủ sóng bị giới hạn thì đôi khi các tin nhắn SMS vẫn đến được mà. Pierre ấn phím “gọi lại”, đề phòng trường hợp hệ thống hoạt động lại, để

thử liên lạc thẳng với Franck. Tiếng bip-bip đứt quãng, đường dây bị bận. Anh để máy di động trên khăn bàn trắng và thấy thông báo của hãng điện thoại hiện trên màn hình: *Hệ thống bị tắc nghẽn.*

Anh thử gửi tin nhắn, may quá, nó chạy lần này. Franck sẽ có câu trả lời của anh, càng tốt chứ sao. Số fax của khách sạn được in ở cuối trang thực đơn nằm chình ình trên bàn.

Pierre chen lách một cách khó khăn ra khỏi đám người tụ tập như cơn lốc xoáy trước phòng lễ tân Overlord và tiến về hội trường mang tên Eisenhower[30] nằm ở khu nhà sau. Anh rảo bước nhanh hơn. Các nhân viên kỹ thuật chắc sốt ruột vì sự vắng mặt của anh. Nhưng họ chắc cũng mang cùng nỗi lo âu như anh. Internet bị tê liệt. Sự cố tê liệt này lạ lùng quá. Lại khác dạng thông thường nữa. Nó gây cho anh những mối bận tâm kỹ thuật, nhất là sự can thiệp vào hệ số song công[31]. Anh đã làm việc với Bernard tới hai giờ khuya để hoàn chỉnh các giải pháp. Khiến đầu anh ê ẩm. Nhưng Franck... liệu hắn có thể có cái gì khẩn cấp đến nỗi phải nói chuyện với anh?

Bất ngờ một hình ảnh ngay lối vào hành lang dẫn đến hội trường làm anh đứng phắt lại. Trước mắt anh, những tấm ảnh của các đại biểu lần lượt xuất hiện trên một trong những màn hình được lắp đặt cho hội nghị. Toàn đàn bà không à, chắc chắn vậy rồi. Năm giây cho mỗi người. Chính anh là người đã điều chỉnh phần mềm mà. Nhưng anh đã không để mắt kiểm tra kỹ thuật toàn bộ hình ảnh. Thế rồi ngay đó, trên hàng chữ sáng, đỏ, *Welcome to WAC*[32], chung cho tất cả hình ảnh, vừa hiện ra khuôn mặt mà anh quen biết. Từ lâu lắm rồi. Trước khi tiểu sử của nàng được đăng trên các trang "Tài chánh" của tờ *Wall Street Journal* rất lâu. Tuy nhiên anh đã không thấy tên nàng trong tờ chương trình. Anh bước đến gần để đọc hàng chữ dưới bức ảnh:

Emma Shannon, khách mời danh dự

— Emma! Thật không ngờ! - Anh lẩm bẩm, bất giác hé miệng mỉm cười.

Anh đã quen biết người đàn bà Mỹ này mười hai hay mười ba năm trước, khi anh tìm được công việc đầu tiên ở hãng Supra Data, thời mà anh còn làm việc ở Paris. Rất lâu trước khi anh xuống La Canebière[33]. Đó là một người đàn bà tóc nâu, gầy và cao, mang dòng máu Pháp qua bà mẹ, và ông bố làm việc trong ngành ngoại giao Mỹ. Nàng xinh đẹp, nhưng không đến nỗi làm người ta ngã ngửa, đúng hơn thuộc loại càng nhìn ta càng thấy đẹp ra. Chắc là nhờ mái tóc mềm, để dài ngang lưng. Răng nàng trắng và ngay hàng thẳng lối không chê được như người ta biết làm thế ở Hollywood, nhưng đủ nhọn, than ôi, để làm xước sàn gỗ. Emma Shannon đã lớn lên ở năm hay sáu nước khác nhau, học hành ở những trường trung học tốt nhất, rồi nàng tốt nghiệp đại học Harvard trước khi đến học tiếp ở Sciences-Po Paris[34], chắc là để ghi thêm một hàng độc đáo trên bản CV[35] của mình. Ở hãng Supra Data, nơi Emma trụ lại ba năm, nàng có tiếng là làm ăn hiệu quả trong công tác thương mại, nhưng ít mềm dẻo, không chịu được những cuộc họp bắt đầu trễ. Và nàng không ngớt than phiền về cung cách làm việc của người Pháp. Vả lại nàng đã quay ngay về sống ở Mỹ khi bắt được cơ hội đầu tiên. Vào thời kỳ nàng và Pierre cùng là đồng nghiệp, hai người đôi khi đi chung đến gặp khách hàng và ăn tối chung năm hay sáu lần, không hơn thế. Cái nhịp quan hệ bình thường của một tình bạn bề ngoài.

Nhưng cú siêu đẳng của Emma, thì anh chỉ khám phá ra hai hay ba năm sau đó. Cô Shannon trở thành người tình của Dan Barett, người sáng lập ra hãng Controlware – ngay từ hồi đó đã là một tay quyền lực nhất trên hành tinh tin học. Thực ra, chuyện tình của hai người đã bắt đầu ngay từ giảng đường đại học Harvard vào những năm cuối 1980 và gián đoạn khi Emma đi Pháp. Nhưng khi nàng trở về Mỹ, cuộc tình hồi sinh, mà lại ảo hơn là thực lần này. Ở trong hai thành phố cách nhau hàng ngàn cây số, hai người

tình chọn đi xem cùng một phim cùng giờ giấc rồi điện thoại cho nhau sau đó để trao đổi cảm tưởng của mình. Mỗi người lắp đặt webcam trong căn hộ của mình để có thể đối diện nhau, khi thì ăn sáng, khi thì đi tắm, bằng truyền hình trực tiếp. Thư điện tử, MMS[36], tin nhắn SMS nối tiếp nhau ngày, đêm, khi trên giường, khi trên máy bay. Hơn nữa, trong cuốn tự truyện *Những bộ nhớ của tôi* (khả biến)[37], Barett gợi lại nhưng không nêu tên mối quan hệ của mình với Emma. Đặc biệt, ông đã kể lại chuyện tuy ở Boston nhưng lại kết bạn tình với người đàn bà ở San Francisco, ông đã áp dụng các hệ thống số để sống với nàng từ xa.

Cái dây rốn kỹ thuật này chắc là trở nên không đủ, bởi vì hai anh, chị tiên phong cho cuộc sống chung ảo này lại chia tay thêm một lần nữa vào năm 1999, "do không cùng có chung những ưu tiên trong cuộc sống" (chi tiết này không có trong sách của Barett nhưng xuất hiện trên một mạng Internet không được phép). Ngay sau đó ông chủ của Controlware lập gia đình với Amelia Gender, nhưng tin đồn quả quyết rằng ông đã cho ghi vào trong hôn ước một điều khoản cho ông cái quyền mỗi năm được sống một "cuối tuần lớn" với Shannon. Bảy mươi hai giờ "động não ráo riết" để cho, một cách chính thức, hai nhân vật tìm gặp lại nhau để suy nghĩ về tương lai của thế giới, của những kỹ thuật, của con người, v.v...

Pierre đọc trên tờ chương trình, Emma từ nay là CEO and co-founder[38] (chủ tịch và đồng sáng lập) của Berkings & Shannon. Tên của công ty này hoàn toàn xa lạ với anh. Rồi một ý tưởng hiện ra một khoảnh khắc trong đầu anh, rằng Emma đâu có danh tiếng gì to tát để biện minh cho sự có mặt của nàng ở đây, giữa những *executive women*[39] tầm cỡ thượng hạng, nàng được mời đến nhờ mối quan hệ với Dan hơn là nhờ tài cán của riêng nàng. Suy nghĩ kiểu này chắc sẽ làm nàng công chúa Shannon giận tím mặt. Tấm ảnh, ngược lại, phản ánh đúng chân dung nàng mà anh còn giữ trong trí nhớ. Emma đã không thay đổi nhiều lắm trong mười hai năm qua.

Pierre tự nhủ gặp lại nàng thì cũng vui thôi.

Trong phòng điều khiển máy móc của hội trường, mọi sự có vẻ hoạt động bình thường. Năm nhân viên kỹ thuật đang ở vị trí của mình. Pierre đi kiểm tra để các mi-crô và máy tính hoạt động tốt ở các phòng họp phụ, nơi các hội thảo nhóm – workshops, như mấy quý bà này nói – bắt đầu lúc 10 giờ như đã định. Rồi anh trở lại sân hiên: nữ tổng thống nước Chi lê, Michelle Bachelet, sẽ nói chuyện ở đây trong buổi ăn trưa. Hai kỹ thuật viên đang hối hả lắp đặt các màn hình chuyển tiếp và mấy cái loa to đùng.

Anh bỗng nghĩ đến lại lá thư fax của Franck. Nó có đưa ra lời giải thích nào về việc Internet bị tê liệt không? Từ ngày bắt đầu làm việc trong lãnh vực tin học, Pierre đã thấy đủ thứ chuyện thượng vàng hạ cám, nào sự cố, nào virus, nào bug... Thông thường, anh hiểu khá nhanh các nguyên nhân. Hay là anh nhờ một tên bạn, cựu thành viên của nhóm Doomsday[40], nói cho biết rõ. Doomsday hồi đó là một băng bạn thân, trong những năm 1980, vui đùa bằng cách trộm các chương trình tin học. Chẳng có gì độc hại lắm đâu, chỉ là những sự đột nhập nhỏ nhặt và thú vị, chính là để chứng tỏ mình giỏi hơn thôi. Mỗi khi có ai giới thiệu anh là một cựu tin tặc, Pierre phản đối quyết liệt. Cũng như anh, phần lớn những tên bạn thân tin tặc đó đã quay về chính đạo. Họ đã tìm được việc làm lương cao ở các bộ phận nghiên cứu thuộc các công ty sản xuất phần mềm chống virus.

Anh nhớ lại virus Slammer vào năm 2003 đã tấn công ngay trung tâm hệ thống Internet và thâm nhập, bên cạnh các nạn nhân khác, nhà máy nguyên tử Davis-Bess ở bang Ohio, Mỹ. Và chính một trong những tên bạn ngày xưa đó đã tìm ra đầu tiên miếng đánh trả. Ngày nay Internet được bảo vệ nghiêm nhặt. Hệ thống được ghép đầy những bộ phận dò bắt đủ sức báo động đến các chuyên viên mỗi khi có cái gì bất thường xuất hiện, ví dụ như giao lượng nhiều (hay ít) bất thường trên một mạng hay một nhóm đang

“chat”. Trên nguyên tắc, phải cần gần hai giờ để các chuyên viên nhận diện triệu chứng mới và kích hoạt các phương tiện phòng chống. Một cuộc tấn công, theo những tên sành sỏi trong nghề, chỉ có thể gây thiệt hại lớn nếu nó vừa ào ạt, vừa được lan truyền rất nhanh. Dưới mười phút, nói cho chính xác. Về mặt lý thuyết, tình thế giả định này là bất khả. Về mặt lý thuyết... Pierre quá rành tin học để không biết là trong lãnh vực này những định đề thường bị thực tế bác bỏ.

Nhưng sự cố tê liệt xảy ra ngày hôm nay thì sao? Điều đáng lo ngại, ngoài chuyện thời gian kéo dài, là chưa ai tìm ra được nguồn gốc. Và việc các hệ thống điện thoại di động bị tắc nghẽn cũng gây khó khăn cho sự trao đổi giữa các chuyên viên.

Anh đi đến quầy lễ tân. Thực vậy, một thư fax đang chờ anh. Trong khi nhân viên lễ tân rời quầy đi lấy nó, anh đưa mắt nhìn lên màn hình TV treo sau quầy; trên đài *TF1*, bản tin ngắn đặc biệt lại dài dòng với hình ảnh dòng người sắp hàng trước quầy check-in ở các phi trường Nice và Orly. Một quan chức SNCF[41] đọc như thuộc lòng trước mi-crô bản tuyên bố khuyên khách hàng ngừng đặt chỗ trên trang mạng *sncf.com.* Tiếp theo, người ta nghe cái giọng như dế gáy của phóng viên thường trú của đài ở Seoul nói qua điện thoại, cho biết là khắp Hàn Quốc hệ thống di động và Internet đều bị tê liệt từ vài giờ nay, và ở nước đó, sự cố đã biến thành nỗi kinh hoàng tập thể.

Thực vậy, thư fax của Franck liên quan đến việc Internet ngưng trệ. Đó là một bài báo bằng tiếng Anh, viết cho ấn bản trực tuyến của *Zdnet,* một tờ báo chuyên ngành, mà chính Franck đã nhận được qua fax. Pierre bắt đầu đọc nó khi đi bộ lên cầu thang, vì lần này các thang máy đều ngừng chạy.

Một cuộc tấn công ồ ạt làm tê liệt cột sống Internet

David Blast và Terry McGuire

Zdnet.com

Washington, thứ ba 11 tháng 9-2007, 11 giờ 30.

Một cuộc tấn công ồ ạt được sửa soạn và phối hợp công phu, bắn trúng tim hệ thống Internet từ 8 giờ 46 phút. FBI[42] xác nhận chắc chắn đây là cái mà các chuyên viên gọi là một sự từ chối dịch vụ được phân tán (distributed denial of service). Kiểu tấn công này gây ra hiện tượng các dữ liệu chạy dồn dập trong các hệ thống cho đến khi chúng bị nghẹt ứ. Biết cuộc tấn công này từ đâu ra không? David Wray, phát ngôn viên của Trung tâm quốc gia bảo vệ các cơ sở hạ tầng, trả lời rằng còn quá sớm để biết được nguồn gốc và những tác nhân của hành động nguy hại này. FBI xác nhận rằng mười trên mười hai máy chủ sơ cấp bỗng dưng ngừng hoạt động, tất cả cùng một lúc, ngày thứ ba, lúc 8 giờ 46 phút. Cuộc tấn công còn tái diễn một giờ sau đó và đã làm tê liệt máy chủ thứ mười một. Những máy tính này, được gọi là máy chủ sơ cấp (hay root server, máy chủ gốc), lập thành bộ phận đầu não thực sự của Internet. Thực vậy, khi người sử dụng Internet gởi một thư điện tử hay truy cập vào một trang mạng, cái địa chỉ mà họ đánh vào (ví dụ như www.cnn.com) phải được phiên sang một con số. Con số này thì gồm bốn lốc, mỗi lốc có ba ký hiệu đi từ 000 đến 255 (ví dụ như 234.020.123.143) và được gọi là địa chỉ IP, đây mới là địa chỉ thực sự của trang mạng. Nó được lưu trữ trong các máy chủ sơ cấp đáng chú ý này, nằm rải rác khắp thế giới. Như thế các máy chủ hoạt động như những niên bạ khổng lồ mà hàng triệu người vào tham khảo hàng ngày.

Một cuộc tấn công trước đó, nhắm vào các máy chủ sơ cấp đã xảy ra vào tháng mười hai năm 2000. Amazon, eBay, Yahoo và các tên tuổi lớn trong lãnh vực thương mại điện tử đã bị phong tỏa nhiều giờ liền. Nhưng vào thời đó chỉ có tám máy chủ bị virus thâm nhập và hệ thống toàn cầu chỉ đơn giản là bị chạy chậm lại.

Sự từ chối dịch vụ là một phần của những mũi tấn công đột ngột vào Internet,

nhưng cuộc tấn công ngày hôm nay hình như rộng khắp và bạo liệt chưa từng thấy. Người ta lo ngại rằng cả mười ba máy chủ đều cùng bị chặn, trước khi có thể sửa chữa kịp. "Sự phong tỏa tuyệt đối chỉ là vấn đề vài giờ thôi, có lẽ vài phút, theo lời tuyên bố của Louis Touton, phó chủ tịch của Internet Software Consortium. Đó là một cuộc tấn công ồ ạt nhất mà chúng ta biết được trong lịch sử Internet." Nhiều vị trách nhiệm của những máy chủ sơ cấp mà chúng tôi liên lạc được xác nhận lời tuyên bố trên nhưng yêu cầu giấu tên. Một người trong số họ đã dùng từ "sóng thần tin học"[43].

Tới tầng của mình, Pierre buột miệng chửi thề. Anh đã hiểu cái gì giấu đằng sau vài từ kỹ thuật dùng trong bài báo: đây chính là một cuộc động đất tin học, một cơn sóng thần loại mới. Internet là mục tiêu của một virus hủy diệt. Một con sâu bọ hung hãn và dai dẳng hơn cả Blaster, Slammer, SoBig và tất cả dòng vô tính của chúng được lưu thông trong mấy năm gần đây.

Quá trình tấn công thì đơn giản. Một virus cách mạng, kín đáo trong cách tiếp cận, đủ sức tự kích hoạt vào ngày, giờ tự chọn, đã được phân tán – chắc là qua thư điện tử – trong hàng triệu máy tính. Con virus này đã biến tất cả bộ máy tính này thành ma quỷ, thành nô lệ tuân lệnh một cách mù quáng. Và tất cả đám ma quỷ này, vào một khoảnh khắc định trước và đồng thời, gửi những đòi hỏi đến những máy chủ trung tâm của Internet, gửi nhiều đến nỗi chúng làm tê liệt cả hệ thống.

Tuy nhiên, một sự cố tê liệt như thế có vẻ khó tin. Bởi vì, ngoài mười ba máy chủ DNS sơ cấp mà bài báo nói đến, còn có hàng ngàn máy chủ gọi là "gương" được dùng như thể là những niên bạ trung gian; khi một người sử dụng Internet tìm kiếm một trang mạng, lời yêu cầu của họ không đi thẳng đến máy chủ sơ cấp mà đến một trong những máy chủ "gương" để được xử lý. Nhưng sự thể có vẻ không tin được là mấy máy chủ "gương" này cũng đều bị tê liệt hàng loạt. Ngoài ra, Pierre tin rằng chuyện mười ba máy chủ

đáng chú ý trên đều bị khuất phục cùng lúc là điều gần như bất khả. Chúng, tất cả, đều được trang bị với những hệ thống an ninh đủ sức báo động ngay khi mức độ trọng tải lên quá cao, ít nhiều giống như một con sông dâng nước đe dọa tràn bờ. Nếu các tín hiệu báo động này không hoạt động, có phải điều này có nghĩa là chúng đã bị vô hiệu hóa bởi ai đó làm việc ngay bên trong các phòng chứa các máy chủ này không?

Một giả thuyết khó mà nuốt cho trôi. Phần lớn những máy chủ, trong thực tế, là do các trường đại học nắm giữ. Về mặt nguyên tắc, một tin tặc không tấn công vào những tổ chức kiểu này. Cộng đồng tin tặc sẵn lòng chọn lựa những tập đoàn công nghiệp lớn, những doanh nghiệp độc quyền, hay Dan Barett, nhưng không bao giờ tấn công các cơ sở giáo dục hay các hội đoàn phi lợi nhuận. Một kỷ luật không chính thức được tôn trọng trong lòng cộng đồng, một quy tắc về hạnh kiểm tốt của quý ông tin tặc. Họ nghe Bob Dylan hát *Khi ta chọn sống ngoài vòng luật lệ, thì cũng phải chọn làm người lương thiện.* Họ ngưỡng mộ Legion of Doom và Chaos Computer Club, nhưng thực ra họ tìm cách phá hủy thế giới thì ít hơn là tìm cách chỉ ra cách nào để thế giới vận hành tốt hơn. Phải chăng cái hiệp ước ngầm giữa các hiệp sĩ tin học đã bị hủy bỏ?

Pierre có trực cảm là anh đang chứng kiến một cuộc tấn công không những mang tầm cỡ khác hẳn những cuộc đụng độ tin học lẻ tẻ, nhỏ nhoi mà thế giới từng biết đến nay, mà nó còn nhắm đến mục tiêu rất khác nữa.

Phía dưới trang thứ hai Franck viết vội vài chữ. Dưới ánh sáng được làm dịu trong hành lang, Pierre thấy khó nhận ra nét chữ li ti của tên bạn mình. Anh đi vào phòng và để lá thư fax dưới ngọn đèn halôgen trên bàn giấy. Lúc đó anh mới đọc được rõ rệt:

"*Pierre, lần này chính là Đại Số Dách*"[44].

Đại Số Dách được gạch đít ba lần. Pierre ngồi phịch xuống giường, đầu

như phát điên. Không thể nào như thế được! Tay Franck này cường điệu quá đi.

Đại Số Dách. Con virus tột cùng. Không ai trên đời này có thể chống đỡ nó được. Nó sẽ làm tan tành các hệ thống. Làm tê liệt các máy móc, các trang thiết bị hiện đại. Các máy chủ của các doanh nghiệp, các đài kiểm soát không lưu, các tổng đài điện thoại, các sở chỉ huy an ninh, các nhà máy nguyên tử, v.v... và Pierre cũng biết đoạn tiếp theo. Đại Số Dách, đó là bệnh dịch hạch số, là bệnh thổ tả của xã hội điện tử. Bệnh truyền nhiễm ảo không ai biết thuốc giải độc.

Đó là cơn mộng dữ lâu đời của những ai trong nghề tin học. Cơn mộng dữ này giờ đây đang thành hiện thực.

3

Ngày trước...

Lúc khởi đầu đã có Ngôi Lời

Ngôi Lời là Thiên Chúa

Và ta chính là Thiên Chúa[45]

Khi anh lên mười thì vua Louis XIV[46] mê hoặc anh. Lên mười hai thì Napoléon[47]. Dân Pháp giả bộ tin rằng hoàng đế của họ thì cách mạng hơn Thái Dương Vương của họ. Nhưng theo anh thì hai nhà vua này không khác nhau lắm. Thực ra, anh chỉ quan tâm đến một chuyện thôi: làm sao bằng họ. Ghi tên mình, giống như họ, vào Lịch sử. Thế nhưng, chính sự tình cờ đã đưa anh đến trước mặt cái bí mật trong sự vĩ đại của họ. Cái bí mật sẽ giúp anh khắc sâu mãi mãi vào trí nhớ của con người. Hơn thế nữa: sở hữu trí nhớ đó.

Cho tới ngày hôm nay anh là người duy nhất nắm trong tay cái sự thật phi thường này. Em, người bạn tâm tình lâu năm nhất của anh, nếu em chịu khó nghe anh tới cùng, em sẽ trở thành người được ký thác một điều bí mật vĩ đại mà bao đời vua Pháp, trong suốt ba thế kỷ, đã khư khư giữ kín như bưng. Hàng trăm người đã chết vì nó... nhưng từ nay về sau nó có thể cứu vớt hàng triệu con người. Việc này chỉ còn tùy thuộc vào em thôi.

Trong từ vựng tiếng Anh có vài thành ngữ Pháp rất phổ biến. Ví dụ như

“Rendez-vous” chỉ những cuộc hẹn hò tình tứ. “Fiancée” (vợ chưa cưới) hay “Café” (quán cà phê), cũng vậy. Nhưng thành ngữ mà anh thích hơn là “Cherchez la femme” (Tìm đàn bà cho ta). Ngay mấy tên lái taxi người Porto-Rico ở New York cũng biết. Nó hiện thực ghê gớm. Ngay từ căn nguyên vạn vật bao giờ cũng thấy xuất hiện người đàn bà... Ngay cả nơi anh – một người mà đời sống riêng tư thì nền nếp và tẻ nhạt biết mấy, không hấp dẫn chút nào đối với giới truyền thông – thì chỉ cần tìm ra người đàn bà – là em đó, trong trường hợp này – để đưa anh ra ánh sáng. Bây giờ thì em biết chuyện rồi đó, bởi vì em đang đọc những dòng chữ này mà.

Mọi sự bắt đầu từ ngày 11 tháng 9 năm 2003, sắp gần hai năm rồi còn gì. Ngày tháng đó, chẳng thể nào quên được. Amelia đã phiền trách anh đã không ở Mỹ để dự buổi lễ tưởng niệm cuộc tấn công vào World Trade Center. Thiếu lòng yêu nước, nàng bảo. Anh tin rằng nàng không bao giờ hiểu được cách anh yêu và bảo vệ nước mình. Đúng là anh chẳng thích chút nào mấy thứ quốc ca, quốc thiều, mấy thứ cờ hiệu, mấy lá cờ nhỏ in hình ngôi sao mà đồng bào chúng ta thường gắn trên các *camping-cars*[48], hay mấy thằng khùng phất lên, phất xuống trong các sân vận động. Đó là lý do tại sao anh không thích thể thao. Ngoại trừ một chút bơi lội và chạy bộ buổi sáng.

Buổi sáng đó, chính thế, đúng buổi sáng mà mọi sự bắt đầu, anh đang chạy bộ trong công viên Versailles[49]. Anh không biết trên thế giới có một nơi đi dạo nào đẹp hơn nơi này không. Khi ta đã thấy ở đây những tia sáng mặt trời đầu tiên đến đánh thức những đài nước, những pho tượng, những cây cao bóng cả có tuổi đời trăm năm, khi ta đã thấy bóng tối bắt đầu lan dài trên Tapis vert[50] và vạch ra những đường ranh chập chờn trên các lối đi, khi ta đã thấy, khi chiều xuống, pho tượng Apollon[51] sáng rực dưới ánh mặt trời cháy đỏ, ta sẽ không bao giờ quên đâu. Ta trở lại. Mùa đông, trong sự tĩnh lặng của Hameau de la Reine[52]. Mùa hè, trong buổi vũ hội công

cộng dành cho du khách ở khoảnh vườn trước hồ nước Miroir (Gương). Versailles là một thỏi nam châm. Versailles là một người tình nữ. Versailles là ma túy. Ngay cả khi bận túi bụi suốt ngày khi ở Pháp, bao giờ chẳng thế, anh vẫn dậy sớm, năm giờ sáng, để chân mình đi theo những bước chân ngày xưa của Thái Dương Vương.

Vào thời đó, bao giờ anh cũng đến ngụ trong một cụm phòng của khách sạn Trianon Palace, không để tên thật. Anh bắt buộc phải dùng tên giả như thế vì tên thật của anh hầu như quá quen thuộc, ngay ở Pháp là nơi mà đôi khi anh còn có thể đi lại không ai nhận ra. Trời hơi mát lạnh, và một làn sương mù mỏng phủ lên Grand Canal[53]. Bằng bước sải dài, anh chạy dọc theo mặt nước, bờ phía Nam.

"Hai chục cây số một giờ, bạn chạy quá nhanh, chậm lại đi nào!" Tiếng nói tổng hợp đến tai anh thông qua mảnh che tai không dây nối với đôi giày báo cho anh biết khoảng cách đã chạy qua, vận tốc trung bình... và nhất là số lượng ca-lo-ri anh đã đốt. Anh cần tiêu chúng bớt: từ mấy tuần nay Amelia cứ làm áp lực với anh. Nàng không bỏ lỡ một cơ hội nào để chỉ đám mỡ bụng của anh đang có mòi bành trướng. Dạo này nàng ưa tố anh là đã buông xuôi quá nhiều chuyện bơi lội và chạy bộ. Nàng có lý chứ không phải chơi đâu, em à.

Không khí có màu be ngả về hồng, đầy hơi nước, tỏa ra mùi cỏ ẩm ướt không hẳn là mùi của đồng quê và cũng không hẳn là mùi của phố thị. Sau khi chạy bộ được mười phút, anh qua trước bể nước Apollon, và cũng như từ trước đến nay anh thấy cầm lòng không đậu, thích thú ngưỡng mộ vóc dáng vị thần Mặt trời trẻ trung này, tay cầm cương điều khiển chiếc xe tứ mã rẽ nước mạnh mẽ, có bốn thần biển đầu người đuôi cá và thủy quái bao xung quanh. Những tác phẩm điêu khắc của Tuby[54] sáng rực dưới ánh nắng đến từ phía Đông đã lôi cuốn một số người. Anh cũng bị lôi cuốn như

vậy nữa, anh thú nhận với em đó, dù anh hầu như muốn cưỡng lại.

Anh tiếp tục chạy chậm, ngược lại Grande Perspective: le Tapis vert, cái thảm cỏ dài cắt xén đều đặn với những bức tượng đặt dọc theo hai bên; bể nước Latone[55], một tác phẩm điêu khắc khổng lồ mà trên đỉnh là tượng bà mẹ danh tiếng Latone với các đứa con bám vào vạt áo đi theo. Nhìn về phía sau là một trăm bậc thang rồi tòa lâu đài nằm ngược sáng. Và khắp nơi là bóng của các vua chúa, của các hoàng hậu, của Hoàng đế, bóng của văn học và nghệ thuật. Thú vị cực kỳ! Lần nào cũng thế. Có vẻ như xa xôi lắm rồi, Thung lũng Silicon[56] với những ngôi nhà tầm thường nằm dọc theo xa lộ số 1, Manhattan[57] với những văn phòng treo trong mây, Boston với những khu vực riêng biệt tập trung chất xám, nơi mà anh đã chọn đặt hội sở cho Controlware cách đây hai mươi năm... Nước Mỹ, những thành phố thì yên bình, ít khi sinh chuyện, những khu tập trung các doanh nghiệp mà ký ức thì chỉ hai cái đĩa mềm là đã chứa đủ rồi. Nơi đây, trước cái viễn cảnh uy nghiêm và cổ lỗ, anh cảm thấy trào dâng trong người niềm vui thâm nhập vào Lịch sử. Cái lịch sử vĩ đại. Của nước Pháp, chắc thế rồi, nhưng vào một thời điểm mà nó cũng là lịch sử của thế giới nữa.

Trên khoảng vườn trước bể nước Latone, anh chạy quanh co, để tập luyện mắt cá chân, giữa những cây cam trồng trong các chậu to bằng gỗ, rồi anh ngừng để thở trước bức tượng của người vợ cưng của Jupiter[58].

"Thư giãn cổ". Tiếng nói của ông thầy điện tử lại vang lên, ra lệnh cho anh xoay nhẹ cái đầu nhiều lần nhằm thư giãn vùng cổ. Khi tập luyện anh bao giờ cũng làm tới nơi tới chốn, còn em, thời chúng ta còn chạy bộ với nhau, thì tập qua quít thôi, giống như đối với những thứ gì mà em thấy có vẻ không hữu ích hay hiệu nghiệm tức thời. Cằm anh vừa xoay đến vòng thứ mười và anh cũng còn mười vòng như thế theo chiều ngược lại, anh chợt nhận ra anh chẳng phải một mình ở đây.

Cách anh vài thước một người đàn ông cúi gập mình, tay cầm thước đo của dân hành nghề đo đạc, đang đo đường kính của bể nước Lézards[59]. Hay nói cho chính xác hơn, bể nước phía Bắc, bởi vì trong khoảng vườn của Latone có đến hai bể nước Lézards, đặt ở hai khoảng cách bằng nhau. Người đó độ ba chục tuổi, rất cao lớn, bộ dạng lêu nghêu, với khuôn mặt nhìn nghiêng sắc sảo, tóc hoe nhạt để dài từng lọn lưa thưa xuống cổ. Anh đưa mắt quan sát hắn ta chút xíu. Bể nước thì tròn, hắn có vẻ gặp khó khi cầm thước đo những vòng cung. Kỹ thuật của hắn làm anh ngạc nhiên: hiện nay, em biết rõ mà, đã có những cách đo đạc ít sơ đẳng hơn thế. Ngay cả ở Pháp.

— Hello![60]

— Chào ông!

Người đàn ông trẻ đứng dậy, nhìn anh chằm chằm, lộ vẻ tò mò. Hắn ta đã nhận ra anh sao?

— Tôi giúp anh một tay nghe?

— Vâng, cảm ơn, cảm ơn... Ông cầm giùm tôi cái thước. Ở đầu đó, được không?

Anh ngồi xổm, ấn ngón tay trỏ xuống dây băng dài của hắn. Sau này anh mới biết là hắn muốn đo khoảng cách từ đài nước Latone cho tới cuối khu rừng nhỏ có cây trồng dọc theo lối đi hoàng gia, phía bên trái, và để làm được thế, hắn phải băng qua bể nước Lézards.

— Có phải bạn là một trong những người làm vườn của lâu đài? - Anh hỏi. - Hay là thợ máy nước?

— Không hẳn thế.

— Tôi có thể hỏi bạn đang làm gì không?

Anh hỏi chuyện bằng tiếng Anh. Tất nhiên, tiếng Pháp của anh đã tiến

bộ vượt bực từ ngày ở đại học. Anh nghe như em lên tiếng rồi: “Nhờ em đấy”!... Vâng, chắc vậy thôi, nhờ em, nhờ vào những “giờ xanh” của đôi ta, những khoảng thời gian trải qua để cùng uống rượu vang sau khi ân ái, là lúc em nói tiếng Pháp với anh lấy cớ rằng những lời lãng mạn đến với em một cách tự nhiên trong ngôn ngữ này... Thực ra, tiếng Pháp của anh, xin lỗi em nghe, được cải thiện nhờ ông thầy dạy kèm mà anh thuê sau khi chúng ta chia tay. Vậy thì anh cảm thấy thoải mái với thứ tiếng này, nhưng, em biết rõ anh quá mà, anh ghét chuyện chỉ nói được một cách gần gần đúng...

Người đo đạc đứng dậy, trả lời bằng tiếng Anh rất được:

— Ông tò mò thật... Người Mỹ lúc nào cũng tò mò.

Anh không nói gì. Tên này có vẻ hơi kỳ quặc và anh không có ý định ở lại đây hàng giờ. Tuy vậy, hắn thở dài trước khi chịu thỏa mãn sự tò mò của anh.

— Tôi làm gì ở đây ư? Bộ không có vẻ hiển nhiên sao? Tôi lập bảng ghi chép đo đạc.

— Bằng tay à?

— Vâng.

— Có lẽ anh là chuyên gia trùng tu? Anh đo bờ đá đài nước này trước khi sửa chữa nó?

— Nó còn hoàn hảo mà!

Hắn bắt anh phải chơi trò đánh đố đây, nhưng, như em biết, anh dễ mất kiên nhẫn lắm. Hắn nhận ra ngay.

— Tôi đo nó để... mà đo nó, - hắn nói. - Vì tôi đã đo tất cả đài nước, tất cả bể nước, tất cả lối đi, tất cả khóm cây, tất cả pho tượng! Chiều cao của chúng, chiều rộng của chúng, chiều sâu cái bệ của chúng...

Lần này, anh tự nhủ hắn không bình thường chút nào. Em mà thấy áo quần hắn mặc! Quần jean quá rộng, đôi giày bóng rổ đầy bụi bặm, áo thun ngắn tay màu đen mang cái khẩu hiệu *"no future"*[61] màu trắng, viết bằng tay, theo phong cách Ben – tên họa sĩ người Pháp mà em đưa anh đến gặp trong một buổi dạ hội cách đây vài năm. Đôi má hõm, và đôi mắt đen, nhỏ, tạo ra hai kẽ hở hẹp trên khuôn mặt xanh xao.

— Đo nhiều vậy chắc phải mất nhiều tuần lễ!

— Nhiều tháng, ông muốn nói thế phải không? Tôi chỉ mới bắt đầu mà. - Hắn mở to mắt, như thể hắn ngạc nhiên vì anh không hiểu ngay từ đầu. - Để làm ra một bình đồ, chứ còn gì nữa!

Lần này chính anh lại thấy lúng túng. Hắn liếc quanh một vòng rồi hạ giọng:

— Có vẻ không tin nổi nhưng thực sự là không có một bản vẽ mặt bằng nào cho những ngôi vườn Versailles.

Hắn đúng là bất bình thường rồi... Không có bình đồ nào cho mấy cái vườn này à?! Lời xác định của hắn có vẻ quá ngu xuẩn đối với anh khiến anh chẳng buồn trả lời. Bản vẽ ư? Anh đã thấy chúng quá nhiều trong những cuốn hướng dẫn du lịch hay sách viết về lâu đài Versailles, những bản phác họa có lời bình đi theo, chỉ ra từng vị trí những bể nước, tên gọi cũng như ý nghĩa của chúng... Chỉ có tên nào khùng mới quả quyết là không có bản vẽ. Vào lúc anh sắp sửa quay gót thì hắn giữ anh lại.

— Xin ông đừng đi! Chúng ta chưa giới thiệu với nhau... Tôi là Bertrand Leroux, kiến trúc sư cảnh quan. Và ông?

— Barett. Dan Barett.

— Dan Barett! - Hắn vừa nói vừa quan sát cái tai nghe không dây của

anh. Anh cảm thấy ngay chút ít cái chuyện này rồi... - Ông đâu được coi trọng lắm ở Pháp, phải không? Bất kể hàng tỉ đô-la mà hiện nay ông tặng cho dân nghèo.

Anh chẳng muốn bàn cãi làm gì. Người Pháp – chúng ta thường nói với nhau về họ – không coi trọng những tên tỉ phú chút nào. Ngay cả khi những người này dành cả tài sản giàu có của mình để xóa đói giảm nghèo trên thế giới. Ở xứ sở này, người ta thích chính thị Nhà nước đứng ra giúp đỡ người nghèo hơn, bằng cách trích từ nguồn thuế thu từ người giàu.

May thay, Leroux đổi đề tài.

— Đồ che tai của ông trông lạ quá... Dùng làm gì vậy?

Anh đưa món đồ này cho hắn.

— Dùng để truyền tải thông tin đến tôi từ bộ vi xử lý gắn trong đôi giày. Tuyệt lắm đó bạn! Nó chỉ cho tôi biết khoảng cách, tốc độ, cường độ, tỉ lệ axit lactic và...

Leroux đưa mắt nhìn chỗ khác, lùi vài bước rồi cầm lại cái thước đo, bất ngờ tỏ ra hờ hững với lời anh nói, với sự hiện diện của anh. Làm như mấy thứ này chỉ là một chi tiết, nơi đây, trong khu vườn của các vua chúa. Ta có phải ở Mỹ đâu... Ở đó, bất cứ tên làm vườn nào cũng đã nhanh nhẩu ấn vào tay anh tấm danh thiếp của nó để xin việc làm.

— Ông nghĩ tôi kể chuyện ngớ ngẩn phải không? - Hắn thình lình buột miệng. - Ông đúng đó, có cả đống bản đồ, bản vẽ các ngôi vườn... Người ta còn phát không cho du khách ở cổng vào mà. Đúng là ai cũng biết tỏng cách thức các pho tượng, các khóm cây được bố trí ra sao, cái này thì tương quan với cái kia ra sao. Và cũng có những tranh khắc gỗ thời đó, những bản vẽ chi tiết và những bản vẽ tổng thể!

— Thôi nào! Vậy thì bạn đang làm cái quái gì ở đây?

Bộ tai nghe của anh cho biết cơ thể anh đang hạ nhiệt.

Lần này hắn đặt cái thước đo xuống đất.

— Điều mà ông không biết, - hắn nói có vẻ hăng lên, - là tất cả những bản vẽ này đều do mấy tên nghệ sĩ vẽ ra, chứ không phải do mấy nhà kỹ thuật! Hay là, ngày nay thì do mấy tên hành nghề tiếp thị đó! Ai nấy cũng nhào vô để phô trương những thứ có vẻ quan trọng đối với mình. Những tỉ lệ đúng đắn ư? Những đường vẽ chính xác ư? Quên cha nó đi thì tốt hơn! Này, ông thử đặt chồng lên nhau tất cả mấy cái bản vẽ này, thì ông sẽ thấy là chúng chẳng bao giờ vừa vặn, khít khao với nhau chút nào. Nhiệm vụ bất khả thi mà. Và tin tôi đi, không có một bản vẽ chi tiết và đầy đủ nào, chính xác đến từng tấc, theo đúng hiện trạng của cái công viên này.

— Vậy bộ anh tưởng là không có hình ảnh chụp từ vệ tinh sao? Một khi ta có những tấm ảnh này thì làm ra mấy bản vẽ mấy hồi!

— Chắc chắn thế rồi. Nhưng mấy ông bảo quản lâu đài Versailles lại không làm. Ông có thể tin tôi, tôi đã lục lọi kho lưu trữ của họ mà!

— Được rồi. Cứ cho là họ không lập ra các bản vẽ hay là họ không muốn đưa chúng ra cho ông thấy... Nhưng ông đâu cần mấy cha bảo quản này để có trong tay ảnh vệ tinh. Chỉ cần nhờ đến Shadows Local World là đủ rồi. Anh có thể phóng to hay thu nhỏ bất cứ lùm cây bụi cỏ nào, rồi đo đạc và...

— Shadows Local World? Được thôi... Nhưng ông đi tin cái thứ này à?

Với bàn tay hất lên, hắn làm anh hiểu là mạng Internet này, do Controlware phát triển ra, chẳng đáng quan tâm đến. Cái dân Pháp này thực là lạ lùng... rất ít khi nào chịu tiếp nhận các công nghệ mới. Nhất là khi chúng đến từ Mỹ! Có lẽ, anh tự nhủ khi nhìn hắn kéo cái thước đo, đó là biểu hiện lòng ganh tị của họ đối với đất nước anh. Một nước đã lấy mất đi niềm kiêu hãnh mà họ sở hữu, niềm kiêu hãnh chính ta là người khởi

xướng chính trị và văn hóa của thế giới đây. Mấy anh Pháp này lạ thật đó! Lúc nào cũng sẵn sàng tố cáo chủ nghĩa đế quốc văn hóa của chúng ta, vậy mà lại dám gắn Bắc đẩu bội tinh cho Steven Spielberg![62] Đã xa lắm rồi thời hai nước chúng ta ngưỡng mộ lẫn nhau vô điều kiện! Thời mà hầu tước de La Fayette[63] là một anh hùng ở nước anh. Hay thời mà Benjamin Franklin[64] được yêu thích ở các phòng khách thính tại kinh thành Paris. Hay là thời Thomas Jefferson[65] được mời đến trước Quốc hội lập hiến Pháp[66]...

Anh tưởng hắn sắp nói rằng những hình ảnh của chúng ta không đủ chính xác hay những tấm ảnh chụp từ vệ tinh không cho phép đo được chiều cao hay thể tích. Nhưng không, câu trả lời lẹ làng, so với tuổi hắn, khiến anh ngạc nhiên không ít.

— Ông biết không, trong cuộc sống ta thường phải chịu cực để được việc. Ta phải làm việc theo kiểu Stakhanov[67]. Chỉ khi nào ta đã làm việc, tìm tòi, đổ mồ hôi sôi nước mắt, để khám phá sự việc thì nó mới hiện ra. Và vài sự vật chỉ nhìn được bằng mắt trần. Các sử gia không hiểu những điều này. Họ tìm cách dựng lại hiện thực từ các văn bản. Còn chúng tôi, những người tạo cảnh cho công viên, thì đi từ những cái gì thấy được, đo lường được, từ không gian có thực! Và khi nào còn những thứ kích thích trí tò mò, còn chưa xem đi xét lại tất cả cho kỹ càng, chúng tôi chưa ngừng tay đâu. Nhưng thôi, tôi chắc chắn là gần xong chuyện đo đạc rồi.

— Thế à? Và cái gì thì kích thích óc tò mò nơi bạn?

Để hai tay chống nạnh, hai chân căng, anh tập thư giãn lần nữa. Hắn cúi người lấy cái thước đo rồi ngước mắt nhìn lên anh.

— Ồ! Chẳng có bí mật gì đâu, - hắn nói với cái bĩu môi của người đã tỉnh ngộ. - Chỉ là những "lạc đà". Công viên này thì đầy "lạc đà".

— "Lạc đà" à? Camels?[68]

Hắn cười.

— Không, không phải mấy con camels đâu, không phải lạc đà hai bướu đâu... Không! Chính những cái bướu đó mà! Những cái bất thường! Người ta gọi chúng như thế, những cái kỳ quặc ở trong lòng một tổng thể ngăn nắp. Những cái không mạch lạc, nếu ông thích nói thế hơn, mà chúng tôi nhận ra trong ngôi vườn, cần nói thêm là về mặt khác, phong cách của ngôi vườn thì hài hòa lắm. Những chi tiết lạc điệu, những cái không hòa hợp với những thứ còn lại, ông thấy chứ? Tới hôm nay người ta đã nhận dạng được mười ba cái đó.

Anh quay người về phía mặt tiền lâu đài. Các bể nước, Latone, Lézards, các bậc tam cấp đi xuống Grande Perspective... Tất cả những thứ này, đối với anh, đúng là có vẻ hoàn toàn ngăn nắp, cân đối, được tính toán kỹ. Vậy thì cái thằng cha tạo cảnh vườn ngu xuẩn này tìm đâu ra những chi tiết khập khiễng chứ?

— Một ngôi vườn như Versailles đây không phải là một ngôi vườn, thưa ông Barett: đó là một *palimpseste*![69] - Hắn vừa nói tiếp, vừa đi vài bước về hướng Tapis vert. - Versailles là một loại giấy da mà trên đó người này, người nọ đã viết xen vào, và nói sao đây, hết lớp cặn này lắng đọng thì đến lớp cặn khác. Từ lúc ban đầu, đó là sự can thiệp từ ông làm vườn cảnh của vua Louis XIII, rồi từ Le Nôtre[70], các việc ông này làm thì quan trọng lắm, hơn xa việc các ông khác, để phục vụ vua Louis XIV đó, và cuối cùng là từ những người kế tục: Hardouin-Mansart, đúng thế, rồi sau đó là những người tạo cảnh của các vua Louis XV, Louis XVI hay Napoléon. Tất cả các ông này đều muốn nhúng tay mình vào đây.

Hắn vung tay chỉ cái viễn cảnh nhìn xuống tận Grand Canal. Nhưng rút

cục hắn muốn gì cơ chứ? Có liên hệ gì với chuyện "lạc đà"? Đoán được là anh đang lúng túng, hắn xăn tay áo thun lên và dang tay chỉ một khoảng đất lờ mờ về hướng Tapis vert.

— Ông thấy pho tượng và cái vạc này không, đằng kia kìa?

— Ừ... thấy...

— Và ông thấy gì giữa hai cái đó? Một lối đi, phải không?

— Phải.

— Thế thì nó đấy! Một "lạc đà" đấy! Vào thời vua Louis XIV và Le Nôtre, chỗ bắt đầu lối đi bao giờ cũng đặt hai pho tượng hai bên. Chứ không phải một cái vạc và một pho tượng. Vậy thì, từ khởi thủy, lối đi này chắc là nằm cao hơn, ông thấy chứ, giữa hai pho tượng, đàng kia kìa, chỗ mà ngày nay chẳng còn gì hết.

— Trừ trường hợp ai đó đã di chuyển mấy pho tượng trong khoảng thời gian đó.

Leroux nhìn anh chằm chằm, rõ ràng là hắn ngạc nhiên nghe anh đáp trả nhanh lẹ đến thế.

— Chẳng có pho tượng nào di chuyển trong lịch sử cả. Chính cái lối đi mới bị dời chỗ...

Anh thấy cái trò này bỗng dưng hấp dẫn.

— Cho tôi xin lỗi nghe, nhưng tôi vẫn chưa hiểu được. Ai đã dời lối đi sang chỗ khác? Để làm gì chứ?

Bertrand Leroux đưa hai tay chống nạnh.

— Ông thấy đấy, vào thời vua Louis XVI, người ta thích những đường chéo lớn. Thế là họ dời những khóm cây của vua Louis XIV đi chỗ khác, đẩy

lùi những lối đi, thay đổi các viễn cảnh... Ví dụ như ông hãy nhìn khóm cây của Dauphin[71] này. Khi Le Nôtre sắp đặt, tạo dựng nó vào năm 1664, nó mang tên khóm cây Bắc. Năm 1669, nó bị đổi tên là khóm cây Dauphin. Rồi một thế kỷ sau, để mở ra một cảnh quan nhìn từ xa, vua Louis XVI lại biến đổi nó, gọi nó là Quinconce du Nord[72] và mấy ông tạo cảnh bắt buộc phải vẽ ra, thay vì lối đi thì làm ra một thứ trông như lưỡi lê, lồi ra thụt vào – nói cho gọn, họ đã làm ra một "lạc đà".

Anh chẳng hiểu gì hết ba cái chuyện này.

— Nhưng rút cục, khóm cây Dauphin đó, nó hiện hữu chứ. Tôi biết nó mà, ở đằng kia kìa! - Anh vừa đáp trả, vừa dang tay chỉ về phía bên phải.

— Vâng, nhưng vì vào năm 2001, người ta lại một lần nữa biến đổi Quinconce du Nord thành khóm cây Dauphin...

Anh ngồi xuống bờ đá bể nước, thấy bối rối vì mấy lời nói rối rắm của anh chàng trắc địa này. Đâu là mục đích cơ chứ? Một anh tạo cảnh vườn, dù đam mê đến mấy đi nữa, có thể nào hy sinh ngày giờ đi làm cái việc lỗi thời này của một tên đạc điền sao? Mà làm thế thì ít nhất phải có cái gì được thua chứ – cái được thua đó còn quan trọng hơn rất nhiều việc làm ra một bản vẽ các ngôi vườn chính xác hơn những cái trước.

Cuối cùng là anh cũng đặt ra câu hỏi.

— Nhưng rút cục thì bạn muốn chứng minh điều gì với tất cả số liệu đo đạc này?

Leroux chống tay bên hông nhìn anh chòng chọc.

— Chứng minh à? Còn nhiều thứ ở Versailles cần chứng minh lắm, thưa ông Barett. Nhiều thứ mà ta không biết về nguồn gốc những ngôi vườn này. Ông biết không, Versailles thì đầy những điều bí mật.

Hắn ngừng để đánh giá hiệu quả lời nói. Cái thứ thái độ vừa khó hiểu, vừa trịch thượng này khiến anh phát tức.

— Những bí mật ở Versailles à?! Bạn làm tôi mắc cười đấy! - Anh kêu lên, quay người về phía lâu đài. - Không lẽ bạn định nói với tôi là bạn đã khám phá ra chúng. Luận án về những bí mật ở Versailles thì chất đống trong văn phòng các quản đốc bảo tàng. Rồi trên Internet nữa, đầy ứ ra đó!

— Internet! Internet! Chỉ có Internet thôi sao! Có những cái mà máy tính không thể nào biết được.

Chỉ là vấn đề thời gian thôi, anh suýt chút nữa buột miệng.

Nhưng Leroux đã tiếp tục:

— Ông nhìn kìa, đàng kia đó, cái mặt tiền của lâu đài?

— Gần phòng của hoàng hậu phải không?

— Vâng. Ngày xưa có một cầu thang ở đó, nó được khám phá ra vào năm 1983 khi người ta đào đắp, sửa sang lại đất đai trước hội nghị G7[73]. Trước đó thì nó bị vùi lấp. Không một sử gia nào, không một nhà nghiên cứu nào đoán chừng được sự hiện hữu của nó. Trừ tôi, hay đúng hơn là trừ thầy tôi, ông thầy già ở trường dạy nghề tạo cảnh vườn, người đã chỉ ra cho tôi thấy mười ba cái "lạc đà" trong công viên này. Ông ấy đã tìm ra, chỉ nhờ vào cuốn sổ con và cái thước đo, là một cái cầu thang chắc phải hiện hữu ở mặt tiền Bắc, một cầu thang hình lục giác. Chẳng nhờ máy tính gì đâu, ông Barett ạ. Mà cũng không cần bằng cấp của "Monuments historiques"[74] gì ráo! Có lẽ chính vì thế mà chẳng ai muốn tin ông ấy về chuyện này cả...

Leroux quan sát vẻ mặt thận trọng của anh rồi nói tiếp để củng cố lời lẽ của mình:

— Ông hãy nhìn các mặt tiền kia! Tôi chắc rằng ông không bao giờ nhận

ra cái gì hết. Cái đó không thấy được từ chỗ này đâu. Nhưng tôi đã đo rồi. Cánh Nam, phía tay phải ông, dài một trăm sáu mươi hai mét rưỡi. Và cánh Bắc, đúng một trăm năm mươi chín mét hai mươi chín centimét! Tại sao lại khác nhau vậy, ông không biết hả? Câu trả lời đâu có nằm sẵn trên Internet!

Hắn làm anh phát bực, vậy mà anh vẫn thích nghe hắn nói. Anh đã đọc nhiều luận án về Versailles nhưng chuyện này thực là...

— Lâu đài Versailles không có đối xứng, ông Barett ạ! Đơn giản thế thôi. Người ta đã làm nó méo đi, từng lanh tô[75] một, điều chỉnh nó cho hợp với các ngôi vườn!

Anh chàng tạo cảnh vườn bây giờ đang "bốc" giọng khoa trương kiểu thầy giáo giảng bài.

— Tất cả mọi người đều tin rằng quả tim của Versailles, kim tự tháp của nó, cột trụ của nó, viên đá khóa vòm của nó, chính là lâu đài này. Ông cũng vậy, phải không? Này, cho ông biết, thật là sai lầm đấy. Quả tim của Versailles, không phải nơi ăn, chốn ở này của vua đâu, mà các ngôi vườn của ông ta đấy. Tại đây, vườn là số một, lâu đài chỉ việc đáp ứng theo vườn mà thôi.

Leroux ngừng để đánh giá hiệu quả lời nói.

— Nhưng không thể thế được, - anh trả lời hắn mà trong bụng lại hơi dao động. - Lâu đài của vua Louis XIII xây trước rất lâu các ngôi vườn của vua Louis XIV mà...

— Chắc thế rồi, thưa ông Barett. Thực sự thế! Louis XIV đã xây dựng lâu đài của mình bằng cách ghép lên nhà trạm săn bắn của bố mình với một vỏ bọc bằng đá. Nhưng ông ta bắt đầu xây vào năm 1668. Vào thời điểm này, công việc xây vườn, tạo cảnh đã bắt đầu từ sáu năm trước đó rồi.

Leroux bây giờ nở một nụ cười đắc thắng.

— Ngôi vườn này là một công trình do con người làm ra đã đạt tới mức gần như hoàn hảo nhất mà tôi được biết. Vì thế mà tôi chưa ngừng trước khi hiểu hết mọi thứ trong việc xây dựng nó. Kể cả mấy cái bất thường đó. Ngay cả cái bất thường mà chẳng ai muốn nghe nói đến, cái không dính dáng gì đến dân làm nghề tạo cảnh vườn cả, thật tình mà nói...

— Thế à? Còn một "lạc đà" nữa à? - Anh buột miệng.

— Không, tôi nói về điều bí mật mà từ mấy thế kỷ nay thiên hạ vò đầu bứt trán tìm không ra! Điều bí mật liên quan đến trọng tâm của ngôi vườn.

— Anh muốn nói đến bể nước Latone à?

Hắn mỉm cười độ lượng, như một ông thầy đứng trước thằng học trò xứng đáng nhưng còn phạm đôi ba lỗi gì đó.

— Ông Barett à... Ông biết rành Versailles, nhưng không đủ. Ông chạy bộ tới bây giờ vẫn chưa đủ đâu! Latone, thưa ông Barett, là chấn tâm của Petit Parc[76]. Nhưng trọng tâm thực sự của Versailles chính là bể nước Apollon nằm dưới chân Grand Canal!

Anh xoay người về phía cái bể nước mà anh thích nhất, cách đó độ một trăm mét, phía dưới thấp. Thần Mặt trời, mà vua Louis XIV từng muốn đồng nhất với mình biết bao, có vẻ đang phi nước đại, uy nghiêm, hướng về phía bọn anh, tay cầm chặt dây cương các con ngựa như sắp sửa bay lên.

— Thế rồi sao? Có cái bất thường đây sao? Có con lạc đà kéo cỗ xe ngựa à? - Tính hài hước của anh bỗng thấy nhạt nhẽo.

— Ông Barett ơi, ông làm tôi ngạc nhiên ở chỗ này, Leroux nói một cách miễn cưỡng. Ông chẳng thấy gì cả sao? Ông có bao giờ để ý rằng cỗ xe ngựa của Apollon không ở đúng vị trí của nó không?

Anh thấy chán cứ phải học bài với thằng cha này, nhưng tính ham hiểu

biết còn mạnh hơn nữa. Anh nghe tiếp.

— Mặt trời mọc từ phương Đông, sau lưng lâu đài. Nó đi lên, bay chậm qua các khu vườn phía trên con đường hoàng gia rồi lặn xuống ở phương Tây, phía cuối Grand Canal. Apollon được xem như đi theo mặt trời trong hướng di chuyển này bởi vì chính chàng ta là Mặt trời mà. Vậy mà, ông thấy đó, cỗ xe của chàng ta lại theo hướng từ Tây sang Đông. Nó chạy về phía lâu đài trong khi mặt trời lại rời xa chỗ đó. Khi mặt trời lên đến trên cỗ xe theo chiều thẳng đứng, lúc chính ngọ, thì nó chỉ gặp cỗ xe thôi thay vì đi cùng.

Anh chàng tạo cảnh nhấn mạnh thêm, vì sợ anh không hiểu.

— Apollon lẽ ra phải quay lưng về phía chúng ta; vậy mà chàng nhìn chúng ta!

Anh đành câm miệng. Rõ ràng quá rồi. Một điều hiển nhiên mà anh đã không thấy. Chính anh, chứ không phải ai khác. Anh, người đã từng nhiều lần đi dọc, đi quanh và ngắm nghía cái bể nước này! Làm sao mà anh đã không nhận ra được điều bất thường này? Trong các ngôi vườn hoàn hảo này, trong công viên này, được coi như đẹp nhất thế gian, chính đáng thôi, Le Nôtre và các đồng sự đã phạm một sai lầm thô thiển.

Cỗ xe ngựa Apollon bị đặt ngược hướng!

4

"Titanic.[77] Kỳ cục thật, ai đời mang cái tên xui xẻo này đặt cho quán rượu," Emma Shannon thầm nghĩ khi bước vào quán nằm trong khách sạn Overlord. Nàng nhớ lại là con tàu Titanic đã dừng quá cảnh ở vùng Normandie này, trên đường sang Mỹ, ngay trước khi bị đắm. Giá như đặt tên quán là "Le Repos du pêcheur"[78] hay "Aux parapluies de Cherbourg"[79] thì hợp hơn.

Sự trang trí cũng có vẻ lạc điệu: ánh sáng tối thiểu, đồ đạc màu lục đậm, tường ốp gỗ, và trên bức tường cuối phòng thì treo tấm bia cho trò chơi phóng tên. Ngay cả khi người ta thấy qua cửa sổ cái vách đá nhô cao trên biển, không khí, ít ra là bên trong quán, thì *typically british*[80].

— Bà tự hỏi tại sao Titanic phải không? - Một anh thanh niên tóc nâu hỏi, giọng hơi chế giễu, khi thấy nàng tỏ vẻ do dự chút ít.

Hắn mặc thun polo hiệu *Ralph Laurent* và đeo bông tai. Nước da rám nắng và mang vẻ mặt tối và bí ẩn của những người miền Nam. Khiến ta tự hỏi hắn làm gì ở vùng Normandie này.

— Tàu Titanic à? Không phải vì cuốn phim đâu, tôi biết...

Nàng suýt nói thêm là nàng biết tàu Titanic, cũng như France hay Queen Mary[81] thường neo đậu ở cảng Cherbourg không xa đây lắm. Hơn nữa, tuần trước đã có cuộc bán đấu giá những vật dụng của con tàu France

ở Cherbourg: Brad đã mua, thông qua Internet, một lô gồm ba cái phao cứu đắm hết 1.800 euro, để bổ sung cho bộ sưu tập của mình. Anh sẽ dành ngay cả một căn phòng trong ngôi nhà mới của họ cho niềm đam mê này. Đam mê thị trường chứng khoán, đam mê phao cứu đắm. Đúng là nhưng đam mê của đàn ông ngoan.

Emma đuổi nhanh ra khỏi đầu những ý tưởng dẫn nàng nghĩ đến Brad.

— Này cậu, đây không phải lần đầu tiên tôi đến đây nghe, - nàng vừa bảo tên bồi bàn vừa bước nhanh về phía cuối phòng.

Quán hoàn toàn vắng khách. Nàng dừng chân một khoảnh khắc trước tấm ảnh chiếc tàu thủy chở khách màu trắng tuyệt đẹp. Chính là con tàu France đó. Bên cạnh nó là tàu Queen Mary. Emma ngắm chúng, cảm thấy xúc động. Hình ảnh của mẹ nàng chồng lên hình ảnh con tàu. Anne-Laure mê thích những chuyến du hành bằng đường biển. Hai mẹ con đã cùng đi tham quan công trường đóng tàu Queen Mary Đệ nhị ở Saint-Nazaire. Rebecca có đi theo. Rồi sau đó ít lâu là tai nạn xe hơi xảy ra. Chuyến đi cuối cùng của hai mẹ con với nhau... Nhưng tất cả những thứ này đã thuộc về quá khứ rồi.

Emma nhận ra Valérie Perrier đang chờ nàng, ngồi ở bàn tận cùng trong quán rượu. Valérie cũng vậy, gợi lại nơi nàng một thời đã qua. Thế nhưng hai người vẫn gặp nhau đều đặn từ ngày rời trường Sciences-Po. Những người phụ nữ lãnh đạo đâu có đông, và họ quen biết nhau tất; ở các câu lạc bộ, ở các buổi hội thảo, ở các cuộc vận động quốc tế cho sự nghiệp thăng tiến phụ nữ, người ta lúc nào cũng thấy chừng ấy khuôn mặt, đại diện cho nước Pháp. Valérie đã đi theo con đường chắc ăn và vẻ vang để thành công: nàng tốt nghiệp ENA[82] rồi gây dựng sự nghiệp của mình trong các văn phòng bộ trưởng thuộc các chính phủ cánh tả. Ngày nay nàng là chánh văn phòng (dircab[83], như nàng gọi) của bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Đó chắc là

bàn đạp cho sự nghiệp chính trị của riêng nàng.

— Chào Emma, - nàng vừa nói vừa hôn nhanh lên hai má của Emma, miệng ngậm lại để khỏi làm loang son môi.

Emma thấy được trên vẻ mặt của Valérie cùng một nỗi lo âu mà nàng mang trong người từ mấy tiếng đồng hồ nay.

— Mình đoán là cậu biết, - cô chính trị gia trẻ bắt đầu.

— Cậu muốn nói đến...

— Đúng, Kathrin Strandberg, cậu biết chuyện chứ?

Emma thoạt đầu tưởng rằng bạn mình nói đến những vấn đề Internet. Nhưng không, Valérie nhắc đến tai nạn xảy ra cho quản đốc viện bảo tàng người Thụy Điển. Emma không quen biết cô này, nhưng tên cô thì có vẻ quen thuộc với nàng. Chắc là nàng đã gặp cô đâu đó trong một cuộc hội họp tương tự.

— Cô ấy đã được mấy người lính cứu hỏa chở đi sáng nay sau khi rơi vào hôn mê sâu, phải vậy không? Và đến bây giờ cô ấy vẫn chưa ra khỏi bệnh viện? - Emma vừa hỏi vừa ngồi xuống đối diện người bạn đồng sự trong buổi hội thảo, gần cửa sổ nhìn ra biển.

— Nghiêm trọng hơn nhiều. Cô ấy đã chết ngay lúc vừa đến bệnh viện.

— Cái gì?

Emma nghe mà sững sờ, phải vài giây sau mới trấn tĩnh lại được.

— Trời đất! Valérie, cậu có chắc không? Mình không biết... Mình hôm nay thực sự không có thì giờ để buôn chuyện. Mình đã hướng dẫn hai workshop, một cái vào buổi sáng, một cái vào đầu buổi chiều, rồi sau đó mình đi bơi, nhưng thật là...

Valérie đưa tay xoay xoay ly Coca Light của mình trên bàn một cách chậm rãi.

— Mình không biết cách nào mà tin được, cái chuyện gớm ghiếc này...

— Cậu muốn nói đến chứng dị ứng này với chất *mélatonine*[84] à? - Emma hỏi. - Mình có biết, vài năm trước đây, một người đã chết đột ngột vì dị ứng với *novocaïne*[85]. Nhưng người này thì già rồi và mang bệnh suyễn.

Valérie thở dài.

— Khoan đã, cậu không biết hết. Mình đâu nói với cậu về chứng dị ứng. Hơn nữa, dưới mắt mình, sự chẩn đoán này tự nó có vẻ kỳ quặc; mình có dự workshop do Kathrin hướng dẫn vào đầu buổi chiều, và ai cũng thấy rõ là có cái gì không ổn: cô ấy ăn nói lung tung quá đi. Cô ngừng ngay giữa câu nói rồi nhìn bọn mình như thể không còn biết cô đang ở đâu và bọn mình là ai nữa... Cô cũng không thể chấm dứt bài nói chuyện của mình nữa. Cô nói lắp bắp, lẫn lộn mấy tấm thẻ ghi ý chính của mình, rồi vì đó mà cuối cùng người ta gọi bác sĩ. Nhưng tồi tệ nhất lại chính là chuyện xảy ra sau đó.

— Sau đó à? Cậu muốn nói gì thế?

— Mình nghĩ đến chuyện xảy ra đêm hôm qua...

Valérie ngừng nói để uống một ngụm Coca Light rồi lấy ra một điếu từ bao thuốc lá đặt trên bàn. Nhưng nàng không châm lửa.

— Mình đã bỏ hút trong kỳ nghỉ hè vừa qua nhưng bây giờ thì không biết còn nhịn nổi không. Mình lúc nào cũng mang kè kè bên mình một bao, cho yên tâm đó mà.

Thật kỳ cục, cái cách tránh lên cơn ghiền này, Emma thầm đánh giá, và bắt đầu thấy hơi sốt ruột.

— Vậy thì cậu muốn nói chuyện gì?

— Chào bà, bà muốn uống cái gì để bắt đầu không?

Tên bồi bàn xen vào và Emma xẵng giọng trả lời, hầu như không nhìn hắn:

— Được rồi, cho một Perrier[86], cảm ơn.

Valérie nhét điếu thuốc lại trong bao và đợi tên bồi bàn rời xa để nói khẽ:

— Cậu hãy giữ cho kín điều mình sắp nói với cậu đây, bởi vì tất cả chuyện này chắc là không được để lộ ra quá. Không nên để cho nỗi kinh hoàng trùm lên đại hội. Nhưng ta có đủ lý do để nghĩ rằng Kathrin Strandberg đã bị ám sát.

— Ám sát à? Cậu muốn nói là sự dị ứng thuốc đó không phải...

— Không phải tự nhiên, đúng thế.

— Một loại đầu độc?

— Chính xác đó. Khi viên bác sĩ đến khám cho Kathrin tối qua, và như cô ấy đã chẳng ăn uống gì nhiều trong ngày – chỉ có trà, vài bánh Krisprolls[87], và cái thuốc chống jetlag này – ông ta suy diễn là chính thuốc *mélatonine* đã làm cho cô ngã bệnh. Ông khám cô, chích cho cô một mũi thuốc chống dị ứng rồi ra về. Nhưng một chuyện gì đó lại xảy ra trong đêm.

Valérie hạ thấp giọng.

— Khi Christelle Loric đến phòng Kathrin để thăm hỏi sáng nay, khoảng bảy giờ rưỡi, thì cô ấy không lên tiếng. Bà bồi phòng đành mở cửa với cái chìa vạn năng. Kathrin nằm sóng sượt dưới đất. Hai ống tay áo choàng tắm bị giật đứt. Cả tứ chi chỉ còn là những mẩu thịt đầy máu me.

— Sao chớ?

— Đúng thế, giống như ai đó đã đâm cắt kỹ lưỡng tứ chi cô ấy thành từng mảnh bằng vật nhọn..., bằng găng tay gắn đinh nhọn. Phần cơ thể còn lại thì nguyên vẹn.

— Và cô ấy không chết?

— Không, mình đã nói rồi, cô ấy chết khi vừa đến CHU[88] ở thành phố Caen.

Emma đảo mắt về phía cửa ra vào nhà hàng, tìm cách kiểm soát nỗi bất ổn trong lòng.

— Các bác sĩ nghĩ rằng cô ấy đã ở trong trạng thái hôn mê khi bị tra tấn.

— Kinh khủng quá đi! - Emma kêu lên. - Hãi thật! Người ta có biết ai đã...?

Valérie ra dấu cho Emma hạ thấp giọng.

— Tất nhiên là không rồi. Như vậy, các bác sĩ xác nhận rằng, về phương diện kỹ thuật, chính cái dị ứng đột ngột và tàn nhẫn đó đã làm chết cô ấy.

— Dị ứng với chất *mélatonine*... Dù vậy mình vẫn thấy khó tin quá! Loại thuốc này thì vô hại mà, không phải thế sao?

— Mình không chắc như thế lắm đâu. Họ đã loan tin tới từng phòng khách sạn để cảnh báo những khách hàng nào đã có thể uống cùng loại thuốc đó. Emma này, về chuyện này, cậu có dùng nó không?

— Không. Mình ở châu Âu hơn một tuần nay, và mình chẳng gặp vấn đề gì về giấc ngủ. Nhưng mình dùng nó đều đặn khi mình đi Bắc Kinh. Còn cậu thì sao?

— Mình đến từ Paris mà, cậu biết rồi mà.

— Xin lỗi nghe, mình ngốc quá.

— Như vậy, đáng lẽ mình cũng phải dùng nó thôi. Tất cả những vấn đề với Internet này, với điện thoại này, thật là cực kỳ căng thẳng... Và cậu, làm sao cậu giải quyết, gia đình cậu ở bên Mỹ mà? Cậu liên lạc được với chồng từ hôm qua chứ?

— Không được. Nhưng Brad biết mình sẽ ở qua cuối tuần tại địa phương này với Rebecca và mình chỉ rời khỏi vào thứ hai tới. Từ giờ đến đó thì thư điện tử, điện thoại và các đường bay chắc là sẽ được tái lập.

— Phần mình thì mình không thể điều được một trực thăng từ Paris đến đây... Cả một đoàn trực thăng đều bị mấy ngài bộ trưởng nhào vô giành hết.

Valérie để tóc ngắn nhưng có một lọn tóc lòa xòa trước trán, nét mặt căng thẳng; son phấn trang điểm che giấu không được nhiều vẻ mệt mỏi và nỗi lo lắng. Emma nhớ lại lối diễn tả "chết người" về WAC của một nhà báo Pháp danh tiếng, trong buổi tiệc tối ở Washington: "Một lũ đàn bà làm doanh nghiệp với đầu tóc mới chải được một nửa, với son môi bôi quẹt méo lệch." Quả thật là tên nhà báo này cưới một cô vợ làm nghề diễn viên hay dùng silicone[89] như người ta dùng bút chì than chống quầng thâm quanh mắt! Và sáng nào cũng ngồi suốt hai giờ đồng hồ trước gương! Một phụ nữ thực sự đó... Đối với đám người thuộc phường hội của ông ta – những bộ mặt quen thuộc ở đại lộ St. Germain[90], hành tinh nữ giới được chia làm hai đám dân: những phụ nữ thực sự thì tự chăm sóc mình, và những người khác thì tìm cách làm giống như đàn ông. Mấy ông bảo vệ quan niệm "nữ tính" hẳn là ngạc nhiên khi thấy ở Arromanches các phụ nữ trí thức, thường bị xem như không biết đến sự đỏm dáng, phần lớn lại có những làn da bơm chất botox, những mái tóc nhuộm màu, và những cơ bắp gân guốc nhờ các huấn luyện viên thể dục đến dạy tại nhà riêng. Mặc bộ áo liền quần, Emma cảm thấy lạc điệu giữa những bộ váy áo nữ giản dị của Gucci

hay Vuitton[91]. Nàng có cảm tưởng mình đang đại diện cho nước Equateur hay Botswana trong buổi lễ khai mạc Thế vận hội.

— Đủ thứ chuyện như thế, rồi Internet lại bị hỏng... - Valérie nói tiếp, giọng to hơn.

Về chuyện này, Emma cố gắng dùng giọng điệu làm yên lòng. Nàng cảm thấy có cùng nỗi lo như cô bạn nhưng không muốn để lộ ra chút nào cả.

— Các nhà tin học đang tích cực làm việc. Họ sắp tìm ra miếng đánh trả. Người ta bao giờ cũng tìm ra được cách phản công trong cái nghề này. Vụ hỏng hóc này thì lâu hơn thường lệ một chút, chỉ vậy thôi mà.

Nàng cảm thấy buồn nôn khi hình ảnh Kathrin Strandberg, tứ chi bị đâm nát, hiện ra trong đầu.

— Mình mong là cậu đúng, - cô chánh văn phòng chép miệng kết luận.

— Thôi, cậu ăn gì nào? - Nàng tiếp, vừa đưa một tay hất mạnh lọn tóc ra phía sau, vừa dùng tay kia mở tấm thực đơn.

Anh chàng tóc nâu đến gần bàn.

— Chào hai bà. Hai bà đã chọn rồi chứ? Tôi có thể gợi ý món ăn cho riêng ngày hôm nay không? Dê con nấu với sữa.

Hai nàng nhìn nhau, do dự: có nên cười với trò chơi chữ[92] này không? Anh chàng bồi bàn nói thêm, giọng có vẻ bực tức:

— Thịt dê con. Đặc sản của đảo Corse đó.

Anh ta phát âm từ "corse" bằng cách kéo dài quá cỡ cái âm "o", như người quê quán ở địa phương đó. Có vẻ bực mình thực sự vì hai nàng còn lưỡng lự.

— Mình không thấy đói lắm, - Emma nói.

— Emma, phải ăn chứ.

— Lấy một phần ăn cho cả hai đứa mình?

— Được rồi.

— Quý bà đang ăn kiêng phải không?

Cả Valérie lẫn Emma không buồn trả lời.

— Và đem cho chúng tôi một chai nước có ga, hiệu San Pé, có không?

— Orezza, - tên bồi bàn chữa lại.

— Cũng được.

— Các bà sẽ vừa lòng, - anh ta đáp trả, - nước này ngon nhất thế giới đó.

Emma nhìn anh ta quay đi rồi nghiêng người về phía Valérie.

— Một tên bồi người "Corse". Nước khoáng "Corse"... ngay giữa vùng Normandie này! Và mình chẳng muốn nói với cậu ai là chủ cái khách sạn này đó nghe.

Nàng thử xua đuổi bóng ma của Kathrin ra khỏi đầu. Nhưng Valérie, như thể đang chờ lời nhận xét của Emma để nói thẳng ý nghĩ sâu kín của mình, liền nói nhỏ:

— Đảo Corse, dân dưới đó có những tập tục bạo lực lắm. Và nếu như chính hắn ta...?

Emma đưa mắt nhìn lên trời.

— Thôi đi, Valérie! Đừng nói linh tinh thế. Tất cả chúng ta đang bị căng thẳng đây... Chuyện xảy ra thật là quá ác, nhưng cậu không thể phun ra những điều như thế!

Valérie cố gắng đổi đề tài.

http://tieulun.hopto.org

— Không biết cậu có nghe bản kế hoạch sơ lược của mình hồi chiều không?

— Cậu phụ trách buổi thảo luận nhóm về tín dụng vi mô, đúng không? Không, mình đã không thể đến được. Cậu biết rõ là mình lúc đó điều khiển buổi thảo luận về các triển vọng của ngành tin học mà.

Valérie tiếp tục theo đà.

— Cái hệ thống các tín dụng nhỏ này thành công lắm. Mình cảm thấy càng thoải mái hơn để nói với cậu điều này là vì lúc ban đầu mình chẳng tin vào nó gì cả. Cậu nhìn vào các con số sẽ thấy! Ở châu Phi, ở châu Mỹ la tinh, giống nhau cả: một khi một dự án được người phụ nữ chuẩn bị thì tỉ lệ thất bại được chia làm ba.

Emma biết người đối thoại với mình đang muốn hướng câu chuyện đến đâu. Hai người đã nói về đề tài này vào lúc nghỉ giải lao. Valérie cần người tiếp sức cho nàng trong cộng đồng nước Mỹ, những nhân vật nắm giữ những vị trí thuận lợi để thúc đẩy các hồ sơ của nàng bên cạnh Ngân hàng Thế giới hay Liên hiệp châu Âu.

— Đồng ý trên nguyên tắc, - Emma vừa nói, vừa nhếch nhẹ mép mỉm cười.

Rồi sao nữa, *next step*?[93] Cậu muốn mình làm gì khi trở lại Frisco?

Ngay lúc phát âm các từ *next step*, nàng chợt nhận ra mình đã nghĩ đến phần còn lại của câu nói bằng tiếng Pháp. Mỗi lần lưu trú ở Pháp là xảy ra cũng một chuyện này: sau vài hôm, đôi khi chỉ vài giờ, vô thức của nàng tự kết nối một cách tự phát với ngôn ngữ của mẹ nàng.

Valérie lộ vẻ ngạc nhiên.

— Mình không tin là cậu chấp thuận một cách dễ dãi như thế.

Tên bồi trở lại với hai dĩa đồ ăn, đặt lên bàn rồi đứng như trời trồng bên cạnh. Hai người đàn bà nhướng mắt về phía anh ta, ngạc nhiên pha lẫn tò mò. Im lặng kéo dài. Tên Corse sửa soạn giây phút thuận lợi.

— Vũ trường sẽ mở cửa tối nay, đặc biệt lắm đó, bắt đầu từ 22 giờ rưỡi, - anh ta nói năng một cách khoa trương.

Thông báo đưa ra bị xẹp ngay. Cả hai người đàn bà đều chẳng thấy hứng thú gì mà đi nhảy. Chắc là khách sạn tìm cách làm mọi người quên đi các biến cố vừa rồi. Valérie chờ tên bồi đi khỏi.

— Năm nào mình cũng đến cả, vậy mà không biết ở đây có hộp đêm. Vì lúc nào cũng giữa đàn bà với nhau...

Emma không trả lời. Cũng có ít nhất vài đàn ông mà. Ngày đặt chân đến đây, và sau khi tin rằng đã chợt thấy Pierre Chavannes ở sảnh khách sạn, nàng đã đi tìm hiểu. Anh chàng ngày xưa lo thương vụ cho Supra Data hiện là chủ công ty đang phụ trách phần âm thanh và vidéo cho đại hội. Nhưng nàng không tìm cách gặp chàng ta.

Cái cảm giác khó chịu xa xưa vẫn chưa mất đi.

— Nếu họ hy vọng Ségo[94] hay Hillary đi giải tỏa ức chế trên sàn nhảy! - Valérie nói đùa.

— Hillary Clinton, rốt cuộc, sẽ đến à?

— Dù gì đi nữa, bà ta cũng không đến đâu. Thấy tình hình như thế này, bà ta đã hủy bỏ. Và bà ta không phải là người duy nhất làm thế.

Valérie hạ giọng. Ở bàn bên cạnh một bộ ba nữ đại biểu người Pháp đến cùng lúc với hai nàng vừa nói to, vừa nhấm nháp xà lách và hạt bắp. Valérie tự nhủ là số lượng ca-lo họ tiêu xài để nhai và huơ tay múa chân thì cao hơn số lượng họ có trong các dĩa đồ ăn.

— Chiến lược chim hồng hạc à? Chưa bao giờ nghe nói! - Người đàn bà lớn tuổi nhất kêu lên, khá to để mọi người cùng nghe.

— Bạn nghe rồi mà, nhớ lại đi! - Người ngồi cạnh tỏ vẻ bực, bộ mặt trông giống hệt như Juliette Gréco,[95] bị cặp kính to che gần hết. - Đó là chủ đề cuốn sách của bà ta, một thứ "vạn vật học về sự quyến rũ"...

— Rồi sao nữa, chiến lược chim hồng hạc đó, là cái gì?

— Không có gì khác nhau giữa một con chim hồng hạc bày tỏ tình cảm nồng cháy bằng màu hồng với con chim mái và một gã đàn ông động dục tặng một bó hoa tươi cho con đàn bà mà hắn đang dụ dỗ. Hoa thì như dương vật đang cương... và lại tràn đầy màu sắc. Ở mấy con kỳ nhông đực cũng vậy, con nào đỏ nhất thì thắng. Tóm lại, bạn thấy đấy, con tôm, con thỏ và đàn ông, giống nhau tất. Chúng đều dùng những thủ thuật hóa học khéo léo để quyến rũ và...

Cuộc biện luận chấm dứt trong sự huyên náo do một nhóm du khách người Canada mới vào gây ra. Emma nhìn Valérie và thầm đoán rằng cô bạn cũng đang nghĩ như mình. Rõ ràng là đám người này không xem tin tức trên truyền hình và cũng không nghe nói đến chuyện *mélatonine.*

Mấy mụ đàn bà lắm mồm này rời khỏi quán rượu lúc 21 giờ, theo lời một mụ trong nhóm đó, để khỏi hụt cảnh mặt trời lặn trên bãi biển. Valérie và Emma, hai người còn chuyện trò cả giờ đồng hồ nữa. Emma dễ làm người khác bộc bạch tâm sự, và cô bạn thì cũng chẳng cần mời gọi để thổ lộ những nỗi thất vọng tình cảm. Từ khi ly thân với chồng, Valérie có thời gian để chăm lo sự nghiệp của mình và cho các chính nghĩa nhân đạo, nhưng về mặt cảm xúc thì trống vắng như sa mạc. Chuyện xảy ra quá nhiều đối với những phụ nữ cùng môi trường xã hội như nàng. Emma coi trọng cái may mắn đang có: Bradley tạo nên một tâm điểm của trọng lực trong đời nàng,

một chỗ ẩn náu, một bến cảng neo đậu. Dù rằng... Nàng nghĩ lại cuộc thảo luận giữa hai người, ngay trước khi nàng lên đường. Nàng đã nói với chồng rằng nàng muốn có con trước khi quá trễ. Nhưng Bradley đã có một trai, một gái từ cuộc hôn nhân trước, nên chẳng muốn rơi lại vào cảnh thay tã cho con lần nữa, như anh nói. Mà xét cho cùng, nàng cũng đã có cô con gái Rebecca, và dù rằng không thấy con lớn lên, giờ đây nàng vẫn tạo được mối quan hệ mẹ - con thực sự. Rồi sáu tháng trước đó, nàng cảm thấy tuổi mình đã khá lớn, nên có con lúc này không thì quá trễ. Nàng đem chuyện này ra nói với Bradley, anh có vẻ khổ sở khi biết nàng dự định đảo lộn các thói quen trong cuộc sống hai người. Anh hứa sẽ suy nghĩ. Nàng không đề cập lại vấn đề này cho tới bây giờ.

— Emma, baby[96], em đã ba mươi tám tuổi rồi: em không nghĩ rằng là đã quá trễ rồi sao? - Anh nói bóng gió, mắt nhìn chỗ khác.

Khi rời quán, Valérie muốn đi xem qua vũ trường. Một từ ngữ huênh hoang để chỉ gian phòng nhỏ với cửa sổ đóng kín, các ghế dài đặt dọc theo tường và khoảng nửa tá bàn thấp, ở chính giữa là sàn nhảy, và trên trần gắn ba đèn chiếu và một quả cầu khi tối, khi sáng phát ra những tia loang loáng. Khoảng ba chục khách hàng, đàn ông lẫn đàn bà, ngồi thành từng nhóm, đang thảo luận hăng say, tay chân vung vẩy.

Hai cô bạn sắp sửa bỏ đi thì một giọng nói vang lên khiến họ dừng chân:

— Emma! Ở đây này!

5

Pierre Chavannes tươi cười tiến về phía Emma và Valérie. Ở cuối phòng, anh vừa chợt thấy cô bạn đồng nghiệp cũ, hơi lạc điệu trong bộ áo liền quần sẫm màu với cổ áo kiểu Mao, một thứ trang phục của các phi công vũ trụ làm đôi vai nàng nổi lên và làm vùng eo thon thả lại. Màu lục của vải thì hợp với đôi mắt nàng, lấp lánh dưới ánh đèn chiếu. Tóc nàng màu nâu hung, để dài lạ thường so với tuổi nàng, được tết thành một bím dày. Vài nếp nhăn nhỏ ở khóe mắt, khuôn mặt trái xoan thì ít rõ nét hơn ngày xưa. Vài trận đánh bị thua khi chống lại định luật về trọng lực... nhưng còn lâu nàng mới thất bại trong chiến tranh.

Emma hôn chào lên hai má anh, cố gắng tỏ ra tự nhiên.

— Anh thấy tên em trong chương trình, - Pierre nói, - nhưng anh không dám gọi em.

— Đáng lẽ anh nên gọi!

— Bây giờ em là ngôi sao mà...

— Đừng đùa nữa!

Ngày trước, nàng lúc nào cũng thấy khó phân biệt những lời chế giễu với những lời khen ngợi đến từ anh. Có lẽ vì sự mập mờ này mà nàng thường có cảm giác khó chịu khi đối mặt với anh. Nàng bao giờ cũng thấy anh đẹp trai nhưng còn hơi "thô mộc" như mẹ nàng phát ngôn khi nói về dân tỉnh lẻ;

anh mang tính "macho"[97] một cách không rõ lắm, chẳng cần giữ gìn lời ăn tiếng nói trong việc phê phán đàn bà khi họ cạnh tranh với anh chỉ một chút thôi; anh có tiếng là người hay nói thật với người khác những suy nghĩ của anh về họ, nhưng Emma luôn tự hỏi có phải do sự vụng về hay do sự thẳng thắn mà ra.

— Emma, đến ngồi đây năm phút đi, anh sẽ giới thiệu em.

Nàng lưỡng lự. Khó mà từ chối lắm. Valérie lợi dụng ngay giây phút này để chuồn đi, không quên nháy mắt với Emma.

— Được rồi, nhưng không lâu đâu nghe, - Emma nói, tay ra dấu chào Valérie lúc đó đã quay lưng rồi. - Em còn bị jetlag trong cặp giò, - nàng nói láo.

— Vậy là em đã không uống *mélatonine*! - Pierre kêu lên.

Emma không kịp trả lời, Pierre đã bước đi và tiếng nhạc ầm ĩ trùm lên các tiếng nói. Nàng tự ép mình để theo sau anh. Nàng không ưa lui tới hộp đêm. Mỗi khi phải đi cùng bạn bè đến đó, nàng thấy khổ sở như đi lao dịch. Chừng độ một giờ là nàng thấy chán ngấy không khí ồn ào được làm đầy bởi cái rỗng tuếch, mùi nước hoa và mồ hôi, bởi những tiếng cười gượng gạo cạnh tranh với tiếng chuông điện thoại di động, tiếng lách cách ly rượu cụng nhau hay từ vòng đeo tay Hermès[98], những nụ cười giả tạo và những câu nói chế sẵn mà chẳng ai buồn nghe.

Trong khi Pierre nói tên những người bạn đi cùng – những người đàn ông làm việc chung với anh và những người đàn bà anh có vẻ không biết rõ lắm – Emma nhận ra là hai người nữ trợ lý của WAC – thì nàng quan sát anh. Anh đã không thay đổi gì. Bao giờ cũng mang dáng bộ giả mạo của Russell Crowe[99].

Mặt anh đã hõm xuống và những nếp nhăn xung quanh miệng thì hằn

sâu hơn. Nhưng anh vẫn giữ được đôi mắt màu hạt dẻ ấy, long lanh sau cặp kính cận thị, mái tóc đen ấy dù anh ít khi giữ được cho gọn gàng các lọn tóc lớn, và cung cách hơi vụng về khi lúc nào cũng nhấp nha nhấp nhỏm, như thể anh bị lúng túng vì vóc vạc cao lớn của mình. Có duyên lắm chứ chẳng chơi dù mang vẻ mặt bị ức chế. Trái ngược với Russell Crowe, con người kiểu mẫu của anh đó, Pierre không có gì là một tên du đãng cả.

May thay, anh chẳng biết chi cả về giấc mơ của nàng. Nàng nghĩ, trong một khoảnh khắc, là anh sắp giới thiệu nàng như người tình cũ của Dan Barett, anh dư sức làm thế mà.

— Anh biết chuyện gì thực sự xảy ra chứ? - Nàng hỏi, cố ý đưa câu chuyện theo hướng khác.

Pierre không có thông tin gì mới để học lại với nàng. Cuộc nói chuyện giữa hai người – hay đúng hơn, là cái gì tương tự thế vì hộp đêm ồn ào quá – bắt đầu về những hệ thống an ninh mạng rồi vài phút sau chuyển sang, Emma chẳng hiểu tại sao, chuyện tính dục của người Normand[100]. Các nhân viên kỹ thuật đùa cợt với các cô gái ngồi cạnh. Cô chuyên viên tư liệu của WAC ngà ngà hơi men tựa đầu vào vai Pierre nhưng anh cứ vỗ vỗ cái Palm Pilot của mình, có vẻ như quên đi sự hiện diện của cô. Emma thấy chán ngấy và sắp sửa ra về thì tên đàn ông để râu mép lực lưỡng, trước đó đã kể chuyện tiếu lâm bất kể tiếng nhạc giật ầm ĩ, đứng lên mời một trong hai cô trợ lý ra nhảy. Ngay tức khắc, người đàn ông bên cạnh hắn – độ năm mươi tuổi, cằm lẹm, cặp kính dày cộm – đề nghị nàng bắt chước họ. Về nguyên tắc, người đàn bà Mỹ này sẽ từ chối lời đề nghị vì nàng nhảy dở. Nhưng lúc này, nàng lại đứng lên cùng ông ta ra sàn, dù cũng tự thấy ngạc nhiên với chính mình.

Họ nhảy liên tiếp ba điệu "rock" theo tiếng nhạc của *the best of the sixties*[101], chắc là để cho hợp với đám khách hàng không còn trẻ nữa. Thỉnh

thoảng Emma liếc nhìn Pierre đang ngọ nguậy tay chân sát cô chuyên viên tư liệu trẻ mặc váy có diềm. Cô ta cứ bám vào anh, làm bộ nhõng nhẽo, nép mình sát vào anh. Anh vừa cười, vừa đẩy cô ra. Khi anh xáp tới mời Emma nhảy lúc nàng quay về chỗ ngồi của mình thì nàng tự nhủ chắc là anh tìm cách trốn tránh cô gái quá nhiệt tình đó bằng bất cứ giá nào.

Nhưng nàng vẫn theo anh ra sàn. Ngày xưa nàng đã từng nhảy với anh và không giữ lại một kỷ niệm xấu nào. Nàng còn nhớ cả chuyện hai người đã tiêu tốn biết bao sức lực vui chơi khi đi dự cuộc hội thảo do Supra Data tổ chức ở Marrakech[102] một năm trước khi nàng bỏ về Mỹ. Hơn nữa, chính từ Marrakech trở về mà nàng có giấc mơ đáng chú ý ấy.

Emma chẳng bao giờ nằm mơ. Hay chính xác hơn, nàng chẳng nhớ mình mơ gì cả, bởi vì ai cũng công nhận là mọi con người đều có nằm mơ mà. Nàng ganh tị với những ai có thể kể lại, vào lúc rạng đông, những câu chuyện nằm mơ kỳ cục hay những cơn ác mộng mà họ thoát ra với cảm giác nhẹ cả người, và do sự tương phản, họ càng thấm thía hơn hạnh phúc sống ở đời. Ở trường Sciences-Po, nàng theo các giáo trình tâm lý học với tư cách dự thính, nhưng buổi học về các giấc mộng đã khiến nàng rối trí. Nàng cảm thấy mình bị trừng phạt một cách bất công vì sự thiếu sót này.

Rồi một ngày kia nàng đã có một giấc mơ. Một lần. Duy nhất, trong ba mươi tám năm trời! Vào năm 1993 hay 1994. Sau đó, nàng đã thử mọi cách để lặp lại cái kinh nghiệm này nhằm tương đối hóa tầm quan trọng của giấc mơ "đầu tiên" này. Theo lời khuyên của mấy nhà phân tâm học, nàng đặt một cuốn sổ nhỏ với cây bút chì ngay trên bàn đầu giường để ghi lại những ý tưởng của nàng khi tỉnh giấc, giữa hai chu kỳ giấc ngủ. Uổng công thôi. Nàng cũng lập trình đồng hồ báo thức buổi sáng để nó reo giữa đêm khuya, lúc 2 giờ ngày này, rồi vào lúc 3 giờ ngày hôm sau, với hy vọng lấy lại ý thức ngay trong chu kỳ giấc ngủ và nhờ thế mà vào được vô thức mình

một cách dễ dàng hơn. Thất bại thứ hai.

Vậy thì nàng nằm mơ chỉ có một lần trong đời. Nhưng là một giấc mơ đẹp làm sao! Mỗi khi nghĩ đến nó nàng lại thấy đỏ mặt, y như làn da người Thụy Điển ngày đầu tiên tắm nắng ở bãi biển. Nàng nhớ lại nó với một sự chính xác không thể thú nhận được, không phải dưới hình thức diễn biến liên tục như trong phim ảnh mà vào lúc sự cố xảy ra thì nhân vật chính thấy cuộc đời mình liên tục nối đuôi nhau hiện ra trong đầu. Không như thế đâu, nói đúng hơn là dưới hình thức một loạt hình ảnh cố định, trật nhịp nhưng rất rõ ràng.

Nàng nằm ngủ trong một túi ngủ, bên sườn đồi. Xung quanh nàng là hàng chục người, già trẻ có đủ, tất cả cuộn mình trong những túi ngủ giống nhau, rải rác khắp bãi cỏ xanh màu trái táo. Dĩ nhiên, đó là những người cùng đi du ngoạn với nàng. Nàng nằm ngửa, nàng nhìn trời, thấy bầu trời sáng ra, đó là giờ xanh. Thình lình nàng nhận ra một người đàn ông đã chui vào túi ngủ của nàng. Hắn nằm đè lên nàng. Hắn vào trong người nàng. Vùng bụng, bộ ngực, toàn bộ da thịt nàng bốc lửa, cháy đến tận đầu ngón chân. Hắn nói nhưng không hé môi, nàng không hiểu hắn nói gì. Khuôn mặt hắn lơ lửng bên trên nàng, như thể xa lạ với sự chuyển động của hạ bộ hắn. Nàng giúi đầu vào cổ hắn, hít thở bờ vai hắn, vùi sâu trong nách hắn. Hắn tóm lấy tóc nàng từ gáy, kéo đầu nàng ra phía sau để hôn nàng, môi gắn chặt môi. Vừa lúc đó thì nàng nhận ra không phải chỉ có riêng hai người: vị hôn phu của nàng cũng ở đó, đâu đó trên bãi cỏ, cũng như cô bạn gái của chàng, và tất cả những kẻ xa lạ đang làm bộ ngủ! Ai đó sắp sửa thấy hắn và nàng, tránh sao được. Nàng phản đối nhưng cùng lúc nàng không thể tách mình khỏi nỗi ngất ngây sung sướng. Cái cảm xúc thì quá dữ dội đến nỗi nàng tỉnh giấc người toát mồ hôi, đầu óc hoang mang, mụ mị.

Người ta không điều khiển những giấc mơ của mình, người ta không

kiềm chế chúng. Người ta càng không chọn diễn viên hay phân vai trong giấc mơ. Chắc chắn là tên đàn ông làm tình với nàng đó hẳn là không nhã nhặn bằng, nhưng dầu vậy, tại sao lại là Pierre Chavannes? Tại sao Pierre lại xuất hiện trong giấc mơ này? Nàng quen biết anh qua loa, và tiếp xúc chỉ vì công việc thôi. Còn anh thì bao giờ cũng giữ khoảng cách và tỏ ra không ưa nàng chút nào. Giữa hai người, nói như Valérie, không có cái fit[103]. Nếu kiểu lẩn trốn tình dục vào trong vô thức này chỉ xảy ra một lần trong đời thì có lẽ nàng thích đóng cặp với Hugh Grant, Robert Redford hay... Russell Crowe[104] hơn. Russell Crowe thực chứ không phải kẻ hao hao giống đâu. Nếu mà nàng phải tìm đối tác tính dục! Và nếu như nàng phải chọn ai đó trong những người quen biết xung quanh thì hay nhất là chọn mấy gã đẹp trai nói chuyện ăn ý với nàng hay tán tỉnh nàng một cách kiên trì.

Cái ngẫu sự này không làm dễ dàng chút nào cuộc sống chung ở công ty Supra Data. Nếu nàng còn nằm mơ đều đặn, như tất cả mọi người, thì giấc mơ có lẽ chẳng có gì quan trọng cả. Nhưng mà... Khi nàng có mặt cùng với Pierre trong một buổi họp hay gặp gỡ khách hàng, nàng cảm thấy mình ở tư thế thua kém. Nàng nguyền rủa cái vô thức đã nhốt nàng trong túi ngủ đó. Vài tháng sau, nhờ may mắn, nàng có thể về lại Mỹ, và những cơ hội để càu nhàu vì cái phần tối của bộ não nàng trở nên hiếm hoi hơn. Những hình ảnh gây bối rối ấy chỉ trở lại trong trí nàng do sự đẩy đưa tình cờ của một cuộc trò chuyện, trong khi đọc sách hay khi một người nào đó nói về giấc mơ của riêng mình. Thế nhưng, những chi tiết nhỏ nhặt nhất của cảnh làm tình ấy – và điều này làm nàng khó chịu – có vẻ như lưu trữ mãi mãi trong trí nhớ nàng.

— Anh thích nhảy với em lắm, - Pierre thốt ra, nắm chặt cổ tay nàng.

Rồi cả nửa giờ đồng hồ cả hai nhảy điệu “rock”, liên tục. Pierre chắc là nói thật đó. Xem ra cũng tiện: anh ta hiếm khi tự ép mình thốt ra những lời

khen hoa mỹ.

— Thế nhưng, em đâu biết theo nhịp một cách tự nhiên, - Emma trả lời.

— Sao em lại nói thế, anh thấy em nhảy đúng nhịp lắm mà.

Một điệu "slow" bắt đầu. Pierre nhìn quanh, từng cặp đã ôm nhau. Cô gái bám anh chắc đã đi về ngủ hay tìm ra một nạn nhân sẵn lòng hợp tác hơn. Anh quay đầu về phía Emma.

— Đâu còn chọn lựa gì được, người ta có thể nghĩ thế.

Nàng suýt buột miệng đáp lại là hai người lúc nào cũng có thể chọn không nhảy tiếp nữa mà. Nhưng sao lại tỏ ra ngờ vực ngay cả thú vui của mình đến thế? Những hợp âm đầu tiên của *You're beautiful*[105], bài hát đã khiến James Blunt nổi tiếng hai năm trước, vang vang trên sàn nhảy. Và Pierre có vẻ ít xa cách với nàng hơn ngày xưa. Thân thể hai người áp sát nhau, đến gần một cách tự nhiên, tự nguyện, như thể chúng quen nhau từ lâu. "Thân xác không nói dối", Emma nghĩ đến câu châm ngôn ưa thích của ông thầy tâm lý học cũ của nàng.

Về phần Pierre, anh không bận tâm với các câu hỏi này nọ. Anh thả người theo điệu nhạc. Người bạn nhảy cùng thì cao lớn, dễ chịu khi nhìn, tóc nàng thơm, vòng eo thanh, tóm lại, anh thấy khoảnh khắc này thật dễ chịu. Thực sự, anh biết rất ít về nàng nhưng như thế là tốt đấy. Dù sao đi nữa, nàng đâu phải dành cho anh. Lạ lùng thay, lúc này anh bỗng nhớ đến kỷ niệm về cuộc trao đổi với một anh bạn đồng nghiệp vào cái ngày anh biết tin Emma về Mỹ và nàng sắp lấy chồng ở bên đó. Nàng đã loan báo tin này ở văn phòng. Anh vắng mặt lúc đó. Nhưng anh vẫn như thấy mình còn đứng ở Esplanade de la Défense, vào lúc anh bạn Jacques đó báo tin này cho anh.

— Về việc ấy, cậu biết chứ? Emma đi Mỹ. Cô ta lấy chồng ở đấy.

— Thật à? Chồng cô là ai?

— Ông Bradley Spits nào đó, giám đốc ngân hàng.

— Lão ấy may mắn thật.

Pierre dừng câu chuyện ở đấy. Rồi anh di tản hình ảnh Emma ra khỏi tâm trí mình.

Hai người còn nhảy cho đến mười hai giờ rưỡi khuya, thường là nhảy với nhau, chỉ trao đổi vài câu ngắn.

— Này, anh không còn mơ chuyện vào làm việc ở NASA[106] nữa phải không? Nhưng ít ra anh cũng biết là anh có thể làm du khách thực sự trên quỹ đạo xung quanh trái đất chứ? - Emma hỏi.

Hẳn là nàng nhớ lại vào thời hai người còn làm việc chung, anh đã theo dõi sự chinh phục vũ trụ với niềm đam mê hào hứng hầu như không kém trước những bước khởi đầu của Internet.

— Anh biết, nhưng quá đắt đối với anh. Hai trăm nghìn đô-la một chỗ bay, đúng thế không?

— Thôi nào, anh làm ăn được lắm, không phải vậy sao? Có vẻ mọi thứ kỹ thuật, ở đây, chỉ có mình anh đảm nhiệm! Anh đã lập ra công ty riêng mà.

— Không phải vậy, đó là công ty của em trai anh lúc ban đầu. Khi nó lâm bệnh, anh phải đi xuống Marseille để giúp nó một tay. Rồi anh ở lại đó luôn tới nay.

— Anh phụ trách phần việc thương mại?

— Anh lo tất cả. Em biết là trong một công ty nhỏ người ta phải có mặt cùng lúc ở mọi nơi.

Khi nàng báo cho anh biết là muốn về đi ngủ, anh trả lời là anh cũng ra về.

Bên ngoài chỉ có tiếng sóng biển vỗ bập bềnh mới khuấy động đôi chút sự yên lặng. Emma và Pierre bước bên nhau chừng ba chục mét trên lối đi trải sỏi nhỏ trước khi nhận ra họ không ở cùng một tòa nhà. Hai người chia tay ngay sau cổng vòm dẫn vào dãy nhà phía Nam của khách sạn.

Emma cảm thấy tim mình thắt lại. Sau này Pierre kể lại với nàng rằng anh đã định hôn trộm nàng ở dưới vòm cổng nhưng anh lại thôi. Khả năng "nhận một cái tát" có vẻ quá nhiều đối với anh.

— Chính nơi đây là chỗ những con đường của chúng ta tách rời nhau, - Emma thốt lên, giả vờ vui vẻ.

Hai người hôn nhau bốn lần, trên má.

http://tieulun.hopto.org

6

Ngày trước...

Anh bao giờ cũng muốn giải đoán những điều bí ẩn. Khi ba tuổi anh đã học đọc một mình. Năm tuổi, anh đã làm mẹ anh hét toáng lên khi bà thấy, trong các tờ báo của mình, những ô chữ đã điền kín và những giải pháp cho các trò chơi ghép chữ đã được chỉ ra. Tám tuổi, anh say sưa thích thú với những bí ẩn lớn của lịch sử: Chuyện *Mặt Nạ Sắt* cuốn hút anh suốt một mùa hè, rồi cái chết, tự nhiên hay không, của Napoléon luôn luôn là một trong những đề tài tranh luận trước khán giả ưa thích của anh (phải nói rõ là vào thời đó anh thiếu những người phản biện). Anh đã được xếp loại "phát triển sớm" trước khi cắp sách đến trường tiểu học, rồi khi anh bước vào tuổi thiếu niên thì mẹ anh ngừng tranh cãi với anh. Anh nhớ lại câu nói nhỏ nhặt đã làm tràn bình nước:

— Dan, ngồi vào bàn đi. Cơm tối sẵn sàng rồi đó.

— Mẹ chờ con một chút.

— Chờ cái gì? Con làm gì đó?

— Con suy nghĩ...

— Con suy nghĩ à, thế nghĩa là sao?

— Dạ, mẹ, con suy nghĩ. Chỉ đơn giản thế, không phải à? Mẹ đã cố gắng

suy nghĩ chưa mẹ?

Ngày hôm sau mẹ anh đi tìm nhà tâm lý học giỏi nhất thành phố và thổ lộ mọi chuyện.

— Thằng Dan không vâng lời tôi. Ngồi hàng giờ đọc các chuyên luận về chiến lược và sách sử học, và bắt cha mẹ phải biện minh các quyết định nhỏ nhặt nhất.

Ông tâm lý gia bảo anh đến, và ông ta và anh đã nói chuyện suốt mấy buổi gặp. Anh không còn nhớ chính xác những gì bọn anh đã kể nhau nghe hồi đó. Anh nghĩ rằng anh đã giải thích cho ông ta nghe tại sao là hợp lý hơn khi đặt phòng giặt đồ ở tầng hầm nhà và thay đổi sơ đồ giao thông xe cộ trong khu phố. Dù sao đi nữa, cuối cùng ông ta cũng điện thoại cho mẹ anh để thú nhận sự bất lực của mình:

— Thưa bà, tôi e rằng con trai bà bao giờ cũng thắng cả.

Về Versailles cũng thế, em có cảm giác đó mà, anh từng nghĩ mình biết tất cả rồi. Anh từng tin mình hiểu biết lịch sử Thái Dương Vương và triều đình Pháp. Cho tới ngày anh gặp giữa đường tên tạo cảnh cần cù mặc áo thun vàng...

Em hiểu quá rõ những mối ám ảnh của anh và em biết hơn bất cứ ai khác – chính vì anh đã cùng em lần đầu tiên tham quan lâu đài Versailles cách đây gần hai mươi năm – là anh đã không quan tâm ngay lập tức đến các ngôi vườn nơi đó. Em còn nhớ chuyến đi vòng quanh châu Âu mười lăm ngày anh đã tổ chức mà không hỏi ý em không? Anh khi đó hai mươi mốt tuổi, còn em mười tám. Ban đầu em đã nhảy cẫng lên, mừng vui, nhưng rồi sau đó... em đã trách móc anh là mắt lúc nào cũng nhìn đồng hồ, tính toán từng phút một, trong các đất nước tính bằng thế kỷ đó. Anh đã áp đặt lên em cả hai giờ thăm viếng điện Versailles kèm theo lời bình của anh, anh

biết nó tận chân tơ kẽ tóc mà; hai tiếng đồng hồ đi như ma đuổi... trong đó có mười lăm phút, với đồng hồ trên tay, dành cho các lối đi của Le Nôtre mà chẳng chịu dừng chân đôi chút để ngắm những bức tượng và những đài nước, hầu như không thấy gì (trời mù sương vì hơi nước, che khuất các viễn cảnh), hiểu chúng càng ít hơn. Anh đến đây chỉ để kiểm tra xem thực tế có đúng như trong các cuốn sách mà anh đã học kỹ. Vậy mà anh đã chơi liều, không học về các ngôi vườn chi cả. Nếu mà anh chỉ muốn lợi dụng bóng mát của các khóm cây để... thôi, em biết mà. Nhưng khi đó anh đã không nghĩ ngay cả đến việc ấy.

Tất cả sách hướng dẫn đều nhấn mạnh đến công cuộc tạo dựng cảnh quan phi thường mà các ngôi vườn này đại diện, và anh đã chẳng màng để ý đến chút nào. Tệ hơn nữa là sau lần thăm viếng đó anh còn có biết bao nhiêu cơ hội để khám phá cái bất thường của Apollon, và anh đã không lợi dụng cơ hội nào cả. Ngay cả khi anh tham quan những ngôi vườn đó bằng cách theo sát từng bước cuốn sách hướng dẫn tuyệt đỉnh: "*Manière de montrer les jardins de Versailles*"[107]. Cuốn kinh thánh này, do chính vua Louis XIV viết ra nhằm giúp ta không bỏ lỡ những điểm nhìn quan trọng và cảnh quan tương ứng, để kịp thời dừng chân trước một bể nước ngay khi nước phun vọt ra, hay trước các luống hoa vào lúc hoa nở. Nhà vua đã viết bản đầu tiên của tác phẩm vào năm 1689 và cập nhật hóa nó nhiều lần, tùy vào những biến đổi ở các ngôi vườn đó. Cho đến khi ngài qua đời.

Như vậy anh đã theo sát những lời chỉ bảo của nhà vua và bước đi trên những bước chân của ngài. Anh đã ngây ngất nhìn cỗ xe Apollon, cảm phục nhìn đoàn người ngựa từ mọi góc cạnh. Nhưng anh chẳng thấy gì cả. Nếu anh chỉ bỏ qua thông điệp chính trị mà vua Louis XIV và ông Le Nôtre đã đưa vào tác phẩm vĩ đại của họ, cái tư tưởng che giấu sau kỳ công thẩm mỹ đó, thì chẳng nói làm gì! Không phải thế đâu! Anh biết rành hơn bất cứ ai rằng những ngôi vườn này, xen kẽ bóng tối và ánh sáng, những bãi đất bao

la với những cảnh trí riêng tư, những khu rừng nhỏ với những viễn cảnh ngút tầm mắt, chúng không chỉ là to rộng nhất hay đẹp đẽ nhất thế giới. Chúng trước hết là sự biểu dương sức mạnh. Một cương lĩnh chính trị. Chúng kể lại câu chuyện mà mọi triều thần, ở thế kỷ XVII, đều thừa biết: cuộc đời của Louis Đại Vương hòa lẫn với cuộc đời của mặt trời, biểu tượng của ngài, và hiện thân trong Apollon, vị thần Mặt trời.

Một công ty quảng cáo không thể tìm ra cái gì hay hơn! Mặt trời, linh hồn của vũ trụ, là một biểu hiện quyền uy, gây ấn tượng mạnh, ngay "bà nội trợ dưới năm mươi tuổi" thời đó cũng hiểu ngay tức khắc. Nó cũng là dấu hiệu của tính hiện đại, vì thiên văn học, từ thời Copernic[108], là một ngành khoa học thịnh hành lúc bấy giờ. Nhà vua tỏa sáng từ trung tâm hệ thống xã hội cũng như mặt trời từ trung tâm hệ thái dương. Giống như mặt trời, nhà vua muốn mình là một con người tốt bụng, ngay thẳng, độ lượng, bình tĩnh, nhất quán và không thể mỏi mệt, ban phát hơi ấm và ánh sáng cho mọi người – nói gọn lại, cuộc sống... Mặt trời là một biểu tượng chính trị.

Bước lần theo những dấu ấn của hàng trăm sử gia, anh biết rằng chẳng có gì là phó mặc cho tình cờ trong sự tạo dựng các ngôi vườn. Trong cái công viên vô song này, nhà vua là mặt trời, và mặt trời, về phần nó, là vua. Công viên thì sao phỏng chu kỳ của nó, theo hướng Đông-Tây. Mặt trời mọc phía Đông, bên cạnh "Cour de Marble"[109], sau đó nó đi qua phía trên lâu đài, lượn trên lối đi hoàng gia rồi "Grand Canal" trước khi lặn ở phía Tây, phát tán những tia nắng cuối cùng trên mặt tiền lâu đài. Người ta đồn rằng – dù chưa ai có thể kiểm tra – vào ngày lễ Saint Louis[110], mặt trời, bị khuất phục, đậu lại ngay tại đầu con kênh "Grand Canal".

Nhưng đối với những nhà dàn dựng, tạo cảnh thời kỳ đó, họ còn cần phải lập ra mối quan hệ nhãn tiền giữa mặt trời và nhà vua. Chính ở chỗ này mà họ đưa ra Apollon! Kẻ trung gian thần linh. Vậy thì trong các ngôi

vườn, một khi Apollon được tạc đứng trên cỗ xe của mình thì không một khách nhàn du nào lại có thể không biết đến cái quan hệ giữa nhà vua và Thượng đế. Nhà vua là con của Thượng đế, giống như Apollon là con của Zeus, thần của các vị thần ở đỉnh Olympe[111].

Thế là nói được hết rồi! Đúng là một thiên tài, cái ông Le Nôtre này! Đúng là thiên tài mới thành công được trong việc phổ nhạc – có lẽ anh nên nói là sắp đặt bằng hình ảnh – chiến lược chính trị của nhà vua!

Vì sau đó những bức tượng tự chúng sống động hẳn lên! Le Brun và Colbert đã chuyển giao các chiếu chỉ của nhà vua và các bản phác họa của Le Nôtre cho một nhóm điêu khắc gia – Girardon, Coysevox, Desjardins và Le Hongre – họ đã biến các ngôi vườn Versailles thành một cuốn sách hình ảnh phi thường. Một kinh thánh ngoài trời! Nhưng một kinh thánh không có mặt bất cứ thần thánh lớn nhỏ nào, không có một ám chỉ nhỏ nhặt nhất nào về đạo Thiên chúa. Một vườn địa đàng mới, nơi mà Louis XIV-Apollon đi lại ngang hàng với các thánh thần khác thời cổ đại.

Phần anh, anh thấy khoái chí chạy bộ giữa họ. Dạo này anh không còn mang theo máy nghe nhạc MP3 nữa như thuở ban đầu. Thú vui giản dị và đủ đầy đối với anh là vừa chạy dọc theo các khóm cây, vừa thích thú ngắm nhìn, đến cả lần thứ một trăm, luôn tự hỏi làm sao mà các nhà điêu khắc đầy tài năng này đã diễn tả được huyền thoại Apollon tuyệt vời đến thế. Vì ở đây, mọi thứ đều kể ra một câu chuyện. Mỗi một pho tượng, mỗi một đài nước đều mang một thông điệp. Và khách tham quan, chỉ cần là anh hay chị ta muốn thôi, sẽ được dẫn dắt, giữa những khóm cây, về phía Chân lý, Minh triết và Thiên khải.

Công viên Versailles không chỉ là một công viên, nó chính là ngôi vườn khai tâm mà những người khổng lồ bằng đá cẩm thạch, đứng thẳng trên các bể nước của họ, giấu mình trong những khóm cây, vào mùa đông thì

đầu họ được trùm dưới tấm vải màu lục, thầm thì một lời nhắn gởi mà kẻ dạo chơi lơ đãng hiếm khi nghe được. Em đừng nói ngược lại nghe... Em đã cần bao nhiêu thời gian để hiểu?

Trước hết, bể nước Latone khai mạc buổi khiêu vũ hoành tráng của các ẩn dụ: ta thấy ở đấy những dân quê bị biến thành cóc nhái, họ đã từ chối cho tị nạn bà mẹ Apollon đang trốn chạy cùng các con. Sự ám chỉ thì rõ ràng đấy: những kẻ tham gia cuộc biến loạn la Fronde[112] hãy liệu hồn mà xử sự, vì vào ngày 5 tháng giêng 1649, họ đã khiến cho Anne d'Autriche, mẹ của Louis XIV, bỏ trốn cùng hai con trai khỏi Palais-Royal ở Paris bằng cửa hậu để tị nạn ở vùng Saint-Germain-en-Laye! Rồi những bể nước Lézards, ngay bên cạnh Latone, ở đó những con người cũng bị biến thành thú vật bầy nhầy, cũng làm rõ thêm ẩn ý này.

Và cuốn phim tiếp tục ở bể nước Dragon[113]: con Trăn mà Apollon đã đánh thắng khi còn bé, nằm dài ở đấy, mình bị cắm đầy tên. Lại ám chỉ đến những cuộc nổi loạn và những cuộc chống đối. Xa hơn một chút là Encelade, tên khổng lồ tội nghiệp đã liều lĩnh nổi dậy chống lại Jupiter và tỏ ý leo lên đỉnh Olympe, bây giờ nằm dài trong một khóm cây mang tên mình, thân hình bị đè dưới một núi đá, miệng mở toác hoác để cầu xin ông trời lượng thứ. Một sự trừng phạt tàn nhẫn dành cho người khổng lồ, bị chôn sống như thế vì đã làm cho thánh thần nổi giận.

Ngay cả được Thượng đế tấn phong, số phận một ông vua vẫn còn phụ thuộc hoàn toàn vào một cuộc nổi dậy, và Louis thời trẻ biết rõ điều này hơn ai hết. Ông nội ngài, vua Henri thứ tư[114], đã bị ám sát chết. Người anh bà con, Charles thứ nhất[115], vua nước Anh, đã bị xử tử.

Như vậy, mọi ẩn dụ của ngôi vườn đều nhằm cảnh giác những kẻ gan góc có thể liều lĩnh tấn công vào đức vua nước Pháp. Từ tất cả những khóm cây, những đài nước, xuất hiện lời cảnh báo của Louis XIV: "Ta sẽ trừng

phạt những tên nổi loạn không gớm tay để làm gương." Biết bao lần anh ước gì em có mặt bên anh để chỉ cho em thấy ngôi vườn này biểu lộ tính chính trị chừng nào!

Nhưng chắc là anh có lỗi nếu em đã quan tâm quá muộn màng, quá rời rạc, đến các ngôi vườn Versailles. Đáng lẽ anh phải lôi em vào những cuộc tìm hiểu của anh ngay từ lúc đầu. Như thế em mới hiểu hơn niềm đam mê của anh đối với bể nước Apollon. Được đặt thẳng hàng với khoảnh vườn trồng hoa Latone, ngay đầu Tapis vert, Apollon trên cỗ xe trông có vẻ như lao lên trời, chạy như bay đến cứu mẹ... Khi ta biết được những mối liên hệ gắn bó đứa con trai với người đẻ nó ra đời, thì tư thế này có vẻ hoàn toàn tự nhiên. Vị thần Mặt trời quay mặt về phía Latone, nó hợp lô-gíc lắm.

Thế nhưng, cái khiếm khuyết nằm chính ở đó! Làm sao mà anh, mẹ kiếp, lại không nhận ra nó? Tại sao anh đã đợi đến khi Leroux, tên tạo cảnh vườn gàn dở, nói ra mới biết? Apollon được đặt như thế thì có thể, tất nhiên, chào bà mẹ mình, nhưng chàng lại tiến ngược hướng Mặt trời! Đó có phải là một sự lựa chọn tự giác không? Và nếu phải, thì nó che giấu cái gì? Anh đã xoay qua, trở lại trong đầu câu hỏi này không biết bao nhiêu lần. Anh còn nằm mơ về nó nữa đấy. Anh đã xem xét tỉ mỉ cả đống chuyên luận của các sử gia về chủ đề này, đầy dẫy từ ngữ chuyên môn, cũ rích bụi bám dày, thiếu cơ sở vững chắc. Luận cứ phổ biến nhất giải thích là cỗ xe thực ra chạy về hướng động Thétis[116]: thật vậy, ở bể nước nằm gần lâu đài ta có thể chiêm ngưỡng một bức tượng Apollon đang nghỉ ngơi ban đêm, giữa bầy tiểu nữ thần, và sẵn sàng đi tiếp về hướng tây. Một lối diễn giải ngông cuồng, phi lý, nên không lạ gì khi biết cái động đó đã bị phá hủy ngay từ năm 1684.

Trên thực tế, một thứ đồng thuận có vẻ bắt đầu hình thành giữa các tác giả: tư thế lạ lùng của Apollon hẳn là "gây khó chịu" cho huyền thoại mặt trời, nhưng xét cho cùng, việc này đối với họ thì chẳng quan trọng gì. Đối

với anh thì ngược lại tất cả. Anh cảm thấy là anh không thể từ bỏ ý định làm sáng tỏ bí ẩn này. Anh bao giờ cũng tìm ra, trong suốt sự nghiệp của mình – và em biết rõ mà – những giải pháp ở ngay những chỗ mà người khác chỉ thấy toàn là vấn đề không à. Trong các lãnh vực phần mềm, công nghệ sinh học, bệnh tật... thế thì tại sao Versailles có thể cưỡng lại anh chứ?

Trực giác anh mách bảo rằng, nếu anh thực sự muốn làm sáng tỏ cái bí ẩn này, muốn thành công chính ngay chỗ những người khác đã thất bại, anh phải tìm thấy những bình đồ nguyên bản mà ông Le Nôtre, nhà tạo cảnh vườn của vua Louis XIV, đã vẽ, những bản phác thảo đầu tiên về cái bể nước này, về "Tapis vert", về "Grande Perspective", về những khóm cây, về cái công trình vĩ đại mà ông ta đã gầy dựng ở Versailles.

"Le Nôtre." "Louis XIV." "Ngôi vườn Versailles." "Bình đồ nguyên bản." "Bản vẽ đầu tiên". Anh đã lập trình cả chục từ khóa trên artvalue. com, và mạng Internet này gửi cho anh những tín hiệu báo trước mỗi khi những vật dụng mà anh quan tâm có nguy cơ bị đem ra bán đấu giá. Vả lại, thỉnh thoảng vẫn có vài thứ như thế, nhưng chẳng có cái gì liên quan đến Apollon hay các bình đồ nguyên bản của Le Nôtre cả.

Anh trở lại Boston và nhiều tuần lễ trôi qua, anh không có cơ hội nào để chúi mũi vào hồ sơ này. Những cuộc phản công của các công ty cạnh tranh với Controlware làm anh lo lắng, dù rằng bây giờ anh đã không còn nắm giữ trọng trách điều hành xí nghiệp mà để dành thì giờ và tâm trí cho quỹ từ thiện của mình. Puttman thường nổi cơn thịnh nộ, đổ mồ hôi ròng ròng, đuổi việc nhân viên một cách kịch liệt và ném loạn xạ những lon Coca trong các buổi họp. Vấn đề Apollon ngược hướng, như thế, trở thành thứ yếu và sắp sửa chìm sâu vào ký ức hổ thẹn trong bộ óc anh, như một khoảng không gian trong cái đĩa ghi nhớ, nơi anh lưu trữ các bí ẩn – hiếm hoi lắm đấy – mà anh không bao giờ thành công trong việc làm sáng tỏ chúng.

Nhưng vào một buổi sáng, hôm trước ngày Lễ Tạ Ơn[117], ở văn phòng, anh nhận được một cú điện thoại từ Sandra.

— Anh Dan, em nói chuyện với anh được chứ? Em không làm phiền anh chứ?

— Sandra, em không bao giờ làm phiền anh cả.

Sandra từng làm việc cho Controlware, bây giờ thì điều hành quỹ từ thiện mà anh đã lập ra cùng với Amelia. Em biết cô gái này mà! Một mạch vi xử lý ở ngay trong thùy não trái! Chính cô này là người mà anh trao trách nhiệm xem xét các yêu cầu tài trợ. Em biết không, từ khi trở thành một tổ chức từ thiện quan trọng nhất thế giới, bọn anh bị ngập đầu, ngập cổ dưới đống hồ sơ xin tiền gửi đến tới tấp. Về nguyên tắc, bọn anh đã hướng các hoạt động của mình về mục tiêu chống nghèo đói nhưng bọn anh không thể ngăn cản tất cả những cơ sở nhân đạo, những ông, bà chủ các lâu đài hoang phế hay giám đốc các viện bảo tàng thiếu tiền, thiếu vốn viết thư cho mình. Sáu mươi tỉ đô-la có sẵn đó, ai mà không chảy nước miếng...

— Anh Dan ơi, ở đây em đang có một người khách Pháp. Ủy viên công cán của Bộ Văn hóa. Ông ấy đến nói với chúng ta về Versailles.

Sandra biết rằng anh quan tâm đến chủ đề này.

— Ông ta muốn chính xác cái gì?

— Ông ấy nói rằng một nhà sưu tập Pháp đưa ra bán đấu giá ở Paris, qua trung gian của Sotheby's[118], một cái rương nhỏ Boulle của vua Louis XIV. Đồ vật này có nguy cơ rời khỏi nước Pháp nếu Versailles không tìm ra phương tiện để sở hữu nó. Ông ấy tìm những nhà tài trợ hảo tâm. Đó không phải là việc của chúng ta, anh Dan à, nhưng...

— Giá bao nhiêu?

Sandra đã quen lối nói thẳng của anh.

— Tám trăm ngàn đô-la.

Chuyện nhỏ! Trừ phi anh không muốn vi phạm đến chiến lược của mình. Tiền bạc quỹ từ thiện của anh đâu nhằm làm giàu thêm các bộ sưu tập của các lâu đài Pháp. Nói vậy thôi, anh vẫn có thể mua cho họ với tư cách cá nhân. Nó còn liên quan đến Versailles nữa mà!

— Mời ông ta đến.

Một giờ sau, Pierre de Claverie có mặt ở văn phòng anh. Tuổi độ bốn mươi, cao lớn, đeo kính, mặc đồ lớn màu biển sậm, áo sơ mi xanh, cà vạt màu rượu "bordeaux", anh ta đã sở hữu dáng vẻ hoàn hảo của một công chức cao cấp Pháp, không thô lỗ chút nào, đủ sức trụ vững trước các chính phủ thay đổi luân phiên. Lẽ ra em đã có thể trở thành y chang như thế nếu một nửa gien em không phải Mỹ. Anh ta đến gặp Sandra để trình bày những dự án của các nhà bảo tồn Versailles trên vấn đề tài trợ hảo tâm. Tiếng Anh của anh ta thì chậm nhưng trau chuốt, và con người này không tỏ ra rụt rè khi thấy mình ở trong văn phòng của ông chủ quyền lực nhất thế giới.

— Ông de Claverie, tôi có ba mươi phút.

Cái mánh cũ của em để tránh cho các cuộc họp kéo dài mãi...

Claverie lấy từ cặp ra các tấm ảnh và tài liệu chứng minh nguồn gốc của cái rương dùng để đồ quý nói trên. Chỉ lớn hơn cái hộp đựng giày chút xíu, nó được làm ra vào giữa những năm 1685 và 1690 bởi André Charles Boulle, và ngay từ đầu, nó được dành cho văn phòng Versailles mà vua Louis XIV vừa mới dọn đến. Anh nghe tên quan chức nói một cách lơ đãng. Lại vừa nhận điện thoại từ Puttman hai lần về vụ án Balco. Mười lăm phút trôi qua, và anh cắt ngang:

http://tieulun.hopto.org

— Nghe này, ông de Claverie, chúng ta hãy đơn giản hóa vấn đề thế này. Tôi cho ông tám trăm ngàn đô-la... nếu ông giải thích tôi nghe tại sao cỗ xe Apollon ngược hướng.

Tên quan chức im lặng một lúc, rồi đặt các tài liệu của mình lên bàn. Anh chờ anh ta né tránh câu hỏi, trở lại việc cái rương Boulle, ngay cả cười phá lên. Sai bét. Claverie vẫn tỏ ra thẳng thắn, lạnh lùng.

— Cỗ xe Apollon ngược hướng à... Câu chuyện xưa quá rồi. Nhiều sử gia đã tìm hiểu vấn đề này. Nhưng chẳng xong cái khỉ mốc gì cả, nếu tôi được phép dùng chữ như thế, ông Barett ạ. Các ngôi vườn này đã thay đổi, tiến hóa biết mấy với thời gian!

Anh ta định mỉm cười nhưng tự chặn lại ngay trước khi nói tiếp, giọng nghiêm túc:

— Có lẽ chỉ có một cách duy nhất để kiểm tra. Tìm thấy những họa đồ nguyên gốc của Le Nôtre. Thế nhưng, chuyện này thì cũng nghe nói mà thôi...

— Tất cả những họa đồ cũ của Le Nôtre đã được phân tích, đúng không nào? Chúng đều nằm ở Pháp, nước ông, ở Thư viện quốc gia hay ở Institut de France[119], phải không?

— Đúng thế. Nhưng chắc là ông biết một anh nghiên cứu trẻ người Pháp, Pierre Bonnaure, đã tìm ra cách đây vài tuần một bình đồ đó, có niên đại từ 1664, phải không? Nó nằm trong kho lưu trữ của Thư viện quốc gia Pháp...

— Phải, tôi đã thấy nó trên blog của anh ta. Nó trước đây đã bị người ta gán cho một ông François de la Pointe nào đó trong khi nó được vẽ ra từ chính tay Le Nôtre. Nhưng nó không phải là bản nguyên lai và chẳng mang lại điều gì mới liên quan đến Apollon.

— Thật vậy, nhưng cái khám phá này chứng tỏ ít nhất một điều: không loại trừ khả năng là người ta, một ngày nào đó, sẽ tìm ra các bình đồ khác, xưa hơn nữa, trong các bộ sưu tập cá nhân, các kho lưu trữ, trong các viện bảo tàng cũ kỹ, trong các tầng nóc các ngôi nhà... Nhất là ở Thụy Điển.

Ở Thụy Điển à? Ngay lúc này thì chính anh lại im lặng một chút. Tại sao lại là Thụy Điển? Có cái gì đó đã thoát khỏi sự hiểu biết của anh.

— Viện Bảo tàng Stockholm, - Claverie nói tiếp khi thấy anh tỏ vẻ ngạc nhiên, - sở hữu một bộ sưu tập phong phú nhất những họa đồ của Le Nôtre. Không chừng có một cái nào trong bộ đó liên quan đến Apollon chăng? Có các bình đồ bộ phận không? Hay có ai đó có thể chỉ cho ta chỗ nào mà đi tìm không?

— Làm sao ông biết chuyện này?

Viên công chức ngồi thẳng người trước mặt anh, gần như nghiêm chào. Hãnh diện, em có thể hình dung được mà, khi được dịp phô trương kiến thức của mình về lịch sử nước Pháp. Nhất là trước một người Mỹ.

— Tôi đã làm việc ở Louvre[120] cách đây vài năm, - anh ta nói tiếp. - Chúng tôi trao đổi nhiều nghệ phẩm với Stockholm. Nhưng không bao giờ trao đổi những bản vẽ của Le Nôtre. Chúng không đi đâu ra ngoài hết. Chúng mỏng manh quá.

— Nhưng tại sao chúng lại ở đó?

— Chuyện xưa rồi. Đứa cháu trai gọi Le Nôtre bằng ông bác đã để cho một kiến trúc sư người Thụy Điển vào xem những họa đồ của Le Nôtre. Hắn còn cho phép anh ta làm những bản sao và mang ngay cả các bản gốc về nước mình.

— Ai là người ông liên hệ ở đó?

— Có phải là một câu hỏi với giá tám trăm ngàn đô không?

Anh ta ăn nói một cách khoan thai nhưng suy luận nhanh chóng.

— Ông hiểu hết rồi mà, ông de Claverie ạ.

— Strandberg, Kathrin Strandberg, quản đốc viện bảo tàng.

Ngày hôm sau anh ra lệnh chuyển tiền cho Claverie. Rồi anh bay sang Stockholm.

http://tieulun.hopto.org

7

Emma cực chẳng đã mới trở lại phòng mình. Với anh chàng Pierre này mọi sự lúc nào cũng có cái vị "nửa chừng xuân". Ngay cả các cuộc nói chuyện giữa hai người cũng gây ra thất vọng thế nào ấy, làm như bị treo lơ lửng. Những dịp hiếm hoi hai người ăn trưa với nhau, anh cũng chẳng tỏ ra cởi mở chút nào. Anh không để mình bộc lộ chuyện riêng tư, dù nhỏ nhặt nhất. Anh không để mất cảnh giác. Mẹ nàng thường nói, ta là bạn với ai đó khi ta có thể nói với người đó về "những điều làm ta đau khổ". Vậy mà, với Pierre, hai người bao giờ cũng chỉ nói về những điều làm ta vừa lòng. Hay chẳng về gì cả. Hai người đáng ra có thể là bạn nhưng anh đã đặt một cái rây lọc lạnh lùng giữa họ. Tối nay chắc là thân xác họ đã lên tiếng, nhưng mặc dù vậy họ chẳng phá vỡ được màn băng.

Emma ngồi lên giường rồi mở laptop để cho yên tâm; máy bắt đầu chạy trong khi nàng tắm vòi hoa sen. Nàng quay lại, gõ mật khẩu rồi trở lại đánh răng. Khi ra khỏi phòng tắm trong bộ đồ ngủ màu xanh dương, để phòng mọi bất trắc, nàng thử kết nối Internet. Lần này, không một thông báo lỗi xuất hiện khiến nàng ngạc nhiên. Nàng gõ địa chỉ của công ty, và nó hiện ra ngay sau đó. Tuyệt vời. Mọi sự trở lại bình thường rồi!

Nàng rất kinh ngạc. Một lần nữa thế giới đã thoát khỏi Đại Số Dách, khỏi con virus toàn cầu ác nghiệt. Những nhà nghiên cứu chắc đã nhận dạng được những kẻ gây ra cuộc tấn công và đã chặn tay chúng. Công việc này

của họ chắc là không dễ đâu, mất đến hai ngày mà, nhưng những nhà chuyên môn về virus đã tỏ ra hiệu quả thực sự, từ rày về sau. Nàng suýt gọi điện cho Pierre để báo tin nhưng dằn được: trong phòng mình chắc anh đang khám phá ra cùng một chuyện như nàng. Chắc anh đã thở phào nhẹ nhõm, nàng hình dung như thế trong đầu.

Nàng ngồi thoải mái trên giường, kê hai cái gối chèn lưng, và bắt đầu trả lời các thư của Brad. Lạ lùng là nàng thấy chúng tầm thường quá đỗi trong khung cảnh như thế. Chúng không nhắc gì đến, chắc vậy rồi, cuộc thảo luận của hai người trước khi nàng đi. Brad kể là các hoạt động của anh thì không bị thiệt hại lắm, anh lo lắng cho nàng, anh hồi hộp chờ tin nàng. Nàng hồi âm với vài thông tin, vỏn vẹn có mười hàng thôi, và chấm dứt bằng tiếng Pháp: *"Em hạnh phúc vì anh có mặt trên đời!"*. Bằng ngôn ngữ của Molière[121], vì đối với nàng câu này có vẻ nặng nghĩa hơn là bằng tiếng Anh. Đây không phải là lần đầu tiên nàng nhận ra như thế: khi diễn tả một tình cảm bằng tiếng Pháp, nàng thấy nó ít nông cạn hơn.

Nàng cũng hồi âm hai tin nhắn khẩn cấp bằng hai chữ *O.K* ngắn gọn. Tính chung, nàng đã nhận được khoảng hai chục thư điện tử đề ngày hôm qua và hôm kia. Hai chục lần ít hơn thường lệ. Phần lớn chắc đã mất hút trong sự tắc nghẽn. Nàng sắp sửa đóng hộp thư thì ngay trước khi nhấp chuột, một đề thư nằm cuối danh sách làm nàng chú ý. Đề thư viết bằng tiếng Anh và đến từ công ty dịch vụ cảnh báo mà nàng thuê bao.

Báo động về *mélatonine.* Năm hành khách tử vong. Các chuyên gia lo ngại một dịch bệnh đã bắt đầu.

Bài báo mà nàng cho chạy dưới mắt làm nàng lạnh người. Mang tựa đề *"Bí ẩn của mélatonine"*, nó nêu ra cái chết của năm người, hôm qua hay hôm kia, đã uống thuốc này để tránh những tác hại của jetlag. Giống y chang như Kathrin Strandberg. Tất cả mấy người này đều vừa trải qua một chuyến

bay dài. Tất cả đều bị "chập mạch" trong những tiếng đồng hồ trước khi tắt thở, quên phắt cả nơi ăn, chốn ở, tên tuổi của những người thân yêu, đôi khi quên cả tên thánh của chính mình. Và các nguyên nhân của cái chết thì có vẻ tương tự: rối loạn hô hấp, phù người, tim ngưng đập, thường sau vài giờ hôn mê sâu. Hai nạn nhân chết ở Boston, một người khác ở Sydney, người thứ tư ở Francfort. Nạn nhân thứ năm, chính là quản đốc viện bảo tàng người Thụy Điển. Nhưng mặt khác, bài báo lại không nói gì về những hành động bạo lực trên thân xác mà cô đã chịu đựng. Người ta đang tiến hành những cuộc mổ tử thi nhưng không một bác sĩ nào có thể, cho tới lúc này, xác định được tiến trình chính xác của cái chết. Liệu có phải là những hiện tượng dị ứng riêng rẽ liên quan tới việc uống quá liều? Liệu có phải do cơ thể không dung nạp được *mélatonine*, một sự kỵ thuốc chưa bao giờ được phát hiện cho tới lúc này không? Liệu có phải là sự bắt đầu một cơn dịch bệnh không? Emma cũng tự hỏi làm sao tên nhà báo đã viết bài này lại kết nối được Sydney, Boston và Luân Đôn[122] với nhau. Và nhất là Arromanches. Thật khó tin là mỗi một trong các biến cố này lại được chỉ ra cho thấy từ một bản tin nhanh của hãng thông tấn.

Hơn một giờ sáng rồi. Emma cảm thấy khó mà ngủ được nhưng vẫn duỗi người nằm dài trong giường và kéo mền lên người. Tắt đèn xong thì nàng nghĩ ngay đến Pierre. Số mệnh đã sắp xếp hai người gặp lại nhau, và nàng cảm thấy mơ hồ là nếu cả hai chỉ dừng ở đây thì sẽ phí hoài cái gì đó. Chẳng có gì chứng tỏ hai người sinh ra để hợp ý, hợp lòng nhau, nhưng đối với nàng thì có vẻ cả hai cần hiểu nhau hơn. Dù muốn hay không, anh đã chiếm một chỗ trong vô thức của nàng, thay cho việc có được một chỗ trong đời nàng. Nàng nhắm mắt và thở vào một hơi sâu. Giấc mơ đó trở lại mạnh mẽ. Nàng đẩy nó ra khỏi đầu nhanh chóng: không, đây không phải là điều nàng mong ước. Tuy vậy, nàng thấy tiếc là đã không nói ra với Pierre cái cảm xúc xuất hiện trong nàng khi ở dưới cổng vòm. Nhưng cảm xúc gì chứ?

Nói cho đúng, nàng đã cảm thấy gì? Liệu nàng có đủ sức giải thích nó không?

Nàng bật đèn lại. Máy điện thoại nằm kia, trên bàn đầu giường. Chỉ cần với tay. Quay số 928 để biết Pierre, giống như nàng, có cảm thấy bực tức, thất vọng vì tính hời hợt trong các trao đổi giữa hai người không? Nhưng chàng sẽ tin gì cơ chứ? Nàng chưa hề làm bước trước với đàn ông. Hơn nữa, đó không phải người đàn ông nàng yêu. Nếu mà nàng biết chính xác mình muốn gì thì đâu phải loay hoay thế này! Có lẽ, đơn giản thôi mà, nên nói chuyện với Pierre để biết anh rõ hơn. Phải rồi, ít ra là như vậy. Nhưng nhất là, cái mà nàng muốn đạt đến chính là cảm giác chắc chắn mình không bỏ lỡ một cái gì quan trọng.

Nàng tắt đèn đầu giường một lần nữa. Đàn bà không thể gọi cho đàn ông trước, giữa đêm khuya. Ngay các nhà phân tâm học cũng nói rằng, một thái độ như thế là nguy hiểm. Thật vậy, khi một quan hệ được tạo dựng trên một hành vi nền tảng như thế thì một sự bất quân bình sẽ xuất hiện sau đó. Đàn ông, đàn ông thực sự, chỉ có ham muốn đối với người đàn bà mà tự họ quyến rũ được.

Cho dù thế đi nữa, quan trọng gì nào? Với Pierre, đâu phải là vấn đề ham muốn. Về phần những quan hệ mà họ có thể tạo dựng, chúng không có nguy cơ đi rất xa được: hai người sống cách xa nhau cả mười ngàn cây số.

Vào 1 giờ 30 sáng, Emma ngồi trên giường và mò mẫm nhấc máy điện thoại.

8

Pierre ngồi trên cát, dưới chân tường, đối diện biển; trời không mây và anh vừa chờ Emma đến vừa thử tìm tên những vì sao. Khi nàng gọi điện cho anh, mười phút trước đây, anh đang lướt mạng Internet. Anh cũng cực kỳ ngạc nhiên khi nhận thấy hệ thống hoạt động lại bình thường. Franck đã làm anh lo sợ, với Đại Số Dách của hắn. Từ trưa nay, cuối cùng thì anh đã tin chắc rằng mạng Internet đã bị hủy hoại thực sự. Giả thuyết người ta đưa ra, mà anh biết rõ hơn ai hết, thì buồn cười: hệ thống đã trở nên quá cần thiết đối với người Mỹ nên họ phải tái lập nó bất cứ giá nào. Nhưng cuộc tấn công hai hôm nay đã chỉ ra là một tổ chức hùng hậu – một nước, một nhóm khủng bố? – trang bị với những phương tiện chưa từng xuất hiện tới lúc đó, đã quyết định triệt tiêu cái công cụ truyền thông tuyệt vời mà con người sáng chế ra kể từ khi xe hơi ra đời.

Ngay cả khi mọi sự trở lại, có vẻ thế, bình thường – từ 15 giờ ở New York, 21 giờ ở Pháp – Pierre không thấy hoàn toàn nhẹ nhõm. Giống như tất cả nhà tin học, anh không thể xem việc này như đã xong xuôi, xếp qua một bên, cho tới khi nào anh phân tích được một cách chính xác các động lực của nó mới thôi. Ai đã chỉ đạo cuộc tấn công? Với mục đích gì những tên tin tặc đã hành động? Có phải đơn giản chỉ để mọi người thấy chúng là giỏi nhất về mặt kỹ thuật không? Hay thế này, có phải mục tiêu của chúng là chính trị không: tiêu diệt cái biểu tượng tuyệt đối của sự toàn cầu hóa?

http://tieulun.hopto.org

Nhưng nhất là, ngoài động cơ hành động, chúng đã sử dụng cách thức nào để vượt qua các thiết bị phòng cháy lan và chống virus? Tất cả những câu hỏi này chen chúc, xô đẩy nhau trong đầu anh, dồn ra phía sau những việc xảy ra tình cờ khác trong ngày. Từ khi trở lại phòng từ hộp đêm, anh chúi mũi vào các diễn đàn chuyên môn, đi "câu" thông tin trên các blog của các tin tặc và trên các trang mạng của những công ty sản xuất phần mềm. Những gì anh đọc được trên đó chẳng làm anh yên tâm chút nào. Dĩ nhiên, các máy chủ đã được chữa không còn tắc nghẽn, việc này đã cho phép hệ thống khởi động lại. Nhưng các nguyên nhân của sự tắc nghẽn thì không được xác định rõ ràng. Các nhà chuyên môn vẫn còn đứng ở giai đoạn giả thuyết, đưa ra nhiều và trái ngược nhau.

Chỉ có yếu tố duy nhất mà ai cũng đồng ý là qui mô của sự ngừng trệ: đúng là một sự lép vế kinh khủng nhất mà Internet đã chịu đựng từ khi ra đời. Nó đã làm cho mọi người chú ý đến khía cạnh cực kỳ dễ bị tổn thương của hệ thống. Mặc cho những tác dụng báo hiệu và những tiến bộ thực sự đạt được trong những năm gần đây để bảo đảm an ninh cho hệ thống, các tin tặc vẫn đi trước một khoảng cách, bỏ các vệ binh phòng thủ đàng sau. Pierre, trong thư điện tử, vừa mới làm nguội bớt sự vênh vang tự đắc của ông bạn Franck, hắn chưa gì đã quên nhanh nỗi khủng khiếp của anh ta hôm trước: "Mày sẽ thấy đó, cuộc tấn công này sẽ lưu lại trong sử sách, ta cần phải rút ra từ đó những bài học." Anh bắt đầu suy nghĩ về những bài học này thì tiếng chuông điện thoại xen ngang. Emma đấy.

— Pierre, xin lỗi làm phiền anh.

Đồng hồ phía dưới màn hình chỉ 1 giờ 30 sáng. Tại sao nàng gọi anh vào giờ này? Nàng ngã bệnh hay sao?

— Không có gì đâu, anh còn thức mà, - Pierre trả lời một cách điềm tĩnh.

— Em không ngủ được. Anh có muốn đi dạo một chút không?

Giọng nói không âm sắc, đứt quãng. Có phải Emma có vấn đề liên quan đến cái chết của người phụ nữ nọ mà nàng có lẽ quen biết không? Có xảy ra chuyện gì mới từ lúc nãy không? Người đàn bà Mỹ này không thuộc loại người gọi điện giữa đêm hôm khuya khoắt.

— Em có thích đến đây hơn không? - Anh đáp, không thấy hứng đi ra ngoài lần nữa chút nào.

— Không, em thực sự muốn ra ngoài hít thở không khí một chút.

— Thôi được... Xem nào... Em muốn đi đâu?

— Đâu cũng được. Gặp nhau ở bãi biển được chứ?

Anh mặc lại quần áo chỉ trong vài giây đồng hồ và đi xuống nhà. Nhưng năm phút đã trôi qua và anh còn chờ đây. Anh bắt đầu tự hỏi Emma có phải giống như vài người đàn bà anh biết, cố tình đến trễ để thử xem khả năng làm cho đàn ông thèm muốn của mình mạnh đến đâu. Ngày trước Emma tuyệt nhiên không hề giở trò điệu đàng quyến rũ đàn ông, nàng tìm hiệu quả trong công việc hơn, ta phải công bằng như thế khi nghĩ về nàng. Nhưng có lẽ nàng đã thay đổi khi càng lớn tuổi và khi trở thành một ngôi sao.

Pierre không thể nào đoán ra được rằng Emma, hoang mang vì sự táo bạo của mình, đã làm mất đi những phút quý giá đó để chọn lựa chiếc áo pull, rồi lại lần chần trước tấm gương ở cửa ra vào để rồi cuối cùng quyết định không đánh phấn hay vẽ mắt. Anh cũng khó mà hình dung được cảnh nàng đứng lại trước lối vào khách sạn, dưới cổng vòm, để hít vào thật sâu và để giải thoát khỏi nỗi xúc động đang làm nàng nghẹn thở.

Khi anh thấy nàng xuất hiện trước mặt, hầu như bất ngờ, nàng mặc quần jean, áo thun ngắn tay, mang đôi giày bóng rổ. Điều này cũng bất ngờ nữa. Tóc nàng dài, nâu, bồng bềnh trên đôi vai. Nàng chìa tay về phía anh

để giúp anh đứng dậy. Anh đứng lên dễ dàng và nhanh nhẹn, không nắm lấy tay người đàn bà, nhưng như thể bù trừ cho sự chối từ này, anh vòng tay ôm vai nàng.

— Có chuyện gì không ổn sao? - Anh hỏi.

Nàng có vẻ ngạc nhiên thấy anh ân cần đến thế.

— Em thấy khó ngủ quá, em cần đi bộ... Anh thấy không? Internet đã chạy lại.

Nàng ngẩng mặt về phía anh ngay lúc, để trả lời nàng, anh cúi xuống. Môi hai người chạm nhau. Nỗi ngạc nhiên chỉ kéo dài một giây thôi, một giây mà môi họ rời ra, để rồi gắn chặt lại với nhau nồng nàn hơn sau đó. Sau này, không ai trong hai người chấp nhận mình là người hôn trước, như thể ý chí của họ không giữ một vai trò nào hết trong việc họ đến với nhau. Nhưng cả hai đều thừa nhận, đó chỉ là một sự biểu lộ, giữa bao nhiêu biểu lộ khác, của sự quen thuộc đến mức lạ lùng của thân thể họ, của sự mật thiết bản năng mà họ đã cảm thấy khi khiêu vũ với nhau.

Hai người vừa ôm nhau, vừa đi xuyên qua bãi biển, bước loạng choạng trên cát và đá cuội, rồi trên cát ướt khi đến gần biển. Khá xa sau lưng họ là con đường dốc đứng bắt đầu, dẫn đến bãi biển tiếp theo, phía bên kia vách núi dựng đứng trên biển. Hàng chục lữ khách hay chỉ đơn giản là người đi dạo thường dùng nó hàng ngày. Nhưng không ai phiêu lưu đi vào đó ban đêm.

— Mình đi dọc theo triền vách núi rồi xuống dốc đến tận bãi biển khác, được không nào? - Emma hỏi.

— Bãi đó tên gì?

— Em không biết, nhưng đó là một vụng biển nhỏ, đi vào không khó lắm đâu, và một khi xuống dưới đó thì tuyệt vời vô cùng. Tựa như thiên đường

ấy.

Pierre cúi người hôn lên mái tóc óng ánh của nàng.

— Vậy thì ta cất bước lên thiên đường nào.

http://tieulun.hopto.org

9

Ngày trước...

Cô quản đốc viện bảo tàng quốc gia Stockholm chấp nhận tiếp anh một cách dễ dàng. Khi mà ta mang tên Dan Barett... Anh hầu như không nói gì với nàng trong điện thoại. Chỉ ngắn gọn là anh quan tâm đến André Le Nôtre. Anh rất muốn xem các bình đồ và các bản phác thảo mà viện bảo tàng đang sở hữu. Dấu chấm gạch. Nàng hỏi ngay tức khắc: "Chắc là không phải để mua?" Một lần nữa, tên tuổi của anh đã đến trước anh. Anh làm nàng yên tâm: "Tôi chỉ mua những gì được đem ra bán." Cuộc nói chuyện tiếp theo đó thì dễ chịu hơn. Nghe giọng khàn khàn của nàng khiến anh hình dung nàng là một loại phụ nữ giống Angela Merkel[123] nhưng trẻ hơn, khô khan và tinh thông công việc mình. Người ta đều đặn tìm thấy kiểu người với nét đặc thù trên nắm giữ những chức vụ mang trách nhiệm cao trong các nước Bắc Âu. Nhưng Kathrin Strandberg chẳng có gì giống thế cả.

Trước khi đi anh đã sai người sửa soạn cho anh một phiếu lý lịch về nàng. Ngay vào thời điểm đó mà anh đã sở hữu hơn mười ngàn phiếu rồi. Vâng, anh biết, em thường trách anh về sự "thẩm tra" này trong đời sống của người ta. Nhưng anh có sự chọn lựa nào không? Trước người đối thoại hay đối tác biết tất tần tật về anh – hay tất cả những gì mà giới truyền thông nói ra, nghĩa là, thường là nhiều hơn những gì tự anh nói ra – đó là phương tiện duy nhất để mình vươn lên cùng mức độ thông tin với họ. Em

còn nhớ cái ngày mà anh gặp bố em lần đầu tiên ở New York không?

Khi anh nhắc đến những năm ông làm việc bên cạnh Richard Nixon[124], anh đã tin rằng em sắp sửa nổi khùng. Em hét lên: "Vậy thì anh và bố em sẽ nói chuyện gì hả, nếu như anh biết ráo về bố em?" Anh trả lời em: "Nói về con người ông ấy! Không phải thú vị hơn sao?" Anh còn nhớ cái im lặng kéo dài tiếp theo.

"Với cái máy tính, em nói với anh rất lâu sau đó, ta có thể biết tất cả về người ta, ngoại trừ những gì nằm trong tim họ."

Những phiếu đó còn có ích hơn cho anh đối với một người mà anh đã gặp. Như thế anh có thể khen ngợi người đó về bài báo mà ông (hay bà ta) đã đăng sáu tháng trước trên báo The New York Times, dù anh không đọc nó chút nào... Khi anh khởi đầu cái chuyện làm phiếu này, công việc cập nhật hóa hệ thống phiếu hồi đó thì còn chán ngắt lắm. Ngày nay, anh chỉ cần ghi lại vài câu nói trên máy điện thoại hay trên mảnh che tai Wifi của mình khi anh ra khỏi một cuộc hẹn. Các dữ liệu được truyền đi bằng Internet và tập tin này tự cập nhật hóa lấy.

Lúc đó là giữa tháng giêng và trời tuyết khi chiếc máy bay 747 của hãng American Airlines đáp xuống phi trường Stockholm. Đoạn đường về thành phố trông có vẻ tẻ nhạt đối với anh. Dưới một tấm ga trắng thì tất cả thành phố châu Âu đều giống nhau. Chẳng có gì đáng để ý. Người ta đến đây để làm việc. Taxi, phi trường, khách sạn, em biết quá cái điệp khúc này mà.

Quản đốc viện bảo tàng đến chờ anh ở phi trường. Khi vừa thấy nàng anh nhận ra là cái hệ thống phiếu của mình không được hoàn hảo cho lắm. Dĩ nhiên, anh không phải không biết về các văn bằng của nàng (lịch sử nghệ thuật, điều hành dịch vụ công), về sự nghiệp của nàng (thành công của một viện bảo tàng công nghệ cao dành cho thiếu nhi mà nàng tạo dựng ra từ con số không, ở một thành phố miền Bắc, khiến nàng sau đó nhận

được trọng trách danh giá ở viện bảo tàng thủ đô.), về cuộc sống riêng tư của nàng: ba mươi ba tuổi, ly dị, không con. Thế nhưng, vì không có ảnh nên tấm phiếu lý lịch bỏ qua điều căn bản này: Kathrin Strandberg là một bức tranh tiêu biểu của phụ nữ Thụy Điển. Cao lớn, tóc vàng, nhưng thôi, anh bỏ qua những chi tiết. Nhất là cái cổ nàng, nó dài mà những lọn tóc ngắn và quăn để lộ ra. Một thiên thần miền Bắc Âu.

Đi kèm bên nàng là cô phụ tá nhỏ nhắn, tóc hung theo kiểu Anh, bàn tay tròn trĩnh mềm nhũn như bột nặn khi anh bắt tay cô ta.

— Tôi đã dự định dành cho ông một ngày, ông Barett ạ, - Kathrin nói ngay tức khắc, giọng trầm đục tuyệt vời khiến anh nhớ tới giọng của một cô ca sĩ người Ý.

Tiếng Anh của nàng thì hoàn hảo. Nàng cũng lịch sự lắm: tránh nói cho anh biết là vào mùa đông, viện bảo tàng điều chỉnh giờ hoạt động theo mặt trời. 15 giờ thì nó đóng cửa.

— Cô thật đáng mến... nhưng vài tiếng đồng hồ chắc đủ rồi chứ? Tôi có chuyến bay về lại Mỹ chiều nay, lúc 17 giờ.

— Nếu ông muốn xem tất cả thì cần cả một ngày đấy, - nàng nhấn mạnh với nụ cười mạnh dạn.

Lúc đó là 9 giờ sáng. Anh muốn tham khảo các tài liệu rồi quay lại Boston ngay. Vâng, anh biết điều mà em hình dung: ở qua đêm tại chỗ với một người tiếp đãi tương tự thì vui biết bao. Nhưng điều này đã không được dự tính, dấu chấm hết.

Bọn anh đã đi xuyên thành phố để đến thẳng viện bảo tàng, nó đóng cửa đặc biệt đối với công chúng trong hai giờ để anh có thể vào mà không ai nhận ra. Hiệu ứng Barett, một lần nữa đó mà... Bạn anh, Brad Pitt[125], người mê chuộng Van Gogh, thường khiến người ta mở cửa viện bảo tàng

Amsterdam để cho bạn bè mình vào xem. Những kẻ cứ mở miệng than phiền về sự nổi tiếng của mình đều là bọn không ngửi nổi, phải không em?

Kathrin Strandberg đưa anh đến phòng nghệ thuật họa hình. Một căn phòng dài theo kiểu xưa với các cửa sổ lớn bằng kính, và những cái bàn lớn hình chữ nhật đặt gần chúng. Tài liệu lưu trữ thì chất đầy trong những ngăn kéo và những thùng to bằng nhựa dẻo. Anh sửng sốt: không có cái gì được số hóa ở đây. Người đến nghiên cứu, một khi được xác nhận hợp lệ, thì tham khảo những bản in được tập hợp trong các cặp đựng hồ sơ. Khi nhận ra số hiệu mà mình quan tâm thì anh ta điền vào một phiếu đưa cho người phụ trách lưu trữ, rồi người này đi tìm bản vẽ nguyên gốc ở các giá sách.

May thay, Kathrin đã sửa soạn chu đáo cho anh. Cô phụ tá đã nhanh chóng mang đến một nửa tá cặp đựng tài liệu và thùng nhựa dẻo lớn, tất cả đều chứa đựng những bản vẽ được quy là của Le Nôtre. Rồi để kiểm tra là anh có ý thức rõ ràng về sự ưu đãi dành riêng cho anh cũng như những báu vật đưa ra cho anh xem, nàng nhắc lại là trên thế giới chỉ có khoảng hai chục bức do chính tay Le Nôtre hoàn toàn vẽ ra; khoảng bốn chục bức khác, thực hiện cùng với những người phụ tá và do ông ghi chú; và khoảng một trăm bản sao, được làm ra xung quanh thời kỳ đó.

— Ông mang vào đi, bắt buộc đấy, - nàng vừa nói vừa đưa cho anh đôi bao tay trắng bằng cao su rất mỏng.

Anh thấy các ngón tay xinh xắn của nàng biến đi trong tiếng lạo xạo của chất nhựa dẻo. Kathrin mở cái hộp một cách thận trọng.

— Các bản vẽ không bao giờ được triển lãm thường trực, - nàng giải thích khi lấy ra tấm thứ nhất. - Ba hay bốn lần mỗi thế kỷ là nhiều nhất.

Rất nhẹ nhàng từng cái một, như thể cầm những đồ sứ quý hiếm, nàng lấy ra từ mấy cái cặp những bản vẽ rồi đặt chúng nằm, trước mặt anh, trên

một cái bàn lớn nhận ánh sáng trắng từ hai cái đèn. Phần lớn những tác phẩm này đều được các lớp lót khung viền quanh. Kathrin bình luận về chúng một cách hớn hở. Nếu Stockholm phong phú về bản vẽ của Le Nôtre như thế, chính vì ba thế kỷ trước một kiến trúc sư Thụy Điển trẻ đã đến rèn luyện tay nghề ở triều đình nước Pháp. Ông ta tên Carl, và như de Claverie đã nói với anh, ông ta đã có thể mang về nước mình nhiều bản vẽ nguyên gốc của bậc thầy đó.

Đa số là các bản vẽ về thác nước dành cho những lâu đài hoàng gia: ở Sceaux, Saint-Germain... cũng như ở Vaux-le-Vicomte mà Kathrin đưa cho anh xem sự thể hiện tuyệt đẹp, một bức vẽ lớn nhất được biết đến của Le Nôtre. Dài một mét ba mươi, rộng bảy mươi centimét. Anh cũng khâm phục bản phác thảo bể nước dành cho Jupiter, thần của các vị thần, cha của Apollon, một bể nước không bao giờ hiện hữu trong các ngôi vườn ở Versailles, theo sự hiểu biết của anh. Em thử hình dung xem, Jupiter là thần Sấm Sét mà! Louis XIV sẽ không chịu đựng nổi cảnh tên địch thủ này có mặt trên đất của ngài!

Anh khâm phục những tác phẩm này giống như người ta khâm phục một bức tranh xưa hay một pho tượng Ai Cập, vì sự xúc động chúng gây ra nhiều hơn là vì cái đẹp nội tại của chúng, và vì chúng làm ký ức hiện lên về những con người đã lao động thực hiện chúng. Những đồ vật xưa cũ làm sống lại những con người, em không tin sao?

Kathrin tỏ vẻ mê mẩn trước các bản vẽ mà nàng lần lượt trải ra trước mặt anh. Nàng biết rõ kỹ thuật của Le Nôtre và nói về ông giống như một kẻ ái mộ nói về thần tượng của mình.

— Đây này, dự án cho thác nước ở Marly đó! Ông có thấy bằng cách nào ông ấy thể hiện trên mặt phẳng cái chiều thứ ba không? Bằng cách nào ông sử dụng bóng của những cây cổ thụ, của những hàng rào bằng cây xanh, của

những tia nước phụt ra không? Tuyệt đẹp phải không?

Kathrin lưu ý anh là người ta vẫn không biết được những bản vẽ này dành cho lãnh địa nào. Vài dự án mà nhà tạo vườn cảnh này đã không thực hiện ở Versailles – đôi khi ngược lại với ý nguyện của mình, để tuân theo những ham muốn hay bị thay đổi của vua Louis XIV – có thể đã được đề nghị đến các nơi khác.

— Ông ấy làm thế để khấu hao công sức đầu tư của mình hay sao? - Anh hỏi.

— Chính xác hơn là do đầu óc trả thù, nếu ông muốn nghe ý tôi. Để chỉ ra rằng một dự án của ông đã bị gạt ra một cách bất công... Để bày tỏ với Louis XIV điều gì tương tự như thế này: "Tâu bệ hạ, bệ hạ đã không muốn nó, nhưng bệ hạ hãy nhìn xem nó đẹp làm sao ở chỗ người khác."

Sau này, rất lâu sau này, anh sẽ nhớ lại những lời này của Kathrin Strandberg. Nàng là người đầu tiên gợi ra ý tưởng là có thể có một sự trả thù của ông Le Nôtre tài giỏi này đối với ông bạn vàng của mình, là nhà vua.

Một khi bản vẽ cuối cùng đặt lên mặt bàn, Kathrin vòng tay trước ngực rồi quay về phía anh, tươi cười.

— Ông Barett, xong rồi đấy, thật tuyệt vời phải không?

Nàng thấy anh cười gượng, biết là anh không chia sẻ nhiệt tình của nàng. Anh hơi bị thất vọng, chắc em cảm thấy điều đó nơi anh. Viện bảo tàng này không sở hữu một bản vẽ nhỏ nhất nào liên quan đến Apollon.

— Ông Barett này, ông tìm chính xác cái gì ở Viện bảo tàng quốc gia? - Nàng vừa hỏi vừa xếp lại một cách thận trọng tấm bình đồ dành cho lãnh địa Vaux-le-Vicomte.

Anh thấy mình không còn lý do gì để giấu nàng lâu hơn nữa mục tiêu

thực sự của chuyến đi này.

— Nói thực tình... những bản vẽ chuẩn bị cho bể nước Apollon.

— Ông muốn nói đến những bức tượng của Tuby hay chính cái bể nước?

— Cả hai...

— Không lẽ ông lại quan tâm đến cái...

— Tư thế của Apollon, chính thế, nếu...

Nàng bật cười.

— Đáng lẽ ông nên nói ngay chuyện này với tôi! Chính chuyện này làm ông bận tâm, bận trí từ đầu à?! Thế thì ông không phải là người đầu tiên đâu. Ông đến đây, tôi sẽ chỉ cho ông cái này.

Nàng tiến vài bước về phía giá sách nằm cách đó vài thước, đưa tay lấy xuống một quyển cỡ lớn, lâu đài Versailles được thể hiện ở trang bìa. Chỉ cần vài giây là nàng đã có được cái mình tìm: một bản vẽ đen trắng thể hiện nhóm tượng điêu khắc Mặt trời mọc với Apollon ở chính giữa. Bên dưới, một tấm ảnh của chính công trình điêu khắc này ở trong bể nước của nó. Trên bản vẽ, nhóm tượng gồm Apollon, ngựa, cỗ xe có vẻ chắc nịch hơn là trên tấm ảnh.

— Cái này, - nàng nói, - là bản vẽ nguyên gốc của Le Brun[126]. Và cái kia, trên tấm ảnh, là tác phẩm điêu khắc của Tuby. Ông Barett, nhìn đây này, nhà điêu khắc đã sáng tạo tuyệt vời biết bao! Ông ta đã thêm vào bản vẽ nguyên thủy những yếu tố mới mà không bóp méo nó bao giờ. Ông đã đặt một Amour[127] ở dưới chân Apollon và xung quanh chàng, trong bể nước, thì đặt những thần biển đầu người đuôi cá và cá voi!

Kathrin tỏ ra hớn hở thêm một lần nữa. Về phần mình, anh đã xem xét bức vẽ nhưng vô ích, anh chẳng thấy dấu hiệu gì để anh có thể xác định là

những bức tượng này được nghĩ ra để nhìn về hướng lâu đài hay ngược lại, về hướng đồng quê. Và cũng chẳng có hậu cảnh. Kathrin quan sát anh.

— Nếu ông đoán được hướng đi của cỗ xe từ bản vẽ này, thì ông cừ lắm... và ông sẽ thấy những cái mà không ai thấy bao giờ! Nhưng ông Barett, quả thật, ông là một người nhìn xa trông rộng mà!

Nàng hơi nói mỉa, tuy nhẹ nhàng nhưng làm anh khó chịu. Nàng đã lợi dụng sự hiểu biết tinh tường của mình về đề tài này. Và giống như mọi người đàn bà đẹp, và biết mình đẹp, nàng tưởng mình có thể muốn nói gì thì nói. Anh hiểu là anh chẳng thể biết thêm gì nữa và quyết định chấm dứt câu chuyện.

— Bà Strandberg, tôi xin cảm ơn bà đã đón tiếp. Tôi không muốn làm phiền bà lâu hơn. Hai giờ nữa tôi phải lên máy bay. Bà có thể gọi taxi cho tôi không?

Kathrin liếc nhìn đồng hồ ở cổ tay.

— Ông Barett này, ông sẽ không đi bây giờ đâu! Tôi chẳng biết có cái gì chán ngắt hơn là ngồi chờ ở phi trường. Ngay cả ngồi trong phòng đợi hạng VIP. Tôi sẽ gọi taxi trong nửa giờ nữa. Không sợ kẹt xe ở Stockholm hiện nay đâu. Ông đồng ý đi ra ngoài uống cà phê không? Có một quán dễ thương nằm ở con đường bên cạnh đây.

Nàng tỏ ra ung dung, thoải mái với anh, khiến anh ngạc nhiên. Thường thường thì người ta tỏ ra rụt rè hay cung kính đối với anh. Nhưng anh thực sự không kịp phản ứng; nàng đã quấn khăn quàng cổ của mình vào vai anh và khoác vào người áo veste nhồi lông màu đỏ to sụ. Nàng chỉ hướng ra. Một niềm vui trẻ con, tinh nghịch lóe sáng trong đôi mắt trong của nàng. Nàng giống một Cô bé quàng khăn đỏ đã lớn lên rồi. Dù biết, một cách vô ích, là cuối cùng anh sẽ bỏ nàng lại một giờ sau đó, anh bỗng dưng thấy rất muốn

đi theo nàng.

— Đó là một quán cà phê văn học. Cách đây năm trăm thước. Ông sẽ thấy, không khí quán rất dễ chịu.

Trời lạnh không độ bên ngoài, và vừa bước vào quán thì hơi nóng bên trong tạo cho anh cảm giác như vừa uống một ly bia ngay giữa mùa hè khi bụng còn trống. Lạ lùng thật.

Kathrin ngồi dưới những kệ sách, trong một căn phòng cũ kỹ với những bức tường phủ đầy sách và ảnh chụp được các nhà văn lớn đề tặng. Trông nàng thật quyến rũ. Anh đã đọc trên tấm phiếu lý lịch là luận án tiến sĩ của nàng bàn về những nhân vật trong các truyện dân gian của Grimm[128]. Anh nhắm vào đề tài này để mở đầu câu chuyện. Anh để nàng nói dài dòng về lý thuyết của nàng – mà anh chẳng giữ lại trong đầu cái gì hết, nếu không phải là sự chuyển động của đôi môi nàng – những con sóng nhỏ, chậm và tham lam. Rồi anh cắt ngang một cách thô bạo, nói rằng chuyên môn của riêng anh, chính xác là để phá bỏ những câu chuyện đẹp đẽ này. Vài năm trước đây một trong những trò chơi tại nhà vào buổi tối với Kevin mà anh thích nhất, là tìm ra những ngón nghề kỹ thuật để làm các truyện thần tiên trở nên lỗi thời. Ta trang bị cho, ví dụ như, cậu bé Petit Poucet[129] một cái GPS[130] để cậu ta tìm ra lại đường đi, hay bảy chú lùn một cái laptop để báo tin kịp thời cho anh hoàng tử đẹp trai...

— Nhưng tại sao ông lại quan tâm đến Versailles nhiều thế? - Nàng đáp trả đột ngột, với ý tưởng đã cân nhắc trước là để đổi đề tài câu chuyện.

Anh không có thì giờ cũng không có ý muốn giải thích tất cả cho nàng. Tuy vậy, anh cũng nhắc đến Bertrand Leroux một cách ngắn gọn, đến lý thuyết của anh ta về lâu đài được "phục dựng" và những lạc đà nổi tiếng. Ngay khi anh nói ra từ này, bằng tiếng Pháp, nàng giật nẩy mình. Nàng biết anh nói gì.

— Cô biết lạc đà là gì chứ?

Nàng ngồi lùi lại trên ghế, lộ vẻ bối rối.

— Vâng, chắc chắn...

— Ở Versailles? Cô đến đó rồi à?

— Vâng, hai lần. Lần đầu, khi tôi còn sinh viên... Lần hai, cách đây khoảng hai năm, dự một hội nghị.

— Và ai đã nói với cô về những cái bất thường ở công viên?

Nàng cắn môi và hạ ánh mắt xuống. Nàng biết về chúng nhiều hơn là muốn nói ra.

— Tôi đã gặp một... kiến trúc sư cảnh quan. Người Pháp. Say mê môn lịch sử. Hơn nữa, một người đàn ông lý thú lắm. Ông đã cho đăng một nghiên cứu dài hơi về những ngôi vườn trên một tạp chí chuyên môn của những nghệ nhân cảnh quan.

— Rồi sao nữa? Ông ta bảo vệ quan điểm gì?

Kathrin gạt câu hỏi anh ra bằng cái khoát tay. “Chẳng quan trọng gì. Thôi, đổi đề tài đi”, nàng có vẻ nói thế.

Nàng đã nói quá nhiều về chuyện này, hay nói không đủ. Tại sao nàng lại nhắc đến nhân vật này? Tại sao nàng tỏ ra luyến tiếc ông ta? Nàng biết ông ta nhiều hơn là nàng quả quyết? Vì một lý do khó có thể bày tỏ?

— Ông ta đã kể cho cô chuyện gì, nói tôi nghe nào? - Anh tiếp tục bằng cách làm như không thấy vẻ bối rối của quản đốc viện bảo tàng.

— Ôi, chẳng có gì cả. Ông ấy hơi... đặc biệt. Biến tất cả những chuyên gia về Versailles thành kẻ thù.

Một nhà nghiên cứu không giống ai. Bị khinh ghét bởi giới quyền uy của

Versailles. Điều này làm anh nhớ đến cái gì đó.

— Ông ta không học trường Mỹ thuật à?

— Ông muốn nói đến "Monuments historiques"...

Kathrin mỉm cười. Nàng biết là ở Pháp, để được nhận vào hội những chuyên gia về di sản lịch sử, ta cần phải đưa ra danh hiệu kiến trúc sư trưởng của "Monuments historiques".

— Ông ấy đơn giản chỉ là một nghệ nhân cảnh quan, thực tế là vậy, - nàng tiếp, giọng vẫn còn ngập ngừng. - Ông đã chứng minh được là có một cầu thang hình lục giác đã hiện hữu vào thế kỷ XVII ở mặt tiền phía Bắc của lâu đài. Không ai tin ông cả... Nhưng vài năm sau, người ta tình cờ tìm thấy cái cầu thang đó.

Chuyện cái cầu thang! Anh đã biết mà. Bertrand Leroux, tên nghệ nhân cảnh quan trẻ, đã nói về cái ông này với anh. Thầy của anh ta. Người đã nhận dạng ra mười ba cái lạc đà.

— Tôi biết... cả tôi nữa, tôi cũng đã nghe nói về chuyện này. Nhưng, có quan trọng gì không? Một chuyện cãi cọ giữa các chuyên gia. Về mấy bậc cấp bằng đá thôi mà. Cô biết không, tôi thích những nhà nghiên cứu. Họ, tôi sử dụng hàng trăm người trong công ty Controlware. Nhưng đặc điểm của những người nghiên cứu là bao giờ cũng than phiền mình là thiên tài không được ai hiểu...

— Chắc thế rồi, ông Barett ạ. Nhưng ông này lại vượt khỏi cái thông thường. Đó là một... Einstein[131] của Versailles. Một Christophe Colomb[132] của những ngôi vườn.

— Cô muốn nói gì thế?

Kathrin vừa khuấy chiếc muỗng trong tách trà vừa mỉm cười rụt rè. Anh

nhìn nàng, đầu nàng cúi xuống tách trà, chậm chạp đưa mắt lên về phía anh rồi hạ xuống. Cái nhìn của nàng, mờ sương từ hơi nước trà nóng, có vẻ cầu khẩn. Giống hoàn toàn như giọng nói của nàng, một giọng trầm rung vang, ai oán khi nghe. Anh cảm thấy bị cám dỗ. Điều này làm em ngạc nhiên, đừng chối nghe. Đàn bà, từ ngày bọn mình quen biết nhau, không bao giờ làm anh quan tâm lắm. Bọn mình thường nói chuyện về điều này. Quá thường đi chứ. Có những trận đánh khác trong cuộc sống. Dù sao đi nữa, lãnh đạo một công ty như Controlware là một thiên chức, ít còn chỗ dành cho dục vọng. Cho dục vọng của những người khác còn ít hơn là cho dục vọng của anh.

Tên bồi đến gần bàn.

— Bà Strandberg?

— Tôi đây.

— Taxi sẽ đến vài phút nữa.

Anh quan sát quản đốc viện bảo tàng, bây giờ đã lấy lại hoàn toàn vẻ bình tâm khi cảm ơn tên bồi. Và anh, theo bản năng, để người lúc lắc trên ghế, từ trước ra sau. Mẹ anh và các đồng nghiệp đã từng lưu ý anh – trước em nhiều – là khi anh suy nghĩ căng thẳng thì anh có cái phản xạ này mà anh không phải lúc nào cũng ý thức được. Nửa người trên cử động chậm chạp, đu đưa khá xa. Người đàn bà trẻ trước mặt anh có vẻ bối rối. Anh thấy nàng quay ánh mắt sang chỗ khác, đưa tay lấy điện thoại di động và bắt đầu nói chuyện bằng tiếng Thụy Điển.

— Xe taxi ông sắp đến, - Kathrin lặp lại, lần này quay mặt về phía anh. - Ông sẽ đến kịp phi trường. Hôm nay không có nhiều xe cộ lưu thông.

Đúng là nàng tỏ ra dễ thương đã lo chuyện giờ giấc cho anh, nhưng tại sao nàng lại chuyển hướng câu chuyện? Nhà nghiên cứu và nghệ nhân

cảnh quan đó đã nói cái gì với nàng? Lão ta thiết lập được một luận cứ về Apollon không? Nàng không thể tiếp tục "dắt anh đi dạo" giữa những lời ám chỉ và những do dự của nàng như thế. Đó không phải là thứ thái độ mà anh chịu đựng lâu được, em biết mà.

— Cô Kathrin, nghe này, tôi chỉ còn vài phút... Tôi biết câu chuyện của lão nghệ nhân vườn cảnh này, nếu điều này có thể làm cô yên tâm, lão ta dành hết thì giờ đo đạc bằng tay những ngôi vườn ở Versailles, bằng cách bò trên đất. Một ngày kia lão kết luận từ việc đo đạc này là có một cầu thang từng hiện hữu gần khu nhà phía Bắc, gần những dãy phòng của hoàng hậu. Các sử gia khinh thường lão ra mặt! Nhưng nhân dịp các nguyên thủ quốc gia đến Versailles dự họp G7, năm 1983, người ta phải đào đắp, sửa sang lại đất đai và tình cờ người ta tìm thấy những dấu vết của cái cầu thang hình lục giác đó...

— Nói thẳng ra, tôi không chắc là cần thiết phải nói đến những luận cứ của ông này, - Kathrin cắt ngang. - Có quá nhiều luận cứ về Versailles được lan truyền, tất cả đều kỳ cục như nhau!

— Cô Kathrin, *please*[133]... Vấn đề nằm ở đâu?

— Ông nghệ nhân cảnh quan này nói chuyện với tôi với điều kiện là phải giữ bí mật.

— Tôi biết giữ bí mật.

— Tôi cũng vậy. Đó cũng là nguyên tắc của sự bí mật.

— Cô Kathrin ơi, đừng đùa với tôi...

— Ông cho tôi cái gì?

Theo thói quen, anh tính toán trong những trường hợp như thế này. Chỉ để đưa ra một số tiền cho đúng. Nhưng anh giữ lại ý định của mình.

— Không có gì cả. Tội hối lộ công chức. Ở Thụy Điển, người ta lấy bao nhiêu cho việc này?

Nàng mỉm cười.

— Tôi nói trước cho ông biết, tôi không chia sẻ luận cứ của ông ta, tất nhiên. Nó... gây bất ổn định.

— Đủ rồi, cô Kathrin. Nói ra đi!

Kathrin Strandberg chồm người trên bàn về phía anh. Rồi nàng buông ra:

— Nghệ nhân cảnh quan này chẳng có ngông cuồng chút nào. Và ông ấy tin chắc rằng Le Nôtre đã ghi khắc trong các ngôi vườn một công thức toán học về sự hiện hữu của Thượng đế.

Anh giật nẩy người khi nghe đến đây.

— Một công thức toán về...

Nàng không tỏ ra bối rối trước tia nhìn của anh.

— Vâng, ông nghe rõ rồi mà. Một định lý chứng minh Thượng đế hiện hữu.

Anh nghĩ ngợi một chút. Công thức toán học về đấng Sáng thế à? Làm sao hình dung ra được một lão nghệ nhân vườn cảnh Pháp trang bị với một cái thước đo đã có thể khám phá ra một quả bom như thế? Rằng lão ta đã có thể đi xa hơn Pascal[134], Einstein và bao người khác nữa? Ở điểm này, anh thấy Nathan, giám đốc nghiên cứu của anh, Laughing Out Loud[135]. LOL, như hắn nói. Cười chết đi được. "Này Dan, tại sao bạn lại mất thì giờ đi lo mấy chuyện ngớ ngẩn như thế được chứ?! Thôi, đến nhà mình đi! Mình tìm được bí quyết làm món *"gratin dauphinois aux truffes"*[136]. Cũng do một người Pháp dạy cho. Đối với chuyện ẩm thực thì họ giỏi nhất rồi. Và cái món này,

tuyệt vời lắm đó!" Nathan, em còn nhớ không, đã dùng một năm nghỉ nghiên cứu để học hỏi cách làm bếp từ những đầu bếp Pháp lớn. Rồi thử tạo ra một phần mềm từ những bài học này.

Kathrin bây giờ nhìn anh chằm chằm. Nàng ngả người ra đàng sau, nghiêng đầu sang một bên, như thể khuyến khích anh đi theo những ý nghĩ của nàng.

— Tôi biết, cái này có vẻ ngoài sức tưởng tượng. Ông ấy... chính ông ấy đã đến đích. Ông ấy đã bỏ nhiều năm trời bò trong các khu vườn đó. Nhưng ông ấy không tiết lộ cho tôi cái công thức. Thế mà ông cảm thấy rõ là tôi đã cố nài...

Anh hình dung khá rõ, đúng thế, các quân chủ bài mà Kathrin Strandberg đã có thể tung ra nhằm thúc đẩy lão nghiên cứu đó mở miệng nói ra.

— Ông ấy chờ đến lúc có thể chứng minh những gì mình đề xuất một cách không thể phản bác được, trước khi đưa ra những tiết lộ. Ông ấy đã đến gần mục tiêu. Ông ấy đã hứa sẽ gọi lại cho tôi ngay khi có bằng chứng.

Tên bồi xuất hiện ngay khoảnh khắc này để ra dấu cho anh biết là taxi đang đợi trước quán cà phê. Phải đi thôi.

— Kathrin! Cho tôi số di động, nhanh lên! Tôi sẽ gọi lại cô.

Anh bấm số điện thoại của nàng vào máy anh, khoác vội áo mưa và để lại lên bàn chiếc khăn quàng cổ mà nàng cho anh mượn. Anh cũng không bắt tay nàng, anh thề với em đó. Anh nhào vào trong taxi rồi vội vàng gọi cho Kathrin. Sự tiết lộ của nàng đã gợi lên nhiều câu hỏi dồn dập trong đầu anh. Cho dù Le Nôtre muốn ghi khắc trong các khu vườn bằng chứng về sự hiện hữu của Thượng đế đi nữa, thì tại sao không? Xét cho cùng, có dấu hiệu nào tốt hơn dành cho nhà vua về quan hệ huyết thống giữa ngài và Thượng đế

không? Có sự thừa nhận nào tốt hơn đối với tạo vật của đấng Sáng thế ở đúng vào thế kỷ của Khoa học không? Nhưng trong trường hợp này, tại sao lại không đưa ra công khai ý định cao cả đó? Tại sao những khách đi dạo lại không thể đọc được nó? Rồi, nếu nó đã bị giấu kín thì ai có lợi khi giấu nó, và với mục đích gì? Sau hết, tại sao cái lão đo đạc điên khùng này lại là kẻ duy nhất khám phá ra bí mật đó? Câu hỏi phụ: tư thế không thể hiểu được của Apollon có dính dáng gì đến công thức này không?

Kathrin bắt máy ngay tiếng chuông đầu.

— Ông nhanh thật! - Nàng reo lên.

— Chỉ những kẻ nhanh tay lẹ mắt mới sống còn, cô biết chứ. Nhưng trở lại cái công thức đi. Lão ta thực sự chẳng cho cô dấu hiệu gì về sự kết cấu của nó hay sao?

Trời đã tối đen trên Stockholm. Bông tuyết bay lộn trước đèn xe. Đoạn đường đi đến Skavsta thì giống như mọi đoạn đường trên thế giới đi đến phi trường. Như thể nó được xây ra để làm người ta muốn bỏ chạy. Anh nghĩ đến Versailles, đến Grand Canal rực rỡ dưới ánh mặt trời, đến những khóm cây bình lặng, đến vẻ uy nghi của những con đường đi. Những ngôi vườn này, ít nhất từ mười năm nay, là một nơi chốn trên thế giới mà anh thích đến thư giãn nhất. Không một khách sạn xa hoa nào, không một "spa"[137] nào, không một hồ bơi của tỉ phú nào mang lại cho anh sự thoải mái tương tự. Có lẽ vì anh có cảm giác là tất cả những nơi chốn đó chỉ là những địa điểm qua đường tầm thường. Chẳng có nơi nào hít thở Lịch sử như cái công viên đó. Đứng ở bồn hoa Midi, trước Latone và Apollon, anh cảm thấy những gì mà mấy người bạn sùng đạo của anh nói họ cảm thấy khi ở trong gác đàn của thánh đường. Sự hiện diện, gần gũi, của Chúa, của Đấng vĩnh hằng, của Nguồn gốc uyên nguyên của con người.

Mỗi khi anh đến đó, hai hay ba lần mỗi năm, anh tìm thấy được cùng

một sự dịu ngọt và cùng một sức mạnh, một cuộc kết hợp mong manh giữa chất quyền uy và vẻ yêu kiều. Anh tìm lại được nguồn cội sâu xa của mình. Có phải vì sự hiện hữu của Thượng đế đã được ghi khắc ở đó không? Nhưng, nếu đúng thế thì tại sao hằng thế hệ sử gia, nghệ nhân cảnh quan, chuyên gia đo đạc lại thấy hụt dấu hiệu này?

Taxi đến phi trường. Trong khi xuống xe, điện thoại di động kẹp dưới cằm, tay cầm túi đeo, anh vừa cố tiếp tục trao đổi, vừa bước về hướng quày làm thủ tục.

— Kathrin, cô đã gặp lão nghệ nhân vườn cảnh đó cách đây hai năm phải không? Rồi từ đó đến nay? Nếu lão ta không gọi lại cho cô, có phải vì lão chưa tìm ra cái bằng chứng mà lão đi tìm, phải thế không?

Im lặng một lát.

— Tôi không thể nói với ông. Phải hỏi ông ấy chứ.

— Tên gì vậy, cái lão của cô đấy?

— Michel Costero... Costello thì đúng hơn. Ông muốn...

— Đúng, cho tôi địa chỉ hay số điện thoại.

Ước gì anh tỏ ra lịch sự hơn với Kathrin. Nhưng làm sao được, anh đã giở lại cái giọng sai bảo, một phản xạ mà.

— Tôi chưa về lại văn phòng, và tôi không mang chúng theo người. Tôi sẽ gửi thư điện tử cho ông lát nữa. Thế được không?

— Được, Kathrin, cảm ơn.

— Địa chỉ thư ông là sao?

— Viết thế này... treo... treo@treo.com

Anh đã lưỡng lự khi cho nàng địa chỉ thư điện tử riêng tư nhất. Cái địa

chỉ chỉ dùng cho hai ta. Nhưng lúc này là trường hợp khẩn cấp.

— Tre...? Ông nói sao?

— Treo. T-R-E-O @treo.com.

— Được rồi.

— Kathrin?

— Vâng, sao ạ?

— Tôi cũng muốn cảm ơn cô về ngày hôm nay. Một ngày vui đối với tôi.

— Tôi cũng vui lắm ông à.

— Tôi chắc rằng chúng ta sẽ gặp lại nhau.

— Tùy ông thôi...

— Tạm biệt.

— Tạm biệt, ông Barett.

Trước khi tắt máy, tiếng nàng thầm thì tên anh như trong một hơi thở.

"Tôi chắc rằng chúng ta sẽ gặp lại nhau." Anh đã nói ra câu này theo thói quen. Vì cứ gặp hoài những người mà anh không bao giờ gặp lại... Kathrin cũng thế thôi. Anh biết là nàng sẽ nhập, trong một xó xỉnh nào đó của trí nhớ anh, vào danh sách dài những cuộc gặp gỡ dở dang, chúng đầy dẫy trong cuộc đời mà. Chẳng hề chi, đối với riêng anh. Đó là chuyện làm ăn. Một cái chợ mà ta gặp gỡ nhiều người. Có người ta gặp lại, có người không. Những tác nhân kinh tế di chuyển theo quyền lợi riêng của mình. Đừng vác theo những gì không đáng kể, vô ích thôi. Tối hôm đó, khi rời Stockholm, anh nghĩ đến điều em đã nói với anh về sự tất nhiên của những cuộc gặp gỡ nửa vời đó. Em thấy chán quá. Em thấy thất vọng quá. Nhưng sự thất vọng này, nói cho cùng, không phải là một trong những cái diệu kỳ của hiện sinh

hay sao? Niềm hạnh phúc thoáng thấy là không đủ cho ta hay sao? Tự nó, niềm hạnh phúc thoáng thấy này, không phải là một dạng hạnh phúc hay sao?

Vào lúc máy bay bắt đầu hạ cánh xuống New York, tám giờ sau, anh mở laptop. Thư của Kathrin chờ anh ở hộp thư đến.

Thưa ông Barett,

Số điện thoại mà tôi giữ đây không còn là của Michel Costello nữa, nhưng tôi đã có thể tìm ra dấu vết ông ấy nhờ Hội Kiến trúc sư. Costello đã về hưu từ một năm nay. Ông ấy đến ở Aixen-Provence, miền Nam nước Pháp. Tôi vừa gọi xuống dưới đó. Chính bà vợ ông trả lời.

Michel Costello đã qua đời cách đây vài tuần vì khối u trong óc.

Tôi thành thật lấy làm tiếc.

Trân trọng.

Kathrin Strandberg.

10

Ánh sáng từ các vì sao không đủ soi sáng con đường hẹp. Emma và Pierre, bước đi chậm rãi sát bên nhau. Họ theo con đường lớn trải nhựa rồi theo con đường nhỏ ngoằn ngoèo ở trên vách đá dựng, giữa đám cỏ cao, rồi chẳng mấy chốc họ thấy được Arromanches ở phía dưới. Hai người nói chuyện khẽ khàng. Pierre đã không có thì giờ trả lời khi Emma đưa ra lời nhận xét về Internet, nhưng bây giờ anh chẳng muốn đề cập đến đề tài này chút nào.

Đến một mũi đất nhô ra biển, họ ngồi xuống trên một tảng đá rộng chế ngự cả vách đá dựng và bãi biển tên là Gold Beach, Bãi biển Vàng, như mấy ông tướng lãnh của ngày 6 tháng 6[138] đã đặt tên. Một cái tên quá xinh đối với một bãi chiến trường, Emma tự nhủ. Vài giây im lặng, hầu như không bị khuấy động bởi tiếng sóng trào lui bên dưới, dưới nơi họ đứng. Và một nụ hôn, rồi hai.

— Tại sao lại là anh? - Pierre hỏi đột ngột.

Câu hỏi làm Emma ngỡ ngàng.

— Tại vì...

Nàng hiểu ý câu hỏi nhưng không chắc có thể trả lời. Khuôn mặt Pierre nổi rõ trên nền trời, biển và trảng đất cằn cỗi là tấm cảnh phông, tất cả mang lại cho nàng câu trả lời, hầu như không tự nguyện.

— Tại vì... em thấy anh đẹp.

Anh đáp trả:

— Anh hy vọng không chỉ vì thế.

Giọng nói thô bạo quá. Nhưng anh hy vọng cái gì cơ chứ khi hạch hỏi nàng như vậy? Rằng nàng báo cho anh biết là nàng yêu anh, rằng nàng yêu anh từ ngày đầu tiên, rằng anh là người đàn ông của đời nàng, hay sao? Chắc chắn là không rồi, nàng không biết nói dối. Nhưng, ngược lại, lẽ nào nàng có thể để anh tin là nàng quen thuộc với kiểu ve vãn khêu gợi này sao được?

Từ ngày chung sống với Bradley, đây là lần đầu tiên nàng ôm hôn một người đàn ông khác. Không bao giờ nàng bị cám dỗ bởi những cuộc phiêu lưu một đêm mà các bạn gái nàng hay kể lại, những người đàn bà cứ hai tuần thì đi xa một tuần. Những doanh nhân nàng gặp trong các khách sạn hay tại những doanh nghiệp mà nàng thăm viếng, thường tán tỉnh nàng – ở các nước la-tinh, một số đàn ông cảm thấy bắt buộc phải làm thế, vì nịnh đầm, gần như vì phép lịch sự – nhưng nàng đẩy họ lùi một cách nhỏ nhẹ. Với thời gian, nàng nhận ra rằng một vài lời nói, một vài cử chỉ, một vài nụ cười được diễn dịch ra là những mời gọi, mở ngỏ. Nàng cẩn thận tránh chúng. Nàng cũng đã học được những cách từ chối ít làm đàn ông tức mình nhất, một sự phòng ngừa cần thiết khi hai bên phải tiếp tục hợp tác trong công việc. Nàng lấy cớ – theo thứ tự – phải làm việc thêm, thiếu thì giờ, thể xác suy yếu, và giữ lại câu nói xúc phạm nhất này khi rơi vào đường cùng: "Ông không phải loại đàn ông hợp với tôi." Thế nhưng, cái lý lẽ búa bổ, duy nhất thành thực, "tôi không muốn lừa gạt chồng tôi", nghịch lý thay, thì ít hiệu nghiệm nhất, vì nói chuyện chung thủy với chồng với một tên "don Juan"[139] thì chẳng khác nào vẩy vẩy tấm vải đỏ trước mắt con bò mộng. Với các ông mò gái, chỉ có một giải pháp tháo gỡ, về mặt lý thuyết, hiệu nghiệm

hơn sự gợi ý về lòng chung thủy: trưng ra sự đồng tính luyến ái. Nhưng việc này có thể tỏ ra còn nguy hiểm hơn nữa. Một trong những bạn gái của nàng mới đây đã trả giá khi khám phá ra điều đó. Thật vậy, càng ngày càng có nhiều bậc tu mi nam tử ấp ủ cùng một giấc mơ: tìm cách đưa một cô nàng đồng tính trở về "chính đạo"...

Người đàn bà Mỹ này không biết cách nào làm cho Pierre hiểu rằng thái độ của nàng là biểu hiện một điều bất thường, một sự ngông cuồng mà nàng không tài nào tự mình giải thích nổi. Tại sao bất thình lình nàng nẩy ra sáng kiến gọi điện cho anh? Nhưng, về phần anh, trái với mọi trông chờ, tại sao anh lại ôm chặt nàng trên đường đi? Nàng đoán, theo cách mà anh đã bày tỏ câu hỏi của mình ("tại sao lại là anh?"), rằng anh không phải loại đàn ông đi sưu tầm mấy chuyện trăng hoa với đàn bà. Dù thế nào đi nữa, anh không nổi tiếng về ba chuyện này ngày xưa, khi còn làm ở công ty Supra Data. Vậy thì nàng quyết định nói ra sự thật, hy vọng anh sẽ tin nàng. Và anh sẽ hiểu.

Anh không phản ứng lại câu chuyện nàng kể. Nàng đã nằm mơ về anh, được thôi! Nhưng anh phải nghĩ gì về cái "nghĩa vụ tìm hiểu anh" không thể kìm hãm được mà nàng diễn tả, và theo nàng, nó là hệ quả của giấc mơ căn bản đó? Anh đã từng nằm mơ. Thường là cùng một chuyện: mơ thấy niềm vui vỡ òa ngày anh thắng trận đấu hữu nghị đầu tiên môn bóng "rugby", mơ thấy mình rơi xuống lũng sâu chóng mặt, cũng mơ thấy những cô gái đẹp... nói chung, chẳng có gì độc đáo lắm. Và nhất là chẳng có gì, khi tỉnh giấc buổi sáng, dẫn mình đến chuyện phân biệt giữa những kỷ niệm của một giấc mơ lại có một dấu hiệu của số mệnh. Và muốn mang nó vào hiện thực thì lại còn ít hơn.

Pierre lấy vợ được mười lăm năm và anh bao giờ cũng chung thủy. Khi còn ở đại học, anh đã ngủ với nhiều cô gái nhưng khi gặp Clara, anh thấy

nàng vượt xa các bạn cùng trang lứa đến mức khiến anh buột miệng thề thốt, nếu chinh phục được nàng thì anh sẽ không bao giờ để mắt nhìn ai khác nữa. Anh đã làm y thế. Mặc cho nỗi ngạc nhiên gây ra bởi điều mà anh khám phá ra sau này. Cái tật của Clara. Nàng thích mua sắm, mức sống hai người càng cao thì nàng càng phóng tay tiêu xài cuồng nhiệt. Thoạt đầu Pierre chẳng buồn để ý đến. Clara muốn, giống như tất cả các bà hàng xóm, theo học những khóa thể dục và đi nghỉ hè ở Club Med[140], chứ không thèm VVF[141]. Được thôi. Nhưng rồi từ từ nàng cho leo thang những đòi hỏi của mình: đi nghỉ ở đảo Maldives vào mùa đông, nhà bếp Boffi với giá ba mươi ngàn euro, những màn cửa hòa hợp với các tấm thảm, thích Smart hơn là Twingo, và tiếp tục như thế. Phần anh, tất nhiên, phần lớn thời gian thì ở văn phòng – nhất là từ khi anh dời xuống Marseille nắm lại doanh nghiệp của em trai mình – và anh xem thái độ tiêu xài của vợ mình như là sự bù trừ chính đáng cho nhiều buổi tối anh ngồi trước máy tính.

Anh đã trao đổi với Anita, một người bạn gái, chuyên gia tư vấn nghề nghiệp cho nhân viên trong xí nghiệp. Anh đã vẽ ra, cùng Anita, tấm bản đồ những lãnh vực đời sống của mình: phần dành cho vai trò làm cha, phần làm chồng, phần làm chủ doanh nghiệp, v.v... Cái tập hợp thứ ba này trở nên quá quan trọng nhưng Pierre không tỏ ra lo ngại. Hai cái còn lại, Clara chẳng có gì mà sợ. Anh không để ý đến những dấu hiệu phát ra từ những người đàn bà khác. Anh đã đặt những miếng da che mắt ngựa lên cuộc đời yêu đương của mình, một quyết định nhiều hay ít bị áp đặt bởi thời gian biểu làm việc nặng nề, nhưng cuối cùng nó cũng mang đến cho anh một lối sống ngăn nắp, sạch sẽ nào đó. Vả lại, cuộc sống nền nếp và sự nổi tiếng của anh, hai điều này đã khiến cho những sự ve vãn của phụ nữ giảm xuống.

Dù sao đi nữa, nếu mà anh phải chọn một "phòng nhì" thì anh sẽ không quay về phía Emma đâu. Vóc dáng của nàng, tất nhiên, không để anh vô cảm. Lần đầu tiên nhìn thấy nàng, khi ông chủ lớn của Supra Data giới

thiệu hai người với nhau, anh đã tự nhủ: "Ôi, thật là trời đi vắng, ông già này có gu đấy!". Nhưng có cái gì đó nơi nàng làm anh bất an. Thiếu dịu dàng và nữ tính. Nỗi bực dọc nàng thường gây ra nơi anh trong công việc. Sự thành đạt của nàng, dưới mắt anh, có vẻ quá dễ dàng và ở đâu đấy, là không chính đáng.

Thực ra, điều làm anh bực dọc một cách sâu sắc – bây giờ anh nhớ lại – đó là khía cạnh học sinh giỏi, đúng đắn về mặt chính trị[142] của cô gái trẻ này. Anh hình dung nàng ở trường trung học, hỏi gì cũng trả lời được, về toán hay vật lý, chắc là được bầu làm trưởng lớp từ khi còn bé. Rồi thêm vào đó là một chút thiên hướng nghệ sĩ, kiểu có năng khiếu chơi vĩ cầm hay dương cầm. Tóm lại, một cô gái hoàn hảo, nhìn từ phía cha mẹ và thầy cô. Và cũng từ phía các chủ hãng: ở Supra Data, nàng lãnh lương cao hơn anh một chút cho những công việc phụ trách hầu như giống hệt nhau, và nàng là một trong những người hiếm hoi nhận hưởng một xe hơi công vụ. Tuy nhiên, nàng tự khoe là không biết gì nhiều về tin học. Bực thật! Anh đã từng nghĩ, trong một thời gian dài, là nàng giật được chỗ làm này chỉ nhờ vào hệ thống hạn mức hiện hành trong các xí nghiệp Mỹ, cái hệ thống áp đặt một tỉ lệ tối thiểu các chức vụ kỹ thuật, thường do đàn ông gánh vác, là phải dành cho chị em phụ nữ. Anh cũng đã nói ý này với nàng, nhẹ nhàng thôi, vào ngày nàng loan báo mình sẽ đi San Francisco. Khiến nàng giận tím mặt. Giá như anh nói bóng gió là nàng đã hưởng sự "thăng quan, tiến chức nhờ lên giường với xếp" thì nàng hẳn là ít tức tối hơn.

Cho nên khi nàng đã về Mỹ, anh không phán đoán đó là một sự mất mát không thể vãn hồi được đối với xí nghiệp của mình. Và anh xóa mờ dần dần hình ảnh nàng.

Tuy vậy, hình ảnh nàng vẫn trở lại, một hay hai lần mỗi năm, khi anh đưa các con đến chơi trong một công viên trò vui. Một kỷ niệm bất chợt

sống dậy trong trí nhớ anh. Ở Supra Data, trong những năm 1990, các nhà lãnh đạo xí nghiệp tổ chức hàng năm một hội thảo chuyên đề về động cơ cá nhân. Một ngón nghề thông thường nhằm thắt chặt sự liên kết giữa đám nhân viên. Nhờ thế mà Pierre và các đồng nghiệp mới có dịp chèo xuống khe lũng Verdon bằng bè hơi, bước đi trên than hồng ở Marrakech hay chơi "paintball"[143] ở trong rừng xứ Transylvanie. Rồi có một cuộc thực tập làm phi công vũ trụ. Năm đó Emma tham dự vào chuyến đi. Trước tiên, mọi người trải qua vài giờ trong một máy phỏng tập bay: họ lái phi thuyền và cảm nhận áp lực từ cuộc cất cánh thực sự khi thân thể mình bị ép cứng vào ghế ngồi. Rồi họ thử nghiệm máy phỏng vô trọng lượng: trong một buồng dài đóng kín mít, trải nệm mút, người không còn trọng lượng, họ "bơi" lên trần và bước đi trên vách, trông như những con rối nhảy múa, tự do và vụng về.

Lúc bấy giờ thì xảy ra một điều lạ: cuối bài tập, Pierre và Emma thấy mình ở bên cạnh nhau, nằm ngang giữ thăng bằng trên vách cuối buồng, như thể hai người sắp sửa nhào lặn từ ván nhún ở một hồ bơi. Và ngay vào lúc tung người vào khoảng không, thay vì nhìn thẳng trước mặt mình, họ lại mỉm cười với nhau rồi cùng nhảy, bốn mắt không rời nhau. Anh vẫn nhớ rõ cảnh này. Khuôn mặt người đàn bà trẻ, tóc nâu bay phất phới xung quanh vầng trán, chỉ trong vài giây phút ngắn ngủi này thôi mà ngay cả thời gian cũng có vẻ ngừng trôi.

Từ đó, khi anh ngồi vào trò chơi vòng lượn số 8 lớn cùng với các con hay khi anh xem hình ảnh các phi hành gia, anh lại nghĩ đến Emma. Anh đem chuyện này ra giễu cợt với Anita nhưng Anita, dĩ nhiên, thấy đó là dấu hiệu của sự ham muốn bị đẩy sâu vào vô thức. May thay, Pierre đã học để biết tương đối hóa những suy nghĩ cũng như cái thiên hướng phân tâm học hoang dã của cô bạn này, như anh nói.

Một ngày nọ, Anita dám chắc với anh là những người không yêu thích các thú vui ở bàn ăn thì cũng không yêu thích các thú vui trên giường. Nói cách khác, sự thèm khát tình dục thì tương liên với sự thèm ăn không hơn không kém. Tai hại hơn nữa, cô ấy còn mở rộng lập luận của mình tới tất cả những ai không thích làm bếp. Cái cách luôn luôn nhìn thế giới qua lăng kính "freudien"[144] làm anh bực mình không ít. Càng bực mình hơn nữa là vào thời điểm đó, Clara lại theo chế độ ăn kiêng, chỉ ăn xà lách với sữa chua.

"Tại sao lại là em?" Emma không có ý định quay ngược câu hỏi lại cho Pierre. Chung quy lại, chính nàng đã điện thoại trước, dù chính anh đã ôm hôn nàng. Và ngay cả hai người đã chia sẻ niềm vui khi khiêu vũ với nhau, rõ ràng thế rồi, nhưng liệu nàng có thể đoán được gì về những lý do thúc đẩy Pierre ôm nàng trong vòng tay không? Giá mà nàng dám hỏi, có lẽ anh sẽ nói là, cũng giống nàng thôi, anh không muốn từ rày về sau bỏ qua những cơ hội gắn bó với nhau một cách sâu sắc hơn là các quan hệ nảy sinh từ cuộc sống hàng ngày. Và ngay anh cũng cảm nhận vị dịu ngọt mới mẻ của nụ hôn này.

Họ tiếp tục bước đi. Khi cánh tay Emma ôm vòng quanh hông mình lần nữa, Pierre cảm thấy cực kỳ thoải mái, đến nỗi xao xuyến cả người. Tại sao mình lại cảm thấy cuốn hút mạnh như thế bởi một người đàn bà? Trong mười lăm năm qua anh đã không có một cảm xúc như vậy.

— Và Barett, về chuyện ấy? - Anh hỏi, hướng câu chuyện sang một đề tài trung hòa. - Em gặp ông ta ra sao?

— Không có gì độc đáo cho lắm. Trong một dạ hội, ở đại học.

— Em nhảy với ông ta, rồi sau đó em gọi điện thoại cho ông ta...

— Thôi đi mà! Dan không biết nhảy. Anh ấy ghét nhảy lắm. Tụi em bắt đầu thảo luận về tương lai các phần mềm phục vụ công việc văn phòng, nếu

em còn nhớ rõ... Anh thấy đấy, đâu có phải mới đây đâu.

Các phương tiện truyền thông đã thuật lại câu chuyện của Emma và Dan như một chuỗi sự kiện khách quan nối tiếp nhau một cách lô-gích: một cuộc tình thoáng qua vào thời sinh viên, sau đó là sáu năm ngắt quãng, rồi gặp lại nhau trong một buổi hội thảo do Esther Dyson, một bậc thầy tin học, tổ chức ở New York. Một chuyện tình độc đáo nhưng ít đam mê và nhất là mất thăng bằng. Nàng sẵn sàng kết hôn, Dan thì không. Nàng đã đợi chờ, rồi rời bỏ chàng. Dấu chấm. Ngoại trừ đó là một bản tường thuật bóp méo thực tế. Barett và Shannon hẳn là có nhiều sở thích chung, và nhất là có sự tâm đắc tương giao lạ lùng và bất tận về trí tuệ, thế nhưng hai người lại không có cùng ham muốn cũng chẳng cùng quan điểm triết lý về cuộc sống.

— Em không muốn từ bỏ việc làm của mình ở Frisco... hơn thế nữa, vào thời đó, Dan lại không muốn có con. Nhưng tất cả mấy thứ đó đã là chuyện xưa tích cũ rồi mà anh.

Qua cách nói mà nàng sử dụng, qua giọng nói ít tự tin hơn, Pierre nghi rằng vết thương lòng không quá cũ như nàng quả quyết.

— Và có thực là trong hôn ước của ông ta có điều khoản cho ông ta cái quyền mỗi năm sống một cuối tuần với em không? - Pierre hỏi.

Nàng thở dài. Thông thường thì câu hỏi thứ hai được tung ra: “Đó có phải là được phép ngủ với nhau không?” Nàng trả lời cùng lúc hai câu hỏi.

— Đúng thế, cho câu hỏi thứ nhất; không đúng cho câu hỏi mà anh đã không đặt ra.

— Nhưng anh có nói gì đâu!

— Được rồi, vậy thì ta nên rõ ràng với nhau, - Emma nói tiếp, giọng lộ ra một chút nóng nảy, - thực vậy, quyền sống cuối tuần với nhau hàng năm là

được ghi trong hôn ước của anh ấy, nhưng nó không có nghĩa là... Vả lại, khi anh ấy yêu cầu Amelia chấp nhận điều này, cô ấy đâu làm khó dễ gì đâu. Anh biết không, cô ấy chẳng bao giờ nhìn em như là một tình địch. Em và Dan đã chia tay nhau trước khi anh ấy gặp Amelia mà. Sau nữa, làm tình bao giờ cũng là chuyện phụ trong quan hệ của bọn em.

Trong bóng tối, Pierre nhếch mép mỉm cười hoài nghi. Anh đã hôn nhẹ lên môi nàng, bây giờ thì anh vuốt ve đôi vai nàng. Anh không thể tin là Dan Barett một người đam mê trao đổi trí thức như thế, lại có thể tỏ ra vô cảm trước các hình thức trao đổi khác với nàng. Nhưng nàng đi trước câu hỏi của anh.

— Dù anh muốn tin hay không, những giờ phút tuyệt vời nhất mà bọn em trải qua là lúc bọn em cùng nhau thảo luận sau khi... Trên cái bàn đầu giường bao giờ cũng có hai ly uống rượu và một chai vang. Tụi em uống nửa chai, và nói chuyện với nhau suốt đêm.

— Nhưng nói chuyện gì chứ?

— Các liệu pháp gien, du lịch trong vũ trụ hay các trải nghiệm thần bí trong các chủng viện La Mã...

Anh suýt buột miệng hỏi nàng làm sao bộ óc của chính nàng lại có thể tranh đua với bộ óc của một thiên tài về phần mềm đó. Nhưng anh không tìm được cách nói khéo léo để khỏi làm nàng phật ý. Vả lại, một lần nữa nàng đã trả lời anh, trước khi anh kịp đưa ra câu hỏi:

— Anh biết đấy, đối với Dan, em chỉ là một *sparring partner*[145]. Anh ấy tung ra các ý tưởng, em hứng lấy rồi đẩy lên. Hay em chống lại anh ấy. Em mang lẽ thường vào giữa những cái điên rồ của anh ấy. Về mặt kỹ thuật, những cộng tác viên chính yếu của anh ấy đều là đàn ông, em bù vào mà.

— Ông ta không thể tìm ra trong công ty mình một sparring partner

phái yếu sao?

— Chắc chắn là được thôi. Nhưng em nghĩ là đâu có giống nhau. Anh ấy quen với em rồi. Ngoài ra, em có cái nhìn của người ngoài cuộc, có thể có ích cho anh ấy. Người ta mang đến cho em cả đống cái mới lạ, em gặp gỡ nhiều nhà phát minh, và em thường có tầm nhìn thực dụng hơn anh ấy về những tiến hóa của công nghệ...

— Và hai người luôn có chai rượu vang bên cạnh giường? - Anh hình dung là nó không phải "cabernet"[146] của California!

Emma giữ im lặng, thấy vui hơn là bực trước cái mỉa mai ghen tức mà nàng cảm thấy ló ra trong lời nói của Pierre. Làm sao giải thích đây? Các quan hệ rời rạc giữa nàng với Barett thì chẳng giống ai chút nào. Cho dù nói ra thì có vẻ tự phụ, nhưng các quan hệ này, trước hết, nặng về trí tuệ. Có phải Proust[147] hay Oscar Wilde[148] đã quả quyết rằng "tình bạn giữa đàn ông và đàn bà là khả thể... nhất là khi có một sự ác cảm về nhục thể kèm theo" không? Nàng hẳn là không có ác cảm gì đối với thể xác của Dan nhưng nàng không bao giờ cảm thấy – với chàng hay với bất cứ ai, cho tới ngày nay – nỗi ham muốn hợp nhất không thể nào cưỡng được, một nỗi ham muốn đôi khi phát sinh từ hai con người vào lúc bàn tay họ chạm nhau hay vào lúc ánh mắt họ đan xen trong một khoảnh khắc ngắn ngủi.

Bãi Golden Beach bây giờ đã ở sau lưng họ. Emma và Pierre đến một con đường nhỏ lót đá dăm cắt ngang con đường mòn, và dẫn đến, ở phía Nam, ngôi làng Longues-sur-Mer, hay ở phía Bắc, đi xuống mé biển bằng sườn dốc đứng. Họ bước trên những hòn đá cuội ẩm ướt cho tới bãi biển rồi băng qua một dãi cát có hình dạng con cá trắng nổi bật ngay giữa bãi đá. Phía bên phải, sau vách đá dựng của mũi Manvieux, họ thấy được một chuỗi sẫm màu gồm những chiếc thuyền bồng bềnh trong vịnh Arromanches.

— Đáng lẽ ta nên đem theo quần áo tắm, - Pierre chép miệng tiếc.

— Ta có thể tắm với áo quần lót, không được sao? - Emma nhún vai trả lời.

Nàng cởi quần jean và áo thun. Ngay lúc bắt chước nàng cởi đồ, anh lại ngừng tay ngoài ý muốn. Emma mặc một bộ đồ lót trắng từ trên xuống dưới, tạo ra trên thân thể nàng những hình dạng mà anh không hình dung trước đó. Anh nhìn theo nàng đang bước xuống nước: cổ gầy, hai vai rộng và tròn trĩnh, bàn tay thanh tú nối cánh tay dài và rắn chắc. Không đợi anh, nàng nhào người xuống biển.

— Anh xuống chứ? - Nàng kêu to.

Một tảng đá phẳng nhô khỏi mặt nước chút xíu, nằm cách bờ khoảng hai chục thước. Nàng leo lên, ngồi trên mặt đá bằng cách gập hai chân về một bên và khoanh hai cánh tay trước ngực như thể để che giấu hai bầu vú.

— Cái này không làm anh nhớ đến gì cả à?

Pierre vừa đến chân tảng đá, quá nhỏ để hai người ngồi, tỏ vẻ chưng hửng. Emma Shannon, bà Emma Shannon, chủ tịch công ty Berkings & Shannon, đang õng ẹo làm duyên đấy...

— Không.

— Anh không bao giờ đi Đan Mạch à?

— Có đi chứ.

— Đến Copenhague không?

— Có, rồi sao nào?

— Anh không biết phúc thần của dân Đan Mạch sao?

Nàng thở dài.

— La Petite Sirène[149] đó mà, Pierre ơi.

Nàng bật cười. Pierre thấy mình không cưỡng nổi. Nàng nghiêng đầu về phía anh. Anh chống hai tay đưa người ra khỏi nước, về phía môi nàng. Có chút vị muối thoáng qua rồi một vị dịu ngọt nồng nàn. Như thể tính cách hiển nhiên của nụ hôn này tràn ngập anh một lần nữa.

Từ từ anh để người tụt xuống và úp mặt lên bụng nàng, nín thở. Rồi anh phủ lên đó bằng những nụ hôn hòa với bọt nước biển. Emma không nhúc nhích người nữa. Nàng giữ thế ngồi chống lên hai cánh tay, bên mép tảng đá. Nàng thấy bầu trời phía trên nàng chỉ có một đường lớn lốm đốm những vì sao. Giá mà Dan ở đây thì hai người chắc sẽ tranh luận về nguyên nhân của hiện tượng này – sự tiết ra chất "endorphine"?[150] hay trạng thái nhập đồng? – nhưng vào khoảnh khắc chính xác này, bộ óc nàng đành bất lực, không thể suy luận chút nào. Chỉ tràn ngập ham muốn rạo rực.

Emma và Pierre bơi cạnh nhau vào bờ. Anh nhìn nàng kéo dài sải bơi, hai bàn tay chạm nhau, đôi vai lấp lánh ánh trăng. Nàng liếc nhìn anh. Anh thấy đôi mắt nàng màu lục, lóe sáng, đôi mắt mà anh đã không bao giờ tưởng tượng ra là chúng biến đổi như thế nơi người đàn bà này.

Họ nằm dài, quay người vào nhau, trên cát lạnh. Thấy nàng hơi run rẩy, anh kéo nàng lên trên người mình, bắt đầu xoa lưng để làm ấm người nàng. Rồi anh xoa chậm lại. Với đầu các ngón tay, anh vuốt nhẹ sống lưng nàng, từ thắt lưng lên đến gáy. Anh cảm thấy người nàng ưỡn ra đàng sau, càng lúc càng rung động. Và anh chợt nghĩ, cùng lúc với nàng, anh chắc thế, là thân thể hai người hợp lại với nhau như hai nửa của cùng một trái cây. Hai người khám phá ra sự hòa hợp tuyệt đối, vượt qua lời nói, qua dấu hiệu, qua tất cả những cử chỉ cần thiết cho một khởi đầu gần gũi, quen thuộc với nhau.

Nàng xoay người nằm dưới anh, và họ làm tình như thể đó là điều tự nhiên nhất trên thế gian. Và cũng nhanh chóng nhất.

Emma tìm thấy lại những cảm xúc đã xuất hiện trong giấc mơ ngày trước. Nhưng niềm khoái lạc thì cháy bỏng hơn, mãnh liệt hơn. Trong vài khoảnh khắc nó làm hơi thở nàng đứt quãng, làm trí óc nàng rã rời.

Nếu đã có thể thì Pierre lại thích nằm im hơn, sâu trong người nàng, môi trên màng tang, để chìm đắm trong nỗi xúc động lan tỏa trong người. Nhưng hạ bộ nàng cứ cử động không ngừng, lôi anh vào một cuộc khiêu vũ điên dại. Nàng đã đưa các ngón tay luồn vào mái tóc ướt của người bạn tình, ở sau ót. Với bàn tay khác, nàng sờ soạng như thăm dò cho kỹ các chỗ lõm trên khuôn mặt, hai vai, tấm lưng anh, như thể nàng sợ một ngày kia sẽ quên chúng mất. Nàng lại không nhận ra là mình kêu rên càng lúc càng to. Và thình lình anh cảm thấy, cuối một tiếng rên hầu như vô tận, một làn sóng dài và mềm như lụa phủ ngập anh.

Khi nàng nằm im, anh xoay người rơi sang một bên, đầu hơi choáng váng. Anh cầm bàn tay mỏi mệt của nàng đưa lên môi mình, thấy miệng nàng vẫn còn mở nửa chừng. Bụi cát làm rõ thêm các quầng thâm dưới mắt nàng.

— Em giống như một con gấu trúc, - anh thầm thì.

Nàng nhíu mày, không biết mình nên mỉm cười hay tức tối. Anh thêm:

— Anh rất thích mấy con gấu trúc. Khi em giống con gấu trúc anh lại thèm muốn em hơn.

Hai người nói chuyện rất lâu để bắt kịp những năm tháng đã mất. Và họ làm tình lại, lòng còn hoài nghi trước sự cảm thông, hòa hợp mà họ đã thực hiện viên mãn, nó có vẻ phi thường quá đi. Sau đó nằm dài trên cát, hai tay gối đầu, Pierre ghi nhận một hình ảnh mà nó sẽ không rời bỏ anh nữa, ngay cả khi quan hệ với người đàn bà trẻ này thay đổi bản chất: Emma, mặc đồ lót quỳ gối bên cạnh anh, đột nhiên ngừng nói để mỉm cười với anh, khuôn

mặt nghiêng xuống. Anh có cảm tưởng rằng, trong khoảnh khắc chính xác này, dưới ánh trăng, nửa thân trên của người bạn tình – đường cong của đôi vai, gò ngực, bụng nhẵn – là một bức tranh đẹp nhất thế gian. Anh thèm muốn Emma với tất cả sức lực bình sinh của mình, không cần phải chạm đến nàng, không cần nàng chạm đến anh, đơn giản chỉ ngắm nhìn nàng. Đó là một xúc cảm mới mẻ và gây bất ổn.

Với Clara thì anh và vợ đã có thói quen chung. Làm tình là một hoạt động tự động. Thích thú, nhưng thiếu phóng khoáng, thiếu buông thả. Vợ anh thì tỏ ra dịu dàng trong những giây phút đó; nàng nói nhiều với anh, thân thương, trìu mến, và anh yêu sự dịu dàng mà nàng ít tỏ lộ trong đời sống hàng ngày. Tình yêu đó, mặn nồng và yên tâm, không làm anh rối trí chút nào. Đó là môn thể dục dễ chịu trong đó anh luôn ý thức mình đang làm gì. Trái lại, với Emma thì anh trở nên mãnh liệt, anh là tù nhân của lòng khao khát nhục thể, như thể có một sức mạnh bên trên áp đặt ý chí lên anh.

Đối với Clara, làm tình là một chuyện nghiêm chỉnh mà nàng chuyên chú. Nàng có vẻ tìm thấy vui thú ở đấy nhưng anh cảm thấy một cách lẫn lộn là niềm vui của nàng đã bị thuần hóa. Quá ước lệ. Quá kiềm chế. Ngay cả gượng gạo, đôi khi.

Emma, về phần nàng, không có vẻ coi chuyện làm tình là cái gì nghiêm trọng lắm đâu. Vừa rồi nàng đã cười phá lên, tỏ vẻ chống đối, cặp mắt long lanh. Khiêu khích Pierre. Nàng quả quyết là, khi vuốt ve đôi vú nàng, anh đã đùa nghịch với chúng. Anh rất thích nhìn nàng cười, nhưng càng yêu hơn khoảnh khắc nàng ngừng cười, khi ánh mắt tinh quái của nàng nhường chỗ cho nỗi bối rối. Cái khoảnh khắc mà thể xác nàng, cuồng nhiệt, lại trở nên ngoan ngoãn.

Mặt trời sẽ lên trong chốc lát. Họ phải trở lại nếu không muốn thiên hạ

nhìn thấy khi về đến khách sạn. Nhưng Pierre, còn nhắm mắt, chần chừ không muốn ra hiệu lên đường. Emma, về phần nàng, đã tỉnh lại. Nàng tin là người bạn tình đã bắt đầu suy nghĩ về những hậu quả của cuộc trốn đi chơi đêm này. Cái gì sắp xảy ra sau này? Số mệnh của mối quan hệ khó tin này sẽ ra sao? Rồi Clara, rồi Brad, họ sẽ ra sao? Nàng muốn làm anh yên tâm về những ý định của riêng mình và nằm dài sát bên anh. Nàng cảm thấy cánh tay Pierre tự động ôm quanh người nàng. Rất gần, nàng thấy anh có vài sợi tóc bạc, không phải hai bên thái dương nhưng thấp hơn một chút, sau hai tai.

— Pierre, anh biết không... - nàng bắt đầu, cắn môi.

— Ừ, sao?

— Em muốn nói với anh...

— Chuyện gì?

— Đây là lần đầu và cũng là lần cuối đó.

Anh nới lỏng cánh tay, xoay người nằm sấp, hai bàn tay chống cằm và thầm thì:

— Vâng...

Phần còn lại của câu nói suýt mất hút trong cát, nhưng Emma, má dựa trên vai người tình, nghe là:

— Vâng, thưa đại tướng.

Pierre đã phát âm từ “đại tướng” như thể miễn cưỡng chấp nhận một mệnh lệnh. Anh thấy khó mà hình dung ra được người đàn bà trẻ dịu dàng, uể oải đang giấu mặt vào ngực anh lúc này, cũng là một “pin up”[151] độc đoán trong trang phục váy áo mà anh quen biết ngày xưa, một bộ mặt quyến rũ và gớm ghiếc cùng lúc, trong một thế giới mà người ta quen thói

loại bỏ những tình cảm bấp bênh.

Khi họ quay lại trên con đường theo vách đá dựng, Pierre để cho Emma bước đi trước mình. Anh nhìn nàng, cần cổ trắng và thanh mảnh, đôi vai u, tấm lưng thon, đôi mông nống lên cao lúc nãy, mái tóc dính bết vì ướt mà anh đã lùa tay vào hay úp mặt lên. Anh lấy làm ngạc nhiên. Làm sao Barett đã có thể, với một người đàn bà hấp dẫn như thế, bằng lòng trong phần lớn trường hợp với một tình yêu từ xa được chứ? Phần anh, sau khi làm tình với Emma thì anh thấy mình còn ham muốn nàng hơn nữa. Và đó cũng chính là cái mới, cái cảm tưởng là anh có thể vuốt ve người đàn bà này hàng giờ liền mà không thấy chán. Ngay cả khi không bị dẫn dắt bởi nhục dục, như thể cội nguồn ý tình ham muốn của anh thì nằm ở nơi chốn sâu thẳm nhất trong anh.

Anh vòng tay ôm ngang người nàng, kéo sát vào mình, miệng thầm thì là anh vẫn còn muốn nàng. Nàng quay đầu, không tin. Hai người đã làm tình nhiều lần. Sao vẫn còn ham muốn nữa được chứ?

Nàng nhếch mép mỉm cười, có vẻ thách thức, và Pierre ôm nàng nằm vật xuống cỏ. Anh thấy mình tan đi trong cùng nỗi choáng ngợp ngây ngất hồi nãy đã cuốn anh đi, và nghe lại một lần nữa một tràng thở dài dồn dập mà trước đó anh đã không bao giờ tin là nàng đủ sức buông thả đến thế, như thể nàng đang giải phóng cho những tiếng rên rỉ bị giam cầm quá lâu.

Khi cơn khoái cảm đã dịu xuống, hai người nhìn nhau mà không nói một lời. Hai má Emma vẫn còn nóng bỏng và Pierre hôn lên đó, chầm chậm. Người này cũng như người kia, cả hai đều muốn nói ra những lời yêu thương gắn bó, nhưng để làm gì chứ? Họ có bao giờ có cơ hội biến chúng thành hiện thực đâu. Họ có bao giờ biết được nếu những giây phút cuồng nhiệt mà thân xác họ vừa sống qua có giống như lửa rơm không, bùng lên rồi tắt ngấm, hay tạo ra một bếp lửa mà than hồng cứ cháy mãi.

http://tieulun.hopto.org

Trời hửng sáng khi họ đứng dậy đi tiếp. Hai người tỏ ra rụt rè, lúng túng. Tuy vậy, họ vẫn nói chuyện, so sánh cuộc sống mỗi người với nhau. Của Emma: không lề thói đơn điệu, lặp lại hàng ngày nhưng cuối cùng thì dẫn đến một lề thói tồi tệ hơn nhiều, tức là những chuyến đi được lập trình sẵn, những phòng khách sạn giống nhau, những cuộc gặp gỡ lúc nào cũng với những người mới nhưng nàng không bao giờ hay rất hiếm khi gặp lại.

— Ta thành có thói quen không am hiểu người khác, - nàng kết luận, giọng đầy cay đắng. - Vả lại, có ích gì chứ? Đôi khi chỉ cần biết qua loa tính cách con người họ là được rồi. Ít ra ta không bị thất vọng.

— Ngoại trừ lúc chết, - Pierre thầm thì. - Lúc đó thì ta tự nhủ đáng lẽ ta nên dành nhiều thì giờ hơn để hiểu biết tốt hơn những con người mà ta yêu quý. Nhưng khi đó thì lại quá trễ để mà hối tiếc.

Lời nói bỗng nhiên mang ý nghĩa quan trọng này kéo Emma ra khỏi trạng thái vô thức mà nàng đắm chìm từ vài tiếng đồng hồ. Kỷ niệm về Kathrin Strandberg trở lại trong trí nàng. Nàng chỉ thoáng thấy cô ấy nhưng lạ lùng thay, tên cô thì có vẻ quen thuộc với nàng, và ước gì nàng biết được cô là ai và cô đã sống ra sao: có phải nàng cũng vậy, chỉ biết hời hợt nhân cách của những người mà nàng gặp gỡ, đúng không nào? Hay là có phải nàng đã biết cách chống lại cái thói quen, thường là tiện lợi, với những gì thoảng qua, ngắn ngủi không?

Nàng xua đuổi những ý tưởng này ra khỏi đầu. Rõ ràng là vấn đề không nằm ở đây. Nghe nói người đàn bà Thụy Điển trẻ trung này thì rất xinh đẹp, rất dịu dàng. Ai đã muốn tra tấn cô ấy chứ? Ai đã muốn giết cô ấy, chắc chắn vậy?

Bây giờ thì họ về đến gần khách sạn, những biến cố xảy ra trong ngày hôm qua lại nổi lên trong tâm trí họ. Emma quay về phía Pierre.

http://tieulun.hopto.org

— Ít ra là anh đã không uống “mélatonine”, phải không anh?

— Anh à? Anh đến thẳng đây từ Marseille mà! Và anh đâu có đi Boston ít ra cũng từ mười năm nay.

— Boston à? Tại sao anh lại nói Boston? Người ta chết khắp nơi mà, mỗi nơi một ít.

— Bộ em không biết à? Trên Internet đó chứ sao. Sáu người đột tử này từ hai hôm nay đều liên quan đến tất cả những người đã trải qua một chuyến bay dài và đã hấp thu những viên thuốc chống “jetlag”, em biết không?

— Vâng, các bác sĩ bảo rằng có thể là do uống quá liều nên gây ra dị ứng...

— Nghe này, đài *CBS*[152] đã loan tin về các kết quả khám nghiệm tử thi: các nạn nhân không chết vì quá liều “mélatonine”, cũng không vì dị ứng, nhưng chết vì một dạng đầu độc! Các viên thuốc chứa một dược liệu thường được sử dụng để chữa trị bệnh Alzeimer, nhưng dược liệu này, nếu tiêm vào người một liều lượng lớn thì gây ra tất cả những triệu chứng của căn bệnh này... Ít nhiều giống như thuốc tiêm chủng đo sai liều! Chết đột ngột và tàn nhẫn.

Emma sửng sốt. Một dược chất gây ra bệnh Alzeimer, và cái chết, trong một viên “mélatonine” sao? Nhưng tại sao? Đó có phải là do sai lầm khi bào chế hay ra tay giết người một cách cố ý? Nàng bây giờ thấy sốt ruột, muốn về ngay phòng để kết nối Internet và biết thêm về chuyện này. Nàng bước vội hơn.

— Nhưng anh không nói tại sao lại là Boston? - Nàng nài nỉ.

Pierre bắt kịp nàng, rồi trả lời, giọng trầm tĩnh, trái ngược với dáng vẻ hoang mang của nàng.

— Có vẻ như tất cả lô thuốc được phân tích đều cùng đến từ một nơi

duy nhất: tiệm thuốc tây trong phi trường Logan, ở Boston. Tất cả những hành khách đột tử đều quá cảnh ở phi trường này.

http://tieulun.hopto.org

11

Ngày trước...

Khi thấy tấm ảnh của Costello ở trên bệ lò sưởi, anh bị ngạc nhiên vì nó giống Herbert von Karajan[153] quá đi. Cùng mái tóc dài rậm bạc trắng, cùng ánh mắt màu xanh thép, cùng vẻ uy nghi. Chắc là người ta thường nói với ông ấy nhận xét này. Thêm vào đó là cái duyên Pháp, một thứ ánh hào quang lãng mạn đã làm Kathrin thích thú. Nhưng bên cạnh tấm ảnh là một cái bình thếp vàng. Đựng tro hỏa táng của ông ấy.

— Bà Strandberg, xin mời ngồi, - Blandine Costello nói. - Ông...

— Barett, Dan Barett.

Khi anh nhận được thư điện tử của Kathrin báo tin Michel Costello đã chết, anh những muốn gọi điện ngay tức khắc cho vợ ông ấy ở Aixen-Provence. Nếu có cơ may nào nhỏ nhất để tham khảo những tài liệu của ông kiến trúc sư này thì là bây giờ đây. Không bao giờ ta được bảo vệ chống lại các sai lầm thô thiển đâu. Những người thừa kế có thể nổi hứng vứt đi tất cả. Những tấm tranh in từ bản khắc, những bức vẽ phác thảo của một tên khùng già thì có giá trị gì đối với họ chứ? Thế nhưng, anh đã không dám gọi. Thật khó mà gọi một người không quen biết chỉ vài tuần sau khi chồng chết nhằm lục lọi trong đống đồ lưu trữ của người chết. Anh có phải là Bernie Puttman đâu. Hắn, em biết rõ mà, hắn xông vào ngay. Những trạng

thái tâm hồn ư? Đối với hắn là con số không.

Chính Kathrin đã tìm ra giải pháp. Nào là "công trình nghiên cứu", nào là "lợi ích khoa học". Nàng đã gọi cho Blandine Costello bằng cách viện ra những lý do này. Viện Bảo tàng quốc gia ở Stockholm quan tâm đến các quan điểm của Costello và muốn bổ sung cho đủ những hiểu biết của Viện về Le Nôtre. Cái cớ này đã qua lọt. Blandine Costello chấp nhận tiếp bọn anh. Nói đúng hơn, Kathrin thôi. Còn anh, anh chỉ là người được ghép vào đi chung.

Chỗ ở của Costello, toàn bằng đá màu đất son và hồng, không lớn lắm so với chuẩn Mỹ, nhưng sang trọng, được xây lên như một ngôi nhà kiểu "hispanique"[154] với sân trong. Đàng sau cái cửa chính giản dị, phía ngoài đường, là những bức tường tối, không thể xâm nhập được; phía bên kia là một cửa lớn mở ra vườn. Một phòng tiếp khách và các phòng ngủ bố trí xung quanh một sân trong hình tứ giác được trang hoàng với những chậu to trồng hoa màu hồng, được bày biện với những cái bàn và ghế bành bằng mây dành cho vùng nhiệt đới. Ngay trước sân hiên, dưới ban công, là một hồ bơi xanh phủ tấm bạt, bao quanh bởi các cây cam và cây chuối chưa trổ hoa. Khi đi dọc theo hồ bơi anh bỗng đứng khựng lại trước cái đồng hồ mặt trời gắn trên tường, phía trên bể nước. Trên nó là câu phương châm *"Không gian sâu rộng là dấu hiệu sức mạnh của ta, thời gian là dấu hiệu bất lực của ta."* Ký tên Jules Lagneau, một triết gia Pháp.

Cuộc tiếp đón thì lịch sự, và chỉ thế thôi. Bình thường mà, anh tự nhủ, đặt vào hoàn cảnh như vậy. Kathrin, biết nhiều thứ tiếng như phần lớn người Thụy Điển, đã giới thiệu anh một cách dè dặt.

— Ông Barett đây là một nhà bảo trợ nghệ thuật lớn, đang tài trợ cho bảo tàng viện Stockholm, và thêm vào đó, lại đích thân quan tâm đến Versailles.

Blandine Costello tỏ ra không nhận ra anh. Anh không ngạc nhiên đâu. Người Pháp có tiếng là ghét công nghệ, cho dù em khẳng định ngược lại. Đúng thế, ngay cả khi họ phát minh ra Minitel và TGV... Anh bao giờ cũng nghĩ là nếu một ngày kia anh phải giấu giếm một bản mẫu đầu tiên cực kỳ bí mật hay một phần mềm cách mạng thì anh sẽ chọn chỗ giấu ở nước Pháp. Nước cuối cùng mà những tên cạnh tranh với anh nảy ra ý đi đến đó tìm.

Bà chủ nhà đi trước bọn anh vào phòng khách, đẹp, bàn ghế bằng mây với những gối đệm rộng và những màn cửa lớn bằng vải màu be.

— Ông, bà chắc uống cái gì chứ?

Bà Costello trông trẻ hơn người chồng quá cố. Ít ra cũng mười tuổi. Dạy đại học, giáo sư ngữ văn ở phân khoa Aix, ăn mặc không cầu kỳ, như nhiều nữ giáo sư khác: váy xám, áo veste xám, sơ mi trắng. Hè cũng như đông, chắc thế.

— Trà, xin bà, - Kathrin trả lời.

— Và ông...

— Coca Light, nếu bà có, cảm ơn.

— Mấy đứa cháu nội tôi đều uống. Tôi nói mãi với tụi nó là người Mỹ đầu độc chúng ta với thứ đồ uống đó...

Bà tỏ ra trực tính. Hơi khô khan về nội dung, có nhạc điệu trong hình thức, tuy vậy bà vẫn để lộ rõ một sự vui vẻ nào đó trong giọng nói, chắc là do một chút giọng miền Nam. Chính em đã hướng dẫn anh ngày nọ phân biệt những giọng phát âm khác nhau ở xứ sở này. Giọng vùng Provence, như em bảo, nghe nó thì như nghe nhạc Vivaldi[155], ngay cả khi người ta cãi nhau ỏm tỏi.

Blandine Costello nhanh chóng quay lại phòng khách với đồ uống và vài miếng bánh ga-tô nhạt. Bà đặt khay trên cái bàn thấp rồi ngồi xuống trên mép ghế bành. Phục vụ tối thiểu, lịch sự hợp cảnh.

— Chuyến đi của ông bà tốt chứ?

— Vâng, tốt lắm. Tàu đến đúng giờ. Và chạy xuyên qua những cánh đồng phủ tuyết. Tuyệt diệu biết bao, con tàu TGV[156] của nước bà! Phải vậy không Dan?

Kathrin đã gọi anh bằng tên, vì nhu cầu công tác. Nhưng toan tính làm ấm không khí của nàng bị xẹp ngay. Blandine Costello trả lời như sáp nóng chảy:

— Tuyệt diệu ư? Đúng thế, ngoại trừ người Mỹ chẳng bao giờ mua cho một chiếc.

Đàng sau lời mỉa mai của bà, anh cảm thấy ló ra mối oán hận mà người Pháp đôi khi tỏ ra trước đồng bào của anh.

— Ồ, bà biết đấy, người Mỹ chẳng hiểu biết gì hết về thiên tài Pháp! - Anh thêm vào, nhã nhặn, rồi uống một ngụm Coca.

Blandine Costello buột miệng phản đối.

— Thiên tài à? Ông thấy làm ra nó, cái TGV đó, là thiên tài ư? Đi Paris nhanh gấp đôi ư? Tôi, tôi bất cần chuyện đi Paris nhanh gấp đôi đó! Càng ít đi đến đấy tôi càng thấy khỏe hơn! Thiên tài Pháp, không phải cái TGV đó đâu. Chính là Chateaubriand, Victor Hugo, Matisse, Braque!

— Và Le Nôtre nữa chứ, - Kathrin kết luận.

Blandine Costello sa nét mặt, buồn bã.

— Ông nhà tôi cũng đã nghĩ thế...

Nhưng cô quản đốc viện bảo tàng người Thụy Điển chộp ngay cơ hội mở ra.

— Thưa bà Costello, trước hết tôi xin cảm ơn bà lần nữa đã tiếp chúng tôi trong hoàn...

— Tốt! Ta đã nói chuyện này qua điện thoại rồi. Cô biết đấy, Michel lẽ ra sẽ vui lắm nếu cô đến gặp ông ấy sớm hơn.

— Tôi biết mà, tôi rất tiếc. Ông nhà là một người đàn ông có duyên lắm. Một nhà nghiên cứu lớn. Tôi có gặp ông cách đây hai năm ở một hội nghị, và công trình nghiên cứu của ông đã gây ấn tượng nơi tôi.

— Giá mà có nhiều người như cô hơn, và sớm hơn, quan tâm đến các công trình của Michel! Đó là một người đàn ông cực kỳ tinh tế. Và một nhà nghiên cứu phi thường. Những tháng cuối cùng này, ông đã đến gần sát đích. Nhưng căn bệnh đã cản ông lại... Đó là một cuộc chạy đua với thời gian, bởi vì ông không còn thể đi vào trong các ngôi vườn nữa. Cô biết đấy, mắt ông dần dần yếu đi, không nhìn rõ nữa.

— Không, tôi không biết, - Kathrin ấp úng.

Một sự im lặng khó chịu xuất hiện. Blandine Costello đứng dậy, vẻ mặt nhăn nhó. Anh cảm thấy là Kathrin bị khó khăn khi tìm cách đi vào trọng tâm vấn đề.

Bà chủ nhà đến gần lò sưởi bỗng đột ngột quay mặt về phía anh, hầu như hung hăng.

— Nhưng tại sao ông lại quan tâm đến Versailles?

Đây đúng là lúc thích hợp để kể lại niềm đam mê của anh đối với các vì vua nước Pháp, những câu hỏi anh tự đặt ra về sự sắp xếp trong công viên, những mối nghi hoặc anh mang trong đầu về tư thế của Apollon, chuyến đi

Stockholm. Và vấn đề hiện nay đang ám ảnh anh: Le Nôtre có ghi khắc trong cấu trúc vô hình của ngôi vườn một công thức toán học chứng minh Thượng đế hiện hữu không?

Vậy thì anh bắt đầu bày tỏ những hiểu biết của mình về chủ đề này. Anh vừa mới nói ra thành ngữ "định lý thần linh" thì Blandine Costello rùng mình.

— Ông cũng biết đến công thức này sao? - Bà vừa nói vừa liếc mắt qua trái, qua phải, như thể bà thình lình lo sợ người ta nghe được lời nói. - Vậy mà ông nhà tôi lại bảo tôi là chẳng ai biết... Ông ấy không muốn nói đến nó! Ngay cả với tôi: ông không bao giờ đưa cho tôi xem cái công thức đó. Ông nói...

Bà ngừng nói và trở lại phía ghế bành để tựa lên lưng ghế, như thể sắp bị mất thăng bằng.

— Vâng, ông nhà nói gì? - Kathrin hỏi nhỏ.

— Ồ, chuyện sẽ làm cô cười đấy. Ông nói là nó có thể mang đến tai họa. Như lời nguyền độc của Toutankhamon[157], cô biết chứ? Hay của Otzi...

Em đã theo dõi câu chuyện này, phải không? Từ năm 1991, sáu trong những người khám phá ra Otzi, cái xác ướp được tìm thấy dưới tuyết ở nước Áo, đều chết cả, có thể là chết do tai nạn mà cũng có thể là chết tự nhiên. Và ở đầu bảng là Helmut, một người miền núi và là người chính tìm ra xác ướp.

Anh thầm nghĩ, để so sánh với Otzi hay Toutankhamon thì ông làm vườn này hẳn là khùng khùng sao đấy.

— Bà muốn nói các người khác trước ông nhà đã khám phá ra cái công thức và họ đã chết vì chuyện này, phải không ạ? - Kathrin thầm thì.

Blandine Costello lắc đầu.

— Tôi không biết. Sự khám phá về Thượng đế của ông chỉ mới xảy ra từ mười sáu, mười tám tháng nay; có lẽ ông tự tìm cách biện minh để khỏi nói về việc khám phá đó, chính xác là vì ông ghê tởm cái cung cách người ta đã xem khinh những phát hiện trước đó của ông... Cô biết đấy, từ hai mươi năm nay ông đã đi gõ cửa mọi nơi. Những vị giám đốc bảo tàng Versailles, tất nhiên rồi, Bộ Văn hóa, các chính trị gia ở Paris, các giới truyền thông, các nhà báo, tuần báo *Paris-Match*, tạp chí *Historia*... Chẳng có ai muốn tiếp ông. Hay đúng hơn, những người hiếm hoi tiếp ông thì lại xem thường ông.

— Việc khám phá ra cái cầu thang không thay đổi thái độ họ gì hết sao?

— Không gì hết. Tin tôi đi, phải cần một cuộc cách mạng thực sự mới bắt buộc được các chuyên gia đó suy nghĩ lại về Versailles của họ. Họ tin họ biết nằm lòng Versailles đơn giản vì họ đã xem xét tỉ mỉ các sổ sách chi tiêu ở đó.

— Sổ sách chi tiêu à? - Anh hỏi vì sợ mình hiểu sai từ này. - Bà muốn nói ý gì thế, Blandine?

Kathrin trả lời thay bà, bằng tiếng Anh:

— Các sử gia Pháp phục hiện lịch sử Versailles bằng cách dựa vào những chi tiêu phát sinh từ việc tái thiết lâu đài và các ngôi vườn. Colbert, thủ tướng của vua Louis XIV, đã cho ghi vào sổ sách một cách chính xác và chi tiết. Cho nên ta có thể biết, từng ngày một, đã tiêu tốn bao nhiêu tiền cho khóm cây này, cho việc trồng lại các cây kia, hay cho việc san bằng mấy ngọn đồi nọ.

— Nhưng vấn đề, - Blandine nói tiếp bằng tiếng Pháp, - lại nằm ở chỗ là công trường nào không được ghi vào các sổ sách chi tiêu thì được xem như chưa từng hiện hữu!

http://tieulun.hopto.org

Bà vừa gõ mấy đầu ngón tay lên tay dựa ghế bành vừa viện anh làm chứng.

— Ngay cả sau khi khám phá ra cái cầu thang, họ đã làm như Michel không có mặt trên đời này! Nói đúng hơn, đó là điều tôi đã tin lúc ban đầu. Vì tiếp theo đó thì hình như đối với tôi, sự việc bị đẩy lên cao hơn là tôi tưởng.

Blandine nghiêng người ra phía sau, bất chợt lộ vẻ mảnh khảnh trong chiếc ghế bành rộng bằng mây, rồi nói tiếp với giọng tâm sự:

— Tôi không chắc chắn về gì cả. Tuy nhiên... Michel, từng làm việc đều đặn ở các công trường công cộng, đã không được Nhà nước đặt hàng tí nào trong suốt mười năm tiếp theo giai đoạn đó. Dĩ nhiên, tình hình kinh tế không được thuận lợi cho lắm, và sự cạnh tranh thì gay gắt. Nhưng nhiều công trường, theo lô-gích thì đáng lẽ ông ấy phải nhận được nhưng rồi ông chỉ đành trơ mắt mà nhìn.

Người đàn bà góa thu mình lại giữa các gối đệm, ánh mắt mất hút trong cõi mơ hồ.

— Chuyện này đã gặm mòn ông. Cách đây ba năm ông bắt đầu cảm thấy những cơn đau đầu, càng lúc càng nhiều hơn. Nhưng người ta chỉ khám phá ra khối u trong đầu ông khoảng một năm nay thôi. Sau đó thì mọi sự tiến triển rất nhanh...

Anh hiểu nỗi thất vọng của Costello, nhưng cũng vô ích thôi, anh bắt đầu sốt ruột rồi đó. Kathrin biết anh không rõ bằng em, nhưng nàng đã nhận ra nỗi bực dọc nơi anh. Anh lúc nào cũng đung đưa người ra sau, ra trước khiến ai cũng đoán được mà.

— Bà Costello này, như tôi đã nói với bà qua điện thoại, chúng tôi có ít thì giờ lắm. Chúng tôi phải lên lại tàu TGV lúc 18 giờ. Ông Barett nhất thiết

phải có mặt ở Paris tối nay. Và chúng tôi thì không muốn làm phiền bà quá lâu. Chúng tôi có thể nhìn sơ qua các tài liệu lưu trữ của ông nhà được không ạ?

— Ông bà đến đây vì chuyện này mà. Vậy thì đi theo tôi nào. Ở trên đó, trong chuồng cu[158].

Cái chuồng cu là xưởng vẽ của Costello, nằm dưới mái nhà. Một buồng áp mái nhỏ trong đó chất lộn xộn cả đống bản vẽ mẫu tàu thủy chở khách, cao ốc, các bình đồ cuộn tròn, đặt dựa vào tường. Còn trên các kệ là hàng chục cặp xếp hồ sơ lưu trữ được sắp theo thứ tự chữ cái. Dưới cửa sổ, một tràng kỷ bọc nhung đỏ sờn cũ.

— Đó, tất cả đó! - Blandine nói to, đưa tay chỉ khoảng một chục chiếc cặp xếp đánh dấu bằng chữ "Versailles" viết tay với bút phớt đen. - Tôi chưa mở chúng ra, tôi không có thì giờ... hay can đảm.

Cái bàn giá vẽ thì ngổn ngang nhiều thứ. Blandine Costello đưa tay đẩy về một bên mấy cuộn giấy phủ đầy bụi.

— Đấy, đứng đây này. Ông bà có thể xem tất cả. Tôi chỉ yêu cầu ông bà đừng mang đi cái gì hết. Nếu muốn làm bản sao thì ông bà có thể dùng máy téléphone-fax của chúng tôi.

Anh mỉm cười. Gần như thương hại, khi anh thấy cái máy téléphone-fax, đặt trên chồng báo Le Monde xỉn vàng. Không máy vi tính, không máy scan, chẳng có gì cả. Nhà tạo cảnh này, với dáng điệu thi sĩ làm xiêu lòng đàn bà, có thể là thứ lão làng đủ sức "thuyết" hàng giờ về "sự chối bỏ nhân cách của chữ viết" và "sự triệt sản của tư tưởng" do việc sử dụng máy tính gây ra.

Anh ngồi xuống ghế đẩu đối diện Kathrin; nàng bắt đầu mở những cặp lưu trữ lấy từ kệ xuống. Nàng có vẻ trầm tĩnh nhưng anh cảm thấy nàng đang sôi sục bên trong. Thỉnh thoảng nàng liếc nhìn anh, kín đáo đến mức

anh thề là nàng nhìn cái trường kỷ đỏ. Nàng có nụ cười ngọt ngào, hầu như lả lơi. Anh sẽ là tên nói láo nếu anh nói với em là anh dửng dưng trước vẻ hấp dẫn mà nàng để lộ ra với anh. Nhưng thôi, em biết anh mà. Anh bị hội chứng Marylin, như em gọi. Khi anh tập trung đầu óc vào một việc gì mà có cô gái nào đẹp nhất thế giới đi vào văn phòng anh thì anh hầu như không thấy cô ta chút nào. Marilyn Monroe[159] mà có đổ bộ xuống thì anh, mắt hầu như không nhướng lên, đủ sức sai nàng đi mang cà phê đến chứ chẳng chơi đâu. Em luôn luôn mỉa mai nhiều về sự khác biệt này giữa hai ta. Em mà thấy Hugh Grant hay George Clooney[160] xuất hiện bất ngờ thì...

Bọn anh khảo sát tỉ mỉ các tài liệu từng cái một. Mỗi một thành phần của ngôi vườn – bể nước, pho tượng, vại, lối đi – có vẻ được dành cho một cặp xếp bằng cạc tông chứa các ảnh chụp, các bản vẽ nháp, các bảng ghi số đo đạc, đôi khi còn có những lời bình luận thông thái về ý nghĩa tượng trưng hay nơi ăn chốn ở của thần linh trong truyện thần thoại. Anh cố gắng, trên hết, hiểu những chú giải phức tạp mà nhà nghiên cứu Costello đã viết bên lề. Bọn anh ở trong chuồng cu được hơn một tiếng đồng hồ thì Kathrin buột miệng kêu to:

— Dan, nhìn này.

Nàng đặt dưới mắt anh một hồ sơ mang tên "Sự ứng dụng con số thần kỳ trong cấu trúc những ngôi vườn ở Versailles". Nó chứa đựng hàng chục bản vẽ gồm các hình tròn, các đường cong và các đường thẳng chằng chịt với nhau. Thình lình nàng rút ra từ lô đó một tờ giấy đã bị xé ra từ mép trong và hai bên mặt giấy thì đầy chữ viết khít nhau.

— Dan, nghe cái này đi! Nàng reo lên.

Nàng bắt đầu đọc to và dịch ra, chậm hơn một chút, cái có vẻ là một ghi chú của Costello, rõ ràng là dành cho các học trò hay cho những kẻ mới bước vào nghề: có lẽ đó là một phác thảo bài viết, ghi là năm 1988, dành cho

một tạp chí không chuyên nào đó.

Khi ta vẽ bình đồ một ngôi vườn hay một ngôi nhà, quy tắc đầu tiên chủ yếu là sáp nhập vào một tỉ số căn bản. Tôi giải thích: nếu tôi vẽ một khoảng vườn trồng hoa hình chữ nhật, tỉ số căn bản này sẽ là tỉ số giữa chiều dài L của nó và chiều ngang l. Ta hãy hình dung, ví dụ như chiều dài là 10 mét, chiều ngang 5 mét. Trong trường hợp này, L / l = 2. Khi tôi xây dựng tiếp một hình chữ nhật thứ hai, rồi những cái tiếp theo, dù chúng to hay nhỏ hơn cái đầu tiên, tôi vẫn giữ tỉ lệ này. Nó được xác định chỉ một lần thôi. Chính hằng số này sẽ bảo đảm sự hài hòa cho toàn thể. Chính từ – giữa những cái khác – cái tỉ lệ lặp lại nhiều lần này mà cái Đẹp ra đời.

Đoạn tiếp theo nằm ở mặt sau tờ giấy.

Tôi không ngừng tìm kiếm cái tỉ số mà Le Nôtre đã chọn cho...

Anh ngắt lời nàng. Anh ghét mất thì giờ của mình. Anh rút ra cái sổ tay điện tử được trang bị phần mềm mới nhất của Controlware cho phép chụp hình một văn bản và nhận ngay tức khắc bản dịch của nó trên màn hình. Như vậy anh có thể đọc trực tiếp và bằng tiếng Anh bản ghi chú mà Kathrin tiếp tục giương mắt đọc một cách khó nhọc.

Tôi không ngừng tìm kiếm cái tỉ số mà Le Nôtre đã chọn cho các hình vẽ của mình. Tôi tìm một con số nguyên, và đó là lý do tại sao việc này quá khó đến thế. Vì không có con số đó! Con số mà tôi bao giờ cũng tìm ra, dù đo đạc thế nào đi nữa, lại không phải là con số nguyên!

Khi tôi đạt tới kết quả này, tôi không tin thế được. Tôi nghĩ mình đã làm sai cái gì đó, ví dụ như tôi đã đo đạc chưa chính xác cho lắm, tôi đã tin vào một sự trùng hợp... Tôi bắt đầu tính toán lại nhiều lần. Nhưng bao giờ cũng cho ra cùng một đáp số. Cùng một phân số.

Tôi lúc nào cũng rơi đúng vào tỉ số duy nhất mà Le Nôtre đã không thể sử

dụng được. Tức là...

Kathrin ngừng lại, miệng há hốc. Anh nói trước nàng.

— Con số vàng![161]

Nàng nhìn anh, mắt tròn xoe.

— Làm sao ông biết được nó?

— Bản dịch có máy tính trợ giúp mà! Cô biết đấy, hiện nay nó chạy tốt lắm Kathrin à!

Đang lúc hăng say làm việc thì anh cũng vậy, anh cũng gọi nàng bằng tên riêng nhưng nàng không nhận ra. Nàng quay lại tờ giấy của mình.

— Con số vàng, thực sự...

Nàng có vẻ hoang mang. Phần anh, anh không hiểu tại sao con số vàng là "cái tỉ số duy nhất mà Le Nôtre đã không thể sử dụng được".

— Rồi sao nữa? - Anh hỏi quá nhanh.

— Ông không biết con số vàng à? - Nàng hỏi, giọng ngạc nhiên vì hiểu lầm ý câu hỏi của anh.

— Biết chứ, tất nhiên.

Anh suýt buột miệng trả lời nàng là anh đã học thuộc lòng con số thần kỳ này – ít ra là mười thập phân đầu tiên – rất lâu trước khi nàng chào đời. Anh cũng suýt nói với nàng là khuôn mặt nàng thực sự biểu thị những tỉ lệ của con số vàng. 1,6180339887. Cái tỉ số "lý tưởng" giữa chiều dài và chiều rộng, dù là cho một bãi cỏ hay là cho khuôn mặt của một cô người mẫu hạng nhất.

Nàng không để cho anh có thì giờ nói tiếp.

— Dan, ông nhìn này! Nhìn này! Costello đã đo đạc tất cả. Không tránh

được!

Những ghi chú của Costello không phải hiển nhiên để hiểu, nhưng anh tin ở Kathrin.

Từ chỗ vào lối đi rộng lớn của lâu đài cho đến lối đi cắt ngang: 350 tz (toises[162]). Từ khóm cây Girandole cho đến... 50 tz, v.v...

Nàng vui ra mặt. Nàng trải các bình đồ lên trên bàn, đặt chúng cạnh nhau, kiểm tra trong đầu các kết quả tính toán... Một cơn gió lốc. Như mùi nước hoa của nàng, nó cũng bồng bềnh chung quanh anh.

— Ông nhìn cái góc các lan can của Latone này đi! Và những góc khác xuất phát từ Apollon! 108 độ! 54 độ! Tất cả đều là bội số của 18! Chúng đều liên hệ với con số vàng... Và cái hình này, trong các khu vườn: ngôi sao năm cánh! Hình năm cạnh! Tất cả kiến trúc của các ngôi vườn đều dựa trên con số vàng!

Anh tới lúc đó vẫn không hiểu được tại sao nàng lại tỏ ra hưng phấn đến thế. Con số vàng thì ai cũng biết xưa nay rồi. Dù Le Nôtre có sử dụng nó chăng nữa thì việc này, dưới mắt anh, không có vẻ gì là một sự khám phá căn bản. Và nhất là điều này thì có liên hệ gì với việc truy tầm của bọn anh cơ chứ? Apollon bị đặt ngược hướng. Bằng chứng cho sự hiện hữu của Thượng đế. Anh cảm thấy bọn anh đang lạc đường. Trong những trường hợp như thế, em biết anh mà, anh điều chỉnh ngay hướng đi.

— Kathrin này, cô rất tốt, nhưng tôi không thấy dựa vào cái gì mà nói đó là một cuộc cách mạng.

— Dan, thôi đi mà! Ông không nhận ra sao! Le Nôtre đã dùng con số vàng đó! Khi mà vào cuối thế kỷ XVII, đó là tà giáo! Ai mà dựa vào nó thì bị nghi là đi theo một dị thuyết hắc ám, một "combinazione"[163], một môn phái...

— Cô có hơi cường điệu không đấy?

— Không chút nào! Đến như Le Nôtre mà phải cần đến con số vàng thì thật là hoàn toàn không thể tưởng tượng được. Đó là một con người hiện đại, có niềm tin ở khoa học, như vua Louis XIV vậy. Ông dùng các cặp kính có chia độ nổi tiếng của tu viện trưởng Picard để tính toán những chênh lệch độ cao từ đường cong của quả địa cầu, hay số lượng đất cát phải dời đi để mà người ta có thể thấy bể nước Apollon từ các cửa sổ lâu đài... Ông đã thầm thì bên tai nhà vua tất cả những ý tưởng của mình nhằm dẫn một lượng nước tối đa đến các khu vườn Versailles. Đó là một nhà khoa học! Ông bị một nguy cơ đe dọa thực sự khi sử dụng con số cổ lỗ sĩ này!

Anh bắt đầu hiểu được sự hưng phấn của Kathrin. Anh biết chuyện nhà vua say mê mấy môn thiên văn, địa lý, hình học, toán học, vật lý... Khi ông lên ngôi thì Galilée[164] và Descartes[165] đã qua đời từ vài năm trước, nhưng ảnh hưởng của họ thì to lớn: họ đã làm cho tinh thần khoa học vào được trong triết học, trong các kỹ thuật và ngay cả trong nghệ thuật. Các nhà văn, các họa sĩ, các nhà điêu khắc, tất cả đều bị chi phối bởi tính hợp lý. Làm sao hình dung được là người tạo dựng cảnh vườn cho nhà vua, người duy nhất tháp tùng nhà vua gần bốn mươi năm trời, lại chính mình tuân theo một qui luật nào khác hơn là qui luật của khoa học?

— Le Nôtre không thể nào là lạc hậu được! Vả lại, ông ấy giấu nó mà, cái con số vàng đó: giờ thì tôi hiểu tại sao các bình đồ của ông ấy lại không bao giờ chỉ ra những cái trục. Vì như thế thì người ta mới không thể nào đo được các góc!

Kathrin Strandberg nắm cánh tay anh mà day.

— Dan này, khi Costello khẳng định rằng Le Nôtre đã sử dụng con số vàng để nghĩ ra các ngôi vườn Versailles thì chắc là ông đã biến những "sếp

to, sếp nhỏ" ở Versailles thành kẻ thù! Không ai trong bọn họ có thể công nhận tà thuyết đó!

Anh hiểu tầm quan trọng của việc khám phá này. Một người yêu chuộng sự chuẩn xác khoa học tới mức như Le Nôtre thì không thể nào làm chuyện đưa một chiều kích huyền bí vào trong ngôi vườn kiểu mẫu của mình được.

— Tại sao ông ấy làm điều đó?

— Ông chờ chút... Tôi nghĩ câu trả lời ở đây rồi.

Kathrin đưa anh mặt sau tờ giấy bị xé đó mà nàng đang giữ nơi tay. Anh sao chụp nó và chờ bản dịch hiện ra. Trong khi đó thì quản đốc viện bảo tàng lại lên tiếng đọc tiếp.

Khi ta tạo ra một hình chữ nhật mà chiều dài và chiều rộng được kết nối bởi con số vàng (nói rõ hơn, nếu chiều dài bằng 1,618 lần chiều rộng), và ta rút từ hình chữ nhật này một hình vuông có mỗi cạnh bằng chiều rộng của nó, đơn giản bằng cách căng dây cho thẳng đều – một việc mà mấy người làm vườn đều biết rõ – cái còn lại, cái mà ta có được, là một hình chữ nhật vàng mới! Rồi hạ một lần nữa chiều rộng của hình chữ nhật mới này trên chiều dài của nó, ta có được một hình chữ nhật vàng thứ ba, tự nó cũng chứa một hình chữ nhật vàng thứ tư... Phép tính này có thể lặp lại đến vô cực! Ta tạo ra như vậy một động lực vô tận, một cấu trúc mở ra bên ngoài, nơi mà mỗi hình dạng liên kết với những hình dạng tiếp theo trong một sự hòa hợp vẹn toàn.

Kathrin nói một cách chậm rãi, giọng rất trịnh trọng. Như một tu sĩ khám phá ra Phúc âm thứ năm.

— Một động lực vô tận! Hiểu được chứ Dan? Một sự hòa hợp vẹn toàn... Ông không thấy sao?

Lần này anh đã hiểu cùng lúc như nàng. Nhưng anh cứ để nàng nói.

— Con số vàng, trong nghệ thuật kiến trúc, chính là cái tuyệt đỉnh tao nhã. Nhưng đó không phải điều giải thích duy nhất về sự sử dụng nó. Thực ra, nếu Le Nôtre chịu bất trắc khi dựa vào nó thì đó không phải là dựa vào một dị thuyết hắc ám nào đó mà là để hoàn thiện cuộc thắng lợi huy hoàng của Thái Dương Vương. Như thế thì ông mới giúp cho nhà vua thực hiện giấc mơ về tuyệt đối. Ông dâng cho nhà vua, qua sự sắp xếp hoàn hảo những cầu thang hay những khóm cây, một viễn cảnh vô hạn nhìn ra đồng quê. Một chân trời ngoại khổ. Nói một cách khác, ông dâng cái vô cùng cho một con người quả quyết rằng mình nắm quyền lực từ Thượng đế, cho một con người đại diện Chúa trên cõi trần này! Như thể là ông chỉ cho nhà vua thấy Thượng đế hiện hữu.

Nàng hớn hở ra mặt. Chính anh mới là người trở lại nhanh chóng trên cõi trần.

— Kathrin, cô tiến nhanh quá đi. Tôi muốn lắm chứ, việc con số vàng cho phép đặt cái vô tận trong cái con người, thế nhưng, dù như thế chăng nữa thì đó cũng không phải là một công thức chứng minh sự hiện hữu của Thượng đế! Ngược lại là đàng khác.

— Ông hãy thừa nhận việc Le Nôtre sử dụng nó là đáng kinh ngạc.

— Hẳn thế rồi.

— Và thật khó mà hình dung là ông ấy làm thế là thể theo yêu cầu của nhà vua, phải không?

— Nghe này Kathrin, chúng ta sẽ suy nghĩ sau. Ta chỉ còn một giờ rưỡi thôi mà. Tôi đề nghị cô chụp tối đa các tư liệu. Ta sẽ làm bản kiểm kê sau đó.

Anh canh giờ. Sự khám phá của Costello, có vẻ rất kỳ lạ dưới mắt Kathrin, lại không soi sáng gì hết về hướng tiến của pho tượng Apollon, và

nếu như nó cho phép đưa "cái vô tận vào trong cái con người", nó lại không có mối liên hệ với một công thức nào đó chứng minh sự hiện hữu của Thượng đế. Anh bắt đầu tự hỏi không biết Costello quả thật đã xác định được một định lý cách mạng giữa những đài nước và những luống hoa hay không. Những công việc cần mẫn, công phu của ông, quỳ hàng giờ trên những lối đi trong công viên, tay cầm thước đo, có hay không, đem lại những kết quả nào khác hơn là chứng minh sự hiện diện của con số vàng trong bộ khung các ngôi vườn, một kết luận tự nó đã là cách mạng? Các cặp xếp hồ sơ còn lại mà bọn anh tra cứu chắc chứa đựng các thông tin khác. Nhưng vì thiếu thì giờ thì tốt hơn đành sao chụp tất cả vậy. - Tên khùng này đáng lẽ nên lưu giữ tất cả mấy thứ này trong máy tính! Anh buột miệng thốt ra, khom người trên các tài liệu đó để chụp ảnh. Ông ta có thể là một nhà tạo cảnh tài giỏi, nhưng vì mải miết chúi đầu chúi mũi trong mấy đống giấy tờ và bò lên bò xuống trong các khu vườn nên bị thiên hạ bỏ rơi, tội nghiệp ông bạn này quá!

Kathrin đáp trả lớn giọng, tàn nhẫn, tia nhìn khó chịu:

— Nhưng ông tự cho mình là ai vậy, ông Barett?

Bây giờ anh còn nhớ giây phút đó. Nét mặt bỗng dưng căng ra của Kathrin Strandberg, hai bàn tay co quắp lại trên chiếc cặp xếp bằng cạc-tông màu lục. Giọng nàng trầm đục, gần như giọng đàn ông. Chẳng có gì chung với Cô gái quàng khăn đỏ dịu dàng ở Stockholm cả. Như thể xâm phạm đến Costello là anh đã gây ra một phản vệ miễn dịch nơi nàng. Chính xác vào lúc đó, anh có cảm giác là nàng đã yêu người đàn ông ấy. Ít ra là yêu vụng trộm.

— Bà Strandberg, có hãng taxi vừa gọi về việc bà. Họ hỏi không biết bà xác nhận giờ hẹn xe phải đến đón bà không.

Kathrin giật mình.

— Ơ... vâng. Nửa giờ nữa, cảm ơn bà! - Nàng nói lắp bắp.

Blandine Costello đã đến vào lúc xấu nhất. Bà ta đã quan sát bọn anh từ bao lâu rồi? Bà có nghe những lời anh nói về chồng mình không?

— Bà Costello, cảm ơn nhiều, - Kathrin lặp lại. Chúng tôi chưa xong hoàn toàn.

Bà chủ nhà vừa mới quay lưng thì Kathrin rút điện thoại di động từ túi cầm tay ra. Một cái Nokia đời mới nhất với máy quay vidéo và máy chụp ảnh số có tám "mégapixels".

— Mỗi chúng ta đều chụp cho riêng mình chứ? - Nàng hỏi, bồn chồn. - Làm như thế, nếu một trong hai chúng ta quên hay mất một tư liệu thì...

Bốn mươi lăm phút sau, nàng đã tải lên điện thoại của mình những ảnh chụp các bình đồ và các ghi chú của Costello trải trên bàn. Sau đó, nhờ anh giúp một tay, nàng sắp chúng lại trong các cặp xếp trước khi đặt tất cả vào chỗ cũ. Các câu chào từ biệt bà Costello thì lịch sự, không hơn. Kathrin quên cái túi xách ở phòng khách. Khi nàng quay lại tìm nó, anh thấy nàng đi vòng để tránh đi sát cái bình đựng tro hỏa táng.

Trong chiếc taxi đưa bọn anh ra nhà ga, Kathrin không hé miệng một lời. Anh không dám hỏi tại sao nàng lại căng thẳng đến thế.

Vừa mới kịp ngồi trên tàu, nàng mở laptop và tải về những bình đồ chứa trong điện thoại di động của nàng. Trên màn hình của anh cũng thế, những bản vẽ của Costello hiện ra, cái này tiếp cái kia, sắc nét hơn những cái của nàng, tất nhiên rồi. Bọn anh bắt đầu nhấp chuột, "zoomer"[166], và sắp xếp. Sự hiện diện của con số vàng trong tác phẩm của Le Nôtre đánh dấu sự hoàn thiện của ông. Được thôi. Thế nhưng, cái mà chính anh đi tìm, cái ám ảnh anh suốt, lại chính là sự khiếm khuyết. Cái khuyết điểm khó nhận biết, cái "bug"[167] cực nhỏ đưa một điểm yếu vào trong một kiến trúc lý tưởng.

Quỷ sứ, em biết rồi mà, thường giấu mình trong các chi tiết. Anh không ngừng nói đi, nói lại điều này. Vả lại, đó là một trong những lý do khiến anh đã chọn Puttman để kế nhiệm anh. Một kẻ ám ảnh với chi tiết.

Anh đã bắt đầu ngủ gà ngủ gật, thấy chán tìm uổng công cái điểm yếu trong tất cả các bình đồ này, các bản vẽ này, các ghi chép đo đạc này khi anh cảm thấy bàn tay của Kathrin đặt lên cánh tay anh.

— Dan, ông muốn xem những anh trí thức Pháp tầm thường biết làm gì không?

Anh làm như không biết đến giọng điệu nhạo báng trong câu nói, và quay nhìn màn hình của nàng. Nàng đã cho hiện lên một tấm ảnh lãnh địa Versailles và chỉ vào nó bằng con trỏ.

— Ông thấy gì?

— Hầu như không, chất lượng hình thế này thì... Nói đúng hơn, tôi thấy: bể nước Latone, nhìn từ các cầu thang.

— Ông không biết các bể nước Lézards thật sao? - Kathrin hỏi, dùng ngón tay chỉ hình vẽ hai bể nước này trên màn hình.

— Biết chứ, dĩ nhiên rồi. Chúng là một phần của khoảng vườn trồng cây cảnh Latone.

— Chúng không gây sốc cho ông à?

— Không. Tôi không thấy. Cả hai đều đối xứng một cách hoàn hảo...

— Đối xứng, chính thế đó Dan! Bản vẽ chỉ ra như vậy. Nhưng ta hãy nhìn cái ghi chú của Costello này! Hai bể nước song sinh? Dấu hỏi. Tất cả vấn đề nằm ở đó cả!

— Rồi sao nữa? Tại sao có dấu hỏi này?

— Dan, tôi giải thích cho ông đây. Theo Costello, không thể nào mà Le Nôtre đã sắp đặt hai bể nước theo kiểu này, không thể nào ông ấy lại muốn sự đối xứng như phản chiếu trước gương được.

— Thế à?

Anh sốt ruột. Tốt hơn cô ấy nên đi vào cụ thể cho rồi. Anh ghét, em biết rồi mà, việc mấy người đối thoại với anh ưa câu giờ, kéo dài sự chờ đợi hồi hộp nhằm tăng thẩm quyền của mình. Kathrin mỉm cười.

— Ông đừng bực mình, tôi sắp giải thích đây.

Nàng lại ngừng nữa. Anh thấy muốn bóp cổ nàng. Chỉ là một cách nói thôi, vì ngay khi có ý chụp cái cổ xinh đẹp của nàng trong hai bàn tay thì lòng ham muốn lại nổi lên. Anh đưa mắt quay sang nhìn phong cảnh nối tiếp nhau bên cửa sổ.

— Để tạo ra cái đẹp, Le Nôtre đã dùng đến sự đối xứng – nhưng theo nghĩa nguồn gốc của từ này, tức là "sự tương đồng" giữa các bộ phận chứ không phải "sự đồng nhất" của chúng. Như vậy khi nghĩ ra phần phía Nam của các ngôi vườn, ông đã không vẽ nó một cách song song chính xác với phần phía Bắc; ông đã vẽ những đường xiên mà ông sửa chữa lại và làm tỏa ra xung quanh bể nước Mirroir. Nhờ thế mà ông tránh được vẻ đơn điệu của sự đối xứng hai bên chặt chẽ.

Kathrin bây giờ cho hiện lên màn hình bản đồ Versailles hiện nay, và dùng ngón trỏ chỉ ra những vị trí các thành phần. Nàng thuộc nằm lòng tấm bản đồ.

— Ông cũng làm như thế khi vẽ Grand Canal vào năm 1668, ông tạo ra những cái đối xứng nhưng không hoàn toàn đồng nhất. Những cái đối xứng chỉ là những hiệu ứng thị giác mà thôi. Hai cái bể nước nằm ở hai đầu Grand Canal và tương đương nhau khi được nhìn từ Grande Terrasse, trong

thực tế thì không cùng kích cỡ chút nào. Nếu mà đúng là như thế thì theo phép viễn cảnh, cái bể nước thứ hai, tên là de Gailly, cái bể nước xa nhất đó, sẽ bị dồn nén lại, trông nhỏ hơn. Le Nôtre không đi tìm cái đẹp qua sự đối xứng như phản chiếu trước gương, như là sinh đôi. Cái đó đã là một đặc trưng của nghệ thuật thế kỷ trước. Le Nôtre, phần ông, đã đi sang giai đoạn tiếp theo rồi.

Kathrin ngừng nói, có lẽ chờ anh lên tiếng khen ngợi nàng về lập luận minh chứng của mình.

— Rồi sao nữa, Kathrin, cô kết luận thế nào?

— Nhưng, Dan này, đơn giản thôi mà! Các bể nước Lézards, quá giống như sinh đôi, quá đồng nhất đó, Le Nôtre không thể nào muốn chúng như thế, từ khởi thủy. Costello có ý nói rằng chúng không xuất hiện trong các bản vẽ ban đầu.

— Nhưng tại sao chúng có lẽ được thêm vào?

— Câu hỏi hay lắm. Tại sao chúng được thêm vào? Hay nói cho đúng, cái gì đáng lẽ phải xuất hiện ở chỗ của chúng?

Kathrin khơi dậy anh. Bọn anh ngồi quá gần nhau trong khoang tàu TGV đến nỗi anh cảm thấy hơi ấm từ người nàng bên cạnh anh. Khi di chuyển ở châu Âu bằng tàu lửa thì thường thường anh thấy hành khách ngồi sát nhau quá. Nhưng sự chật chội đôi khi cũng có lợi.

Kathrin lại cúi mặt xuống bản vẽ lần nữa.

— Dan, nhìn này, có cái khác đây. Latone. Thấy không? Như ông biết, bể nước Latone là thành phần trung tâm của toàn bộ sự bố trí. Khuôn hình có tính quyết định. Chính từ nó mà các khuôn hình khác liên kết với nhau, cái này đáp lại cái kia. Từ ban đầu, pho tượng Latone, ngay giữa bể nước, thì nhìn về phía lâu đài và đặt ngang mặt đất. Rồi nhà vua quyết định đưa nó

cao lên và nhìn về phía Apollon. Không một lời giải thích nào được đưa ra lúc đó. Những kẻ xấu miệng nói là vào giai đoạn mà Latone được nghĩ ra, năm 1668, nhà điêu khắc Gaspard Marsy đã dùng Phu nhân de Montespan, một sắc đẹp vẹn toàn, làm người mẫu. Phu nhân này là nhân tình của vua Louis XIV đó.

— Thế mà vào năm 1683 nhà vua lại cưới Phu nhân de Maintenon khô khan làm vợ.

— Chính xác! Nhà vua không muốn cái công viên gợi lại những hành vi ngông cuồng đã qua của mình... Hãy đem giấu bộ ngực gợi cảm này đi, ta không thể nhìn! Tóm lại, Latone bị phạt quay mặt vào tường.

— Và Le Nôtre không phản đối sao?

— Không, Le Nôtre cũng chẳng hơn gì Gaspard Marsy. Nhưng sau đó thì luôn luôn có một sự nhập nhằng về tư thế lý tưởng cho bà vợ của Jupiter này. Đến mức mà cách đây hai mươi năm, khi các quản đốc nhà bảo tàng ở Versailles quyết định thay pho tượng gốc bằng một bản sao bằng nhựa, các kỹ thuật viên đã làm sai: họ đã quay pho tượng về phía lâu đài, chứ không còn về phía Apollon như đã từng trong hơn ba thế kỷ! Nó bị đặt sai hướng như thế cả hai ngày!

— Làm sao cô biết chuyện này?

— Một người làm vườn kể nó cho Costello nghe. Người làm vườn đó đã nhận ra trúng ngay cái "bug".

— Tốt lắm, rồi sao nữa? Cô muốn đi đến đâu?

— Được thôi, ta có thể tự hỏi tư thế thực sự của Latone là gì, cái mà Le Nôtre muốn đó. Cái mà ông hình dung ra ngay từ lúc đầu. Quay về phía lâu đài? Hay về phía Apollon? Ông hãy nhìn Costello viết cái gì đây này: *"Nhưng nếu không phải hướng này, cũng chẳng phải hướng kia thì sao?"*

Anh giữ im lặng vài giây lát. Trước khi trở lại những nỗi ám ảnh của anh.

— Nhưng đâu là mối liên hệ với tư thế của Apollon? Hay với Thượng đế?

— Dan, kiên nhẫn nào! Vả chăng, ông không thấy lạ lùng sao? Những Lezards đối xứng. Latone bị xoay ngược lại, đối diện với Apollon và quay lưng với khách thăm viếng. Apollon, về phần mình, thì quay mặt về phía lâu đài, trái ngược với tư thế lô-gích của nó. Đấy, chúng ta có ba cái "bug" này, như ông nói, ba sự phản bội lại lý tưởng của Le Nôtre. Làm sao mà không hình dung ra mối tương quan giữa ba cái này?

— Không có gì chứng minh nó cả!

— Dù sao đi nữa, Costello đã tin như vậy! Và cái điều còn gây ra lo ngại hơn nữa, đó là...

Kathrin chỉ ngón trỏ lên màn hình, kiểu cách như một ông thầy. Vẻ đắc ý của nàng khiến anh phát bực. Nhưng đôi môi và ánh mắt long lanh cuốn hút anh.

—... Đó là chuyện ba khuôn hình mà chúng ta đang bàn, ba cái đại diện cho sự bất thường, ba cái này được đặt trên cùng một trục, từ hai phía của Tapis vert. Đừng tìm kiếm chỗ khác vô ích: nếu công thức về sự hiện hữu của Thượng đế được ghi khắc đâu đó, chính là đây này. Phải lục lọi ở đây. Trên trục trung tâm của các ngôi vườn. Trục hoàng gia.

http://tieulun.hopto.org

12

— Không, không tin được! Sáng nào cũng thế cả sao!

Pierre ngồi dậy trên giường một cách khó nhọc, đưa tay với máy điện thoại, tức tối cành hông vì bị dựng đầu dậy lúc 7 giờ trong khi anh đã lập trình cho chuông reo vào lúc 8 giờ. Anh hầu như không ngủ chút nào. Anh sắp sửa mắng mỏ cái giọng tổng hợp của máy thì nhận ra tiếng Clara.

— Pierre... Rốt cuộc! Anh đấy à! Nhưng anh ra sao rồi?

Ôi, nếu xét chung thì anh thích cái giọng nhân tạo kia hơn.

— Anh không gọi điện gì cả! Cả hai ngày trời mẹ con em không biết anh làm gì!

Nàng gào lên. Pierre thấy sững sờ. Dĩ nhiên, vợ anh không thể đoán được anh đã qua đêm ra sao, nhưng từ đó mà hung hăng gây gổ với anh như thế...

— Cưng ơi, tha lỗi cho anh, nhưng ở đây anh ngập đầu ngập cổ trong công việc, - anh nói với giọng ướt át, xa lạ với chính mình.

— Thôi đi, Pierre, tận thế rồi!

Clara khóc nức nở. Pierre đấm mạnh xuống đùi mình để cho chắc là mình không nằm mơ. Nhưng anh vẫn còn nghe tiếng nấc của Clara.

— Cưng ơi, bình tĩnh lại nào. Cưng nói chuyện gì vậy?

http://tieulun.hopto.org

Người đàn bà trẻ sụt sùi:

— Thôi đi, Pierre! Anh không biết à? Nhà máy Atofina đã nổ tung.

— Nhà máy Atofina à? Nhà máy hóa chất đó sao?

Anh không hiểu nàng đang nói về cái gì. Clara nhấn mạnh:

— Có cả hàng trăm người chết. Còn tồi tệ hơn ở Toulouse nữa. Người ta đồn rằng Marseille đã bị xóa khỏi bản đồ!

— Nhưng em điên quá à! - Pierre giật nẩy mình, đột ngột nổi giận tím mặt. - Em đâu còn ở đó mà nói chuyện với anh nếu Marseille bị xóa khỏi bản đồ, thấy không nào...

— Pierre ơi, - Clara kêu rên, - vào ngày thứ tư, hôm qua đó! Cả nhà đi thăm mẹ em ở Alès, bà không được khỏe. Em định sáng nay về sớm. Nhưng nhà máy điện đã nổ tung vào lúc 1 giờ đêm qua. Người ta chỉ nói suốt về chuyện này thôi trên đài phát thanh, đài truyền hình... Em đã cố liên lạc với các bạn em, với hàng xóm, nhưng không xong, các mạng điện thoại không hoạt động nữa. Chính quyền đã phát ra báo động đỏ, không một ai được quyền đi đến đó, không được đến gần hai mươi cây số cách vùng nổ...

Pierre ngồi ở mép giường, đặt tai nghe xuống vài giây, hít vào chậm rãi và nuốt nước miếng trước khi nói chuyện tiếp. Sau khi tuôn ra xối xả những lời lẽ hốt hoảng, Clara bắt đầu lấy lại bình tĩnh. Nàng kể cho anh những gì nàng biết được lúc 6 giờ sáng, từ đài phát thanh, rồi từ đài truyền hình. Chưa một hình ảnh nào được phát sóng, và không ai biết được mức độ thiệt hại. Nhưng cách hơn mười cây số kể từ điểm nổ mà người ta còn cảm thấy các cơn rung chuyển do các vụ nổ gây ra. Chỉ những lính cứu hỏa trang bị đặc biệt mới có thể tiến vào vùng đỏ. Tin đồn lan nhanh như chớp. Người ta đồn rằng ở Marseille, trong khu phố có nhà máy phức hợp hóa dầu, xác chết nằm đầy đường và những người bị thương đẫm máu kéo nhau lê lết trên

các vỉa hè. Người ta cũng tung ra rằng vụ nổ nhà máy lọc dầu Atofina đã để thoát vào trong không khí những hóa chất độc hại. Các bình luận viên nói đến chất "dioxine".

— Các con bình yên chứ? - Pierre cắt ngang, cảm thấy nỗi sợ lớn dần.

Hơn cả nỗi sợ là ý thức phạm tội xâm chiếm anh khi hình dung ra cảnh Clara và mấy đứa nhỏ đã bị nguy hiểm chết người trong khi anh nằm trong vòng tay một người đàn bà nước ngoài ở bãi biển cho tới sáng. "Không bao giờ nữa", anh tự nhủ.

— Em không muốn nói với các con mấy chuyện này, - Clara tiếp tục, - em muốn chúng không biết thì hơn, nhưng dù sao đi nữa, không thể làm thế được rồi. Garance chạy vào phòng ngay lúc em đang xem TV, cách đây mười lăm phút. Gaétan và Sixtine thì khóc lên khóc xuống, chúng lo sợ sẽ không bao giờ gặp lại bạn bè nữa... Pierre, anh phải về nhà ngay!

— Được rồi, Clara, anh biết mà. Anh sẽ xem, anh sẽ làm tất cả những gì có thể làm. Mọi sự sẽ ổn thôi, anh quả quyết với em đó... Anh yêu em.

Pierre cố gắng giữ bình tĩnh, hứa với Clara là anh sẽ tìm hiểu thêm thông tin và sẽ gọi điện ngay cho nàng khi có gì mới. Rồi anh tắt máy, sau khi nói là anh cũng nôn nóng quay về với nàng. Ngay lập tức anh bấm số của Franck, không xong, rồi anh tìm cách gọi hai người bạn chơi golf.

Một trong hai người đó ở hai mươi cây số phía Bắc thành phố Marseille. Nhưng không cuộc gọi nào tới đích.

Anh chụp cái thiết bị điều khiển từ xa và mở máy TV. Không một nhà đài nào có thể gửi phóng viên đến tận những nơi xảy ra tai nạn, và họ phát đi những mẩu tin giống nhau, lặp đi lặp lại nhiều lần. Anh bấm *CNN*. Và chính ở đài này mà anh sửng sốt biết ra tầm cỡ cái tai họa khủng khiếp này.

Thảm kịch ở Marseille, trong thực tế, chỉ là một mắt xích trong một chuỗi dài

những tai họa. Vận đen. Ở Mỹ, ở Anh, ở Nhật, tình trạng khẩn cấp đã được ban hành trên tất cả hay một phần lãnh thổ. Bảy cường quốc kinh tế đứng đầu thế giới – G7 cũ – đã bị nhắm đến một cách có chủ ý. Trong các nước này, tổng cộng khoảng mười lăm nhà máy hóa chất hay nhà máy cung cấp điện cho các đại đô thị đã ngừng hoạt động, giữa 17 giờ và 19 giờ, giờ New York (tức là – Pierre tính nhanh – giữa 23 giờ và 1 giờ sáng, giờ ở Arromanches). Một trong những nhà máy điện nằm gần Thác Niagara thuộc tiểu bang New York đã nổ tung, giống y chang nhà máy ở Marseille tiếp sau một đám cháy không được giải thích. Một đặc phái viên đề cập đến những thông tin trái ngược liên quan đến nhà máy điện nguyên tử ở bang Pensylvania, nó cũng ngừng hoạt động từ 17 giờ 15, giờ New York: vài người nói đó chỉ là một buổi nghỉ tạm đơn giản để kiểm tra an toàn, người khác thì cho rằng đó là bắt đầu sự rò rỉ chất phóng xạ ra ngoài. Nhưng điều đáng lo ngại nhất, nếu tin vào các nhà báo, là vụ việc không phải là một loạt mưu hại cùng xảy ra: không một tên lửa, không một máy bay nào đã va nổ vào các nhà máy; mỗi lần xảy ra rối loạn chức năng là đến từ bên trong nhà máy.

Không giới hạn trong phạm vi thành phố New York chút nào, như người ta đã tin thế lúc đầu, sự cố mất điện xảy ra trên toàn bờ Đông nước Mỹ, bây giờ chìm trong bóng tối. Detroit, Cleveland, Syracuse cũng như Toronto, Ottawa và nhiều thành phố ở miền Ngũ Đại Hồ và Ontario. Tổng cộng là ba mươi lăm triệu người gánh chịu hậu quả. Tuy nhiên, thủ đô kinh tế của Hoa Kỳ trở thành tít lớn trên mọi bản tin. Ở đó, sự mất điện kéo dài từ hơn mười giờ rồi; nó xảy ra lúc 16 giờ 50, vào lúc người ta đi làm về. Đó là lần thứ sáu trong vòng bốn mươi năm – sự mất điện năm 1965, 1977, 1981, 1983 và 2003 vẫn còn nằm trong trí nhớ – mà New York bị chìm trong bóng tối hàng loạt và kéo dài vì cúp điện. Nhưng mọi sự xảy ra như thể dân chúng và chính quyền đã không rút ra một bài học nào từ những kinh nghiệm trước đấy. Những hậu quả mỗi lần mất điện thì tệ hại hơn lần trước, chắc là do mức độ tùy thuộc đối với điện tử, tức là đối với điện, không ngừng tăng lên.

Pierre không thể rời mắt khỏi hàng chữ chạy phía dưới màn hình. Các bản tin nối tiếp nhau: vào lúc cúp điện, tám trăm ngàn người bị kẹt trong tàu điện ngầm, và hàng triệu người khác kẹt trong các chung cư hay tòa nhà chọc trời. Và trái ngược với những diễn biến khi sự cố mất điện khổng lồ gần đây nhất xảy ra vào tháng 8 năm 2003, cuộc di tản đã không được tiến hành trong sự bình tĩnh mà hoàn toàn trong nỗi kinh hoàng. Chắc là, Pierre tự nhủ, vì vào tháng tám năm 2003, nguồn gốc tai nạn đã nhanh chóng được xác định, trong khi lần này, các nhà chức trách tỏ ra bất lực trong việc nhận dạng nguyên do gây ra hàng loạt tê liệt. Bóng ma của cuộc tấn công sát hại vào World Trade Center sáu năm về trước lại hiện lên một lần nữa.

Death toll, two hundred and fifty, may get worse since authorities... Tiếng Anh của Pierre đủ tốt để hiểu được bản tổng kết tạm thời – hai trăm năm mươi người chết – có nguy cơ nặng thêm rất nhiều. Người ta chưa biết bao nhiêu người đã chết, bị đè bẹp hay nghẹt thở trong tàu điện ngầm, ở các cầu thang hay các thang máy. Các bệnh viện quá tải, không thể đáp ứng đông đảo người bị thương lũ lượt kéo đến được nữa.

Hàng trăm ngàn cư dân loay hoay tự mình xoay sở trên đường phố, họ không có cách nào về nhà được. Những hình ảnh phát ra trên TV mang lại không khí kinh hoàng của cái đã-thấy-rồi: những đám đông hốt hoảng tràn ra trên các con đường trong khu thương mại-tài chánh và đi bộ qua cầu Brooklyn để rời bỏ đảo Manhattan bằng chân... Tuy vậy, phần lớn dân ngoại thành chọn ngủ lại trong công viên Central Park hay trên các vỉa hè, điều này còn có thể làm được vì thời tiết đang ở mùa hè Anh điêng[168]*. Ba tháng sau mà gặp cảnh bão tuyết thì họ sẽ chết cóng hết.*

Những người đi xe hơi thì bị kẹt cứng: đèn đường ba màu không hoạt động nữa, các ngã tư, phần lớn bị tê liệt. Trên các đại lộ đầy ứ xe cộ, người ta bỏ xe đi bộ khiến những lối thoát bị tắc nghẽn, người còn trong xe đành ngồi chịu trận.

Ở tỉnh Ontario nước Canada, bọn cướp phá hoành hành từ chập tối: cảnh sát đã không còn đếm nữa những cú bẻ khóa hay phá cửa đột nhập, rồi thường là ăn trộm sau đó trong những ngôi nhà to lớn hay trong các cửa tiệm mà hệ thống báo động đã tịt ngòi.

Sự cố mất điện cũng làm cho hàng chục phi trường phải đóng cửa, nhất là ở Toronto, Ottawa và ba phi trường chính ở New York-Newark, J.F. Kennedy và La Guardia. May thay, các máy bay đang bay vào lúc mất điện thì không bị nguy hiểm lắm, các đài kiểm soát không lưu có sẵn các máy phát điện phụ cho phép hoạt động tạm thời.

Trong tất cả các thành phố bị tấn công bởi những vụ nổ tung và những vụ mất điện, ngay cả ở những nơi mà dân chúng tuân hành các hiệu lệnh, nơi mà nỗi kinh hoàng thì ít tràn lan hơn ở Bắc Mỹ, các công dân khám phá ra rằng mình tùy thuộc vào điện đến mức nào! Máy điều hòa nhiệt độ, máy ATM, tủ đông lạnh... mỗi giờ đi qua là mất điện thêm. Điện thoại di động còn chạy khi được, khi không nhưng được dùng một cách dè sẻn, vì không thể nào sạc pin được nữa. Tất nhiên các máy TV đều chết cứng. Để có thông tin thì chỉ còn máy thu thanh chạy pin. Hay bằng pin trong các xe hơi.

Các nhà báo chuyển tin tức một cách nhỏ giọt bằng liên lạc radio. Và đối với đám cư dân đã quen sống bội thực thông tin, cái khó khăn này của chính quyền cũng như của giới truyền thông trong việc phổ biến tin tức đã làm tăng thêm nỗi lo sợ chung.

Các nhà chức trách không thốt ra từ "mưu hại", từ "phá hoại" cũng không, vậy mà thế này: những sự cố cúp điện hầu như cùng lúc – vả lại, các nhà máy điện hoàn toàn đâu có nối vào với nhau – nói lên khả năng hiện hữu của một "hắc thủ" hơn là một "vận đen" ập đến. Đó là thành ngữ mà tổng thống George W. Bush đã dùng trong bài diễn văn đặc biệt, phát sóng lúc 22 giờ, nhằm động viên đồng bào mình bị bất ngờ vì tình trạng khẩn cấp được ban hành. Thông điệp của

ông thì không có gì gây ngạc nhiên: Không nên hốt hoảng, hãy tin vào chính quyền sắp tái lập tình trạng hoạt động như trước ở miền Bắc và Đông của đất nước, giống như chính quyền đã giải quyết xong sự cố mất Internet vào ngày hôm qua, chỉ mất chưa tới hai ngày thôi. Trong khi chờ đợi, ngài tổng thống mời mọi người cầu nguyện.

Truyền hình Mỹ, tất nhiên, không nói đến tai nạn ở Marseille. Pierre mở máy tính. Nhưng ngay khi anh nhấp chuột trên trang địa chỉ web thì giọng nói của người đọc tin trên *CNN* làm anh quay lại nhìn chiếc TV một lần nữa.

"Phóng viên thường trú của chúng tôi ở Boston mới vừa báo tin đột tử của ông Dan Barett, người sáng lập và chủ tịch công ty Controlware. Ở tuổi bốn mươi mốt, người giàu nhất nước Mỹ có lẽ là nạn nhân thứ mười lăm chết vì ngộ độc chất "mélatonine" mà chúng tôi đã nói tới trong các bản tin trước đây.

Barett đã đi Nam Phi vào đầu tuần này, nhưng người ta không biết xuất xứ của thuốc mà ông đã uống. Vợ và hai con ông ở Nam Phi – mà ông bay sang để gặp – có lẽ vẫn bình an vô sự và sẽ được hồi hương về Mỹ trong ngày hôm nay."

Tiếp theo là một phóng sự về ông trùm ngành công nghệ tin học. Tiểu sử người quá cố chắc chắn là đã được sửa soạn sẵn từ lâu, giống như cho tất cả những nhân vật tai to mặt lớn trên thế giới. Người ta kể lại thời thiếu niên thần đồng của ông, tình bạn với Paul Abbott – người chung tay góp sức từ khi khởi nghiệp -, những mối quan hệ của ông với đám đầu bù tóc rối vui tính đã tạo dựng ra xí nghiệp giàu mạnh nhất thế giới, sức nặng của tập đoàn ông trong ngành công nghiệp tin học hiện nay và những hậu quả có thể thấy trước của sự qua đời đột ngột của ông. Trên thị trường chứng khoán New York, cổ phiếu Controlware đã sụt giảm nhanh, như hàng tin chạy phía dưới màn hình chỉ ra.

Pierre thả phịch người xuống giường, như thể vừa bị giáng cho một cú

chết lịm. Chuyện thiếu ngủ hầu như không còn tác động đến anh nữa.

Anh hít thở từ từ và thử tìm một khoảng không gian sáng suốt trong đầu óc mình. Marseille, New York... Và, bây giờ, Dan Barett! Các hình ảnh lẫn lộn rối ren trong trí nhớ anh. Bất chợt anh nghĩ đến Emma. Có lẽ nàng phải té xỉu. Anh muốn gọi cho nàng nhưng rồi dằn lại. Tốt hơn là hai người không gặp nhau nữa. Dù sao đi nữa, chính nàng đêm qua đã nói câu: "Đây là lần đầu và cũng là lần cuối." Hơn nữa, chính anh cũng có những ý định không kém rõ ràng. Những biến cố xảy ra đã giúp anh khỏi phải suy đi xét lại những mối ân hận. Anh kết nối với các trang mạng của báo *Le Monde*, *L'Express* và *La Provence* để cố biết thêm thông tin về thảm họa ở Marseille.

Ngôi biệt thự anh sống cùng Clara từ năm năm nay nằm ở khoảng mười cây số về phía Tây khi ra khỏi thành phố "Phocéenne"[169]. Hai vợ chồng anh đã cho xây nó để mà con cái được lớn lên ở đồng quê. Nó có bị trúng không? Tất nhiên là không. Nếu thế thì Clara đã nói rồi. Nhưng những biệt thự của hàng xóm, bạn bè, đồng nghiệp thì sao? Anh thấy tim mình thắt lại khi nghĩ đến những người trong bọn họ có lẽ đã bỏ mạng. Anh gửi vài thư điện tử để hỏi thăm tin tức. Rồi anh lướt qua một số trang mạng có sẵn nhưng không thấy gì mới. Ngoại trừ trên blog của một người bảo vệ môi trường thuộc "Greenpeace"[170] nêu bật rằng những hậu quả của vụ nổ sẽ nghiêm trọng hơn là những gì mà các nhà chức trách, theo thói quen bại hoại của họ, thừa nhận trước công chúng. Gió "mistral"[171] thổi lúc xảy ra vụ nổ và khí ga độc hại lan tỏa về những khu vực ở rất xa chỗ tai nạn. Nhưng những khu vực nào? Lan tỏa tới đâu? Khu nhà anh ở cũng bị nhiễm độc không? Bị sốc, Pierre mặc vội lại chiếc áo sơ mi hôm qua, không mất thì giờ cạo râu, và đi xuống sảnh khách sạn.

Một lần nữa, cả cái sảnh rơi vào tình trạng lộn xộn. Các khách hàng phụ nữ chen lấn nhau tìm một lối đi đến quầy. Ba anh bồi đến giúp các cô nhân

viên lễ tân một tay. Một nữ đại biểu thẳng thừng đi ra phía sau quày và tìm cách giựt điện thoại từ tay cô phụ trách tổng đài nội bộ. Trong đám đông lộn xộn đó, Pierre nhận thấy cô gái tóc hung mà anh gặp tối hôm qua. Cô cho anh biết là những bà tổ chức của WAC đã quyết định tiếp tục đại hội cho tới cùng, ngay cả khi hơn một nửa đại biểu muốn rời khỏi Arromanches trong thời gian sớm nhất. Khốn khổ thay, chỉ có sẵn một chiếc xe bus thôi, và chỉ chở được ba mươi người đi về thành phố Caen. Một khi đến đó, các hành khách phải cần kiên nhẫn lắm vì không ai có thể nói được khi nào tàu lửa mới chạy: nhà ga Saint-Lazare đã đóng cửa vì bị báo động liên miên và vì hệ thống tin học trung tâm bị hỏng – việc này đã làm rối loạn toàn bộ mạng lưới xe lửa Pháp.

“Tội nghiệp hãng SNCF!” Pierre nghĩ.

Ngày hôm kia, sự cố mất Internet đã làm cho đạo quân kỹ sư bách khoa của hãng tức phát điên rồi kia mà. Và bây giờ, hệ thống tin học của hãng lại bỏ rơi hãng!

Khách sạn quyết định dành ba mươi chỗ xe bus cho những đại biểu ghi tên đầu tiên, và một quý bà lớn tuổi đáng kính, với giọng Mỹ rất nặng, đến quá trễ để nhận một chỗ, hét toáng lên:

— Tôi trả mười ngàn đô-la mua lại một chỗ.

Giọng nói của bà ta quá chói tai đến nỗi làm ngưng lại giây lát cảnh hỗn loạn đang ngự trị trong sảnh. Khi đó thì Pierre nhận ra một trong những kỹ thuật viên của mình đang ngồi bệt trên tấm thảm, ngay ở mặt đất, gần cửa ra vào, anh tiến về phía hắn; nhưng trước khi anh kịp mở lời thì hắn đã lớn tiếng hỏi anh:

— Ông đã thấy nó dẫn đi đến đâu rồi chứ, mấy thứ Internet ngu ngốc này?

Người đàn ông này ở tuổi ba mươi, hói đầu, mắt trũng sâu trong hốc và có khổ người đô vật; cái bĩu môi ngán ngẩm làm khuôn mặt hắn méo đi. Pierre tự nhủ hắn ta đã uống rượu, và uống nhiều lắm.

— Nhưng cậu nói cái gì vậy? Cậu không được khỏe sao? - Pierre trả lời, nhíu mày.

— Những nhà máy điện nổ tung, có lẽ không phải do ông! Nhưng tin học, Internet! Tôi luôn nói với ông là mấy cái trò này sẽ gây tai họa mà.

Tên kỹ thuật viên vung tay múa chân và trở nên khiêu khích. Pierre, nổi nóng, đáp lại cùng một giọng hung hăng:

— Sự cố mất Internet thì dính dáng gì đến những thảm họa của ngày hôm nay?! Mạng lưới toàn cầu đã được tái lập từ chiều hôm qua. Và hoạt động tốt! Tôi vừa mới gửi khoảng hai chục thư điện tử đó. Kiểm tra đi! Cậu sẽ thấy là mình đã ăn nói linh tinh!

— Thế à? Bởi vì việc mất Internet toàn cầu và cảnh lộn tùng phèo hôm nay không liên quan với nhau à? Ngài đây tưởng mình ở trên tất cả sao?

Pierre cố gắng lấy lại bình tĩnh:

— Có lẽ cậu có lý. “Hắc thủ”, ai cũng bàn ra tán vào nhưng không nói tên, chắc chắn là có nguồn gốc tin học, nhưng...

Hắn cắt ngang, giọng nhát gừng:

— Nhưng rõ ràng như ban ngày, chính là do tin học mà ra. Mấy tên khủng bố làm sao đi vào từng nhà máy điện một, không thể nào đâu. Có biết bao nhiêu nhà máy, và tất cả đều bị rán vàng cùng lúc là sao!

— Tất nhiên rồi. Nhưng để tôi nói hết. Có lẽ có những virus hay những “con ngựa thành Troie” đã đột nhập vào hệ thống tin học của những nhà máy điện. Và chúng đâu có vào đó một mình. “Hắc thủ”, chính nó đã hành

động... Và những virus này nhất thiết đã quá cảnh Internet.

— Thì đúng như tôi nói mà! Internet đã gây ra bát nháo mọi sự!

Pierre thấy mất hết kiên nhẫn.

— Ngừng chút đi! Bình tĩnh lại nào! Có lẽ là qua Internet những tên tin tặc đã có thể đột nhập vào máy chủ của những xí nghiệp được bảo vệ tốt nhất, và ngay cả khởi động các tai nạn. Nhưng để làm được thế thì Internet phải ở trong tình trạng hoạt động bình thường chứ! Sự cố tê liệt lớn đã phong tỏa mọi người suốt hơn hai mươi bốn giờ thì không thể nào tiện cho bọn tin tặc được: nó khiến chúng phải hoãn lại các cuộc đột nhập!

Lời đáp trả không đến. Pierre đã thắng được một điểm. Tên đàn ông buộc tội anh từ vài phút trước ngừng vung tay múa chân, bây giờ đứng dậy, dựa lưng vào tường. Hắn nhướng mắt nhìn Pierre, quan sát anh vài giây rồi lên tiếng lại, một cách chín chắn hơn, lần này:

— Ông muốn nói là, nếu các nhà máy điện đã nổ tung ngay sau sự cố mất web, có phải do tình cờ hoàn toàn không?

— Cậu thấy khó tin nhưng tôi nghĩ là đúng vậy.

Vừa nói xong lời cuối cùng, Pierre đột ngột có cảm giác là mình đã khờ dại triển khai mấy thứ lý lẽ của chính quyền. Và nếu như tên kỹ thuật viên của anh rốt cuộc có nhiều lương tri hơn các chuyên viên? Và nếu như có một tương quan giữa hai biến cố? Và nếu như vấn đề là hai sự biểu dương lực lượng liên tiếp, cái này "ảo", cái kia "thật" phát xuất từ cùng một nguồn thì sao? Dĩ nhiên, bằng cách tiến hành chiến dịch thứ nhất, cái đã làm tê liệt Internet, bọn tin tặc lại có nguy cơ làm tổn hại đến chiến dịch thứ hai, cái này thì cần sử dụng Internet, nếu không thì ít nhất phải dùng đến hệ thống tin học trong mạng lưới; nhưng các hệ thống này thì cũng có thể bị thiệt hại do sự mất Internet gây ra. Trừ phi,... trừ trường hợp là chính bọn

tin tặc đó tự chúng biết cách khởi động lại mạng lưới sau cú sốc tê liệt; chúng có toàn quyền tái lập mạng lưới để hoạt động bình thường như trước. Nếu giả thuyết này đúng thì ta không phải đụng chuyện với đám khủng bố tin học đơn thuần chút nào đâu. Và vậy thì ta lo sợ cái kinh khủng nhất, trong thế giới ảo cũng như trong thế giới thật.

Không nói một lời, Pierre tựa lưng vào tường, bên cạnh kỹ thuật viên của mình. Nụ cười và cơn giận của anh đã biến mất. Hai chân anh run rẩy. Rốt cuộc, Đại Số Dách chẳng là gì cả. Có thể có những cái khác kinh khiếp hơn nhiều.

13

Ngày trước...

Khi trở về từ Aixen-Provence anh tỏ ra quyết tâm hơn bao giờ hết. Anh chắc chắn là, bằng cách xem xét những ghi chú của Costello và đi từ từ từng bước một dựa theo tiến độ của ông ấy, anh sẽ đạt tới những kết luận giống như ông. Và với công nghệ mà anh có trong tay – những hình chụp bằng vệ tinh, chính xác đến từng centimét – thì trước sau gì anh cũng có thể chứng minh được những phép tính toán của ông ấy. Anh sẽ tìm ra cái công thức thần linh được ghi khắc trong những ngôi vườn và anh sẽ minh chứng nó. Anh cảm thấy mình đang ở một trong những giai đoạn – em biết chúng rõ hơn bất cứ ai – mà không có gì có thể cưỡng lại anh.

Than ôi, sai lầm quá rồi. Tất cả những gì mà anh đã chứng minh được, bằng cách đặt chồng lên nhau những tấm ảnh Versailles nhìn từ trên trời với những bình đồ của nhà tạo cảnh này, đó là những góc đúng y như những góc do ông ấy tính toán ra, vậy thì Le Nôtre đã thực sự sử dụng con số vàng. Thế nhưng, chẳng có dấu vết gì nhỏ nhặt nhất liên quan đến cái định lý thần linh đó cả.

Anh cảm thấy mình thiếu một đường dây hướng dẫn. Tất cả những công trình của Costello, tất cả những bình luận về các pho tượng hay những khóm cây, đối với anh đều có vẻ tạp nham, vô nghĩa. Anh không nhận thấy lô-gích tổng quát của chúng, và thay vì gọi điện cho em để đối chất quan

http://tieulun.hopto.org

điểm của anh qua một trong những cuộc đấu bóng bàn trí thức mà chúng mình yêu thích biết bao, anh lại một mình tự làm đau đầu với những chất vấn vô bổ. Ví dụ như, nghĩ gì trước sự phân tích của Costello về những thể hiện điêu khắc Jupiter khác nhau trong các khu vườn? Hay nghĩ gì trước nhận xét về sự bố trí các pho tượng thần linh dọc theo Tapis vert? Và nên giữ lại cái gì từ câu chuyện bức tượng của Bernin[172] mà Costello đã kể lại trên một tờ giấy học trò trong khi nó chẳng dính líu gì với cái phần công viên mà bọn mình quan tâm?

Tuy thế, giai thoại này có tính cách soi sáng: vào năm 1669, đức vua yêu cầu Bernini, nhà điêu khắc lớn người Ý, tạc tượng mình ngồi trên ngựa. Lúc đó vua ba mươi mốt tuổi, đẹp trai, dáng người thon thả, đầu óc sáng suốt, thân thể khỏe mạnh. Bernin vẽ vài bản phác thảo rồi về nước. Và bức tượng bằng đồng chỉ được giao đến Versailles vào năm 1683, tức là mười bốn năm sau. Gây sửng sốt là ở chỗ đó! Khi khám phá bức tượng cưỡi ngựa của vị thần trẻ, nhà vua giờ đây sắp sửa ngũ tuần không nhận ra mình trên đó. Tất nhiên, các chi tiết đều phù hợp với chàng kỵ mã: tóc dài và quăn đứng yên ở vị trí thẳng đứng với hai má, trong khi chàng rẽ gió trên con ngựa chiến của mình... Thế nhưng, nhìn chàng thì không thể chịu nổi: nhân vật thì đẹp và nhất là rạng rỡ tuổi trẻ, trong khi nhà vua, trở nên "nền nếp" từ khi kết hôn với Phu nhân de Maintenon, đã bị thời gian lăng nhục thậm tệ! Hình dung thử coi: ngài đã bị rụng nhiều răng, bị bệnh thối mồm, lại đau bao tử...

Vậy thì pho tượng phải "biến". Louis XIV tuyên bố là nó "xấu". Ra lệnh phá hủy nó. Các quân sư tìm cách thuyết phục nhà vua là nếu giữ nó lại thì khôn khéo hơn, dù phải sửa đổi nó để làm mất đi mọi liên quan với nhà vua. Vì thế, nhà điêu khắc Pháp Girardon đặt một mũ cát kỳ cục lên đầu chàng kỵ mã và viền bằng những ngọn lửa xung quanh các chân con ngựa nổi loạn. Kết quả: người ta đạt được một hình nổi của "người anh hùng La Mã Marcus Curtius đang lao xuống vực thẳm". Thế nhưng, hình ảnh tuổi

trẻ này, tuy đã ngụy trang, vẫn là một vết thương đối với cái tôi to lớn của Louis XIV: nhà vua ra lệnh đày con ngựa và chàng kỵ mã xuống tận khu đất cực Nam của công viên, phía sau cái bể cạn des Suisses; pho tượng vẫn còn ở đấy... (Bọn mình đã dùng bữa ngoài trời ngay dưới chân nó trong chuyến du ngoạn châu Âu đầu tiên, em còn nhớ không?)

Costello đã tận tụy chép lại câu chuyện pho tượng này trên giấy kẻ ô của mình và gạch dưới câu viết liên quan đến chiếc mũ đội đầu của nhà vua dửng dưng trước gió. Tại sao?

Sự hiểu biết của anh về tính biểu tượng ở Versailles và thần thoại chắc chắn là không đủ để hiểu. Anh đã theo khuynh hướng tự nhiên của mình bằng cách tìm kiếm trước tiên ở phía các con số đo đạc và toán học; nhưng chiều kích tranh tượng và triết lý của các ngôi vườn thì có lẽ quan trọng hơn. Cho nên anh đã cho số hóa tất cả các tác phẩm và các luận án về quá trình hình thành công viên Versailles. Có hơn cả trăm cuốn, bằng tiếng Pháp và tiếng Anh, nếu ta chỉ lấy những cuốn đứng đắn nhất thôi. Người Pháp gây khó cho anh thật. Không có một ấn bản số hóa nào có sẵn trên Google. Anh phải gửi một sinh viên sang Paris, đến Thư viện quốc gia Pháp tìm cho anh những tác phẩm đó rồi chụp lại bằng cách quét hình. Nhưng cuối cùng rồi anh cũng xong. Trong suốt hai tuần lễ anh thức đêm để đọc những bài viết khó hiểu hay ngông nghênh. Mỗi tác giả nhấn mạnh quá lâu trên đề tài sở trường của mình, giải thích ý định của mình bằng cách chọn và phân tích những pho tượng nào phù hợp nhất với luận điểm của mình. Và ở Versailles thì có biết bao nhiêu là tượng! Hơn ba trăm bức, nếu tính cả tượng bán thân và bình, vạc. Mỗi người tha hồ tìm thấy ở đấy những gì tiện lợi cho mình để chú giải. Tất cả thứ "versaillologie"[173] này thì bị ô nhiễm bởi những câu văn khó hiểu, đầy những từ chuyên môn khiến phần mềm dịch thuật của anh nóng phát nổ. Đọc mà đừng xỉu nghe: *"Sự hiện diện khắp chốn và tính đặc thù nhiếp ảnh của sự khoa trương thị giác ngày nay đã tạo nên*

một sự ứ đọng hình ảnh, sự ứ đọng này là một thế phẩm hoàn toàn phải có cho ngôi vườn như một kinh nghiệm không gian và thời gian."[174]

Amelia, dù đã quen với chuyện anh nhiều khi làm việc hết sức mình ở Controlware, cuối cùng cũng phát bực.

— Dan, nghỉ đi chứ! Anh không ngủ nữa này! Anh không sống nữa này! Và anh không đọc truyện cho con từ một tuần nay này!

Lý lẽ cuối này, đối với nàng, thể hiện cú đánh lừa anh nặng nề nhất trong hôn nhân. Trung bình cứ cách một ngày anh mới có mặt ở trụ sở công ty ở Boston, và nếu ở đó thì theo thỏa thuận, anh về nhà để đọc truyện cho các con, dù phải quay lại văn phòng sau đó. Cha anh đã mua cho chúng một cuốn sách điện tử trong đó Amelia đã lưu giữ những truyện cổ điển thân thiết của Walt Disney như *Bạch Tuyết, Người đẹp ngủ trong rừng, Quyển sách của rừng thẳm*... Đó là cách riêng của Amelia để chống lại sự chế ngự độc đoán của các trò chơi video. Về phần mình, anh cũng tự tải xuống *Harry Potter* và *Chiến tranh giữa các vì sao*, trước khi kết nối cuốn sách điện tử đó với Internet. Như vậy thì anh mới "lướt web" một cách kín đáo với tụi nhỏ.

Nhưng vợ anh có lý. Anh đã hứa mà. Cho nên khi buổi tối đến, anh về nhà kể truyện cho con nghe. Một chương rút ra từ cuốn *Métamorphoses* của Ovide[175]. Hay huyền thoại của... Latone. Em biết câu chuyện này chứ, em đã học môn "truyện xưa, tích cũ" ở Pháp mà? Anh không ngừng tự hỏi tại sao đài nước Latone lại hùng vĩ như thế, tại sao nó chiếm một vị trí quan trọng trong công viên? Vài tác giả, trước anh, cũng đã tỏ ra tức tối về việc này: "Đáng lẽ đây chính là chỗ dành cho Jupiter chứ, trên bệ đá cẩm thạch này. Vậy mà chỉ có Latone, một trong những bà vợ của ông ta." Hơn nữa, lại là một con người trần gian. Để cố gắng hiểu, anh đã đọc tất cả về nàng.

— *Ngày xửa ngày xưa... Latone,* - anh bắt đầu. - *Người Hy Lạp gọi là Léto. Một trong các người vợ không hợp pháp của Jupiter. Được ông yêu quý nhất.*

— Không hợp pháp có nghĩa là sao? - Con gái anh hỏi ngay tức khắc.

— Có phải vì là thần thánh nên ông ta có quyền có nhiều vợ phải không ba? - Kevin thêm thắt.

Không ổn rồi đây. Anh bỏ qua các câu hỏi của hai đứa con.

— *Bà Latone tội nghiệp đó lang thang vất vưởng trên trái đất vì bị bà Junon, vợ chính thức của Jupiter, bắt đi đày với hai đứa con là Apollon và Diane.*

— Một đứa con trai và một đứa con gái, như tụi con đây!

— Đúng, chính xác giống như hai con đó. *Màn đêm buông xuống bất ngờ khi ba mẹ con đang ở gần ngôi làng Lycie.*

— Lycie ở đâu vậy?

— Ba không biết, Kevin à. Ngày mai ta sẽ tìm trên Encarta nghe. *Dù sao đi nữa, bà Latone xin dân làng cho ăn và cho ngủ nhờ qua đêm. Nhưng đám dân quê giả vờ quá bận bịu để không giúp đỡ bà mẹ đang khốn cùng. Tệ hơn nữa, ngay lúc bà uống nước trong một con sông, họ lại dùng các cành cây khuấy động cả dòng nước để làm cái bình nổi lên và ngăn cản bà cho các con nhỏ giải khát.*

— Mấy người dân quê này thật không chơi đẹp chút nào!

— Con muốn nói, họ tàn nhẫn quá phải không?

Anh làm Mary yên lòng.

— Nhưng đừng lo, bé con của ba. *Bà Latone nổi giận, bà yêu cầu Jupiter trừng phạt chúng.*

— Tại sao bà không tự mình trừng phạt chúng? - Kevin cắt ngang, tỏ vẻ nghi ngờ. - Bà là một nữ thần, không phải thế à? Bà có phép màu mà!

— Không đúng thế đâu! Ta không biết rõ đó là thần thánh hay người trần. *Mọi người không đồng ý về chuyện này đó... Điều duy nhất mà người ta*

chắc chắn: Léto là con gái của hai người khổng lồ.

— Được, rồi sao nữa? - Mary tỏ ra sốt ruột. - Ông ta làm gì, vị thần của những vị thần, khi nghe lời kêu gọi của bà ấy?

— Nói đi ba! - Kevin thêm vào.

— Bình tĩnh mà nghe này: ông biến đám dân quê đó thành cóc, thành ếch!

— Đáng đời chúng! - Kevin kêu lên. - Nhưng tại sao không thành khủng long?

— Hay thành con nhện? - Mary đề nghị.

— Bởi vì cóc là loài vật mù lòa, không biết đến ánh sáng, còn ếch tượng trưng cho sự dốt nát, không có đầu óc! *Trong bể nước Latone, những nhà dàn dựng ở Versailles cũng đã thêm một con vật không có trong cuốn Métamorphoses: con rùa, biểu tượng cho sự thu mình, co cụm lại.*

Chuyện mà anh không thể kể cho các con, có lẽ các nhà luận bình về tư tưởng nhà vua thì quan tâm đến nó hơn, là sự so sánh giữa nỗi cay đắng của bà Latone và của bà hoàng hậu Anne d'Autriche, mẹ của Louis XIV, bị La Fronde đuổi khỏi điện Louvre vào tháng giêng năm 1649 và đành phải chạy tị nạn đến lâu đài Saint-Germain với con cái. Một giai đoạn "gây chấn thương tâm hồn nặng nề", như ông bác sĩ tâm lý của Amelia nói, đối với cậu bé Louis XIV khi đó mới mười một tuổi. Tóm lại, em thấy sự song song chứ: bên này là Anne d'Autriche và hai đứa con trai, Louis XIV và "Monsieur"[176] tương lai. Bên kia là Latone với hai đứa con song sinh, Apollon và Diane. Sự tượng trưng thì không được trọn vẹn nhưng ta thấy ý nghĩa của nó.

Ngược lại, một chi tiết làm anh băn khoăn. Latone trong bể nước thì có cái nhìn xéo và cánh tay mặt dang thẳng ngang. Cả hai không chỉ về cùng hướng: đôi mắt chăm chú nhìn cỗ xe Apollon ở đằng xa trong khi bàn tay

chỉ một cách mơ hồ về phía bể nước Lézards Bắc. Lại thêm một tư thế lạ lùng nữa, bởi vì bà vợ này của Jupiter được xem như, nếu ta muốn trung thành với kho tàng thần thoại, đang cầu khẩn ông chồng mình, vậy thì bà phải đưa mắt nhìn lên trời cao mới hợp chứ. Về nguyên tắc, mọi thứ ở Versailles đều có ý nghĩa. Huống chi đây lại là trong cái rốn của công viên. Nhà vua không bao giờ để cho người tạo cảnh vườn hay một kỹ sư thực hiện một bức tượng, một khóm cây, một lối đi nếu anh ta không đủ sức trả lời câu hỏi: "tại sao như thế?". Tất cả sự lựa chọn phải được biện minh. Chuyên gia nào tắc tịt thì bị đuổi việc.

Cho nên tư thế của Latone thì không thể giải thích được. Khi pho tượng được dựng lên, và cho tới năm 1686, dĩ nhiên, nó quay mặt về hướng lâu đài, nhưng cái hướng này thì chẳng có ý nghĩa gì hơn. Vì vào thời kỳ đó, công trình điêu khắc này không được đặt trên cao: thị trường của bà mẹ Apollon thì bị giới hạn ở những bậc cấp và ở mái lâu đài. Vậy thì cái nhìn và cánh tay của bà chẳng chỉ ra cái gì hết.

Một lần nữa, anh đi vào ngõ cụt.

Và chính là em, cô bạn lâu năm nhất của anh, chính em đã đưa anh ra khỏi chỗ bí vào lúc anh sắp sửa buông xuôi. Có bao nhiêu lần rồi từ khi bọn mình quen nhau em đã giữ vai trò quyết định như thế? Vai trò của người hướng dẫn tập luyện, của tấm gương, của người gây ra xúc tác? Mỗi lần như thế, em không những hiểu các vấn đề của anh mà còn nhận thức chúng với cái nhìn từ bên ngoài, dưới một góc độ khác. Và em buộc anh phải xét lại những lập luận xác đáng nhất của mình.

Anh còn nghe tiếng em trong điện thoại buổi tối đó, hồn nhiên và quả quyết, bất chấp tất cả. Rất xa những lo nghĩ của anh hồi đó.

— Dan, tụi mình đi Marquises vào dịp lễ Phục sinh như đã dự định nhé?

http://tieulun.hopto.org

Trong ngày hôm đó ở văn phòng đã xảy ra nhiều chuyện quá mức. Một tin thất thiệt (giám đốc nghiên cứu của hãng từ chức) đã gây ra ồn ào lộn xộn xung quanh cổ phiếu của ta ở Sàn giao dịch chứng khoán. Khi em gọi điện cho anh, lúc 19 giờ, để nói về chuyến đi cuối tuần cho năm 2004 của bọn mình, anh đã kiệt sức lắm rồi.

— Emma, anh có một ý khác, anh nói liều.

— Thật à?

Anh cảm thấy em bị thất vọng. Nguội lạnh hẳn. Quần đảo Marquises là dự định của em mà. Em đã mơ đến đó từ lâu – một phần là do Gauguin[177], và phần nhiều là do anh chàng ca sĩ người Bỉ đã qua đời trong những năm 1970 mà em tôn sùng. Anh nghĩ là Jacques Brel[178]. Vả lại, cuộc hẹn của bọn mình thường được lên kế hoạch từ nhiều tháng trước. Để đổi hướng thì phải biện minh bằng một lý do hệ trọng.

— Em không thấy đi Versailles thì hấp dẫn hơn sao? Anh có thể giữ trước cho em một dãy phòng đẹp nhất ở Trianon Palace.

Lý lẽ đưa ra quá yếu, anh công nhận đó. Tại sao lại là Versailles mà bọn mình, cả em lẫn anh, đều biết rồi?! Tại sao là nước Pháp, nơi thời tiết có thể còn lạnh vào tháng tư? Và dãy phòng ở Trianon Palace thì "sang" lắm sao, đối với một người như em, kẻ sống cả đời trong những khách sạn xa hoa?! Em nói về viễn cảnh một cuối tuần ở đảo vắng, còn anh thì không hiểu tâm lý gì cả, một con số không.

Để gỡ gạc, anh đành kể hết cho em câu chuyện này. Những ngôi vườn của nhà vua, Stockholm, Aix, cái công thức thần linh. Và ngõ cụt mà anh cuối cùng đâm đầu vào. Lạ lùng thay, anh cảm thấy nhẹ nhõm cả người khi trút hết mấy chuyện này ra với em. Vả lại, anh hy vọng là em thấu hiểu.

— Rồi sao nữa? - em đã đáp trả với cách nói nhanh quen thuộc mà anh

chẳng ưa chút nào. - Bọn mình sẽ hưởng một cuối tuần ngồi bên bờ miệng bể nước Apollon thấp thỏm chờ chàng ta quay đầu lại phải không? Thôi mà Dan! Mọi thứ về Versailles đã được viết ra hết rồi. Anh hy vọng còn tìm ra cái gì ở đó?

— Anh muốn chỉ cho em xem tất cả các bể nước. Em sẽ có cái nhìn mới mẻ. Với độ lùi cần thiết. Anh thì chẳng còn thấy gì nữa hết rồi. Có lẽ em sẽ nảy ra ý tưởng nào đó.

— Dan này, đó không phải là một loại vấn đề mà ta giải quyết với độ lùi. Ngược lại là đằng khác.

Lại cái giọng nói đanh thép.

— Em hãy đi vì anh nghe...

Giọng điệu tình cảm này, anh cảm thấy nó đã làm em lưỡng lự. Em thích người ta cư xử với em bằng tình cảm ngay cả khi em cứ mặc giáp sắt quanh người. Em vẫn còn tỏ ra tự vệ, để giữ nguyên tắc.

— Tuy nhiên vẫn có cái gì đó em không hiểu. Tại sao anh không tìm cái bình đồ nguyên gốc của Le Nôtre? Đó là cách duy nhất để khỏi bận tâm nữa!

— Emma, đừng ngốc thế! Chính từ điểm này mà anh đã bắt đầu mà! Nhưng mọi quản đốc bảo tàng đều biết: bản gốc không có.

— Không có, hay không còn nữa?

Anh tỏ ra do dự một chút.

— Không có gì chỉ ra là nó đã thực sự hiện hữu. Tới giờ này người ta vẫn không biết Le Nôtre có một ý niệm tổng quát về những ngôi vườn vào năm 1662 khi vua Louis XIV giao việc thực hiện hay không!

— Nhưng tại sao Le Nôtre lại không có chứ?

— Thôi mà Emma! Em tưởng em giỏi hơn mấy sử gia sao? Tấm bình đồ xưa nhất mà người ta biết là có từ năm 1664. Chính một nhà nghiên cứu trẻ người Pháp, một anh chàng Pierre Bonnaure nào đó, đã tìm ra nó, mới đây thôi, ở Thư viện quốc gia Pháp. Nó được quy là của một người tên là François de la Pointe mặc dù nó là của Le Nôtre. Anh đã nhờ người ta quét hình nó và gửi đến anh một bản sao.

— Rồi sao nữa?

— Sao nữa à? Đó chỉ là một ý định, nghĩa là một đồ án chưa được thực hiện trọn vẹn, chứ không phải đơn thuần là một bản vẽ, nói cách khác, đó là một bản ghi chép tình trạng những ngôi vườn đang hình thành. Cho nên thấy cũng thú vị. Nhưng không may là nó khá sơ sài: những pho tượng không được thể hiện ở đó, và vì những hình vẽ không được ghi chú thích bên dưới, trái ngược với các bản vẽ khác ít xưa hơn, người ta không biết Le Nôtre hay Le Brun có ý định biến bể nước Thiên Nga trở thành bể nước Apollon hay không... Không, chẳng có gì chỉ ra là nhà tạo cảnh vườn vĩ đại đó đã có một tầm nhìn toàn cục vào năm 1662.

Em chỉ giữ lại một điều từ câu nói dài dòng của anh.

— A, anh thấy không? Đó là một khám phá gần đây! Chỉ mới vài tuần thôi mà! Cho tới khi tìm ra bình đồ xưa quý hiếm đó thì ta tạm bằng lòng với những bình đồ ra đời sau nó, phải vậy không nào? Vậy thì cái gì chứng minh với anh là người ta sẽ không mò ra ngày mai một bản vẽ còn xưa hơn nữa?

Ý tưởng này không phi lý chút nào. Hơn nữa, nhà nghiên cứu đã tìm ra cái bình đồ của năm 1664 còn tin là các bình đồ cùng loại phải hiện hữu đâu đó, được lưu giữ nơi khác. Những bản vẽ mà không ai, tới khi đó, quy cho nhà tạo cảnh vĩ đại của vua Louis XIV. Nhưng anh không tự nhận mình

dễ dàng thua cuộc đâu.

— Le Nôtre chắc chắn là không "suy nghĩ" Versailles từ năm 1662 đâu, ông ta nghĩ ra nhiều công trình sáng tạo của mình trong lúc hoạt động – đã đến lúc nói ra điều đó...

— Tại sao anh lại quá chắc chắn về chuyện này?

— Bởi vì việc thi công kéo dài – đối với Le Nôtre – từ năm 1662 đến khi ông về hưu, gần ba mươi năm sau. Giống như nhà vua, ông đã lớn lên trong những ngôi vườn có giới hạn nhưng ông mơ những không gian rộng lớn, ông muốn làm thiên nhiên chuyển động... Cho nên ông không ngừng cải biến các khóm cây, chuyển đổi các lối đi, như thể mọi sự chẳng bao giờ là chung cuộc, ngay cả trong đầu óc ông.

— Nhưng tại sao?

— Tại sao à? Bởi vì ông bao giờ cũng muốn làm đẹp hơn, tốt hơn! Và vì những ý tưởng mới mẻ thường nẩy sinh từ các cuộc thảo luận với nhà vua...

— Tại sao lại như thế?

— Bởi vì nhà vua muốn sự việc không đứng yên tại chỗ, phải tiến triển, chắc thế...

— Và tại sao?

— Nhưng Emma, dẹp mấy cái tại sao này của em đi! Anh biết cái gì mà nói đây hả? Bởi vì nhà vua thay đổi ý kiến xoành xoạch!

— Em xin lỗi. Em muốn nói là nếu người ta tìm ra lại vừa đúng một bình đồ của năm 1664 hay 1665 thì em thấy khó mà tin rằng cái bình đồ của năm 1662 lại không hiện hữu, em tin là người ta sẽ tìm thấy nó một ngày kia! Em không muốn tin rằng Le Nôtre đã không vẽ bình đồ nào hết ngay từ lúc ban đầu khi nhà vua giao cho phụ trách công trình xây dựng: hai hay ba

năm làm việc một cách dò dẫm, không chủ định, đối với một nhà tạo cảnh, thì thực là khó tin lắm đó!

Em làm anh bực mình nhưng em có lý. Le Nôtre, dĩ nhiên, đã có giữa những năm 1662 và 1664 một đồ án lớn với tầm nhìn bao quát. Ông ấy, dĩ nhiên, đã hình dung ra một bản vẽ tổng thể vào lúc vua Louis XIV chỉ định ông. Một biểu đồ quy hoạch, cải tạo vùng đất đó. Ông ta không phải loại người bạ đâu làm đấy. Ông sai khiến cả một đạo quân thợ làm vườn, thợ nề và lính tráng. Và ông báo cáo tình hình trực tiếp với chính Thái Dương Vương. Trước mặt một người có quyền ra lệnh như thế, người ta không thể làm việc theo kiểu "tùy cơ ứng biến" được. Đâu phải là chuyện tình cờ là tiếp sau đó, Le Nôtre, trong phần còn lại của đời mình – gần bốn mươi năm đấy! – là người duy nhất thân cận với nhà vua mà không bao giờ bị thất sủng. Một ngày nọ, sau khi đã về hưu – đã quá tuổi bát tuần và tự mình xin nghỉ việc – ông được nhà vua cho phép ngồi cao bằng nhà vua trong một chiếc kiệu để dạo chơi trong công viên. Em có lý. Ân sủng này chỉ có thể giải thích được qua chuyện hai người đã cùng nhau hoàn tất một công trình to lớn, một sự thông đồng đặc biệt đã kết nối họ với nhau, xung quanh một đồ án lớn. Một sự cấu kết bí mật và trọng yếu.

Nhưng em đã làm anh kinh ngạc. Anh tin là anh đã nhận ra phương pháp của mình nơi em. Trước mỗi câu trả lời của đối thủ, ta đặt ra một câu hỏi mới, một tại sao mới. Sáu lần, bảy lần liên tiếp nếu thấy cần, để dồn hắn đến tận cùng.

— Dan này, có bao nhiêu kỹ sư ở Controlware mà anh đã đuổi việc vì họ bỏ qua không kiểm chứng một giả thuyết?

Cuối cùng thì em đã làm anh không tin cả anh. Cái bình đồ nguyên gốc của Le Nôtre, không thể tìm ra được sao? Phải chắc chắn về chuyện này chứ, dứt khoát một lần cho xong. Em còn nện thêm:

— Dan này, nếu có một người độc nhất đủ sức làm rung chuyển trái đất để tìm cho ra cái bình đồ này, hay cái gì còn lại của nó, thì chính là anh đó! Chính anh làm chủ thế giới cơ mà.

"Làm chủ thế giới". Thông thường, trên bậc thang đo khả năng làm động cơ thúc đẩy người khác – hay xu hướng thiên về sự ám ảnh, như Amelia nói -, anh chẳng thấy ai ngang hàng với mình. Nhưng từ đó mà... Em đã làm tốt hơn Puttman trong buổi hội thảo của Controlware. Mặc áo sơ mi trần, mồ hôi thấm ra, đi bước dài trên bục giảng như một con báo trong chuồng: *You are the best, the best developers, the best, the best*[179]. Một trăm lần. Theo điệu hát thời thượng của Tina Turner[180]. Tất nhiên, vào lúc cuối thì một là em từ chức, một là em tin vào điều đó.

Em đã đạt được cùng một kết quả, một cách nhẹ nhàng... Hay gần như thế. Em đã đạt được chuyến đi đến quần đảo Marquises của em. Ta ngồi ghế hạng nhất của hãng Air France. "Dom-pérignon"[181] khi máy bay cất cánh. Anh còn nhớ vẻ dịu dàng trong đôi mắt em. Và đôi bàn tay thanh tú của em hững hờ đặt trên chăn khi em ngủ, thân hình co lại.

Nhưng anh lạc đề rồi... Ngay khi em vừa gợi ý xong thì anh gọi cho Kathrin Strandberg. Ở Stockholm, nhiệt độ vừa mới xuống lại dưới không độ và cô quản đốc bảo tàng đang nghỉ ngơi tại nhà; nàng dùng cơm tối trước lò sưởi, ngồi trên tấm thảm trắng bằng "mohair"[182], mặc pyjama. Tóm lại, đó là những gì nàng kể. Cái webcam, xui xẻo thay, không được kết nối.

Kathrin, về phần mình, cũng đã phân tích xong những ghi chú và những bình đồ được chụp ảnh lại ở nhà Costello, và nàng tin chắc là ông Costello đã cất chỗ khác, ở một nơi nào đó chắc chắn, tất cả những gì liên quan đến cái định lý thần linh.

— Bà góa phụ Costello đã cảnh báo chúng ta! Ông ta nghĩ là, nếu định lý

này bị khám phá thì sẽ xảy ra một sự trừng phạt tàn nhẫn, phải thế không?

Giọng nói của Kathrin gần gũi đến mức nó có vẻ đến từ căn phòng bên cạnh. Nghe nàng nói, anh thấy hiện ra dưới mắt hình ảnh khuôn mặt nàng. Làn da nàng tươi mát như nước hồ buổi sáng. Đôi môi mấp máy nhẹ như thể vẽ ra một sự chuyển dịch khó thấy, như những con sóng bé tí thức dậy từ làn gió thổi qua.

Không, anh chọc em đấy. Em biết anh mà, khi anh làm việc thì ngay cả Norma Jean Baker[183] cũng không được anh để mắt đến.

Khi anh thổ lộ ý tưởng của mình, Kathrin bắt đầu bằng cách phản đối.

— Tìm ra những bình đồ đầu tiên! Thôi mà Dan, ông nằm mơ hay sao? Dĩ nhiên là lý tưởng rồi, thế nhưng, nếu chúng hiện hữu thì tất nhiên tôi đã nghe nói về chúng rồi!

Anh phải thuyết phục nàng. Kế hoạch của anh nằm trên hai vai nàng mà.

Anh hỏi lại ngay, theo kiểu của em:

— Tại sao là tất nhiên cô đã nghe nói về chúng rồi? Những khám phá cuối cùng thì mới vài tuần nay thôi! Một ai đó có lẽ sở hữu các bình đồ cục bộ, ví dụ như một khu vườn trong công viên nhỏ, mà anh ta không biết đến tầm quan trọng của chúng, hay anh ta không nảy ra ý quy lại cho tác giả Le Nôtre! Tiếp theo, nếu một ai đó tìm ra các bình đồ, anh ta có lẽ đã nói chuyện này với các chuyên gia ở Versailles và các ông tướng này có thể đã cho chìm xuồng vụ việc. Hãy hình dung là những tư liệu như thế này có nguy cơ làm suy yếu các lý thuyết của họ. Họ cũng có thể quả quyết đó là đồ giả...

Anh trình bày với nàng ý tưởng của mình. Trong khuôn khổ chuẩn bị cho Bốn trăm năm ngày sinh của Le Nôtre, Viện bảo tàng Stockholm sẽ

tung ra lời kêu gọi toàn cầu kèm theo một phần thưởng to lớn với mục đích làm xuất hiện tất cả những thông tin hiện có về các bình đồ nguyên gốc của những ngôi vườn ở Versailles.

Kathrin còn muốn bác bỏ nhưng thấy không tự tin lắm.

— Chính chúng ta sẽ làm xuất hiện mấy thứ đồ giả nếu ta hứa một số tiền thưởng to lớn! - Nàng cảnh báo.

Anh sắp sửa gạt đi sự đắn đo cuối cùng này với một lý lẽ tài chánh thì nghe tiếng nàng thở dài.

— Nhưng, xét cho cùng, ông có lý, ta cần thử... Vả lại chuyện này sẽ khiến chúng ta có dịp gặp lại nhau, phải thế không?

Anh không trả lời gì hết. Đâu cần phải gặp nhau để giúp các việc tìm kiếm tiến triển. Nhưng nếu chuyện này có thể thúc đẩy nàng làm việc cho anh, anh sẽ không làm nàng buồn lòng.

Sau ba ngày suy nghĩ, Kathrin đề nghị một kế hoạch hành động. Vậy là một cuộc thi sẽ được phát động thông qua Internet. Và mục tiêu của nó là tìm ra cái bình đồ của những ngôi vườn Versailles được vẽ từ chính tay Le Nôtre và ra đời trước năm 1664. Hay bất cứ dấu hiệu nào có thể dẫn tới việc nhận dạng một tư liệu như thế. Cuộc thi sẽ kéo dài ba tháng và phần thưởng là năm trăm ngàn đô-la. Một số tiền như thế chắc chắn sẽ cuốn hút sự chú ý của các trường đại học và sự quan tâm của các nhà nghiên cứu độc lập cũng như các sử gia chuyên về thế kỷ mười bảy.

Ba nghìn câu trả lời đến tới tấp trong vòng mười tuần lễ đầu tiên. Kathrin Strandberg kiểm kê chúng dần dần. Các thư điện tử được lưu trữ trong hộp thư mang tên Viện bảo tàng Stockholm. Không ai biết chính anh là người chi tiền cho phần thưởng, nhưng, nếu bọn anh tìm lại được những bình đồ đó, anh đã hứa danh dự là chúng sẽ được bảo quản ở Stockholm.

Bọn anh kiểm điểm tình hình vào mỗi ngày thứ sáu qua điện thoại, và anh sốt ruột chờ đợi cuộc hẹn hàng tuần này. Trong thời gian này, tốt hơn là nên thú nhận với em, anh thấy cực kỳ khó khăn đọc tiếp truyện *Harry Potter*, và mối quan hệ vợ chồng giữa anh với Amelia càng ngày càng xấu đi.

Tuy nhiên, anh thấy thất vọng lúc đầu. 99% số thư trả lời chẳng mang đến ích lợi gì cả: vẫn là những luận cứ ngông nghênh về Versailles, những bằng chứng lịch sử mà bọn anh đã sở hữu hay những bình đồ cục bộ mà chẳng có gì chứng minh chúng là của Le Nôtre cả. Một tên mang bệnh bịa chuyện ở Saint-Pétersbourg quả quyết là đã xem cái bình đồ đó ở Berlin, trong thời Thế chiến thứ hai, thuộc sở hữu của Hitler. Một nhà sưu tập người Pháp đã gửi đến các bình đồ St-Cloud, hy vọng làm ta tưởng là Versailles... Một tên đùa vô duyên lại gửi cả một bản sao chụp cái sơ đồ được cắt ra từ Guide du routard[184].

Rồi một buổi tối, vào cuối tuần lễ thứ mười, Kathrin gọi anh, giọng phấn khích:

— Dan, tôi vừa nhận điện thoại của một nhà văn Pháp muốn cộng tác với chúng ta. Ông ấy không tìm cùng thứ như ta, nhưng khẳng định là tất cả có thể ở cùng một chỗ.

— Vậy à? Ở đâu vậy?

— Trong căn phòng bí mật chứa tài liệu lưu trữ của các vua nước Pháp.

— Cái gì?

— Ông chưa bao giờ nghe nói đến căn phòng bí mật của các vua sao?

— Tôi không tin...

— Vài người quả quyết là vua Louis XIV đã cho sắp xếp một chỗ giấu, và nhà vua đã giữ những tài liệu tối mật của mình trong đó. Chuyện quốc gia

đại sự, nói cho gọn. Nhà vua đã chuyển giao căn phòng bí mật này cho con trai và cháu nội mình – cả hai đều chết trước nhà vua – rồi cho chắt mình, tức là vua Louis XV sau này. Đến lượt mình, Louis XV giao chìa khóa cho cháu nội mình, tức Louis XVI. Sau khi ông vua này bị hành quyết, nhiều người đã bỏ công tìm chỗ giấu đó, nhưng chẳng ai tìm ra được bao giờ.

— Và tên nhà văn của cô khẳng định là đã tìm ra nó à? Hắn tên gì vậy?

— Granier. Jean-Philippe Granier.

— Ta hãy đi gặp hắn!

— Ở Paris?

— Tất nhiên! Tôi sẽ cho gửi vé máy bay đến cô.

http://tieulun.hopto.org

14

Đài truyền hình phát đi hình ảnh những cảnh hoảng loạn mới ở Manhattan. Khoảng chục người đã chọn nhảy dù khỏi cửa sổ các tòa nhà bằng dù dành cho dân làm việc văn phòng hơn là chạy xuống bằng cầu thang bộ hay chờ đội cứu hộ; một thái độ thiếu suy nghĩ, bởi vì lần này không có một đám cháy nào, không có một nguy hiểm tức khắc nào đe dọa các cao ốc, chúng chỉ mất điện thôi. Và vì tất cả những tên khôn vặt này, nói chung, dùng các vật dụng đó lần đầu tiên, ba người trong bọn họ đã đâm sầm xuống đất trước khi mở được cái dù.

"Sự tái lập hoạt động của nhà máy điện phục vụ tiểu bang New York có vẻ phức tạp hơn dự đoán", người bình luận thêm vào.

Ông ta gợi ý rằng mọi sự xảy ra như thể mỗi lần mà các kỹ thuật viên sắp tới đích, mỗi lần họ nhận dạng ra nguyên nhân gây ra sự rối loạn chức năng thì y như rằng một điều bất thường khác có nguồn gốc tin học – hoàn toàn không thể dò ra vài phút trước đó – bắt đầu hoạt động.

"Những tên tin tặc chơi trò trốn tìm với họ," Pierre nghĩ, "bây giờ đã trở lên phòng mình. Và chắc chắn là chúng có thông đồng nội bộ, những kẻ đồng lõa có thể hành động ngay trong lòng hệ thống."

Từ nửa giờ rồi, anh dò tìm trên những mạng Internet của các nhà nghiên cứu và các chuyên gia chống virus mà anh biết. Mọi người từ nay

đều đồng ý về kết quả chẩn đoán, nhưng chưa ai tìm ra được nguồn gốc con virus đã biến tất cả máy tính trên trái đất, hay hầu như tất cả, thành ma quỷ.

Thình lình điện thoại di động của anh reo lên. Pierre đã mất đi thói quen nghe cái âm thanh này và thấy mình hoang mang khi mở nắp máy.

— Chào mày, Franck đây, - một giọng nói cất lên.

— Franck à! Mày đó sao! Mày không thể biết là nghe tiếng mày, tao vui như thế nào! Mày đang ở đâu đó?

— Nhà mẹ vợ tao, ở Nice. Người ta phải di tản cả khu phố, dù rằng khu vực chúng ta chắc là không bị đụng đến. Tao được biết Clara ở nhà mẹ nàng với các con vào lúc thảm họa xảy ra, đúng không?

— Đúng đấy, một phép lạ đó. Nhưng mày và gia đình thì sao? Mấy đứa đồng nghiệp? Thằng bạn thân Jérôme của mày?

— Ổn thôi. Gia đình tao cũng vậy. Mọi người ổn cả, mấy đứa đồng nghiệp, mày biết đó, phần lớn chúng ở Aixen-Provence... Nhưng, về phần Jérôme, tao chẳng có tin tức gì cả. Và mày, mày có biết gì không?

Hai người nói chuyện một lát về những người quen biết chung và về những hậu quả đối với thành phố Marseille. Rồi Pierre không thể dằn được, buột miệng báo cho bạn mình cái giả thuyết của anh. Giả thuyết về một âm mưu “toàn cầu”.

Franck cũng có ý như thế. Anh ta nói, giọng điềm tĩnh, như thể việc gợi ra những khía cạnh lâm sàng của cuộc khủng hoảng thì đẩy lùi những hậu quả của nó ra phía sau.

— Mày nghe này, - anh ta nói, - tao cũng vậy, tao chắc chắn là có mối liên hệ giữa sự cố tê liệt Internet toàn thế giới và các thảm họa xảy ra ngày

hôm sau và ngày hôm sau nữa. Có cái gì đó khiến tao nghĩ là, nếu ta giải thích được sự cố tê liệt đầu tiên thì ta sẽ hiểu được phần còn lại.

— Mày có tin chuyện đó không, chuyện lá thư điện tử mang theo con virus mà không ai tìm ra dấu vết? - Pierre vẫn hỏi.

Franck trả lời bằng một câu hỏi khác.

— Mày đã xem blog của Brothers rồi chứ?

Bobby Brothers, một người Mỹ mười bảy tuổi, sinh ở New York, bố mẹ là người Đài Loan (Bobby Brothers là bí danh), đã tạo ra một "sổ ghi chép công nghệ" trên Net, một sổ tay riêng tư trên mạng mà người ta đồn là càng ngày càng có nhiều người truy cập. Chàng thiếu niên này đã có vài thành tích gây ấn tượng trong cộng đồng tin học, nhưng các thành tích cũng có thể đưa hắn ta thẳng vào tù: nhất là hắn đã thâm nhập vào hệ thống tin học của Hải quân Mỹ, và để chứng minh thành tích này, cứ mỗi tuần hắn đưa thêm tên tuổi những nhân vật nổi tiếng vào trong tệp ghi danh những người đăng lính. Quân đội không tỏ ra khó chịu khi tuyển mộ Jacky Chan[185] hay James Bond[186], tuy cả hai đều đầu quân cùng ngày, và rốt cuộc cũng khám phá ra điều bí mật của vụ việc này, những ba tháng trời sau đó, khi họ thấy tên của Arnold Schwarzenegger và Tom Cruise[187] xuất hiện trong tệp.

— Không, tao không vào blog của hắn từ ba tháng nay, - Pierre thừa nhận.

— Mày nên vào đi! Brothers chắc là đã hiểu được chuyện gì xảy ra. Vả lại người ta cũng tự hỏi không biết hắn có gây ra cái bug cực khủng này không.

— Franck, mày điên à! Mọi người đều biết Bobby Brothers là người yêu chuộng hòa bình mà.

— Người ta đồn thế thôi. Tao không chắc lắm về chuyện này. Dù sao đi

nữa, hắn bắt đầu từ định đề mà không ai đã đặt ra trước hắn: để mà hàng trăm triệu máy tính tải xuống con virus thì các chủ nhân của chúng phải tự nguyện làm thế. Thực vậy, mày biết rõ là ngày nay mọi người đều nghi ngờ thư điện tử và chẳng ai còn mở mấy lá thư chứa đầy văn bản đính kèm khả nghi đó cả. Vậy thì, chính là do không hay biết gì cả mà người ta đã tải xuống cái tệp chứa virus. Thế mà, những tệp nào đã được tải thường xuyên nhất từ vài năm nay? Các bài hát thịnh hành của Noah, các phim có Emmanuelle Béart đóng, *Star Wars III*[188]... Tóm lại, các ca khúc, các hình nền hay các phim ảnh. Mày theo kịp chứ?

Pierre không biết Franck lập luận đến đâu, tỏ ra nóng ruột chờ chàng ta nói tiếp.

— Đơn giản thôi bạn ơi. Lấy một bài hát làm ví dụ đi. Mày biết hiện tượng này mà: hàng ngàn người mỗi ngày vào Internet để tìm những ca khúc ưa chuộng. Họ kết nối vào một trang web cho phép họ liên hệ với một danh sách những cư dân mạng khác lúc đó đang có sẵn ca khúc trong máy tính của mình. Người ta chỉ việc tải xuống bài hát họ thích và...

— Franck, mày giỡn mặt tao hay sao? Tao đâu cần nghe giải thích nguyên tắc *peer-to-peer*!

Pierre phát bực. Kazaa, eMule... Anh biết cái hệ thống trao đổi tệp giữa đám cư dân mạng từ lâu rồi. Chính anh đã là một trong những người đầu tiên dùng nó. Franck nói tiếp:

— Nếu một tên tin tặc đặt được một bài hát nhiễm virus, ví dụ thế, vào trong những mạng được truy cập nhiều nhất thì hắn có mọi cơ may đưa vào hoạt động cái chương trình trời đánh của hắn, trên quy mô lớn. Và không mảy may tổn sức chút nào. Người ta tự mình truyền nhiễm lẫn nhau cái malware[189] này bằng cách tải xuống âm nhạc yêu chuộng.

— Nhưng...

— Thôi tao biết rồi, mày sắp sửa nói là các cư dân mạng không nhất thiết tải xuống cái tệp mắc bệnh giang mai của bài hát đó chứ gì, nhưng tải một bản khác, trên một cái tệp lành lặn, bởi vì họ có thể chọn lựa giữa nhiều bản.

— Mày nói giùm tao rồi đó.

— Ý mày thì đúng đấy. Ngoại trừ trường hợp mấy tên tin tặc đã dự phòng chuyện này. Chúng có thể làm ra một hệ thống đủ sức đặt bài hát nhiễm virus một cách tự động lên đầu bảng danh sách! Lúc đó thì, mày hiểu chứ, mọi người tải bài hát đó xuống...

Pierre đã hiểu. Khi anh hay các cô con gái anh sử dụng các mạng trao đổi miễn phí để nghe một ca khúc thịnh hành nào đó, họ làm như mọi người khác: chọn lấy bản đầu tiên nằm ở đầu danh sách. Và anh có thể hình dung rất rõ là các tin tặc nghĩ ra một phương thức kỹ thuật cho phép ca khúc bị nhiễm tự động chiếm chỗ đầu bảng. Hơn nữa, một bài hát càng được tải xuống nhiều thì nó nổi lên đầu bảng càng nhanh hơn. Các tin tặc chỉ cần cài đặt con virus của chúng trong một bài hát thành công rất nổi tiếng và rất được tìm nghe vào thời điểm này thì đủ rồi. Nhưng chúng có thể làm chuyện này song vẫn để cho cư dân mạng nghe bài hát mà họ chẳng nghi ngờ gì cả không? Mặt khác, con virus phải đủ nhẹ để mà bài hát bị nhiễm "đi đây đi đó" dễ dàng trên mạng. Pierre lưu ý là anh đã không biết đến một kỹ thuật như thế.

— Nhưng Pierre, mày bị tụt hậu hay sao đấy? Bây giờ thì người ta nắm vững cái này rồi. Dù sao chăng nữa, phần bọn nó thì bọn nó nắm vững.

— Ý của mày là bọn tin tặc đã chuẩn bị chơi cú này từ mấy tháng trước, là chúng đã biết bài hát nào sắp sửa được yêu cầu nhiều nhất, phải vậy

không?

— Một cú chơi tầm cỡ thế này thì không thể "cương" ra được! Chắc chắn là chúng đã nghiên cứu các sở thích của mọi người, từng đất nước một, và chúng đã đặt một cách thường trực con virus của chúng vào trong bản hát mà người ta yêu cầu qua Internet nhiều nhất...

— Ta thừa nhận vậy đi. Điều này có thể giải thích cái bug to lớn trong Internet đó. Nhưng, Franck này, nó lại không cắt nghĩa chuyện tiếp theo. Mày quên là các máy tính của những nhà máy điện mà bọn tin tặc có lẽ đã thâm nhập thành công đều được trang bị tối ưu với tường lửa và hệ thống chống xâm nhập. Mày tin là người ta vào trong một xưởng máy, một nhà máy lọc dầu, một nhà máy phát điện tự do thoải mái y như vào chợ hay sao?

— Này, mày làm tao thất vọng đó, ông bạn vàng ơi! Mày biết Philippe, thằng em tao chứ? Nó hiện nay làm việc ở chỗ một chuyên viên về các thử nghiệm chống xâm nhập: mày biết họ mất bao lâu để vào được, cả hai người, hãng France Télécom không?

— Hai giờ đồng hồ.

— Ba phút rưỡi thôi. Tao không biết có cái hệ thống nào mà bảo đảm được cả một trăm phần trăm. Các xí nghiệp được trang bị an toàn nhất bao giờ cũng có một điểm yếu, tức là có một máy tính được bảo vệ ít tốt hơn các máy khác: ví dụ như cái máy tính được kết nối với anh bán máy sao chụp, để tự động báo hiệu thông qua Internet mỗi khi bị hỏng. Hay máy tính của một cậu tập sự mang về nhà mình và nối vào mạng nội bộ. Thằng em kể tao nghe là, mới tháng trước đây thôi, một ông PDG[190] đã lan truyền một virus trên mạng của xí nghiệp mình, mày biết làm sao không? Cuối tuần ông ta mang laptop của mình về nhà và đã để thằng con trai cài đặt các trò chơi vào máy. Sáng thứ hai, khi ông ta tái kết nối với mạng của xí nghiệp... Sai lầm hoàn toàn!

Pierre đã nghe nói đến các điểm yếu thuộc loại này.

— Đôi khi, - Franck tiếp, - chính sổ nhật ký điện tử mà người sử dụng đã thu vào một bài hát, rồi anh ta điều bộ cái sổ đó với máy tính văn phòng của mình khi đến làm việc sáng thứ hai. Và hấp! Con virus di cư sang mạng của xí nghiệp! Rồi hiện nay còn có các hệ thống Wifi. Theo dư luận thì có một thằng ranh con nào đó ngồi trên ghế dài ở vòng xoay Champs Élysée[191] trước trụ sở của một nhà buôn vũ khí Pháp lớn, đã thâm nhập thành công vào hệ thống kế toán của ông ta!

— Tao đồng ý, nhưng làm sao hình dung được là bọn tin tặc đã có thể thâm nhập vào nhiều nhà máy điện, ở những chỗ khác nhau trên thế giới, và cùng một lúc? Chúng đã tiến hành như thế nào hả?

— Tao không biết... Có lẽ tụi nó đội lốt những người sửa chữa tin học. Hay đội lốt những kỹ thuật viên của Controlware kiểm tra qua điện thoại tình trạng các phần mềm: “A lô, chào ông, bà, tôi là ông Banks thuộc bộ phận an ninh của Controlware. Chúng tôi vừa tìm ra một điểm yếu trong phần mềm của ông. Để giải quyết vấn đề này, chúng tôi đề nghị ông tải xuống phiên bản cập nhật hóa của chúng tôi.” Mày thấy cái mánh khóe đó chứ?

Cái mưu mẹo này có thể thành công, tất nhiên thôi... nhưng với những xí nghiệp cẩu thả. Trong trường hợp hiện tại, thật khó mà hình dung một kẻ đột nhập có thể vào sâu một cách đơn giản như thế trong mạng của một nhà máy tinh nhạy. Của một nhà máy thôi thì còn hiểu được. Nhưng của chục nhà máy ở những địa điểm khác nhau trên thế giới! Làm sao giải thích một cuộc tấn công hàng loạt và đột ngột như thế?

Pierre bị tất cả những câu hỏi này quấy rối. Mệt mỏi vì thức trắng đêm, bây giờ còn thêm rối loạn và lo âu.

Anh còn trao đổi dăm ba câu với Franck, nhưng anh nóng lòng muốn quay về với máy vi tính của mình. Chính anh đã tải xuống hàng chục bản nhạc trong thời gian vừa qua. Nếu vài bài hát bị lây nhiễm thì chắc là chúng nằm trong ổ cứng. Dù sao đi nữa, anh muốn biết rõ ràng đích xác.

— Tao sẽ không ra khỏi đây trước khi hiểu được những gì mà mấy thằng chó đẻ này làm, - anh nói to ngay lúc Franck cúp điện thoại.

15

Emma không ở trong phòng. Pierre đã bấm số nàng nhiều lần, nhưng vô ích. Anh cũng cố gắng gọi vào di động của nàng nhưng thêm một lần nữa, các mạng không còn hoạt động. Nàng đã xoay sở về được Mỹ rồi sao? Anh phải gấp rút nói chuyện với nàng.

Ngồi như dính chặt vào máy tính từ tối hôm trước, Pierre đã tự kết nối với các diễn đàn, các blog của những chuyên viên, và không ngừng trao đổi với Franck bằng thư điện tử hay điện thoại. Hai người đàn ông đã có những bước tiến song song, tham khảo ý kiến bạn bè, gửi cho nhau các địa chỉ, trao đổi các giả thuyết, kết cấu các lý luận. Và, lạ lùng thay, ngay chính vào lúc đài truyền hình loan báo một thảm họa mới, một nhà máy điện ở bang Pensylvania đã nổ tung lúc 5 giờ sáng, thì họ hiểu ra được. Cùng nhau.

Một vực thẳm mở toác dưới chân họ.

Kể từ lúc đó, Pierre, bị sốc, cứ đi tới đi lui trong phòng. Dù đã trải qua hai đêm trắng liên tiếp, anh không tài nào đặt lưng xuống nghỉ ngơi được. Anh không còn một chút nghi ngờ gì nữa từ rày về sau, anh đã tìm ra được mối liên hệ giữa sự cố tê liệt Internet và những tai họa trong các nhà máy điện và nhà máy lọc dầu. Những biến cố bi thảm mấy hôm nay không phải là sự kiện của một vận đen đến không phải lúc. Chúng là kết quả của sự thao túng tin học ghê gớm nhất mà người ta có thể tưởng tượng ra.

http://tieulun.hopto.org

— Tận thế rồi, - Franck thầm thì, với một giọng hầu như không thể nghe được.

Nhưng Pierre đã nghe được bạn, và anh không trả lời chi cả. Anh quay lại phòng tắm, vẩy nước lạnh lên mặt. Franck sắp sửa gọi công an. Nhưng công an chắc là bị quá tải với các cuộc gọi, giữa những trường hợp khẩn cấp và những tên tin tặc vặt vãnh thừa dịp nhào ra quả quyết mình là tác giả của cái "big bang"[192] tin học này...

Anh cũng nghĩ đến chuyện gọi cho Sở Hiến binh, họ có một phòng chuyên môn đấu tranh chống tin tặc. Ở Rosny-sous-Bois. Ông cò Courtin là trưởng phòng. Anh còn nhớ họ. Một bộ phận gồm khoảng mười lăm công an tin học, một số trong đám này là những cựu tin tặc đã quay về chính đạo. Họ chắc là ở trong tình trạng báo động từ mấy ngày nay. Họ có thể hiểu ra. Nhưng, số điện thoại chính thức của họ phát ra tiếng máy bận. Về phần di động của Courtin thì không thể kết nối với nó được. Pierre không tiếp tục nữa, tin chắc rằng cuộc gọi của mình hầu như chẳng giúp được gì. Nếu mưu đồ của bọn khủng bố là đúng cái mà Franck và anh đã hình dung ra thì những công an tin học cũng biết đến tầm cỡ của thảm họa nhưng không có miếng đánh trả nào hơn. Về phần những đồng nghiệp Mỹ của họ, những người này chắc cũng cảm thấy cùng một nỗi đau bất lực, giống như một đội lính cứu hỏa trước một đám cháy mà họ nhận dạng được nguyên nhân nhưng không đủ sức chận đứng ngọn lửa khỏi cháy lan ra.

Trên truyền hình, lạ thay, không có chút tin gì lộ ra. Hoặc giả các hệ thống truyền hình lớn chưa biết gì hết, hoặc giả họ đã nhận lệnh không được phổ biến những tin tức gây sợ hãi.

— Cái thứ kiểm duyệt này, nếu thực sự có kiểm duyệt, không thể kéo dài lâu đâu, - Franck đưa ra nhận xét.

Suy nghĩ này của Franck đưa Pierre tiến lên hơn một nấc.

— Mày có tin là sự dàn dựng kỳ lạ này đã có thể sửa soạn mà không có sự thông đồng ngay từ bên trong cơ quan an ninh của các cường quốc phương Tây không?

— Thật khó mà hình dung được.

Chán nản, Pierre sau cùng ngồi bệt xuống thảm, đầu kẹp giữa hai nắm tay, giống như trong một gọng kềm.

Trời rạng sáng, và mặt trời đã xuyên qua dải mây màu bông vải. Pierre nghe qua cửa sổ mở những âm thanh của Arromanches đang thức dậy. Tiếng những đứa bé đầu tiên ra khỏi nhà để đi đến trường hay lên xe bus học đường, tiếng búa máy đập xuống đá xám vỉa hè... Hai hay ba đại biểu ngồi dưới bóng những cây dù ngoài sân hiên, chờ bữa ăn sáng. Những người khác chắc vẫn còn ở trong sảnh hay trong phòng mình, đang điện thoại hay tìm giải pháp để hồi hương. Gió, buổi sáng đó, thì thổi từ mặt đất, khuấy động các làn sóng theo chiều ngược lại với chiều người ta thường thấy. Pierre nghe được làn gió nhẹ nhàng, điềm tĩnh, lướt qua các tảng đá. Dự báo thời tiết cho biết còn một ngày nóng.

Nhìn lên bầu trời xanh thì thấy nó đẹp đến nao lòng. Ngày quân Đồng minh đổ bộ, anh tự nhủ, ít ra là một ngày trời xấu. Hôm nay, thiên nhiên tỏ ra câm điếc trước thảm kịch đang diễn ra trên thế giới mà than ôi, lúc này anh đã có một cái nhìn chính xác hơn. Sự yên tĩnh làm anh kinh sợ, khiến anh muốn chạy trốn.

Anh bấm số Emma một lần nữa. Tại sao nàng không ở trong phòng mình, lúc 7 giờ rưỡi sáng? Sự vắng mặt của nàng có dính líu gì đến cái chết của Barett không? Nàng có biết, qua các kênh khác, những chuyện mà anh vừa khám phá ra không? Những cơ quan mật vụ Mỹ có tiếp xúc với nàng

không, giống như họ chắc chắn đã tiếp xúc, ngay từ khi họ hiểu được chuyện xảy ra mấy hôm nay, với những người thân cận và những người cộng tác với Dan Barett vừa mới qua đời? Ông chủ của Controlware không chết vì tai nạn, Pierre tin chắc như vậy. Ông là người duy nhất trên thế giới đủ sức chống lại mưu đồ tội ác của bọn khủng bố. Chỉ mình ông nắm chìa khóa của hệ thống. Giá mà một ai đó trong đám người thân cận của ông hiểu biết việc này thì vấn đề đã được giải quyết và các thảm họa đã được tránh khỏi. Emma chắc chắn là không biết việc này hơn những người thân thiết với Barett, nhưng người ta không được bỏ qua bất cứ hướng tìm nào khi điều tra. Có lẽ nàng chưa biết nếu như các cơ quan mật vụ chưa kịp hay chưa thể liên lạc được với nàng.

— Nhất thiết mình phải nói chuyện với nàng. Mình phải tìm ra nàng.

Anh nói to, như thể khẳng định lòng ham muốn của mình bằng cách nói to và mạnh có thể làm cho việc thực hiện được dễ dàng.

Tìm lại người đàn bà mà mình đã làm tình hai đêm trước, ý nghĩ này làm anh cảm thấy cổ họng thắt lại. Từ khi tự giam mình trong phòng, anh đã không có thì giờ để suy nghĩ về những gì xảy ra giữa hai người trên bãi biển. Cũng may. Vì nếu anh thấy hối tiếc, trên nguyên tắc, vì chuyện mình đã làm, thì đó là anh chân thật với chính mình: ở vào hoàn cảnh đó hôm nay, anh sẽ hành động cùng một cách như thế. Lòng ham muốn nhục thể đã chế ngự anh. Anh nghĩ đến đôi vú của Emma khi anh cầm trong hai bàn tay mình, chúng phát dựng lên, ép sát lòng bàn tay anh. Anh có cảm tưởng chúng căng ra về phía anh, cứng lên dưới các ngón tay giống như dương vật đàn ông. Anh đã muốn ngoạm chúng vào miệng mình mà cắn, mà ăn tươi nuốt sống. Anh xua đuổi ra khỏi đầu ý tưởng này một cách bực tức. Tình yêu này – nếu sự chuyên chế của các giác quan này được gọi là tình yêu – chỉ có thể gây ra đau khổ mà thôi.

http://tieulun.hopto.org

Anh nhớ lại chuyện ra đi từ Marseille vài hôm trước, khi Clara đã theo anh ra tận phi trường trong khi các kỹ thuật viên của anh thì đi đường bộ với chiếc xe tải chở thiết bị. Clara tóc vàng, da trắng xanh, rất thanh lịch với đôi giày cao gót thời trang hiệu Tod's và bộ váy áo hàng hiệu Chanel[193], đã giữ im lặng một cách lạ thường, và ôm hôn anh nồng nàn hơn thường lệ, có lẽ được linh tính mách bảo. Vậy mà, anh đã phản bội nàng... Tại sao? Với vợ, anh thiếu cái gì cơ chứ? Nàng mua sắm như điên, nàng có những phản xạ mẫu dưỡng, nàng mang những thói quen tiểu tư sản, chắc chắn mấy thứ này đã làm nàng xa cách anh, nhưng nàng vẫn là người đàn bà mà anh đã chọn lựa, người mẹ của các con anh, nền tảng của đời anh.

Anh đi xuống sảnh khách sạn và dừng ở quầy lễ tân. Chìa khóa phòng Emma không có đó. Nhưng một nhân viên – mặt cạo râu qua quít, mệt mỏi vì những đêm xáo trộn – bảo anh là nàng chưa thanh toán tiền phòng; như vậy là nàng chưa đi khỏi đây. Một cô nhân viên lễ tân khác, vẻ mặt bực dọc, đang chia chọn giấy tờ, nhớ ra là đã thấy "Mrs. Shannon" mặc quần áo bãi biển, tay cầm khăn tắm, đi ngang qua. Pierre nhíu mày ngạc nhiên. Emma đi tắm biển à? Làm sao mà nàng nghĩ đến chuyện giải trí trong một bối cảnh như thế này? Nhất là sau cái chết của người bạn thân nhất của mình? Chắc là nàng không biết tình hình nguy kịch đến mức nào.

Pierre đi nhanh ra cửa, bước xuống đường, nóng lòng tìm thấy nàng. Nhưng vừa mới đến bãi đậu xe gần bãi biển, anh cảm thấy bối rối quá chừng. Anh bước chậm lại, cố gắng đưa mắt thưởng thức phong cảnh, hít thở mùi biển mặn bồng bềnh trong không khí, thích thú với buổi ban mai tươi mát mà chốc lát nữa thôi sẽ tan biến đi. Khi anh đặt chân lên cát, ánh nắng mặt trời phản chiếu trên mặt nước khiến anh nheo mắt. Anh quay sang nhìn về phía có bóng râm, phía vách đá nhô cao trên bãi biển. Xa hơn một chút, anh thấy con đường hẹp đi qua vách đá và dẫn tới vụng biển

khác... nơi mà anh đã nghe Emma rên rỉ vì khoái lạc. Hình ảnh khuôn mặt rạng rỡ của nàng bỗng bị che khuất tức khắc bởi cảnh tượng những người chết ở Gardance. Sự tàn ác của các cuộc mưu hại này – vì bây giờ anh biết rồi, đúng là những cuộc mưu hại – xuất hiện lại không ngừng. Và đó là mới bắt đầu thôi.

Emma không ở bãi biển lớn, nơi mà những chiếc tàu phục vụ cuộc đổ bộ năm xưa, giờ nằm xung quanh hải cảng và vẽ ra một nghĩa địa voi rỉ sét. Chắc là nàng đã đi xa hơn dọc theo bãi biển hay leo lên con đường hẹp trên vách đá. Pierre do dự vài giây rồi đi về phía tay trái. Bên mặt thì thuận tiện hơn cho việc tắm biển nên sẽ nhanh chóng đầy người. Anh biết chắc là nàng thích sự yên tĩnh hơn.

Anh bước dọc theo biển. Anh nhìn hồi lâu bọt sóng dịu dàng liếm các viên đá cuội xám lốm đốm màu đất son. Vào cuối tuần anh đi chơi dã ngoại vùng biển đá với Clara và các con, rốt cuộc là anh ngồi hàng giờ quan sát các con sóng trào lui sau khi vỗ bờ. Bao giờ anh cũng thấy ngạc nhiên về hiệu ứng đờ đẫn gây ra nơi anh từ cái nhìn này. Anh có thể ở lại hàng giờ bên bờ nước, không có lấy một ý tưởng mạch lạc. “Tốt lắm, anh làm cho đầu óc mình trống không”, Clara khuyến khích anh, nàng tận dụng thời gian để chăm sóc cho làn da rám nắng mà. “Không nghĩ đến mấy cái máy tính nữa”, nàng nói thêm, vẻ dối trá. Vấn đề là ngày hôm nay, không gì, ngay cả vẻ đẹp bình yên của bãi biển miền Normandie, có thể làm anh xao lãng chuyện máy tính.

Vào lúc qua đến sườn bên kia vách đá, anh nhận ra có ai đó đã đến trước anh, dù mới sáng sớm. Không phải Emma. Một người đàn ông ngồi trên tảng đá, tay cầm máy ảnh. Ống kính zoom dài hai chục centimét chĩa ra khơi. Anh ta chụp gì vào giờ này? Pierre nhìn theo hướng nhắm của ống kính. Cách đó một trăm mét, một người bơi về phía bãi cát sỏi. Khi người đó

đến gần hơn, Pierre thấy ra – nhờ hai cánh tay dài, búi tóc to sau gáy – đó là một người đàn bà. Nhưng anh ngạc nhiên vì nàng bơi rất nhanh. Nghiêng đầu lần lượt sang bên phải rồi bên trái, nàng lướt trên nước một cách mềm mại. Hai chân đập đều đặn, hai cánh tay quay đúng nhịp, nàng vẽ ra một đường rãnh hoàn hảo dưới thân mình.

Người đàn bà đúng là bơi nhanh, chưa gì đã vào bờ. Đến chỗ mà nàng đặt chân, nàng đứng thẳng lên nhưng chưa vội bước đi, dù nước cạn đến mắt cá chân, chỉ để lấy lại hơi thở. Nàng mặc bộ áo tắm hai mảnh đen và trắng, với một cái khóa nịt ở ngang hông. Nàng tháo cái kẹp giữ búi tóc, lắc mạnh đầu làm văng ra xung quanh một chùm tia nước. Rồi nàng nắm cả mái tóc trong tay, vắt chặt về phía sau rồi sang bên cạnh, để làm ráo nước. Các cử chỉ thì đột ngột và không đều, ít mềm mại, trông chẳng hợp chút nào với thân thể nàng, tuyệt đẹp.

Đó chính là tấm thân mà Pierre đã ôm chặt vào người mình trong đêm thứ tư rạng ngày thứ năm.

Tên đàn ông với máy ảnh đứng dậy, chụp loạn xạ Emma đứng cách đó mười lăm thước. Nàng làm như thể không thấy anh ta. Có phải là một *paparazzi*[194] không? Những tay đi săn "scoop"[195] chắc chắn là đã chịu khó mò đến Arromanches để theo dõi khả năng có thể xảy ra là Hillary Clinton hay Michelle Bachelet mặc áo tắm đi dạo ngoài bãi biển, nhưng sao lại là Emma Shannon? Những tấm ảnh này có thể mang lại giá trị thương mại gì? Thế giới sụp đổ xung quanh Emma và nàng chấp nhận chơi trò hội chứng tự mê mình hay sao? Khuôn mặt tên đàn ông, như vậy, không phải là của một tên trộm hình ảnh. Vóc người nhìn nghiêng hơi tròn trĩnh này, tóc vàng cắt theo kiểu Jeanne d'Arc[196] này, dáng điệu tự tin này, tướng bề thế gây ấn tượng này đối với một người ở độ tuổi ngũ tuần: "quả là một con thú", hẳn Clara sẽ nói. Pierre có cảm tưởng mình đã gặp con thú này.

Nhưng ở đâu vậy kìa?

Pierre không còn muốn nói chuyện với người đàn bà Mỹ đó nữa. Sắc đẹp của nàng hầu như làm anh bực tức. Anh thấy ghét chính mình vì đã để cho nàng lôi cuốn, thực ra anh không yêu nàng, nhưng anh không thể ngăn mình thèm muốn nàng. Nàng đi chậm qua khoảng cách vài thước đến dải cát. Tên chụp ảnh hướng về phía nàng kêu to: "Ưỡn ngực ra!" và bấm máy liên tục. Nàng không tạo dáng trước ống kính nhưng cũng không phản đối. Trong trí óc của Pierre, trong một giây ngắn ngủi, cái đại họa tin học bị đẩy lùi xuống hàng thứ hai.

Emma cúi xuống nhặt chiếc khăn tắm và lau khô người thật mạnh. Rõ ràng là nàng không muốn nán lại ngoài bãi biển. Nàng lấy ra từ túi vải một mảnh vải khoác người đen trắng rồi quấn nó quanh hông. Đôi chân được che như thế làm tăng thêm vẻ thanh tú của thân hình nàng. Chiếc áo ngực, cắt khéo, tách hoàn toàn hai vú và tạo cho bộ ngực nàng một vẻ đầy đặn hài hòa. Trên cổ họng nàng thấy rõ vài nốt ruồi.

Tên đàn ông đã ngừng bấm máy loạn xạ, bước về phía nàng, máy ảnh quàng vai. Giờ thì họ nói chuyện với nhau. Họ có vẻ quen biết nhau.

Pierre sắp sửa quay lưng để về lại khách sạn thì Emma chợt thấy anh và lên tiếng gọi. Anh lưỡng lự một chốc rồi tiến về phía nàng.

— Chào Pierre! - Nàng nói với nụ cười làm anh bất ngờ. - Em giới thiệu với anh đây là... Jean-Philippe.

— Granier. Jean-Philippe Granier.

Tất nhiên là thế rồi! Pierre bây giờ nhận ra là mình đã thấy gã này ở đâu. Granier là một nhà tiểu thuyết khá nổi tiếng xuất hiện đều đặn trên những trang "people"[197] của các tạp chí.

— Jean-Philippe Granier và em mới quen nhau cách đây bốn mươi lăm

phút, - Emma nói rõ. - Anh ấy đến chụp hình mặt trời mọc.

Nàng nói thêm, vừa liếc mắt:

— Nhưng em nghĩ anh ấy dùng em làm cận cảnh.

Granier buột miệng phản đối.

— Cô muốn nói là tôi đã quên phứt mục tiêu đầu tiên của mình chứ gì! Ai mà đủ sức đối đầu với Venus bước ra khỏi nước chứ?

Sự nịnh đầm đáng ngờ của gã không có vẻ gì làm Emma bực mình; nàng vừa nói tiếp, vừa nhìn Pierre:

— Điều ngạc nhiên nhất là Jean-Philippe đã làm việc với Dan Barett cách đây vài năm. Và cũng với Kathrin Strandberg nữa. Anh biết đấy, cái cô người Thụy Điển rơi vào hôn mê sâu tối thứ ba... Em nhớ ra chuyện này khi anh ấy nói tên mình ra, nàng nói thêm, quay về phía tên nhà văn lần nữa. Lạ lùng thay là những tình cờ trong cuộc sống, phải thế không?

Nàng sa sầm nét mặt khi nhắc tới Dan. Còn Granier thì nhăn mặt:

— Các bạn biết không, tôi vừa mới đến Arromanches. Tôi không gặp lại Kathrin Strandberg kể từ dạo đó. Ít nhất là ba năm rồi. Thật tội nghiệp nàng, kinh khiếp quá đi... Tôi muốn tin mà không thể nào tin được.

Gã vội vã nói thêm:

— Tối thứ ba, tối thứ ba... Thôi đúng rồi, khi đó tôi đang thu chương trình truyền hình ở chỗ anh Drucker.

Pierre nghĩ mình cũng ăn nói như gã thôi, nếu muốn đưa ra một chứng cứ ngoại phạm chắc cứng như bê-tông.

http://tieulun.hopto.org

16

— Emma, anh muốn nói chuyện với em! - Pierre nài nỉ, nhấp nha nhấp nhổm.

Năm phút trôi qua từ khi anh gặp người đàn bà Mỹ cùng "cái đuôi" của nàng, và anh đã không xen vào được một tiếng. Tên nhà văn giải thích là từ hai mươi năm nay gã xuống ở một mình trong vùng này, sáu tháng mỗi năm, để viết. Cho nên từ đó gã biết rõ từng cơn thủy triều, từng tảng đá, từng loại sò, loại ốc trong vùng.

— Và ông ở làng Arromanches phải không? - Emma tiếp chuyện, bỏ qua câu nói của Pierre.

— Không hẳn như vậy. Có thể nói là tôi chia sẻ thời gian giữa Cotentin và quận 17. Paris không phải là thành phố để ta làm việc. Nhiều cám dỗ quá đi.

Bây giờ thì Pierre nhớ rõ về nhân vật này rồi. Anh không đọc các sách của gã, nhưng Clara thì có đọc. Ít nhất hai cuốn. Vả lại, không đọc đến cuối vì lý do là Granier ưa làm mất tính thiêng liêng của những gì gã đụng tới, kể cả (và đó là lời chê trách chính của nàng) những tình cảm yêu đương. Đối với Clara, Granier có "đầu óc châm chọc chua cay". Gã không ngần ngại đem ra chế giễu những nhân vật nam chính – và nhất là những nhân vật nữ chính – trong các tiểu thuyết của mình, một khi độc giả bắt đầu yêu mến

http://tieulun.hopto.org

họ. Gã cũng viết các mục bình luận cho các tạp chí trong đó gã phê phán với giọng điệu cay độc sách và phim của các đồng nghiệp.

Về phần Emma, chắc chắn là nàng không bị ấn tượng bởi tư cách nhà văn của gã, vì nàng đã quên chi tiết này trong lúc giới thiệu. Granier chắc là hoàn toàn vô danh tiểu tốt ở Mỹ. "Lại một ngôi sao ở Saint-Germain-des-Prés không bao giờ bán được một bản sách nào ở New York", Pierre tự nhủ. Suy nghĩ này khiến anh cảm thấy dễ chịu. Anh lại nài nỉ, tìm cách cố kéo nàng riêng ra.

— Emma, anh phải nói chuyện với em, quan trọng lắm đó.

Nàng nhìn anh, lộ vẻ nghi ngờ trong mắt, và anh cảm thấy hối tiếc là đã mở đầu một cách nhập nhằng như thế.

— Ái! Tôi xin kiếu đây, - Granier mỉa mai.

— Không, xin anh đừng đi. Tôi chắc rằng các lời nói của Pierre thì không có gì riêng tư cả, phải vậy không Pierre?

Anh tự hỏi Emma làm thế để bắt anh trả giá cho sự im lặng hôm trước hay nàng thực sự muốn giữ tên nhà văn ưa tán gái bên cạnh nàng. Anh chọn giả thuyết thứ hai. Anh nhận ra lại là nàng vẫn là nàng như xưa nay. Kênh kiệu, rụt rè một cách giả tạo, và trong thực tế thì khoái trá một cách phi thường ngay khi một tên đàn ông tỏ ra quan tâm đến nàng. Nàng khinh thường Pierre, nàng bao giờ cũng khinh thường anh. Vài phút lầm lạc làm sao có thể thuyết phục anh ngược lại kia chứ?

Như thể cho anh có lý, nàng đặt lên mũi cặp kính râm Ray-Ban to tướng màu đen, kiểu mắt ruồi[198], khiến nàng trông già đi và mang vẻ kiêu căng.

Pierre đáng lẽ bỏ nàng lại đấy, nhưng giờ thì không phải lúc nghe theo lòng tự ái của mình.

— Sự cố tê liệt tin học hôm thứ ba, những tai nạn ở các nhà máy điện, những thảm họa ngày hôm qua, tất cả đều dính líu với nhau, anh bắt đầu. Tình hình nghiêm trọng hơn tất cả những gì mà em có thể hình dung được. Chúng ta đang đối đầu với một con virus tin học, nó...

Granier cười khẩy.

— A! một con virus! Mấy anh chàng tin học chết tiệt! Tôi thừa biết bọn nó mà... Chúng bao giờ cũng nói là tận thế rồi! Cách đây hai mươi năm, khi tôi viết cuốn sách đầu tiên, người ta đã nói đến Đại Số Dách rồi, con virus sắp sửa hủy diệt tất cả. Ngoài ra, các bạn hãy nhớ lại những gì chúng ba hoa kể cho chúng ta nghe về chuyện bước sang năm 2000. Quả bom nổ chậm bị xì hơi! Đồ hạng bét!

Pierre bỏ qua lời châm chọc, tiếp tục vừa nói, vừa nhìn Emma:

— Anh đã tìm hiểu suốt hai mươi bốn giờ qua. Và cùng với một người bạn, bọn anh đã tìm ra. Bọn anh biết cái gì đang âm mưu. Thực sự khủng khiếp đó.

— Nói ra đi! Nói đi! - Emma tỏ vẻ nóng ruột, kéo cặp kính ngược lên trên trán, giống như một phụ nữ Paris trong buổi họp.

Pierre nhận ra đôi mắt nàng mệt mỏi. Chắc là nàng đã không ngủ được nhiều sau khi nghe tin người tình cũ qua đời. Nhưng nàng có can đảm mà, nàng đã làm mọi người lầm vì vẻ bề ngoài hơi yếu đuối của mình.

— Thực ra ta phải quay ngược về nhiều tháng trước đây để tìm ra nguồn gốc của thảm họa, - anh nói tiếp.

— Thế là sao?

— Anh sẽ giải thích cho em những gì anh hiểu.

Anh quay sang Granier.

— Tôi xin lỗi. Sự giải thích thì có nguy cơ hơi bị dài đấy... Mà cũng hơi kỹ thuật nữa.

Anh mong rằng gã khách không mời này sẽ để hai người nói chuyện tay đôi, nhưng Granier lại ngồi xuống trên cát, ung dung một cách giả tạo, và Emma cũng bắt chước ngay tức khắc, lại đưa tay kéo quần jean Pierre để buộc anh ngồi xuống chung. Anh đành tuân theo, cảm thấy mơ hồ là tình huống thế này thật là buồn cười. Ba người du khách tổ chức buổi "sit in"[199] bên bờ nước để nói về thảm họa tin học khủng khiếp xảy ra đến nơi.

— Sáng nay, - Pierre miễn cưỡng nói tiếp, - anh kinh ngạc bởi cái chuyện tê liệt tin học đến nỗi anh quên...

— Anh nên đi thẳng vào vấn đề, - Emma cắt ngang.

Bao giờ cũng là những phản xạ thế này của *executive woman.*

Dưới cái nhìn ranh mãnh của Granier, Pierre diễn tả trong vài phút, không đắm chìm trong chi tiết, bằng cách nào mà hàng triệu người trên Internet đơn giản vì chỉ muốn nghe James Blunt, Madonna hay Eminem mà đã vô tình tải xuống con virus, và việc này đã biến các máy tính thành "nô lệ" có khả năng làm nổ tung cả hệ thống.

— Nhưng làm sao mà họ "dán" được con virus vào bài hát mà người ta không nhận ra? - Emma hỏi.

Pierre trả lời bằng một câu hỏi khác.

— Em biết mật ký là gì chứ?

Cái từ này gây ra hiệu ứng mong đợi. Granier mất đi vẻ giễu cợt. Emma quấn một lọn tóc quanh ngón trỏ.

— Không, thực đó.

Pierre phủi vài hạt cát trên quần jean và nói tiếp với giọng thông thái:

— Mật ký[200], lấy từ tiếng Hy Lạp *steganos* có nghĩa là bị che giấu. Trên nguyên tắc, cách thức này thì xưa như trái đất hay gần như vậy. Người Hy Lạp đã dùng nó để phát đi những tin tức bí mật. Họ cạo trọc đầu một tên nô lệ, viết cái tin đó trên hộp sọ nó, cách ly nó một thời gian đủ để cho tóc nó mọc lại, rồi gửi nó đến gặp người nhận tin. Người này chỉ việc cạo đầu tên nô lệ để đọc cái tin đó! Ngày nay, đó là một kỹ thuật cho phép ghi vào bên trong một tệp tin học những chương trình mà đại đa số người sử dụng không thể thấy được.

— Psss...

Granier huýt gió, cắt lời Pierre. Không ai đoán được gã tỏ ý khâm phục, mỉa mai hay đơn giản chỉ muốn nhắc là gã vẫn có mặt ở đây. Emma làm lơ gã và kêu lên:

— Nhưng có liên hệ gì với bài hát?

— Chính xác là giống nhau đó: các tin tặc đã giấu bên trong hai hay ba bài hát thịnh hành nhất trong mỗi nước, cái chương trình đã được mật ký trước, biến những PC thành máy tính ma quỉ.

— Làm sao anh khám phá ra chuyện này?

— Anh có trong máy tính của mình một phần mềm mật ký, nhỏ thôi, gọi là *Invisible Secrets*[201], món quà của tên bạn, một cao thủ trong giới chuyên viên lập trình. Hắn hiện nay làm giáo viên dạy Toán trong một trường trung học phổ thông ở Grenoble. Anh mở hai tệp bài hát của James Blunt, một cái do một tên bạn gửi cho, một cái thì anh tải xuống trước đó từ một trang mạng. Và anh so sánh hai cái đó. Ở bề mặt thì chúng hoàn toàn giống hệt nhau; nhưng bên dưới, cái đầu thì bình thường trong khi cái thứ hai thì chứa những vạch mã số bổ sung.

Pierre nghỉ một chút. Emma nhìn anh không rời mắt.

— Đó chính là con virus danh tiếng, cái chương trình đã phát động mọi thứ đó.

— *My God!* - Emma than trời. - Những đứa tin tặc làm được chuyện này thì không phải loại hạng nhì đâu!

— Đúng vậy. Cuộc tấn công đã được sửa soạn ít nhất từ sáu tháng trước. Em còn nhớ những trại huấn luyện của Al Qaïda[202] không? Anh chắc là chúng cũng làm như vậy trong lãnh vực tin học: chúng đào tạo những tên trẻ tuổi cuồng tín. Bọn tin tặc này chọn lựa những ca khúc được ái mộ cuồng nhiệt đương thời và cài đặt vào đó cái chương trình đã mã hóa của chúng; rồi chúng làm thế nào để những bản nhiễm virus của các ca khúc đó nổi lên đứng đầu danh sách trên các trang mạng lớn chuyên về trao đổi âm nhạc như eMule, Kazaa, v.v... Tiếp theo đó, chúng chỉ khoanh tay nhìn đám cư dân mạng tải những bản nhiễm đó xuống hàng loạt. Thế là mầm bệnh tự nó phát tán khắp nơi.

Emma chăm chú nghe Pierre nói và có vẻ quên bẵng Granier. Nàng cũng để ý, tất nhiên rồi, đến cái nhìn scanning[203] nằn nì từ cặp mắt hắn trên bộ ngực nàng, nhưng có lẽ nàng cũng ưa thích cái kiểu tán tỉnh "mộc" này. Xét cho cùng, Pierre nghĩ, nàng đã ba mươi tám tuổi rồi. Sự ngưỡng mộ kiểu này sắp sửa trở nên hiếm hoi hơn.

Anh để ý thêm một lần nữa đến các quầng thâm dưới đôi mắt và vẻ mặt mệt mỏi của nàng: cái chết của Barett đã làm nàng đau khổ, dù rằng nàng đóng vai khoác lác trước mặt mọi người.

Như thể cảm thấy những cảm xúc trái ngược nơi hai người đàn ông bên cạnh, nàng đứng dậy và đề nghị họ cùng đi ăn sáng với mình ở tiệm "La Marine" nằm tại bến cảng. Họ rời bãi biển, người này bước sau người kia theo hàng dọc.

— Anh nói tiếp chứ? - Nàng nói với Pierre nhưng không quay người lại về phía anh.

— Anh tin chắc là những tên tin tặc cũng đã làm phishing để phụ trợ thêm, Pierre trả lời phía sau lưng nàng. Nghĩa là chúng tạo ra một trang mạng giả mang danh Controlware và chúng đề nghị các xí nghiệp tải xuống các phiên bản cập nhật hóa các chương trình của Controlware do chúng làm ra. Vì tin rằng mình ở trên trang mạng chính thức của Controlware, một vài xí nghiệp trong số đó chắc đã khinh suất rơi vào cái bẫy do chúng giăng ra. Và tất nhiên là tải xuống con virus. Cái mánh này thì chạy ngon lắm rồi và...

— Chờ đã, Pierre!

Lần này thì Emma quay người lại về phía ông bạn đồng nghiệp cũ. Áo thun quàng trên vai, mảnh vải khoác ơ hờ quanh hông, mái tóc rối, nàng hiện ra với anh như thể anh chưa hề cảm nhận nàng, ít ra là giữa ban ngày. Dễ bị tổn thương. Gây xúc động. Đáng thèm muốn biết bao.

— Tất cả mấy thứ này có vẻ dàn dựng quá tốt. Anh cắt nghĩa làm sao chuyện toàn bộ Internet, chết đứng hoàn toàn ngày hôm kia đó, rồi chạy lại nhanh không kém và nhất là không có thiệt hại gì? Chẳng lẽ bọn tin tặc tung ra cuộc tấn công chỉ để phô trương sức mạnh của chúng hay sao? Thời xưa thì người ta mới làm thế, cái thời mà anh hí hoáy sửa chữa, chắp vá với đám bạn tin tặc của anh! Bây giờ, hành động tin tặc là một trọng tội hình sự. Cho nên phải có mục đích. Mục đích nào, anh có biết không?

Pierre thật tình chẳng thấy hoan hỉ chút nào khi Granier biết ra anh đã từng là một tin tặc ngày xưa, nhưng câu hỏi thì thích đáng. Emma không mất đi đầu óc nhanh nhẹn chút nào. Hồi còn làm ở Supra Data, nàng thường khéo léo cắt ngang lời trình bày của những nhà cung cấp hay ngay

cả của các đồng nghiệp bằng cách đưa vào trong câu chuyện một câu hỏi gây lúng túng, loại câu hỏi làm nổi bật lên cái khiếm khuyết trong lập luận của diễn giả. Pierre cũng tin chắc là nàng lấy làm vui thú trong việc gieo rắc sự rối loạn tinh thần nơi những người đối thoại với mình, nhất là cánh đàn ông. Ngoại trừ lần này anh có câu trả lời cho câu hỏi của nàng.

“Tiêu rồi nhé”, anh nghĩ thầm.

Nhưng anh vẫn giữ giọng nghiêm chỉnh cho phép anh chế ngự cuộc nói chuyện. Tốt hơn là để cho Granier có ít cơ hội nhất, trong chừng mực có thể, để gã khỏi nổi bật với những lời chế giễu cay độc.

— Emma, em hiểu ra rồi đó! Em chỉ đúng ngay quy mô của thảm họa.

Tầng thứ hai của tên lửa đó. Và cái này thì sẽ gây họa hơn rất nhiều.

17

Ngày trước...

Jean-Philippe Granier cư ngụ ở đại lộ de Courcelles, trong một tư dinh đối diện công viên Monceau. Đá đẽo ốp tường màu be, cửa sổ cao, vỉa hè đầy bùn đất. Một ngôi nhà Paris cổ điển mà nhìn bên ngoài thì không thấy gì phân biệt với các nhà bên cạnh. Nhưng bên trong thì làm ta nghẹn thở.

Cánh cửa ra vào, chắc ngày xưa được trang bị cho pháo đài, mở thẳng vào phòng khách kếch xù, vuông vức, cao ít nhất sáu thước. Ở cuối phòng là một lò sưởi bằng đá hoa cương hồng, chiếm cả nửa bức tường. Nhưng bọn anh đang ở ngay giữa tháng bảy, chắc cái lò sưởi bị bỏ không từ lâu. Để xây dựng cái hang ổ này, anh nhà văn chắc chắn đã cho phá đi các trần nhà để có thể kết hợp hai tầng nhà và cho treo trên trần một đèn chùm to tổ bố có dạng tam giác cân mà đáy và chiều cao chắc đo được ba thước, và những chùm pha lê kêu lách cách, lay động bởi gió lùa đến từ cánh cửa mở khi bọn anh bước vào. Những bức tranh treo trên ba bức tường thì đương đại. Phong cách của chúng thì đơn sơ, tạo sự tương phản với cái cảm tưởng đầy ứ đến từ hàng chục lá thư của các nhà văn được chưng ra dồn cục trên bức tường thứ tư, cái này sát sít cái kia, giống như ở các viện bảo tàng tỉnh lẻ ngày xưa – hay trong ngôi nhà của bác sĩ Barnes, nhà sưu tầm danh tiếng ở Philadelphia, mà em đã kéo anh đến xem một ngày nọ, em còn nhớ không? Đèn nê-ông hồng của Dan Flavin đặt bên cạnh chữ viết li ti của Zola[204], đó

là một kiểu chơi. Hay là "vô kiểu".

Không trung cổ, không "ba-rốc"[205], không thời thượng: cách trang trí như thế thì tương ứng với nhân vật này. Mọi thứ đều được tính toán một cách khéo léo để đạt tới một hỗn hợp không thể xếp hạng được, giống như chủ nhân nó.

Dĩ nhiên anh đã cho lập một phiếu số hóa về Granier, lần này thì có hình kèm theo đó. Trạc ngũ tuần nhưng trông còn trẻ, người đàn ông này có tất cả của một tay chơi văn nghệ: tóc vàng ngả sang xám, để hơi dài giống như dùi trống, nụ cười của người bị vỡ mộng và ánh mắt chán chường. Không đẹp trai đặc biệt gì lắm nhưng chắc chắn là có sức hút khêu gợi nhục dục, bởi vì những cuộc chinh phục phái đẹp của anh ta ("không cố ý", anh ta quả quyết) thì không tài nào kể cho xiết. Vì những lý do như thế này: Granier là một khuôn mặt trong các giới văn nghệ trí thức ở khu phố Saint-Germain-des-Prés. Một gã đàn ông mà *L'Express*, *Le Point*, *Marianne*, *Voici*[206] giành giật đăng các bài thời luận. Từng là "goncourable"[207] vào năm 1999 và 2002. Thường xuất hiện vào buổi sáng, khoảng 11 giờ, ngồi ở quán Café de Flore, một cuốn *La Nausée*[208] đặt trên ghế mây bên cạnh, và thỉnh thoảng viết một bài trên mục diễn đàn của *Le Monde*[209] chống các chương trình truyền hình thực tế hay là chống sự "disneyisation[210] châu Âu xưa". Một nhà văn mang trên vai (khá rộng cho việc này) di sản của Camus, Sartre, Aron, Beauvoir[211], khinh ghét Da Vinci Code[212] và Hollywood, nhưng yêu thích Castafiore[213], Bécassine[214] và rạp chiếu phim nghệ thuật duy nhất ở quận 18. Cô phụ tá của anh đã gửi cho anh qua máy Ipod một trong những bài thời luận của anh ta để anh nghe trên máy bay. Anh ta chế nhạo một chương trình truyền hình bình luận văn học được Controlware bảo trợ, và do Oprah Winfrey[215] dẫn dắt. "Như thể ở nước Pháp, ta yêu cầu Patricia Kass[216] dẫn chương trình "Ex-libris" hay "Vol de nuit"[217].

Khi anh gặp lại Kathrin ở phi trường, anh nhận ra là nàng cũng biết bằng anh về nhân vật khó đánh giá này.

— Tôi tự hỏi tại sao ông ta trả lời tin rao của chúng ta. Ông ta sở hữu một lâu đài của dòng họ ở Sologne, một biệt thự ở đảo Corse, có sách bán rất chạy, ông ta phải giàu bạc triệu đấy chứ...

Kathrin cũng đã tìm hiểu trên Internet. Trong bộ áo váy hồng nhạt – hẳn là em sẽ nói "rất Courrèges"[218] – cặp đựng hồ sơ cầm tay, nàng giống như Kim Novak[219] trong phim Vertigo[220].

— Xin chào! Trời nóng quá phải không? Báo trước với các vị, tôi không có máy lạnh. Để hành lý vào chỗ này, - Granier vừa nói vừa chỉ cho bọn anh một góc khuất ngăn cách với phòng khách lớn bằng một cái tủ đứng.

Granier không phải loại người để mất thì giờ với những công thức xã giao. Anh ta nói thêm với riêng mình nhưng nhắm vào Kathrin:

— Đây là chỗ tôi ôm hôn những người đàn bà đẹp đến thăm viếng căn hộ... khi họ yêu cầu một cách dễ thương, tất nhiên.

Kathrin bắt đầu làm duyên. Mọi đàn bà đều như thế cả! Chắc là nàng làm vậy với tất cả mọi người. Anh không ghét anh ta đâu, mà anh ghét chính nàng đó. Anh ta chỉ thử vận may thôi mà.

Chủ nhân, may quá, đã nói sang chuyện khác. Vừa đưa bọn anh về phía những chiếc ghế bành trong phòng khách, anh ta vừa kể, hai mươi năm trước, cô vợ đầu tiên của anh ta, một cựu hoa hậu Pháp gốc Antilles, đã châm lửa đốt căn hộ này và biến toàn bộ nội thất thành tro như thế nào. Một trong những bản thảo của anh ta đã thoát nạn một cách thần kỳ. Những trang giấy có viền cháy đen đó được chưng trong tủ kính từ dạo ấy.

— Tiểu thuyết đầu tay của tôi in ra mười ngàn bản, - anh ta xác định. -

Một bản văn được ban phép màu.

Anh ta mời bọn anh ngồi trên một ghế dài, rất thấp – "một cột mốc của năm 1920, gu của vợ thứ hai của tôi đó, một cô gái con nhà lành" – được bọc nhung màu đỏ tím, và tự mình phục vụ trà cho bọn anh. Rồi ngồi đối diện, trên một tràng kỷ cùng màu.

Bọn anh chỉ cần vài phút nói chuyện để hiểu tại sao người đàn ông đã có địa vị vững chắc trong giới quyền uy về văn học này lại xuất hiện. Theo bề ngoài thì giải thưởng không quan trọng đối với anh ta. Vả lại, anh ta cũng không đề cập đến nó. Sự thực là anh ta vừa cho xuất bản cuốn tiểu thuyết lịch sử đầu tiên của mình và chọn lịch sử nước Pháp làm niềm đam mê mới.

Anh vừa quan sát anh ta, vừa cố gắng tỏ ra khách quan. Anh ta có cặp mắt nhanh nhẹn và tinh khôn, những nếp nhăn xung quanh có vẻ được một nhà phẫu thuật khéo tay cấy ghép. Mũi thì to và sắc diện là của một người yêu thích cuộc sống. Khi không cười thì anh ta phùng má, như thể sắp sửa thổi bong bóng. Cái tật này chắc che giấu chuyện cai thuốc lá mới đây, nhưng nó làm nặng thêm cảm tưởng là Granier chế nhạo những gì bạn nói ra. Một cái gạt tàn để trên chiếc bàn nhỏ và căn phòng có vẻ nặng mùi thuốc lá vàng khi anh bước vào.

— Cuốn sách mới nhất của ông bán chạy chứ? - Kathrin hỏi.

Granier đã cho ra đời một tác phẩm văn học dài hơi phản ánh toàn cảnh thời đại trung cổ, "thông thái" và "rabelaisien"[221], theo lời quảng cáo. Nhưng nó là một thất bại, theo thông tin ghi trên phiếu của anh, trái với các cuốn sách trước đấy của anh ta, trong đó anh ta đã ít dụng công hơn bởi vì chỉ ghi chép lại ít hay nhiều cuộc sống của anh ta và những kẻ đồng loại. Anh ta làm như không nghe câu hỏi.

— Vậy là các bạn say mê các khu vườn ở Versailles phải không? Hãy lưu ý là họ cần những nhà tài trợ, như tòa lâu đài chẳng hạn.

Anh ta nói sang tiếng Anh, một thứ tiếng Anh sơ sài, cẩu thả, "điểm xuyết" bằng các từ Pháp. Nếu anh ta chỉ muốn người ta hiểu mình thì vừa đủ đó. Kathrin nhắc từng từ chính xác mỗi khi anh ta không tìm ra. Rõ ràng là nàng thấy anh ta hấp dẫn lắm. Phần anh thì hơi ít hơn. Trước tiên, anh ta ba hoa chích chòe những chuyện ngoài đề vô ích, và anh thì ghét mất thì giờ. Tiếp đó, anh ta nói chuyện với Kathrin thường hơn là với anh.

Dù nàng đã báo trước cho anh ta biết là nàng đi tìm những bình đồ đó là để cho anh. Nhưng anh ta không tỏ ra quan tâm đến anh. Anh ta và anh không sống trong cùng một thế giới. Không máy tính trong phòng khách, không TV màn hình phẳng. Có lẽ một Minitel trong tủ, như các tên bán báo trong nước này vẫn còn dùng cái máy đó... Trong các bài phỏng vấn của mình, Granier lặp đi lặp lại đến phát chán là giấy trắng và cây bút chứa đựng dòng chảy sáng tạo. Nếu dùng mấy cuốn sách mới của anh ta mà đánh giá thì rõ ràng là dòng chảy này hơi bị tắc.

— Như thế, thưa ông Granier, ông đã trả lời cho chúng tôi vì ông nghĩ rằng các bình đồ mà chúng tôi tìm thì có thể nằm trong căn phòng bí mật chứa đựng những tài liệu lưu trữ của các vua nước Pháp phải không?

Kathrin cuối cùng rồi cũng đi vào điểm quan trọng của vấn đề, và anh biết ơn nàng.

— Hoàn toàn thế, bà Strandberg... Kathrin.

— Ông có tin thật là nó có thật, căn phòng bí mật đó? Từ cái thời mà các nhà sử học tìm nó...

— Nếu cô tin họ đến thế, cô nàng xinh đẹp ơi, tại sao lại đến tận đây gặp tôi?

Anh ta ứng đối linh hoạt thật. Và lợi dụng chuyện này để nhìn lén người đàn bà trẻ.

— Jean-Philippe này, - anh vừa nói vừa đặt tách trà xuống, - chính tôi yêu cầu gặp ông. Ông biết đấy, tôi không có thói quen bỏ qua những chi tiết, dù vô thưởng vô phạt đến mấy. Ông không lẽ không biết là, khi ta xây dựng một chương trình tin học, chỉ một ký hiệu, chỉ một nhóm gồm 8 bít thôi, thì có thể thay đổi tất cả. Tôi cũng áp dụng sự chuẩn xác như thế trong việc tìm tòi về Versailles. Một khóm cây, một mẩu tượng có thể che giấu một sự thật to tát.

Granier nhìn sâu vào tách trà của mình. Tuy nhiên anh ta vẫn nghe anh nói. Anh ta quay ánh mắt lần đầu tiên về phía anh. Một tí ti giễu cợt. Chắc chỉ là cách thức hành xử của anh ta. Nhận hay bỏ, thì tùy thôi.

— Ông có lý, những đầu óc lớn làm việc như thế! Những khám phá to lớn thường ra đời từ những tình huống vô nghĩa. Lấy ví dụ của Fleming[222] và thuốc *pénicilline*... Lịch sử chao đảo vì những chi tiết nhỏ nhặt. Châu Âu sẽ trở thành cái gì nếu Hitler được trường Cao đẳng Mỹ thuật ở Vienne nhận vào học?

— Ở căn nguyên những số phận lớn ta thường tìm thấy những cái tình cờ nhỏ nhặt.

— Ý ông thì đúng lắm đó...

— Xin lỗi, tôi nghe chưa rõ.

— Để tôi kể ông nghe.

Anh ta cầm lại tách trà, uống một ngụm, mắt vẫn nhìn anh. Anh bắt đầu đung đưa người từ trước ra sau, tỏ vẻ nóng ruột. Granier xoay người để chỉ lối vào nhà bếp mà ta nhận thấy cái cửa sổ đóng khung giữa hai tấm màn màu lục sậm, và bộ chân của cái bàn bằng gỗ du nguyên khối.

— Ông nhìn căn phòng này đi! Khi đó là mùa hè 1975. Ông nội tôi phải cho trùng tu ngôi nhà này. Cần phải phá bỏ một vách ngăn để xây căn phòng khách lớn mà chúng ta đang ngồi đây. Tôi bỏ qua mấy chi tiết không cần thiết. Rồi dưới chân vách ngăn đó, một người thợ đã tìm thấy một cái hộp chứa hai quyển vở. Đó là *Hồi ký của nữ công tước de Cadaran*, mà những người thừa kế của bà đã sống rất lâu trong tư dinh này đây. Một tư liệu kỳ diệu! Bởi vì trong đó bà công tước kể lại hồi mạt vận của triều đình Versailles, đặc biệt là hai mươi bốn giờ cuối cùng của Louis XVI[223] và Marie-Antoinette.

— Hai cuốn vở này vẫn thuộc sở hữu của ông chứ?

Kathrin, lần này, đã tỏ ra quá hăm hở. Phần anh thì muốn biết bà công tước de Cadaran mà Granier nói đến là ai.

— Kiên nhẫn một chút, cara Catarina[224], kiên nhẫn... Tất nhiên là không rồi, các cuốn vở đó hiện nay nằm tại Viện bảo tàng Văn học ở Paris. Nhưng tôi có những phiên bản rất tốt.

— Và chúng nói gì?

— Các bạn uống xong trà đã nào, rồi tôi đưa các bạn lên trên lầu.

Nữ công tước de Cadaran, Granier giải thích, là phu nhân tùy tùng của bà hầu tước de la Tour du Pin có chồng làm thống đốc ở lâu đài Versailles. Người đàn ông này đang tại chức vào lúc vua Louis XVI phải bỏ trốn!

Chắc chắn là phương pháp của anh có khiếm khuyết. Các phiếu không nói đến niềm đam mê của Granier về lịch sử nước Pháp và còn ít hơn về sự phát hiện của anh ta: cuốn nhật ký riêng tư của một nhân chứng mục kích những giờ phút cuối của nhà vua ở Versailles, trước khi ông bắt đầu chuyến đi dài lên đoạn đầu đài... Sự phát hiện này đã gây tiếng vang, vậy mà anh không biết!

— Chúng ta đang ở vào ngày 5 tháng mười năm 1789! - Granier vừa nói, vừa mời bọn anh đi theo vào tiền sảnh chứa sách cũ chồng chất lên nhau, DVD và băng video.

Anh ta đổi giọng để bắt chước một nhà sử học danh tiếng dai dẳng đeo đuổi nghề trên truyền hình thời còn đen trắng. Anh ta bước đi trước bọn anh, thỉnh thoảng quay lại để kiểm tra xem bọn anh có đi theo không. Hiểu theo nghĩa đen lẫn nghĩa bóng.

— Marie-Antoinette có mặt ở Trianon từ hôm trước! Bà thường tới ở trong ngôi làng xưa này, nơi mà vua Louis XIV đã cho xây lâu đài Grand Trianon và vua Louis XV thì xây lâu đài Petit Trianon. Về phần bà thì có một trang trại của mình với đàn cừu, với chuồng vắt sữa. Nhà vua đến ăn chung với vợ ba lần mỗi ngày rồi trở về ngủ một mình trong lâu đài. Các bạn biết rồi đấy, cặp vợ chồng này không còn ngủ chung giường từ lâu rồi. Anh chàng đẹp trai Axel de Fersen, viên sĩ quan Thụy Điển có tinh thần hiệp sĩ đó, đã trở thành người tình của hoàng hậu. Cuộc tình của họ kéo dài nhiều năm nhưng họ chỉ ăn nằm với nhau thực sự một khi bà biết mình không thể có con được nữa. Người đàn bà Áo[225] này, các bạn thấy không, không phải vô trách nhiệm như người ta quả quyết hồi đó...

Bằng giọng nói run run, Granier đã bắt chước ông già sử gia đầy thói tật đó một cách vô ích, vì tài kể chuyện của anh ta vẫn lộ ra. Anh ta dùng thì hiện tại, như thể để làm bọn anh sống lại, kiểu truyền hình trực tiếp, những giờ chót của triều đình, những cảnh tượng hấp dẫn anh ta thấy rõ, dù anh ta chưa viết gì về đề tài này. Anh ta lên cầu thang hình xoáy trôn ốc, mỗi lần bước bốn bậc thang, không nghỉ chân. Kathrin và anh chỉ có vừa đủ thời gian để thấy bộ sưu tầm ảnh people của anh ta treo trên tường: Granier chụp chung với các cô dẫn chương trình truyền hình và các ngôi sao điện ảnh, các nhà văn, các người mẫu và ngay cả một nữ phi hành gia. Chỉ độc

với đàn bà thôi. Đứng ở đầu cầu thang, anh ta đưa ngón tay chỉ tấm ảnh chụp chung với Penelope Cruz[226].

— Ảnh chụp vào tháng năm, ngay sau liên hoan điện ảnh Cannes.

Nếu anh là người Ý thì anh ta có chỉ ảnh Ornella Muti[227] không?

— Demi[228] là một cô gái tử tế, - anh ta nói thêm, nghĩ rằng thông tin này là có ích. - Ông quen biết cô ấy không?

Anh không trả lời. Anh cũng không chắc là anh ta chờ câu trả lời.

Tên nhà văn, tiếp đó, mời bọn anh đi theo trên một cái ban công lửng nhô cao trên phòng khách lớn, nơi mà anh ta đã tiếp bọn anh. Một kiểu đường đi tuần nội gia. Cùng lúc, anh ta tiếp tục kể chuyện và làm điệu bộ. Kathrin uống lấy uống để lời lẽ của anh ta.

— Ngày hôm đó, nhà vua đi săn ở các khu rừng miệt Meudon. Ông không biết là đám dân đen đã xuống đường và tiến về Versailles, đòi bánh mì. Không có cách chi báo tin cho nhà vua! Ở Trianon, một tên thị đồng cầm thư đến gặp Marie-Antoinette: bá tước de Saint-Priest yêu cầu bà trở lại lâu đài để được an toàn hơn. Hoàng hậu chỉ kịp mặc áo khoác và đội mũ rồi đi ngay không kịp nhìn lại lần cuối cái thôn nhỏ mà bà đã sống những ngày hạnh phúc. Mưa bắt đầu trút xuống khi bà, với các thị nữ theo sau, đi xuyên qua công viên và các ngôi vườn mà bà biết từng bụi cây ngọn cỏ, từng đài nước nhưng bà sẽ không bao giờ thấy lại.

Đóng kịch giỏi quá! Bộ mặt của Granier thực sự trở nên sống động khi anh ta nói về Marie-Antoinette. Miệng nói nhanh hơn, tay điều khiển chữ nghĩa như tay một nhạc trưởng dẫn dắt dàn nhạc, anh ta quên bẵng cái mặt nạ mỉa mai của mình. Anh ta đưa bọn anh về phía một bàn giấy đầy sách và giấy tờ, dưới chân là một bức tranh được in bằng thuật in đá của Andy Warhol[229]. Trong khi diễn tả những giây phút cuối cùng của bà hoàng

hậu ở Versailles, đôi mắt Granier biểu lộ thương cảm đến độ anh suýt xin lỗi đã không làm gì giúp bà ấy. Nếu Granier có thể ở trên đường đi của chiếc xe ngựa chở người đàn bà Áo đó đến đoạn đầu đài thì chắc là anh ta sẽ lao mình vào dưới chân ngựa. Dù dùng giọng thông thái rởm và cứ thích nhìn Kathrin, cuối cùng thì anh ta cũng làm anh xúc động. Old technology[230], nhưng dễ thương.

— Và các bạn biết kết cuộc ra sao chứ? - Anh ta hăm hở nói tiếp. - Một kết cuộc khủng khiếp? Buổi hoàng hôn của nhà vua và hoàng hậu ở Versailles? Bóng của lưỡi máy chém?

Kathrin vẫn làm duyên:

— Biết thì biết nhưng chắc chắn ít hơn ông.

Granier đưa tay cầm lên một hòn đá cuội mài nhẵn đặt ở trên kệ và bắt đầu vuốt ve nó.

— Thật là thống thiết, - anh ta nói tiếp. - Lúc một giờ chiều ngày 6 tháng 10, vua Louis XVI nhìn quanh một lần nữa "ngôi nhà" của mình rồi đặt chân lên bậc cỗ xe tứ mã. Và ông đã nói với bá tước de Gouvernet câu này, nó đã đi vào hậu thế: *"Bá tước, ông tiếp tục làm chủ nơi này. Hãy ra sức cứu Versailles tội nghiệp của ta."*

Granier giữ im lặng một lát, nhăn mặt, đặt hòn đá cuội xuống mép bàn và buông ra:

— Nhưng nhà vua không chỉ nói thế đâu.

Anh ta nhướng mắt nhìn bọn anh, thở chậm lại để sửa soạn giây phút thuận lợi.

— Rồi sao nữa?

Mong sao anh ta đừng quanh co nữa! Anh ta nói chuyện như thể tán

tỉnh ai đó. Hai mươi từ, trong khi chỉ cần hai từ là có thể đủ. Và trước hết, tại sao anh ta nói đến viên bá tước de Gouvernet đó? Anh ta vừa nói với bọn anh rằng người chứng kiến cuối cùng sự có mặt của nhà vua ở Versailles là hầu tước de la Tour du Pin mà.

— Đôi khi người ta chỉ ông dưới tên "bá tước de Gouvernet", một tước hiệu ông có từ trước năm 1825, trước khi trở thành hầu tước, - Granier vừa trả lời, vừa ngồi xuống chiếc ghế cổ và mở một cái hộc lớn.

Anh ta kéo ra một hộp cạc-tông rộng và dẹt. Nó chứa những bản sao của khoảng chục tờ giấy cao độ mười lăm centimét, đầy chữ viết nghiêng và khít nhau. Anh thấy ngay là mình không hiểu gì cả: chữ viết thì không đều, nét mực đã phai và giấy thì lấm lem những vết bẩn to.

— Đây là cuốn sổ của bà công tước. Thời gian đã tàn phá nó, như các bạn có thể thấy đó. Những trang bị hư hỏng, đôi khi bị xé rách, các từ hay thậm chí cả đoạn bị biến mất, và có vài câu khó mà đọc được. Nếu không thế thì, tất nhiên, tôi đã tìm ra căn phòng bí mật đó từ lâu rồi!

Tên nhà văn đeo kính lên mắt. Cặp kính thì thanh nhã, nhưng không có lôgô. Chắc anh ta thuộc loại người đấu tranh chống lại sự chuyên chế của các nhãn hiệu. Một bức chân dung lớn màu đỏ, xanh và vàng đặt sát bàn giấy trông giống anh ta một cách lạ lùng. Nhưng anh không dám hỏi anh ta nó thật là của Andy Warhol hay là tranh mô phỏng mua trên Internet.

Anh ta xếp lại các tờ giấy và đặt chúng trước mặt bọn anh.

— Kathrin, nhìn này. Dan, xích lại gần đây. Thế đấy. Những giây phút còn quyền lực của Hoàng thượng Louis XVI...

Anh ta đứng dậy và đọc to, vẻ mặt hãnh diện như thể anh ta đọc diễn văn gia nhập Hàn lâm viện Pháp sau khi tỏ vẻ làm cao, dùng dằng không chịu vào.

Nhà vua rất cảm động nhưng cố gắng không để lộ ra gì cả. Ông chào đám đông đang hô một cách yếu xìu "Hoàng thượng vạn tuế!". Hoàng hậu có [...] nhưng thái độ trang nghiêm của bà khiến mọi người nể phục. Thái tử thì có vẻ khiếp sợ, dù những [...] (thiếu hai hàng ở đây). Hoàng hậu đã vào ngồi trong xe của mình (vẫn thiếu một đoạn dài).

Kathrin đã đọc theo bản văn bằng mắt, chỉ ra một câu quan trọng.

— Dan, nhìn này!

Vào lúc bước lên xe tứ mã, nhà vua quay sang ông de Gouvernet, đưa bàn tay cho ông ấy và [...]: "Bá tước, ông tiếp tục làm chủ nơi này. Hãy ra sức cứu Versailles tội nghiệp của tôi."

Và một câu khác, sau vài hàng bị thiếu...

Nhà vua hạ giọng nói thêm cái mệnh lệnh cũng cấp thiết như [...]: "Hãy đi đến Trianon và tự tay ông bít lại, ta xin ông, căn phòng bí mật đó." Tôi không biết cái gì (vẫn thiếu hai hàng). Viên bá tước lợi dụng tình thế lộn xộn khi mọi người ra đi để tới Trianon [...]. Bà bá tước cam đoan với tôi rằng ông bá tước chỉ cần chưa đầy một tiếng đồng hồ là đã bịt kín được lối vào dưới mặt đất [...].

Cả một tràng dài chấm dứt. Granier đặt lại tờ giấy vào trong hộp. Phòng khách lớn chìm vào im lặng. Các từ ngữ của tên nhà văn lần lượt hiện ra trong trí nhớ sống động của anh. *Căn phòng bí mật. Trianon. Cứu Versailles.* Tiếng ồn xe cộ trên đại lộ có vẻ như giảm bớt nhiều.

— Rồi sao nữa, ông Granier? Ông kết luận về chuyện này thế nào?

Tên nhà văn nhìn anh, ngạc nhiên vì câu hỏi đột ngột và mạnh bạo của anh. Trong thế giới văn chương ở Paris, người ta phân tích, người ta thảo luận, người ta quan sát. Người ta chất vấn, người ta đặt câu hỏi. Người ta không kết luận.

— Tất cả vấn đề là ở đó. Không một ai tới tận bây giờ khám phá ra căn phòng bí mật ở Trianon.

— Vì nó không có thật?

— Nó có thật chứ, tất nhiên rồi.

— Vậy thì tại sao?

— Đơn giản thôi, vì chưa ai đi tìm nó bao giờ.

http://tieulun.hopto.org

18

Granier bước vào đầu tiên trong nhà hàng-quán rượu và đi chào bà chủ cùng đám bồi bàn đang tập họp ở cuối phòng. La Marine, nơi ăn ngon nhất Arromanches, thì quá quen thuộc với hắn. Hắn chuyển tên các món mà Emma và Pierre gọi rồi nói đổng:

— Như thường lệ cho tôi, Léonie!

Bà chủ đi vài bước về phía quầy rượu dài bằng gỗ sồi, và trả lời:

— Jean-Philippe, chuyện này thì anh đòi hỏi hơi quá đấy nhé. Hôm qua nhà hàng đâu được tiếp tế. Tôi chẳng còn bơ nữa. Rồi cúp điện cả giờ rồi, không biết khi nào mới có lại. Mấy tủ đông lạnh phải chạy bằng máy phát điện riêng, nhưng tôi không biết nó còn chạy được bao lâu. Tôi còn bánh mì, nướng cho anh một ít. Anh ăn với mứt quả lý chua. Nhưng là đồ đông lạnh...

— Bánh mì đông lạnh cũng được thôi! - Granier vừa nói gắng gượng, vừa ngồi xuống bên cạnh Emma. - Không nên khó tính quá khi ngày tận thế đang đến gần...

Lần này thì Emma không mỉm cười trước câu nói mỉa mai của hắn. Và nàng không chờ thức ăn mang đến để chất vấn Pierre.

— Hồi nãy anh nói là mọi sự đều dính chùm với nhau, Internet tê liệt, rồi những tai nạn ở các nhà máy điện. Chính xác thì anh muốn nói cái gì?

— Mục đích bọn tin tặc không phải là phá hoại Internet mà tìm cách điều khiển những máy tính chiến lược trên khắp thế giới. Cuộc tấn công ngày thứ ba, ngay cả khi nó tạo ra sự rối loạn toàn cầu, chỉ là một sự đánh lạc mục tiêu.

— Đánh lạc mục tiêu?

Emma và Jean-Philippe phản ứng cùng lúc, nhưng hắn cười gượng khi nói. Pierre trả lời, mắt chỉ nhìn người đàn bà trẻ thôi:

— Rất đơn giản để hiểu, chẳng may thế đấy! Em còn nhớ cái backdoor[231] của Shadows[232] là gì chứ?

— Backdoor? Cánh cửa bí mật? Nếu em còn nhớ rõ thì đó là một loại lỗ hổng mà người ta đổ tội cho Dan đã cài vào trong hệ điều hành của anh ấy, thể theo lời yêu cầu của CIA[233]...

— Ý đồ là để CIA có thể thâm nhập, bằng *backdoor* của Shadows, vào bất cứ máy tính nào trên thế giới để lục lọi mà không cần người chủ máy tính cho phép.

— Một huyễn tưởng tập thể của các tay chuyên viên tin học, tất cả mấy thứ này, phải thế không?

— Anh cũng đã tin thế. Than ôi, không phải thế đâu! Emma này, cái backdoor, nó có thật đấy. Bọn tin tặc đã tìm ra nó.

— Pfft.

Jean-Philippe Granier lại huýt gió, như thể vỡ mộng lần này. Emma nuốt nước bọt, nhăn mặt.

— Ông không tin à? - Pierre nói tiếp. - Tôi cũng không tin, cho tới đêm hôm qua. Nhưng bây giờ chúng tôi có bằng chứng là bọn tin tặc đã tìm được cửa vào phần mềm Shadows. Và từ nay về sau, chúng có các phương

tiện để thâm nhập vào tất cả các máy tính trên thế giới được trang bị hệ thống này. Có nghĩa là, đại để khoảng 97% số lượng máy tính hiện có... Emma hiểu chứ, tất cả chúng ta đều bị lú lẫn bởi sự việc các máy chủ bị tê liệt do con virus gây ra! Nhưng đó chỉ là màn khói che mắt thôi! Con virus được dùng trước tiên là để khởi động cho các backdoors mở ra!

— Pierre, chờ chút, chậm lại nào! Có phải anh đang giải thích cho em là các tên tin tặc có những phương tiện để thâm nhập vào mọi máy tính hoạt động với phần mềm Shadows? Nhưng nếu em còn nhớ rõ thì Dan bảo với em là có ba mươi triệu hàng mật mã trong Shadows. Dĩ nhiên, các hàng này thì đầy lỗ hổng nhưng hàng trăm chuyên viên sửa chữa làm việc tận lực hàng ngày để bịt kín chúng ngay khi chúng xuất hiện mà! Em sẵn sàng tin là các tin tặc đã dò ra một cánh cửa bí mật, nhưng nếu đúng là trường hợp này thì người ta đã đóng nó lại trong vòng hai ngày rồi!

— Không phải cửa đó đâu. Chúng đã mở ra cái cửa duy nhất mà không ai có thể đóng lại, ngoại trừ chính Barett ra, chắc thế. Nhưng Barett đã...

Pierre ngưng bặt. Người đàn bà trẻ tái mặt. Nàng với tay lấy túi xách và như thể để tìm một lối thoát cho nỗi hoang mang trong đầu, lại lấy chiếc áo len màu be ra quàng quanh vai. Khi họ đi vào nhà hàng, nàng chỉ xỏ vào chiếc áo cánh phủ lên bộ áo tắm hai mảnh và Granier tỏ ra tiếc rẻ khi nhìn hai vú nàng biến mất dưới lớp áo. Pierre thì thấy Emma còn gợi tình khi có áo quần trên người hơn là khi chỉ mặc áo tắm.

— Tôi chẳng biết quái gì về tin học, - Granier lên tiếng, - nhưng mọi thứ đó có vẻ cường điệu đối với tôi; những tay tin học đã vào được các máy tính nhờ vào cái nhẫn vàng[234] danh tiếng của ông...

— Backdoor, - Pierre sửa sai.

Gã tìm ánh mắt của Emma; nàng cũng cố nhịn cười.

— *Bèque-door, yeah!* - Granier tỏ vẻ nhạo báng bằng cách bắt chước giọng các nhân vật chính trong các phim truyền hình nhiều tập của Mỹ. - Nhưng các chuyên viên Mỹ biết nó chứ không à? Họ sắp tìm ra giải pháp, nếu họ còn chưa xong! Chuyện đó cũng không trở thành một tin ngắn vào giờ chót trong bản tin vào lúc 20 giờ của Dan nữa là!

Pierre tự hỏi không biết gã có cố tình tỏ ra không hiểu không.

— Jean-Philippe, anh không có máy tính phải không?

— Làm sao anh đoán được vậy? Cũng chẳng có TV.

Lúc nào cũng tỏ vẻ chế giễu, khó chịu với cha nội này thật.

— Ông viết tiểu thuyết bằng cách nào? - Emma hỏi.

— Bằng bút máy. Các vị không lẽ tin là Tolstoï có thể viết *Chiến tranh và Hòa bình* bằng phần mềm Word được à? Và Nabokov[235] có thể gõ *Lolita* trên một trong những máy tính màu lam ngọc của các vị được sao?

Tolstoï, Nabokov. Và tại sao không Mozart hay Chagall luôn thể? Pierre muốn tiếp tục cuộc thảo luận chỉ riêng với Emma hơn. Nhưng nàng có vẻ bao dung một cách lạ lùng trước các tư thế bất thường của tên bình luận thời sự này.

— Vậy ông không thấy là bản tin lúc 20 giờ thì đầy ắp chuyện này sao?

Pierre đáp trả. Các nhà máy điện nổ tung ở Gardance hay ở Pensylvania, máy bay thì không cất cánh được nữa, điện thì bị cúp, vậy mà ông không hiểu sao? Chính là bọn tin tặc đã điều khiển từ xa mọi thứ này đó, chúng ngồi thoải mái trong ghế bành, đằng sau mấy cái mi-crô kết nối với Internet đó!

Granier giả vờ vỗ tay hoan nghênh.

— A, đời ta sẽ ra sao nếu không có mấy nhà tin học! Sức tưởng tượng của ông mạnh mẽ thật! Ta nên bày ra một "reality-show"[236] với những người như ông. Người ta để các ông trên một đảo vắng với những máy tính chứa đầy virus và với các cô gái Tahiti ngực bự. Rồi xem ai sụp tiệm trước nào.

Pierre tức phát điên, sẵn sàng ném cả ly Coca của mình vào chiếc áo sơ mi hiệu Hugo Boss của Granier, nhưng Emma làm anh nguôi ngoai.

— Pierre này, những tai nạn này cũng có thể do một loạt tình cờ nối tiếp nhau! Những vận đen là có thực mà!

— Anh cũng đã tin thế. Trước đây.

— Anh có thể nói rõ ràng cho em những kẻ đã mở được *backdoor* của Dan, chúng có thể làm gì nào? Em muốn nói, về phương diện kỹ thuật đó.

Emma, khi phát âm những từ cuối, đã dùng lại cái giọng sai khiến cộc lốc. Pierre cảm thấy gần như nhẹ cả người. Ít ra cái giọng đó cho phép tiếp tục cuộc trao đổi nghiêm chỉnh.

— Tất cả, Emma à! Chúng có thể làm TẤT CẢ. Chúng có thể xâm nhập vào trong hàng triệu trang mạng trên thế giới và dẫn dắt từ xa các máy tính, giống y chang như thể chúng ở vị trí của những người quản lý trang mạng. Chúng chỉ phải lo việc chọn lựa mục tiêu thôi! Thay đổi tên họ, giờ giấc, liều lượng, phát động các cách thức báo động, còn gì nữa thì anh làm sao biết được... Và khi công ty của Dan nhận ra chuyện này thì đã quá trễ. Chó sói đã ở trong chuồng cừu rồi.

— *My God!* - Emma kêu lên.

Nàng bây giờ hình dung ra trong đầu quy mô rộng lớn của các hậu quả. Từ lúc mà chúng có thể vào được trong các hệ thống tin học của từng xí nghiệp hay từng cơ quan, các tên tin tặc trở thành ông chủ thế giới. Chúng

có thể làm sụp đổ tùy thích các công ty kỹ nghệ lớn có tên trên danh sách của chỉ số *Dow Jones* thuộc Sàn chứng khoán New York. Đình trệ sự sản xuất dầu lửa chỗ này, gây ra các vụ tai nạn hàng không chỗ kia... và tại sao không, làm nổ tung một lò phản ứng hạt nhân hay điều khiển các tên lửa của nước Anh bay xuống thành phố Las Vegas của Mỹ. Chúng thao túng cả hành tinh. Chúng có khả năng sắp đặt bóng tối, ánh sáng, hỗn loạn hay trật tự trên hành tinh. Áp đặt trật tự của chúng. Một quyền lực mà trước chúng không ai nắm được trong tay.

Emma cố gạt bỏ một lần cuối cùng cái nhìn về viễn tượng chóng mặt này.

— Người ta có xem xét kỹ lưỡng diễn biến của các tai nạn này không? Có phải lúc nào cũng có nguồn gốc tin học sao? - Nàng hỏi, tuy thấy mình cũng chẳng tin gì là sẽ có một câu trả lời phủ nhận.

— Sự cố mỗi khi xảy ra là bắt nguồn từ hệ thống điều khiển tồi tệ do máy tính thực hiện.

— Các nhóm khủng bố rất có thể đã đưa bọn đồng lõa vào bên trong các nhà máy và đám này đã khởi động bằng tay các hệ thống điều khiển, nàng nhấn mạnh dù không tin mấy.

Pierre xóa đi những nghi hoặc cuối cùng của nàng.

— Em biết đấy, nhiều sự cố xảy ra cùng giờ...

— Các vụ mưu hại ở Luân Đôn năm 2005 cũng vậy...

— Đúng, nhưng ở đây, các cuộc tấn công đều được phát động từ xa.

— Làm sao mà anh chắc chắn được về chuyện này như thế?

Đó là cơn ác mộng. Emma từ chối hình dung ra lưỡi gươm của Damocles[237] to tổ bố treo trên đầu họ từ rày về sau.

— Emma, anh đã thấy tập tin bị rỗ đậu mùa đó. Anh đã thấy nó, được giấu kín trong các tệp nhạc của chính anh, - Pierre nhấn mạnh. - Anh chắc chắn rằng nó cũng có mặt trong các tập tin của em.

Granier im mồm từ khi Pierre gay gắt với gã, đột ngột lên tiếng với bộ mặt cuối cùng cũng tỏ ra bối rối thấy rõ.

— Nhưng ai đã lên tiếng nhận trách nhiệm về những vụ mưu hại này? Đã có thông báo chưa nào? Ông có chắc là không phải chính lãnh đạo hãng Controlware đã chỉ đạo cuộc tấn công, mục đích là lợi dụng nó để mà sau đó bán phiên bản mới của phần mềm của họ không?

Vì chung đụng quá nhiều với đám nhà báo, gã đã có được những phản xạ của họ. Pierre im miệng một lát.

— Trong chừng mực mà tôi biết, - anh trả lời, - thì không có ai lên tiếng nhận trách nhiệm cả. Chỉ có vài tin nhắn ngông nghênh hay không thể nào kiểm chứng được trên các trang mạng Internet. Nhưng chẳng có gì đáng tin cả.

Về phần cái giả thuyết mà Granier lanh lẹ tung ra – là Puttman tự mình đốt ngòi lửa – thì dứt khoát không thể có thực được.

— Và cũng chẳng có tin tức nào, chẳng có giải thích nào trên các hệ thống truyền hình lớn sao? - Tên nhà văn hỏi tiếp.

— Chẳng có gì cả. Nhưng, như ông đã nói hồi nãy, đài truyền hình...

— Tôi thấy khó tin thật. Nếu ông đã có thể hiểu...

Pierre nhếch mép mỉm cười chút xíu.

— Đúng, nếu ông muốn nói rằng tôi chắc chắn không phải là người duy nhất! Ông có lý đó, tin tức sắp sửa được đưa ra bất cứ lúc nào từ bây giờ. Chắc chỉ tính bằng giờ thôi. Nhưng ông hình dung ra quả bom chứ? Thú

nhận là những tên vô danh xa lạ, từ rày về sau, đủ sức thâm nhập nhà máy điện, nhà máy nguyên tử hay đài kiểm soát không lưu, dễ dàng như thể đi vào chỗ không người! Có chủ tịch nước nào dám đưa ra thông tin này hay ngay cả xác nhận nó? Trong vòng một phút sau đó, các sàn chứng khoán sẽ sụp đổ ngay!

Hai con ong bò vẽ đến đậu trên các miếng bánh trét mứt ăn bỏ dở. Chẳng ai buồn đuổi chúng.

— Thế nhưng, chắc là có thể làm cái gì chứ! Ví dụ như ai đó đủ sức tìm ra cái máy tính mà từ đó bọn tin tặc phát lệnh của chúng ra ngoài, đúng không nào?

Đó là lần thứ hai Granier đưa ra nhận xét đầy lương tri. Rủi thay, bọn tin tặc tất nhiên là đã sử dụng nhiều mạng. Jakarta, Hong Kong, Bucarest... đâu cũng được mà! Chỉ cần biết cái mật mã truy cập để mở ra backdoor.

Không có chọn lựa nào cả. Phương tiện duy nhất để ngăn chặn thảm họa được lập trình này là tìm ra chìa khóa bí mật của Barett. Nếu ông trùm tin học đã tạo ra một cánh cửa bí mật để mở lối vào phần mềm của chính mình, thì tất nhiên ông ta cũng tạo ra chìa khóa để đóng nó lại. Chìa khóa đó nằm ở đâu? Ông vua phần mềm này là người có tinh thần trách nhiệm, chắc chắn ông đã tiên liệu là cái chết có thể xảy ra với ông và đã gửi gắm bí mật của mình cho một người thân cận. Ai? Người cộng tác trung thành nhất ở Controlware? Một trong những người tham gia đầu tiên vào việc thành lập công ty? Amelia? Nếu một trong những người này biết cái gì đó thì đáng lẽ phương thức giải độc đã được gửi vào trong mạng rồi. Trừ phi... trừ phi người nắm thông tin này còn chưa biết cái cơ chế đã phát động thảm họa này. Đó là trường hợp của Emma cách đây vài phút thôi. Nàng là một người trên thế gian này, ngoại trừ Amelia, hiểu biết một cách sâu sắc nhất con người ông trùm tin học. Thế mà nàng lại có vẻ hầu như không biết

gì về cái *backdoor* này.

Thấy cái nhìn của Pierre về phía mình, người đàn bà Mỹ đoán được câu hỏi mà anh sắp sửa đặt ra với nàng.

— Không, Dan không bao giờ nói với tôi về cái *backdoor* đó.

— Vậy thì anh sẽ không hỏi em có biết cái chìa khóa nằm ở đâu không, tức là cái chương trình mở nó ra và đóng nó lại.

— Nếu biết thì em hẳn đã nói ra với anh ngay lập tức.

— Đó là điều vừa rồi anh muốn biết. Vì chuyện này mà anh đã đi tìm em.

Emma liếc nhìn anh, và anh cảm thấy khó mà diễn giải cái nhìn của nàng. Anh tin là mình thấy trong đó một nỗi buồn, có lẽ là một sự kêu cứu, mãnh liệt và thầm lặng. Một cái gì đó tự bên trong nàng, một lần nữa, bộc lộ ra dưới lớp vỏ tự vệ. Pierre thấy hối tiếc đã làm nàng chia sẻ gánh nặng mà nàng không thể làm nhẹ đi này. Anh suýt chút nữa đề nghị nàng tiếp tục việc tìm kiếm với anh khi một cử chỉ của Granier ngăn anh lại. Tên nhà văn vừa đặt bàn tay mình lên cẳng tay của Emma vừa nói chuyện với nàng. Và nàng cứ để gã làm thế.

Pierre đứng dậy, đẩy ghế của mình vào dưới bàn và rút ra từ túi một tờ bạc 10 euro.

— Đừng làm thế, tôi có tài khoản ở đây mà, - Granier ung dung nói.

Pierre không dùng dằng. Anh cảm ơn chiếu lệ và bước về phía cửa ra vào. Anh đi về hướng Overlord, đưa mắt nhìn đồng hồ: 9 giờ 30. Các nhóm kỹ thuật của anh chắc đã thực hiện, trong khi anh vắng mặt, những sự kiểm tra cuối cùng cho phiên họp toàn thể vào lúc 10 giờ 30. Vả lại, giờ thì anh nhớ ra, chính Emma lát nữa sẽ tường trình trước tập thể đông đảo các

business women. Hay những người còn ở lại.

Vừa bước ra cửa, anh cảm thấy một làn gió nhẹ đến từ biển vuốt ve mái tóc mình. Mặt trời còn e ấp sau mây, nhưng ngày mới này sẽ còn đẹp lắm.

Chỉ mới đi vài bước trên khu vực đậu xe của La Marine là anh quay đầu lại, như thể theo phản xạ, về phía nhà hàng. Cái mà anh thấy xuyên qua cửa lớn bằng kính đã làm anh tiêu tan ý chí.

Đến lượt mình, Emma đang chào từ biệt Granier. Và tên nhà văn đứng lên cùng lúc với nàng, vừa mới hôn nàng trên miệng. Anh thề đã thấy như thế.

http://tieulun.hopto.org

19

— Cảm ơn... Thưa quý bà, cảm ơn, cảm ơn sự chú ý của quý vị. Bà Shannon, xin cảm ơn bà. Và, cũng xin cảm ơn quý ông. Bây giờ chúng ta còn chút thời gian cho các câu hỏi. Chính các bạn... Ai đặt câu hỏi đầu tiên?

Lúc đó là 11 giờ 15. Emma vừa mới chấm dứt bài diễn văn khai mạc phiên họp toàn thể lần cuối cùng của WAC. Người dẫn dắt chương trình buổi sáng, một nhà báo nữ người Anh thành thạo trong việc này, bước xuống bệ để thu gom các câu hỏi. Người quay phim và người cầm cần micrô cùng với đèn chiếu đi theo bà một cách ngoan ngoãn trong phòng họp, giữa các bàn. Emma tự nhủ là Pierre và các kỹ thuật viên của anh chắc phải cảm thấy ít nhiều cô lập trong cái vương quốc phụ nữ này, dù người dẫn chương trình đã thêm mấy tiếng "thưa quý ông, xin cảm ơn". Họ gồm hai mươi lăm người tất cả, trong nhóm của Pierre, đó là con số anh nói với nàng. Nếu tính cả mấy tên bồi và phụ trách phòng ăn thì cũng chẳng đông lắm để đại diện phái đàn ông. Vào cuối tuần này, ở Overlord, người ta thấy như đang ở Galeries Lafayette[238] ngày đầu tiên bán đại hạ giá. Giữa đám đàn bà con gái với nhau. Vậy thì, Emma nghĩ, thỉnh thoảng có thế cũng hay đấy.

Nàng thấy ra lúc nãy người bạn đồng nghiệp cũ ở ca-bin thông dịch và đưa tay ra dấu chào. Anh đã cười chào lại. Sáng nay, khi nàng thú nhận là Dan không bao giờ nói với nàng về cái backdoor, giá trị của nàng đã bị giảm

xuống trong sự quý mến của anh. Nhưng Pierre có bao giờ quý mến nàng chút nào không? Chắc chắn là nàng không phải người đàn bà đầu tiên mà anh tằng tịu. Đối với anh, chuyện này thì chẳng có gì quan trọng và chẳng để lại hậu quả gì. Trong đầu óc anh, nàng quả là một người đàn bà "dễ dãi". Ý nghĩ này làm nàng đau. Có phải chính vì nàng không phải thế, nàng không hề "dễ dãi"? Hay có phải vì nàng nhận ra là nàng tự đánh giá theo thước đo bằng những thành kiến đàn ông, bằng cách sử dụng những lời lẽ của chính mấy "gã"?

Nàng xua đuổi ý tưởng này bằng cách nhắm mắt lại. Nàng không có khả năng trả lời câu hỏi của Pierre về cái backdoor, và điều này có những hậu quả, theo một cách khác, bi thảm hơn các trạng thái tâm hồn của nàng. *CNN* sáng nay loan tin về cuộc hỏa hoạn xảy ra trên phần lớn Central Park[239]. Lá phổi của New York đã cháy, nhất là ở phía Bắc, trong phần có cây cối, đất mấp mô, rừng nhỏ rậm rạp và trở nên dễ cháy vào mùa hè nóng và khô. Phần trung tâm của công viên mang tên Ramble, cũng bị cháy theo.

Lính chữa lửa ở New York, không đủ quân số, đuối sức sau những trận chữa lửa mấy hôm nay, đã không can thiệp kịp thời. Tổng đài điện thoại của họ, theo như tin đồn, cũng bị rối loạn chức năng. Việc liên lạc giữa các xe chữa lửa khó được kết nối. Những hình ảnh đầu tiên làm người ta lo ngại là có những thiệt hại quan trọng.

Nhưng Emma khó mà động lòng thương xót cho số phận những cây phong trong công viên. Nàng nghĩ tới Dan. Nàng được tin Dan chết vào hôm trước và trải qua một đêm để chấp nhận tin này. Nàng không chắc là mình có thể chấp nhận được. Suốt cả ngày nàng canh chừng các tin tức, hy vọng người ta cải chính. Cuối cùng thì cái thảm họa tin học, than ôi, là bằng chứng vững chắc nhất về cái chết của người bạn cũ. Dan sẽ không bao giờ để thế giới tiến đến chỗ phá sản như thế này.

Khi biết tin bạn mình qua đời, hai mươi bốn giờ trước, Emma đã tìm cách nói chuyện với Amelia, với bố mẹ của Dan, với những người bà con của chàng mà nàng quen biết: vô ích. Ngoài Brad ra, nàng không liên lạc được với ai cả từ ba ngày nay. Sự việc, theo đó nàng không thể hỏi chuyện về Dan với những người đã tháp tùng chàng trong chuyến đi hay đã thấy chàng lúc chết, cản trở nàng thực tình tin là chàng đã từ trần. Cái chết của chàng vẫn còn trừu tượng, lý thuyết giống như hồi hai người cùng đề cập đến nó, xưa kia. Nàng có lẽ cũng sẽ không có mặt ở lễ mai táng. Chẳng thể tìm được một chỗ trên máy bay; ngay cả chuyến bay khứ hồi của nàng vào ngày thứ ba tới thì cũng chưa chắc cất cánh được. Nàng bị kẹt cứng ở đây, biển cả trước mặt, rừng nhỏ sau lưng, *in the middle of nowhere*[240], như thể ngay giữa đồng không mông quạnh vậy, trong ngôi làng này, nơi mà hàng ngàn đồng bào của nàng đã bỏ mạng, sáu mươi năm trước. Đi gặp Rebecca ở Paris? Để làm gì cơ chứ? Tốt hơn là để con gái đến gặp nàng như đã hẹn, nếu con bé làm được thế, và hai mẹ con cùng chịu đựng nỗi đau một cách bình tĩnh.

Cho nên nàng sẽ không dự đám tang của Dan ngày hôm sau, và nàng không đuổi được ý nghĩ làm tim nàng thắt lại này ra khỏi đầu. Dĩ nhiên, hai người không còn gặp nhau thường xuyên nữa, và mối liên hệ của họ đã giãn ra nhiều từ khi Dan lấy vợ. Nhưng nàng nhớ rõ lời hứa với nhau, lặp đi lặp lại nhiều lần, từ những năm tháng điên rồ của họ: ai chết sau thì mỗi năm sẽ đặt lên mộ người kia một bông lúa mì (và một đồ dùng nhỏ gọn, lạ mắt mới nhất của Apple, nàng bao giờ cũng nói giỡn). Nhưng tất cả mấy chuyện đó chỉ là một trò chơi. Dan không thể biến mất như vậy được. Làm sao để tang khi mà ta không nói được lời từ biệt?

— Tôi thấy là có nhiều câu hỏi đặt ra cho *keynote speaker*[241] của chúng ta, bà nhà báo nói tiếp bằng tiếng Pháp.

Nhiệt tình trong giọng nói của bà thì giả tạo. Người ta cảm thấy bà tỏ ra

nhẹ nhõm khi thấy các cánh tay đưa lên.

Chủ đề bài nói chuyện của Emma là một ý tưởng cực kỳ cổ điển: *People in power: male or female, does it make a difference*[242]? Nàng soạn thêm cái phụ đề khiêu khích hơn: "Có phải phụ nữ lãnh đạo giỏi hơn đàn ông?" Cho tới nay, cái mánh này luôn tạo ra hiệu ứng mong đợi. Nhưng sáng nay nàng thấy nó có vẻ phù phiếm, ngay cả trước một cử tọa thuận tình.

Người đàn bà Mỹ này luôn luôn bàn luận đề tài của mình một cách trung hòa nhất có thể được: bằng cách đưa ra các con số thống kê. Vài con số được lấy từ các nghiên cứu chưa phổ biến, những con số khác thì từ các báo cáo cũ hơn nhưng tới lúc đó còn quá đơn lẻ để trở thành có thể tin được. Từ nay về sau, như bà nhà báo nhấn mạnh trong lời giới thiệu, "mấy thứ đó đã thành cả khối".

— Các con số thì không thể chối cãi, nàng mạnh miệng tuyên bố. Trước hết, hỗn hợp đàn ông, đàn bà thì có lợi cho công ty: những công ty nào có ít nhất một phụ nữ trong hội đồng quản trị thì đạt được kết quả tốt hơn những công ty không có. Tiếp đó, những xí nghiệp do các *pédégères*[243] lãnh đạo, ở Mỹ cũng như ở Pháp – hai nước quan tâm đến chủ đề này – thì có lời hơn và lớn lên nhanh hơn những xí nghiệp do các *pédégés* điều khiển.

Emma cảm thấy bó buộc phải nén bớt việc trình bày có mùi "thành công rực rỡ" này. Vì sự lương thiện trí thức, tất nhiên rồi, nhưng cũng vì Pierre, dù nàng thực sự không thừa nhận như thế. Sự hiện diện của anh, đằng kia, gần các cô thông dịch, làm nàng xáo động tâm trí lúc nàng bắt đầu phát biểu. Nàng nhớ lại các cuộc thảo luận giữa hai người, ở Supra Data, về "thói thiên vị" mà cánh đàn bà được hưởng. Vào thời đó, người ta chưa nói đến khái niệm "phân biệt tích cực". Giờ thì Pierre chắc phải buông lời nguyền rủa khi nghe nàng nói.

Về cơ bản, dĩ nhiên, luận điểm của Emma thì đúng đắn. Trước tiên nàng

chỉ ra là có mối liên hệ giữa giới tính của nhà lãnh đạo và các kết quả của công ty ông (bà) ấy, nhưng ta không nên lẫn lộn sự tương giao với tính nhân quả: các xí nghiệp ăn nên làm ra nhất thì rõ ràng được điều khiển bởi các phụ nữ, nhưng không nhất thiết bởi vì chúng được điều khiển bởi nữ giới mà chúng ăn nên làm ra nhất. Ví dụ như, phụ nữ thì có thể thích hoạt động trong khu vực dịch vụ hơn, nó thường là có lời hơn khu vực công nghiệp; cho nên, một cách tự nhiên họ đứng đầu các công ty có sức cạnh tranh hơn. Emma cũng giải thích là các phụ nữ đạt tới trình độ này thường đã được chọn lựa quá gắt gao: bằng cấp, tuổi tác hay kinh nghiệm, tất cả bằng nhau, nhưng một hội đồng quản trị hay người phụ trách việc săn tìm nhân viên lãnh đạo cho xí nghiệp bao giờ cũng chọn đàn ông hơn là đàn bà. Một sự chọn lựa ít mạo hiểm hơn. Như vậy, các ứng viên nữ được chọn phải thực sự giỏi hơn các ứng viên nam.

— Tóm lại, - nàng kết luận, - ta không thể – hay chưa thể – nói rằng, trong tuyệt đối, phụ nữ là những người lãnh đạo giỏi nhất. Nhưng ta có thể nói rằng những phụ nữ hiện nay đạt tới các vị trí lãnh đạo này là giỏi hơn mức trung bình của nam giới.

Emma đã khởi đầu câu chuyện này bằng cách nói đến trường hợp cá biệt của những xí nghiệp có hơn năm trăm người: được các phụ nữ lãnh đạo, chúng luôn luôn đạt lợi nhuận cao hơn, nhưng tỉ số phát triển của chúng thì yếu hơn các xí nghiệp tương tự sống dưới quyền nam giới. Như thể các phụ nữ lãnh đạo, từ một ngưỡng nào đó, có vẻ rụt rè hơn các đồng nhiệm phái nam. Thay cho sự bay bổng cuối cùng, Emma phác thảo một giải thích tâm lý: bản năng sinh tồn đối chọi với ý chí quyền lực. Trên nguyên tắc, đỉnh điểm này hoàn thiện việc chinh phục cử tọa. Nàng đã nhận thấy như thế vào mùa xuân vừa qua, ở Stanford, trong buổi lễ trao bằng đại học cho sinh viên, nơi mà nàng đã có dịp hiệu chỉnh bài nói chuyện của mình.

Nhưng sáng nay, ngay khi bắt đầu nói, nàng đã thấy rõ là công chúng ngồi nghe, giống như nàng, họ để đầu óc đâu đâu. Đứng sau cái bàn mặt nghiêng, cao, trong suốt, dành cho diễn giả, nàng nhận ra một tỉ lệ bất thường của những ánh mắt nhìn thoáng qua. Một số bà ngồi lật từng trang *Ouest France*, tờ nhật báo duy nhất có sẵn trong khách sạn, một số khác bấm số trên điện thoại di động một cách căng thẳng để gửi đi các tin nhắn. Họ có vẻ lạc lõng trong phòng họp rộng lớn có sức chứa đến ba trăm người.

Ngày hôm trước, hơn một nửa nữ đại biểu đã rời Arromanches, nhất là các người Pháp đã đến đây từ Paris bằng xe hơi. Vả lại, Julia Epcot và Christelle Loric, hai người tổ chức của WAC, đã rất lưỡng lự có nên hủy bỏ ngày đại hội cuối cùng và buổi tiệc tối chiêu đãi nhân dịp đại hội không, nhưng sau một cuộc thảo luận rất lâu với ủy ban chấp hành, tối hôm trước, hai bà quyết định tiếp tục, theo truyền thống lớn của chủ nghĩa thực chứng Mỹ.

The show must go on, Emma vừa tự nhủ, vừa tự hỏi mình còn làm gì ở đây. Cuộc trình diễn phải tiếp tục, như ngày trước, ở Thế vận hội Atlanta[244]. "Không có chuyện chịu thua nỗi kinh hoàng"; "Câu trả lời hay nhất trước bọn khủng bố là tỏ ra ta không khiếp sợ"; "Nền dân chủ thì mạnh hơn những kẻ thù của nền dân chủ", v.v... Emma đã nghe hàng trăm lần các lời hô hào quần chúng này từ ngày 11 tháng 9. Hơn nữa, nàng đồng tình với triết lý mà chúng chuyển tải. Cho tới ngày này...

Nàng không thể cưỡng được. Hình ảnh Dan cứ trở lại không ngừng trong tâm trí nàng. Một loạt mưu hại ngày hôm trước, tình trạng hỗn loạn ở khách sạn, cái chết của cô quản đốc bảo tàng người Thụy Điển, và nhất là những điều mà Pierre tiết lộ, làm lu mờ hình ảnh đó lúc này, lúc nọ, nhưng nàng không ngừng nghĩ đến nó: Dan, chết rồi. *Game over*[245], như chàng nói, một cách cay độc.

Sàn NASDAQ[246] than khóc nhà doanh nghiệp phi thường nhất mà nó biết cho tới bây giờ. Ở châu Phi, ở châu Á, khắp nơi, các bài điếu văn nhiều như lá rụng tiếc thương nhà hảo tâm hào phóng nhất mà thế gian mang lại. Thông qua quỹ từ thiện của mình, Dan đã làm hơn tất cả các chính phủ gộp lại để xóa đói giảm nghèo.

Về phần mình, Emma thương khóc, không lệ rơi, một người đàn ông giống như bao người khác. Người đàn ông đôi khi làm nàng thất vọng, tất nhiên rồi, nhưng với chàng nàng đã chia sẻ các cuộc nói chuyện sâu sắc nhất và các cuộc tranh luận cách mạng nhất. Hai người đã thảo luận cùng nhau bao nhiêu giờ, bao nhiêu ngày rồi? Về đủ thứ chuyện, từ những điều nhỏ nhặt vớ vẩn cho đến những được mất lớn lao, nhưng cũng nói về, sớm trước giờ, cuộc cách mạng Internet, hiện tượng toàn cầu hóa, việc nhân giống vô tính con người. Khi chỉ có hai người với nhau, họ chỉ làm một việc là nói chuyện. Trong xe hơi, trên máy bay, ngoài bãi biển, trên các đỉnh núi... cũng như ở trên giường nữa, ngày xưa. Khi nàng mang theo một tờ báo, chàng nói với nàng: "Em sợ sẽ buồn chán với anh à?" Chuyện đó làm cả hai bật cười. Không bao giờ họ thấy chán nhau.

Dan chết rồi. Ngay ý nghĩ này cũng không thể tưởng tượng được.

Khi cảm giác sửng sốt lùi xa trong một chốc lát, chủ nghĩa thực dụng tự nhiên của Emma đẩy mạnh các ý tưởng của nàng về phía Dan: có phải chàng đã nghĩ ra, như Pierre nghĩ, một chìa khóa để đóng lại cái *backdoor* danh tiếng đó của Shadows, và, nếu quả vậy, chàng đã có thể trao nó cho ai? Nàng giận mình đã không bao giờ nói chuyện này với chàng. Ước gì nàng có ích cho chàng lần chót, chứng tỏ với chàng là nàng vẫn ở bên cạnh chàng, xa hơn cái chết. Tặng cho thế gian cái bằng chứng cuối cùng của tình bạn. Nối tiếp Dan.

Bây giờ Emma chỉ muốn rời khỏi bục giảng cho nhanh. Các câu hỏi của

cử tọa không lý thú gì lắm. Chúng chỉ buộc nàng lặp lại một cách khác nhau những gì nàng đã nói rồi. Nàng thấy là đàn bà khi nói thường chú ý đến họ quá nhiều. Và nàng phải giữ sự tập trung để hiểu hàng loạt liên tiếp các giọng phát âm đến từ châu Phi, Nam Mỹ, Nga, Tàu.

Một phụ nữ châu Âu tóc hung ở hàng ghế thứ hai đứng lên:

— Cho phép tôi đưa ra một nhận xét.

"Shit",[247] Emma chửi thề trong bụng. Lại một con mụ muốn kể chuyện đời mình đấy."

Chưa gì hết mà bà ta đã chụp lấy mi-crô của người dẫn dắt cuộc họp và mở miệng ngay:

— Thưa bà Shannon, tôi đã nghe chăm chú những gì bà nói. Sự phân tích của bà thì đúng đắn, nhưng cho phép tôi kể ra đây một giai thoại riêng tư có liên hệ hoàn toàn với...

Rồi một cuộc độc thoại bắt đầu như thế đó. May thay là bà dẫn dắt đã quá quen với loại "diễn văn" này nên bà cắt ngang bà đại biểu, người mà bà đã trao mi-crô trước đó:

— Thưa bà, tôi có thể yêu cầu bà đi thẳng vào câu hỏi không?

Nhưng bà kia vẫn không tỏ ra bối rối chút nào.

— Vấn đề thực sự, thưa bà Shannon, đàng sau việc khảo sát tình hình của bà là để biết, liệu tâm lý học hành vi thì thích đáng hơn phân tâm học để giải thích...

Emma, mất kiên nhẫn, nhịp chân dưới bàn. Nàng biết nằm lòng loại ý đồ này, tiêu biểu cho kiểu người tìm cách làm mình nổi bật hơn là đón nhận câu trả lời. Nàng thoát ra bằng cách dùng mẹo của các diễn giả lão luyện: trả lời bằng cách lặp lại câu hỏi dưới một hình thức khác.

Kỹ thuật này gây ra hiệu ứng thường thấy và không một câu hỏi nào khác được đưa ra. Bà dẫn dắt cuộc họp nói lời cảm ơn cử tọa và thông báo những sự thay đổi trong chương trình ngày cuối. Nhiều workshops phải bị hủy hay nhập chung lại. Emma không chờ đến khi chấm dứt thông báo mà bước ngay xuống bục giảng để gặp Valérie đã ra dấu mời nàng đi theo mình. Cô nàng trông khỏe khoắn thật, Emma tự nhủ. Và tóc tai coi bộ chải đẹp hơn tối hôm nọ ở tiệm ăn.

Emma vừa mới nối gót cô bạn thì một người đàn ông tiến lại gần họ. Ông ta nhỏ con, râu mọc lởm chởm, mặc áo veste đen đã cũ ngoài áo thun trắng. Tất cả tạo cho ông ta vẻ thoải mái giả tạo. Chắc chắn là một nhà báo rồi, Emma tự nhủ. Ông ta nói với nàng bằng tiếng Pháp, giọng cao.

— Chào bà Shannon. Tên tôi là François Flavia, tôi là phóng viên của tuần báo *Pháp ngữ Le Temps.*

"Mình đoán đúng quá", Emma nghĩ.

Ông nhà báo nói tiếp:

— Tôi sửa soạn viết một bài báo về Controlware. Từ khi tin Barett qua đời được loan ra, cổ phiếu của hãng bị tụt xuống hoàn toàn. Tôi muốn hỏi bà nghĩ sao về tương lai của hãng.

"Dan"... "chết"... "Controlware"... Ba từ này đủ khơi dậy nơi nàng cái cảm xúc rối loạn sâu sắc mà nàng cảm nhận khi nãy. Nàng tự trấn tĩnh.

— *I don't want to comment on that,*[248] - nàng trả lời, không cười.

"Miễn bình luận".

Ngạc nhiên bởi cái giọng lạnh lùng, ông nhà báo tỏ ra chưng hửng. Emma lợi dụng ngay khoảnh khắc này để quay đi, cầm tay Valérie và kéo cô đi nhanh về phía cửa ra. Đó là một đề tài gây khó chịu cho nàng, nhưng độc

lập với nỗi khó chịu này, nàng chẳng muốn trả lời các câu hỏi loại này chút nào, và đối với loại nhà báo như thế thì nàng càng ít muốn trả lời hơn. Tình hình ở Controlware không được sáng sủa cho lắm. Và việc này xảy ra rất lâu trước các thảm họa ngày hôm nay. Dĩ nhiên, đối với những nhà quan sát thông thường, xí nghiệp do Barett sáng lập hai mươi năm trước bao giờ cũng là con rắn bảy đầu[249] phát đạt và thích thống trị, kiểm soát 97% số lượng máy vi tính trên thế giới. Nhưng những ai hiểu biết xí nghiệp từ bên trong thì đều biết là bộ áo giáp đã rạn nứt. Trong tất cả các thị trường áp dụng phần mềm – điện thoại di động, trò chơi điện tử, ti-vi – Controlware đã bị các đối thủ qua mặt. Từ hai hay ba năm nay, các cán bộ trình độ cao đã bỏ đi để đầu quân cho Google, viên ngọc mới nhất của *Wall Street*[250], và như Barett nói, "Vào lúc này, Google có căn-tin ngon nhất và các phòng tập thể dục tốt nhất". Rồi sau lưng Google là các viên ngọc nhỏ khác của ngành tin học thu hút người trẻ tuổi cực kỳ xuất sắc từ Controlware đến. Trên blog của các nhân viên, người ta bắt đầu đọc thấy những lời phê phán, nặc danh nhưng kịch liệt, nhắm đến Bernie Puttman, chủ tịch kiêm tổng giám đốc của Controlware.

Bernie là một trong những người đồng sáng lập xí nghiệp. Ông đã trợ thủ cho Dan, giữ chức vụ giám đốc thương mại trong rất nhiều năm, cho tới khi Barett rút lui như dự kiến, chỉ giữ lại vai trò *chief software engineer*[251], một chức danh hầu như chẳng nói lên điều gì, nhưng nó phù hợp với chức năng mà chàng mơ tưởng: dùng thời gian của mình để suy nghĩ về các phần mềm trong tương lai. Lúc đó, tất cả việc quản lý hoạt động của tập đoàn được giao phó cho ông Puttman trung thành, một con người độc đoán nhưng xuất sắc, nổi tiếng với những cơn nổi giận dữ dội. Ví dụ như mới cách đây vài tuần, Puttman đã ném ghế trong phòng khi Eang Vong, một trong những nhà nghiên cứu giỏi nhất của ông, chuyên gia về kỹ thuật nhận ra giọng nói, báo tin từ chức.

Ông Puttman này nóng nảy thật, và không phải lúc nào cũng thực tâm, nhưng từ chuyện đó cho đến việc ông ta tự mình chỉ huy vụ đánh cướp phần mềm Shadows, là cả một vực thẳm ở giữa. Có thể nào ông ta điên rồ tới mức hy vọng bán được các phần mềm mới sau đó? Và như thế trở nên có thế lực hơn cả Barett lúc sinh thời sao? Giống như một tên lính chữa lửa châm đốt ngọn đồi để sau đó được mọi người coi như là cứu tinh của thành phố sao? Không, mánh khóe này thô thiển quá đi, khó mà tin được.

Ông nhà báo chắc chắn là không đề cập đến các câu hỏi này, nhưng dù sao đi nữa Emma chẳng muốn để mình bị luộc chút nào. Thêm vào đó, ông này là người Pháp, vậy thì, từ định nghĩa, đã có ác cảm với Controlware. Nàng lại nghĩ tới lá thư điện tử mà nàng tìm thấy trong máy tính của mình, đêm qua, do chính Bernie Puttman ký, và được gửi từ địa chỉ riêng của ông. Tiêu biểu cho phong cách của nhân vật. Ba từ: *Call me. Asap*[252]. Gọi cho tôi sớm nhất có thể. Nàng đã gọi cho ông, lúc đã khuya. Bernie tỏ ra cứng nhắc. Không một lời về Dan, về nỗi đau của nàng hay ngay cả nỗi đau mà ông được cho là có thể cảm thấy. Ông thừa nhận là Pierre đã đoán trúng đối với backdoor, và nàng thấy hãnh diện một cách mơ hồ. Các kỹ sư của Controlware, cả năm chục người đã dồn sức tìm ra cái bug, cũng không hơn gì Pierre, tức là không có giải pháp nào để giải quyết nó. Lỗ hổng trong Shadows đã được nhận dạng, nhưng chẳng ai có thể bịt kín nó lại! Emma nghiền ngẫm suốt đêm cuộc nói chuyện với Bernie.

— Emma, tôi không thể hình dung được là Dan, lúc nào cũng thận trọng, lại không để đâu đó cái mật mã của backdoor. Bọn tôi đã lục lọi khắp nơi, ở văn phòng, ở nhà lão. Đã rút xương cái ổ cứng của lão. Amelia thì không biết gì cả. Tôi thực tình nghĩ là cô... Shannon, cô phải nói hết cho tôi!

— Bernie, thật là kỳ cục. Anh sắp bày đặt ra cái gì vậy? Tại sao là tôi chứ? Làm sao mà anh muốn là tôi biết chuyện đó hơn anh? Chính anh là người

cộng tác thân thiết của anh ấy cơ mà! Chính anh là người mà anh ấy phải để lại chìa khóa *backdoor* chứ!

— Nghe này, Shannon! Mọi người đều biết là lão đã gọi điện cho cô để hỏi ý cô trước khi lấy Amelia làm vợ! Chỉ có cô lão mới có thể giao chìa khóa.

— Bernie, bộ anh khùng rồi hả?! Anh ấy không bao giờ nói với tôi về mật mã của cái cửa bí mật đó cả! Nếu tôi biết nó thì tôi đã gọi cho anh rồi, thôi nào!

— Tôi hy vọng là cô nói sự thật, nhưng tôi, ngày mai, tôi phải để cho mười lăm gã của CIA đổ bộ xuống đây để lục tung tất cả và cố tìm cho ra cái miếng vá khốn kiếp này. Tất cả những gì tôi biết, là mọi người được lợi nếu chịu khó cất đít đi tìm! Vì, điểm 1, mỗi phút qua đi là bọn khủng bố có thể hành động. Và, điểm 2, mỗi phút qua đi là cổ phiếu Controlware sứt đầu bể trán ở *Wall Street.* Chấm gạch.

"Điểm 1." "Điểm 2." "Chấm gạch." Đó là ngôn ngữ của Bernie. Với ông, các buổi họp không bao giờ kéo dài vô tận. Các cuộc nói chuyện để cho thôi việc cũng vậy.

— Bernie, bình tĩnh lại nào! Cái mảnh vá đó, chính xác thì nó giống cái gì, anh có thể nói cho tôi nghe không?

— Giống mấy hàng mật mã khốn kiếp đó, tất nhiên rồi!

— Có nghĩa là các hàng này có thể được giấu kín bất cứ...

— Bất cứ chỗ nào, đúng đó Emma, dĩ nhiên là thế rồi. Bất cứ chỗ nào!

— Tại sao không ở trong máy vi tính bỏ túi của anh ấy? Dan ghi chép mọi thứ trên máy tính.

— Chính chỗ đó bọn tôi đi tìm đầu tiên, hẳn thế rồi. Bọn tôi cũng sục

sạo máy tính để bàn của lão, và cả laptop ở nhà lão nữa. Bộ cô không tin à? Nhưng nó có thể ở bất cứ đâu... Lão ấy có thể để trên mảnh Post-it[253] hay trong hộp bơ đậu phụng khốn kiếp! Hay đằng sau một trong những bức tranh khốn kiếp của lão! Đồ ngu quá đi, nhưng đồ ngu quá đi!

Những lời lẽ thô lỗ của Bernie còn kêu vang trong đầu Emma. Nếu chính ông ta là tin tặc thì đúng là diễn kịch giỏi. Cùng lúc nàng thấy khó tin là Dan không để lại mật mã cho chính ông ta. Và, nếu đúng thế thì Dan có thể thiếu tin cậy ông ta.

Nàng đi xuyên qua sảnh khách sạn cùng với Valérie bên cạnh, không chậm bước.

— Mình xuống bãi biển trước khi ăn trưa, được không? - Emma đề nghị, nhưng thật sự không để cho cô bạn được lựa chọn.

Valérie thấy rõ Emma đang để đầu óc đâu đâu. Trong buổi hội nghị, nàng đã thấy vẻ mặt mệt mỏi, lớp kem nền dùng quá nhiều để che giấu những giờ Emma thiếu ngủ.

— Các bạn có gì mới về chuyện ám sát cô quản đốc bảo tàng Thụy Điển không? - Emma hỏi khi bước qua cánh cửa quay của khách sạn. - Mình nhớ lại trong dịp nào mà mình nghe nói đến cô ấy: cô đã giúp Dan trong việc nghiên cứu, tìm kiếm về Versailles cách đây hai hay ba năm. Cậu không thể hình dung được anh ấy say mê vua Louis XIV đến chừng nào. Một nỗi ám ảnh đó.

— Dù sao cũng lạ lùng là cả hai đều là nạn nhân của mélatonine. Họ có còn gặp nhau không?

— Trên nguyên tắc thì không, cuộc tìm kiếm đã chấm dứt, - Emma nhíu mày trả lời.

Nàng không bao giờ đặt câu hỏi này ra cả.

— Nhưng về việc điều tra, cậu biết chứ? Có gì mới không?

— Chẳng có gì, theo mình biết. Công an tin chắc là không có liên hệ gì giữa thuốc *mélatonine* mà Kathrin đã uống với sự hành hạ mà cô ấy...

— Thôi đi, mình xin cậu. Kinh khủng quá! Mình không thể nào tin được là người ta có thể độc ác đến thế.

— Cậu biết đấy, thời buổi này người ta mang những hoang tưởng kỳ dị trong đầu! Tất cả mấy thứ truyện giật gân đẫm máu, phim ảnh bạo lực, đều mang đến cho người ta ý này, ý nọ. Này, cậu cũng biết chuyện gì xảy ra cho một bà ở miền Nam nước Pháp chứ?

— Không, - Emma lơ đãng trả lời và nghe tiếng bước chân đến gần.

— Tàn ác ghê lắm, mình vừa đọc lúc nãy trên *Ouest France.* Một góa phụ khoảng sáu mươi tuổi, sống bình lặng ở Aixen-Provence, trước đây dạy học, mình nghĩ thế. Một băng du đãng đã tra tấn bà cho đến chết ngay trong vườn bà ấy: chúng đã cột hai cánh tay treo bà lên một cây sồi lớn và nướng bà trên cái lò nướng ngoài trời của bà, rồi quấn xác trong lưới đánh cá và kéo lê xung quanh nhà trước khi...

— Ngừng đi! Thôi mà Valérie, mình xin cậu.

Emma tự hỏi không biết Valérie, một phụ nữ nghiêm túc và biết điều, có thể tìm thấy thú vui gì khi đọc mấy thứ tin vặt đó. Nhưng nàng không có thì giờ để đặt câu hỏi. Vào lúc hai người đến bãi đậu xe nhìn ra biển thì tên nhà báo đã đi theo cách vài thước phía sau, giờ tiến lên ngang hàng.

Emma không quay nhìn, vẫn bước nhanh về phía bãi biển. Valérie quay sang tên khách không mời.

— Ông Flavia, nghe này, ông không thể để chúng tôi yên được sao? Ông thấy rõ là bà Shannon đang mệt mà!

Flavia bỏ cuộc, khiến hai người ngạc nhiên không ít.

— Emma này, dù sao cậu nên lưu ý nghe. Mình biết tên nhà báo này, thỉnh thoảng hắn viết cho tuần báo *L'Express.* Hay cho nhật báo *Libération*, mình không nhớ nữa. Dù gì đi nữa, hắn có ảnh hưởng đấy.

— Mình bất cần. Đây là không phải lúc. Dù gì thì mình cũng bất cần hắn ta. Mình nhắc cho cậu nhớ là báo chí Pháp hiện nay chỉ là 1% báo chí thế giới. Đáng buồn cho báo chí Pháp lắm đó.

Valérie hơi bị sốc trong giây lát bởi tính thực tế của Emma cũng như giọng điệu nàng, nó không chấp nhận câu đáp trả. "Trong các ban giám đốc, cánh đàn ông chắc phải luống cuống trước nàng", Valérie tự nhủ, thấy ngưỡng mộ tài sức cô bạn học cũ ở trường Sciences-Po biết đối đầu với đám mày râu. Ngay từ thời ở Paris, rồi trong những nhóm làm việc chung mà hai người tham gia, Valérie cảm thấy mặc cảm trước khả năng quyến rũ của cô bạn mình, một sự hấp dẫn nghịch lý. Đẹp, xuất sắc, khó tính, Emma cũng biết nhiều phen tỏ ra rắn rỏi như đàn ông. Có phải là bộ mặt bên ngoài không? Là chiến thuật tự bảo vệ đơn giản nhưng cần thiết để vượt qua trở ngại mà leo lên hàng cao nhất không? Hay là phản xạ bẩm sinh?

Hàng loạt xe bóp kèn cắt ngang dòng suy nghĩ của Valérie. Vài chục người lái bị kẹt cứng trong bãi đậu xe nằm đối diện viện bảo tàng Cuộc đổ bộ. Các con đường nhỏ xung quanh cũng bị tắc nghẽn. Emma và Valérie băng ngang bãi đậu xe để ra bãi biển. Bất thình lình một chiếc xe mô tô lớn đang tìm lối chạy giữa đám xe cộ, đâm thẳng vào hai người. Người lái không chạy nhanh, nhưng do tập trung vào việc lạng lách giữa các xe hơi, nên đã không thấy họ. Emma có phản xạ tránh nhanh được. Nhưng Valérie, bước đi trước nàng, bị tay lái đụng phải. Nàng lảo đảo rồi ngã xuống mặt đường, vai phải đập xuống vỉa hè.

http://tieulun.hopto.org

— Ê! Làm gì vậy, đứng lại! Dừng lại! - Emma la lên.

Tên lái mô tô thắng gấp rồi dựng xe lên. Hắn quay lại về phía hai người đàn bà, tay gỡ mũ bảo hiểm ra khỏi đầu. Hắn cúi người xuống và giúp Valérie đứng lên.

— Có sao không? Thưa bà, tôi rất tiếc, tôi không thấy bà, - hắn nói, điềm tĩnh và lễ phép.

— Chắc sẽ không sao.

Valérie vừa đi vài bước, vừa xoa bóp một bên hông, Emma và tên lái mô tô đi kèm bên cạnh.

— Được rồi. Cảm ơn.

— Xin bà tha lỗi, tôi bị mệt nhiều. Tôi lái xe cả bốn tiếng đồng hồ. Tôi đến từ Paris. Dưới đó hỗn loạn vô cùng, các cửa ngõ vào thành phố đều bị tắc nghẽn. Người ta kẹt cả ba giờ trong đường hầm Saint-Cloud. Cuối cùng, tôi qua được vì là xe mô tô. Nhưng, đến gần Caen thì con đường cao tốc ngoại vi bị chặn lại. Cái xa lộ bốn làn xe đi Bayeux cũng thế. Cho nên mọi người đành phải dồn vào một con đường nhỏ trong tỉnh.

— Nhưng đã xảy ra chuyện gì vậy? - Emma hỏi.

— Có một đoàn xe tải làm tắc nghẽn xa lộ. Dù sao đi nữa, đó là chuyện họ nói trên đài France-Info. Hai xe tải đại bự chứa đầy plutonium. Đến từ La Hague, tất nhiên rồi. Có vẻ như chúng húc vào nhau trên cái cầu cạn ở Calix. Ngay lập tức cảnh sát chặn lại đường cao tốc ngoại vi và một phần xa lộ bốn làn xe đến từ Bayeux. Cảnh sát cũng quả quyết là không có gì nguy hại. Nhưng ở ngay dưới cầu cạn thì có những thùng chứa cácbua hydrô và bãi đỗ của xe xi-tẹc chở chất đốt! Nếu một công-te-nơ đựng *plutonium* rớt xuống đó thì cả vùng này sẽ nổ tung!

http://tieulun.hopto.org

20

Ngày trước...

Lâu đài Versailles luôn là một cái thùng không đáy. Hút tiền liên tục từ ngân khố quốc gia. Dưới thời vua Louis XIV, Colbert[254] mất ăn mất ngủ vì nó. Ngày nay, các quản đốc bảo tàng săn tìm một nhà tài trợ nghệ thuật nhằm trùng tu cái trần nhà, tái thiết một khóm cây, mua lại một món đồ gỗ như tủ hay bàn... Nói cho gọn, để người ta thuận tình cho anh sục sạo lâu đài Grand Trianon, anh biết là vô ích nếu đi qua con đường chính thức. Chỉ cần một hành động cao thượng trong việc tài trợ nghệ thuật, một cử chỉ đập vào mắt là đủ.

Vì vậy anh đã liên lạc với Claverie. Anh thấy có cảm tình với anh ta từ khi được anh ta hướng tới Stockholm. Anh biết là đề nghị của anh sẽ làm lợi cho sự thăng tiến nghề nghiệp của anh ta. Anh đi thẳng vào mục tiêu.

— Tôi sẵn sàng bỏ ra một triệu đô-la để trùng tu các khóm cây. Nhưng với một điều kiện: người ta để tôi trải qua bốn mươi tám giờ trong điện Grand Trianon mà không bị quấy rầy.

Ở đầu dây bên kia, ngài viên chức cao cấp nhận cú sốc. Phản ứng thông thường trong giới văn hóa ở Pháp. Ngay khi ta mở miệng nói chuyện tiền bạc thì y như rằng ta trở nên đáng nghi. Hãy thử đi hỏi giá một bức tranh trong phòng triển lãm mà xem. Ta sẽ bị cho là đồ nhà quê. Ở xứ sở này,

người ta nói về tác phẩm, chứ không nói về sản phẩm. Về sự sáng tạo, chứ không về tiền nong. Hay trong trường hợp đó thì tính bằng tiền quan Pháp cũ.

Vậy mà anh ta, những kẻ khác, tất cả! lúc nào cũng chạy kiếm đô-la.

Anh nện mạnh cái thông điệp vào đầu.

— Tôi muốn bị nhốt kín trong Trianon trong hai ngày. Một triệu đô-la.

Fair deal, no?[255]

Ở đầu dây bên kia, một khoảng lặng. Anh đóng đinh sâu vào.

— Việc cho tặng này có giá trị trong vòng một tuần. Nếu không nhận thì tôi sẽ tài trợ cho việc bảo vệ Venise.

Claverie cuối cùng thì cam đoan với anh là anh ta sẽ cố gắng hết sức. Hai ngày sau anh nhận được cú điện thoại của Bộ Văn hóa. Chánh văn phòng của Bộ trưởng.

— Ông Barett đấy phải không?

— Chính tôi.

— Về chuyện Versailles... de Claverie có nói với chúng tôi. Thủ tướng đã đồng ý. Thật không dễ chút nào. Nhưng thỏa thuận rồi. Đã ra các chỉ thị. Điện Grand Trianon dành riêng cho ông một đêm. Mười hai giờ, chúng tôi không thể làm hơn được.

— Tôi đã yêu cầu bốn mươi tám giờ.

— Không thể được.

— Vậy thì mười hai giờ, nhưng có thể gia hạn nếu tôi có nhu cầu.

— Số tiền là...?

— Tôi vẫn giữ nguyên.

— Chúng tôi đồng ý.

— Cảm ơn ông.

— Ông Barett, còn một chuyện.

— Tôi nghe đây.

— Ông biết quy định của chúng tôi.

— Vấn đề an ninh à?

— Vâng, tất nhiên rồi. Một quản đốc bảo tàng sẽ đi cùng ông. Nhưng tôi không muốn nói về chuyện này.

— Vậy thì chuyện gì đây?

— Báo chí, ông Barett à. Chắc chắn là báo chí sẽ quan tâm đến các động cơ của nhà tài trợ nghệ thuật cho việc trùng tu các ngôi vườn. Nếu một nhà báo đặt câu hỏi Nhà nước Pháp đã đổi lại cái gì cho nhà tài trợ, ông đồng ý với chúng tôi là sẽ...

— Kín đáo.

— Đúng là điều này đó.

— Tôi là một người "mê say" Versailles, một kẻ mê say "vô vụ lợi", phải thế không nào? Trong "truyền thống hữu nghị vĩ đại Pháp-Mỹ", từ các ông Rockefeller...

— Hoàn toàn rồi! Đúng là điều này đó. Tôi thấy là chúng ta hiểu nhau, ông Barett à.

Và ông ta gác máy. Thật là kỳ lạ biết mấy khi bộ máy hành chánh nước Pháp có thể nhanh chóng đối với những người có phương tiện thúc bách

nó.

Mười hai tiếng đồng hồ ở điện Trianon! Ngắn ngủi đó, nhưng khả thi. Nói thực tình, để được hữu hiệu anh muốn đi đến đó một mình hơn. Hay với em. Nhưng anh không thể thiếu Granier được: đó là ý tưởng của anh ta. Về phần Kathrin, nàng giúp anh như tấm giấy thông hành. Claverie đã chấp thuận nàng thay thế ông quản thủ bảo tàng có nhiệm vụ giám sát bọn anh. Đã bao lần bọn anh đổi chỗ cây đèn nến vì vô ý...

Bọn anh gặp lại nhau ngày 25 tháng chín, vào lúc 16 giờ 45 chính xác, trước Grand Trianon. Người ta gần đóng cửa điện. Vài du khách hiếm hoi còn tham quan cái phần này của công viên thì sắp sửa rời quảng trường lớn. Một cặp đôi người Tàu chụp hình trước thân cây sồi to lớn trên mặt đường lát đá, đó là cây sồi của Marie-Antoinette, được trồng dưới thời vua Louis XIV, vào năm 1683, và nó vừa chết ở đây, tại Versailles, thọ ba trăm hai mươi mốt tuổi, bị bức tử vì trời quá nóng bức. Mười lăm ngàn người chết trên toàn nước Pháp do cơn nắng hạn, báo chí đưa tin như thế, tức là, anh nhắc lại cho em, gấp năm lần hơn số người chết ngày 11 tháng 9. Các ông bà người Pháp từ rày về sau không nên chế giễu các cơ quan công cộng Mỹ nữa.

Kathrin đến lúc 16 giờ 44 trong chiếc xe thuê Clio màu đen. Granier thì đến bằng taxi, lúc 16 giờ 58, trễ mất 13 phút. Bọn anh vội vã đi vào cánh trái của ngôi nhà, trước cổng ra vào chính, một người gác cửa đang đợi nơi đó.

— Ông Barett phải không?

— Chính tôi.

— Ông Gauthier thuộc Sở Công viên và Vườn hoa. Ông Claverie yêu cầu tôi đón tiếp các ông bà. Nhưng, xin hãy nhanh chân! Các đồng nghiệp của tôi đang đóng cửa.

http://tieulun.hopto.org

Bọn anh đi như chạy xuyên qua hành lang Cotelle, nơi mà khoảng một chục công chức, người thì còn mặc áo blu xám, người thì đã mặc quần jean và áo thun, dàn thành hàng trước các cửa sổ. Mỗi người lo một lá chớp! Đứng vào vị trí đi! Sẵn sàng! Đóng lại! Chỉ trong một phút, năm mươi mét của hành lang chìm vào bóng tối. Tiếng lách cách nhẹ, chắc là từ các chìa khóa mà người ta đút vào trong túi, đi trước sự im lặng. Những người gác điện biến mất trong một màn vũ quen thuộc hàng ngày, trơn tru không chê vào đâu được.

— Thấy cái này khiến tôi nghĩ đến câu chuyện phi công với công chức, - Granier nói, nghiêng người về phía Kathrin. - Cô biết không?

— Không.

— Một cậu bé nói với bạn: "Mày biết đấy, ba tao là người nhanh nhất thế giới. Ông là phi công máy bay tiêm kích. Ông bay hai ngàn dặm một giờ." Tên bạn trả lời: "Ba tao còn nhanh hơn nữa!" – Thật à? Ba mày làm nghề gì? – Ba tao là công chức. Ông làm việc xong lúc 5 giờ chiều và ông có mặt ở nhà lúc 4 giờ 30."

Kathrin bật cười vào lúc Gauthier đưa bọn anh vào phần cung điện cấm cửa đối với dân chúng hay du khách và từ nay về sau chỉ dành riêng cho tổng thống Pháp và thượng khách của ông. Ông Bộ trưởng đã cho sửa soạn ba phòng dành cho bọn anh. Phòng của anh thì quay ra sân hiên và nhìn ra công viên của Grand Trianon.

— Đây rồi! Các ông bà xem như đang ở nhà mình cho tới ngày mai, - Gauthier nói, tay đưa cho anh ba cái chìa khóa. Rồi quay sang Kathrin, - bà Strandberg này, tôi tin ở bà. Bà biết rành nghề này. Các thứ, ở đây, đều rất mỏng manh và...

— Người Thụy Điển rất kính trọng các vị vua, thưa ông Gauthier, -

Kathrin vừa buột miệng, vừa bắt tay ông gác điện. - Ông đừng lo gì cả!

Granier đã đặt cái xách tay bằng da to tướng trước cửa phòng anh ta. Anh ta lúc nào cũng ra bộ chán chường, nhưng đôi mắt cứ sáng lên như mắt trẻ con khi vào tiệm Toys'R'Us[256].

— Tôi hy vọng họ cho tôi dãy phòng của Hillary Clinton.

Anh không biết là vợ chồng Clinon đã ở trong này. Nhưng thực tình, cái quá khứ đó không làm anh để ý đến.

Anh hỏi Granier, nếu anh ta tin chắc là căn phòng bí mật nằm ở đây thì tại sao anh ta không tự bỏ tiền ra để chính mình tìm ra nó.

— Tất nhiên là thế rồi, - anh ta nói với giọng chán nản, - tôi đã đi dọc, đi ngang các căn phòng này hàng mấy tháng trời... Vô ích! Ngành khảo cổ, ôi chán lắm! Những người này trải qua nhiều năm lục lạo một miếng đất sa mạc để tìm ra ba bức tượng cỏn con, nói thẳng ra, họ nghe lời Chúa gọi hay sao đó.

Về phần mình, anh ta có bao giờ có thiên hướng làm cái gì không? Trong trường hợp tốt nhất, anh ta chắc là thay đổi nó giống như thay đổi đàn bà.

— Vả lại, tôi không có phương tiện tài chánh như ông!

— Đúng vậy, ngày nay mọi sự thì dễ dàng hơn, - anh thừa nhận. - Ta có vũ khí chí tử mà!

Anh lấy từ trong hành lý ra cái ra-đa mà anh mang theo, kiểu ra-đa mới nhất dùng thăm dò địa chất từ trên mặt đất. Một dụng cụ trông chẳng ra vẻ gì: người ta tưởng là một máy quét rác dùng để làm sạch đáy hồ bơi. Nhưng hiệu quả biết bao! Để phát hiện những lỗ hổng dưới mặt đất hay trong các bức tường của một ngôi nhà, thì hiện tại không có gì tốt hơn nó. Hơn nữa, vài tháng sau, em sẽ thấy nó thật ấn tượng đến nỗi em muốn đầu tư vào cái

xí nghiệp Đức sản xuất nó, OGK. Và em không hối tiếc tiền hùn của mình, anh có sai không?

Về phần Granier, anh ta nhìn nó với vẻ mặt chế nhạo, không hoàn toàn tin nó là một vũ khí chí tử.

Anh tải bản đồ lâu đài xuống máy tính kết nối với cái ra-đa và đưa nó cho Kathrin.

— Vinh danh phụ nữ này! Cô làm thử nghe?

Nàng lùi lại.

— Nó chạy làm sao? - Nàng lắp bắp.

— Đừng sợ! Nó tự chạy lấy! Nhìn này!

Anh quàng dây buộc xung quanh hai vai nàng.

— Cô giữ cái máy như thế này, như đeo quai. Cô điều khiển bộ phận quét hình hướng xuống mặt đất. Cô bấm nút màu lục này. Rồi cô từ từ tiến về phía trước. Mỗi khi ra-đa phát hiện lỗ hổng, nó sẽ vẽ ra địa hình chỗ đó. Và cô thấy nó, đó, trong cặp kính này.

Anh đưa cho nàng cặp kính -màn hình cho phép nhìn bằng ba chiều các hình dạng mà máy phát hiện.

— Phần tôi sẽ giữ màn hình kiểm tra. Như thế tôi cũng thấy kết quả bằng 3D.

Granier chế giễu.

— Máy nó cũng phát hiện mấy con chuột chũi trong vườn nữa sao?

Nhưng Kathrin chẳng còn muốn nói đùa nữa.

— Được đó Dan, tôi thấy rồi. Nói đúng hơn, tôi chỉ thấy khoảng trống...

— Cái cô thấy là lối đi thôi. Bên dưới dọc theo suốt chiều dài của Grand Trianon có một loại như tầng hầm rất thấp, liền lạc, dùng làm nhà bếp, chỗ giặt giũ... Nhưng máy ra-đa đi xuống sâu hơn nhiều. Bỏ qua lối đi này đi: điều cần làm là nhìn phía dưới.

— Đồng ý. Nhưng trong trường hợp này thì bắt đầu từ đâu?

Đó là một câu hỏi hay. Lúc đó là 17 giờ 30. Bọn anh còn chính xác mười một giờ rưỡi trước mặt. Đủ để tìm kiếm, nhưng không đủ để đi ra thoải mái với ra-đa quàng vai. Nhưng, như em đoán rồi, anh đã suy nghĩ về vấn đề này.

Anh xử lý bằng phương pháp loại suy.

Trong công viên Versailles, ngôi làng Trianon xưa là một lãnh địa rộng lớn gồm nhiều dinh thự: lâu đài Grand Trianon, còn được gọi là Trianon cẩm thạch; Trianon Mới tức là Petit Trianon; đền Amour; và cuối cùng là thôn Hoàng hậu với cái trang trại, chỗ chế biến sữa, hang đá... của bà. Vua Louis XVI và Marie-Antoinette đã sống trong tất cả các dinh thự này. Nhưng Louis XIV thì không, ông chỉ biết Grand Trianon thôi. Thế mà, cái mà bọn anh tìm kiếm là chỗ ẩn giấu cùng thời với ông. Tất nhiên, bao giờ cũng có nguy cơ là người nối dõi của ông cho làm một căn phòng mới hay chuyển đi nơi khác các tài liệu bí mật thuộc thế kỷ XVII. Nhưng giả thuyết này có vẻ ít khả năng xảy ra. Vua Louis XVI không phải là con người có sáng kiến.

Cũng như thế, bên trong Grand Trianon, bọn anh phải tập trung các nỗ lực vào các căn phòng mà chính vua Louis XIV đã ở.

Bọn anh bắt đầu cuộc dò tìm từ Midi, căn hộ uy nghi nhất, nơi mà Louis XIV thường ở nhiều nhất và lâu nhất, trong giai đoạn hiển hách nhất của ông. Ở đó, bọn anh đến phòng khách Glaces, một phòng làm việc xưa của

nhà vua, nơi ông nhóm họp với các bộ trưởng của Hội đồng Nhà nước. Một căn phòng tuyệt vời, với những ghế bành màu xanh sáng bọc lụa hoa nổi và với cái nhìn đẹp lạ lùng trên Grand Canal.

Nhưng thì giờ đâu mà ngoạn cảnh. Chính mặt đất mới là nơi mà bọn anh quan tâm. Máy quét hình làm việc trên các sàn nhà, từng mét vuông một, kéo dài hết hai giờ. Vì thiếu kinh nghiệm và vì bọn anh ngừng lâu mỗi khi gặp các khu vực trống, các chỗ thụt vào khi xây dựng, các lỗ hổng đây đó và các vật chướng ngại. Như vậy, chẳng có cái lỗ nào mang kích thước của một căn phòng dưới mặt đất.

Tiếp đó bọn anh vào phòng nhà vua, một trong những căn phòng đẹp nhất lâu đài, được trang trí với những cột đá và các lớp gỗ ốp thếp vàng được chạm trổ tinh tế và các biểu tượng Apollon. Trên cái tủ nhỏ có đặt một bình sứ Sèvres sai niên đại cho thấy Napoléon đứng giữa ngôi vườn của lâu đài Sans-Souci ở Potsdam. Kathrin kêu lên một tiếng đầy hứng thú.

— Tôi không biết cô là một người sùng bái Hoàng đế, - anh vừa nói với nàng vừa tiếp tục công việc khai quật ảo và có hệ thống.

Người đàn bà trẻ không trả lời. Mặc dù ngưỡng mộ cái bình sứ nhưng nàng không "cảm" được căn phòng đó, và sau một tiếng đồng hồ, không chờ anh chấm dứt, nàng đi trước anh vào căn phòng kế tiếp, có tên là phòng khách Chapelle và đã được biến đổi thành phòng đợi của nhà vua vào năm 1691. Với các gờ viền quanh được trang trí bằng các chùm nho và bông lúa mì và với những bức họa thể hiện các nhà truyền giảng Phúc âm, nhà nguyện cũ này vẫn giữ vẻ ngoài của một căn phòng dành cho việc cầu nguyện. Cánh cửa ở cuối phòng mở ra một hốc tường đặt bàn thờ. Ngày xưa, người ta đóng cửa này lại một khi làm lễ xong.

— Đây là một chỗ lý tưởng để che giấu lối vào căn phòng dưới mặt đất! - Kathrin reo lên. - Đến nhanh đi!

Bọn anh vẫn còn ở chỗ này tới gần hai tiếng đồng hồ để dò la sàn nhà và các bức tường. Kathrin vẫn mang cặp kính khôi phục, bằng màu và 3 D, các hình ảnh do ra-đa phát hiện. Phần anh vẫn quan sát màn hình kiểm tra của máy tính được kết nối với ra-đa. Và Granier, chắc cảm thấy mình bị loại ra ngoài, thì diễn tả sau vai anh tiến độ của việc tìm kiếm. Anh ta ăn nói như một bình luận viên thể thao trong một trận bóng đá: "Ta sắp xong rồi, kiên nhẫn thêm chút nữa thôi", "Lần này, ta hầu như đến đích rồi...", "Nó không thể thoát khỏi tay ta được", v.v... Anh nói thật với em, vẻ mỉa mai của anh ta làm anh mất hứng, và cuối cùng thì anh phải chỉnh anh ta.

Vào khoảng hai giờ sáng, bọn anh chỉ dò được năm căn phòng mà không tìm ra một đầu lỗ hổng nhỏ nhặt nào. Chỉ còn sáu tiếng đồng hồ nữa thôi.

— Ta tạm nghỉ hai mươi phút nghe, - anh đề nghị. - Đi tìm cái gì giải khát và nhấm nháp đôi chút.

Granier thở phào khoan khoái, ngay cả trước khi anh chấm dứt câu nói.

— Tôi đã đặt các phần ăn để giao tận mỗi phòng. Ở tiệm Fauchon.

— Đáng lẽ ông có thể chọn Lenôtre![257] - Tên nhà văn mở miệng nói đùa.

Em thấy là từ đâu anh có ý tưởng để, rất lâu sau này, chơi chữ...

Bọn anh bước đi lặng lẽ đến cánh hông Trianon-sous-Bois của lâu đài. Vào lúc bọn anh tách ra, trước cửa dãy phòng anh, Kathrin tự nhiên đứng sững lại. Anh đã mở cửa và anh nghĩ là nàng muốn trả lại anh máy ra-đa mà nàng đeo vai.

— Hẹn gặp lại lát nữa, Kathrin, - anh nói. - Mười lăm phút là nhiều nhất phải không?

Nhưng nàng vẫn im lặng, mắt nhìn chằm chằm cái bình Sèvres đặt trên cái bàn con ngay lối vào phòng anh.

Trong một tích tắc, anh nghĩ là nàng tìm cớ để vào phòng anh. Đàn ông thì tự phụ quá đi, em thường lưu ý anh chuyện này mà.

— Kathrin này, tôi đã nói "hẹn gặp lại lát nữa", - anh lặp lại.

Không phản ứng gì cả. Đến phiên anh nhìn món đồ làm nàng mê mẩn. Vẫn là cái bình bằng sứ thể hiện Napoléon. Anh tự hỏi nàng thấy gì hay ho ở đó, bởi vì nó chẳng có gì độc đáo: các đồ nội thất của dòng họ Bourbon đều bị tàn phá dưới thời Cách mạng, và các đồ nội thất chính yếu trong các Trianon thì có niên đại từ thời Empire[258].

— Một cách chắc chắn, Kathrin, cái ông này mê hoặc cô đấy!

Nàng quay đầu về phía anh một cách máy móc. Rồi ánh mắt nàng lại hướng đến chiếc bình một lần nữa.

— Hoàng đế cũng vậy, - nàng thầm thì.

— Cô muốn nói gì thế?

— Không gì cả, Dan. Tôi phải suy nghĩ.

Nàng bước đi trong hành lang lót thảm êm. Anh chụp nàng lại.

— Nghe này, cô nói về cái này hoặc quá nhiều hoặc không đủ.

— Dan, hãy để cho tôi mười phút. Cái ra-đa đây, ông cầm lấy này. Nó cần sạc lại.

Vào trong phòng thì anh cởi giày, gắn điện sạc ra-đa và bật TV, theo quán tính. Nhưng anh nhanh chóng tắt âm thanh. Anh thấy thất vọng. Mặc dù có các phương tiện kỹ thuật nhưng bọn anh chắc là chỉ đạt được kết quả như Granier với các phương pháp thủ công của anh ta là cùng. Tức là không có kết quả gì. Với nhịp độ thế này, bọn anh sẽ không sàng lọc kịp cả mười lăm căn phòng, là mục tiêu của anh.

Làm sao tăng tốc? Làm sao tránh chuyện dò tìm tất cả ngóc ngách của lâu đài từng cái một? Anh vừa mới đặt đầu dưới vòi nước trong phòng tắm để cho tỉnh táo trí óc thì nghe tiếng gõ cửa.

— Vui lòng chờ một chút!

— Kathrin đây, Dan!

— A... mời vào, cửa mở đó.

Khi anh trở lại phòng khách nhỏ của mình, tay chà tóc với chiếc khăn, thì Kathrin đang đi đi, lại lại trước một cái bàn nhỏ thời Empire mà đường viền được trang trí bằng hình ảnh các nữ thần nghệ thuật đang cầm tay múa. Nàng đã để lên đó máy laptop của mình. Bên cạnh là cái đèn pin.

— Dan, xin lỗi làm phiền anh, nhưng...

— Có chuyện gì?

— Đến xem!

Kathrin dùng ngón tay chỉ vào màn hình, không thèm nhìn anh chút nào. Anh cảm thấy nàng quyết tâm. Tính khí vui vẻ hồn nhiên của nàng đã biến đi. Nàng đang nắm giữ thông tin nào mà anh hụt mất?

— Dan, nhìn này!

Dù mệt mỏi, nàng vẫn có ánh mắt sáng rỡ. Vì đứng gần, anh ngửi thấy mùi hương dịu ngọt từ mái tóc nàng. Anh thú thật với em, lúc đó, chính anh tỏ ra lưỡng lự. Bọn anh chỉ còn vài giờ để ở trong điện Trianon. Giữa viễn cảnh trở lại dò tìm các căn phòng và viễn cảnh ngủ qua đêm trong hoàng cung với cô pin-up xinh đẹp này... Nhưng em biết tính anh mà. Công việc là ưu tiên. Marilyn có thể đi mặc quần áo lại.

Và hơn nữa, để tỏ ra trung thực, anh phải nói là Kathrin không để cho

anh chọn lựa.

Nàng ngồi xổm trước cái bàn nhỏ, đặt bàn tay lên bàn phím. Anh vẫn đứng, khoanh tay trước ngực, nóng ruột, quan sát quầng sáng màu xanh của màn hình phản chiếu trên khuôn mặt nàng. Nàng bắt đầu gõ phím một cách mạnh mẽ. Anh thấy hiện ra một bình đồ Trianon, rồi cái thứ hai, chồng lên cái trước.

Những căn phòng soi sáng dưới màu lục nổi lên trên màn ảnh. Cũng như anh, Kathrin đã nhập vào bộ nhớ máy vi tính của nàng tất cả những tư liệu về lâu đài Trianon, lịch sử, đồ nội thất của nó, các nhân vật đã ở đó, xuyên qua các thế kỷ.

— Điện Grand Trianon... Căn hộ nhỏ của Napoléon... Đây rồi... Căn phòng... Nhìn này! Ở đó rồi!

Anh làm ra vẻ mất bình tĩnh.

— Thôi nào, Kathrin, cô có thể giải thích cho tôi không nào?

Nàng ra dấu xin anh hãy kiên nhẫn.

— Còn một chút, nó đến đấy! Đây rồi...

Nàng chỉ ra một trong những căn phòng soi sáng dưới màu lục trên màn ảnh.

— Chính nơi đây là căn phòng bí mật, tôi chắc chắn đó!

— Tại sao lại là căn phòng đó? Từ đâu mà cô rút ra kết luận này?

Trong những tình huống thế này, em biết anh mà, anh có sự lạnh lùng lâm sàng.

— Dan này! Napoléon cũng vậy, ông đi tìm căn phòng bí mật. Và ta có thể giả dụ là ông đã tìm ra nó.

http://tieulun.hopto.org

— Và tại sao? Cái gì khiến cô nói vậy?

Kathrin đột ngột đóng máy tính lại và đứng lên ngay.

— Tôi sẽ chỉ cho ông, như thế nhanh hơn. Đi theo tôi!

— Thôi đi...

— Nhanh lên nào!

— Chờ một chút, tôi...

— Đem ra-đa theo! Không lâu lắm đâu.

Từ lâu lắm rồi anh đã không vâng lời đàn bà một cách mù quáng như thế. Anh ra ngoài hành lang, chạy theo sau nàng, đầu tóc còn ẩm và tấm khăn quanh cổ. Granier nghe tiếng chân vội vã của bọn anh và từ phòng hiện ra. Kinh ngạc.

— Chuyện gì vậy? Mấy người đi đâu vậy?

— Tôi không biết, nhưng Kathrin chắc biết, - anh trả lời.

Nàng bước nhanh hơn, một tay cầm đèn pin, một tay cầm laptop.

Bọn anh đi xuyên qua hành lang Cotelle dài thêm một lần nữa. Trong khi đi dọc theo một hàng hai mươi bốn bức tranh thể hiện các cảnh vườn Versailles, anh thấy Granier vượt qua anh và nghe anh ta nói với Kathrin với cái giọng làm thầy giả tạo:

— Cô có biết là ở chỗ này, ngày 4 tháng sáu năm 1920, Clémenceau[259] ký hiệp ước Trianon, nó đã quyết định vận mệnh của Đế quốc Áo-Hung không?

Nếu tên nhà văn muốn nổi bật thì anh ta mất công toi. Câu đáp trả của cô quản đốc bảo tàng thì nóng bỏng:

— Ông muốn nói đến diktat[260] Trianon phải không? Người Hung, họ gọi như thế đấy. Ngày hôm đó họ mất hai phần ba đất nước họ! Và, tin tôi đi, họ luôn luôn căm ghét người Pháp về chuyện này.

— Đấy, cô thấu cáy tôi rồi! Tôi sẽ cho mời cô tham dự *"Questions pour un champion"*[261]. Julien Lepers là tên bạn thân.

Khi đến khoảng giữa hành lang thì anh đặt tay lên vai Kathrin, để làm nàng chậm chân lại thì ít hơn là để cho anh cảm giác lấy lại quyền điều khiển các hoạt động.

— Kathrin, bây giờ thì cô có thể nói là mình đi đâu không? Tại sao lại vội vã thế này?

Nàng đứng lại.

— Dan, đáng lẽ mình nên nghĩ đến chuyện này sớm hơn.

— Nghĩ đến chuyện gì?

— Napoléon. Napoléon, Dan! Ông biết là Hoàng đế bị ám ảnh bởi phả hệ của ông ta. Sau khi lấy cô cháu của Marie-Antoinette làm vợ, ông nói về Louis XVI bằng cách gọi nhà vua là "ông cậu quá cố của trẫm"! Vài người còn đi xa đến mức quả quyết là ông xuất xứ từ Masque de Fer[262], người em trai song sinh của Louis XIV...

— Napoléon là hậu duệ của vua Louis XIV, ai mà không biết mấy thứ nhảm nhí này! - Granier cười nhạo.

— Nhảm nhí à? Chưa có ai chứng minh được chuyện này là có thật, nhưng cũng chẳng ai chứng minh được bao giờ là nó sai...

Phản xạ đầu tiên của anh là để hai người đó làm thịt lẫn nhau. Về phần mình, anh cũng biết một phần câu chuyện. Truyền thuyết thì đúng hơn. Hay đúng hơn nữa là luận điểm của vài anh phả hệ học say mê Hoàng đế.

Mặt Nạ Sắt khi bị giam giữ ở Pignerol miệt Đông Nam nước Pháp, đã đem lòng yêu cô con gái của viên gác ngục. Ông đã làm sao đó mà cô gái xiêu lòng, chịu ăn nằm với ông. Khi mang thai, cô đã đi xuyên qua biển Địa Trung Hải đến đảo Corse để ẩn cư. Ở đó cô đã lập gia đình với một thân hào địa phương, sinh mười đứa con, nhưng không bao giờ thú nhận với chồng đứa con đầu là không phải của chồng, nó thuộc dòng dõi Bourbon, cháu gọi vua Louis XIV bằng bác.

— Kathrin này, có phải bản thân cô thực tình tin đứa con hoang của Mặt Nạ Sắt là...

— Ông tổ của Bonaparte?[263] Không quan trọng gì đâu Dan, điều cốt yếu là Hoàng đế đã có thể tin chuyện đó!

Anh bắt đầu đoán ra ý tưởng của cô quản đốc bảo tàng. Nếu có một bằng chứng duy nhất về liên hệ huyết thống giữa Hoàng đế và dòng họ Bourbon thì nó chắc chắn nằm ở trong chỗ giấu bí mật bọn anh đang tìm. Nếu Napoléon rất thường đến Trianon, ấy là vì ông ta cũng đi tìm các tài liệu lưu trữ bí mật ở đó. Chắc là ông tin chúng có chứa đựng các tư liệu về Mặt Nạ Sắt. Những văn bản chứng minh ông có quan hệ huyết thống với các vị vua nước Pháp!

— Napoléon đã đến Trianon để lục lọi các tài liệu lưu trữ bí mật của các nhà vua à? Cô tin thế thật sao, Kathrin?

— Ông đến chủ yếu để gặp Joséphine[264].

Granier xen vào câu chuyện một lần nữa để phô bày kiến thức. Tên nhà văn này quả là một gã nghiệp dư giả vờ.

— Hay lắm! Không ai có thể giấu ông chuyện gì, Jean-Philippe!

Kathrin nháy mắt với Granier một cách lẳng lơ, và anh thấy phát bực.

Như mọi người ham thích lịch sử nước Pháp, anh biết là Napoléon không ưa Versailles. Mỗi khi đến đó, ông không ngủ ở lâu đài nhưng đến đây, ngủ lại ở Grand Trianon. Lần đầu tiên thì ông thực sự có lý do tốt. Đó là vào dịp lễ Giáng sinh năm 1809. Ông vừa ly dị với Joséphine de Beauharnais nhưng vẫn còn yêu bà, và Grand Trianon có cái thuận lợi là không quá xa lâu đài de Malmaison, "dinh thự cuối tuần" cũ của họ, mà bây giờ Joséphine lui về cư ngụ. Nhưng sau đó, Hoàng đế thường trở lại Trianon, chính thức là vì Marie-Louise[265] yêu thích chỗ này, một nơi chốn thân thiết với người cô của mình, Marie-Antoinette. Vào tháng ba năm 1813, trước khi quay lại Đức lo việc chiến trận, ông cũng tự dành cho mình và cho vợ với đứa con trai của họ hai tuần lễ nghỉ ngơi tại đây. Đó là một chút lâu đài gia đình của ông.

Anh chấm dứt sự nỉ non của hai người đi cùng anh.

— Nhưng tại sao Napoléon biết được, hơn cả chúng ta, là các tài liệu lưu trữ bí mật nằm ở Trianon? Ông ta đâu có sở hữu các cuốn vở của nữ công tước de Cadaran!

— Thôi đi, Dan, ông có cái hay hơn nhiều! - Kathrin kêu lên.

— Cái gì?

— Gouvernet, Dan! Napoléon chắc chắn đã gặp Gouvernet! Hay là một trong những người đã cùng ông ta bít kín lối vào ngầm... Đừng quên là Bonaparte là người cùng thời với Louis XVI đó!

Granier đưa mắt nhìn lên trời, như thể Kathrin vừa trình bày một điều hiển nhiên.

Anh thấy chịu hết nổi phải nghe các bài học lịch sử.

— O.K., Kathrin, O.K... Giả dụ rằng Napoléon biết các tài liệu lưu trữ bí

mật nằm ở Trianon. Và Gouvernet chỉ cho ông ta vị trí cất giấu. Cô nghĩ liệu nó có còn bí mật nữa không? Và liệu Napoléon có còn để lại tất cả các tư liệu ở đây không?

Anh đã nói với cái giọng khô khốc mà anh dùng trong các buổi họp khi anh muốn chúng chấm dứt.

— Tôi không bảo đảm gì hết, - Kathrin trả lời cùng một giọng.

— Nhưng tại sao lại dẫn chúng tôi đến đây?

— Một trực cảm, Dan.

— Các trực cảm của tôi, thì tôi kiểm tra chúng.

— Nhưng làm sao mà ông muốn...

Bị chạm tự ái, Kathrin quay lưng với anh và vừa tiếp tục bước đi về phía cuối hành lang vừa mở máy tính. Bình đồ của Grand Trianon mà bọn anh đã thấy lúc nãy trong phòng anh, lại hiện ra trên màn hình.

— Đến rồi đó, - Kathrin nói sau một khoảnh khắc do dự. - Dan, ông có thể cầm hộ tôi máy tính không?

Kathrin soi sáng, phía bên tay phải, một căn phòng mở ra sau một cánh cửa lớn bằng gỗ. Anh vừa theo sau nàng vừa quan sát cái bình đồ hiện trên màn ảnh. Một bản vẽ đẹp của Trianon, bằng ba chiều, và tên của căn phòng sáng dưới màu lục, phòng khách Malachites, được in chồng lên. Bất thình lình anh thấy phía dưới màn hình một biểu tượng. Là cái điều khiển chức năng "tìm kiếm" của phần mềm. Anh nhấp chuột lên đó. Hai tên người xuất hiện: *Napoléon. Louis XIV.*

Anh dừng lại ngay tức khắc.

Anh vừa hiểu cái lý luận đã dẫn dắt Kathrin đến tận chỗ này. Cô quản đốc bảo tàng đã nhận dạng trên phần mềm của mình các căn phòng mà hai

quốc vương đã lần lượt đến ở! Nỗi ám ảnh của Hoàng đế tìm cách chứng minh tổ tiên trực hệ của mình lớn đến mức ông chắc chắn chọn, mỗi khi đến Trianon, ở trong một chỗ mà trước đây Louis XIV đã từng ở, gần căn phòng bí mật nhất. Nếu các tư liệu mà bọn anh tìm được tập hợp lại một chỗ nào đó thì chắc chắn là tại một trong những căn phòng mà hai vị quốc vương hầu như là có cùng một lịch sử chung.

— Thưa quý ông, đây là phòng khách Malachites! Một căn phòng duy nhất ở Grand Trianon, nơi mà Hoàng đế và Thái Dương Vương – hai người – có các tập quán của họ.

Kathrin cười thỏa mãn như một ngôi sao. Một cái cúp loe miệng lớn màu ngọc bích lấp lánh trước mặt bọn anh. Kathrin hướng ngọn đèn pin về phía mặt bàn ở bên phải rồi về phía hai cái bình nhỏ. Tất cả đều bằng malachite[266], là đá vùng Sibérie do Sa hoàng Alexandre đệ nhất[267] tặng cho Hoàng đế.

— Đi nào! Chính nơi đây ta phải sục sạo.

Granier không nói gì, vậy thì anh ta chấp thuận, thể theo câu châm ngôn xưa. Cô quản đốc bảo tàng đã ghi một điểm nhưng anh vẫn còn một nghi vấn.

— Nếu Napoléon đã tìm ra chỗ giấu thì có thể là ông ta cũng lấy đồ đi hết.

Kathrin lắc đầu.

— Không chắc đâu. Ông ấy có thể lấy đi những tư liệu mà ông quan tâm và để lại những cái khác. Hay chỉ tham khảo chúng thôi. Và chúng ta đâu có tìm cùng thứ như ông ấy... Điều chắc chắn là ông ấy đã không tìm ra gì cả để chứng minh quan hệ huyết thống giữa ông và các vị vua. Nếu có thì người ta hẳn đã biết rồi! Nhưng ông ấy có thể tìm thấy những văn bản liên

quan đến Louis XIV... và các văn bản khác mà ông ấy ít quan tâm hơn, như cái bình đồ về các ngôi vườn của chúng ta, phải thế không, Dan? Tôi sẽ không ngạc nhiên nếu ông ấy bị mê hoặc bởi khả năng đặt tất cả các bí mật của riêng ông cùng với các bí mật của các vua Pháp, đó cũng là chuyện, một lần nữa, tự ghi tên mình trong sự liên tục!

Kathrin hớn hở ra mặt. Nàng rọi đèn pin khắp phòng khách Malachites, cho thấy lần lần các vật quý của nó. Hai bức tranh do Charles de la Frosse vẽ, mang tên *Apollon và Thétis*, và *Clytie biến thành hoa hướng dương.* Hai tấm gương lớn được chạm trổ, đặt ở đây, theo lời Kathrin, cho bà nữ công tước de Bourgogne, người đã dùng chỗ này làm phòng ngủ. Các đồ đạc xa hoa của Jacob-Desmalter: các ghế ngồi bằng gỗ thếp vàng, được bọc bằng gấm màu đỏ sẫm và có đường viền bằng tơ vàng, hòa hợp với các màn cửa kép.

Em còn nhớ bạn bè mình ở California đã chế giễu thế nào khi anh diễn tả niềm đam mê của người Pháp đối với mấy thứ sơn son thếp vàng, các chân nến nhiều nhánh, các chân bàn và ghế xoắn này không? Đầy bụi. Cũ kỹ. Chán ngắt. Các bạn đó sống trong một ánh khác, cái ánh của màu xám kim loại, của màu đen bóng, của pi-xen và của plasma, thì không thể hiểu. Willy, nhà xã hội học, một ngày nọ đã giải thích cho anh là người Pháp thích được vải nhung và thủy tinh giả ngọc bao bọc xung quanh để thoát khỏi hiện thực hàng ngày đầy lo âu của họ. Họ rút vào thế giới các nữ hoàng để trốn chạy khỏi thế giới nhiều đau khổ.

Anh lại gần lò sưởi để xem xét *Apollon và Thétis*. Granier đến trước anh.

— Apollon, lại Apollon! Ngay cả trong căn nhà nhỏ ngoại ô này, Louis XIV hầu như không ra khỏi ảo giác.

Anh suýt phản đối. Những lời lẽ bất kính đối với nền quân chủ làm anh khó chịu – ngay cả anh, một người Mỹ chính hiệu con nai vàng... Cứ mải miết lui tới với Louis XIV, người ta nảy sinh tình cảm! Anh tự nhủ là

Granier, người viết bình luận cho các báo phái tả cũng như phái hữu, có tâm hồn của một tên vô chính phủ. Anh đã dằn được.

— Được rồi, không nên mất thì giờ nữa. Bắt đầu được chưa?

Kathrin lấy ra-đa ra. Bọn anh bắt đầu soi tìm từ lò sưởi.

— Trong các tiểu thuyết, các lò sưởi thường mở ra về phía những căn phòng bí mật phải không?

Granier dứt khoát không thể không mở mồm mỉa mai. Thật chán mớ đời.

Trong bảy mươi phút, đồng hồ nơi tay, bọn anh xem xét kỹ lưỡng mặt đất và các bức tường phòng khách Malachites. Kathrin đưa máy ra-đa đến gần vách và sàn nhà. Bên cạnh nàng, anh chăm chú theo dõi màn hình kiểm soát. Nhưng bất chấp mọi cố gắng của bọn anh và vẻ hăng say của nàng, không một dấu hiệu nào hiện ra.

Kathrin ném cặp kính xuống đất, buông người ngồi phịch xuống sàn nhà, gần như muốn khóc.

— Tôi xin lỗi, nhưng tôi đã tin thực sự là...

Nàng tỏ ra yếu đuối một cách bất ngờ khiến anh trở nên hưng phấn lạ lùng – và một ý tưởng xuất thần vụt hiện trong đầu. Anh vội vã cầm lấy máy tính của nàng.

Menu: Edit Chức năng: Tìm kiếm. Anh rành quá mấy thứ này mà.

Nếu cái phần mềm có khả năng kết giao các căn phòng "riêng tư" của Hoàng đế với các căn phòng của vua Louis XIV thì nó cũng có thể nhận dạng các căn phòng chung cho câu chuyện của Napoléon và của Phu nhân de Maintenon[268]. Quý bà này – người vợ "không môn đăng hộ đối" của đấng quân vương vĩ đại – rất thân thiết với Louis XIV đến nỗi ta có thể dễ dàng

hình dung là bà cất giấu nơi bà ở những bí mật của chồng.

Cái phần mềm trả lời rất nhanh chóng và chính xác: *chỗ duy nhất mà Phu nhân de Maintenon và Napoléon đã lần lượt ở là căn phòng riêng của Hoàng đế. Xưa kia, nó là phòng ngủ của bà vợ yêu quý này của nhà vua.*

Lần này, chính anh hành động trước. Chạy như ma đuổi qua phòng khách tròn, phòng tắm của Napoléon và phòng riêng của vua Louis XV. Kathrin và Granier mệt đến đứt hơi sau anh. Đến căn phòng riêng của Hoàng đế, anh dừng chân trước các bức tường được phủ bằng gấm màu lục. Một lần nữa, ta thấy đầy dẫy các bức tranh dính líu đến huyền thoại mặt trời! *Apollon và Sybille, Apollon và Hyacinthe, Apollon đội vòng hoa Chiến thắng, Apollon nghỉ ngơi* và vẫn còn *Apollon và Thétis...*

— Có điềm lành chứ?

Anh tiến đến lò sưởi, lòng đầy khích động. Nó được thếp vàng chỗ này, chỗ nọ, trên nó là một tấm gương và một đầu con hoẵng nhồi rơm. Kathrin điều chỉnh cặp kính trên mũi trong khi anh bật màn hình kiểm soát. Bây giờ thì bọn anh đã quen tay làm việc này rồi.

— Nhìn này! Có một lỗ hổng ở đây! - Nàng kêu lên.

Hình nền màu xanh nhường chỗ cho một bản vẽ ba chiều, một cái ống – màu đỏ –, lúc đầu thì hẹp, sau đó rộng hơn. Nó đi xuống theo dốc đứng khoảng năm hay sáu thước. Rồi hoàn toàn tối đen.

Các kích thước của lỗ hổng hiện lên: ở lối vào thì chỉ có năm mươi centimét, rồi sau đó đến một mét sáu mươi. Một đường hầm hẹp dưới mặt đất. Nhưng nó không dẫn đến một căn phòng nào cả: nó ngừng lại đột ngột, như thể bị một bức tường chặn lại.

Granier buột miệng phun ra câu nói hiểm ác:

— Đó là một lỗ hổng bị bịt kín. Tôi đã nói nhiều chuyện này với các người rồi mà. Vài cái lỗ pho-mát Gruyère như thế thì có khắp nơi. Chỉ là những cái lỗ được thăm dò rồi được bịt lại.

Ước gì anh có thể ném cả cái ra-đa vào bụng anh ta. Hay ném cái đồng hồ quả lắc Bailly đặt trên lò sưởi.

"Tôi đã nói nhiều chuyện này với các người rồi mà"...

Anh ta có thể tha hồ nói lên, nói xuống, anh ta là một kẻ chẳng bao giờ tìm ra cái gì.

Nhưng, xét cho cùng, anh ta bỏ cuộc thì cũng tiện cho anh. Phần mình, anh chắc chắn là đang ở đúng chỗ. Nơi giấu là đây, sau bức tường, anh cảm thấy được nó. Dù sao đi nữa, nó bị bịt kín lại thì cũng tự nhiên thôi, bởi vì Gouvernet đã nhận lệnh ngăn chặn lối vào. Vấn đề khó là bức tường chắc là rất dày hay quá sâu. Cái ra-đa không xuyên qua được. Nhưng căn phòng bí mật là ở đó, anh chắc chắn thế. Nếu Granier không tin thì cũng tốt cho anh ta thôi. Nhưng thây kệ: anh ta có thể ngồi trên đống đô-la tiền thưởng, năm trăm ngàn chứ ít sao.

Kathrin ngồi xuống cái bàn nhỏ, khoanh hai tay trước ngực, ánh mắt chán nản.

— Tôi sắp đi ngủ đây. Đêm sẽ mang lại các lời khuyên hay, - nàng thở dài, đưa máy ra-đa cho anh.

— Tôi đưa cô về.

Tên nhà văn không có khiếu làm ăn, nhưng anh ta có những phản xạ chết tiệt.

— Ngủ ngon nghe! - Anh nói. - Tôi sẽ gặp lại các bạn sau. Tôi còn muốn lợi dụng chỗ này...

http://tieulun.hopto.org

Đó không phải hoàn toàn sai: anh không bao giờ thảnh thơi ngắm nhìn mười chín gian phòng hoàng gia của Grand Trianon. Anh bao giờ cũng chỉ thấy chúng với em, qua quýt vì mình chạy như ma đuổi, sau lưng đám người Nhật, ở cái tuổi mà chúng ta không đủ sức thưởng thức vẻ lộng lẫy của chúng. Hơn nữa, ngày hôm nay thì anh chúi mũi xuống sàn nhà.

Nhưng thực tình là trước hết anh muốn điện thoại cho em. Anh đã thấy tin nhắn của em, ngay sáng nay. "Dan, có điều gì đó làm em băn khoăn trong đoạn văn của bà công tước mà anh gửi cho em... Gọi lại em nghe."

Không kể đến chuyện khác múi giờ đã ngăn anh gọi em lúc xế trưa và sau đó là bắt đầu cuộc chạy đua với đồng hồ, anh đã không thể gọi cho em.

Vậy mà chính em đó – và chuyện này, anh chắc chắn là em không quên nó – lần thứ hai, đã gỡ bí cho anh. Đầu tiên em bảo anh kể lại cái đêm mà bọn anh vừa trải qua ở Trianon. Và khi anh kể đến kết cục – lỗ hổng bị bịt kín, dù anh chắc bụng là căn phòng bí mật ở ngay đó – em đã kêu lên, đắc thắng:

— Ra rồi Dan ơi!

— Em muốn nói gì thế?

— Anh nhớ câu chót của đoạn văn không? Khi bà công tước viết: *"Bà bá tước cam đoan với tôi rằng ông bá tước chỉ cần chưa đầy một tiếng đồng hồ là đã bịt kín được lối vào dưới mặt đất [...].*

— Em chờ chút...

Anh tải ngay tức khắc bản văn vào máy tính.

— Xong, rồi sao nữa?

— Nhìn kỹ câu chót đó. Không có gì gây sốc cho anh à?

Anh đọc và đọc lại nó cả năm chục lần. Không có gì có thể gây sốc cho anh nữa.

— Nhìn nữa đi. Anh không thấy có một khoảng trống không viết giữa "lối vào" và "dưới mặt đất" sao?

— Một khoảng trống à? Nhưng khắp chỗ nào cũng có khoảng trống mà! Câu nào cũng thiếu khúc này, khúc nọ ở mỗi hàng, hay gần như thế...

— Chính vậy đó! Ở chỗ này người ta không bao giờ nói là thiếu một từ!

Anh hiểu nhận xét của em, nhưng anh không rõ là em muốn đi đến đâu. Em nhấn mạnh:

— Suy nghĩ đi! Có thể có cái gì giữa "lối vào" và "dưới mặt đất" không?

— Anh không biết... Anh đâu nói tiếng Pháp giỏi như em! Nhưng dù sao đi nữa thì khoảng trống này rất hẹp. Một từ độc nhất thôi, chắc thế rồi. Và còn rất ngắn nữa...

— Anh thấy ra rồi đó, Dan! Khoảng trống chỉ vừa đủ cho một giới từ. Và ở chỗ này, em chỉ thấy có hai khả năng: "trong" hay "của". Thì cũng như nhau thôi!

Anh đã không để em nói hết. Anh vừa hiểu ra.

— Bà công tước không nói đến lối vào nằm dưới mặt đất, nhưng lối vào trong một đường hầm[269]! Điều này có nghĩa là không phải chỉ có một cách đi vào căn phòng bí mật mà hai: đường hầm này có một lối ra ở đâu đó!

21

Ở bãi Gold Beach, mực thủy triều xuống thấp để lộ toàn bộ các xà-lan bằng bê-tông to đùng, vết tích của Port Winston, một vụng cảng nhân tạo do quân Đồng minh xây dựng phục vụ cho cuộc đổ bộ. Emma thích chỗ này, vì khác với biết bao cảnh biển khác, nó không bị các tên chủ đầu tư địa ốc khai thác rầm rộ. Nàng thích đi theo con đường nhỏ chạy lên vách đá nhô cao trên biển và nhìn từ trên cao ngôi làng thu mình nhỏ lại dưới mái nhà đá đen. Hay là như hôm nay, ngày nước triều lớn, nàng thích đi bộ chậm rãi ra tới mép nước, để gặp con nước đang rút dần ra xa, về phía chân trời.

Nàng càng đi xa bãi đậu xe thì tiếng kèn xe cộ càng giảm, được tiếng kêu khàn khàn của chim mòng biển thay thế. Đến chỗ cát ướt, nàng cởi giày cầm tay. Nàng cảm thấy lòng bàn chân lành lạnh, được vuốt ve bởi màng nước rất mỏng, và bãi biển lúc này trông giống như sàn ván được đánh xi; nàng cũng cảm thấy nhoi nhói do các mảnh vụn vỏ sò ốc lạo xạo dưới gót chân. Trong khi nàng đi tới, quay lưng về phía vách đá nhô trên biển của mũi đất Manvieux, các lưỡi sóng mà biển bỏ lại đằng sau khi rút đi trở nên khó hơn để đi vòng quanh.

Emma bước đi cho tới mép nước rồi dừng lại, nhìn ra khơi. Từ đây nàng chỉ còn nghe tiếng lúc lắc của những hòn đá cuội và vỏ sò ốc nhào trộn bởi bọt nước. Tất cả quang cảnh này hiện ra rất xúc động đối với nàng từ khi

nàng xem cuốn phim của Spielberg, *Giải cứu binh nhì Ryan.* Nàng không thể lúc nào bước đi trên một bãi biển vùng Normandie mà không thấy hiện lên những hình ảnh lính tráng xơ xác, thân thể tan nát dưới làn mưa đạn vào sáng ngày 6 tháng 6 năm 1944. Nửa giờ đầu tiên của cuốn phim khiến nàng bắt đầu lo âu. Phần còn lại thì làm nàng bực mình. Sướt mướt, cung cách Hollywood nhàm chán, biết trước phần kết cả rồi. Trừ phi là chính câu chuyện – một người đàn bà tìm kiếm dấu vết của bốn đứa con trai mất tích trong chiến tranh – đã gây cho nàng cảm giác khó chịu. Brad đã chọc ghẹo nàng về chuyện này, cố tìm những nguyên do thuộc về phân tích học để hiểu phản ứng chối bỏ của nàng. Và, như từ trước đến nay, anh ta không quên đối chiếu với trường hợp của Rebecca: anh ta muốn nàng nói sự thật với con gái của nàng biết bao...

Nàng giận lắm. Nàng đã hứa là sẽ nói tất cả với Rebecca khi nó mười tám tuổi. Nhưng trước đó thì không. Tại sao Brad lại tỏ ra quá hấp tấp như thế? Vả lại, anh ta biết gì về tình cảm người mẹ? Anh đã có hai đứa con khi hai người quen nhau và không bao giờ nài nỉ có thêm con khác nữa. Anh ta trách nàng cái gì cơ chứ? Trách nàng tỏ ra vô cảm trước cái chết của một đứa con hay sao?

Cái chết à? Nàng thường đề cập đến cái chết, nhưng không phải với Brad. Với Barett thì có. Emma quả quyết là có cái gì đó sau cái chết. Dan tuyên bố mình theo triết lý bất khả tri. "Về phương diện phân phối tài nguyên, thì tôn giáo không có hiệu quả lắm, chàng nói với nàng một ngày nọ, theo cách thẳng thừng của mình. Có những điều ích lợi để làm ngày chủ nhật hơn là đi lễ nhà thờ." Chàng nghĩ gì về chuyện này ngày hôm nay? Chàng đang ở đâu? Bây giờ chàng đã biết cái sau-cái chết thì chàng có đổi ý không? Nàng nhớ lại cuộc nói chuyện cuối cùng giữa hai người về đề tài này. Đó là ở Ushuaia nước Argentina, vài tháng sau khi Mary, con gái chàng ra đời. Chàng vẫn tin chắc là không có gì trong trí óc con người mà không

thể, một ngày kia, lập trình được, dưới dạng một dãy số 0 và 1.

— Vậy sự xúc cảm thì sao, như xúc cảm của bà mẹ trước con mình? - Emma đáp trả. - Hôm nay thì anh hiểu cái chết hơn rồi, em chắc thế, phải không Dan?

Barett không nháy mắt.

— Một ngày kia người ta sẽ biết tách rời các yếu tố của trí óc con người giống như ta tách rời các yếu tố của một phần mềm. Nhưng em có lý, câu hỏi thực sự trong trường hợp này là tự hỏi về tính mục đích của sự hiện hữu của cái "phần mềm" này. Tại sao nó được tạo ra? Với mục đích gì mà người ta nghĩ ra nó? Vì ai?

Và chàng đã kết luận bằng một trong những câu nói bí ẩn này mà Emma yêu thích, bởi vì nó mở cửa cho một cuộc thảo luận khác mà hai người sẽ bắt đầu sau này.

— Thỉnh thoảng khi anh quan sát trí óc con người, sự ngạc nhiên mà nó mang lại cho anh thì gần với tình cảm sùng đạo hơn là sự phân tích khoa học.

Emma hạ mắt xuống cát trong khi nước mắt chảy trên đôi má. Cuối cùng thì nàng cũng khóc được! Nàng cảm thấy nhẹ người khi thấy vị mặn nước mắt trên môi. Nàng khóc tự nhiên, không kiềm chế. Giả như muốn chận lại nỗi buồn rầu se thắt cả cõi lòng thì nàng cũng không thể. Nàng do dự có nên nhảy xuống giữa các làn sóng, tự để mình chìm sâu giữa lòng biển mặn hay không.

Nàng chọn một tảng đá rồi ngồi bó gối, gục đầu giữa hai cánh tay. Tiếng sóng xô bờ át đi tiếng nức nở và nhấn chìm nỗi đau của nàng vào những cụm bọt biển. Nàng ngồi như thế nửa tiếng đồng hồ, người lả đi, mặc cho thân xác mình trút hết cơn buồn khổ.

Khi nàng tỉnh trí lại thì biển vẫn còn ở xa. Nàng cúi người lượm các vỏ sò ốc nhỏ xíu lấp lánh dưới ánh mặt trời. Đôi mắt nàng đẫm lệ. Nàng mơ hồ cảm thấy rằng cách duy nhất tiếp tục yêu Dan là trả lại công lý cho chàng. Chắc chắn là chàng đã tiên liệu những gì xảy ra hiện nay. Barett là một con người rất thận trọng, chàng đã đưa lên thành nguyên tắc quản lý là công ty Controlware lúc nào cũng phải giữ trong ngân quỹ số tiền tương đương với một năm thu nhập để dự phòng mọi vấn đề. Một người như thế thì không thể nào quên để lại đâu đó, cho ai đó, cái chìa khóa của backdoor. Nhưng mà ai đây?

Và bất chấp tất cả, nếu chính nàng là người giữ chìa khóa mà nàng không hay biết gì cả thì sao? Trí nhớ nàng rất thất thường, một mặt nó đủ sức ghi nhớ hàng ngàn con số và dữ liệu thống kê, nhưng mặt khác thì đôi khi lại quên phứt một cái tên, một khuôn mặt hay một giai đoạn trong cuộc sống của nàng. Vậy thì, nàng tự hỏi, vào lúc nào – và nhất là bằng cách nào – Barett có lẽ đã nói về *backdoor* với nàng? Những ý tưởng đêm qua không ngừng quay lại trong đầu nàng. Những hình ảnh cũng vậy, hình ảnh trên TV mà nàng đã bật lên vì không thể chợp mắt, lúc 2 giờ sáng. Đài *CNN* phát đi phát lại nhiều lần một phóng sự về Barett, một "nécro"[270] như các nhà báo thường gọi. Người ta thấy vài cảnh trong cuộc đời ông chủ Controlware: khi còn bé với bà mẹ, được bà gọi tên dùng trong nhà là "Treo"; sau đó là với mười hai nhân viên đầu tiên của xí nghiệp, tất cả đều để râu và tóc dài, trừ chàng; cuối cùng là Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc, trong văn phòng của chàng, một không gian đơn giản hết sức, chỉ trang trí bằng vài tấm ảnh: ảnh bộ vi xử lý Pentium, cùng ảnh Einstein và Henri Ford, Amelia và các đứa con, ảnh Emma và chàng chụp chung trong chuyến đi kinh doanh ở Trung Quốc, tất cả nằm kề chân dung vua Louis XIV. Tất nhiên, Emma chẳng thấy thêm điều gì mới trong cái phóng sự đó.

Không có gì làm nàng ngạc nhiên, ngoại trừ một cảnh ngắn trong đó người ta nhận ra Barett ở Versailles dự bữa tiệc tối xa hoa của Hội những người bạn Mỹ ở Galerie des Glaces trong lâu đài. Emma còn nhớ buổi dạ hội này, Barett có kể lại cho nàng nghe. Một loại dạ tiệc không thể nào quên được đối với một người Mỹ, dù từng quen gặp các ngài tai to mặt lớn của thế giới. Những người "khách mời", phần lớn là các nhà tài trợ cho lâu đài, đã trả mười ngàn đô-la cho một chỗ ngồi ăn. Barett được đặt ngồi bên cạnh công chúa de Kent, cạnh Steve Rockefeller (chắt của John, chính là nhà tài trợ lớn đầu tiên của Versailles) và Malcolm Forbes, ông trùm báo chí. Những ngọn đèn chùm của hành lang soi sáng, bên ngoài, cái bóng lạnh lẽo của các bể nước trên khoảng vườn Bắc và Trung tâm. Những pho tượng xung quanh đều được rọi sáng. Và một nghệ sĩ ánh sáng đương đại cho quét những tia sáng dọc theo Tapis vert cho tới bể nước Apollon. Cảnh nhìn thật là hoành tráng, giống như dạ tiệc... và các món ăn. *Fondant d'espadon sur son lit de courgettes et d'oeufs de caille. Vénus framboisier à la vanille de Madagascar*, [271] v.v... Không thể nào dịch ra được. Một bữa ăn do Pierre Gagnaire đứng nấu và các món tráng miệng do Lenôtre sửa soạn. "Cái anh Lenôtre này, đẳng cấp quá đi, đáng lẽ em nên xem!", Barett xuýt xoa kêu lên, dù anh chẳng thích ăn các món tráng miệng gì cho lắm, khi anh kể lại bữa ăn cho Emma. "Chính là nghệ thuật nằm ngay trong dĩa thức ăn đó em! Là sáng tác, chỉ là sáng tác không thôi, em không thể tưởng tượng nổi đâu! Các anh chàng đó không những có trực cảm về nghệ thuật nấu bếp mà còn về cái đẹp. Và cái đẹp, Emma ơi, em biết rõ mà, chính nó sẽ cứu vớt thế giới. Những anh chàng như Gagnaire hay Lenôtre, nghe anh nói nè, họ sẽ cứu vớt thế giới một ngày nào đó, Dan tiếp tục trong sự cường điệu dễ thương. Emma, lặp lại theo anh này! Lenôtre sẽ cứu vớt thế giới! Đừng bao giờ quên điều này nghe!"

Emma còn nghe câu nói đó vang dội bên tai. Một trong những câu nói lạ

lùng, tiêu biểu này nơi Barett khi chàng bắt đầu tỏ ra cuồng nhiệt. Vả lại, đó là lúc duy nhất mà Dan làm nàng bực mình thực sự: khi thấy lạc hướng vì những lỗ hổng trong các kỷ niệm của cô bạn mình – cái mà anh gọi là "những lỗ đen trong trí nhớ sống động của nàng" – chàng đòi nàng lặp lại theo chàng câu cách ngôn xuất sắc mà chàng vừa tung ra hay các đặc điểm của một nơi chốn họ vừa đi xem. "Hạnh phúc không nằm ở chỗ nhận được cái gì mình muốn, nhưng muốn cái gì mình nhận được. Emma, lặp lại này! Nhớ đấy nghe Emma!", "Con cái ư? Ta nên để lại cho chúng đủ tiền để chúng có thể làm những gì chúng muốn, và đủ ít để chúng bị bắt buộc phải làm cái gì đó.", "Một nơi chốn đẹp nhất thế giới là đây, dưới mắt em: ngày 29 tháng tư, vào lúc 17 giờ, em đã thấy từ trên cao của Corcovado[272], hai bãi biển đẹp nhất thế giới, Ipanema và Leblon. Emma, lặp lại này! Corcovado! Ipanema, Leblon! Lặp lại theo anh nào!" Mỗi khi Barett ra lệnh như thế, Emma cảm thấy khó chịu; nàng không còn chắc chắn đó là một trò chơi nữa, nàng tự hỏi không biết chàng đang bước qua, vào lúc đó, cái biên giới mong manh ngăn cách thiên tài với điên khùng. Nhưng rồi nàng cũng quên đi. Cái duyên của Dan, tình thương yêu mà nàng dành cho chàng, cũng như sự cuốn hút nào đó, dù từ lâu rồi giữa họ với nhau thì "tính dục đã bị vượt qua" như chàng nói, tất cả các thứ này nhanh chóng chế ngự nỗi bực dọc nơi nàng.

Thủy triều bắt đầu dâng lên. Emma còn ngồi thêm một lát trên tảng đá nhìn biển và để cho những luồng nước đầu tiên dịu dàng trượt qua hai bàn chân nàng rồi một lát sau sẽ khiến nàng lui về phía bãi cát sỏi. Rồi nàng đứng dậy, quay người đi lên từ bãi biển để về khách sạn. Lên tới mặt đường, nàng đi dọc nhà hàng La Marine: nó đầy nghẹt khách tụ tập trước màn hình TV. Tiếng huyên náo trong ngôi làng Arromanches vẫn không chấm dứt. Con đường trước khách sạn thì bị chặn lại. Một tài xế xe bus đang gây gổ với một gã lái xe kéo, có lẽ vì đã không để anh ta đậu xe. Nhiều người lái

xe đã bỏ mặc xe mình trên các lề đường, thậm chí ngay giữa lòng đường. Chỉ có các xe mô tô còn có thể len lách giữa đám xe hơi. Emma băng qua đường thì đột ngột phải dừng lại trước một xe tải giao hàng nhỏ đậu chắn ngang đường. Nàng nhận ra bảng hiệu của chiếc xe này: đó là cái lôgô của Lenôtre. Lạ thật! Nhà thầu ăn uống này đã phải giao các món ăn cho các đại biểu thì có gì đâu mà ngạc nhiên, nhưng điều lạ là trúng vào chuyện nàng nghĩ đến ông làm bánh danh tiếng này chỉ vài phút trước đó thôi.

"Emma, lặp lại theo anh này! Lenôtre sẽ cứu vớt thế giới."

Nàng đành nhếch mép cười lúng túng và nghĩ thầm: "Ông ta không sắp sửa cứu vớt thế giới đâu, cái ông Lenôtre tốt bụng này. Bị kẹt ở đây, như mọi người."

Vậy mà vẫn có cái gì làm nàng bức bối trong câu nói này của Dan mà nàng không tài nào quên được. Nàng đã cố tìm nhưng cũng vô ích... Dan nói như đinh đóng cột những lời có ý nghĩa với chàng nhưng đối với nàng thì chúng có vẻ vô nghĩa. Trong phần lớn trường hợp, chàng thốt chúng ra để báo cho nàng biết là hai người đang sống cùng "một thời điểm quan trọng" và ra lệnh cho nàng đừng bao giờ quên. Nhưng chuyện Lenôtre thì sao? Các suy tưởng của chàng về ông đầu bếp và cái bí mật của riêng chàng chẳng có lợi ích chi cả. Emma cắn môi. Dan, dù xuất chúng đến mấy đi nữa, đôi khi vẫn nói để không nói gì.

Trong khách sạn, cảnh náo động đã lên đến đỉnh điểm. Các cô, các bà phụ trách tổ chức cuối cùng đành từ bỏ các phiên họp chót của WAC và hủy buổi tiệc tối bế mạc. Hẳn là họ chỉ còn một mục tiêu: tìm ra xe cộ để đưa các đại biểu về lại Paris.

Vào lúc Emma sắp sửa đặt chân lên cầu thang bộ để về phòng thì Pierre xuất hiện, thở hổn hển. Áo sơ mi của anh đẫm ướt và mở phanh một nửa. Mái tóc đen của anh dính bết vào hai bên thái dương vì mồ hôi. Nàng phải

dằn lòng để không lao vào vòng tay anh. Chính anh tiến về phía nàng, đặt bàn tay lên cổ tay nàng. Chỉ cái tiếp xúc đơn giản này mà nàng thấy rung động cả lồng ngực. Một cảm xúc nhanh như chớp và không thể giải thích được. Nàng xoay đầu sang hướng khác.

— Emma! Em có vẻ không khỏe...

Nàng thích dấu hiệu quan tâm này, dù tình trạng anh thấy cũng chẳng tốt gì hơn.

— Không, không sao... em từ biển về đây và mặt dính bụi nước. Nhưng anh, nói đi, trông mặt anh lo lắng quá! Mọi chuyện ổn chứ?

— Mệt đến chết! Anh trải qua buổi sáng phát điên. Chẳng có gì chạy cả. Làm sao mà sắp xếp mọi thứ với những cái bất thường thế này cơ chứ? Hệ thống điện thoại thì bị nghẽn. Anh không biết cách nào chở đồ thiết bị xuống Marseille, bình xăng xe tải thì đã cạn hết ba phần tư và các trạm xăng thì chẳng còn một giọt.

Chàng nói mà không rời mắt nhìn nàng. Bộ váy áo của *superwoman* trên người nàng thì đối nghịch với bộ mặt ủ rũ và đôi mắt thâm quầng. Anh thấy ra cổ áo sơ mi nữ khoét sâu của nàng. Người Anglo-Saxon có một từ để chỉ khoảng không gian giữa hai vú đàn bà, cái lũng da màu sữa óng ánh: “cleavage”. Từ này cũng đẹp như cái nó chỉ định.

Pierre không muốn để Emma bỏ đi. Ai biết khi nào mới gặp lại nhau?

— Em đi ăn nhẹ cái gì không? - Anh đề nghị.

— Em đã sắp sửa lên phòng, em cũng mệt nhừ cả người đây...

Emma cảm thấy không đủ sức ăn ngay cả một ngọn xà lách nhưng nàng vẫn theo anh đến phòng ăn. Nàng thấy các bắp thịt trên vai anh dưới lớp áo sơ mi và quan sát hai cẳng tay rám nắng. Nàng tự nhủ là hai người đã

không chọn những tình thế tốt nhất để khởi động. Nhưng khởi động cái gì cơ chứ? Một tình bạn sao? Một quan hệ tình ái à? Nàng không thể làm như chẳng có chuyện gì xảy ra. Và càng không thể phủ nhận sự cuốn hút mà nàng cảm nhận khi gặp anh.

Hai người vào phòng ăn; một anh bồi lại gần bàn họ.

— Đồ uống thì có nước khoáng Perrier hay "demi"[273], nhà hàng chỉ còn thế thôi, - anh ta nói với giọng chán nản.

Emma gọi một chai Perrier và Pierre một "demi".

— Em biết đấy, - anh thở dài, - đầu lắc lắc, anh tự hỏi các bạn em có lẽ tốt hơn nên hủy bỏ cuộc họp buổi sáng cuối cùng của WAC. Nó hỗn loạn làm sao ấy! Chẳng có gì chạy cả.

— Sáng nay thì chạy chứ, - Emma đáp trả. - Trong buổi hội nghị khai mạc toàn thể, đâu có vấn đề gì.

Pierre đã nghe bài nói chuyện của Emma trong vài phút, anh vẫn thấy mình bị quyến rũ bởi sự đối chọi giữa một Emma Shannon trong vai trò "bà thầy của vốn đầu tư mạo hiểm" với các nụ cười ước định và giọng lưỡi quả quyết, và người đàn bà dịu dàng và vô tư lự mà anh đã làm tình ở bãi biển. Anh ước gì ôm nàng trong vòng tay để thấy nàng hóa thân thêm một lần nữa. Nhưng phép lạ thì chỉ xảy ra một lần thôi.

— Đúng thế, cho tới 10 giờ 30, - anh cố nói tiếp, - nhưng ở các phòng họp khác và buổi họp tiếp theo thì tai họa xảy ra. Hai cái Barco ở tầng một bị nổ. Bọn anh đã lọ mọ chắp nối sao đó để cho buổi họp ban trưa, nhưng đến đó thì lại thiếu người họp: chỉ còn ba chục chị em ta là nhiều nhất...

Anh bồi mang đồ uống và hai khay đồ ăn làm sẵn.

— Anh chỉ có mấy thứ này thôi à? - Pierre hỏi.

— Pierre, đừng có kêu ca! Chính Lenôtre giao đồ ăn nấu sẵn đó. Và bây giờ đã 15 giờ 30 rồi.

— Rồi sao nữa? Lenôtre hay ai khác, thức ăn trên khay thế này, anh ăn quanh năm suốt tháng đó! Anh chán ngấy với mấy thứ cá hồi đông và bánh táo, với mấy con dao nhựa cắt kêu kèn kẹt trên dĩa giấy. Tối nay anh sẽ đi tiệm và...

Emma không để cho anh chấm dứt câu nói và đưa tay cầm ly Perrier.

— Các vị ở Pháp này, các vị làm tôi cười thật đó! Khi các vị không có được bữa ăn trưa hoàn hảo, nóng hổi, mặn vừa đủ, cho tiêu vừa đủ, ăn suốt hai giờ, thì các vị kêu ca đến điếc tai! Anh nên đi qua Mỹ thường hơn. Những đầu bếp cỡ Lenôtre, bọn tôi nhập khẩu hàng tá! O.K., bọn tôi biết làm mấy cái phần mềm, mấy cái cầu dẫn, nhưng các vị thì có những tay làm bánh ngọt xuất chúng! Ông ta tên là gì nhỉ, cái ông đã tạo ra thương hiệu Lenôtre đó? André phải không?

— Chắc chắn là không phải André rồi, - Pierre phản ứng. - André, chính là người tạo vườn cảnh cho vua Louis XIV. Và tên ông ta viết bằng hai từ cách nhau: “Le” và “Nôtre”. Với chữ N viết hoa.

Emma đặt mạnh ly nước xuống bàn làm nó trào ra.

— Không, không thể thế được!

— Có chuyện gì vậy?

— Chờ một chút...

— Nhưng gì cơ chứ, nói đi!

Emma nhìn chằm chằm vào mắt Pierre và nói thật nhanh:

— Em vừa hiểu ra điều gì đó. Pierre, phải đi đến Versailles, giải pháp ở

ngay chỗ đó, em chắc mẩm như thế!

— Cái gì? Em muốn đi đâu đây?

Nàng nói nhanh đến nỗi anh chỉ hiểu được một nửa câu nói. Anh bảo nàng lặp lại. Trễ quá rồi. Emma Shannon đã rời khỏi phòng ăn và vội vã đi về phía sảnh khách sạn.

http://tieulun.hopto.org

22

— Taxi à? Thưa bà, đừng mất công nghĩ đến làm gì! Bà là người thứ hai mươi ngày hôm nay hỏi tôi xe. Chẳng còn chiếc nào ở Bayeux Taxis. Ở Caen cũng không. Xin lỗi, tôi có cuộc gọi khác.

Emma hầu như không thể chịu được sự thiếu nhã nhặn của mấy nhân viên lễ tân. Một lần nọ, nàng đã làm lớn chuyện, ở hội đồng quản trị của Motel 8, một hệ thống khách sạn trong đó công ty của nàng đã đầu tư hai mươi triệu đô-la và đang làm ăn thua lỗ. "Hễ một khách hàng than phiền là mười khách hàng bỏ đi trong im lặng!"

Nhưng ngày hôm nay tên nhân viên tội nghiệp đó có lý do biện hộ.

Emma đi cầu thang bộ để lên phòng nhanh hơn. Nàng đóng sầm cửa lại, hất tung đôi giày hiệu Tod's về phía màn cửa, bật máy TV theo quán tính, và ngồi trên giường, hai chân gập lại. Tên của hãng taxi địa phương, Bayeux Taxis, được in rõ trong cuốn sổ chào mừng khách hàng đặt trên bàn đầu giường. Nàng cố gọi cho họ.

— A lô!

Im lặng ở đầu dây bên kia.

— Bayeux Taxis?

Một giọng nói mệt mỏi và ồm ồm trả lời. Âm thanh nghe không rõ. Một

tài xế trả lời từ trong xe mình, chắc thế.

— A lô, tôi nghe. Có chuyện gì đây?

Emma tắt âm thanh của cái TV.

— Tôi cần một taxi đi Paris, tôi đang ở khách sạn Ovelord. Ông có xe chứ?

— Đi đâu?

— Paris, nói đúng hơn, Versailles.

Một tiếng cười vang lên thay câu trả lời.

— A, thưa bà, cái đó thì tôi xin lỗi! Chắc là bà không hề đi ra ngoài. Ngay việc từ đây ra tới xa lộ đã là không được rồi! Mọi người bị kẹt cứng trong vùng này... Với xe tải chở bã nguyên tử bị chặn trên xa lộ bốn làn xe, bà có nghe tin chứ? Một ngày nào đó có cái sẽ nổ tung ra, nó đang đe dọa chúng ta đó! Hơn nữa, bọn tôi hầu như chẳng còn dầu diesel nữa, tôi và các đồng nghiệp. Có vẻ như bọn tôi được ưu tiên, xe chữa lửa, xe taxi, xe cứu thương, nhưng các trạm xăng đã hết hàng dự trữ. Vài xe taxi còn chạy được tới Caen. Nói đúng hơn, những xe nào còn nhiên liệu. Phần tôi thì chỉ còn đủ cho một giờ là nhiều nhất...

Emma còn nghe tiếng xèo xèo khó chịu trong máy, rồi đường dây bị cắt. Nàng bấm lại số. Nhưng không thể gọi được cho hãng.

Không có taxi đi Versailles. Không còn taxi nào nữa. Nhưng còn mà. Đi Caen, nếu mọi chuyện suôn sẻ. Emma nhận ra là tâm trạng bối rối đã ngăn cản nàng suy nghĩ. Bayeux Taxis... Bayeux... Nàng cảm thấy bàn tay co quắp trên máy điện thoại di động. Bayeux! Nhưng có một chiếc xe dành sẵn cho nàng ở Bayeux cơ mà! Khi chuẩn bị cho chuyến đi chơi vùng Normandie với Rebecca, nàng đã đặt thuê trước một chiếc xe hơi ở hãng Hertz cho thứ bảy

tuần sau để mà hai mẹ con có thể lái đi dạo quanh vùng. Tại sao nàng đã không nghĩ đến chuyện này sớm hơn? Văn phòng hãng cho thuê xe chắc mở cửa. Và có lẽ nàng có thể lấy xe sớm hơn một ngày. Số điện thoại đã ghi trong sổ. Mã số khách hàng của nàng cũng vậy. Để khi cần.

— Hertz, xin chào, Stéphanie sẵn sàng giúp ông bà.

— Chào bà, đây là bà Shannon, Emma Shannon. Xin bà nghe này... Tôi có thuê một xe cho ngày mai, thứ bảy, ở Bayeux, và tôi muốn biết là tôi có thể lấy xe từ ngày hôm nay không?

— Bà có mã số đặt xe chứ?

Nàng đã biết trước câu hỏi này rồi.

— 00235678 H 12.

— Shannon, đúng rồi. Một xe Renault Laguna. Thứ bảy 15 tháng 9, trưa. Việc đặt xe của bà được ghi đúng ở đây.

— Vâng, cảm ơn. Nhưng bà có biết là tôi có thể dùng xe chiều nay không?

— Xin chờ một chút, tôi đi hỏi.

Nhạc Vivaldi bắt đầu tuôn ra. “Không bao giờ để nhạc kéo dài hơn một phút trong các doanh nghiệp được quản lý tốt. Qua ngưỡng này thì khách hàng phát bực.” Emma nhớ lại, dù không muốn, các tiêu chuẩn căn bản của một dịch vụ có chất lượng. Ở nước Pháp, họ hiếm khi áp dụng chúng.

— A lô, bà Shannon?

— Vâng.

— Đúng như tôi đã nghĩ. Xe cho bà thì có sẵn đó, nhưng chúng tôi không thể giao nó cho bà.

— Tại sao thế?

— Bình xăng trống không. Bà biết đấy, vì các biến cố xảy ra mà tất cả trạm bán xăng đều hết hàng dự trữ.

— Bà có một chiếc xe thuộc hạng khác nhưng đầy xăng không?

— Để tôi đi xem. Bà có thể gọi lại tôi trong mười lăm phút nữa chứ?

Gọi lại. Cứ còn phải gọi lại!

— Tại sao tôi phải gọi lại cơ chứ? Tại sao không phải là bà làm chuyện này?

Emma ném điện thoại di động lên gối, ngồi bên mép giường và dùng lòng bàn tay chà lên đầu tóc để lấy lại bình tĩnh. Nàng cầm lấy thiết bị điều khiển từ xa và bật TV. Đài *CNN* vẫn còn phát đi các hình ảnh lưu trữ của Barett. Người ta thấy chàng ở châu Phi, kiểm tra các kết quả của chương trình diệt trừ sốt rét của mình, rồi ở Calcutta, trong các khu ổ chuột. Người đàn ông giàu nhất thế giới, nhà doanh nghiệp phát đạt nhất, dần dần biến thành ân nhân của loài người. Từ vài tháng nay, Emma hay trêu chọc chàng về chuyện này để ngăn cản chàng trở nên quá tự phụ.

— Anh biết anh là gì chứ? - Nàng đã nói với chàng vài tuần trước đó. - Đứa con hoang của Mẹ Teresa và ông già Noel!

— Em cứ nói đùa! Nhưng em biết Carnegie đã nói gì không? “Ai chết giàu là chết vô phước.”

Chàng không nói giỡn chơi. Từ khi chàng quyết định dành cả tài sản mình cho việc xóa đói giảm nghèo, Dan muốn, giống như với các phần mềm, là người đứng nhất. Lớn nhất. Có khả năng nhất. Chàng quan sát công việc của các nhà tỉ phú khác đã bỏ tiền vào các tổ chức từ thiện: Gordon Moore, nhà phát minh ra chất bán dẫn, George Soros hay các

Walton con, giống như chàng, đã lao vào công tác từ thiện trên qui mô lớn. Chàng theo dõi việc đầu tư của họ, vị trí của họ trên bảng xếp hạng các doanh nhân bác ái, số tiền họ bỏ ra cho sự nghiệp từ thiện của mình, và nhất là hiệu quả của tiền bạc mang tặng.

Trên TV, người bình luận thời sự của *CNN* phân tích sự sụt giảm của cổ phiếu Controlware trên sàn chứng khoán. Mất hết 17% trong hai ngày. Đúng là không có Dan, Controlware có nguy cơ trở thành một xí nghiệp giống như các xí nghiệp khác. Và nàng, Emma, nàng có nguy cơ trở thành một người đàn bà giống như những người đàn bà khác, bây giờ nàng có mất đi cái "punching-ball"[274] trí thức không? Một giọt lệ, lần nữa, ứa ra từ mắt nàng và vẽ ra một đường cong đen dưới mi mắt. Một quầng thâm buồn bã, giận dữ, bất lực, nàng sao biết được cơ chứ.

Để tránh sốt ruột và đau lòng, nàng bật máy tính và bắt đầu đọc thư điện tử. Nhưng nàng không thể trả lời, như thể cuộc sống cứ trôi theo dòng như trước đối với những người đang yêu cầu nàng ra quyết định hay đề nghị nàng những cơ hội đầu tư. Họ không hiểu là các mối bận tâm của họ không còn có ý nghĩa gì lớn khi thế giới phụ thuộc hoàn toàn vào một nhóm khủng bố mạnh nhất mà trái đất từng biết cho tới bây giờ sao? Họ không hiểu là cuộc đời họ từ rày về sau tùy thuộc vào ý thích của bọn tin tặc sao? Hơn nữa, mục tiêu sắp tới của bọn chúng là gì? Sự rối loạn toàn diện ở các đài kiểm soát không lưu? Một cuộc tấn công vi trùng? Một vụ nổ nguyên tử?

Không! Tự để bị lôi cuốn theo chiều hướng đó thì thật là vô ích. Emma phải chấm dứt nỗi kinh hãi. Nàng hít thở sâu để cố xua đuổi những ý nghĩ đen tối ra khỏi trí óc và bắt đầu xếp va-li: việc này bao giờ cũng tiết kiệm trước thời gian một khi nàng tìm được cách rời khỏi Arromanches.

Và bà nhân viên hãng Hertz đã không gọi lại, tất nhiên là thế rồi. Nàng cố gắng liên lạc với hãng nhưng không ngạc nhiên khi thấy đường dây điện

thoại bị bận.

— Mẹ kiếp, làm sao ra khỏi đây?

Tàu lửa thì sao? Nhà ga Bayeux. Đó là chỗ mà Rebecca đã nói với nàng là sẽ xuống đó. Có lẽ còn có những chuyến tàu đi Paris chiều nay không? Nàng gọi cho quầy lễ tân khách sạn. Hai chục tiếng reo trong khoảng không. Một nhân viên nổi khùng. Tiếng í ới của các nữ đại biểu gây ồn ào trong máy. Trời nóng. Nàng cảm thấy kiệt sức.

— A lô?

— A lô?

— Lễ tân?

— Vâng, tất nhiên rồi. Xin bà vui lòng nói nhanh lên, chúng tôi bị quá tải rồi.

Nàng hít vào từ từ. Bây giờ thì không phải lúc để suy sụp.

— Emma Shannon đây, phòng 17. Tôi muốn biết có tàu lửa đi Paris chiều nay không?

— Thưa bà Shannon, nhân viên lễ tân trả lời bực dọc, chúng tôi vừa để tấm biển ở quầy lễ tân, bà không thấy à? Tất cả chuyến tàu đi Paris đều hủy bỏ. Nhà ga Saint-Lazare thì gần như đóng cửa. Ga du Nord cũng vậy. Vài TGV còn chạy nhưng họ đã đóng các đường tàu lớn. Và tôi không nói đến mấy đường tàu nhỏ đâu! Chúng tôi, ở đây, không có TGV, mà còn đi bằng "turbotrain"[275] đó! Vậy thì đừng nằm mơ.

— O.K. Cảm ơn.

— Không có gì.

— Chờ chút xíu...

— Thưa bà Shannon, còn gì nữa?

— Phi trường Caen chắc cũng đóng cửa?

Emma đặt câu hỏi một cách bâng quơ. Nàng đã đáp xuống đó, ở Carpiquet, ba ngày trước. Chuyến bay thẳng từ Luân Đôn, nơi nàng đã dự buổi họp thường niên của Motel 8, thì thuận tiện để tiếp nối với đại hội WAC. Có thể có cơ may là có một hãng máy bay tư nhân khai thác đường bay Carpiquet-Orly, hay Roissy... Nhân viên lễ tân cười khẩy:

— Thưa bà Shannon, nếu bà có chiếc phản lực riêng thì bà lúc nào cũng có thể thử được mà...

Emma đặt điện thoại xuống. Lần này thì thở thật chậm để tự buộc mình thư giãn. Giá mà nàng thuê xe ở phi trường rồi lái về đây, như nàng thường làm mỗi khi đến Pháp! Brad, phần anh, thì có tài xế đón.

Brad. Vào lúc này, anh có vẻ xa xôi quá rồi! Từ sáng đến giờ nàng chẳng nghĩ gì đến anh cả. Những tin nhắn mà máy di động của nàng báo hiệu chắc là do anh gửi. Nói đúng hơn, ít nhất có một cái. Nàng chẳng rảnh chút nào để đọc chúng. Nàng bấm số hộp thoại[276] của mình: đúng là Brad rồi, anh tỏ ra lo lắng. Các cuộc mưu hại. Nỗi ám ảnh chung về thuốc mélatonine. Barett. Sàn chứng khoán. Controlware. Anh kể ra mọi chuyện như thể nàng không biết gì. Bên Mỹ, người ta lúc nào cũng có cảm tưởng là mình ở trung tâm thế giới. Là mọi sự đều xảy ra ở đây; là những người khác đều chậm chân, phải đi đàng sau. Brad lưỡng lự không biết có nên bán các cổ phiếu Controlware của mình không và hỏi ý kiến nàng. Tốt hơn là nên mua thêm chúng lúc này, nàng nghĩ. Anh lầm lạc rồi, tội nghiệp!

— Bây giờ thì chính ở nơi đây, ở nước Pháp, mà mọi sự diễn biến, - nàng nói to.

Tại sao Emma tỏ ra chắc chắn là chìa khóa của *backdoor* nằm trong ngôi

biệt thự của Barett ở Versailles như thế? Có phải vì Dan không làm chuyện gì tình cờ cả hay sao? Có phải Dan bao giờ cũng dựa vào nàng trong những giờ phút quyết định, dù hai người chỉ gặp nhau hai hay ba lần mỗi năm, ngoài cái cuối tuần "theo hợp đồng" nổi tiếng đã làm tốn hao bao giấy mực? Dan không kể cho nàng nghe tất cả chuyện đời chàng, và nàng cũng vậy, nhưng hễ lúc nào hai người đối diện nhau thì sự tiếp xúc trở nên thân thiết ngay lập tức, như thể hai người vừa mới chia tay nhau ngày hôm trước. Lúc đó, họ làm chuyện, theo lời họ, "cập nhật hóa" và "đồng bộ hóa" cho cả hai người. Sự thông đồng trí tuệ giữa hai người tái hiện một cách tự phát và hài hòa, giống như một cơ thể được huấn luyện kỹ càng đủ sức lao ra mà không cần khởi động làm nóng người. Khi nghĩ đến chuyện các cuộc gặp gỡ lâu ngày như thế này sẽ không bao giờ xảy ra nữa, nàng thấy cả cõi lòng tan nát.

Emma không nghe hết lời nhắn và bấm sang lời nhắn tiếp theo. Của Rebecca.

"Mom, con không thể đi Normandie..."

Hiển nhiên thôi. Emma bây giờ phải tự thú nhận: cuộc đi chơi ngắn ngày này xem như bỏ.

"... nhưng dù sao con phải nói chuyện với mẹ. Quan trọng lắm. Khẩn cấp lắm. Và... trầm trọng lắm."

Có cái gì có thể quan trọng hơn và khẩn cấp hơn những biến cố sắp sửa đưa thế giới phương Tây đến chỗ hủy diệt?! Emma dằn lại cơn bực bội đầu tiên của mình. Nói cho cùng, con gái nàng không thể nào nhận ra tầm cỡ của sự đe dọa. Có thể nó bị chuyện gì nghiêm trọng không? Nó có bị bệnh nặng không? Giọng nó có vẻ ngập ngừng.

Thảm họa được loan báo trước đột ngột rơi xuống hàng thứ hai. Rebecca cần nàng. Rebecca đã gọi điện cho nàng. Đúng là nàng đã không chăm sóc

con gái mình trong mười lăm năm đầu tiên của đời nó. Nàng sinh nó khi còn quá trẻ. Nàng phải làm việc, phải xây dựng cuộc sống của chính nàng. Vả lại, mẹ nàng, Anne-Laure, bà ngoại của Rebecca, ở sẵn đó. Một bà ngoại trẻ: bà chỉ mới bốn mươi ba tuổi khi đứa cháu ngoại ra đời, và người ta thường tưởng bà là mẹ nó. Trong suốt thời gian mà Anne-Laure ở đó, Emma biết là bà chăm sóc tốt, ngay cả tốt hơn – hay ít ra là sẵn sàng hơn – nàng. Chỉ khi bà ngoại đổ bệnh thì mẹ và con mới gần gũi nhau. Rebecca do dự rất nhiều giữa chuyện đi sang Mỹ sống với mẹ hay rời bỏ Opéra de Paris sau bao nhiêu cố gắng tập luyện để được nhận vào. Cuối cùng Emma đành quyết định để Rebecca tiếp tục ở lại Paris nhưng sang sống chung với Alice, bà dì của nó, có nhà ở khu Montmartre. Nhưng quyết định này đè nặng lên tâm trí nàng mãi.

Nàng phải gọi cho con. Nhanh lên. Ngay khi nàng nghe xong tin nhắn cuối cùng trong hộp thoại.

"Chào Emma. Đây là..."

Giọng nói làm nàng giật mình. Nàng nhận ra cái giọng người vỡ mộng của Granier.

"... Granier. Chúng ta đã không gặp lại nhau từ lúc ăn trưa, tiếc lắm đó. Tôi hy vọng là cô không để mình bị tác động bởi các biến cố."

Làm sao mà gã dám ăn nói như thế? Làm sao mà không bị "tác động", như anh ta nói, bởi bầu không khí càng lúc càng nặng trĩu lo âu, những tai nạn này, những cái chết không giải thích được này, những tên khủng bố đang dần dần nắm lấy quyền kiểm soát thế giới này? Đó là không nói đến cái chết của Dan...

"Tôi có đến nghe bài nói chuyện khai mạc của cô sáng nay, Granier nói tiếp. Tôi muốn nói về nó với cô. Chuyện là cuốn tiểu thuyết mà tôi đang viết cũng bàn

về đề tài này. Nhân vật chính gặp một nữ doanh nhân... thôi, tôi sẽ kể thêm sau. Nhưng tôi muốn chúng ta nói chuyện với nhau về nó. Cô có thể gọi cho tôi ở số 06 11 72 22 01. Tôi ở đó tới ngày mai. Sau đó thì tôi quay về nhà mình ở La Hague. Hẹn gặp nhau sớm, tôi hy vọng thế."

Emma cảm thấy tim mình đập tận thái dương. Granier! Tại sao nàng không nghĩ đến gã sớm hơn? Gã đến từ La Hague mà. Gã sẽ quay về đó. Gã có xe hơi. Gã có thể cho nàng mượn xe! Nàng đứng phắt dậy, và vừa bước về phía cửa sổ để lấy lại đôi giày nằm dưới màn cửa, vừa bấm phím số 4. Phím này cho phép gọi lại người cuối cùng gọi đến máy nàng.

Hãy bấm số điện thoại muốn gọi và chấm dứt bằng dấu thăng.

Chán mớ đời! Granier đã giấu số điện thoại của mình. Emma phải nghe lại tin nhắn để có thể bấm số.

"Xin chào, ông, bà đang gọi di động của Jean-Philippe Granier..." Bây giờ lại để máy ở chế độ tin nhắn bằng lời nói.

— Shit!

Nàng tắt và ném điện thoại lên giường.

— Tại sao thằng ngu này lại tắt máy cơ chứ?

Nàng nhìn quanh phòng tìm một chai nước khoáng nhỏ nhưng không thấy. Nàng chạy vào phòng tắm, vặn nước cho đầy ly rồi dừng lại trước gương một cách máy móc. Khuôn mặt nàng hõm vào, lộ vẻ mệt mỏi. Thuốc chải lông mi chảy nhòe tạo nên hai vòm cung màu đen nhạt dưới mi mắt. Nàng nhớ lại câu đùa mập mờ mà Bernie Puttman dám nói ra trong một buổi ăn tối với Barett. Nàng quen biết Puttman từ nhiều năm và anh ta có vẻ xem nàng như một người đàn ông, thường gọi nàng bằng họ chứ không bằng tên.

— Shannon này, - anh ta thốt ra, mỉm cười nơi khóe miệng, - ít ra em không cần mang xách tay...

Emma lúng túng nhìn anh ta, chờ những lời dễ thương sắp tiếp theo.

—... vì em đã có hai cái túi dưới cặp mắt tối nay!

Anh ta đã thốt ra những từ cuối này trong tiếng cười phá lên.

Đúng là thứ hành vi mất dạy tầm cỡ toàn cầu! Và Barett, thay vì bảo vệ nàng, lại mỉm cười một cách ngu ngốc. Dan biết tỏ ra hèn nhát khi muốn. Thế mà chàng lại tin cậy Puttman! Con bò mộng này có lẽ đang xúi giục một vụ cướp tin học lớn nhất trong Lịch sử.

Emma xem xét một lần nữa giả thuyết này. Không, nó không thể đứng vững được. Dĩ nhiên, chính Controlware sẽ hưởng lợi từ tội ác này, trong dài hạn: những biến cố từ mấy hôm nay đã trải thảm đỏ đón tiếp hệ điều hành mới, dự tính ra mắt vào năm 2008 và loan báo là "không thể xâm phạm được". Nhưng tại sao xí nghiệp hàng đầu của công nghệ tin học thế giới lại cần gây ra bao nhiêu cái chết chỉ để làm cho phần mềm mới của mình trở nên thiết yếu? Nó có thể đạt mục đích này mà không gây ra nhiều thiệt hại như thế cơ mà.

Nàng giật mình, nhận ra là nàng đang để mình cuốn theo mối ác cảm xưa kia đối với Puttman – và tất nhiên, do sự căng thẳng của tình hình. Chút xíu nữa thì nàng đã quên mất Rebecca, tin nhắn đầu tiên trong máy, và cái giọng run rẩy của con gái nàng.

Nàng chọn tên Rebecca trong bảng số điện thoại và bấm nút gọi. Vài giây sau màn hình nhấp nháy.

Nghẽn mạng.

Emma tắt máy với một ngón tay co quắp. Tại sao Rebecca tìm cách gọi

cho nàng? Nó muốn nói với nàng chuyện gì? Nó không phải loại người bốc điện thoại lên mà không có lý do chính đáng. Giống như Emma, nó không thích mất thì giờ. Giữa mẹ và con, hai người không điện thoại nhau để nói tầm phào, nhưng chỉ khi có chuyện gì đó để trao đổi. Đàn bà đóng góp quá nhiều vào lợi nhuận của các hãng điện thoại.

Emma bắt đầu quay tới, quay lui trong phòng như con thú trong chuồng. Nàng sẽ gọi cho Rebecca sau, nhưng trong khi chờ đợi, nàng nhất thiết phải gặp Granier; nàng vừa kiểm tra lại là gã không có mặt ở khách sạn. Nàng có nên đi xuống, rảo bước quanh sảnh, nhà hàng hay bãi biển với hy vọng gặp gã giữa đường không? Bấp bênh lắm! Có nên gọi cho dịch vụ thông tin để có số điện thoại cố định của gã không? Chắc là gã ở trong danh sách đỏ[277]. Nhưng một khi gã về lại La Hague thì đã quá trễ. Nàng bấm số di động của Granier một lần nữa và để lại tin nhắn, cố gắng giữ giọng nói cho điềm tĩnh.

"Chào Jean-Philippe, Emma Shannon đây. Tôi đã nhận tin nhắn của anh. Anh nhất thiết phải gọi lại cho tôi nghe. Tôi đang ở phòng 17. Rất quan trọng. Nên..."

Emma ngừng nói vì vừa nghe một tiếng bip trong tai. Một người nào đó tìm cách kết nối với nàng.

Cuộc gọi riêng tư.

Nàng nhận cuộc gọi này mà không hoàn tất lời nhắn cho Granier.

— A lô?

— Hello, *mom*?

Emma do dự vài giây trước khi trả lời.

— Rebecca? Con đó à?

— Yes, *mom.* Mẹ khỏe không?

— Khỏe, còn con sao? Con đang ở đâu?

Emma trả lời bằng tiếng Pháp. Thông thường thì nàng đối thoại với con bằng tiếng Anh. Một thái độ như thế có vẻ giả tạo khi hai người cùng có mặt ở Paris nhưng hai mẹ con đồng thuận trên mục tiêu này: Rebecca phải dùng được cả hai thứ tiếng.

Emma tự hỏi không biết sự lựa chọn này thì tiện lợi cho nàng một cách vô thức hay không. Khi không nắm vững một thứ tiếng thì người ta ít thổ lộ hơn. Có phải như thế mà nàng đã vô tình đẩy con mình vào thói kín kẽ, tránh phơi bày tâm sự của mình. Một ý thức phạm tội xâm chiếm tâm trí nàng. Như thể đoán được điều mà người mẹ đang nghĩ, Rebecca trả lời, bằng tiếng Pháp:

— Con vẫn ở Paris, *mom*, ở nhà. Con...

Nó nói thấp giọng. Nó không ở trong trạng thái bình thường rồi.

— Chuyện gì xảy ra vậy, Reb? - Emma dịu dàng hỏi con.

Thường thì nàng không bao giờ dùng tên tắt. Nàng ghét chuyện nhiều người nói về con cái mình bằng cách tròng cho chúng những cái tên gọi bày đặt ra ở thời kỳ còn ẵm ngửa này. Tí của mẹ, Tèo của ba, bé Ni của bà, bé Na của ông. Không thể chịu được. Con gái nàng, chỉ là Rebecca thôi. Dù sao đi nữa, đương sự cũng ghét những thứ gì ra vẻ "bé điệu" lắm. Các cô múa ba-lê thường chín chắn trước tuổi, họ phải chấp nhận biết bao hy sinh khổ ải để đạt tới đẳng cấp ngôi sao. Không đi chơi đêm, không tiệc tùng nhảy nhót với các bạn trai, phải ngủ ít nhất tám giờ mỗi đêm.

— *Mom*, con phải nói chuyện với mẹ. Mẹ có ghé qua Paris không?

— Mẹ sẽ cố hết sức. Dù sao đi nữa, mẹ cũng đã dự định như thế rồi. Nhưng bây giờ thì tai họa xảy ra lớn quá... Đường sá bị chặn hết. Không có taxi, tàu lửa cũng không, rồi máy bay không nốt, và dĩ nhiên, cũng không có xe mà thuê. Xăng cũng hết sạch. Phần con thì thế nào? Và dì Alice ra sao?

— Ổn cả. Trong khu phố thì hơi lộn xộn nơi mấy người hàng xóm. TV cho biết là hai phi trường Roissy và Orly đã đóng cửa. Họ cũng nói đến chiếc xe tải hỏng máy ở gần Caen. Nhưng, thế thì mẹ có đến Paris không?

Emma tự nhủ là con gái nàng hồi nhỏ đã thường nghe nàng viện ra những cái cớ dối trá "gặp phải việc quan trọng" mỗi khi nàng không thể đến thăm con đến nỗi lần này nó gần như không tin nàng nữa.

— Nhưng nói cho mẹ biết đi, con yêu, con có gì nói với mẹ đây?

— Mẹ nghe này, thật không dễ...

Emma đang chờ đợi cuộc gọi của Granier. Nàng mong Rebecca nhanh nhẹn hơn một chút. Con gái nàng bao giờ cũng hỏi ý kiến nàng trước những quyết định quan trọng, và Emma cố gắng để lúc nào cũng nghe con, dù ở xa đi nữa. Không phải là một loại mẹ gà mái, cũng không phải là một loại cha độc đoán. Nói đúng hơn, nàng là người hướng dẫn. Nhưng bất chợt nàng tự hỏi không biết mình có sai lầm không: nếu con gái nàng trên hết cần yêu thương, cần hơi ấm con người, cần cảm giác an tâm khi có sự hiện diện của mẹ, tất cả những thứ mà nàng, trái lại, đã không bao giờ cho con?

— Rebecca con yêu! Mẹ xin lỗi nhưng chúng mình không có nhiều thì giờ. Mẹ hứa là nếu mình ra khỏi khó khăn này, mẹ sẽ dẫn con đi chơi mười lăm ngày, tùy con chọn chỗ.

Nàng tưởng Rebecca sẽ phản đối như thường lệ vì nó không thể vắng mặt cả nửa tháng mà không phương hại đến trình độ múa của nó. Nhưng Rebecca im lặng.

Emma đành nói nhanh hơn.

— Rebecca, nghe mẹ này. Ở đây điện thoại bị cắt bất cứ lúc nào. Hãy nói nhanh điều mà con cần nói với mẹ. Ngay khi mẹ có thể đến Paris, mẹ sẽ gặp con ở nhà dì Alice.

http://tieulun.hopto.org

— *Mom*, điều mà con muốn nói với mẹ... là...

— Nói đi nào, Rebecca, *come on!*

— *Mom*, con có thai.

Emma tách điện thoại ra khỏi tai một cách máy móc. Chắc chắn là nàng đã nghe lầm.

— Xin lỗi, Rebecca. Con nói sao?

— Con xét nghiệm cách đây một tuần và...

— Cái gì? *You're kidding! You're not serious about that, are you?*

"Con đùa! Con không nói nghiêm túc." Emma, hoảng vía, đã chuyển sang tiếng Anh một cách máy móc.

— Rebecca, con có chắc không? Có khi chỉ là bị chậm trễ thôi!

— Mẹ, kinh nguyệt con bị trễ hai tuần, cho nên con đi mua dụng cụ thử thai ở nhà thuốc. Khi thấy kết quả, con nghĩ ngay đến chuyện làm IVG[278], đó là lý do tại sao con đã không nói chuyện này với mẹ. Nhưng con đổi ý...

— Rebecca, con gái nhỏ của mẹ! Thời buổi này đâu còn cái thứ tai nạn này nữa! Mẹ con mình đã nói chuyện này rồi, phải không nào? Ngoài ra, con đâu có nói với mẹ là con có bạn trai!

— Con không có "bạn trai", theo nghĩa mẹ hiểu.

— Vậy thì con đã làm sao? Không lẽ là một gã qua đường sao? Rebecca ơi!

Im lặng.

— Con không biết ai là tác giả bào thai à?

— Biết chứ, chắc chắn mà! Và con yêu anh ấy!

— Nói mẹ nghe, một thằng đàn ông có vợ, phải thế không?

— Không, lúc này thì anh ấy không có vợ, nhưng...

Emma bực tức vung tay làm đổ cái đèn đầu giường.

— *Mom*, chuyện gì vậy? Mẹ ổn chứ?

Bây giờ thì chính Rebecca kiểm soát tình hình. Tiếng kêu xèo xèo trong điện thoại khiến Emma nghe được tiếng còn, tiếng mất.

— Mẹ, xin mẹ đừng nổi nóng! Con đã suy nghĩ kỹ. Con muốn có đứa bé này.

— Sao? Mẹ không hiểu con nói gì. *But who is this fucking son of a bitch who dared*[279]...?

— Ngừng lại, mom! Bình tĩnh đi mẹ. Dù sao đi nữa, mẹ không biết anh ấy mà, nhưng đó là một người đàng hoàng. Anh ấy là...

Emma không chịu nổi nữa. Các cuộc mưu hại. Chuyện tằng tịu với Pierre. Cái chết của Barett. Cái backdoor. Granier không gọi lại. Và bây giờ thì Rebecca mang thai.

— Rebecca, con nghe được không?

Đường dây đã bị cắt đứt. Tim đập thình thịch, Emma nhấn nút "Gọi lại". Tiếng chuông reo cùng lúc điện thoại tự quay số máy của Rebecca. Cuộc gọi riêng tư hiện ra lần nữa. Emma đưa máy lên tai:

— Rebecca?

— Bà Shannon? Emma?

Giọng đàn ông. Emma đưa tay nắm chặt chốt cửa sổ, lo âu. Bên ngoài nạn kẹt xe đã chấm dứt.

— Emma, cô nghe được tôi chứ?

— Vâng, tôi đây.

— Granier đây, Jean-Philippe Granier. Cô đã muốn gọi tôi, đúng vậy không?

— A, Jean-Philippe, anh đấy à?

Emma đã tỉnh táo lại.

— Đúng thế, tôi muốn nói chuyện với anh. Cảm ơn đã gọi lại tôi.

— Cô đang ở đâu?

— Trong phòng tôi. Tôi đã tìm cách liên lạc với anh bởi vì... Anh nghe này, tôi phải gặp anh, khẩn cấp lắm. Tôi muốn giải thích trước mặt anh. Tôi cũng phải gọi cho con gái tôi...

— Vậy thì gọi lại tôi sau, được không? Cô biết rõ là chỉ cần hỏi là tôi ba chân bốn cẳng chạy tới trình diện ngay.

Tính hài hước của gã khiến nàng khó chịu.

— Tôi sẽ xong trong chốc lát thôi.

— Cô nghe đây, tôi có ý này. Tôi đang ngồi uống ở quán La Marine với một bà bạn. Bàn đầu tiên bên phải, ngoài sân hiên. Cô đến với bọn tôi chứ?

Giọng nói của Granier thì điềm tĩnh, hầu như vô tư lự. Trái ngược hẳn với giọng Emma. “Gã đàn ông này chắc chẳng bao giờ hốt hoảng”, nàng nghĩ thầm, thấy cảm phục một cách mơ hồ. Nhưng nếu đó chỉ là một tư thế bất thường thì sao? Nàng nghĩ đến Brad, đến tính cách bình tâm lặng lẽ của anh. Chính vẻ thanh thản hấp dẫn này là một trong những lý do khiến nàng lấy Brad làm chồng. Ngay cả khi Brad bày tỏ nỗi lo âu, chỉ bằng cách nói nó ra thì như thể anh đã gạt bỏ nó xong.

http://tieulun.hopto.org

— Tôi sẽ đến đó năm phút nữa.

Một lần nữa chỉ còn tiếng bíp bíp đứt quãng, ám ảnh, của cuộc liên lạc điện thoại bị gián đoạn.

Emma cố gọi lại cho Rebecca. Vô ích. Không có cuộc gọi nào đi được nữa.

http://tieulun.hopto.org

23

Ngày trước...

Ngày hôm đó mưa rơi trên những khu vườn Versailles và em thì cau có. Gió mùa thu lay động những khóm cây, và mặt trời ở các đảo Marquises giờ đã xa xôi. Tuy vậy, hai ngày ở Pháp là khoảng thời gian hiếm hoi mà hai ta gọi là "ngoài hạn mức". Hai ngày đặc biệt cộng vào cuộc hẹn hò hàng năm của hai ta. Và hai ngày thêm vào này sao hay quá đi! Anh đã thương lượng, bằng cách chi tiền như lần trước, để đi thăm các tầng hầm của Versailles, vùng độc chiếm thủy lợi của nhà vua. Một địa điểm mà du khách không có quyền đặt chân đến.

Vì đó rõ ràng là đường hầm mà ta phải tìm. Một đường hầm, và không chỉ là một cái hầm. Và các đường hầm, ở Versailles thì có hàng cây số đường hầm! Trong công viên, dưới các đài nước, có một mê cung khổng lồ che chở các ống dẫn nước. Một mạng nhện các đường hầm được cả một đạo quân thợ ống nước chăm sóc. Một trong những đường hầm này chắc chắn phải gặp cái đường hầm mà anh đã nhận dạng rìa của nó dưới mặt đất ở Grand Trianon. Bằng cách đến từ bên phía ngược lại, ta sẽ tìm ra lối vào căn phòng bí mật.

Anh đã không nói về chuyến thăm viếng này với Kathrin Strandberg, lại càng không với Granier, anh đã cắt đứt quan hệ với anh ta. Anh đã bực tức không ít vì anh ta trong cái đêm sục sạo của bọn anh. Vả lại, nếu bọn anh

tìm ra cái gì đó vào sáng hôm ấy thì anh ta đủ sức đòi tiền thưởng năm trăm ngàn đô-la rồi.

Anh đưa tay quàng vai em.

— Trời có mưa hay nắng thì chẳng có gì quan trọng, phải thế không? Ta đi xuống dưới mặt đất mà...

Bọn mình, anh và em, được trang bị như thể đi câu cá ngoài biển khơi. Độ ẩm cao làm quăn những lọn tóc nâu lòi ra dưới mũ trùm đầu của áo khoác em, và đôi má em ửng hồng như hoa – nói một cách phong nhã. Gabriel Esteban, tên thợ cả ống nước, miệng lúc nào cũng "thưa bà" với em nhưng tay thì thường vung vẩy trước ngực em. Những dấu hiệu bên ngoài của phép lịch sự mà cá nhân anh thấy dai dẳng đến độ khả nghi.

Người Pháp mà... Thôi, bỏ qua. Em còn nhớ hắn không? Một gã to cao, tóc nâu, khoảng bốn mươi, hai vai rộng quá cỡ, đeo kính râm dù trời âm u. Hắn kiểm tra xem đôi giày ống mình mang có đế tốt không, rồi đưa mình đến gần khóm cây Rocailles, ở ngay dưới Grande Terrasse. Một hàng rào bằng cây xanh mở ra lối đi dẫn về phía con đường hẹp, giấu mình dưới những tàng cây. Lâu đài đã biến mất sau lưng bọn mình.

Người thợ ống nước dừng chân ở dưới thấp bờ dốc, trước một cánh cửa màu lục.

— Chính nơi đây bắt đầu vương quốc của tôi, - hắn cho biết, tay dùng một chìa khóa nặng nề màu đen để mở cửa.

— Chính quanh nơi đây, - anh nghĩ như lặp lại lời hắn, - mà ta vào căn phòng bí mật.

Một lối đi hẹp dưới mặt đất mở ra trước mặt bọn mình, ẩm và tối. Hai người đi ngược chiều không thể tránh nhau. Gabriel đi đầu, tay cầm đèn rọi ra trước. Đến cuối một hành lang dài, hắn ngừng, đặt cái đèn lên trên một

viên đá nhô ra từ tường. Ngày xưa, chỗ này dùng làm nơi để đèn dầu của thợ ống nước. Không gian mở rộng ra và tạo thành một cái hang. Mắt bọn mình quen dần với ánh sáng lờ mờ, và anh thấy ra các ống dẫn nước bằng gang đi sâu vào các đường hầm, các mép nối ống được quấn bằng vòng thiếc. Tên thợ cả bảo bọn mình leo lên khoảng chục thanh gỗ của một cái thang treo trên đá.

Đứng nhón chân, bọn mình quan sát, kẻ trước người sau, ánh phản chiếu màu nâu nhạt của các bể chứa, chúng tạo thành dưới vòm cung của mình một cái hầm chứa nước lớn. Em buông tiếng thở dài khâm phục. Và anh thấy mắt em lấp lánh trong cảnh tranh tối, tranh sáng.

— Các bể chứa này có từ thời vua Louis XIV phải không?

— Hoàn toàn chính xác, thưa bà. Và chúng đầy nước. Tất cả đều sẵn sàng cho các vòi phun nước từ dưới đất lên.

Tên thợ ống nước cầm lại đèn và đi trước bọn mình trong đường ngầm giờ hẹp và thấp hơn. Bọn mình đã xuống sâu hơn năm mét dưới mặt đất, bằng cách đi theo độ nghiêng của khu đất. Phía bên tay mặt có một hành lang với các ống nước chạy về hướng Bắc, rồi một hành lang thứ hai, nằm xa hơn, chạy dưới các ngôi vườn, ở phía Tây. Gabriel giải thích là có nhiều hành lang khác như thế, khắp nơi, nằm dưới các ngôi vườn. Dưới sự chỉ đạo của các thầy dòng Francine, những kỹ sư của vua Louis XIV đã cho đào xới, bố trí dưới lòng đất hơn ba mươi cây số ống dẫn nước, hành lang, đường ngầm, hang, động nước, vẽ lên một bộ khung bí mật của ngôi vườn nhà vua, một hệ thống đường ngang, nẻo dọc và các tĩnh mạch vô hình đem sự sống đến cho các đài nước.

Sau độ ba chục thước, mặt đất ẩm ướt hơn và hơi bị dốc, trở nên trơn trợt. Đất sét bám dính vào giày ống. Ai cũng phải khom người để trèo lên một cái thang khác dẫn lên điểm đến đầu tiên của bọn mình. Gabriel tắt

cây đèn đầu và lấy ra cây đèn điện.

— Ở độ sâu này, - hắn lưu ý, - ngày trước, các đèn dầu không phát sáng nữa. Ngọn lửa cứ chập chờn.

Bọn mình dừng lại ở một chỗ mà ta chỉ có thể ngồi xổm thôi hay ngồi trên các ống dẫn đặt ngay trên mặt đất. Xung quanh ta, các ống nước chạy dọc, chạy ngang, gặp nhau, đè lên nhau hay kết nối nhau, như một nồi chưng khổng lồ dưới mặt đất. Em rùng mình. - Ta có thể tưởng rằng đó là một con nhện sói!

Một con nhện sói khổng lồ bị té ngửa và không đủ sức đứng dậy. Ngồi dạng chân trên một ống nước ẩm ướt, em ngắm nhìn cái bụng của con nhện mà rùng mình. Bọn mình đang ở dưới Latone, chính xác như vậy.

Vì ở dưới mặt đất thì không phải Apollon giữ vai trò chính mà là "con mụ", theo cách gọi thân mật của các thợ ống nước. Câu viết đã gây ấn tượng nơi anh, giờ trở lại trong trí nhớ: "Trên các bệ đá hoa cương này, đáng lẽ chính Jupiter tìm được chỗ đứng; vậy mà người ta chỉ thấy trên đó Latone, một trong các bà vợ của ông." Một câu mang nặng hậu quả. Nhưng cũng như lần đầu, anh không rút ra từ đó các kết luận cần thiết.

Song vẫn xúc động làm sao! Hàng triệu du khách dạo chơi trong công viên lâu đài Versailles không có cảm giác là quả tim của bộ máy Versailles đập ở ngay dưới chân họ, cách vài thước dưới mặt đất, động cơ của cái công trường vĩ đại của Louis XIV. Chính ngay đây ta có thể lấy tay vuốt ve cánh hoa huệ tây được chạm trổ trên một ống nước. Kiểm tra, giống như Đức vua vĩ đại đã làm vào thời đó, các vùng nối đường ống. Và nhất là thưởng thức kỳ công kỹ thuật của các thợ ống nước của nhà vua: một kiến trúc thủy lợi được phát minh vào thế kỷ mười bảy vững chắc đến mức nó vẫn luôn luôn hoạt động ba trăm năm sau!

Một sự im lặng tuyệt đối bao trùm nơi này, chỉ thỉnh thoảng bị quấy rối bởi một giọt nước rơi từ mối ghép nối và vỡ tan trên nền đất sét. Cái bụng của Versailles đang nghỉ ngơi, nhưng ta cảm thấy nó sẵn sàng tiếp nhận tiếng gầm hung hãn mà vài giờ sau sẽ làm ầm ầm cả lòng đất. Không bao lâu nữa, người ta sẽ chỉ nghe ở đây tiếng ầm ập của nước được đẩy mạnh lên mặt trong ống dẫn bằng gang, chảy xiết trên bề mặt rồi chia nhau đi tới các bể nước của lâu đài. Hai nghìn bốn trăm tia nước sẽ nổ lào rào cho các vòi phun từ dưới đất lên ở trong các ngôi vườn. Ở bên trên bọn mình, tượng Latone và các con bằng cẩm thạch trắng sẽ sáng rỡ với hàng nghìn tia nước lấp lánh. Đám du khách sẽ vỗ tay tán thưởng. Nhưng vào lúc này thì bọn mình, em và anh, là những người duy nhất có được đặc quyền đi xem hậu trường của các vòi phun nước, chạm tay vào cỗ máy kỳ lạ đã thỏa mãn được ít nhiều lòng kiêu ngạo của Thái Dương Vương. Công trình phi thường này đã đưa ông lên cao, ở trên thân phận con người, biến ông thành *deus ex-machina*[280] – một vị thần làm bật ra những dòng nước đẹp nhất thế gian ở một nơi chốn mà thiên nhiên cố chấp chỉ cho chảy ra một con lạch yếu ớt mang tên lạch Clagny giữa vùng đầm lầy độc hại.

Được một tiếng đồng hồ thì anh chịu không nổi nữa.

— Bây giờ ta có thể đi đến chỗ dưới các đài nước Trianon được không? - Anh hỏi.

Bởi vì, dù cuộc thăm viếng riêng tư dưới lòng Versailles này làm anh phấn khởi, anh vẫn không lơ là mục tiêu của chúng ta. Anh nóng ruột muốn kiểm tra cái đường hầm mà bọn anh, Kathrin, Granier và anh, đã thấy được lối vào trên hình ảnh ra-đa vài tuần trước, xem nó có nối dài thực sự sau bức tường bịt kín hay không, xem có đúng là một đường hầm đi từ phòng của Phu nhân de Maintenon và kết nối với một địa đạo dài hơn hay không.

— Trianon à, để làm gì chứ?

Gabriel Estaban nhìn anh với một chút hạ cố.

— Tôi e rằng ông không ý thức được khoảng cách giữa công viên nhỏ của Versailles với Trianon, - hắn nói tiếp. - Hai hệ thống dưới mặt đất cách nhau nhiều cây số, và mỗi hệ thống thì nhận nước từ bể chứa riêng. Có ích gì không nếu ta làm chúng liền lạc với nhau?

Anh nhíu mày; bàn tay em đến đặt lên cánh tay anh, như thể ngăn ngừa anh nổi cáu.

— Dù gì đi nữa, ông đưa chúng tôi đi xem cái hệ thống bên đó, - anh nhấn mạnh.

— Nhưng chuyện này đâu có dự tính... Và hơn nữa, tôi nói thật đấy, bên đó chẳng có gì đáng để ý so với bên này!

Anh không muốn chấp nhận thua cuộc:

— Ông cũng biết thấu đáo hệ thống Trianon chứ?

Hắn cười:

— Khó gì đâu!

Hắn di chuyển ngọn đèn trên các bức vách và chỉ ra bằng ánh sáng nhiều đường hầm được đào ngày xưa bởi các thợ ống nước phục vụ nhà vua.

— Ông biết đấy, tôi thuộc mọi ngóc ngách của tất cả đài nước và của tất cả hệ thống kết gắn với chúng tôi: Saint-Cloud, Marly, Versailles...

— Vậy thì ông chắc chắn biết...

Anh suýt chút nữa thổ lộ mọi thứ. Em nhìn anh, tỏ ý khuyến khích. Nhưng vào giây chót, anh lùi. Ta đã có quá đông người trên hành trình tìm kiếm này.

http://tieulun.hopto.org

Anh đi quanh tránh trở ngại này. Anh giải thích cho Gabriel là hai điện Trianon mê hoặc anh. Anh đã trải qua ở đó một đêm đẹp như mơ. Giờ anh có ý muốn biết nó qua từng thước vuông nhỏ nhất, trên mặt đất và dưới nền nhà. Hắn không nhượng bộ.

— Nói thẳng ra là hệ thống ngầm của Trianon chẳng có gì lý thú, tin tôi đi! Ba hay bốn đường ngầm, hẹp hơn mấy cái này, mỗi đường thì dẫn đến một bể nước. Ta vào đó không phải bằng cửa chắn như ở đây: ta giở cái nắp lên rồi đi xuống bằng thang. Thôi, hãy về "tổng hành dinh" và tôi sẽ cho ông xem các bản vẽ.

Hắn đưa bọn mình đến đường Robert-de-Cotte. Từ bên ngoài, tổng hành dinh của thợ ống nước trông giống như một tư dinh với sân trước lót đá và cây thường xuân mọc trên tường. Nhưng bên trong thì nó gợi đến một bệnh xá ở nước Rumani. Tường tróc sơn, lò sưởi bằng gang, đèn trần nhợt nhạt có từ những năm ba mươi vinh quang.

Gabriel Esteban ngồi sau bàn giấy, một khay bằng kim loại có một thùng đồ nghề hai ngăn kéo móp méo và lấm mực. Ngọn đèn bốn mươi watt biến nước da sạm nắng của hắn thành màu lục đậm.

Nhưng chỉ có nỗi đam mê nghề nghiệp của người thợ ống nước mới làm căn phòng sáng lên. Hắn trải các bình đồ lên bàn, thả cặp kính râm xuống trước ngực, giữ lại bằng một dây chuyền nhỏ, và chỉ cho bọn mình lộ trình vừa đi qua. Hắn đặt bên cạnh nhau cái bình đồ dưới mặt đất của Versailles, một hệ thống "phức tạp và được suy nghĩ thấu đáo" và bình đồ của Trianon "được xây dựng trên vài cú ngẫu hứng và không nhiều tiền". Trên giấy, hệ thống Versailles trông giống như cái bản đồ một thành phố lớn của Michelin[281] với những con đường lớn nhỏ ngoằn ngoèo như rắn kết cuộn với nhau. Còn hệ thống Trianon, để so sánh, thì trông như một bức tranh của Mondrian[282]. Vài đường thẳng màu đen hiếm hoi cắt ngang các hình

vuông đỏ, xanh. Anh không nhận ra các tỉ lệ bản đồ.

— Nếu ta đặt các dinh thự này chồng lên nhau thì Grand Trianon, ví dụ thế, nằm ở đâu?

— Đây này! - Hắn chỉ ra, ngón tay chạm phần dưới, hầu như trống trơn, của bản vẽ.

— Nhưng rõ ràng là có những đường hầm chạy dưới các ngôi nhà mà?

— Chỉ ở phía Trianon-sous-Bois thôi...

Anh tỏ ra kiên trì:

— Không thể có hành lang xuất phát từ một trong các ống dẫn nước và đi dưới ngôi nhà chính sao?

Hắn nhíu mày.

— Tại sao ông lại nghĩ là các hành lang chạy dưới ngôi nhà chính vậy? Đâu có đài nước nào phía bên kia đâu!

— Tôi không biết! Nhưng, ví dụ có một hành lang dẫn đến căn phòng bí mật chẳng hạn!

Hắn nhìn anh lần nữa, mắt tối lại như một ông bố đang la rầy đứa con trai.

— À ra thế! Ông cũng thế, ông tìm những lối đi bí mật! Ông cũng tin vào Poudlard, như mấy đứa nhỏ nhà tôi! Từ ba trăm năm nay thiên hạ vẫn đi lục lạo Versailles để tìm cho ra những chỗ cất giấu và những cánh cửa bí mật. Có chứ không phải không... nhưng không phải dưới các ngôi vườn đâu!

Hắn đập mặt bàn tay vào vách tường sau lưng, rồi đập xuống mặt đất phủ thảm nhựa li-nô màu xám.

— Thưa ông Barett, đó là vấn đề lương tri! Ông hình dung là vua Louis

XIV ra lệnh cho các tên làm vườn đưa ngài xuống chỗ mấy ống dẫn nước mỗi khi ngài cần vào căn phòng bí mật của mình sao? Nếu thế thì quá phức tạp và ít bảo đảm hơn một cái tủ sắt nhiều, ông không thấy thế à?

Anh thất vọng lắm và em tỏ vẻ dửng dưng. Vào lúc tên thợ ống nước tiễn bọn mình ra cửa, anh nghe vang lên trong đầu tiếng kêu của Kevin. Mỗi khi thắng anh trong trò chơi vidéo thì nó kêu lên:

— *Game over, daddy! Game over!*[283]

Nhưng lần này, anh không có ý định để hắn ta có lý. Anh sẽ quay lại Trianon khi màn đêm buông xuống.

24

Tiệm ăn đầy nghẹt người nhưng Emma thấy ngay Granier. Gã đang nói chuyện với một người đàn bà tóc vàng ở độ tuổi trung niên. Và trưng ra nụ cười của kẻ mưu phản. Hai người ngồi đối diện nhau, xung quanh cái bàn tận cùng sân hiên, kê sát vách kính chắn gió. Bên phải hắn là vịnh Arromanches trải dài, theo nhịp thủy triều xuống thì phơi ra bộ xương bằng sắt của nó – những con đê được lắp đặt cách đây sáu mươi năm bởi quân Đồng minh để đổ bộ trang thiết bị. Ngày nay, chúng han gỉ, lạnh lùng nằm trơ đó, để mặc những con sóng mài giũa. Đó là đòn trả thù của biển cả trước sự dã man.

Bà bạn của Granier ăn mặc lịch sự, vóc dáng trông rất thể thao dù tóc đã điểm bạc. Emma thích đôi vai săn chắc, nửa người trên thẳng thớm của bà. Bà đã xoay ghế và duỗi thẳng đôi chân dọc theo bàn. Cái quần chít dài, đen bó sát hai chân tạo cho bà dáng vẻ nhanh nhẹn. Một người chơi thể thao đẳng cấp cao, chắc thế rồi. Hay nói đúng hơn, một cựu vận động viên. Vì khuôn mặt, rám nắng nhưng có nếp nhăn, để lộ tuổi bà. Khoảng sáu mươi.

— Chào Jean-Philippe! - Emma nói khi đến gần bàn, vừa thở hổn hển.

Nàng đã đi như chạy qua ba trăm thước, khoảng cách giữa khách sạn Overlord và tiệm ăn La Marine.

— Emma! Tới rồi à? Cô chạy à? Chắc chắn cô chạy còn nhanh hơn là cô

bơi!

Emma không có hơi sức đâu mà nghe những lời lẽ nịnh đầm đó. Nàng quay sang bà bạn của Granier để chào. Vừa nhìn mặt bà ngay trước mình, nàng tự nhủ là đã biết, đã gặp bà trước đó. Nhưng Granier buột miệng trước rồi.

— Emma, đây là Lydie. Lydie, đây là Emma, - gã nói.

Không một từ nào thêm vào. Granier ghét phục tùng các lề thói xã giao và không do dự để làm người khác cảm thấy như thế.

Rồi không để cho người này lẫn người kia có thì giờ trả lời, gã tiếp ngay:

— Nhưng tôi ngốc quá, chắc chắn là hai người biết nhau bởi vì cả hai đều tham dự đại hội! Emma Shannon, đây là Lydie Besson. Lydie, đây là Emma.

— Tôi có dự nghe bài phát biểu của bà sáng nay, - Lydie Besson mở lời.

Bất thình lình Emma nhớ lại nàng đã gặp bà này ở đâu trước đó: ở trường múa của Opéra de Paris. Bà là giám đốc trường.

— Cô chắc là mẹ của Rebecca Shannon.

— Vâng, tôi nghĩ là chúng ta đã gặp nhau khi tôi đi đăng ký học. Cũng như ở buổi trình diễn Hồ thiên nga, phải thế không? Một kỷ niệm rất đẹp. Tôi đến từ San Francisco để xem và tôi không hối tiếc chút nào.

— Tôi biết là chúng ta gặp nhau ở đây không phải để nói về con gái cô, - Lydie nói, - nhưng nó làm được những điều kỳ diệu. Tôi đặt nhiều tin tưởng ở nó.

Bà hoàn tất câu nói bằng cách quay sang Granier:

— Đó là một nghệ sĩ múa đã hiểu được từ khi còn nhỏ bí mật của sự

thành công, đó là làm việc, làm việc, và vẫn là làm việc.

Emma nghiến răng. Ngay một khi bà giám đốc trường múa biết được là tất cả công việc đã hoàn tất cho tới nay trở nên vô ích, là Rebecca bây giờ thích giữ trẻ hơn là múa ba-lê, thì bà sẽ té ngửa. Nhưng Emma không hé miệng nói ra những dự định của con gái mình. Chuyện Rebecca muốn từ bỏ tham vọng một đời người chỉ vì một biến cố nhỏ thì vượt quá sức tưởng tượng của nàng. Vả lại, nó có chắc chắn là mang thai không? Cuộc nói chuyện với nó quá ngắn ngủi đến mức Emma thấy khó mà tin thực sự vào chuyện này.

Granier kéo cái ghế trống từ bàn bên cạnh sang trước mặt Emma. Một cái ghế đẹp bằng gỗ sậm màu, bóng láng, mặt ghế bọc nệm xanh in hình tiệm La Marine. Người đàn bà Mỹ muốn nói là nàng không có thì giờ ngồi xuống, nhưng gã cắt ngang.

— Marielle, một café-noisette[284] cho bà đây! - Hắn ra lệnh cho cô phục vụ đang mang một dĩa vẹm cho bàn bên cạnh. - Đúng vậy chứ?

Emma gật đầu và ngồi lên mép ghế.

— Tôi chỉ ngồi được một phút thôi, - nàng vừa nói vừa tìm máy di động trong túi.

Rồi quay sang bà giám đốc trường múa:

— Bà biết đấy, Rebecca học tập rất siêng năng. Từ mười năm nay là ít nhất. Và nó sống như một nữ tu.

Nàng đã nói ra những từ này một cách máy móc, không tính đến tình hình mới. Nàng cắn môi và quay lại phía Granier.

Nàng cố gắng diễn tả bằng đôi mắt cái nhu cầu cấp bách nói chuyện với gã mà nàng cảm thấy. Nhưng tên nhà văn không hiểu ra. Lydie trả lời thế

gã:

— Ô, Jean-Philippe biết thấu đáo tất cả mấy chuyện này. Một trong những cô cháu gái của anh là nghệ sĩ múa ngôi sao! Anh biết L'Opéra như lòng bàn tay mình.

Granier gật gù, nhếch mép cười.

— Thật sao?

Đến từ thành phố Carrara nước Ý, cẩm thạch ở đây nổi tiếng thế giới là đẹp và đắt.

— Cô biết đấy, tôi theo chủ nghĩa chiết trung, - gã trả lời. - Tôi lui tới, quen biết đủ thứ giới. Nhờ vậy mà tôi có thực phẩm nuôi dưỡng các tiểu thuyết của mình. Tất cả những nơi mà cái đẹp có mặt! - Gã kết luận, mắt nhìn hơi lâu trên bộ ngực Emma.

Nàng liếc nhìn đồng hồ trên điện thoại di động. 19.30. Làm sao mà Granier dám đùa giỡn vào lúc này? Nghịch lý thay, nàng không đủ sức ghét gã. Nàng thấy khó hiểu được con người thật của gã. Thích hưởng lạc và cay đắng vì vỡ mộng. Vô tư lự nhưng sáng tạo nhiều. Dù gì đi nữa, cũng thú vị. Trong những tình huống khác, nếu còn độc thân thì nàng có lẽ... Nhưng được rồi, nàng đến đây không phải vì chuyện này.

— Jean-Philippe này, tôi phải yêu cầu anh một việc. Gấp lắm.

Nhưng gã vẫn ngồi im. Thôi kệ, nàng sẽ nói với gã trước mặt bà cựu nghệ sĩ múa.

— Tất cả những gì cô muốn đều được chấp nhận trước, - tên nhà văn vừa cười vừa trả lời. - Chỉ cần là cô để tôi sửa lại các tấm ảnh.

Emma đành cười gượng.

— Nói đi, tôi có thể giúp cô việc gì? - Gã nói tiếp dịu dàng, nhìn sâu vào

đôi mắt nàng.

Gã nhận ra là Emma đang sốt ruột nên tìm cách trấn tĩnh nàng. Đùa không xong, gã thử tỏ ra dễ thương.

— Jean-Phi, tôi để anh ở lại, - Lydie xen ngang. - Gặp lại sau nhé. Tôi sẽ cố tìm phương tiện để về lại Paris. Chào tạm biệt, bà Shannon. Chúng ta sẽ gặp lại nhau ở L'Opéra chứ?

— Rất sẵn lòng. Nếu các biến cố này cho phép!

Emma có cảm giác đang mang nặng trên vai tất cả sự căng thẳng của thế giới. Tên nhà văn và bà giám đốc L'Opéra không để lộ chút lo âu nào. Họ có hiểu qui mô ghê gớm của tấn thảm kịch không kia chứ?

Granier nhìn theo bà bạn đi ra, đưa tay cầm lại ly rượu vang và uống một ngụm trước khi quay sang Emma.

— Đáng lẽ cô nên đến dự buổi nói chuyện của Lydie sáng hôm qua. Bà dẫn dắt một trong các hội thảo ngoài chương trình chính thức: "Tư thế cơ thể và sự tự tin", nếu tôi nhớ đúng. Tôi phải nói là vui mắt lắm. Toàn mấy mụ đàn bà ra sức nẩy vú tưng tưng ra đằng trước! Dù gì đi nữa thì cô đâu cần làm mấy thứ này.

Emma thấy mất hết kiên nhẫn.

— Jean-Philippe, xin anh vui lòng ngừng lại! Tôi cần biết là anh có thể cho tôi mượn xe không!

Trước khi gã có thì giờ trả lời, nàng giải thích ngay tại sao nàng nhất thiết phải đi Versailles. Những người thân cận của Dan tin chắc nàng là người duy nhất nắm giữ các hàng mật mã cho phép đóng lại cái backdoor. Thay vì nói thẳng với nàng, Dan đã gieo rắc những dấu hiệu mà nàng không hiểu được tầm quan trọng ngay lúc đó. Ví dụ như "Le Nôtre sẽ cứu vớt thế

giới".

— Một câu khó hiểu khác trở lại trong đầu hồi nãy khi tôi giao chìa khóa phòng ở quầy lễ tân. Cách đây một năm, trong một cuối tuần gặp nhau, Dan thấy tôi giấu chìa khóa nhà trong một cái cúp loe miệng gần cửa ra vào. Khiến Dan phát cười. Tôi nói với anh ấy: "Em làm như Ingrid Bergman trong Indiscret, anh nhớ phim này chứ? Lúc đó, anh ấy trả lời tôi: "Mỗi người có cái mình thích để theo. Phần anh thì anh đặt các chìa khóa của thế giới ở Versailles, giống như vua Louis XIV vậy." Granier lắng nghe, lộ vẻ quan tâm xen lẫn tò mò.

— Barett yêu thích Versailles, tôi biết, - gã nhăn mặt nói. - Tôi ở đúng chỗ để biết điều này mà! Anh ta đã bắt tôi sục sạo điện Grand Trianon không sót một chỗ nào để cố tìm ra các bình đồ nguyên gốc của các ngôi vườn.

Thật điên mới làm thế. Và chẳng được cái mốc gì...

Khi thốt ra những từ cuối cùng này, Granier bất ngờ lộ vẻ bối rối. Emma tin chắc là gã nghĩ đến cô quản đốc bảo tàng người Thụy Điển đã cùng đi với hai người ngày nọ. Gã biết điều gì về cái chết của nàng không?

— Đúng là anh đã thổi gió vào lửa đam mê của anh ấy, - nàng nói tiếp. - Nhưng anh biết đấy, thất bại này không làm anh ấy ghét Versailles! Dan phải lòng nơi đó nhiều đến độ anh ấy rốt cuộc mua một biệt thự ở đó. Lộng lẫy! Anh ấy mời tôi đến đấy hai lần. Nhưng Amelia đâm ghét cái dinh thự nhỏ này. Cho nên Dan lấy nó làm nơi trú ẩn cho riêng mình, một lãnh địa độc quyền của anh. Nếu quả thật anh ấy muốn cất giấu các hàng mật mã trong một nơi chốn chỉ riêng mình biết, cách xa các cộng sự hay gia đình thì đây là một địa điểm lý tưởng.

— Tôi hiểu, - Granier nói, - vẻ mặt nghiêm túc, hầu như trầm trọng. Tất

nhiên là tôi cho cô mượn xe rồi! Nhưng tôi không thể để cô đi một mình tới đó.

— Tôi đâu có đi một mình, có Pierre Chavannes nữa, cũng như... vì ngay cả khi tôi tìm được thuốc giải, chắc chắn là tôi không biết làm sao cho người ta uống. Tôi hầu như chẳng biết gì về lập trình cả. Đối với Pierre thì chỉ là trò chơi trẻ con.

Pierre! Emma bất thình lình nhận ra là nàng đã không bảo chàng đợi nàng. Khi hai người ăn trưa chung, chàng đã loay hoay suy nghĩ tìm phương cách di tản các thiết bị của mình. Và nếu chàng đã tìm ra giải pháp thì sao?

— Dù sao tôi đi cùng cô thì vẫn tốt hơn, - Granier nói.

Nàng đồng ý và bấm số máy Pierre. Bận. Có phải chàng đang nói chuyện với người khác hay đường dây điện thoại bị quá tải? Nàng gọi đến phòng chàng. Chẳng được gì hơn.

— Jean-Philippe, nghe này, tôi chạy về khách sạn. Tôi phải tìm ra anh ấy.

— Tôi đi cùng cô. Tiện thể tôi sắp xếp va-li luôn.

Các nhân viên lễ tân chỉ có thể cho nàng biết một điều duy nhất: Pierre chưa thanh toán tiền phòng. Vậy thì, trên nguyên tắc, chàng chưa rời khỏi Arromanches. Một người trong đám nhân viên đã thấy chàng đi ra ngoài khách sạn nhưng không biết chàng đi đâu. Làm gì đây? Tìm chàng ở đâu? Emma sắp sửa ngồi xuống một trong các chiếc ghế bành trong sảnh thì chợt thấy hai kỹ thuật viên đóng cửa phòng hội nghị lớn.

— Xin lỗi... Các ông có biết Pierre ở đâu không? - Nàng hấp tấp hỏi.

— Tôi nghĩ ông ấy đang muốn ăn một cái “steak” ngon, - người lớn tuổi nhất trả lời.

— Chắc là ông ấy đến tiệm La Marine đó, - người kia nối lời.

— Lâu chưa?

— Nửa giờ, có lẽ thế, - người đầu tiên tiếp, mắt liếc nhìn đồng hồ.

— Thế mà tôi từ đó về đây đấy! - Emma càu nhàu.

Đáng lẽ mình phải gặp chàng giữa đường chứ. Hay là trong trường hợp này chàng thì ngồi bên trong nhà hàng còn mình thì ở ngoài sân hiên với Granier. Thôi, chẳng quan trọng gì nữa, nàng tự nhủ. Nhưng nàng thấy một điểm gở qua những điều ngẫu nhiên bất lợi này. Nàng ra khỏi khác sạn và chạy tới La Marine cũng bằng con đường nàng vừa đi qua.

— Bà tìm ai đó phải không? - Một người đàn bà tóc búi chặt ngồi gần quầy tính tiền, và dù nhà hàng đông nghẹt khách vẫn thấy Emma đi vào, hỏi.

— Vâng. Một người muốn ăn “steak”, - Emma trả lời, mắt đảo quanh.

Bà chủ tiệm mỉm cười với nàng.

— Một ông to cao đi một mình, tóc nâu, khoảng ba mươi lăm, bốn mươi tuổi phải không?

— Chính xác.

— Tôi đã nói chuyện với ông ấy. Tụi tôi không còn thịt, có ai giao hàng cho đâu, do các biến cố mà! Nhưng khách hàng đành chịu ăn cá. Đúng ra, “đành chịu” là nói nhẹ đi lắm đó! Hôm nay tụi tôi có cá vây chân chần nước sôi, xốt va-ni và cải bắp trộn bơ, bà cho tôi biết cảm tưởng sau khi ăn...

— Ông ấy không còn ở đây ư?

— Ông ấy ăn chỉ trong mười lăm phút. Không muốn đụng đến con cá vây chân của tôi.

— Và bà biết ông ấy đi đâu không?

— Tôi nghĩ là ông ấy nói phải đến nghĩa địa Colleville.

— Nghĩa địa à? Vào giờ này sao?

— Ông ấy có chuyện phải làm ở đó, nếu tôi hiểu đúng.

— Nhưng ông ấy đi đến đó bằng cách nào?

— Ông ấy có chiếc xe tải chở thiết bị của mình, không phải sao? Ông không đủ xăng để về Marseille nhưng Colleville thì chỉ cách đây mười lăm cây số.

Emma cảm ơn bà chủ nhà hàng rồi ba chân bốn cẳng chạy đi gặp lại Granier ở khách sạn.

— Cái thằng khùng này! - Tên nhà văn kêu lên. - Nghĩa địa Colleville! Đi du lịch trong hoàn cảnh này, thật hết chỗ nói!

“Du lịch” không phải là từ mà Emma muốn dùng.

— Anh biết đấy, tôi cũng vậy, tôi đã dự định đi xuống đó với con gái tôi, ngày mai là nó phải đến đây. Mẹ con tôi định đi chơi ba ngày trong vùng này. Phong cảnh thật tuyệt vời, tôi thật sự thấy tiếc phải bỏ đi.

— Đúng thế, bờ biển vùng này đẹp tuyệt. Nhất là đi ngược lên phía Bắc, ở Cotentin, Goury, Barfleur... hoang dã hơn nhiều. Quanh đây thì có khá nhiều cờ Mỹ.

Granier bỗng dưng nhận ra mình vừa lỡ lời. Hay làm bộ nhận ra thế.

— Tôi thật là mất dạy! Tôi quên mất cô là người Mỹ.

— Chỉ một nửa thôi.

— Vậy là phần nửa tốt. Tôi có thể xin lỗi được chứ?

Emma mỉm cười với tên nhà văn. Nàng không giận gã. Đơn giản là gã có cái phản xạ bài Mỹ dễ dãi giống như nhiều người Pháp khác. Nhất là trong giới văn hóa. Thật không đơn giản chút nào, đối với những trí thức này, khi phải công nhận là đồng bào mình mê *Star Wars* đến phát khùng và *Titanic*[285] là cuốn phim đem lại lợi nhuận cao nhất ở nước Pháp trong lịch sử điện ảnh. Hay tệ hơn nữa, con cái của họ, sau khi xem phim, sẵn sàng "giết" cả cha lẫn mẹ để được đi ăn ở MacDo[286].

Nàng cũng không thể giận gã về những lời lẽ gã thốt ra đụng chạm đến Pierre: chính nàng thấy khó mà hình dung ông bạn đồng nghiệp cũ, trong hoàn cảnh bây giờ, lại chịu "đốt" một chút nhiên liệu quý hiếm để đi ngồi trầm tư trước mộ lính Mỹ.

— Ta làm gì bây giờ? - Tên nhà văn vừa hỏi vừa đặt bàn tay lên cổ tay Emma. - Ta đi không có hắn chứ?

Nàng cười nhẹ.

— Tôi đã giải thích với anh rồi. Tôi cần chuyên môn của anh ấy.

Nàng suýt chút nữa buột miệng "tôi cần anh ấy". Nhưng nàng không muốn Granier đoán được chuyện gì đã xảy ra giữa hai người chút nào. Vì muốn kín đáo về đời sống riêng tư của mình, nàng tự nhủ. Nhưng cũng vì tên nhà văn không phải không làm nàng thích, dù nàng không hiểu rõ lắm các động cơ của gã. Gã có tìm cách quyến rũ nàng không, hay gã làm bộ thế? Gã có thành thật không, với nụ cười mỉa mai mà gã lúc nào cũng trưng ra, giữa hai câu nói? Ngay cả những cái nhìn đầy ngụ ý của gã cũng có vẻ cường điệu; nàng không thể thuộc loại đàn bà của gã, những ngôi sao điện ảnh và những người mẫu hạng nhất với bốn mươi kí lô mới là loại người gã kết bạn tình. Gã lớn hơn nàng mười tuổi nhưng chính nàng mới là quá già đối với gã.

— Vậy thì ta đi tìm hắn chứ?

— Tôi có thể cố gọi anh ấy, - Emma nói, đưa tay lục tìm máy di động trong túi xách.

— Điện thoại giờ không chạy lắm đâu.

Đúng vậy, sự liên lạc vẫn bị ngưng trệ.

— Anh có lý. Ta đi xuống đó thôi, - Emma nói, tay đóng túi xách lại. - Hy vọng là ta sẽ không gặp anh ta giữa đường mà không nhận ra. Anh biết theo đường nào để đi Colleville không?

— Dễ ợt. Chỉ có một đường thôi, và nó nằm ngay bên cạnh đây. Tôi đã đến nghĩa địa đó một lần, theo đoàn làm phim. Kịch bản thì dựa trên một trong những tiểu thuyết của tôi, Chiếc xe đạp màu hồng. Arditi đóng vai con trai đỡ đầu của Jean Moulin. Chín triệu khán giả truyền hình khi họ phát sóng tháng vừa qua trên France Télévisions. Thành công rực rỡ! Hơn nữa, họ đang quay phần tiếp theo ở Nice, tôi đã xuống ở đó ba ngày, đầu tuần này.

Emma nhìn Granier, tò mò pha lẫn ngạc nhiên. Ngày hôm trước, khi họ đề cập đến cái chết của Kathrin Strandberg, gã đã quả quyết là vào tối thứ ba, gã tham dự một chương trình truyền hình ở Paris. Nàng tự hỏi các công an điều tra về cái chết của Kathrin Strandberg có nghĩ đến việc thẩm vấn gã không.

http://tieulun.hopto.org

25

Ngày trước...

— Dan, nhìn kìa! Cái cầu vồng!

Nghiêng mình trên bể nước trong phòng khiêu vũ, hưng phấn như một cô bé xem biểu diễn xiếc, em đưa ngón tay chỉ thác nước phun ra từ khán đài vòng cung. Một tia nắng mặt trời xuyên vào dưới chân tấm màn nước này, vẽ lên các sắc màu nhạt dần khiến em buột miệng kêu lên đầy thán phục: những dải ruy-băng vàng, cam, đỏ, xanh chàm và tím nhảy múa theo điệu nhạc "menuet"[287] của Lully[288]... Các du khách đến xem nước phun từ dưới đất lên, ngây ngất cảm phục trước những vỏ sò ốc nhập từ Madagascar gắn trên những bậc thang bằng những sợi chỉ bằng đồng thau kín đáo không thấy được. Khóm cây Rocailles, chiều hôm đó được làm sân khấu cho cái vũ điệu nước và ánh sáng mặt trời này, ngày xưa nó là một bản ngợi ca các thuộc địa mới của vua Louis XIV.

Em ganh tị với Thái Dương Vương và cung đình của ông khi nghe điệu "chaconne"[289] trong Amadis[290].

— Thế mà họ khiêu vũ ở đấy, dưới ánh trăng! Hẳn em sẽ mê lắm đấy!

Gabriel, tên thợ cả ống nước, càng làm em thích thú sôi nổi hơn khi kể ra những bí mật của các buổi dạ vũ. Ở giữa phòng khiêu vũ ngoài trời này, có một cái bục bằng đá cẩm thạch bao quanh bởi một con kênh nhỏ dành cho

các người khiêu vũ. Dàn nhạc chiếm cứ khoảng không gian bằng nửa vòng tròn phía trên thác nước, chỗ mà người ta còn thấy được ba bể nước trang trí bằng vỏ sò ốc. Trên những bàn chân trụ thếp vàng đặt khắp xung quanh sân khấu là những cây đèn nến nhiều nhánh và những bó đuốc. Đối diện, là các bậc phủ cỏ chiếm hết một nửa khán đài vòng cung, dành cho khán giả.

Bầu trời bớt xám xịt hơn lúc bọn mình đi thăm các đường hầm vài giờ trước đó. Mặt trời cũng xuyên qua được giữa những đám mây, vẽ lên những bức tranh phù du trên màn nước.

Đầu buổi chiều, Gabriel Estaban đã đưa bọn mình đến khóm cây Rocailles trong chiếc xe Kangoo với đèn pha quay có ghi các chữ đầu của *"Service des eaux de Versailles"*[291]. Em đã leo lên ngồi phía trước với hắn. Phần anh thì ngồi ở thùng xe phía sau. Tên thợ ống nước tỏ ra bối rối, rối rít xin lỗi.

— Ông Barett, mong ông tha lỗi cho tôi đã đối xử với ông như kiểu này... Hơn nữa, không đúng quy định chút nào!

Thật tình mà nói, việc Esteban đối xử với anh như thể một thằng bồi phòng chẳng đụng chạm đến anh nhiều đâu. Anh bực tức vì nguyên nhân khác. Anh vừa có một ý tưởng nhưng anh lại không thể nói với em. Không có đường hầm dưới phòng Phu nhân de Maintenon à? Thậm chí như thế. Tên thợ ống nước quả quyết điều này, chắc chắn là biết rõ đường đi nước bước hơn anh, và các bản vẽ của hắn chứng minh giả thuyết của anh là sai. Nhưng hắn lầm, anh chắc thế như đinh đóng cột. Bọn mình sẽ có thể kiểm tra ngay tối nay sự hiện hữu của một đường hầm dẫn tới căn phòng bí mật!

Gabriel nói, em thúc thêm và anh thì giậm chân nóng ruột. Cho những màn phun nước từ dưới đất lên cuối cùng trong mùa du lịch thì Gabriel phụ trách khu vực Nam, gần khóm cây Bacchus. Đi từ bể nước này sang bể nước kia, hắn tả đến từng chi tiết nhỏ nhặt nhất hệ thống cung cấp nước đã

hoạt động từ thế kỷ XVII: một hệ thống lực hút, tức là hoạt động không cần máy bơm, một kỳ công vào thời đó. Những đài nước cao nhất giữ vai trò hồ chứa nước cho những đài nước đặt ở dưới thấp. Từng quãng thời gian đều đặn, Gabriel rút thước đo ra để đo mực nước trong các bể nước mà hắn có trách nhiệm canh chừng.

— Tin tôi đi, ta không thể nào tránh được sự cố này nọ xảy ra ở đây! Cá bị nước ở Grand Canal hút vào đến đây làm nghẽn ống dẫn... Ông bà biết đấy, chúng tôi sử dụng hơn mười ngàn mét khối nước trong một ngày. Thử hình dung là biết bao thứ đồ dơ bẩn bị cuốn theo!

Anh vừa tìm cơ hội bỏ hắn mà đi với em, vừa nhìn các bể nước đang chảy rào rào. Những tia nước lấp lánh màu xanh, trắng, có ánh cầu vồng phụt thẳng lên trời, để rơi xuống những chuỗi hơi nước mỏng manh trên các lối đi, mà về phần anh, anh luôn luôn thấy chúng và cũng biết chúng quá rõ. Đây là đài nước Flore, kia là khóm cây Colonade... Anh muốn bỏ rơi tên thợ ống nước, và anh đã làm thế một cách không khéo léo chút nào. Em còn nhớ chứ?

— Emma! Lại đây, anh chỉ cho em cái này, - anh kêu lên đột ngột. Và, quay sang Esteban. - Xin lỗi ông, tôi muốn đưa cô bạn đến khóm cây Girandole chỉ một lát thôi.

Anh kể em nghe lúc bọn mình rời xa Gabriel là vào một tối nọ anh đã đánh mất cặp kính ở đây khi anh vận động duỗi tay, duỗi chân. Anh tưởng mình bỏ nó trong túi. Sáng ngày hôm sau, tuyết bắt đầu rơi ngay lúc anh quay lại chỗ này để tìm lại cặp kính. Anh cố gắng diễn tả cho em thấy cảnh tượng tuyệt vời, Versailles nằm ngủ dưới tuyết trắng, mê man bởi những bông tuyết phủ trùm lên ngôi vườn trong sự dồn dập dịu dàng! Khoảnh khắc đó được giữ mãi trong tâm trí anh.

Em quan sát anh, lộ vẻ ngạc nhiên. Em biết anh quá rõ để hiểu ra là câu

chuyện cặp kính – tuy có thật – chỉ là cái cớ.

— Dan, có chuyện gì vậy? - Em hỏi anh ngay khi bọn mình đã đi đủ xa tên thợ ống nước.

— Anh muốn nói chuyện với em. Anh biết cách bọn mình sẽ làm để tìm ra một lối vào đường hầm khác!

Bọn mình đến trước cụm hoa bằng kim loại trang trí cho khóm cây. Em mở to mắt. Anh đã ghi được một điểm.

— Cách nào đây?

— Tối nay ta sẽ quay lại Grand Trianon.

— Nhưng mình đâu có chìa khóa, cũng đâu có phép vào...

— Ta sẽ trốn trong vườn ngay trước giờ đóng cửa. Và ta để họ nhốt mình trong này!

— Nhưng tại sao chứ?

— Em sẽ hiểu thôi. Ta đem theo ra-đa. Cái ra-đa mà anh đã dùng với Granier. Anh đã mang nó theo trong cốp xe của anh.

Em nhíu mày, làm hiện ra một nếp nhăn dài thẳng đứng trên vầng trán. Anh nhấn mạnh.

— Và ta sẽ rình mò dưới các cửa sổ của phòng Phu nhân de Maintenon.

Rõ ràng là em vẫn không hiểu. Em gần như làm anh thất vọng.

— Cái đường hầm đi từ các căn hộ, - anh giải thích. - Nó nhất thiết phải đi dưới các ngôi vườn, phải không nào?

Cuối cùng nét mặt em giãn ra. Và em đã phản ứng.

— Anh muốn nói có phải chỉ cần cái ra-đa phát hiện nó từ trên mặt đất

và đi dọc theo nó thì tìm ra lối vào khác đó?

— Chính xác như thế. Và ta không mất nhiều giờ đâu, theo ý anh. Vài chục mét vuông bãi cỏ hay bồn hoa để dò tìm, tất cả thế thôi. Anh biết chính xác căn phòng này nằm ở đâu mà từ đó đường hầm xuất phát.

Chỉ còn một trở ngại trong trí anh: cần chờ đêm xuống. Và vào cuối tháng chín này, trời không tối hẳn trước 21 giờ.

Anh chờ đợi một cách kiên nhẫn – em biết là khó cho anh chừng nào... – bằng cách để mình cuốn theo vẻ đẹp của cảnh tượng hiện ra trong đầu. Anh nghĩ đến vua, đến ông vua này đã chế ngự được nước. Đến ông vua-thần này đã ra tay nhào nặn quả đất. Vua-thần này là một thủy thần, quyền uy hơn cả hỏa thần, bởi vì nước, em biết đấy, bao giờ cũng mạnh hơn lửa. Các ngọn lửa lụi dần rồi tắt ngấm, chỉ còn tro than và tàn tích để lại mà thôi. Còn nước thì chảy lan tràn hay phụt tóe ra, chói rạng để tạo nên sự sống. Nhà vua đã chế ngự được nước thì ngài là một sinh thần. Giá như ngài trị vì hôm nay, ở đầu thế kỷ XXI này thì Louis XIV sẽ tìm cách để trở thành ông thần của cái gì? Cội nguồn sự sống nào mà ngài muốn chinh phục? Có lẽ là nước, còn là nước, bao giờ cũng là nước. Bởi vì các nhà khoa học đã đưa ra từ trước dự đoán là: trong vài thế kỷ tới, trên hành tinh khát nước của chúng ta, người ta sẽ không đánh nhau vì dầu lửa nữa, nhưng mà vì nước. Như Louis Đại vương trong các ngôi vườn của ngài.

Vào lúc 17 giờ 15, tất cả thợ ống nước đứng sắp hàng giữa bể nước Dragon và bể nước Neptune[292], đưa tay giở lên "chìa khóa" của họ, một loại miệng cống thu nhỏ. Ông bạn Gabriel đứng giữa họ: đối với hoạt động cuối cùng trong ngày, anh ta được giao phụ trách "vòi phun lớn", một sự phân chia dựa theo chức hạng của anh ta. Mỗi người cắm xuống đất cái chìa khóa hình đàn lia, một loại gậy to bằng kim loại của người chuyên tìm nguồn nước, và xoay nó. Đúng 17 giờ 20, các cửa van nước mở ra.

Gabriel đã nói trước với ta: Neptune bừng sáng trong suốt mười phút. Nhưng anh không chờ đợi một sự phun trào dữ dội đến thế. Khi thấy trong bể nước mênh mông này, cái lớn nhất trong công viên, khoảng bốn mươi tia nước lớn phụt thẳng đứng lên trời theo điệu "passacaille"[293], anh đã vỗ tay. Dù không muốn. Em từng trách móc anh về chuyện anh không bao giờ vỗ tay mà. Vẻ hào hứng kiểu con nít của anh làm em phì cười.

Anh còn nghĩ đến Louis XIV và các màn pháo hoa bằng nước của ông khi, vài giờ đồng hồ sau đó, bọn mình dò dẫm tiến bước, em và anh, trong bóng tối những ngôi vườn của Grand Trianon. Xung quanh đều im ắng, bọn mình bước đi không ai nói với ai một lời. Anh nhớ lại là mình đã tự hỏi về những động cơ của nhà vua: thực ra ông muốn gì vào thời đó? Có phải đơn giản là muốn ngắm nhìn các nguồn nước phụt tóe ra hay vui sướng vì khả năng chế ngự thiên nhiên của mình? Có phải vui sướng vì chính cuộc biểu diễn hay vui sướng vì cái nhìn của người khác đối với tác nhân cuộc biểu diễn? Nếu thực sự ông tự cho mình là đấng Sáng thế thì ta phải hiểu biết trận đánh và chiến thắng của ông với nước để tìm ra công thức chứng minh sự hiện hữu của Thượng đế.

Chúng ta không gặp khó khăn gì khi trốn lại trong vườn trước giờ đóng cửa. Chỉ cần im hơi kín tiếng khi các nhân viên bảo vệ nhắc nhở mọi người ra về. Chuyện này làm em vui thích. Vả lại, anh cũng vậy, có lẽ là lần đầu tiên trong đời mình, dù anh thấy ngạc nhiên lắm. Anh chưa từng cảm nhận, em biết mà, cái rùng mình khoái chí này trước đó mà vài người cảm thấy khi họ vi phạm quy tắc. Tối hôm đó thì khác hẳn. Có lẽ vì sự hiện diện của em và vì việc anh chơi với em trò người quân tử đi ăn trộm. Một cái rùng mình vui thú, ngây ngất hơn biết bao lần điều mà anh quen cảm nhận, nó chỉ là việc ký một tấm ngân phiếu mỗi khi anh muốn được cái gì đó. Với ít hay nhiều con số không trước dấu phẩy.

Bọn mình đi bộ rất lâu, hết đi ngang rồi đi dọc, ra-đa cầm tay. Ta trông giống như những người đi tìm đồ ở các bờ biển, từ giữa mùa hè, đã cào đi cào lại hàng cây số bãi biển với hy vọng tìm được mấy chiếc nhẫn, đồng hồ, dây chuyền và các đồ kim loại do khách nghỉ hè đánh rơi trong cát. Em làm anh lưu ý đến tính cách phi lý của hoạt cảnh này: người đàn ông giàu nhất thế giới đang tạo ra cảm tưởng là thăm dò mặt đất một cách cuồng nhiệt để đi tìm vài đồng euro thất lạc.

Chúng ta trải qua một đêm chung quanh Grand Trianon. Một đêm làm việc chán ngắt, vô bổ và bạc bẽo. Vì cái ra-đa không rung lên bao giờ. Thêm một lần nữa anh phải thừa nhận là mình sai. Và nỗi thất vọng làm anh trở nên hung hăng.

— Dan! Em nói để anh bình tâm lại. Em cũng muốn tin là có đường hầm đó, nhưng có lẽ nó được đào quá sâu trong lòng đất.

Chắc chắn là em có lý. Cái ra-đa không thấy sâu quá ba thước. Thế mà có những cái hầm dưới Grand Trianon, trong lòng đất, có những hầm cao tới khoảng hai thước. Đường hầm mà Kathrin, Granier và anh thấy ra trên màn hình chắc đơn giản là khúc đầu của nó thì thấy rõ được, khi nó dẫn xuống hầm. Sau đó, chắc chắn là nó đi xuống rất sâu, quá sâu là đằng khác để mà chúng ta có thể phát hiện nó bằng cách dò tìm trên mặt đất từ các bãi cỏ của lâu đài nhỏ.

— Nếu mà anh kể việc này với những người quản đốc bảo tàng Versailles thì sao? Nếu anh cố gắng thuyết phục họ tiến hành việc đào bới để đến được đường hầm dưới phòng của Phu nhân de Maintenon thì có được không?

— Không bao giờ! Sẽ mất hết mười năm đó. Em biết bọn người ở “Monuments historiques” mà.

http://tieulun.hopto.org

Vào lúc 5 giờ sáng, anh báo cho em biết là anh sắp sửa cho chế tạo một cái ra-đa mạnh hơn. Một kiểu có thể dò sâu đến mười thước. Và nếu cần thiết thì anh mua luôn xí nghiệp sản xuất ra-đa. Chỉ cần vài tuần lễ.

Ngay ở chỗ này thì em phát giận điên người. Lòng kiên nhẫn của em, lần này, đã chạm tới giới hạn cuối cùng. Em còn nhớ chứ? Bọn mình đứng trú trong hành lang có hàng cột phía trước và em bắt đầu gào lên.

Em nhắc lại những ván bài "bridge"[294] mà anh đã chơi suốt chín giờ đồng hồ liên tiếp và không muốn ngừng. Và cái cuối tuần đáng nhớ ở Brazil mà anh đã thúc đẩy em tìm hiểu cuốn sách của Watson[295]. Một ngàn trang trong ba ngày, viết bởi một trong những người đã phát hiện ra ADN![296] Anh muốn hiểu tất cả về sinh học phân tử gien. Lúc đó là ở Rio. Anh còn thấy lại em, bực tức, trên bãi biển Ipanema. Bọn mình đọc chung cuốn sách đó đã hai tiếng đồng hồ rồi. Bất ngờ em đứng dậy và bước về phía biển. Đi được vài thước, thấy anh không đi theo, em quay lại.

— Anh không xuống tắm sao?

Anh trả lời nhưng không nhướng mắt lên:

— Chờ chút, anh đang suy nghĩ.

Em đến gần, đứng im một lát trước cái khăn tắm của anh, vẻ mặt tức giận. Một cuộc thảo luận sôi nổi xảy ra sau đó về chuyện tìm kiếm sự hoàn hảo.

— Tại sao anh muốn nhất thiết phải đọc xong cái chương về sinh học phân tử gien?

— Bởi vì chúng ta đã quyết định như thế. Khi ta tấn công vào một đề tài, ta phải đi tới cùng.

— Và anh không thể tự bằng lòng, như mọi người, với thú vui giản dị

trong việc khám phá sao?

— Không.

— Tại sao chứ?

— Anh không tìm thú vui, anh tìm sự thành công.

— Cả hai thứ này đâu có xung khắc nhau.

— Thú vui là hệ quả của sự thành công chứ không phải ngược lại.

Em nhắc lại chuyến đi của hai ta ở Santa Barbara, nơi mà bọn mình đã nghe, từng cuộn băng một, tất cả bài giảng ghi âm của Richard Feynman[297] ở đại học Cornell. Và cuộc hành trình lớn với những người bạn ở một hòn đảo ngoài khơi Zanzibar. Anh đã mời Donald Johanson[298], và trong phòng khách nhà nghỉ mát của bọn mình, ông ấy đã trình bày, năm giờ liền, về sự tiến hóa của con người. Anh muốn biết tất cả về Orrorin, Lucy, con người Tautavel[299]...

— Sự thành công, Dan, sự thành công! Làm người giỏi nhất! - Em nói tiếp, ngửa mặt lên kêu Trời làm chứng. - Nhưng làm người giỏi nhất thì có ý nghĩa gì cơ chứ? Đạt tới sự tối ưu, sự hoàn hảo à?

— Hơn cả cái đó nữa.

— Anh muốn nói gì thế?

— Trong công chuyện làm ăn, sự tối ưu không bảo đảm chiến thắng. Không một chiến thắng nào, em yêu, là trọn vẹn nếu em không trở thành người chủ của địch thủ của mình, nếu em không tạo ra tình thế trong đó em có thể chế ngự hắn, đè bẹp hắn.

— Đè bẹp hắn à? Tại sao lại đè bẹp hắn?

— Nhưng bởi vì không có lựa chọn nào khác! Trong cạnh tranh, anh

không tin là hai đối thủ đều thắng cả. Phải có kẻ bại, người thắng. Không có tình huống thắng-thắng, ai cũng thắng, ai cũng có lợi, ngược hẳn với những gì người ta dạy trong các khóa học.

— Anh theo học thuyết Darwin[300] à?

— Không, nhị phân, đơn giản là nhị phân thôi! Mọi sự trong đời sống rút lại là một tổ hợp của 0 và 1. Chung cục thì người ta đạt tới cùng một kết quả: một cái gì trắng hay đen. Trong hay ngoài. Chết hay sống.

Cuộc đấu khẩu giữa anh và em trở nên gay gắt. Những người nằm gần đó trên bãi biển nhìn chúng ta với ánh mắt tò mò.

— Sai! - Em tiếp tục đáp trả. - Những sự xúc động mà ta cảm thấy, những tình cảm mà ta nhận thấy thì không bao giờ là nhị phân cả. Chúng đều không thể dự kiến trước được. Không thể lập trình được.

— Không đồng ý! Trái lại, anh nghĩ là tất cả các tế bào thần kinh trong bộ óc chúng ta, chúng khởi động các cảm xúc và nhận thức, đều vận hành theo cách nhị phân. Một ngày kia người ta sẽ giải mã chúng. Người ta thậm chí sẽ biết sao lại một tình cảm, giống như người ta sao lại một phần mềm.

— Sao chép một tình cảm... Dan ơi, anh điên rồi! Ngay cả tình cảm yêu đương sao?

— Ngay cả mấy thứ này. Một ngày kia người ta sẽ làm được. Người ta đã biết vài cái gien là nguyên nhân gây ra bệnh này hay bệnh nọ rồi.

Em tỏ vẻ hoài nghi. Em vẫn luôn luôn hoài nghi về những chuyện này. Hơn nữa, em bỏ tiền đầu tư ít dễ dàng hơn anh nhiều trong các xí nghiệp trẻ chuyên về bộ gien đơn bội[301] và công nghệ sinh học. Ví dụ như Alzacorp, cái công ty ở Reykjavik, đã nhận dạng được gien của bệnh Alzheimer. Một cục vàng nhỏ đó em. Nhưng em chẳng tin chắc vào nó.

— Dan, anh nằm mơ đó! Anh tự huyễn hoặc mình đó. Em nghĩ là bao giờ cũng có một phần chưa biết nằm trong tâm hồn con người, một cái gì không thể xác định được, bất khả tri. Một cái gì thần linh, có lẽ... Thượng đế. Anh không đồng ý sao?

Vào lúc đó, anh nhớ là mình đặt cuốn sách xuống trên cát và ngồi dậy. Nhẹ nhàng như ngồi trên ghế bập bênh, anh đung đưa người một cách máy móc từ trước ra sau.

— Thượng đế à? - Cuối cùng anh trả lời. - Em nghĩ thực sự rằng Ngài là không thể xác định được sao? Nếu Ngài hiện hữu thì một ngày kia anh sẽ mang đến bằng chứng về sự hiện hữu của Ngài.

Và em có tin anh không nếu bây giờ anh nói với em là hai ta, đêm hôm đó, đã ở ngay trên căn phòng bí mật của các vua nước Pháp? Dù sao đi nữa, vào lúc sáng tinh mơ, trong khi bọn mình chờ người ta mở cổng, em vẫn còn không tin anh chút nào.

Đó là lần cuối cùng anh chia sẻ với em về cuộc tìm kiếm cái công thức thần linh của anh.

26

Tracy-sur-Mer, Longues-sur-Mer, Port-en-Bessin, Sainte-Honorine-des-Pertes... Con đường nội tỉnh nối Arromanches với Colleville-sur-Mer ngoằn ngoèo chạy dọc theo cánh đồng. Granier có vẻ biết rõ từng khúc cua và chỉ lái chậm lại chút xíu khi xuyên qua làng mạc. Gã đã mất hai mươi phút mới đến tấm bảng chỉ đường vào mảnh đất Mỹ nằm lọt trong lãnh thổ Pháp. Đi thêm vài trăm thước rồi gã ngừng ở bãi đậu xe:

— Đến rồi! Cô Shannon, tại đây là cô đang ở nước mình đó.

Emma không để ý đến nụ cười thỏa mãn của người lái xe đưa nàng đến đây. Nàng đã quen nghe người Pháp gọi nàng là Mỹ, và người Mỹ gọi nàng là Pháp, thông thường là để bêu xấu các khiếm khuyết của đối phương. Nàng bất chấp mấy chuyện này, không đời nàng nàng chối bỏ gốc gác kép của mình. Nhưng ngay đây, tại mảnh đất tách biệt này, nàng cảm thấy niềm hãnh diện lớn lao về gốc rễ bên phía cha của mình.

— Jean-Philippe, anh chờ tôi ở đây nghe! Tôi quay lại ngay!

Nàng ra khỏi xe và bước nhanh về phía cổng vào nghĩa trang quân đội Mỹ cách đấy vài thước. Nàng chưa hề đặt chân đến đây nhưng đông đảo bạn bè nàng ở Mỹ đã nói với nàng về địa điểm này, nằm phía trên bãi biển Omaha, nơi mà hàng trăm người lính của đất nước nàng đã bị bắn hạ dưới làn mưa đạn vào buổi sáng ngày 6 tháng 6 năm 1944. Những bãi cỏ cắt sát

gốc, những hàng cây du đứng cách quãng vừa phải, những lối đi trồng hoa hồng hai bên: ngay tức khắc, nàng cảm thấy dâng lên trong người mùi hương nước Mỹ. Ở đây, ngay từ lối vào, tất cả trông rộng rãi hơn, ít chật chội hơn ở Pháp. Nàng chạy xuống lối đi chính giữa và dừng trước ngôi nhà thờ hình nửa vòng tròn đối diện nàng. Nàng không muốn mất thì giờ đến gần bức tượng đồng to lớn ở tư thế tiến công đặt ở vị trí nổi bật ngay giữa các hàng cột. Nàng muốn nhanh chóng tìm ra Pierre. Nhưng bắt đầu từ đâu đây? Chàng có thể ở chỗ nào?

Chung quanh nàng, khắp nơi, dưới những cây thông quả đỏ và cho tới cái sân hiên nhô cao trên biển, là những cây thánh giá dựng đứng. Gần mười ngàn cái, toàn màu trắng, đứng im trong cỏ lấp lánh sáng. Emma bước tới trên lối đi dẫn về phía cuối nghĩa trang. Nàng không thể không nhìn các cây thánh giá khi đi trước chúng, và quan sát chúng khi đối diện hay nhìn xéo ra sau. Không một khiếm khuyết nào hiện ra làm gãy đổ sự xếp thành hàng thẳng đơn sơ này. Và ngôi vườn, người ta nói với nàng một ngày nọ, khi nhìn từ trên cao, thì cho thấy hình dạng hoàn hảo của một chữ thập la-tinh. Đó là một ngôi vườn tang tóc nhưng vui vẻ cùng lúc, bạo liệt nhưng nguôi ngoai. Một lời cầu xin Lịch sử tha thứ, kỳ cục và xót xa.

Emma dừng bước, cảm thấy choáng váng vì sự im ắng bao quanh, hoang mang với ý nghĩ là mình đã xen ngang vào cuộc đối thoại triền miên giữa những người đã ra khỏi cuộc đời. Ngộ nhỡ tất cả những người lính này cất tiếng nói thì họ sẽ nói gì với nhau? Cái chết, nàng nghĩ, đã biến cuộc đời họ thành số mệnh. Tư tưởng này của Malraux[302], mà ngày xưa nàng đã làm bài luận khi còn học trung học phổ thông, trở lại trong trí nàng. Số mệnh của hàng ngàn người trai trẻ, nhưng cũng là số mệnh của cả một lục địa, đã diễn ra tại đây.

Một cuộc chiến tranh đã chấm dứt nơi này. Nàng không thể không nghĩ

đến một cuộc chiến tranh khác đang bắt đầu. Khởi phát bằng một cú nhấp chuột đơn giản, nhưng còn tàn phá hơn nhiều. Nhưng ai là kẻ kích động? Đâu là ý nghĩa cuộc chiến đấu của hắn? Phải chăng đó là sự phá hủy một thế giới kinh tế, thế giới của nàng? Và, nghiêm trọng hơn nữa, phải chăng đó là sự phá hủy một hệ thống giá trị? Một hệ thống được xây dựng trên tự do của con người và – dù người Pháp có muốn hay không – được đất nước nàng, Hoa Kỳ, bảo vệ từ nửa thế kỷ nay.

Đứng bất động, nàng đảo mắt tìm hình dáng Pierre. Đi hướng nào bây giờ? Chẳng có người sống nào giữa ô bàn cờ lớn màu lục và trắng này. Nàng tự ép mình bước tới giữa những hàng thánh giá.

Richard K. Wirt, SGT 323 bom SQ 92, Illinois, May 13...

Leroy Kelly, North Carolina...

Dunstan Perkins, New Jersey...

Emma nhận ra là tất cả các nấm mộ đều không giống nhau. Rải rác đây đó có vài ngôi sao David[303] đặt ở trên.

Efraim Lew, New Jersey... Jack Barshak, New York...

Rồi có những ngôi mộ khác không mang tên ai cả.

Here rests in honored glory a comrade in arms known but to God[304]...

Một chiến hữu chỉ có Thượng đế biết.

Sau cùng là những mộ bia khác được người ta đặt hoa mới đây. Emma đi nhanh hơn, cho tới cuối trục trung tâm, về hướng ngôi nhà nguyện khi nàng tin rằng đã phân biệt bên phía tay trái một người đàn ông ngồi co mình dưới chân một nấm mộ. Pierre à? Nàng không chắc nhận ra hình dáng chàng. Anh ta làm gì mà ngồi chồm hổm giữa những cây thánh giá thế này? Ngay lúc nàng tiến lại gần thì người đàn ông quay người lại. Anh ta để

bên cạnh một cái xô đựng đầy cát, một miếng giẻ lau và một cái sọt đầy hoa.

— Emma! Em làm gì ở đây thế? - Anh ta kêu lên khi thấy nàng đến gần.

Đúng là Pierre rồi. Emma trấn tĩnh lại.

— Anh đoán xem nào! Em tìm anh cả nửa giờ rồi! Anh phải đi với em.

Rồi nhìn kỹ đồ vật mà Pierre cầm trên tay:

— Nhưng chính xác là anh đang làm gì, với cái cọ này?

Pierre Chavannes đặt bó hoa xuống cỏ và trên tay thực sự cầm một cây cọ. Anh trải cát ướt lên thanh ngang của cây thánh giá, nơi họ tên người lính được khắc lõm vào. Các con chữ được phủ cát như thế thì làm hiện ra cái tên bằng chữ viết có ánh vàng trên đá cẩm thạch trắng.

Edward M. Withers, Wisconsin, July 12th 1944.

— Anh đang...

Emma ngăn Pierre nói hết câu bằng cách kéo tay áo anh.

— Pierre, anh nghe này! Em nghĩ là em biết chỗ mà Dan đã để lại các chỉ dẫn về cái backdoor! Ta phải đi ngay thôi!

Pierre đứng dậy, lộ vẻ ngơ ngác:

— Em muốn nói gì vậy?

— Em sẽ giải thích cho anh sau! Đi nào! Granier đang chờ bọn mình ở bãi đậu xe. Sẽ chở bọn mình bằng xe của gã.

Nàng nắm lấy cánh tay anh và kéo anh đi giữa những cây thánh giá. Pierre bước nhanh hơn một cách khó khăn vì vướng víu với cái sọt và cái xô. Trước mặt anh, Emma đi nhanh, dáng lanh lẹ với chiếc váy màu be và đôi giày mềm đế thấp và không dây. Anh chỉ thấy tóc nàng tung bay trên vai. Nhưng đột ngột anh muốn dừng lại. Tại sao anh lại chạy sau người đàn bà

này? Anh phải theo nàng một cách ngu ngốc, như con chó xù, mà không đặt câu hỏi hay sao? Đến lối đi trung tâm, anh dừng bước hẳn.

— Emma, trước hết, em có thể nói mình đi đâu không?

— Đi Versailles!

— Anh không biết có nên...

Pierre đặt xuống đất mấy thứ đồ lỉnh kỉnh và có vẻ càng lúc càng do dự. Nàng cầm tay anh.

— Đi nào, em sẽ chỉ cho anh cái này.

Nàng kéo anh về phía nhà tưởng niệm màu trắng hình bán nguyệt sừng sững trước mặt họ. Nàng leo lên vài bậc cấp rồi đứng lại. Trước mắt nàng là những bản đồ chiến trường được sơn trên bức tường với những mũi tên và lời chú thích chỉ ra vị trí của mỗi sư đoàn và chiến trận của nó. Nàng muốn cho anh thấy cái gì? Và tại sao vào lúc này? Nàng phải giãi bày, và cũng phải nói bằng cách nào nàng đã tìm ra anh. Anh sẽ không tiếp tục như thế này. Anh không phải là tên bồi phòng của nàng.

Nhưng nàng đã quay người lại và anh thấy đôi môi nàng mấp máy. Đường môi cong dịu dàng và thanh tú. Emma vẫn giữ bàn tay anh trong tay nàng. Anh cảm thấy như nàng đang vuốt ve mấy ngón tay anh. Nàng muốn nói gì thế này? Tại sao nàng nhìn anh như thể...

Anh không có thời gian để buột miệng hỏi nàng. Hai khuôn mặt quá gần nhau.

Anh ép nàng vào sát tường và ôm hôn nàng. Anh nghe tiếng thở phào của nàng và anh buông hai tay để đưa lên vuốt ve đôi vú nàng. Nàng cảm thấy cơn ham muốn bùng lên chụp lấy mình.

Một người nào đó thăm viếng nghĩa trang hẳn là trông thấy họ, nhưng

họ quên mất mình đang ở đâu.

Pierre bỏ mặc muốn đến đâu thì đến, anh bị kích thích bởi đôi mắt, đôi môi và cổ Emma sát miệng anh. Anh lùi vài centimét, nhìn nàng chằm chằm.

— Em đẹp quá.

Mắt không rời nàng, anh luồn tay xuống dưới váy nàng, vào chỗ nối giữa hai đùi, nơi mà một nỗi ham muốn tương tự như anh, nàng không thể che giấu nó, đã xuất hiện từ trước rồi. Và anh quỳ xuống, lật áo thun nàng lên, rồi với hai bàn tay ghì chặt hông nàng, anh hôn rất lâu bụng nàng, chỗ mép lỗ rún. Những cơn rùng mình chạy khắp cơ thể nàng, từ vùng thắt lưng tới tận chân tóc. Nàng nhắm mắt lại. Pierre vén váy nàng lên, kéo cái quần lót bằng lụa xuống rồi dịu dàng đưa môi mình hôn sâu vào đám lông rậm màu nâu. Hai đầu gối Emma bắt đầu run rẩy. Đầu ngả ra sau, rối loạn, nàng nắm chặt tóc anh. Rồi anh bật dậy và làm tình đứng với nàng, lưng tựa vào tường trong khi nàng cắn môi để khỏi hét lên. Anh nhấc nàng lên, để hai chân nàng quấn quanh hông mình, giữ nàng ép sát vách. Mái tóc Emma vẽ lên một vệt tối trên bức tường quét vôi trắng.

Sự cuồng nhiệt đó, gần như thú vật, sự hưởng thụ khoái lạc không thể kìm hãm được đó sẽ làm anh xấu hổ sau này, anh ý thức về điều này, nhưng lạc thú mà anh chia sẻ với Emma mãnh liệt đến mức đã quét sạch mọi giữ gìn. Thực ra, Pierre cảm thấy sung sướng đã khám phá ra người đàn bà này, đã được nàng lựa chọn, đã là hiện thân của giấc mơ nàng, và đã để cho giấc mơ đó thành hiện thực. Anh biết là hình ảnh mà anh thấy ở bãi biển, bóng dáng mặc đồ lót trắng quì gối bên anh, sẽ mãi mãi in sâu trong tâm trí mình. Mong là nàng sẽ còn hiện ra khi anh quên đi tất cả những gì còn lại, khi anh không còn đủ sức tin rằng cái đêm đó là có thực.

Niềm vui sướng cùng làm hai người ngạc nhiên, và họ thả người ngồi bệt

xuống đất, lưng dựa vào tường, thở hổn hển. Emma trấn tĩnh lại đầu tiên. Nàng ép Pierre đứng dậy.

— Anh phải đi với em. Nhưng không phải vì cái này, - nàng nói, tay chỉ chiếc váy mà nàng sửa lại trên người. - Mà vì họ.

Nàng hất cằm về phía hàng ngàn cây thánh giá được sắp đặt ngay ngắn, thẳng hàng trên bãi chiến trường xưa.

— Anh không thể làm gì cho họ nữa, những người an nghỉ nơi đây, anh hiểu không? Họ đã hy sinh mạng sống để cứu vớt tự do của chúng ta, và anh có lý khi đến đây tôn vinh các liệt sĩ này. Nhưng nếu anh không đi với em bây giờ, nếu anh để bọn khủng bố làm gì thì làm, thì anh sẽ có thể xây ra hàng trăm nghĩa trang như cái này. Hàng ngàn người vô tội, có lẽ hàng triệu người, đang có nguy cơ bị giết.

Nàng hét lên:

— Pierre, anh nghe em chứ? Hãy nghĩ đến người sống đi! Một cuộc thế chiến mới đã bắt đầu, và kết cuộc của nó tùy thuộc vào anh đó!

http://tieulun.hopto.org

27

— Anh còn đủ xăng để tới được Paris không? - Emma hỏi.

Granier nhìn cái thước mực, lộ vẻ hoài nghi.

— Không chắc lắm. Tôi đã đổ đầy xăng ở Cherbourg trước khi đi, nhưng cái xe này hao xăng quá, và nhất là tôi chưa quen nó. Tôi mới có nó từ nửa tháng nay.

— Anh vừa mua nó à?

— Nói thật ra, một người bạn cho tôi mượn. Vả lại, chắc cô biết hắn. Ted Dubuisson. Hắn dẫn một chương trình TV trên *Paris Première.* Mấy nhà sản xuất sẵn sàng cho mượn bất cứ cái xe nào hắn muốn: hắn lo việc chạy thử xe mà!

Gã cười nhạo.

— Nhờ vậy mà hắn chẳng bao giờ dùng xe riêng của mình.

Và Granier thì sao? Pierre nghĩ, gã dùng xe của gã khi nào vậy cà?

Như thể đoán được ý nghĩ của anh chuyên viên tin học, tên nhà văn nói thêm:

— Phần tôi thì không có xe. Nói thẳng ra, tôi không thấy nó có ích lợi gì. Ở Paris tôi đi lại bằng xe Vespa, giống như mọi người.

http://tieulun.hopto.org

Pierre để Emma ngồi phía trước, gần Granier. Thực tình mà nói, nàng đâu để anh chọn lựa, nhưng như thế thì cũng tiện cho anh. Cuộc hành trình sẽ kéo dài ít nhất ba giờ đồng hồ và ở phần sau chiếc Porsch, một cái 4x4 kiểu mới nhất, thì anh có thể xoay qua trở lại để ngủ một cách dễ chịu hơn. Sự thiếu ngủ đã bắt đầu đè nặng lên anh.

Họ vừa ra khỏi Colleville bằng cách chạy quá mức tốc độ cho phép, và Pierre giải thích cho hai người đồng hành việc gì đã dẫn anh đến nghĩa trang này: mẹ anh là mẹ đỡ đầu của ba cựu chiến binh Mỹ đã tham dự vào cuộc đổ bộ. Một ngày nọ, một trong ba người đó nhờ bà thay họ mang hoa đến đặt lên mộ của một đồng đội đã ngã xuống trên bãi biển năm 1944. Rồi sau đó cả chục người khác cũng yêu cầu bà làm cùng một việc này. Trong một thời gian dài, hàng năm vào dịp lễ Các thánh[305], bà đều trải qua một ngày ở nghĩa trang này. Bà đặt hoa lên mộ và chùi sáng tên người lính khắc trên đá bằng một nắm cát ướt. Một cách làm tăng giá trị của người chết... cho đến khi một cơn mưa rào kế tiếp rửa sạch cát và làm chìm cái tên vào sự vô danh của những hàng cây thánh giá trắng. Sau đó, Catherine Chavannes gửi các tấm ảnh chụp bia mộ đến các đứa "con đỡ đầu" của bà. Vào tuổi thiếu niên, Pierre đã đi hành hương ở Colleville này nhiều lần cùng với gia đình. Bây giờ thì mẹ anh đi lại khó khăn hơn, bà giao trách nhiệm cho hai đứa con, anh và cô em gái, mỗi khi họ có mặt trong vùng thì đến đây làm nhiệm vụ này.

— Anh rành đường chứ? - Emma buột miệng hỏi Granier, gã đang lái chiếc Porsch hết tốc lực xuyên qua cánh đồng.

Chân đạp lút ga. *Pedal to the metal*, như người Mẽo[306] nói. Emma không thấy thích thú lắm đâu – theo như cách nàng bám chặt vào cái nắm tay ở phía trên cửa -, nhưng nàng không phản đối. Granier đáng lẽ nên đi chậm hơn để tiết kiệm nhiên liệu. Với mỗi cú đạp thắng gấp, với mỗi lần tăng tốc,

Pierre lại hình dung ra số lượng xăng bay mất. Xăng lúc này trở nên quý hiếm lắm đấy.

— Tôi xuống ở vùng này ít nhất sáu tháng mỗi năm, cô thấy địa hình rồi mà! - Granier trả lời câu hỏi của Emma.

Cùi chỏ đặt trên cửa xe, một bàn tay trên tay lái, gã giải thích cho hai bạn đồng hành là gã đã mua một "cái nhà làng quê" ở La Hague. Chính xác là ở Omonville-la-Petite, gần Port-Racine, một bến cảng nhỏ nhất nước Pháp, hắn xác định. Và rất gần ngôi nhà mà Jacques Prévert[307] đã sống.

— Và càng ngày càng có nhiều nhà văn đến cư ngụ ở vùng Cotentin. Này, các bạn có đọc cuốn sách mới nhất của Didier Decoin[308] chưa? Ông ta nói về ngôi nhà mình ở La Hague. Ông ta cũng yêu thích chỗ này lắm. Tôi sẽ mời các bạn đến chơi, một ngày nào đó. Các bạn sẽ thấy! Người ở miệt dưới đó thì bộc trực...

Pierre tự hỏi làm sao Granier có thể sống còn giữa những người "bộc trực" đó. Ba người chưa đi hết mười lăm phút mà Granier đã tung ra trong câu chuyện hàng chục cái tên của các ngôi sao màn ảnh nhỏ. Tất nhiên là với giọng chế giễu nhưng nhìn chung thì cũng gây được chút ít hiệu quả. Và Emma lại ra vẻ khuyến khích tên nhà văn, như thể nàng thích thú lắm với cái chuyện name dropping[309] dồn dập này.

— Xin lỗi cắt ngang cuộc nói chuyện hứng thú của quý vị, nhưng tôi có thể mở ra-đi-ô được chứ? - Pierre yêu cầu.

Bất kể thứ gì còn hơn nghe những lời tỉ tê của họ. Ở Colleville, Emma đã không ngần ngại bi thảm hóa tình hình để Pierre vội vàng đi theo nàng, vậy mà bây giờ nàng bắt anh phải chịu đựng sự bông lơn phù phiếm này. Khiến anh cũng tự hỏi không biết nàng cố ý làm thế để quên đi cơn sốt tình dục hồi nãy không.

Đài France Info, 22 giờ 15. Tin tức, Hervé Chatignac.

Một mẩu tin ngắn làm mọi người chợt tỉnh.

Cuộc biểu dương lực lượng của bọn khủng bố vẫn tiếp tục. Ba tai nạn máy bay đã xảy ra ở Hawaii, ở Venezuela và ở Scotland. "Năm trăm người chết tất cả, và may là đã không nhiều hơn", người đọc tin nói, vì hai trong ba tai nạn này, xảy ra khi máy bay hạ cánh do sự rối loạn chức năng của đài kiểm soát không lưu, đã để lại những người sống sót. "Chỉ có năm trăm người chết thôi." Pierre nêu ra sự lệch hướng của biên tập viên đài phát thanh đó. Lại thêm một người thích thú trong việc loan báo các thảm họa. Từ ba hôm nay các nhà báo tha hồ mà loan tin. Pierre nhớ lại ý tưởng mà anh đã gợi ra với Franck vào một buổi tối cao hứng: lập ra một đài phát thanh chỉ đưa ra các tin tức vui vẻ và lạc quan. Đài phát thanh Tin Vui. Franck đáp trả là một khái niệm như thế đã có rồi mà. Ở Triều Tiên. Pierre đành nín thinh.

Người đọc tin vẫn đề cập đến sự hiện hữu của một vận đen.

Những điều tình cờ đến không phải lúc. Hay những mưu hại khủng bố có mục tiêu. Có thể là giả thuyết trộm cắp tin học chưa được thẩm tra chăng? Khó tin lắm. Ai có quyền lợi để "bảo vệ" dân chúng một cách giả tạo như thế khi mà các tai nạn trong các nhà máy điện hay ở các phi trường, khoan nói đến những cái chết dính dáng đến thuốc mélatonine, bây giờ lên đến hàng chục người, gây ra nỗi kinh hoàng trong mỗi nước bị nạn? Người ta đương đầu tốt hơn với sự nguy hiểm khi người ta có thể rõ ràng gọi tên nó ra.

— Nhưng tóm lại, tại sao họ không nói ra sự thật? - Pierre kêu lên.

— Xuỵt! - Granier ra lệnh.

Đài France Info đang đề cập đến sự cố xảy ra ở vùng Normandie, trên xa lộ vành đai của thành phố Caen.

Hai xe tải Mercedes chở mười công-te-nơ, mỗi cái chứa mười lăm ký plutonium, để mang đến cho nhà máy điện Marcoule ở tỉnh Gard, và chiếc này chạy sau chiếc kia, đã tông nhau trên đường vào cầu cạn Calix. Dĩ nhiên là plutonium được bảo quản trong từng hộp được hàn kín, và các hộp này thì lại đặt trong công-te-nơ, rồi được phủ lên bằng một lớp vỏ bọc sắt, nhưng tổ chức Greenpeace giải thích là việc bảo quản này, tuy là đủ trong điều kiện chuyên chở bình thường, nhưng có thể sẽ không chịu nổi hỏa hoạn khi bị chìm sâu dưới nước hay khi bị rơi xuống hơn chín thước. Điều gây ngạc nhiên nhất là hai xe tải này, được theo dõi bằng GPS, được hai xe công an đi theo hộ tống, và được các xe mô tô của hiến binh dẫn đường, không phải là nạn nhân của một hành động khủng bố, nếu ta tin theo bản tường trình chính thức, mà là của một tai nạn xe cộ thông thường. Người tài xế xe đầu đã đạp thắng gấp khi thấy một con vật xuất hiện bất ngờ – một con chó bécgiê Đức to, theo lời những nhân chứng đầu tiên – ngay trước bánh xe, trên đường vào cầu cạn, và chiếc xe thứ hai đã tông mạnh vào đuôi xe trước. Cảnh sát đã khoanh vùng để bảo đảm an ninh từ nhiều tiếng đồng hồ, nhưng trong thủ phủ vùng Basse-Normandie thì người ta rất lo lắng. Nhiều cư dân đã bắt đầu rời thành phố.

Những tên khủng bố có thể điều khiển từ xa tai nạn tiềm tàng thảm họa mới này không? Ngay lúc ý tưởng đó nổi lên trong đầu, Pierre tự hỏi có phải anh cũng đang chịu thua nỗi sợ hãi chung. Anh bị giằng co bởi hai tình cảm đối chọi nhau.

Một bên là nỗi bi quan tột cùng: bọn khủng bố có những phương tiện để loại bỏ ra khỏi bản đồ toàn bộ các thành phố, và chúng sẽ không bỏ qua dịp này đâu, chỉ là vấn đề thời gian thôi. Mặt khác, đúng cái cảm tưởng là chuyện đó lại không phải là điều mà chúng mong muốn: các thảm họa, tất nhiên, đều bi đát, nhưng so sánh với những gì mà các thảm họa này có thể trở thành, thì chúng giống như tiếng chuông cảnh báo thôi. Một hình thức đe dọa. "Các người có thấy chúng tôi

làm gì không? Này, chúng tôi có thể làm ngàn lần tệ hại hơn nếu các người không chịu chấp nhận những gì mà chúng tôi muốn.”

Ngoại trừ chuyện chúng chẳng đưa ra yêu sách gì cả...

Đêm đã xuống mà Pierre không để ý. Phía trước, hai người đồng hành im lặng, họ chắc cũng như anh, đang đắm chìm trong suy tư. Các ngọn đèn pha của chiếc Porsch quét một chùm tia sáng hợm hĩnh trên con đường vắng lặng. Đầu tựa lên cửa kính, Emma có vẻ thiu thỉu ngủ. Pierre hẳn muốn bắt chước nàng nhưng không tài nào chợp mắt. Đến gần nhà máy điện Porcheville, trong vùng Yvelines, Granier hớn hở báo là còn đủ xăng chạy đến Versailles. Từ khi vào đường cao tốc, gã đã thôi lái như đua xe nữa, giữ kim chỉ tốc độ ở mức một trăm ba mươi cây số giờ. Lái xe Porsch dưới hai trăm cây số giờ chắc chắn là đáng buồn thật. Nhưng gã còn giữ được một chút lương tri.

— Còn xa không? - Emma hỏi, giọng chán nản, đưa bàn tay vuốt tóc.

— Nhiều nhất là nửa giờ, - tên nhà văn trả lời.

Hai mươi phút sau, ngã ba Rocquencourt đã hiện ra trước mắt. Emma mở máy GPS.

— Mình đi đến số 57, đường Faubourg-Saint-Antoine, - nàng nói, - tôi đã kiểm tra trên cái Palm của mình. Ta phải ra bằng ngả Verseilles-trung tâm. Nếu tôi nhớ rõ thì chắc mình không đến phía bên lâu đài, nhưng ở phía Tây, bên phía Trianon. Dù sao thì GPS sẽ chỉ ra tất cả mấy thứ này. Dan luôn nói rằng...

Một tiếng còi điếc tai chặn ngang lời nói hăm hở của Emma. Granier lái sang làn đường bên trái đúng ngay lúc một chiếc xe khác, do một người đàn bà cầm lái, vượt qua mặt. Gã rẽ ngoặt kịp thời, buột miệng đả kích mấy “mụ đàn bà trả tiền bảo hiểm xe ít đắt hơn với cái cớ là các mụ có ít tai nạn hơn”.

— Nhưng người ta đâu có tính đến các tai nạn mà mấy mụ gián tiếp gây ra! - Gã càu nhàu, nhìn theo chiếc xe chạy nhanh phía trước.

Emma không tiếp tục câu nói. Càng tốt chứ sao, Pierre nghĩ, khỏi phải biết đến cái mà "Dan luôn nói". Kỷ niệm về những chuyến trốn đi chơi riêng giữa người đàn bà Mỹ này với Barett khiến anh bực tức.

Vào 1 giờ 30 sáng, những trục đường lớn của thành phố hoàng gia vắng tanh. Bên trên những mái nhà, ở phía xa, người ta phân biệt được ánh đèn màu xanh và cam nhấp nháy, phụt thẳng lên trời.

— Tưởng như đang ở trong phim của Luc Besson, - Pierre thầm thì.

Anh thấy hối hận ngay tức khắc về câu nhận xét, vì anh có lẽ sẽ không đủ sức cắt nghĩa nó nếu bị hỏi. Nhưng cả Granier, đang chăm chú lái xe, lẫn Emma, đang tìm cách tăng âm cái GPS, không nghe gì cả.

Họ đi xuyên qua mấy ngã tư trước khi hiểu ra cái gì đã gây ra không khí lạ lùng này: các đèn giao thông ba màu không hoạt động nữa. Trên một đại lộ, hai xe hơi tông nhau, hư hỏng nặng. Những người trên xe đã bỏ đi, nhưng còi hụ của một chiếc xe cảnh sát gắn đèn pha quay trên nóc vẫn vang rền gần đó.

Đúng hai giờ sáng thì chiếc xe 4x4 do Granier lái đậu lại giữa một chiếc Jaguar và một chiếc Mercedes hạng A màu vàng, trên một lối đi bên hông chạy dọc theo ngôi nhà của Barett. Từ bên ngoài, người ta không thể nhìn thấy rõ ngôi biệt thự. Một bức tường cao bao quanh bảo vệ nó. Cửa chính lớn bằng gỗ màu lục mang biển báo: *"Ngôi nhà này được đặt dưới sự giám sát sinh trắc"*.

— Chờ tôi một chút, tôi đánh thức người gác dan. Anh ta sẽ mở cửa cho tôi, anh ta biết tôi mà, - Emma nói khi bước xuống xe.

Nàng bấm chuông lần đầu, không thấy gì. Rồi bấm chuông lại, lâu hơn. Một chùm tia sáng bật lên đột ngột, soi sáng nàng. Một giọng nói vang lên trong điện thoại nội bộ. Emma tự giới thiệu. Cuối cùng, cánh cửa mở hé và để hiện ra một thanh niên để râu mép, tóc uốn quăn, mang đôi giày chạy không tất, khoác thêm áo bơ-lu-dông trên bộ áo ngủ-quần lửng. Nàng nói qua nói lại một lát với hắn rồi quay lại chiếc 4x4.

— Jean-Philippe, anh có thể giúp người gác dan mở cửa chính không? Hắn nói là hệ thống sinh trắc bị hỏng.

Granier ra khỏi xe, đi vào trong bằng cửa nhỏ nằm sát bên cửa chính mà người gác dan mở sẵn.

Ngay lúc đó, trong xe, điện thoại di động của Granier bắt đầu rung lên trên đế của nó, gần bảng đồng hồ xe. Màn hình hiện ra hàng chữ: “Số bị giấu”. Một cách máy móc Emma đưa tay bốc nó lên nhưng chợt nhớ ra là không phải điện thoại của mình.

— Jean-Philippe, có điện thoại cho anh đó! Tôi nghe dùm được không?

Nàng cầm lên, không chờ trả lời và áp nó vào tai mình.

— A lô? - Một giọng nữ vang lên.

— A lô? - Emma nói. - Bà có thể chờ một chút không? Jean-Philippe Granier sắp...

Nàng không có thì giờ nói hết câu: người bên kia đầu dây đã cắt ngang.

Sau một lát im lặng thì Granier hiện ra bên cửa xe.

— Tôi chẳng biết chuyện gì xảy ra, - Emma xin lỗi. - Người đó đã cắt trước khi tôi kịp nói là anh đang đến! Tôi rất tiếc.

— Đừng lo. Nếu là chuyện quan trọng thì họ sẽ gọi lại, - tên nhà văn trả

lời, giọng bình thản.

Gã ngồi lại chỗ cũ, sau tay lái của chiếc 4x4, miệng mỉm cười. Nhưng Pierre hẳn sẽ thề rằng đã thấy, một giây trước đó, mắt gã lóe lên một tia nhìn kinh hãi trước ngọn đèn pha chói lòa.

http://tieulun.hopto.org

28

Ngày trước...

Nếu anh quả quyết là mình vẫn tin vào chuyện đó thì đúng là nói láo với em. Trong gần một năm, thật vậy, anh đã bỏ bê việc đi tìm căn phòng bí mật và cái công thức chứng minh Thượng đế hiện hữu. Nhưng nỗi ưu tư này vẫn hiện diện đâu đó trong trí nhớ sống động của anh. Bằng chứng: anh đã cho thêm vào danh sách "báo tin trước" trên mạng *artvalue.com* các từ khóa "đường hầm ở Versailles" và "Trianon".

Bọn anh đang ở thành phố Casablanca, và vào một buổi tối, ở khách sạn Hyatt, một "tín hiệu báo trước" hiện lên trên PC của anh. Lúc đó, Amelia và anh được một nhà báo Pháp phỏng vấn về các hoạt động chống nghèo đói của bọn anh. Các câu hỏi, như thường lệ, làm anh chán ngấy. Quá đơn giản, quá dễ đoán trước. Anh nhà báo muốn trêu tức bọn anh về sự cạnh tranh giữa những nhà từ thiện lớn. Vì trong sự nghiệp nhân đạo cũng vậy, từ nay về sau, cuộc chiến giành quyền lãnh đạo đã bắt đầu. Càng ngày càng có nhiều tỉ phú mới nổi xông vào làm công tác từ thiện. Ở thung lũng Silicon, mới cách đây vài năm thôi, những người giàu, em còn nhớ chứ, đua trí tưởng tượng, đua tài khôi hài để mọi người chú ý. Họ cho nhân giống vô tính con chim két của mình với giá năm chục ngàn đô-la hay mua một chiếc xe lội nước để đi băng qua vịnh San Francisco vào giờ cao điểm... Bây giờ, giống như bọn anh, họ đầu tư vào các hoạt động từ thiện.

http://tieulun.hopto.org

Vậy là anh ngồi trước mặt anh nhà báo, trong chiếc ghế bành bằng da của Hyatt. Như thường lệ, anh để anh ta đặt ra các câu hỏi và anh trả lời ngắn gọn, chính xác và... vô vị: chiến thuật của anh đó – trong mười lăm phút ban đầu – để đánh giá đối thủ, trình độ hiểu biết về đề tài đang nói, cũng như trí thông minh của hắn. Về phần Amelia thì nàng trả lời mấy thứ chuyện tầm thường dễ dãi. “Làm sao bà đi lại khắp thế giới mà vẫn chăm sóc tốt con cái?” “Thông thường thì những nhà tỉ phú bỏ chạy trước sự nghèo khổ bần cùng, còn ông bà thì không, tại sao vậy?”. Bọn anh bị hỏi đến mức đó.

Buổi phỏng vấn rề rà quá sức. Stan, tên cố vấn về truyền thông của anh, đã thuyết phục anh nhận lời phỏng vấn với tờ tạp chí Pháp này, được cánh tả đọc nhiều, và khá mau lẹ trong việc vun đắp chủ nghĩa bài Mỹ mà các thành phần tinh hoa Pháp ưa thích. Anh đã lưỡng lự, vì anh vừa cho báo chí Pháp phỏng vấn gần như một lần trên một trăm. Em hãy nhớ là chính em một ngày nọ đã lưu ý anh chi tiết này: trên bình diện thế giới, báo chí Pháp chỉ tương đương ít hơn 1% của toàn bộ việc truyền đạt tin tức trên các phương tiện thông tin đại chúng. 1% thị phần, một cuộc phỏng vấn trên một trăm: vậy là sự phân chia thời gian mà anh đầu tư trong các loại báo chí thì được tính toán nhanh chóng.

Bực bội, muốn xong cho nhanh, anh kín đáo liếc nhìn các thư điện tử riêng tư mà anh chỉ nhận trên treo.com thôi. Đặc biệt lần này không có thư em. Ngược lại, có thư của mẹ anh, bà muốn tổ chức một buổi ăn tối gia đình “trong vòng sáu tuần lễ tới”, và một thư khác của cha anh, anh vừa tặng ông một món quà nhỏ mừng sinh nhật tám mươi lăm tuổi: hai mươi triệu đô-la cho hội sinh viên ngành cổ sinh vật học mà ông chăm lo.

Những lời cảm ơn của ông thì ngắn gọn, cha anh không bao giờ nói nhiều mà. Anh đang soạn câu trả lời ngoại giao cho thư mẹ anh thì một tín

hiệu báo trước hiện lên trên màn hình. Người gởi: artvalue.com. Từ mấy tuần nay cái mạng này đã chẳng gởi gì cho anh cả. Đúng là những thứ đồ vật đưa ra bán liên quan đến Versailles, Le Nôtre, hay ngay cả Louis XIV thì không bao giờ nhiều. Trái ngược với những thứ đồ của Napoléon: hàng ngàn vật kỷ niệm của Hoàng đế đã xuất hiện lại trên thị trường vào năm trước, nhân dịp tưởng niệm hai trăm năm lễ đăng quang của ông. Nhưng sau đó thì thị trường trầm lắng lại.

Tiêu đề của bức thư điện tử làm anh bối rối.

Ngày 13 tháng 10-2005. Christie's[310].

Bản thảo nguyên gốc

từ bà hoàng thiết kế của thế kỷ XX.

Biệt thự Trianon, Versailles. 1000 đô-la.

Anh mở thư.

Đồ đem ra bán là một lá thư viết tay, ghi năm 1932, ký tên Elsie de Wolfe. Bản giải trình thì ngắn gọn.

Elsie de Wolfe (1865-1950), nhà trang trí nội thất Mỹ danh tiếng, là chủ một nơi ở tuyệt vời tại Versailles, biệt thự Trianon, trong nửa đầu thế kỷ hai mươi. Ngôi nhà này nằm ở rìa công viên của lâu đài Versailles, ngày trước là nhà đi săn của bá tước d'Artois, em út vua Louis XVI, vào thời Trung hưng[311]*, ông bá tước này đã lên làm vua một thời gian ngắn dưới vương hiệu Charles X*[312].

— Thưa ông Barett, ông có nghĩ là người ta có thể xóa bỏ sự nghèo đói trên thế giới giống như người ta xóa bỏ một kẻ cạnh tranh không?

Lần này câu hỏi của tên nhà báo được đặt thẳng với anh.

— Chỉ cần đặt vào đó cùng một sự chuyên tâm. Cùng lòng quả quyết. Chiến lược. Các mục tiêu. Các phương tiện. Đánh giá các hiệu quả. Đơn

giản thôi.

Người ta đã hỏi anh cả trăm lần câu hỏi này từ trước. Câu trả lời được sửa soạn chung với Stan. Anh nói, mắt không ngước lên, cùng lúc tải xuống lá thư của Elsie de Wolfe.

— Với tất cả tiền bạc mà ông bà mang cho người nghèo, thì sẽ còn lại gì cho các con ông bà? Nói như một trong những người bạn tỉ phú của ông bà, chúng là hội viên của "câu lạc bộ những tinh trùng may mắn". Ông bà đã quyết định dành lại cho chúng bao nhiêu?

Anh nghe bên tai câu trả lời của Amelia.

— Đủ nhiều để chúng có thể làm cái nghề mà chúng muốn. Đủ ít để chúng bị buộc phải học lấy một nghề.

Được lắm, Amelia. Câu đáp trả này cũng được sửa soạn chung với Stan. Thường thường, nó gây hiệu quả. Chưa có nhà báo nào dám cả gan hỏi cho ra con số cho phép thực hiện cùng lúc hai mục tiêu trên. May thật, bởi vì bọn anh hẳn là lúng túng lắm mới đưa con số đó ra.

Nội dung của cái bản thảo sắp mang ra bán vào tháng sau ở Christie hiện ra trên màn hình. Đó là một lá thư mà Elsie de Wolfe viết cho một trong những bạn gái của bà, cựu đạo diễn Elizabeth Marbury hồi đó đang sống ở New York. Ba đoạn đầu dành cho những thăm hỏi thông thường: Elsie hỏi han tin tức sức khỏe của Elizabeth, nói về sức khỏe của mình và của ông chồng, và nói bóng gió về những biến cố chính trị mới đây ở hai bên Đại Tây Dương. Trong đoạn bốn, bà đề cập đến lý do chính của bức thư: cái chết của con chó xù, một poodle[313], mà Elizabeth đã biết rất rõ. Nhưng chính cái đoạn năm suýt chút nữa làm anh nhảy đụng trần nhà.

[...] Cậu sẽ không tin chuyện này đâu, Bessie à! Vợ chồng mình đã phát hiện ra một đường hầm dưới ngôi nhà mình ở! Một hành lang trong lòng đất bắt đầu từ

chỗ mà cả hai đứa mình ngày xưa thường ngồi uống trà – cậu nhớ không nào? Nó nằm sâu một thước dưới đất và chạy về hướng các dinh thự Trianon.

Anh không muốn mất thì giờ đọc tiếp. Anh cần lá thư này. Và cả ngôi biệt thự Trianon nữa.

— Thưa ông Barett, ông sắp sửa bốn mươi mốt tuổi. Món quà nào sẽ làm ông hạnh phúc nhất?

—...

— Dan, có chuyện gì vậy?

Anh hầu như không nghe câu hỏi của nhà báo. Anh đứng dậy và nói vắn tắt là một công việc cực kỳ khẩn cấp bắt buộc anh phải đi. Anh yêu cầu Amelia trả lời thay anh; anh biết là nàng sẽ hoan hỉ lắm.

— Hạnh phúc chủ yếu không phải là nhận được cái gì mình ham muốn, - Amelia nói, - nhưng là ham muốn cái gì mình có.

Đó là câu châm ngôn nàng ưa thích. Nàng dễ dàng thuyết phục Stan đưa nó vào trong các buổi *media training*[314]. Thông thường thì các nhà báo ghi chép lại một cách cần mẫn. Và ngừng ở đó.

Về phần lá thư thì chẳng có gì phức tạp: khi ra đấu giá, tất cả chỉ là vấn đề có phương tiện hay không.

Nhưng ngôi biệt thự lại không được bán. Ngôi nhà xưa bị bỏ liều này thuộc về một phụ nữ Versailles mà ông bố bà ta quen thân với Elsie. Không ai đến ở trong đó bao giờ kể từ khi bà chủ danh tiếng chết đi, và mọi thứ vẫn được để nguyên như trước: những đồ trang trí nhỏ, bàn ghế tủ giường và ngay cả một số áo quần trong tủ. Song anh phải thuyết phục bà chủ nhà hiện nay đang chống đối mọi chuyển nhượng.

Nhưng mọi người ai cũng có một giá! Anh thương lượng qua điện thoại.

Trước tiên, anh đề nghị với bà phụ nữ Versailles mức giá bốn triệu euro, cao gấp đôi giá trị của ngôi biệt thự. Bà suýt cắt ngang điện thoại, tỏ vẻ bực tức. Anh tăng lên sáu triệu: bà viện ra kỷ niệm của cha bà. Đến mười triệu thì bà dẹp hết đắn đo qua một bên. Đúng là cái giá quá đắt trả cho một phế tích, nhưng anh hẳn sẽ sẵn sàng đẩy lên năm mươi triệu. Đối với một vài chuyện được thua, em biết mà, anh không cần nhìn đến bảng tính tiền.

Vậy là anh đã mua biệt thự Trianon mà không thấy mặt nó.

Khi bước vào ngôi nhà đó lần đầu tiên mười lăm ngày sau, nhằm lễ Thanksgiving, anh như một đứa trẻ con trước hang Ali Baba. Lối đi trồng cây tiêu huyền hai bên, các chuồng ngựa cũ nằm cuối sân, các mặt tiền kiểu thế kỷ XVIII và XIX, các ống máng, cái chuông treo trên bức tường ngoài để tập hợp binh lính khi cần: tất cả các chi tiết này quyến rũ và cùng lúc, khêu gợi trí tò mò nơi anh. Chưa bao giờ anh cảm thấy vui thú nhiều như thế kể từ khi anh xây nhà ở California, nơi mà Amelia và anh chọn đến từng miếng thảm trải sàn nhỏ nhất, kể cả thảm ở nơi đặt bàn nhún lấy đà tập nhảy. Anh đã thấy mình tự đứng ra trùng tu những thứ tuyệt vời này, theo sát những bản vẽ phác thảo của Elsie de Wolfe, những mô tả của bà cũng như vài bức ảnh chụp thời đó mà anh tìm mua được. Amelia, về phần nàng, vừa thấy biệt thự Trianon là tự khép kín như con hàu. Vẻ phấn khởi của anh làm nàng khó chịu.

— Tại sao cái nhà này làm anh hài lòng đến thế? - Nàng hỏi anh khi bước vào phòng khách-sân hiên. - Có biết bao thứ để xây dựng trên thế giới, có biết bao cuộc đời để cứu vớt.

— Nhưng Amelia này, chúng ta đã làm điều đó rồi! Nơi đây, chúng ta đóng góp vào việc cứu vãn di sản của nhân loại. Lịch sử con người. Ký ức con người. Cái gì quan trọng hơn nào: ký ức con người hay cuộc sống con người?

— Ái chà!

Nàng vừa bị trật mắt cá chân khi đi xuống cầu thang gỗ, bị mối mọt gặm thủng, dẫn xuống tầng hầm, về hướng các nhà bếp. Và, em biết không, mười lăm phút trước đó nàng bị cây hoa hồng dại có gai làm rách da đùi khi muốn đến góc vườn mà Elsie de Wolfe đã biến thành nghĩa địa dành cho... mấy con chó của bà.

Thế là quá lắm rồi! Amelia không nghe những gì anh nói gì nữa.

Về phần anh, anh không thấy cái cầu thang bị mọt ăn, không thấy những tấm thảm bạc màu, những sàn gỗ bị bong tróc, không thấy những chuyện đồng bóng về chó của Elsie. Nhưng anh thấy Marie-Antoinette trốn khỏi các dinh thự Trianon để đến đùa giỡn trong các phòng khách của người em chồng, bá tước d'Artois, bà đi tìm chút lạc thú đáng lo ngại trong chuyện thưởng thức trái cấm. Amelia thì chẳng thấy có gì hấp dẫn trong lịch sử nước Pháp.

Nàng ngồi xuống ở một bậc thang và xoa bóp mắt cá.

— Dan này, em chán ngấy cái biệt thự này rồi! Và Versailles! Và lịch sử nước Pháp! Điều anh làm thì chẳng có nghĩa lý gì cả. Tuần sau chúng ta phải đi Dacca rồi, anh nhớ chứ?

— Nhưng em nhìn này! - Anh cứ nói thêm nữa, người chồm qua cửa sổ để nhìn về phía bức tường bao quanh. - Em thấy các ngôi nhà, ngay đó kìa, cách đây ba trăm thước không? Là thôn Hoàng hậu và trang trại của Marie-Antoinette đó! Lịch sử các vị vua Pháp đã diễn ra ở đây... trong biệt thự này của chúng ta.

Nàng nhăn mặt khi nghe "của chúng ta". Tỏ vẻ khó chịu. Và đòi anh phải đưa nàng trở lại khách sạn ở Paris, để chăm sóc mắt cá chân. Ngày hôm sau nàng lấy máy bay về Boston.

http://tieulun.hopto.org

Anh quay lại biệt thự Trianon, một mình. Có hề chi tâm trạng bực bội của Amelia. Nó rồi sẽ qua thôi. Em biết nàng mà. Vợ anh đã hình thành những thói quen xấu từ vài năm nay, thực ra, từ khi bọn anh cùng nhau lãnh đạo quỹ từ thiện Barett. Quỹ này được đặt tên theo hai tên của bọn anh, *Dan và Amelia.* Nàng cùng anh đi đến những khu nhà ổ chuột ở São Paolo hay Dehli, thăm viếng những trung tâm y tế mà bọn anh tài trợ cho công tác chữa trị trẻ em bị dịch tả. Bọn anh cùng nhau đi lại bằng máy bay phản lực riêng của mình, cùng nhau thảo luận với các bác sĩ, y tá, cùng nhau quyết định về những món tiền đầu tư, những mục tiêu cần đạt tới...

— Dan này, lợi nhuận lớn nhất trong đời anh đến từ việc đầu tư, đó là khi anh cứu lấy cuộc sống trẻ em, - nàng thường nói với anh. - Và hơn nữa, vợ chồng mình cùng nhau làm việc này. Đó cũng là một lợi nhuận phụ to tát.

Do đó, dĩ nhiên, nàng cảm nhận việc anh trở lại đam mê Versailles như là một sự phản bội. Nhưng anh đành chịu thôi. Biệt thự Trianon làm anh hưng phấn, đó là một điều mạnh hơn cả anh. Ở đấy anh cảm thấy như ở trong phòng thí nghiệm, vào khoảnh khắc thần diệu mà em đã trải qua như anh, khi ta tiến lại gần sự khám phá một sản phẩm mới. Khoảnh khắc thú vị này là lúc ta chưa đến đích nhưng có ý thức là ta sắp sửa đến. Khoảnh khắc ngây ngất khi một nhóm nhỏ tập hợp xung quanh bàn, biết là mình đang nắm trong tay công thức từng được chờ đợi biết bao, bản mẫu đầu tiên từng được ham muốn biết bao. Chỉ là vấn đề vài phút thôi. Cánh cửa sắp sửa mở ra đó...

Trong lá thư mà anh mua đấu giá, Elsie de Wolfe không chỉ ra chính xác đường hầm bắt đầu từ đâu. Không phải vì bà muốn nói về nó bằng mật mã, nhưng bà đang nói với một người bạn thân chắc đã biết nằm lòng những thói quen của bà.

Trong xe taxi đưa anh từ khách sạn quay lại biệt thự Trianon, anh đọc lại lần thứ mười đoạn thư hệ trọng đó:

[...] Cậu sẽ không tin chuyện này đâu, Bessie à! Vợ chồng mình đã phát hiện ra một đường hầm dưới ngôi nhà mình ở! Một hành lang trong lòng đất bắt đầu từ chỗ mà cả hai đứa mình ngày xưa thường ngồi uống trà – cậu nhớ không nào? Nó nằm sâu một thước dưới đất và chạy về hướng các dinh thự Trianon. Chính Charles đã khám phá ra nó. Rất có thể là bọn mình, đàn bà mà, mang đầu óc quá thực tế để mà nhìn những gì có dưới mặt đất... Mình mặc đại cái quần của ông xã, áo sơ mi, xỏ đôi ủng, rồi theo ông ấy xuống đường hầm. Anh làm vườn đi trước vợ chồng mình. Than ôi, mình phải thú nhận với cậu là chuyến đi thám hiểm này gây thất vọng chút ít đấy: đường hầm bị sụt lở cách biệt thự khoảng ba trăm thước. Khai thông nó là một công cuộc to tát mà vợ chồng mình không có tiền để trả vào lúc này.

Rõ ràng là Elsie không có phương tiện để thăm dò lối đi đó tới cùng. Nhưng anh thì anh sẽ làm. Và tìm ra điểm xuất phát thì cũng dễ thôi: những căn phòng ở tầng trệt, nơi dùng làm chỗ uống trà thì không nhiều lắm đâu: các phòng khách, hiên nhà, phòng đọc sách... Để tìm ra căn phòng mà Elsie đề cập trong thư, ta không cần dùng ra-đa dò khắp cả nhà. Chỉ cần, anh tin chắc thế, tìm hiểu những thói quen của nhà trang trí nội thất này, những tật sính nhỏ nhặt của bà. Anh sẽ tìm ra nhanh chóng cái mà anh kiếm tìm.

Đặc biệt chỉ một lần, anh không cần máy tính lẫn các tấm phiếu số hóa. Anh đã biết mọi chuyện về cô de Wolfe ngay cả trước khi đặt chân vào ngôi nhà này. Lá thư, như anh đã nói với em, được viết vào năm 1932. Elsie de Wolfe lúc đó đã trở thành Phu nhân Charles Mendl, một người đàn bà sáu mươi bảy tuổi lại quả quyết mình đã tám mươi để mà người ta trầm trồ khen ngợi trước vóc dáng “trẻ một cách ngạc nhiên”của mình. Tất cả bạn bè

của bà, tất cả những ai đã dự những bữa tiệc liên hoan kỳ lạ ở biệt thự Trianon, nơi bà xuất hiện với khuôn mặt trát đầy phấn, tóc nhuộm màu xanh biển, vận trang phục của Patou hay Chanel, đều tin bà bất tử. Nhà nhiếp ảnh danh tiếng Cecil Beaton là người được bà bảo trợ, và bà đã gợi hứng cho Cole Porter[315] viết ra ca khúc *That Black and White Baby of Mine*[316] ... Elsie là ngôi sao của báo chí people vào thời kỳ đó. Các nhà báo Mỹ chờ bà ở ngay bến cảng khi bà trở về từ Pháp, sẵn sàng bòn rút những tiết lộ của bà về các khuynh hướng thời trang mới nhất!

Sinh năm 1865, cha là người Mỹ và mẹ thì xuất thân từ một dòng họ lớn ở Scotland, nhưng Elise là một đứa bé thuộc loại xấu thậm tệ. Mẹ bà cứ để con ăn mặc lôi thôi, và cha bà cấm con mỉm cười vì nó thiếu một cái răng. Amelia, nàng đã thử mọi cách để anh đâm ghét ngôi biệt thự, một ngày nọ kể lại cho anh nghe câu này của Elsie, viết khi bà hai mươi tuổi, và nó tóm tắt tất cả: *"Nếu tôi xấu xí – và tôi xấu xí thật đó – tôi sẽ mang cái đẹp dàn trải xung quanh mình. Đó sẽ là đời tôi. Tôi sẽ làm hết sức mình để có một cuộc đời như thế."*

Anh còn nhớ mối ác cảm của Amelia.

— Đó không phải là kiểu đẹp mà em yêu thích!

Elsie, cô gái xấu xí, trở thành người đàn bà ăn mặc đẹp nhất hành tinh, một nhà trang trí danh tiếng nhất nước Mỹ. Một nhà cách mạng trong lãnh vực thiết kế nội thất, đã thay thế đồ bàn ghế tủ giường theo phong cách "victorien"[317] bằng những chiếc ghế mặt mây đan và màn cửa vải mu-xơ-lin... Đủ để vợ anh nổi khùng thực sự.

— Đáng lẽ bà ấy nên lấy cảm hứng xây nhà cho người nghèo hơn là trang trí nhà người giàu!

— Em cường điệu quá đi! Bà là một anh hùng thời chiến. Làm y tá ngoài

mặt trận trong thế chiến 1914-1918... Bà nhận được huy chương chiến công và huân chương Bắc đẩu bội tinh của Nhà nước Pháp đó! Bà mệnh phụ ở Versailles này đâu chỉ là một kẻ hay la cà tiệc tùng. Bà làm gần như cùng một công việc như em!

— Và bà có phải là đồng tính luyến ái nữ hay không? Cuối cùng thì người ta biết điều đó chứ?

Thật điên khùng là các bà có thể cố tình tàn nhẫn biết mấy với người cũng là phụ nữ như mình, khi họ biến người này thành kẻ giơ đầu chịu báng.

Em đừng vội cười nghe! Em cũng vậy mà, đó là câu hỏi đầu tiên của em khi bước chân vào biệt thự Trianon vài tháng sau đó, vào dịp bọn mình trải qua một cuối tuần ở đấy. Đúng là Emma bất trị! Tin chắc là các đấng mày râu bị thu hút bởi những người đàn bà chỉ yêu đàn bà, bởi vì họ muốn mình là người đầu tiên đưa các người đàn bà này trở lại chính đạo. Ngày hôm đó anh đã không phản đối. Theo thói quen – và thường giống như mọi phụ nữ, anh có thể nói thế –, em để ý đến giai thoại ngoại vi hơn là mục tiêu chính yếu: sự tìm kiếm của anh về những bản vẽ nguyên gốc của Le Nôtre. Đúng là em không thể nào đoán được rằng ngôi biệt thự Trianon này là quả tim của sự bố trí đường hầm bí mật. Từ khi bọn mình thất bại ở Grand Trianon, anh đã không còn nói với em về cái định lý chứng minh sự hiện hữu của Thượng đế nữa. Anh đã tâm sự nhiều điều với em nhưng rồi cũng vô ích, anh đã dằn lòng lắm để khỏi thú nhận với em là anh đã mua ngôi biệt thự chỉ là để tìm cho ra cái định lý ấy. Và, trái với thói quen của mình, em chẳng đoán ra được cái gì hết! Đã tiêu mất rồi trực giác nổi tiếng của em...

Anh trả lời em, giả vờ thở dài:

— Đúng, bà ta đồng tính luyến ái đó. Rồi sao nữa?

— Vậy mà bà vẫn lấy huân tước Mendl làm chồng!

— Khi sáu mươi mốt tuổi! Chỉ để hưởng tước hiệu của chồng thôi, người ta đồn thế. Để đánh bóng cho cuộc sống ăn chơi thượng lưu của bà.

— Bà không bao giờ cải chính các tin đồn sao?

— Để làm gì cơ chứ? Bà đâu giấu giếm việc mình bị những người đàn bà mạnh mẽ, nam tính, lớn tuổi hơn thu hút, như bà Bessie danh tiếng thuộc giới sân khấu đó, hàng năm bà sống với Bessie ở đây cả nửa năm, trong ba mươi năm liền. Bởi vì tình yêu thực sự của bà, em biết đấy, chính là ngôi nhà này.

— Và những hàng vải có sọc khắp nơi.

Em ám chỉ đến nhiều màn trướng trang trí các bức tường. Những mặt vải hồng, be, lục, với những đường kẻ dài thẳng đứng, đặt ngay hàng hay cuộn lại giống như những cái trụ buộc neo cho những con thuyền chở khách du lịch ở Venise hay những cái cột trong sân Palais-Royal ở Paris.

— Vậy ông Buren[318] của các cô đâu có sáng tạo gì!

Như mỗi lần mà anh có thể làm cho em thấy là anh hiểu biết về lịch sử nghệ thuật hơn em, anh còn dập thêm vào.

Căn nhà nhỏ trong vườn dành cho khiêu vũ với những bức tường có đường rạch màu lục, nối liền với căn nhà chính của biệt thự, là chỗ đầu tiên mà anh thăm dò. Nơi đây, nơi mà anh đã quyết định biến thành một hồ bơi có mái che, có vẻ là một chỗ lý tưởng mà Elsie thích ngồi uống trà, theo ý anh. Lúc đầu, đó là một cái lều rạp xiếc do Elsie cho dựng lên, phục vụ cho buổi chiêu đãi phi thường nhất trong sự nghiệp của bà: một *circus ball*[319] với dàn nhạc Hawaii và các tiết mục của ngựa "pony"[320] được tập để làm trò. Elsie yêu thích biết bao căn nhà nhỏ tường sọc trắng và xanh lá cây này,

các tấm màn xếp nếp theo phong cách thời Régence[321] và các ghế dài bằng da, đến nỗi bà để nó y nguyên như thế, như một nhà phụ thường trực của ngôi nhà chính sẵn sàng đón tiếp những dạ hội tưng bừng.

Anh thăm dò khắp nơi, dưới những thanh gỗ lót sàn, không kết quả... Không thấy gì hết, ngoại trừ một lá cờ Anh. Chắc là để trưng ra trong những ngày mà Elsie chiêu đãi công tước và nữ công tước Windsor[322]. Tiếp đó, anh đụng đến phòng đọc sách ở tầng trệt. Phòng này thì nhỏ, cũ nát, mở đóng bằng những cánh cửa có đặt thêm những sách giả chỉ có bìa, trần nhà màu be. Và đèn thì không đủ sáng.

— Amelia có lý, nó bốc mùi mốc.

Anh còn nhớ lời nhận xét ranh mãnh này của em khi em bước chân vào căn phòng đó – căn phòng duy nhất, sau khi trùng tu, mang không khí thế kỷ XIX.

Anh cũng dò tìm phòng làm việc kiêm phòng khách nhỏ riêng của phụ nữ, một chỗ mà theo anh nghĩ có thể tìm ra lối vào đường hầm. Trong số phòng ở tầng trệt thì phòng này gần tường bao quanh lâu đài Versailles nhất. Khi đào đường hầm thì người ta chọn điểm xuất phát ngắn nhất phải không? Hơn nữa, chỗ này chắc hợp với Elsie nhất: lý tưởng để ngồi uống trà và hơi nam tính. Nhưng rồi cũng không có gì: không lỗ hổng nào, không có gì có thể mở ra một lối đi về phía lâu đài.

Cùng một ghi nhận như thế đối với sân hiên, phòng khách lớn rồi sau chót là phòng đợi. Không một cửa sập. Không một lối đi. Trống rỗng. Hay nói cho đúng hơn, đầy đặc. Cái ra-đa của anh im lặng một cách tuyệt vọng.

Đồ bát đĩa vẫn còn trong các tủ bếp, đó là của Elsie. Cũng như các chai rượu trong tủ buýp-phê. Anh lấy ra một cái ly rồi pha cho mình một cốc-tay gồm rượu Cointreau, gin và nước nho, một cốc-tay ưa thích của Phu nhân

Mendl. Rồi anh lên nghỉ ngơi ở phòng của bà trên lầu. Cửa phòng màu đỏ được tô điểm bằng một tấm lắc nhỏ hình bầu dục mang hàng chữ "Đừng bấm chuông trước... 8 giờ 30", và một tấm biển rộng được chạm trổ với một từ bằng tiếng Pháp: "Moi"[323]. Anh quyết định chọn nó làm phòng của mình. Anh ngồi xuống ghế bập bênh rộng đối diện lò sưởi. Anh còn thấy lại mình lúc đó tay cầm ly rượu, đầu óc tập trung suy nghĩ, chậm rãi đu đưa ra sau, ra trước theo nhịp lắc của chiếc ghế. Chỉ có tiếng kêu kèn kẹt của các thanh ván lót sàn mới khuấy động chút xíu vẻ tĩnh lặng của ngôi nhà.

Amelia có lý không? Anh có phải ngừng lại mọi chuyện không? Anh có phải dành hết sức mình cho riêng quỹ từ thiện không? Cho cuộc chiến của bọn anh chống lại sự nghèo khổ đã gây biết bao phẫn nộ và làm chết hàng triệu con người bởi vì họ chỉ có một đô-la để sống mỗi ngày và không thể trả tiền một món thuốc có giá tới hai đô-la? Đối mặt với thử thách này thì những thứ như các bản vẽ nguyên gốc của Le Nôtre, tư thế của Apollon, thuận hay ngược về phía lâu đài, về phía mặt trời, có quan trọng gì không? Điều hão huyền này chỉ làm anh mất quá nhiều thì giờ thôi. Rồi bằng chứng về sự hiện hữu của Thượng đế thì thế nào? Thượng đế phải chăng, như các nhà thần học nói, luôn hiện diện trong hành động hàng ngày của con người? Chữa cho châu Phi khỏi bệnh sốt rét, đó không phải là để hoàn thành một phép lạ hiện nay hay sao? Đó không phải là bằng chứng thực sự cần đưa ra để chứng minh sự hiện hữu của đấng Toàn năng hay sao?

Anh đứng dậy và đi về phía cửa sổ. Em biết chỗ này mà. Bên ngoài, phía bên kia bức tường phủ cây thường xuân, ta có thể nhận ra những thân cây đầu tiên thuộc lãnh địa hoàng gia. Lối đi từ cửa Saint-Antoine kéo dài mặt đường lát đá của nó đến tận Grand Canal. Dưới đó, con tàu nhỏ chạy trên đường sắt giữa Versailles và Trianon chở đi dạo các đám du khách ngồi chật ních trên ghế, mắt dính vào máy quay vidéo cầm tay, "zoom" trên những tia nước phụt mạnh, trên những con thiên nga thếp vàng, và trên Grande

Perspective.

Apollon quay mặt lại ư? Cỗ xe của chàng thì mâu thuẫn với đường đi của Mặt trời ư? Latone bị lệch trục ư? Các du khách có ý thức về những điều tinh tế này không? Nhưng nói cho cùng, có quan trọng gì không? Những khóm cây tươi mát, những con đường ngay hàng thẳng lối, những mặt tiền lâu đài óng vàng soi bóng trong các tấm gương mặt nước, tự chúng không đủ để nuôi dưỡng niềm vui của họ sao? Nhà họa sĩ Pháp Bonnard đã vẽ nội thất và những ngôi vườn được mặt trời chiếu sáng, và dưới cây cọ của ông thì chẳng có mục đích nào khác hơn là làm bật ra những khoảnh khắc vàng tươi của hạnh phúc thường ngày. Le Nôtre, nói cho cùng, là một người làm vườn và trước hết là một người làm vườn. Có lẽ ông ta cũng chỉ có một mục tiêu thôi, niềm vui của đôi mắt, phải thế không? Và ông chỉ có một điều lo lắng: sự câu thúc kỹ thuật. Tại sao ta lại đi tìm ý nghĩa cho vị trí của đảo Amour? Một cách đơn giản, không phải là nó được tạo ra ở nơi hợp lưu của các con rạch chảy vào một cách tự nhiên từ hàng thế kỷ nay sao? Tại sao lại đi tìm một thông điệp ngay ở chỗ mà cái nhìn tìm thấy niềm vui? Tất cả những sử gia, những nhà phân tích tâm lý hay những nhà thần học này nhận ra trong những bản vẽ các ngôi vườn Versailles một ý đồ ưu việt, thậm chí thuộc tiềm thức, nhận ra trong kiến trúc được sắp đặt một cách tinh tế một công cụ tuyên truyền, giới truyền thông lại phổ biến trước mặt thế gian quyền lực thiên mệnh, thái dương, thần linh, của một ông vua thiên tài, họ có lầm đường lạc lối không? Có lẽ chính người làm vườn tầm thường nhất lại có lý. Một người làm vườn thấy trước hết trong công viên của lâu đài một lời mời gọi cất bước đi dạo, mời gọi hít thở thư giãn, mời gọi bước vào sự tĩnh lặng. Như một hộp đựng vật quý dành để tiếp nhận mùi hương hoa cỏ, vẻ uy nghiêm của cây cao bóng cả, trò chơi tự nhiên của bóng tối và ánh sáng. Một người làm vườn biết nói rằng Versailles là một ngôi vườn, chứ không phải là bộ môn hình hiệu học.

Trên kệ lò sưởi có một tờ tạp chí *Life* cũ phai màu như các tấm màn trướng treo trên tường. Anh đưa tay cầm nó một cách máy móc. Ngay lúc anh bắt đầu lật từng trang thì một cuốn sổ bằng vải giả da, nằm dưới tờ báo, rơi xuống đất. Nó chứa đựng những ghi chép của Elsie de Wolfe. Anh nhận ra nét chữ của bà và bắt đầu đọc. Bà viết nhiều về chuyện bếp núc, các buổi dạ tiệc, các sinh hoạt xã hội... Những chuyện tầm thường quen thuộc của bà trang trí nội thất khi bắt đầu nói về các đề tài này. Chắc đây là một bản nháp cho cuốn sách của bà (Làm sao để buổi dạ tiệc của bạn thành công?) mà sự đóng góp chính yếu vào nghệ thuật ẩm thực thế giới là lời khuyên các bà chủ nhà nên dùng các đĩa nóng như được trụng nước sôi. Chẳng có một lời ám chỉ đến cái đường hầm, tất nhiên rồi. Anh cố sức đọc tận trang cuối và khi sắp sửa xếp cuốn sổ lại thì anh thấy có cái gì đó. Mặt sau của cái vỏ bọc bị lồi lên một chút. Ở mép của nó hiện ra một khe hở và anh thọc ngón tay vào đó. Anh khều ra một tờ giấy rất mỏng, chắc là loại giấy dùng để in kinh Thánh. Anh giở nó ra nhiều lần mới thấy được nó hình vuông, cạnh rộng khoảng bốn mươi centimét, trang trí bằng những dải kẻ thẳng đứng màu trắng và xanh lá cây. Được ghi ngày tháng phía trên, bên trái: *Tháng chín 1949*, một năm trước khi Elsie qua đời. Và trên khắp mặt giấy là những hình vẽ phác họa những con chó xù, phía trên mỗi con thì có một cái tên và vài lời mộ chí.

Những con poodles, mẹ kiếp, những con poodles! Làm sao mà anh đã không nghĩ đến chuyện này sớm hơn chứ! Anh đã đọc trước đó mà. Phu nhân Mendl không bao giờ di chuyển mà không có một con chó xù ôm trong vòng tay. Nó ngủ trong giường bà, nằm chơi trên trường kỷ, ăn nấm "truffe" và bánh mì nướng trét gan ngỗng béo. Bà không có con, anh nhắc lại cho em nhớ.

Khi một trong những con thú cưng của bà chết đi, Elsie buồn bã không

tài nào an ủi được suốt cả tháng. Và đối với bà, tất cả đều thành cái cớ cho nghi thức, bà tổ chức một lễ tang nhỏ, một *mourning*[324]. Bà lập ra mộ phần cho con chó xù, đôi khi viết cả câu văn bia cho nó: *"Cho đứa mà ta yêu nhất" hay "Cho đứa cưng nhất của ta".*

Những ngôi mộ của các con poodles, đúng chỗ đó rồi!

Anh đặt vội cuốn sổ lên kệ lò sưởi và ba chân bốn cẳng chạy xuống vườn.

Các ngôi mộ được bố trí dọc theo bức tường bao quanh nhà, ở phía công viên lớn của lâu đài. Ba ngôi mộ nhỏ xíu, trông giống như các giường ngủ bảy chú lùn của Bạch Tuyết. Khi thành chủ nhà, anh và Amelia đã đi một vòng biệt thự nhưng anh chỉ thoáng thấy chúng. Lần này, anh tiến lại gần bất kể mấy cây hoa hồng dại nhiều gai. Và anh nhận ra ngay là dù được đặt hoàn toàn thẳng hàng, các tấm bia có khoảng cách không đều. Hai bia đầu thì cách nhau độ ba mươi centimét, nhưng lại cách bia thứ ba đến một mét năm mươi.

Cách mấy tấm bia chừng hai bước chân là một cái bàn tròn bằng sắt rèn với bốn ghế xung quanh được đặt trên một bãi cỏ nhỏ hẹp. Đây chắc là nơi mà Phu nhân Mendl ngồi dùng trà. Trong ngôi vườn, đây là một nơi chốn dễ chịu nhất của biệt thự, như bà đã viết. Và đối diện với các con chó cưng của mình.

Anh dò dẫm từng bước giữa các tấm bia, tay hướng cái ra-đa xuống mặt đất. Dấu vết của các hàng chữ ghi trên mộ chí đã biến mất, xóa nhòa bởi thời gian và rêu xanh. Mưa to gió lớn đã cọ rửa các viên đá, rêu xanh và nấm mọt đã gặm nhấm chúng chỗ này, chỗ nọ. Bóng cây bạch quả cao lớn bên cạnh không đủ che chở nơi yên nghỉ cuối cùng này. Nhưng ngược lại, bức ảnh của các con chó đặt trong các tấm lắc nhỏ hình bầu dục lồng kiếng hơi phồng lên thì còn thấy rõ.

Máy ra-đa bất ngờ bắt đầu rung lên. Anh đang đứng ở khoảng không gian trống giữa các tấm bia thứ hai và thứ ba. Anh đeo cặp kính có màn hình lên mắt. Và anh thấy trên màn hình từ từ hiện ra hình ảnh, khi đầu còn mờ, rồi càng lúc càng rõ ra, của một đường hầm đi sâu về hướng công viên của lâu đài.

http://tieulun.hopto.org

29

— Đến đây nào!

Emma nổi bồng bềnh trong không trung, đưa một tay về phía anh. Tay kia nàng kéo từ từ cái khóa kéo của bộ áo liền quần. Pierre trồi lên tụt xuống tiến về phía nàng như một người say.

— Nhưng em điên thấy mồ rồi! Không biết có máy quay theo dõi khắp nơi à?

Thân thể của họ, một khi được giải phóng ra khỏi lực hút, bị lôi theo điệu nhảy "sarabande"[325] chông chênh, cực kỳ chậm rãi. Pierre tự nhủ là cái tên lửa chắc chắn vừa mới vào quỹ đạo. Nhưng tại sao hai người không được báo trước?

— Đến đây nào, - Emma lặp lại, bộ áo liền quần giờ đã mở tới tận hông.

Nàng bơi về phía anh và ôm anh hôn một cách hăng say. Tóc nàng vuốt ve đôi má anh, như một tấm màn cửa lay động vuốt nhẹ qua khuôn mặt họ. Nhưng mấy người bạn đồng hành đã đi đâu mất rồi? Và họ còn bao nhiêu thì giờ để sử dụng nữa? Mười phút, hay năm phút đây? Pierre biết rõ điều này: khoảnh khắc kỳ diệu nhất của chuyến đi khám phá này chỉ xảy đến khi phi thuyền ra khỏi bầu khí quyển, khi các ghế ngồi màu trắng trong ca-bin rút lại vào trong để các hành khách thử nghiệm tình trạng phi trọng lượng. Nhưng kéo dài bao lâu đây? Sự hiện diện của Emma làm anh quên phứt

mọi chuyện.

Chuyến bay vòng quanh trái đất đầu tiên của anh. Những thiết bị điều khiển kỹ thuật số nhấp nháy trên bảng. Quả cầu xanh có vân trắng nhìn qua cửa cách ly. Các đám mây trên châu Mỹ. Nhưng anh chẳng thấy gì hết. Anh đang nhảy điệu "slow" trong vũ trụ.

Pierre luồn tay vào cái nịt vú trắng và làm bật ra một bầu vú nở to, dựng lên về phía mình. Anh rùng mình. Nếu nhìn quá gần cái núm vú cương lên này, anh sẽ nổ tung người vì khoái lạc, ngay đây, bây giờ.

Emma đưa tay sờ soạng và khi tìm ra khóa kéo của bộ áo liền quần của Pierre thì kéo nó xuống. Rồi nàng vội vàng đưa hai đùi kẹp anh vào giữa, mắt nhìn anh không rời. Khiêu khích. Hiếu chiến.

Pierre cảm thấy sợ trước sự cuồng nhiệt và hung tợn đẩy anh đến với nàng. Người đàn bà này làm anh phát điên vì thèm muốn.

Thân thể hai người quay tròn trong khoảng không. Anh sắp sửa vào trong người nàng, hầu như ngay lập tức đây. Anh luồn một tay qua hông Emma để giữ chặt nàng dưới mình, và tay kia thì chụp cái nịt đàn hồi treo trên vách. Anh kéo nó vòng qua hông hai người rồi siết chặt hết sức.

Các bộ áo liền quần của họ bị bỏ rơi bây giờ trôi bồng bềnh trong ca-bin.

Cả người Emma bỗng dựng đứng lên ngay khi anh vào trong nàng. Cùng lúc anh nghe tiếng cửa mở.

Pierre giật mình tỉnh giấc. Anh hốt hoảng ngồi dậy, tay chụp máy điện thoại di động để nhìn giờ. 4 giờ 30. Chưa đầy hai tiếng ngả lưng và anh chỉ ngủ chập chờn.

Anh nghe tiếng răng rắc ngoài hành lang. Ở đây, trong biệt thự Trianon, các sàn gỗ kêu cót két, các nắm cửa kêu kèn kẹt. Đúng rồi, anh có nghe rõ

tiếng cửa mở mà, không chỉ trong giấc mơ đâu. Emma cũng thấy khó ngủ sao? Tuy vậy, nàng đâu cần đi ra ngoài để dùng phòng tắm: mỗi phòng đều có phòng tắm riêng như ở khách sạn. Và tiện nghi này đâu phải mới đây: Năm 1940 ngôi biệt thự đã có đến sáu phòng tắm rồi, Emma đã cho biết thế. Vào thời đó, những người láng giềng của Elsie de Wolfe nghĩ là dân Mỹ cứ tắm rửa hoài là vì mang những thứ bệnh da liễu trên người.

Pierre đứng dậy, mở hé cửa và cảm thấy bàn tay co quắp lại trên nắm cửa.

Anh đã thấy rõ.

Granier đó. Granier vừa ra khỏi phòng Emma! Không nghi ngờ gì nữa, đó chính là phòng nàng mà. Căn phòng mà anh thấy được cánh cửa ở hơi xa hơn, phía đối diện. Căn phòng có chữ "Moi" lớn khắc trên gỗ. Căn phòng rộng nhất bên cánh phải mà Dan Barett thường ở.

Anh đã ngạc nhiên khi Emma chọn ở phòng này. Nếu là anh thì hẳn là không chọn căn phòng của người chết – dù là Barett đã không qua đời tại đây. Nàng làm thế có phải để ở gần với Granier không? Nàng đã cho gã căn phòng liền kề với phòng nàng, mà ngày trước Bessie, người tình nữ của Elsie, đã từng ở. Phòng có khắc chữ Pháp "Toi"[326] đó! Và nàng đã đẩy anh xuống ở, một cách trâng tráo, tận cuối hành lang, bên cánh trái, trong dãy phòng được đặt tên "Emma", để tưởng niệm Emma Brown, cô con gái của một ông chủ ngân hàng thường lui tới biệt thự Trianon trong những "Années folles"[327].

— Em làm nhiễu hướng tìm, - Emma mỉm cười khi đưa anh vào căn phòng mang tên nàng.

Thế mà lúc ấy nụ cười của nàng lại mang vẻ thông đồng với anh lắm đấy!

Hai người chỉ có vài phút ngắn ngủi riêng tư tại căn phòng này, trong

khi Granier đến ở phòng gã. Pierre thấy vui khi quan sát người đàn bà trẻ, nàng chỉ cho anh phòng tắm, mở các cửa tủ, xoay các vòi nước để xem chúng có chảy không. Lúc ra khỏi phòng, nàng đến gần anh.

— Em chúc anh ngủ ngon đêm nay! Nói đúng hơn, ngủ ngon trong phần thời gian còn lại.

Nàng đưa má ra và ôm hôn anh một cách vụng trộm. Anh đứng im, hai tay buông thõng, chống cự nỗi ham muốn đụng đến người nàng. Hai vú nàng chạm nhẹ ngực anh.

Chưa bao giờ, anh tự nhủ sau khi nàng đi khỏi, bộ ngực một người đàn bà lại khơi dậy trong anh một nỗi thèm muốn mạnh mẽ đến thế. Vả lại, nói cho cùng, Emma cuốn hút anh có lẽ nhờ ở bộ ngực hoàn hảo này. Một ấn tượng khắc sâu trong tâm trí từ một bộ phận cơ thể kích dục, một ám ảnh còn sót lại từ thời niên thiếu. Nhưng anh gạt ngay khi mới vừa đưa ra giả thuyết này, một cách miễn cưỡng.

Đôi vú của Emma chỉ là phần nổi của một tảng băng trôi. Nếu ta còn có thể nói đến tảng băng trôi lúc này.

Pierre quan sát Granier đang đi hết khoảng cách vài thước giữa hai phòng mà không gây tiếng động. Bất ngờ anh thấy gã quay đầu về phía anh. Anh liền lùi lại một bước. Tên nhà văn có nhận ra anh không? Gã có thấy cửa phòng anh hé mở không? Thực tình, chẳng quan trọng gì. Gã ta chắc sẽ hài lòng phô bày cho mọi người thấy quan hệ "riêng tư" với Emma. Có lẽ gã đã cố ý làm cho sàn nhà kêu răng rắc đó.

Đồ đểu! Dĩ nhiên, từ sáng nay tên nhà văn đã tung ra các chiêu nhử mồi rồi. Và nàng lại không bao giờ chịu chỉnh gã. Có phải gã vừa ngủ với nàng không? Pierre thấy khó tin quá. Không, không thể tưởng tượng được. Emma không thể nào chấp nhận sự "cầu thân" của gã. Sau những gì mà anh và

nàng vừa cùng nhau chia sẻ! Thế nhưng, anh phải nhìn ra điều hiển nhiên, đúng là Granier đã đi ra từ phòng người đàn bà Mỹ này.

Pierre siết chặt nắm tay. Thực ra, anh suýt chút nữa là tin ở phép lạ. Nụ cười sảng khoái của Emma, các cử chỉ chậm rãi, vẻ dịu dàng, sự nồng nhiệt, những tiếng rên rỉ của nàng. Nàng đã nói với anh khi rời bãi biển đêm hôm nọ là lần đầu tiên nàng thấy trái đất rúng động vì nàng. Như trong tiểu thuyết của Hemingway[328].

Giễu dở quá đi!

Anh cố gắng xua đuổi cảm giác tởm lợm đang xâm chiếm mình. Đêm nay anh nên lo chuyện khác hơn là nằm đây suy nghĩ linh tinh. Thế giới đang ở bên bờ vực hỗn loạn. Và nên biết ngay tức khắc nếu Emma có lý hay không khi đưa mọi người tới đây. Bởi vì Pierre đã hoài nghi chính mình và mục tiêu chuyến đi: đến ngôi nhà này mà không biết chỗ Barett cất giấu những hàng mật mã của ông ta – và cũng không chắc chắn là Barett đã thực sự giấu chúng ở đây nữa – có phải là khùng hết thuốc chữa không? Vẫn là ý tưởng của Emma. Anh biết nàng quá mà, nàng công chúa trong kinh doanh, được "trực giác" của mình soi sáng, được các điều xác tín dẫn dắt, các phán xét dứt khoát và các quyết định đơn phương mà triều thần của nàng phải rạp mình tuân phục. Nhưng quỷ thần ơi, tại sao anh lại lẽo đẽo đi theo nàng chứ? Anh chỉ là một tên nịnh thần nữa, sẵn lòng vâng dạ trước những đòi hỏi đồng bóng của nàng.

Sau một đêm thức trắng, anh nhìn bằng màu đen một ngày mới đang bắt đầu. Anh biết điều này. Anh hiểu bản thân mình. Ngủ ít hơn năm giờ là anh rơi vào trạng thái lo âu. Điều này nó mạnh hơn anh. Những người biết ngủ ít thì may mắn lắm đó, họ sống hai lần nhiều hơn, và có lẽ hai lần tốt hơn.

Anh mặc vội quần jean, áo sơ mi đã mặc ngày hôm qua, xỏ giày rồi đi

xuống cầu thang danh dự lớn. Emma đã chỉ cho anh là tất cả các phòng – được Dan làm mới lại hoàn toàn, tám tháng sau khi mua ngôi nhà – đều được trang bị những đầu cuối kết nối với một máy chủ trung tâm. Nhưng những máy tính mà Barett dùng làm việc thì được đặt trong phòng ông và trong phòng đọc sách. Có lẽ anh có thể bắt đầu cuộc tìm kiếm trong phòng đó. Và trên đường đi đến đó, có lẽ anh sẽ kiểm tra thử xem ánh sáng mà anh nhìn thấy từ cửa sổ phòng mình thì đến từ đâu. Anh hẳn có thể cam đoan là nó đến từ một trong những căn phòng ở tầng trệt. Và ai có thể ở đó chứ? Tên gác dan thì ở trong căn nhà nhỏ, chỗ cổng ra vào. Còn Granier và Emma thì ở trên lầu... Vì họ có lý do chính đáng đấy!

Anh không thể dứt bỏ cái hình ảnh này. Emma! Nàng còn chọc ghẹo anh trước khi đi về phòng mình, ở ngưỡng cửa phòng anh.

— Cố gắng ngủ một chút đi. Anh chắc là kiệt sức lắm...

Và lúc nào cũng với nụ cười đồng lõa.

— Ta sẽ gặp lại ngày mai, lúc 7 giờ ở phòng khách lớn nghe.

Tất nhiên, anh không hình dung, dù trong khoảnh khắc, là nàng sẽ đến giường anh. Những kỷ niệm ở Colleville và ở mũi Manvieux lại lần lượt hiện về trong trí nhớ anh. Anh không lấy làm vinh dự lắm. Và chắc nàng cũng thế thôi. Nhưng từ đó mà tưởng tượng ra được là Granier sắp sửa thế chỗ anh! Không thể hiểu được.

Pierre đã xuống đến chân cầu thang và liếc nhìn xuyên qua cửa ra vào bằng kính. Lối đi được thắp sáng nhờ vài đèn chiếu đặt trên cây. Những đèn chiếu nhỏ hướng lên các ngọn cây tạo ra một quầng sáng màu vàng trên tán lá các cây sồi lớn.

Điện thoại di động của anh đột ngột phát chuông hiệu.

— Xuỵt! - anh càu nhàu.

Đáng lẽ anh phải đặt nó ở chế độ "Im lặng". Và đây là nguyên văn tin nhắn của Clara.

Gọi lại em. Khẩn cấp. Clara.

4 giờ 45. Nhưng cái tin nhắn này được ghi ngày hôm trước. Pierre tự nhủ dù gì đi nữa mình cũng nên chờ đến giờ thích hợp hơn để gọi cho vợ. Vả lại, nếu gọi nàng bây giờ thì anh có nguy cơ mất hết phần còn lại của đêm.

Anh tin rằng mình đã phân biệt được ánh sáng đến từ đâu: phòng khiêu vũ, xây thêm vào ngôi biệt thự và che bởi một thứ vải lều có sọc màu trắng và xanh lá cây, được thắp sáng từ bên trong và tỏa ra một thứ ánh sáng dịu mắt, bên phía lối đi cũng như bên phía vườn. Lạ lùng thật. Anh hẳn có thể cam đoan rằng mọi thứ đều tắt khi anh vào giường. Anh còn nhớ chuyện này mà: anh đã nghiêng người ở cửa sổ để tìm cách nhìn ra lâu đài Versailles đang được thắp sáng.

Tên gác dan có thắp lại các ngọn đèn trong vườn không? Nếu phải, thì tại sao? Tên thanh niên này thoạt tiên có vẻ thạo việc và chu đáo. Bằng chứng ư? Hắn nhận ra ngay tức khắc Emma trong bóng tối, khi họ mới đến. Nếu mà hắn không nhận dạng được Emma thì cả bọn đã ở ngoài đường cả đêm rồi, trước khi có thể liên hệ được với Amelia Barett bên Mỹ và được bà cho phép vào nhà. Bộ mã số cho phép mở cánh cửa chính màu lục nặng nề chỉ khởi động khi đọc các thông số về máu của vài người đã được chấp nhận trước. Chính xác là sáu người, theo lời thố lộ của tên gác dan với họ: Barett, Amelia, hai đứa con họ, tên gác dan. Và Emma. Nàng tỏ vẻ ngạc nhiên thấy mình nằm trong danh sách "sáu người" trong khi nàng không phải là người quen thuộc của ngôi nhà, như vậy nàng đã không hề sử dụng thiết bị này.

Cánh cửa bọc sắt mở ra với cùng một chiếc khóa an ninh, nhưng tên gác dan đã khử kích hoạt.

http://tieulun.hopto.org

— Tôi ngắt mạch an ninh của lối vào, - hắn nói với giọng tự tin của người biết việc. - Nếu không thì các vị sẽ không ngủ được! Người đầu tiên muốn ra ngoài hít thở không khí sẽ khởi phát hệ thống báo động, cho dù không muốn. Chúc ngủ ngon!

Pierre mở cửa phòng khách và đứng lại. Đêm qua, ngay từ khi đến đây anh đã tin mình nằm mơ. Những bức tường của phòng khách lớn này được che bởi những màn trướng hồng nhạt và được trang trí bằng các đường chỉ xanh lá cây, màu sắc mà ta cũng thấy, tuy có dịu đi, ở trên trần nhà. Sự tương phản thực sự gây ấn tượng, giữa một bên là những sàn nhà bằng gỗ sồi nguyên khối, đồ bàn ghế thế kỷ XVIII, những tấm gương, những ngọn đèn chùm, những lò sưởi được trang trí tỉ mỉ, và bên kia là những màn hình, đèn báo hiệu và hệ thống điều khiển điện tử. Emma đã giải thích là Barett đã hiện đại hóa ngôi biệt thự nhưng vẫn tôn trọng những chọn lựa trước đó của Elsie de Wolfe. Anh ấy đã xem xét tỉ mỉ hàng chục phiên bản của các bản vẽ và ảnh chụp vào thời đó. Cuộc hôn phối của hai thế giới, thế giới của những đường chỉ dày cộm và những đường nét thanh lọc, của sự sơn son thếp vàng và màu thép lạnh lùng, là lạc điệu, là không hòa hợp chút nào.

Bên cạnh cái ghế bành thấp kiểu Louis XV và các ghế bành cùng phong cách là những cột màu trắng có thể lồng vào nhau hay kéo dài ra để bảo vệ các thùng loa và các màn hình plasma nhỏ. Ba màn hình phẳng treo trên tường trở nên sống động khi có một người khách bước chân vào phòng. Màn hình đầu tiên cho thấy một bức ảnh của Barett và Emma tay trong tay thời còn ở đại học. Cái thứ hai đưa ra hình ảnh các cây gậy màu sắc khác nhau được xếp thành hàng thẳng đứng một cách khác nhau. Khi thấy nó, Granier liền tỏ vẻ chán nản, theo thói quen.

— Tuyệt diệu, tác phẩm này, thật tuyệt diệu! Của ai vậy? Nó thể hiện cái

gì đây?

Emma trả lời, lộ vẻ dửng dưng một cách giả tạo:

— Tôi đấy.

— Hóm hỉnh quá đi, cô bạn ơi, hóm hỉnh quá đi! Vào cái giờ này...

Câu đáp trả thì nóng bỏng:

— Vậy mà thật đó. Bức tranh này thể hiện rất chính xác chỉ dấu mã di truyền của tôi. Do một họa sĩ người California thực hiện. Đứng đầu nghệ thuật số đó.

— Và cô thấy nó đẹp à?

— Dù sao đi nữa, Dan thích nó lắm.

— Có lý do chính đáng đấy. Nó là một bức chân dung riêng tư nhất có thể làm được...

Emma cười, cắt ngang câu nói hứng khởi nhưng mờ ám của Granier. Vậy mà Pierre thấy nụ cười của nàng gượng gạo đến mức anh tự hỏi phải chăng nó cũng được dùng để ngăn chận những giọt lệ khỏi ứa ra.

Trong khi nàng giải thích bức tranh đó, những hình ảnh khác tuần tự xuất hiện trên màn hình số đầu tiên. Hình ảnh một bé gái độ bốn tuổi, tóc bím theo kiểu Sheila, mặc cái áo đầm vải kẻ ca-rô, miệng cười dòn tan, đứng trên một cái bàn ăn. Rồi cũng là cô gái đó, hơi lớn tuổi hơn, tóc hớt ca-rê, đang thổi các ngọn nến gắn trên một bánh ga-tô kem to đùng. Và cuối cùng, một cô gái trẻ độ mười bảy hay mười tám tuổi đứng chụp hình trước một chiếc thuyền buồm.

— Chắc là em đấy rồi, phải không? - Pierre hỏi.

Anh hẳn có thể trả giá đắt để mà quen biết cho được cô gái tuổi hoa đó

với nụ cười dịu dàng trong bức ảnh, mặc quần soóc, tay cầm khăn tắm và tóc tung bay trong gió. Anh nhận ra đôi mắt màu lục này, những ngón tay thon dài này, và cặp đùi này, khi ấy đã dài lắm rồi. Nghĩ đến thời xa xôi mà anh còn nhớ được, anh thấy mình bao giờ cũng ganh tị với Dan Barett, và bây giờ thì anh biết rồi, không chỉ riêng về những tài năng tin học của ông ta đâu.

— Anh biết đấy, Dan không phải là loại người đem lòng sùng bái bất cứ cái gì. Những hình ảnh này không nằm ở đây một cách thường trực! Nếu anh ấy biết là các anh đến đây thì các anh cũng được dành cho mỗi người một màn hình đấy.

— Thế là thế nào?

Nàng thở dài.

— Em đã mở cửa đầu tiên. Sự trang hoàng ở phòng khách và ở những phòng khác đều đáp ứng theo những người khách đến ở. Chỉ cần đụng vào tay nắm của cửa phòng là những dấu vân tay của các anh sẽ được gửi về máy tính trung tâm, nó lập trình cho các màn hình mà. Anh tin là Amelia chịu đựng nổi khi thấy bức ảnh chân dung của em trên...

— Điều này đòi hỏi trước tiên là các vân tay phải có trong cơ sở dữ liệu, - Pierre cắt ngang.

— Tất cả bạn bè của Dan đều được ghi vào danh mục, ngay cả những người quen biết cũng thế, những VIP[329]. Nói cho đúng hơn, ít ra là ở trong nhà anh ấy tại Cape Cod[330]. Tại đây thì em nghĩ anh ấy chỉ nhân bản cái hệ thống đó thôi. Nhưng em hình dung là cả "Tout-Paris"[331] đều nằm trong đó cả. Dan thích làm người ta ngạc nhiên và làm người ta vui thú, và...

Giọng nàng bỗng lạc đi. Granier liền dang tay về phía nàng. Rất đàn ông. Che chở. Bàn tay trên vai. Gã cũng không cần mở miệng nói tiếng nào.

Emma hạ mi mắt hạ xuống, môi mấp máy lời cảm ơn, tỏ vẻ xúc động, tất nhiên rồi. Pierre hẳn cũng muốn tìm ra từ ngữ và cử chỉ thích hợp. Anh luôn luôn ghét sự thiếu nhanh trí nơi mình, đặc biệt hiển nhiên trong hoàn cảnh kiểu này. Thông thường và cực chẳng đã, anh đành bằng lòng với một kỹ thuật thô bạo hơn, dễ dàng sử dụng hơn, để ngăn cản một người đàn bà khỏi khóc: chuyển hướng suy nghĩ.

— Còn màn hình thứ ba thì sao? Nó chẳng dính dáng gì đến em...

Đó là bức chân dung của một người đàn ông trưởng thành nhưng không rõ tuổi, mặt dồi phấn, đội tóc giả và mặc áo sơ mi cổ lá sen.

— Này, đúng vậy thật. Có cái "bug" ở đây, - Emma trả lời, mặt lộ vẻ đăm chiêu. - Lần cuối cùng, theo như em nhớ, thì có bức *Nu jaune* (Khỏa thân vàng), một trong những bức tranh của Modigliani[332] mà em thích nhất, và vài bức của Matisse[333] được hiện lên màn hình theo chu kỳ. Còn bức tranh này thì không hợp gu em lắm đâu.

Granier bước lại gần màn hình. Rồi gã quay lại, lộ vẻ khoan khoái, dắt Emma đến ngay dưới hình ảnh đang hiện trên tường.

— Emma này, đừng cả tin nữa, bức tranh này dính dáng đến cô rất nhiều hơn cô tưởng đấy. Nào, đoán thử đi!

— Jean-Philippe, anh dễ thương lắm, nhưng làm mấy cái chuyện đoán mò này vào lúc 1 giờ 30 sáng thì...

Granier buông cánh tay Emma ra.

— Emma, thôi nào, cô không nhận ra Le Nôtre sao chứ? Đó là bức chân dung của André Le Nôtre đấy!

Mọi người đều im. Pierre gật gật đầu.

— Emma, người ta có thể nghĩ rằng em có lý đó. Dan đúng là gửi cho em

một thông điệp.

— Nhưng làm sao anh ấy có thể biết được là em sẽ đến đây?

Họ thấy lúng túng, rồi đi lên lầu sau đó. Trong phòng mình, sau khi Emma đi khỏi, Pierre vội vàng mở điện thoại di động để vào tham khảo

Google Actualités[334]. Không có thảm họa mới nào được nói đến trong các bản tin, nhưng mặc dù vậy anh vẫn không cảm thấy nhẹ lòng chút nào. Tệ hơn nữa, anh đã đi ngủ với ý thức là sẽ có nguy hiểm sắp sửa xảy ra. Một sự sáng suốt lạ lùng. Anh tự nhủ, đó là sự sáng suốt nảy sinh trong khoảnh khắc yên ả mà ta biết là cơn bão sẽ ập đến ngay sau đó.

Ánh sáng tự động bật lên vào lúc Pierre bước qua cửa phòng khách lớn. Anh đâu có đụng đến công-tắc. Ba ngọn nến điện đặt bên trong bức tường đối diện lò sưởi tỏa sáng một cách êm dịu và tạo cho căn phòng một không khí giáo đường. Các màn hình trên tường bật sáng sau đó vài giây. Vì các dấu vân tay của Pierre không được ghi nhận trước đó, cái máy tính đành gửi đến các hình ảnh của ngày hôm trước. Emma và Barett hồi hai mươi tuổi. Một lần nữa, anh tự nhủ là ông chủ Controlware hầu như không thay đổi về mặt thể chất. Ngược lại, cô bạn gái của ông thì có thêm các nếp nhăn mà anh thấy cảm động, dù không muốn.

Anh lại gần bức chân dung Le Nôtre. Barett thực sự có biết, trước khi qua đời, là Emma sẽ đến đây không? Ông ta có gieo rắc các dấu hiệu trong ngôi nhà này để giúp nàng đi đúng hướng tìm ra mật mã không? Le Nôtre sẽ cứu vớt thế giới. Chính điệp khúc này của Barett là lời chỉ dẫn duy nhất đã đưa họ đến biệt thự Trianon. Hơi mỏng đấy! Và nếu họ bị sai lầm thì sao? Và nếu bức chân dung Le Nôtre này đơn giản chỉ xuất hiện khi Dan đến ở đây lần cuối cùng thì sao?

— Bọn mình đến đây làm cái quái gì nhỉ? - Anh tự lặp lại, giọng khe khẽ,

mắt nhìn quanh để tìm cửa dẫn vào phòng đọc sách.

Ánh sáng soi ngôi vườn vẫn làm anh thắc mắc. Anh quay lại hành lang và mở cánh cửa cho phép đi đến gian phòng nổi tiếng được xây thêm ấy. Anh ngừng lại ở ngưỡng cửa, kinh ngạc. Nằm sau hai trụ cột bằng cẩm thạch trắng được đèn chiếu rọi lên để tăng thêm vẻ đẹp, và ba bậc cấp mà ngày xưa dẫn vào ngôi vườn, là một hồ tắm đào sâu dưới đất. Một bể nước lớn dài hai mươi thước, rộng mười thước, bằng cẩm thạch Carrare[335]. Được phản chiếu trong những tấm gương phủ kín những bức tường dưới đáy, nó hiện ra mênh mông. Pierre nghĩ, đây là do Barett cho làm ra, chứ không phải Elsie đâu.

Anh đi vòng hồ tắm để mở cánh cửa lớn bằng kính. Không thể nào được. Không có lấy một nắm tay, không có lấy một nút điều khiển. Anh đi ngược lại đường cũ, ra khỏi căn phòng và đi ngang qua hành lang thêm một lần nữa cho tới cửa ra vào ngôi nhà.

“Cửa mở tự động bằng sự dò tìm của tia hồng ngoại,” Pierre tự nhủ. “Barett đã sắp đặt trước mọi việc.”

Thực sự như thế. Đến cách cửa chừng hai thước, anh thấy nó tự mở ra, trong một chuyển động đầy đủ và lặng lẽ.

“May mà anh gác dan đã cắt hệ thống báo động”, anh còn nghĩ.

Anh hẳn là không chịu nổi cảnh Granier mặt mũi bơ phờ, còn mặc pyjama trên người, hoảng hốt lao xuống chân cầu thang.

Bên ngoài trời còn tối. Pierre bước thận trọng, ngừng một chút để cặp mắt quen dần với bóng tối rồi đi theo con đường nhỏ bên tay trái vòng quanh ngôi nhà. Anh đi dọc theo các chuồng ngựa cũ và thấy ra một cabin lạ lùng bằng bê-tông mang hình dạng một cái nồi hầm thịt với nắp vung chóp nón kiểu Ma-rốc, bên cạnh là chiếc xe mà Granier đã đậu. Một hầm

trú bom được xây sau Thế chiến thứ nhất. Tất nhiên là quá trễ mất rồi, như thường lệ. Các tướng lãnh bao giờ cũng phát minh ra vũ khí để cho cuộc chiến trước đó, không bao giờ cho cuộc chiến sau đó.

Tiếng sỏi nhỏ lạo xạo trên lối đi làm sợ hãi vài con chim ngủ trên cây, và chúng đập cánh bay đi. Ngạc nhiên, Pierre ngước mắt nhìn chúng bỏ trốn và ngay lúc đó chân anh va phải một khối kim loại. Anh vấp mạnh đến nỗi té nhào xuống đất. Một tiếng rú inh ỏi phát ra vang dội, như tiếng còi hụ của xe cảnh sát. Ngay lập tức một đám khói dày bao phủ anh. Anh bắt đầu hắt hơi, chảy nước mắt. Anh co rúm mình, chờ hết hắt hơi rồi đứng dậy, đi loạng choạng về ngôi nhà, vừa ho, vừa nấc cụt, đôi mắt cay xè.

Tên gác dan, tay cầm súng, đã đến ngay trước cửa và nhìn anh với vẻ mặt sửng sốt.

— A! Ông đấy à? Nhưng trời đất, ông làm gì bên ngoài vào giờ này chứ?

Pierre, người gập làm đôi, khạc đờm ở cổ họng rồi nhổ xuống đất.

— Tôi thấy có ánh sáng trong...

— Ông đi vào đi. Ta vào tránh hẳn trong này. Xin ông đừng hốt hoảng. Chỉ là chuyện Kagébé làm công việc của nó.

Gã thanh niên cặp cánh tay Pierre, dìu anh đến phòng khách, đặt anh ngồi lên chiếc ghế bành thấp kiểu Louis XV đối diện lò sưởi.

— Tôi sẽ mang cho ông ly nước. Chẳng sao đâu. Tôi đã cho ngừng cái còi hụ. Một chút ga làm chảy nước mắt, chỉ vậy thôi mà. Trong chốc lát ông sẽ không cảm thấy gì nữa.

Pierre nhắm mắt lại và cố gắng tìm lại bình tĩnh bằng cách hít vào rất sâu rồi thở ra rất chậm. Anh vừa mới thấy đầu óc tỉnh táo lại thì nghe tiếng Emma.

— Pierre ơi? Anh có đó không?

— Ổn rồi. Anh ở đây, trong phòng khách.

Emma chạy tới.

— Nhưng chuyện gì xảy ra thế này? Nghe tiếng còi hụ, em vội vàng chạy ra. Em thấy cửa phòng anh mở và anh không còn có đó. Anh đã làm gì rồi?

— Ông đây đã đánh thức Kagébé, chỉ đơn giản thế. Rõ ràng là con chó đó không thích lắm.

Tên gác dan đã quay lại với ly nước. Hắn cười.

— Kagébé hoạt động được lắm, có thể nói như vậy. Trong hai năm mà nó trở nên giỏi hơn. Ồ, nói thật ra là lúc đầu chúng tôi có nhiều vấn đề. Nó cứ réo lên mỗi khi có con thỏ chạy qua vườn. Bây giờ thì tuyệt vời. Rất hữu hiệu. Dù gì đi nữa, tôi xin lỗi đã quên tắt nó. Bà Shannon, bà muốn uống gì không? Tôi pha cà phê cho bà nhé?

— Ơ... không, cảm ơn Terry. Nhưng trà thì được, tôi xin.

Tên gác dan rời đi về phía nhà bếp. Emma có vẻ bối rối. Pierre ngước mắt nhìn nàng. Nàng không mặc lại chiếc váy màu be mà mặc quần dài đen, giản dị, với áo sơ mi trắng. Hai hạt nút ở phần trên để mở. Và nàng không dành thì giờ để mang áo ngực. Phần trên của đôi vú thì để ta hình dung thêm, tròn trĩnh, êm ái và mượt mà. Nhưng bộ mặt nàng thì xanh xao và hốc hác. Có thể là nàng đã thực sự không ngủ trong đêm này. Về phần Granier thì gã chắc ngủ say đến nỗi còi hụ cũng không đánh thức gã lúc này.

Pierre cắn răng, bị cơn ghen dày vò. Như thể trả thù, anh tự nhủ là, trong hai mươi năm tới, Emma sẽ mang bộ mặt đó, tàn tạ một chút, và không chỉ vào buổi sáng khi thức dậy. Nhưng anh không thể không nghĩ là dù sao anh

vẫn sẵn lòng thức dậy bên cạnh nàng.

Anh thấy đôi môi Emma nghiêng về phía mình.

— Pierre, có đỡ chút nào không?

— Đỡ hơn rồi, cảm ơn.

Anh chống tay đứng dậy từ chiếc tràng kỷ và rời xa nàng. Anh phát chán với sự ân cần của nàng, phát chán bị coi như mắt xích yếu đuối của nhóm.

— Tên gác dan – Terry phải không?

— Vâng.

— Hắn nói đến KGB[336], hay là anh nằm mơ? Hắn muốn nói gì thế?

— Kagébé, Pierre ơi. Có sáu chữ. Đó là một con chó. Một con chó-rô bốt... Nó đi ngang, đi dọc trong vườn, và ngay khi nó dò thấy một chuyển động khả nghi, nó liền gửi trực tiếp hình ảnh vidéo đến PC của bộ phận an ninh. Dan đã làm ngay cả các thử nghiệm để mà hình ảnh khả nghi đó có thể được gởi thẳng đến điện thoại di động của người gác dan. Nhưng vào thời đó, không có gì chạy cả.

— Và cái chức năng "cắn", họ có thử không?

Emma nhếch mép cười nhẹ. Pierre cũng vậy. Nhưng hẳn là cười gằn. Kagébé, một cái tên ngu xuẩn quá sức, Pierre nghĩ. Như thể thiên hạ còn ở thời chiến tranh lạnh vậy. Khi mà một cuộc chiến tranh mới, chiến tranh điện tử, đã bắt đầu. Chỉ một lần này, Barett đã tỏ ra lạc hậu.

Emma nói tiếp, giọng nhẹ nhàng:

— Sẽ là phiên bản 2.0 đó anh. Nhưng giữa chúng ta, Pierre này, anh làm gì ngoài đó vào giờ mà Kagébé đi tuần?

— Anh không ngủ được.

Emma im lặng một lát.

— Đâu chỉ có mình anh không ngủ được.

Pierre nhếch mép cười gượng, cay đắng.

— Khi người ta làm những việc rồ dại với thân xác mình...

Emma nhíu mày:

— Xin lỗi, anh nói gì?

Anh khoát tay, cắt ngang câu chuyện. Xét cho cùng thì nàng làm những gì nàng muốn trong những đêm của mình, đó là vấn đề của Brad, chứ không phải của một đối tác tình dục đột xuất.

— Đi nào! - Anh càu nhàu. - Ta mất khá nhiều thì giờ rồi đó. Anh không biết làm sao ta sẽ tìm ra cái mà em đi tìm trong ngôi biệt thự trống này, nhưng nếu ta không bắt đầu...

Emma không có thì giờ trả lời. Terry đến, tay bưng một cái khay. Mùi cà phê và mùi trà đen quen thuộc bốc ra từ hai bình thép mạ crôm. Tên gác dan đặt chúng trên cái nhỏ nhất trong ba cái bàn lồng được vào nhau. Pierre thấy ra là cái bàn ở giữa được dùng làm máy TV khi Terry bấm nút trên thiết bị điều khiển từ xa. Các hình ảnh của *CNN* hiện ra dưới chân họ.

— Tiện lợi, cái bàn-màn hình này, phải không? Terry buột miệng, ra vẻ thích thú được dịp phô bày sự thông thạo về các trang thiết bị kỹ thuật của ngôi biệt thự, dù là vào 5 giờ sáng. Nếu ông muốn nó ngừng, chỉ nói đơn giản "ngừng". Nó tuân lệnh qua tiếng nói, giống như nhiều thứ trong nhà này. Nhưng bà Shannon biết rành chuyện này mà! Lần cuối cùng đó, bà nhớ không? Bà kêu cứu tôi. Bà muốn xem *CNN* nhưng hệ thống này lại chuyển sang kênh Canal Plus đang chiếu phim. Và không phải bất cứ phim nào đâu nhé, phải không nào? Bà đang ở trong phòng "Toi", và phòng này thì

trước đó có một đấng nam nhi ở, tôi sẽ không nói là ai...

Bổn phận giữ gìn ý tứ mà!

Hắn ra vẻ bí mật, gây bực mình.

— Tôi đặt Kagébé canh tuần trước cửa chính, như thế thì nó không làm phiền ông nữa, - hắn nói tiếp về phía Pierre. - Dù gì thì tôi cũng thực sự thấy vui là nó hoạt động được, cái con chó này. Ông Barett thích là...

Hắn bỗng lộ vẻ nhớ ra là ông chủ của hắn đã không còn ở trên cõi đời này nữa. Nhưng điều này không có vẻ làm hắn xúc động quá mức. Cho dù Amelia có bán lại ngôi nhà đi nữa, hắn sẽ biết cách tự bán cho chủ mới. Những tên gác dan công nghệ cao, không phải cứ ra đường là tìm được họ ngay.

Pierre lảng sang chuyện khác.

— Terry này, hãy nói tôi nghe: hồi nãy, trước khi làm quen với... Kagébé của anh, tôi tin rằng đã thấy ánh sáng ở hồ tắm và ở trong vườn.

— Vào lúc mấy giờ?

— Cách đây gần như một tiếng, tôi nghĩ có lẽ là 4 giờ 30.

— 4 giờ 30, thảo nào! Đáng lẽ tôi phải báo trước cho ông! Nhưng ông đến đây quá muộn đêm nay. Đó là hệ thống điện tử của ông Barett. Vào lúc 4 giờ 45, mỗi sáng, ông ấy bơi lội nửa giờ. Vì vậy mà khi trong nhà có người, đèn đuốc và máy sưởi tự động bật lên lúc 4 giờ 30 ở hồ bơi.

— Nhưng phòng khách, nó tự bật sáng khi có người đi vào phải không?

— Đúng vậy. Về phần hồ bơi thì ông Barett thấy ấm cúng hơn khi nó được thắp sáng và sưởi nóng khi ông bước xuống. Nhưng lát nữa tôi sẽ sửa đổi các bộ điều chỉnh. Như vậy ông sẽ không bị làm phiền nữa.

http://tieulun.hopto.org

Emma hớp một ngụm trà, rồi hướng về Pierre, nói:

— Phần mềm của việc bật sáng tự động là do một lập trình viên trẻ người Ấn Độ thuộc Controlware phát minh ra đấy. Hơn nữa, con chó-rô bốt cũng vậy.

"Tất cả mấy thứ này tóm lại là ít đắt tiền hơn là đi thuê một tên gác dan làm việc ban đêm với giá lương Pháp", Pierre tự nhủ. Barett, như thường lệ, đã tính toán kỹ.

— Ta đi đến đó chứ? - Anh đề nghị đột ngột.

— Nếu anh khỏe rồi, O.K.

Emma kéo tóc ra đằng sau và xoa bóp màng tang, như thể nàng muốn làm nhẵn các nếp nhăn của mình. Rõ ràng là nàng hẳn là thích lên lại phòng để trang điểm. Pierre suýt chút nữa buột miệng nói với nàng là anh thấy nàng khá gợi tình như thế này. Nhưng anh cúi đầu xuống và chợt thấy các hình ảnh trên đài CNN.

— Chờ đã, nhìn này!

Anh chỉ ngón trỏ vào màn hình TV đang phát ra các hình ảnh Trung Quốc. Trên thanh ngang nằm phía dưới màn hình, ta có thể đọc: CNN.

Special Report. Environmental disaster in Hong Kong[337].

— Bật tiếng lên được không? Cái điều khiển đâu rồi? - Anh vừa hỏi, vừa quỳ xuống trước màn hình.

Nhưng Terry đã đi ra khỏi phòng trước đó rồi.

— TV! Âm thanh! Tăng lên! - Emma nói, rõ ràng từng âm tiết một.

Một màn hình thứ hai, gắn trên tường, bật lên với âm lượng hoàn hảo; nó phát những hình ảnh giống như ở cái bàn thấp. Đặc phái viên của *CNN* ở

Hong Kong được thu hình từ hải cảng vắng vẻ. Anh ta giải thích là sự ô nhiễm trong hệ thống phân phối đã làm cho cư dân thành phố này không có nước sạch. Các quan chức Tàu, như thường lệ, tìm cách làm nhẹ bớt tác động của cái tin này. Họ nói đến một tai nạn công nghiệp giới hạn ở phía Bắc thành phố thôi. Một vài ca rối loạn đường ruột được nêu lên. Nhưng nhà báo *CNN* đề cập đến bản tin không chính thức. Khắp cả vùng Hong Kong đều bị nạn. Ba trăm triệu[338] người có nguy cơ bị nhiễm. Hệ thống phân phối nước sạch đã bị tê liệt từ nhiều tuần lễ nay. Và cuối cùng, giả thuyết một cuộc mưu hại khủng bố. Dù rằng, ở điểm này, *CNN* tỏ ra thận trọng. Những hệ thống cấp nước sạch ở Trung Quốc, thực vậy, trong tình trạng bình thường, là đã bị ô nhiễm rồi, đến mức người ta không thể gạt bỏ giả thuyết là sự ô nhiễm sẵn có bị trầm trọng thêm một cách ngẫu nhiên.

Pierre, phần anh, thì than ôi không còn hoài nghi gì nữa. Các tên khủng bố đã nắm lấy việc kiểm soát hệ thống cấp nước và gây xáo trộn để làm sinh sôi nảy nở tràn lan một con vi khuẩn trong các ống nước. Chỉ đơn giản một con *escherichia coli*[339] là đủ gây ra thiệt hại nặng nề. Anh hiểu ngay lập tức là kỹ thuật này có thể áp dụng trong bất cứ thành phố nào trên thế giới. Rùng rợn thật! Ta cũng có thể tự hỏi tại sao New York hay Los Angeles chưa bị đụng đến.

Pierre đổi sang đài *TF1.* Những phim hoạt hình thường phát vào sáng thứ bảy đã nhường chỗ cho một bản tin ngắn đặc biệt. Ở Thụy Sĩ, nơi mà vài ca tiêu chảy không hiểu từ đâu ra đã được chẩn đoán, chính phủ kêu gọi dân chúng không tiêu thụ nước máy nữa và nên tích trữ nước uống được. Ở nước Anh, Quốc hội đã họp khẩn cấp để tranh luận về chuyện này. Ở Paris, người phát ngôn của chính phủ xác định là trong nước Pháp các hệ thống cấp nước vẫn nằm trong vòng kiểm soát và tất cả những biện pháp an toàn đã được áp dụng.

— Chẳng đáng tin chút nào! - Pierre kêu lên. - Chúng làm lại cú Tchernobyl[340] để chơi ta.

Người đọc tin loan tiếp là các bộ trưởng Môi trường của nhóm G8 sẽ được triệu tập đến Bruxelles cho một cuộc họp thượng đỉnh đặc biệt.

— Em muốn họ quyết định gì chứ? - Pierre bực tức buột miệng. - Họ không thể làm được gì đâu, tuyệt đối không.

— Nhưng chúng ta thì được đó.

Với một ngón tay vuốt nhẹ mặt bàn, Emma đột ngột tắt TV. Sắc giọng của nàng khi buột miệng thì hàm ý không chấp nhận để ai bàn thêm. Cùng lúc ánh mắt nàng hỏi han Pierre, như thể nàng muốn anh làm nàng yên tâm.

Anh đứng dậy.

— Không nên phí ngay cả một phút. Nhưng Emma này, ta bắt đầu từ đâu đây? Từ đâu? Dưới sàn nhà à? Sau các bức tường à? - Anh vừa nói, vừa chỉ tay quanh phòng.

Hôm trước, trong xe, Granier đã đặt ra câu hỏi này:

— Chúng ta sắp tìm chính xác cái gì đây? Và ở đâu?

— Chúng ta tìm vài hàng, hay có lẽ toàn bộ các trang chứa đựng những hướng dẫn về lập trình, hay văn tự tin học, nếu anh thích hơn, - Emma đã trả lời.

— Vậy thì tìm nó trên một miếng giấy trong một cuốn vở à?

— Và tại sao không trên giấy da? Jean-Philippe, đừng ngớ ngẩn thế! Biệt thự Trianon, chính là giấc mơ của Dan đó! Một ngôi nhà không giấy!

— Ngay cả trong các phòng vệ sinh? - Granier cười nhạo.

Câu nói đùa của gã không làm ai cười, nhưng gã có lý: khó khăn nằm ở đó. Các hàng mật mã chắc có lẽ cất giấu trong một tệp tin học, nhưng tìm nó ở đâu? Trong một máy tính, dĩa CD-Rom, hay cái USB?

Pierre đứng dậy và đưa tay chống nạnh.

— Có lẽ ta phải hỏi Kagébé có ý gì không.

Đến lượt mình, anh cũng rơi vào sự trơ trẽn. Và nỗi lo âu nơi anh lớn dần. Ở đâu mà tìm ra cho được dấu vết của Le Nôtre trong cái khung cảnh lạ lùng này, giàu sang và tối giản cùng lúc, nơi ngự trị của tính trật tự, sự sạch sẽ và sự tổ chức? Tại đây, mỗi đồ vật đều có chỗ của mình, như trong một phần mềm. Đã biến mất những thứ choán chỗ trong tủ rộng, trên giá kệ, trong những ngôi nhà xưa ở Pháp. Tại đây, không có những ngăn kéo chứa đồ bí mật, những rương hòm bí ẩn, những tủ bàn giấy bị mối mọt, những thứ mà đơn giản chỉ qua sự hiện diện của chúng, tiết lộ ký ức của một nơi chốn. Nếu có ký ức thì chắc nó được che giấu, như những thứ còn lại khác, trong hệ thống dày đặc những dây cáp và những thiết bị thăm dò này, chúng cấu tạo ngôi biệt thự như một kiến trúc thứ hai, như một bộ xương thứ hai. Pierre cảm thấy điều đó: Barett đã xây dựng thành công, ngay trên khung cốt của ngôi biệt thự lịch sử đẹp đẽ của Elsie de Wolfe, một bộ sườn nhà cho riêng mình, làm bằng sợi và sóng vô hình, qua đó bộc lộ ra, trong nơi chốn lịch sử này, cái thói gàn cổ điển của người làm tin học: ngụy trang sức mạnh cực kỳ trong cái đơn giản cực kỳ – và sự tìm kiếm ám ảnh của riêng ông, Dan Barett: thực hiện cuộc phối ngẫu, trong cùng một sáng tạo, giữa cái cũ và cái mới, giữa lịch sử và tương lai, giữa nguyên thủy và chung cuộc. Như Thượng đế vậy, vào buổi hừng đông của ngày đầu tiên.

— Em chắc chắn là mật mã được cất giấu trong một máy tính, - Emma nói. - Em sẽ bắt đầu từ PC của Dan trong phòng anh ấy. Em đã muốn thử tìm tối hôm qua nhưng em không thể...

http://tieulun.hopto.org

— Em rất bận mà, anh biết, - Pierre cắt ngang.

Emma không nói gì một lúc. Nàng đã hiểu anh rút cục muốn gì, cũng như câu hỏi mà anh đã dằn lòng không nói ra khi nãy.

— Anh đã thấy Jean-Philippe ra khỏi phòng em, đúng như vậy không? - Nàng kêu lên.

Pierre nhìn nàng chằm chằm, ánh mắt tối sầm lại.

— Đó không phải là chuyện như anh tưởng đâu. Anh có thể tin em ít nhất là một lần chứ?

Anh không trả lời.

— Em không xứng đáng để anh tin sao? - Nàng nài nỉ.

Nhưng lần này thì có chút gì đó bực dọc trong giọng nói của nàng.

— Khi một người đàn ông và một người đàn bà cùng qua đêm với nhau, - Pierre phun ra, - đó không bao giờ là cái gì mà người ta tin!

— Em không qua đêm với anh ta! Pierre này, em không thể giải thích cho anh ngay bây giờ, nhưng anh phải tin lời em, em thề với anh là...

Anh cắt ngang lời nàng, gần như ngoài ý muốn.

— Nghe này Emma, thẳng thắn mà nói, có giải thích thì cũng vô ích thôi. Anh bất cần mà.

— Ôi! Như cứt! Anh có lý đó, ta không nên mất thì giờ!

Giọng nàng đứt quãng như gỗ khô bị gãy.

— Vả lại, em đâu cần phải biện minh với anh, - nàng thêm rồi quay lưng.

Căn phòng của Barett được bày biện giống như phần còn lại của ngôi nhà. Sàn bằng gỗ sồi, sáng loáng. Một cái giường rất rộng. Một cái bàn màn

hình. Hai ghế bành, một cái là ghế bập bênh, đặt trước lò sưởi. Phía trên lò ống khói, một màn hình phẳng gắn lên tường, to hơn những cái khác trong phòng khách, trên đó hiện ra bức ảnh của Amelia và hai đứa con chụp trước các kim tự tháp ở Ai Cập.

Dan hẳn đã có thể chuyển đổi cách trang trí cho thích hợp với Emma, ngay cả trong phòng riêng của mình. Nếu ông không làm thế thì có thể là nàng xem như không đặt chân vào đó. Nhưng ý nghĩ này không cản nàng tự ý đi thẳng đến cái giường, ngồi lên và quay mặt về bức tường.

"Bàn đầu giường. Mở ra."

Một tấm đỡ lúc lắc chầm chậm ở cạnh giường, mở ra cho thấy một cái tủ nhỏ gắn sâu trong tường. Một đồ vật phẳng, màu xám, đặt ở đáy. Một laptop mốt mới nhất.

— Nó đó. Nhìn xem!

Pierre ngồi xuống giường. Lúc này, Emma giữ thế ngồi thẳng, tỏ ý muốn giữ khoảng cách với anh. Chỗ này, nghịch lý thay, lại tạo thuận lợi cho việc này. Pierre đã thấy từ trước cái loại living bed[341] này trong Wired, một tạp chí anh ưa thích. Màu đỏ tươi, rộng ít nhất năm thước vuông, gần như tạo ra một căn phòng cho riêng nó. Đồ phủ giường được trang bị bộ nhớ về hình dạng nên khi có ai ngồi hay nằm thì nó tạo ra một vị thế lý tưởng cho cơ thể người đó. Và cái giường trở lại hình dạng ban đầu, không lõm, không lồi, không nếp gấp, khi người đó rời nó. Những bộ vi xử lý và những thùng loa được đưa vào bên trong giát giường. Một màn hình plasma, có thể di dời, mở ra từ chân giường bên trái. Một cái tủ nhỏ, bên phải, đựng một máy pha cà phê nghe lệnh qua giọng nói.

Pierre khởi động laptop.

— Phải có mật khẩu chứ. Dấu vân tay? Tròng đen con mắt? Bản sao y

ADN của Barett? Lần này, ông ta còn phát minh ra cái gì nữa, ông bạn Dan của em?

Pierre tìm cách làm không khí bớt căng thẳng. Anh thấy hối tiếc đã nói ra những lời lẽ khó nghe. Phản ứng phủ nhận của Emma khi nãy thì có vẻ thành thật. Đáng lẽ anh nên tin ở nàng, chấp nhận cho nàng hoãn lại lời giải thích. Và bây giờ thì nàng ngồi đó, bên cạnh anh, trên giường của Barett...

— Không phải thế đâu, - nàng trả lời mà không để ý đến vẻ mỉa mai của anh, - nhìn này! Mật khẩu. Chỉ cần gõ ra một cái. Có lẽ anh ấy để lại cái cũ.

— Cái cũ nào?

— Cái mật khẩu cũ đó. Cái mà anh ấy thường dùng ở nhà, trước khi anh ấy cho gắn các thiết bị thăm dò và sự nhận dạng sinh trắc.

Emma gõ các chữ trên bàn phím. Bảy. Viết hoa. *APOLLON.*

— Chạy rồi! Nhìn này...

Các biểu tượng bây giờ hiện lên trên màn hình. Giữa chúng là vài chữ tượng hình màu vàng. Chắc chắn đó là những hồ sơ của Barett.

— “Trianon”, “Controlware”, “Gia đình”... và “Le Nôtre”! Đây rồi, em chắc chắn nó đây rồi!

Pierre nhìn bàn tay Emma đang kéo con trỏ đến hồ sơ “Le Nôtre”. “Tất cả mấy thứ này đơn giản quá đi”, anh tự nhủ. Thật vậy. Hồ sơ này chứa đựng nhiều tập tin về Le Nôtre, tiểu sử, các công trình của ông, các sách và luận án viết về ông. Hai người mở ra tất cả và họ có thể đọc lướt qua.

Nhưng, ở bên trong thì không có gì cả. Chí ít là không có cái gì giống như những hàng mật mã.

Gần 6 giờ sáng rồi, và khi đụng đến tập tin cuối cùng, họ thấy là nó

không chịu mở ra. Nó mang tên “Vườn”.

— Ồ không! Cái này được bảo vệ, mỗi khi có ai tìm cách vào! - Emma kêu lên.

— Đúng vậy, và anh không biết làm cách nào...

— Chờ chút!

Emma nói to về phía máy tính:

— Le Nôtre.

Không chút phản ứng.

— Em tưởng người ta mở được một tài liệu dễ như thế à?! - Pierre kêu lên.

Nàng lặp lại, to hơn:

— Le Nôtre!

Chẳng có gì động đậy trên màn hình máy tính. Nhưng một tiếng rít vang lên phía trên lò sưởi. Emma sửng sốt hét lên:

— Cái màn hình, trên đó! Pierre! Nhìn kìa!

http://tieulun.hopto.org

30

Trên bức tường, hình ảnh gia đình của Barett tự cuộn lại trên chính nó.

Một bản vẽ kiến trúc lớn hiện ra dần dần sau màn hình. Những hình vuông, hình chữ nhật, hình tròn, hình đa giác. Những nét vẽ bằng bút lông trên một thứ giấy xưa. Nó bị hư ở mấy nếp gấp và được bảo vệ bằng một khung lồng kính và một cái nẹp. Một loạt những chú giải – tên của những bể nước được nhận ra qua dòng chữ – tạo thành một đường gờ dưới ngay bản vẽ. Quá kinh ngạc, Emma và Pierre đứng phắt dậy và đến gần lò sưởi.

— Hệ thống này đã được nghĩ ra riêng cho mục đích của Barett, nó chắc là đắt tiền lắm đấy, - chàng chuyên viên tin học nói.

Emma thì nhìn không rời mắt hình ảnh trên tường.

— Pierre! - Nàng kêu lên, - là cái bình đồ của những ngôi vườn ở Versailles đó! Em nhận ra nó mà: Latone, Apollon, khuôn viên phía Bắc... Chờ chút. - Nàng đến gần thêm một bước.

— Nó có ghi niên đại đây, ở bên dưới. 1662! Trời ơi! Em chắc chắn nó là bình đồ nguyên gốc, cái mà Dan tìm kiếm bấy lâu nay!

— Có phải cái được xem như chứa bên trong nó bằng chứng về sự hiện hữu của Thượng đế không?

Hôm trước, trong xe, sau khi rời Colleville, nàng đã kể cho anh nghe tất

cả. Granier thì đã biết một phần câu chuyện.

— Dù gì đi nữa, nếu đó chính là cái bình đồ danh tiếng thì Dan không bao giờ nói với em là đã tìm ra nó... Làm sao biết được đúng là nó?

— Emma? Pierre? Các người ở đâu? - Một giọng nói bất thình lình dội đến từ cầu thang.

Tiếng gọi của Granier làm hai người giật mình. Pierre cảm thấy là Emma trở nên căng thẳng. Rõ ràng là nàng không muốn gặp gã. Anh lục trong túi tìm điện thoại di động để coi giờ. 7 giờ 30. Tên nhà văn chắc đã ngủ nướng xong... Và anh còn phải gọi cho Clara nữa.

Emma nắm lấy cánh tay anh.

— Jean-Philippe đó! Mình đi xuống đi!

Pierre không kịp hỏi nàng tại sao nàng không muốn chia sẻ sự khám phá của hai người với Granier. Dù sao đi nữa, chắc chắn đó vẫn là một câu hỏi mà nàng hẳn là không thể trả lời.

— Các vị tìm ra cái gì chưa? - Granier hỏi, xuất hiện ở khung cửa.

Emma trả lời một cách lạnh lùng:

— Chẳng có gì về những hàng mật mã, vào lúc này.

Nhưng Granier đã chợt thấy cái bình đồ trên tường. Hắn buông ra một tiếng kêu thán phục.

— Không! Tôi không tin đâu... Ông ấy đã tìm ra nó mà!

Hắn đeo kính lên và bắt đầu xem xét bản vẽ như thể quen thuộc lắm.

— Không thể tin được! Nó là bản vẽ đầu tiên danh tiếng đó, đúng là ông ta, tôi chắc mà! Kỳ diệu làm sao! Thấy không, chỗ đó, các chú giải phải không? Latône với dấu mũ, L'Étoille với hai chữ "l"... Và cái bể nước tương

lai des Suisses, nó có hình bát giác, trong khi nó không bao giờ được xây như thế... Phải nhanh chóng đi đối chiếu nó với các khu vườn hiện nay!

— Anh nghĩ rằng đó là chuyện khẩn cấp nhất để làm sao? - Emma mỉa mai.

— Đúng thế, nó là bình đồ nguyên gốc mà, có lẽ nó chứa cái định lý thần linh!

— Cho dù thế đi nữa, nó chẳng dính dáng gì đến hàng mật mã của chúng ta.

— Lại cái hàng mật mã này! Bộ các vị không phát chán với cuộc săn tìm tin học này sao?

Pierre và Emma nhìn nhau, không trả lời. Họ nghĩ cùng một điều. Granier chỉ giỏi làm người ta phẫn nộ. Sự dửng dưng trơ trẽn của gã phản ánh tính ích kỷ sâu sắc. Tính ích kỷ của một kẻ sẵn sàng để chết một nửa nhân loại hơn là từ bỏ những thói tật của mình.

Emma quay về phía Granier để giải thích tình hình. Sự cố mới ở Hong Kong. Rất có khả năng một cuộc mưu hại trên các hệ thống nước sạch. Hội nghị thượng đỉnh bất thường của G8. Tên nhà văn không hé miệng bình luận gì, như thể những biến cố này không tác động đến hắn.

— Các vị thấy rõ là tấm giấy này có tầm quan trọng của nó, ngay cả đối với tên khùng Barett! Xin lỗi nghe, tôi quên mất... Dù sao đi nữa, ông ta đã bảo vệ nó như một báu vật!

— Tất nhiên rồi, - Emma cắt ngang, nghiêm túc. - Anh ấy không có sự lựa chọn nào. Thực sự đâu có các hình ảnh số vào năm 1660. Hơn nữa, anh ấy đã mua các lá thư viết tay khác, của Napoléon, của Churchill, của Jefferson.

— Những thứ mà người ta tâm đắc thì không bao giờ qua một máy tính nào cả.

Granier giữ im lặng một vài khoảnh khắc để Pierre và Emma có thì giờ suy ngẫm về tư tưởng của gã.

— Đây là điều tôi đề nghị với các vị, - gã nói tiếp. - Các vị tiếp tục lục lọi ở các máy tính trong nhà này; và tôi thì đi vào công viên nhỏ cùng với cái bình đồ mà trước hết tôi sắp sao chép lại đây. Dù sao đi nữa, tôi chẳng giúp được gì ở đây.

Emma cố không mỉm cười trước khả năng Granier sắp đi khuất mắt.

Pierre thấy nhẹ người, quay về cái PC để tìm cách mở vào tập hồ sơ "khó tính". Vào lúc anh đặt tay lên con chuột, màn hình sáng lên và anh thấy lần này tài liệu "Vườn" có thể vào được. Mật khẩu "Le Nôtre" mà Emma nói to khi nãy cũng đã khởi động sự mở ra.

— Giỏi lắm, Barett! - Pierre chụm môi huýt sáo.

Le Power Point chứa đựng sự trình bày tất cả các bình đồ của Le Nôtre được ghi vào danh mục cho tới ngày nay. Bản cuối cùng, bản xưa nhất, có niên đại 1664 và giống như bản hiện lên trên tường. Granier nhào tới.

— Tôi in nó khổ A3 cho anh, nếu anh muốn, - Pierre đề nghị.

— A, tôi cứ tưởng rằng chúng ta đang ở trong một ngôi nhà không giấy, - Granier mỉa mai.

Pierre nghĩ bỏ qua lời nói đó thì tốt hơn, và khởi động máy in.

— Sau đó tôi phải quét qua ổ cứng. Vì nó có thể có các tập tin khác.

Anh quay về phía Emma.

— Trong khi chờ đợi thì có lẽ em nên bắt đầu xem cái máy tính ở phòng

đọc sách, được không?

— O.K., - nàng nói. - Em đi xuống đây.

Granier đã ngồi vào chiếc ghế bập bênh và bắt đầu sao chép cái bình đồ năm 1662 vào một cuốn sổ bọc vải giả da bằng một cây bút chì than nhỏ xíu.

Pierre đi ra ngoài hành lang và bấm số điện thoại của vợ ở Alès. Số bị bận. Và tiếp tục bận.

Emma gọi anh.

— Pierre! Em không khởi động máy tính trong phòng đọc sách được!

Chàng chuyên viên tin học buông tiếng thở dài, dù không muốn. Anh nhận ra cái giọng ướt sũng mà nàng sử dụng mỗi khi muốn anh giúp đỡ. Như thường xảy ra trong những trường hợp này, yêu cầu của nàng thực sự không minh bạch cho lắm. Nàng không nói: “Anh có thể vui lòng đến giúp em không?” nhưng: “Trời ơi, em làm không được, khổ quá đi” – mà theo nàng, nó tạo ra cùng một hiệu quả. Trong thực tế, nàng quen với chuyện người ta đi trước các ý muốn của nàng, do đó nàng không cần phải nói ra một cách rõ ràng. Kỷ niệm về những năm hai người làm việc chung nhau, khi cả hai còn là những kỹ sư thương mại trẻ tuổi, trở lại trong trí nhớ Pierre. Sự việc thường xảy ra thế này. Nàng, cứng cỏi, quyết đoán, mang dáng dấp đội trưởng. Rồi bất ngờ thay, dưới vẻ tự tin lại nổi lên mối hoài nghi, nỗi lưỡng lự, vẻ yếu ớt bị kềm nén một cách khó khăn, mà anh đoán ra được. Nhưng anh cứ do dự mãi không biết nên chọn thái độ nào trước nàng. Một mặt, anh muốn bỏ mặc nàng tự xoay sở lấy với vấn đề của mình. Vì, xét cho cùng, nàng được trả lương không ít hơn anh, nàng phải biết làm những thứ việc như anh. Mặt khác, anh cũng có lòng ham muốn giúp nàng. Muốn nhào tới cứu nàng, đôi khi thấy thôi thúc không kiềm hãm được, đến nỗi

anh có cảm tưởng mình là con chó xù. “Chó saint-bernard[342] thì đúng hơn!”, nàng đã cười vào mặt anh cái hôm mà anh than phiền là mình bị “chó xù hóa”.

Tức mình thật! Nhưng cuộc đời đã dạy anh là đàn bà, ngay cả khi họ tự phụ chế ngự được dã thú, vẫn thích có được một anh saint-bernard bên cạnh. Một người bạn làm họ yên lòng, đưa họ ra khỏi xó nhà “igloo”[343] mỗi khi họ dấn mình vào trong đó.

Anh đi xuống phòng khách. Chỉ trong ba giây là anh giải quyết xong vấn đề, và anh đi lên lại, thỏa mãn. Anh bất ngờ thấy Granier khom người trên máy tính của Barett.

— Làm sao mà người ta có thể say mê mấy thứ máy móc này chứ? Ở đây, cái làm tôi bị ấn tượng mạnh là cái nhà bếp đó, dưới tầng hầm! Đúng là xa hoa thật!

Gã cười khẩy.

— Hiển nhiên là tại đây, con ở của tôi sẽ không biết pha cà phê...

— Bị câm hay sao, con ở của ông?

— Không, nó không câm, nhưng tại sao?

— Phải nói ra tiếng thì máy móc mới nghe lệnh được.

Granier làm như không nghe.

— Ngược lại, - gã tiếp, - màn hình thì khắp nơi, các bức tranh của các bậc thầy thì số hóa... Khá quê kệch, phải không? Anh đã thấy trong bếp bức tĩnh vật của Gauguin chứ? Hiển nhiên là người Mỹ đã tạo lập một cường quốc đứng đầu thế giới, người ta không thể đòi hỏi họ hơn nữa là phải có gu!

Pierre suýt chút nữa buột miệng là Barett hẳn có phương tiện mua cả năm chục bức Gauguin gốc, nhưng ông ta thích dành tài sản mình cho sự

nghiệp chống đói giảm nghèo hơn. Anh suýt nói thêm: “Chứ không phải mày, đồ ngu độn, sẽ dành 30% tiền tác quyền cho người nghèo đâu.” Nhưng anh không kịp mở miệng. Máy di động đã reo lên. Clara gọi.

— Anh yêu, anh phải không? Trời đất ơi! Anh làm gì? Ở đâu thế?

— Ở Versailles.

Clara không tỏ vẻ ngạc nhiên chút nào.

— Pierre, trời đất ơi! Em chờ anh gọi lại cả hàng tiếng đồng hồ đến giờ! Anh không nhận được tin nhắn của em sao?

— Có chứ, Clara, anh có nhận được. Anh đã cố gắng gọi em nhưng bao giờ cũng chỉ nghe tiếng máy bận.

Pierre cảm thấy nàng không tin lời anh và buông ra tiếng thở dài chán nản. Anh nhìn ra cửa sổ. Bên kia bức tường là công viên Versailles trải dài dưới mắt anh. Ta nhận ra thôn Hoàng hậu và ngôi đền Amour. Barett thật là may mắn trải qua những cuối tuần ở đây, với Emma.

Giọng lanh lảnh của Clara kéo anh ra khỏi cuốn phim của mình.

— Pierre! Pierre! Anh nghe em không?

— Có, em yêu. Mọi sự ở Alès đều ổn chứ?

— Vâng, ở đây thì ổn, nhưng em rể anh, Jacques, chẳng được ổn chút nào... Em gái anh điện thoại báo: chú ấy đang nằm ở nhà thương Saint-Joseph-Saint-Luc đó!

Pierre khựng lại.

— Jacques à? Nhưng tại sao?

— Chuyện xảy ra tối hôm qua. Chú ấy cảm thấy khó ở. Uống hai viên thuốc rồi thấy đau. Nôn mửa nhiều lần rồi ngã vật xuống.

— Sao thế được chứ? Nó đang ở đâu?

— Nhà thương ở Lyon, em nói rồi mà. Họ đã khám nghiệm chú. Chắc chú ấy không phải là trường hợp duy nhất, các bác sĩ làm việc túi bụi...

— Vì sao vậy Clara? Clara, em còn nghe không?

Pierre di chuyển vài thước. Đường dây đã trở nên khó nghe.

Trong khi anh bước tới, bước lui tìm chỗ để nghe rõ hơn, Granier đi ra khỏi phòng của Barett, tay cầm cuốn sổ của mình và ra dấu là gã đi về phía các ngôi vườn. Clara tiếp tục:

— Các hệ thống ống dẫn nước có vẻ bị ô nhiễm. Ở Lyon người ta không được phép uống nước từ vòi.

Không đợi chồng phản ứng ra sao, nàng bắt đầu gào lên:

— Pierre! Pierre! A lô! Anh nghe em không? Anh có nghĩ ở đây cũng bị nguy cơ đó không? Em phải làm sao đây với mấy đứa nhỏ? Anh có nghĩ ta có thể lấy nước ở hồ tắm rồi đun sôi không?

Trong những hoàn cảnh khác, hẳn là anh sẽ nói đùa, sẽ trả lời Clara là nàng có thể, nếu điều tồi tệ nhất xảy ra, tắm rửa với nước luộc mì. Nhưng anh cũng bị nỗi kinh sợ lây sang. Hệ thống cấp nước uống được ở Lyon bị xáo trộn vì một tai nạn nào đó, đối với anh điều này có vẻ khó tin quá. Các tên khủng bố có thể đột nhập vào hệ thống tin học của những trạm lọc nước, sửa đổi các kết quả phân tích nước, thay đổi các liều lượng, để cho một số vi khuẩn sinh sôi nẩy nở.

Nhưng tại sao chúng đánh Lyon sau Hong Kong? Tại sao lại là Lyon trước Tokyo và Los Angeles? Chắc là phải chờ bọn tin tặc đưa ra các yêu sách của chúng. Nhưng tại sao chúng không làm điều này?

Anh quay lại máy tính của Barett. Anh bắt đầu nghi ngờ là mình sẽ tìm

ra cái gì ở đây. Và anh còn ít tin hơn vào khả năng phát hiện ra chìa khóa trong máy tính đặt ở phòng đọc sách. Những cái máy này dễ bị thâm nhập quá. Nếu Barett cảm thấy cần phải cất giấu các hàng mật mã của ông ta ở một nơi xa Boston cả mười ngàn cây số thì chắc không phải để chúng bừa bãi trên bàn giấy, dù là bàn của máy tính đi nữa.

Nhưng mặt khác, nếu ông ta muốn Emma tìm ra chúng thì ông ta bắt buộc để lại cho nàng các dấu hiệu. Trong trường hợp này, bức chân dung của Le Nôtre, ở dưới nhà, chắc chắn là một dấu hiệu. Và chắc phải có những cái khác nữa.

Vẻ mặt trầm tư, anh bước ra khỏi phòng của Dan. Anh đi ngang phòng mình, cửa vẫn mở nửa chừng. Ở cuối phòng có treo bức ảnh tầm thường chụp lâu đài Versailles vào lúc hoàng hôn nhìn từ các ngôi vườn. Anh bước vào căn phòng bên cạnh, vì tò mò: lại bức ảnh lâu đài, lần này thì nhìn từ sân Marble. Và ở trong phòng của Granier cũng thế: vẫn cứ lâu đài, nhìn từ máy bay. Anh đi như chạy xuống cầu thang để gặp lại Emma. Nàng vẫn còn ngồi trước máy tính trong phòng đọc sách.

— Emma này, theo thường lệ thì em ở phòng nào?

Nàng trả lời, không quay mặt lại:

— Phòng anh đấy. Nói đúng hơn, phòng của Emma Brown. Dan thấy kỳ lạ là tên thánh của em đã được viết trên cửa.

Anh nhào về phía nàng, nắm cánh tay và kéo nàng đứng lên.

— Đi nào, nhanh lên!

— Pierre, nhưng có chuyện gì thế?

— Theo anh!

Anh dẫn nàng đến trước cửa phòng “Emma” và bảo nàng tự tay mở nắm

cửa. Một động tác mà nàng đã không làm hôm trước khi nàng đưa anh tới đây: bây giờ anh nhớ lại điều này, cánh cửa đã hé mở trước rồi. Emma cứ thế mà bước vào căn phòng trước anh.

Trên bức tường cuối phòng, lâu đài Versailles đã được thay bằng một bộ sưu tập ảnh chân dung trắng đen. Chân dung các con chó.

— Em yêu chó lắm à? - Pierre hỏi.

Emma quay lại.

— Thôi nào, Pierre! Ta tới đây để làm gì? Tại sao anh dẫn em vào căn phòng này? Em biết nó như lòng bàn tay! Hơn nữa, nếu anh muốn biết thì nghe này, em ghét chó lắm.

— Thật à, em không yêu chó?

— Chẳng yêu chút nào. Em bị một con chó con hung hãn cắn khi em lên năm, nó để lại cho em một vết sẹo xấu xí ở bắp chân. Hơn nữa, Dan biết rõ chuyện này. Em không hiểu tại sao anh ấy lại trang trí phòng em với các con chó.

Pierre hầu như không nghe nàng nói, anh bị thôi miên bởi những hình ảnh các con chó xù màu nâu đen tuần tự xuất hiện trên màn hình. Bức cuối cùng của loạt ảnh thể hiện một bà lớn tuổi đội cái mũ nhỏ, ở trong vườn, ôm trong tay một chú poodle. Bà hôn lên mõm nó.

— Elsie de Wolfe đó! - Emma kêu lên.

Hai người quay mặt nhìn nhau, ý thức là có cái gì đó mà họ không hiểu.

— Nghe này! Đặt tất cả mấy con chó này dưới mắt em là không phải Dan chút nào, - nàng vừa thầm thì vừa cúi đầu. - Không phải tình cờ đâu. Em hiểu ra rồi! Mấy con chó này hiện ra vì em đã để các dấu vân tay của em lên cái nắm cửa. Khi anh đặt dấu tay anh thì không có chuyện gì xảy ra. Tất

cả là ở đó, trừ sự tình cờ: đây là một thông điệp của Barett.

31

Ngày trước...

Một đường hầm dưới các mộ bia poodle! Em hình dung ra nỗi phấn khích của anh lớn chừng nào! Có gì ở dưới đó? Có gì ở đằng sau? Nếu anh có thể nhảy qua bức tường ngăn cách giữa biệt thự Trianon và công viên của lâu đài, hẳn là anh đã nhảy rồi. Anh chạy vội về phía cổng, tay cầm cái ra-đa của mình, để đến cổng ra vào công viên, gọi là cửa Saint-Antoine. Đằng kia, trước túp lều của mình, tên cho thuê xe đạp chưa từng thấy anh chạy nhanh như thế. Khi đến phía bên kia bức tường, anh bật máy ra-đa và đi dò từng bước trên bãi cỏ về hướng Grand Trianon, mắt nhìn chằm chằm vào màn hình. Con đường hầm mà anh đã nhận dạng lối vào có kéo dài theo hướng này không? Nó có đến gặp đầu vào phía kia, dưới căn phòng của Phu nhân de Maintenon không? Nếu đúng vậy thì tại sao hàng thế hệ những nhà nghiên cứu đã "thính chẩn" Versailles lại không tìm ra nó?

Anh đi được khoảng hai mươi thước. Và dần dần màn hình cho hiện ra những hình ảnh càng lúc càng ít rõ hơn. Đường hầm được đào quá sâu. Nhưng anh đi đúng theo hướng Grand Trianon. Và khổ thay, anh không thể đi khơi khơi thế này mà không ai để ý. Chuyện gì sẽ xảy ra nếu một nhân viên lâu đài bắt gặp anh? Anh vội vàng dừng bước.

Giải pháp tốt nhất vẫn là trở lại nghĩa địa các con chó và đào xuống. Elsie và đức ông chồng chắc đã bịt lại lối vào một cách sơ sài: xét cho cùng,

họ đâu tìm cách che giấu cái đường hầm. Tuy vậy, anh vẫn không thể hăm hở bắt tay vào việc ngay tối hôm đó. Anh không có sẵn các dụng cụ cần thiết, và nhất là tên gác dan Terry sắp sửa quay về.

Anh đã chờ đến ngày hôm sau và tìm ra một cái cớ mới để đẩy Terry đi xa. Anh gửi hắn đi xuống Orléans để nhận chở về một món đồ gỗ mà anh đã mua qua điện thoại từ một ông bán đồ cổ ở thành phố đó. Anh không muốn hắn phát hiện ra đường hầm bí mật đó. Không phải vào lúc này.

Anh đã suy nghĩ nát óc trong đêm qua. Và tái dựng trò chơi bí ẩn này. Anh hiểu tại sao lá thư của Elsie, nó đã khiến anh nảy ý mua ngôi biệt thự đó, báo tin cái chết của con chó xù cùng lúc với sự khám phá ra con đường hầm.

[...] Đường hầm bắt đầu từ ngay chỗ hai đứa mình ngày xưa thường ngồi uống trà – bạn còn nhớ chứ?

Tương quan giữa hai biến cố này thì không được đề cập đến, nhưng sự kết nối thì hiển nhiên. Charles Mendl và người làm vườn của ông đã phát hiện ra lối vào đường hầm qua việc đào mộ cho con chó. Chuyện này, như một hệ quả nhỏ, đã buộc họ đặt hầm mộ ra xa một chút.

Và cái bàn tròn bằng sắt rèn thì sao? Chắc là nó được đặt ở đó để mà Elsie có thể ngồi uống trà cùng với các con poodle yêu quý đã chết cũng như với các bạn bè thượng lưu của mình.

Tuy nhiên, để bắt đầu anh phải giải quyết một vấn đề kỹ thuật. Trái với điều anh đã hình dung, hai vợ chồng Mendl đã không chịu bịt lại lối vào đường hầm một cách qua loa: họ đã đóng chặt nó bằng một tấm xi-măng rồi lấp đất lên, và cỏ đã mọc trên đó từ lâu lắm rồi. Anh phải tìm ra một cái búa máy. Khó khăn thứ hai: để đến được nơi sâu kín của Grand Trianon, anh sẽ phải khai thông con đường hầm ngay tại chỗ mà nó sụt lở, cách ngôi

biệt thự hai trăm mét, nếu căn cứ vào lá thư của Elsie. Tóm lại, lần này anh cần sự giúp đỡ. Kín đáo, nếu có thể.

Anh đã dùng cái mánh mà một trong những bạn cũ người Pháp của em, người chuyên mua lại các xí nghiệp bị khó khăn, đã khuyên chúng ta, em nhớ không? Xem xét những khai trình mới đây ở tòa án thương mại về việc ngừng chi trả tiền bạc và tìm ra một xí nghiệp BTP[344] đang thiếu tiền. Kết quả tức khắc. Alvès, một người thợ nề người Bồ Đào Nha mà xí nghiệp của mình đã bị thanh lý ba tuần lễ trước đó, đến gặp anh. Mười lăm ngàn euro của anh và lời hứa sẽ có các việc khác – nếu gã biết giữ mồm, giữ miệng – là đủ.

Gã mất non nửa giờ để phá mở đường hầm nhưng mất đến gần bốn giờ để khai thông đất đá sụt lở và để gia cố đường hầm ở những chỗ suy yếu. Trong thời gian này, anh quan sát gã, giúp gã chuyện này, chuyện nọ, và che giấu sự nóng ruột của mình. Một khi đã mở được lối đi mà Elsie bịt kín, anh giành đi trước, vào sâu trong đường hầm, tay cầm một trong những cái đèn halôgien của Alvès rọi về phía trước. Gã thợ nề theo sau anh vài thước. Đường hầm hẹp, chạy theo hướng Tây-Nam về phía Grand Trianon, như anh đã nhận thấy bằng ra-đa. Nhưng tiến từng bước một dưới cái vòm hang này thật là mất sức: ta hầu như không thể đứng thẳng được. Mặt đất thì trơn trượt, giống như mặt đất ở các đường hầm nằm dưới lâu đài mà bọn mình, em và anh, đã tham quan với tên thợ ống nước. Đá trên đầu thì ẩm ướt, để rỉ ra những viên ngọc nước xói mòn đất bên dưới khi rơi xuống. Một số giọt nước nhỏ bị đá giữ lại thì làm lớn dần những thạch nhũ trên mà nhiều thế kỷ đã tạc thành. Ở đây không có những hang sâu và ngoằn ngoèo để có thể đặt vào những cây đèn nến có tay cầm; đường hầm này thì thô sơ hơn những cái khác ở dưới công viên nhỏ. Anh và gã thợ nề đi được khoảng một cây số thì không tiến thêm được, đường hầm một lần nữa đụng phải một vật chắn xây bằng đá. Đó có phải là thứ bịt đường hầm mà anh đã biết,

hay chính xác hơn, cái tương đương ở phía ngược lại? Ở đầu bên kia của đống đá này, và nằm trên đầu bọn anh một chút, có đúng là căn phòng ngày xưa của Phu nhân de Maintenon, ở ngay chỗ mà vào mùa thu vừa qua, Granier, Kathrin và anh đã ngừng cuộc tìm kiếm không?

Hướng đi - Tây Nam, khoảng cách - 1,1 cây số từ biệt thự Trianon, độ sâu - ba hay bốn thước dưới mặt đất – tất cả có vẻ chỉ ra là bọn anh chỉ ở vài mét cách căn phòng mà bọn anh đã "thính chẩn". Tất cả, trừ cái rađa. Nó như mù. Không một liên hệ nào với Grand Trianon hiện ra. Lớp đá tảng thì quá dày. Bọn anh đã nhận thấy như thế ngày hôm trước.

Nhưng lần này, máy tính rung lên đúng ngay lúc anh sắp sửa đóng màn hình lại và quay sang Alvès để bảo gã đi lấy các thỏi thuốc nổ. Hình ảnh hiện dần ra, cho thấy một lỗ hổng, ở phía bên phải, cách bọn anh ba thước. Cao một thước ba. Rộng năm thước vuông ở mặt đất. Cái phần mềm này thật chính xác.

— *Yeah!*[345]

Tiếng kêu chiến thắng của anh làm Alvès ngạc nhiên. Nhưng gã không buột miệng nói gì. Rõ ràng là gã đã hiểu rằng mười lăm ngàn euro mà gã sắp sửa nhận được cũng dùng để mua sự im lặng... Vừa đi, vừa về đến chiếc xe của mình, gã mất hết hai mươi phút. Gã biết phải làm gì sau đó. Cái ngòi dài. Ba thỏi thuốc nổ. Rồi chờ, bên ngoài, một tiếng nổ đục. Và để cho bụi bặm lắng xuống.

Khi bọn anh trở lại chỗ nổ, lớp đá đã bị phá banh. Một cánh cửa bằng kim loại hiện ra dưới các chùm tia sáng của những ngọn đèn soi. Alvès dùng vai húc mạnh: các bản lề cửa đã lung lay vì thuốc nổ, đành chịu bung ra.

Căn phòng bí mật đây rồi.

Nó thực sự nhỏ xíu và bọn anh chỉ có thể vào trong bằng cách ngồi xổm rồi nhấc chân mà đi từng bước một. Một con chuột chạy vụt qua giữa hai đùi làm anh buông tay thả rớt ngọn đèn. Alvès phóng một cú đá vào con vật và trượt chân ngã mạnh vào tường. Anh lượm cây đèn lên và điều khiển chùm sáng về phía cuối căn phòng. Trên mặt đất được soi bởi tia sáng vàng, hai chiếc rương nhỏ màu nâu viền bạc đợi anh đó. Anh tiến tới một bước, phấn khích. Và cũng do dự. Có phải vì xúc động không? Hay nỗi sợ hãi vì khám phá ra cái mà anh tìm kiếm từ ba năm nay? Tóm lại, có phải là nỗi sợ hãi vì thắng cuộc không? Những cái thùng này có cất giữ thực sự những tài liệu viết tay quý giá nhất của lịch sử nước Pháp không?

Các ổ khóa của chúng đều được khóa lại. Anh đưa tay nhắc thử chúng lên. Nhẹ một cách lạ lùng. Nhưng không trống không: anh cảm thấy như thế khi nghiêng nó qua một bên.

— Chúng không có vẻ đầy ắp vàng bạc! - Alvès thốt ra, sau lưng anh.

Gã hình như không ý thức được tầm quan trọng của sự phát hiện này lẫn sự trang trọng của nơi chốn này. Gã chỉ thấy hai cái rương xưa cũ han gỉ, bị bỏ quên ở đáy của một trong vô số đường hầm rạch ngang, xẻ dọc bên dưới mặt đất của thành phố hoàng gia.

— Yên tâm đi, tôi không đi tìm tài sản đâu, - anh trả lời.

— Vậy thì cái gì?

— Các giấy tờ.

Gã vừa liếc anh với ánh mắt tò mò cực độ, vừa soi rọi quanh căn phòng với cây đèn của mình. Cái thằng cha này là ai mà hứa trả cho mình mười lăm ngàn euro chỉ để đi tìm các giấy tờ cũ rích ở tận cùng một con đường hầm tăm tối? Vì anh cứ đứng im, mê tơi với sự phát hiện của mình, gã hỏi anh:

— Ta đưa chúng lên trên chứ?

Em có thể hình dung những ý tưởng đến dồn dập trong đầu anh khi bọn anh, tay ôm rương, đi trở lại con đường cũ về biệt thự Trianon. Niềm tin tự đáy lòng là anh rốt cuộc nắm trong tay một mảng Lịch sử mà anh đã khổ công tìm kiếm quá lâu. Niềm hãnh diện đã tìm thấy báu vật đã từng làm hàng thế hệ sử gia mơ ước. Và cả nỗi hoài nghi: các rương này có chứa đựng những tài liệu lưu trữ của vua Louis XIV, hay chỉ của vua Louis XVI không thôi? Và cái bình đồ của Le Nôtre có thực sự ở trong đó không?

Khi bọn anh đặt hai cái rương lên bàn ở hiên nhà, anh nhận thấy là chúng còn tốt so với tuổi chúng. Alvès mở khóa chỉ trong vài giây rồi đi rửa tay, qua đó muốn nói với anh là phần việc của gã đã xong. Gã không kéo nắp rương lên. Có lẽ gã đoán rằng anh muốn chỉ một mình anh tận hưởng sự phát hiện này.

Anh bước nhanh lên cầu thang, về phòng mình lấy mười lăm ngàn euro, rồi vừa đưa người thợ đang rất hài lòng này ra đến tận cổng, vừa che giấu sự nóng ruột của mình. Đóng xong cánh cổng, anh vội vàng chạy ngược lại trên lối đi có hàng cây tiêu huyền trồng dọc theo. Đột ngột, một nỗi nghi ngại khác trỗi dậy. Napoléon đã sử dụng từ trước, hay lấy ra một vài thứ trong số các tài liệu lưu trữ bí mật này để bỏ vào hồ sơ lưu trữ chính thức, thậm chí giữ riêng cho ông không? Vừa đến gần các cái rương quý giá của mình, anh vừa cảm thấy một nỗi xúc động lạ thường.

Sức mạnh xen lẫn với lo âu. Anh cảm thấy mình bất khả chiến bại, và run rẩy cùng lúc. Không một cuộc gặp gỡ nào với các quốc trưởng, không một phần mềm thiên tài nào, không một sự tăng vọt nào của cổ phiếu Controlware lại mang đến cho anh cảm xúc về sức mạnh và sự chóng mặt cùng lúc như thế này. Anh sắp sửa nắm trong tay những tài liệu mà chỉ có vua Louis XIV, Louis XV, Louis XVI và Napoléon xem xét trước anh. Tên bá

chủ của thế giới hiện đại đi vào nơi chốn của những tên bá chủ thời quá khứ. Kẻ nắm giữ những bí mật của tương lai đang đứng ở ngưỡng cửa của những bí mật của Lịch sử. Và có lẽ, bí mật của Thượng đế. Anh là một Moise[346] mới.

— Moise 2.0, - hẳn là em sẽ nói thế, giống như ngày xưa em thường trêu chọc về các tham vọng toàn cầu của anh.

Khi ngồi xuống trước hai cái rương, chính em là người anh nghĩ tới. Chỉ em thôi, và không ai khác, anh thề đó. Ước gì anh chia sẻ được giây phút này với em.

Anh mở cái rương lớn nhất trong hai cái. Nó chứa những bó giấy tờ ố vàng được buộc bằng dây băng hay tập hợp lại trong các bìa cứng được tô vẽ trên mặt. Anh đọc lướt qua các nhan đề và các tiêu đề và thấy ra ngay lập tức là từ "roi"[347] thì đôi khi được viết với chữ "i", đôi khi với chữ "y", như thể những tài liệu của thế kỷ XVIII nằm lẫn lộn với thế kỷ XVII. Dấu hiệu khả quan đấy.

Những tờ đầu tiên, ít nhất là ba chục tờ, là những bản danh sách, chia làm nhiều cột rộng, và đầy chữ viết khít nhau: "Họ tên / Tuổi / Mô tả nhân dạng." Rõ ràng đây là danh sách những người cần theo dõi. Một kiểu "nghe lén điện thoại" của thời "Ancien Régime"[348] đó, phải không? Những danh sách khác thì bắt đầu bằng từ "vụ": vụ "Calas", vụ "các thầy tu dòng Tên"... Anh đồ rằng vua Louis XIV đã lưu giữ ở đấy tất cả các báo cáo của công an mật.

Sau đó anh vùi đầu đọc cuốn sổ kế toán của "Ông de Colbert đệ trình vua nước Pháp", với tiêu đề "Versailles 1663-1685": những vị bảo quản viện bảo tàng ngày nay chắc là làm việc với những sổ sách đã được "sàng lọc" hay "làm nhẹ đi", vì vua Louis XIV khư khư giữ riêng cho mình những chi tiêu thực sự! Dấu vết của chi phí cho cái cầu thang nổi tiếng của Costello chắc

chắn còn ở đây, nhưng anh sẽ kiểm tra sau. Anh quá nóng ruột muốn khám phá tiếp nữa. Tuy vậy, một phát hiện khác khiến anh gần như quên bẵng điều mình đang tìm kiếm: "Tóm lược bản hiệp định được xác lập giữa ông Marie Joseph Paul Yes Roch Gilbert Motier, hầu tước de la Fayette, và ông George Washington, tổng tư lệnh quân đội Mỹ ngày 6 tháng 2 năm 1778". Nó chỉ có một trang, và vì nó được viết bằng tiếng Anh và tiếng Pháp, anh khỏi phải đọc hai lần để hiểu được giá trị lịch sử không thể tưởng tượng được của nó. Nó tiết lộ những lý do thực sự của cuộc ủng hộ mà nước Pháp dành cho "những kẻ nổi loạn" Mỹ trong cuộc chiến tranh giành độc lập! Sự hiện hữu của một hiệp định, em hãy nghe cho kỹ này, của một thỏa thuận bí mật giữa người Pháp và người Mỹ, một phụ lục cho cái hiệp ước hữu nghị, liên minh và thương mại nổi tiếng đó! Để đền bù cho sự ủng hộ của người Pháp chống Đế quốc Anh, người Mỹ cam kết, một khi giải phóng khỏi sự cai trị của người Anh, sẽ giúp đỡ nước Pháp (hồi đó đã sở hữu bang Louisiane, em nên nhớ nghe) trong cuộc tái chinh phục Canada! Nếu như hiệp định này được thực thi thì ngôn ngữ của Molière hẳn đã thống trị trên đại lục Bắc Mỹ vào đầu thế kỷ XIX rồi... Thế mà cuộc Cách mạng Pháp 1789 đã ngăn cản kế hoạch do vua Louis XIV khởi xướng này trở thành hiện thực đấy! Cuối cùng thì tên đại ngốc đó lại tỏ ra mưu lược hơn người ta tưởng. Và Bonaparte thì ít mưu lược hơn nhiều khi ta nghĩ đến chuyện vì nợ nần tứ phía mà ông ta đã bán đổ bán tháo vùng Louisiane với giá hai mươi triệu đôla-vàng, và như thế đã làm tiêu tan mãi mãi giấc mộng một nước Pháp trên lục địa Mỹ...

Anh mở chiếc rương thứ hai. Ở trong đó anh vẫn còn tìm thấy vài bó thư từ, các hiệp định và các bản tuyên bố. Chắc là lát nữa anh sẽ bỏ ra nhiều tiếng đồng hồ để đọc kỹ chúng cho vui. Và bên cạnh đó, anh cũng sẽ phát hiện ra tại sao con đường hầm này, nối Grand Trianon với ngôi biệt thự cùng tên, lại được đào dưới thời vua Louis XVI: nó cho phép ta rời khỏi lãnh

địa hoàng gia một cách hoàn toàn kín đáo. Em trai nhà vua, sau này là vua Charles X, có tính yêu thích đàn bà đẹp và những buổi hẹn hò tình tứ, là người đầu tiên sử dụng nó; lối đi bí mật đó đã giúp ông ở lại suốt đêm trong ngôi nhà nhỏ dùng khi đi săn bắn mà không ai nhận ra sự vắng mặt của ông ở lâu đài...

Nhưng anh không mất một phút, ngày hôm đó, để xem xét các tư liệu lịch sử quý giá này.

Anh đã không phải tìm kiếm lâu la.

Dưới những tờ giấy gấp làm tư, có một bình đồ. Anh cảm thấy hai bàn tay mình run rẩy khi anh cầm lên và mở ra.

Cuối cùng, chính nó đó.

Cái bình đồ nguyên gốc cho các ngôi vườn của Le Nôtre.

http://tieulun.hopto.org

32

— *Canis lupus*, nghĩa là sao đây?

— Chó giống sói. Tiếng La-tinh.

— Em có một tập tin có tên như thế.

— Cứ nhìn tiếp đi...

Emma và Pierre đã trở lại chiếc giường-đi văng trong phòng của Dan, và thay phiên nhau gõ lên bàn phím máy tính của ông ấy. Từ hơn một giờ rồi mà họ vẫn tìm những tập tin có mang từ "chó", những cuốn sách cuối cùng mà Dan đã số hóa về đề tài này, và tất cả những gì có thể liên quan đến người bạn tốt nhất của con người. Họ đã dịch từ "chó" và "chó xù" sang mười thứ tiếng để tìm một cái nghĩa kép mà họ không biết. Vô ích.

— Em thấy... - Emma lên tiếng sau khi nhìn tập tin *Canis lupus.* - Đây là danh sách các tin rao vặt. Em nhớ là Dan muốn so sánh giá một con chó thật với giá của Kagébé.

Pierre tỏ vẻ ngạc nhiên.

— Anh không hình dung ra là ông ta lại lo nghĩ về mấy thứ chi tiết nhỏ nhặt thế này!

— Ồ, anh biết đấy, Dan không bao giờ ở nơi mà người ta chờ đợi anh ấy.

Emma buông thõng hai tay xuống đầu gối, thở dài chán nản. Hay buồn

bã, nàng cũng chẳng biết rõ nữa. Pierre thì nghĩ ngợi, đứng bên cạnh cửa sổ, dùng ngón tay cào chỗ nối bằng thạch cao bị lồi ra.

— Chờ chút xem, - anh nói tiếp, quay mặt về phía nàng. - Và nếu Barett đơn giản muốn nói là phải tìm tại chỗ các con chó thì sao?

Nàng ngước mắt nhìn lên trần nhà.

— Vì anh nghĩ là ta đang làm cái quái gì ở đây?

— Không phải thế, anh muốn nói là tìm một cách thực tế ở chỗ các con chó: chỗ có cũi chó, rổ rá, cà mèn của chúng, sao anh biết hết được...

Chuông điện thoại reo lên khiến Emma không trả lời được.

— Brad đó! Cho em một phút nghe!

Nàng đứng dậy và đi đến cửa ra vào. Cuộc gọi của Brad đến không đúng lúc, nhưng – nàng liếc nhanh về đồng hồ đeo ở cổ tay phải – 1 giờ sáng ở San Francisco, và anh đã tìm cách gọi nàng suốt cả buổi tối. Không lẽ bây giờ nàng lại bảo chồng gọi lại sau.

— *How are you, babe?*[349] Anh lo lắng cho em quá. *Darling*[350], anh không thích khi biết em đang ở một nước như thế này.

Nàng suýt trả lời rằng Paris vào lúc này chắc chắn là không bị nguy hiểm hơn các thành phố lớn bên Mỹ. Và có lẽ số mệnh của cường quốc hàng đầu thế giới đang nằm trên bàn cân ở ngay đây. Nhưng nàng dằn lại. Cái làm nàng bực mình nhất, trong thực tế, là anh ta cứ gọi nàng babe. Bé. Dĩ nhiên, lời âu yếm nhỏ bé này thì còn thích hợp, mười năm trước, vào cái thời mà sự cách biệt tuổi tác giữa hai người còn rõ rệt hơn ngày nay, và cũng vào cái thời mà như ông bác sĩ phân tâm học của nàng đã giải thích, nàng tìm thấy nơi Brad "một kẻ thế vị người cha". Nhưng hiện giờ thì đâu còn như vậy nữa. Vả lại, nàng đã yêu cầu anh ta tìm một cái tên gọi âu yếm khác. Anh ta

từ chối.

— Dù có cố đi nữa, *darling*, anh vẫn không làm được.

Trên thực tế, ngay cả *darling* cũng không làm nàng hài lòng. Quá ước định. Không đủ tự phát. Nàng đi xa thêm vài bước trong hành lang: Brad nói to đến nỗi Pierre hẳn là có thể nghe được cuộc nói chuyện của vợ chồng nàng.

— Nghe này Brad, em có ít thì giờ lắm. Em đang bận... Vâng... Một chuyện rất quan trọng. Em sẽ nói với anh về chuyện đó lúc khác... Nhưng em cam đoan với anh là mọi sự sẽ ổn mà...

— Em vẫn còn ở Arromanches chứ?

— Không, em ở Versailles rồi, trong nhà của Dan.

— A! Ý hay làm sao! Ở đó thì an ninh cho em hơn! Rebecca có ở với em không?

— Chưa, nhưng em hy vọng là nó sẽ đến đây với em sớm.

Emma không muốn nói với Brad về đứa con trong bụng con gái mình. Anh ta sẽ biết nhanh thôi nếu đứa trẻ này thực sự có thật. Đêm qua nàng cứ suy đi nghĩ lại cái tin này, và nàng vẫn cảm thấy không tin được.

— Khi nào thì em trở về San Francisco, *darling*?

— Em không biết. Ngay khi em xong việc!

— Anh không thích khi biết em đang ở một nước như thế này, anh ta lặp lại.

Anh ta sắp sửa nói thêm gì đây? Anh ta thường xổ ra cả tràng dài về nước Pháp "cổ lỗ sĩ", "kiêu căng", "tự cho mình là có đầu óc sáng tạo trong khi các con số thì chứng minh ngược lại: số lượng các bằng sáng chế, sách, phim

ảnh, sự vắng mặt các nghệ sĩ đương thời...". Emma cảm thấy là việc mà Brad cứ nhấn mạnh, cứ nhai đi nhai lại đề tài này, đã trở nên nặng nề khó chịu. Đối với anh ta, người Pháp chỉ được cái kiểu mẫu trong lãnh vực tình ái thôi. "Chuyện này, ít ra là anh đã thử rồi", anh ta vừa nói, vừa liếc xéo nàng.

— Và đối với tổng giá trị cổ phiếu của anh ở Controlware, Emma này, em tư vấn cho anh làm gì đây? Cổ phiếu đó đang tuột dốc ở Wall Street, em có nghĩ là...

Emma suýt trả lời chồng mình: anh hãy chờ một hay hai ngày; nếu chúng ta thành công, cổ phiếu sẽ leo lên lại như tên bắn; nếu không, nó sẽ sụp đổ thực sự và kéo dài rất lâu. Vào lúc này, đối với nàng thì giả thuyết thứ hai có vẻ có khả năng xảy ra hơn cả. Thế nhưng, nếu nàng chia sẻ thông tin nội bộ với Brad, nàng tự đặt mình ra ngoài vòng pháp luật. Tội của người hiểu biết các bí mật mà cố ý lộ ra để trục lợi. Nàng không đùa với những chuyện này. Ở công ty Berkings & Shannon, nàng đã đuổi thẳng tay một trong những cộng sự đắc lực nhất của nàng bởi vì ông ta buôn bán những món chứng khoán nhỏ cho cá nhân mình bằng cách sử dụng những thông tin có được trong khuôn khổ công việc của ông ta. Phải "biến" khỏi văn phòng ngay trong giờ đó. Cho mười phút để thu dọn đồ đạc riêng. Nhưng không được mang theo máy vi tính, tất nhiên rồi. Emma chưa bao giờ tỏ ra cứng rắn như ngày hôm đó. Vì vậy, bây giờ nàng dứt khoát sẽ không cung cấp cho Brad các thông tin về Controlware. Và không chỉ do sự tôn trọng luật pháp: tận đáy lòng, nàng biết có điều nghiêm trọng hơn. Nếu nàng hối thúc Brad bán ra các cổ phiếu Controlware của anh ta, nàng hẳn sẽ có cảm tưởng là mình phản bội ký ức của Dan. Làm Dan chết lần thứ hai.

— Anh cứ làm theo ý mình đi, - nàng lẩm bẩm, - anh chắc chắn là có những thông tin tốt hơn em vào lúc này.

— Emma, có chuyện gì vậy? Em yêu, anh nhớ em lắm, anh...

Chuông reo báo hiệu có một cuộc gọi khác đang chờ đã cắt ngang những lời âu yếm của Brad.

— Rebecca gọi đó, em phải chấm dứt ở đây! Chúng mình sẽ nói chuyện lại tối nay. Hôn anh.

— Hẹn tối nay. Anh yêu em.

"Anh yêu em"... Trong khi chuyển sang cuộc gọi của Rebecca, nàng tự nhủ là Brad đã nói ra những từ này một cách máy móc, theo kiểu Mỹ. Nàng đã thấy trên bàn đầu giường của Brad cuốn sách nổi tiếng *"Les hommes viennent de Mars, les femmes viennent de Vénus"*[351]. Một thứ kinh nhật tụng của những cặp đôi hoàn hảo, những người biết đối thoại "xa hơn những sự khác biệt của họ". Điều răn số 1 (cho chàng): nói với vợ "anh yêu em" hai hay ba lần trong ngày để nàng cảm thấy được an toàn (và để mình yên thân).

— Mẹ! Mẹ ở đâu đấy? - Rebecca kêu lên, giọng nghẹn ngào.

Cô cũng đã tìm cách liên lạc với Emma cả hai chục lần từ ngày hôm trước.

— Con yêu, mẹ đang ở Versailles, trong nhà của Dan Barett. Biệt thự Trianon, mẹ đã nói với con về nó rồi. Mẹ muốn con đến đây gặp mẹ. Mình thảo luận dễ dàng hơn khi đối diện nhau, phải thế không?

Nàng cảm thấy cô con gái tỏ vẻ tránh né.

— Mẹ biết đấy, *mom*, chẳng có gì để mà thảo luận cả. Con đã quyết định rồi. Con muốn giữ đứa bé.

— Nghe này, mình không nói về chuyện đó ngay bây giờ! Điện thoại có thể bị cắt lúc nào không biết. Nhưng có một đứa con thì trách nhiệm nặng nề lắm đấy...

— Lại chính mẹ nói ra điều này à?

Emma nhắm mắt. Con gái nàng đã chỉ ra chính xác nỗi đau nơi nàng. Nàng đành bỏ qua lời nhận xét của con.

— Con có muốn lấy cây bút chì và ghi lại địa chỉ không? Số 57 đường Faubourg-Saint-Antoine. Con đến ngay khi có thể, đồng ý không nào? Chiều nay được không?

Emma tắt máy mà không nhận được câu trả lời thực sự và tự nhủ là Rebecca sẽ không đến đâu. Rồi nàng trở lại phòng "Moi", bứt rứt trong người. Pierre liếc nhìn nàng. Nàng thấy và hiểu là anh đã đoán được tình trạng bối rối nơi nàng. Emma không thể che giấu những dấu hiệu lâm sàng của sự phiền lòng. Đôi mắt trông như co lại. Ở dưới, phía bên trái, gân xanh đột ngột trở nên thấy rõ. Khóe môi giãn dài ra về phía dưới. Pierre đã thấy ra tất cả. Anh không có ý hỏi han nàng.

— Anh đang nói gì đó trước khi em trả lời điện thoại?

— Anh nói là ta phải lục lạo những nơi chốn mà mấy con chó của Elsie đã sống.

— Ngoại trừ chuyện là ta không biết ở đâu...

— Có hai cái cũi chó, gần cổng ra vào và dọc theo lối đi, khi chúng ta đến tối qua.

Anh có lý. Nàng cũng đã tự hỏi hai cái đó dùng để làm gì: ở đầu các dây xích thì không có chó. Có lẽ chúng nó ngủ ở chỗ tên gác dan à?

— Ta đi đến đó chứ?

Emma không có thì giờ để trả lời là nàng không chắc chắn đã thấy hai cái cũi đó vào lần đầu tiên nàng đến ngôi biệt thự; Pierre đã ra khỏi phòng rồi.

Họ lao xuống cầu thang và vội vã chạy vào sân. Đã gần 11 giờ và không

một áng mây nào ngăn mặt trời rọi nắng xuống đằng kia, sau lưng họ, trên Grand Canal, Orangerie, hai Trianon. Sắc da màu chì của Apollon chắc sáng rực lên, lấp lánh ánh phản chiếu vàng. Có những ngày như thế này, Pierre chợt nghĩ, ngày mà các thiên thần (Thượng đế?) đã quyết định ra tay cọ rửa sạch sẽ Versailles. Một ngày như vậy có thể nào chấm dứt bằng một ngày tận thế không?

Pierre dằn lòng, không nắm tay người đàn bà trẻ đang chạy bên anh trên lối đi.

Họ đến chỗ lưới sắt, thở hổn hển. Phía bên phải, dưới những cây cao bóng cả, hai cũi chó bằng gỗ nằm đối diện căn nhà nhỏ của tên gác dan. Cũi thứ nhất cao chừng một thước, bằng gỗ thông sẫm, trông giống như nhà gỗ ở miền núi. Phía trên cánh cửa, gỗ được thay bằng những miếng ca-rô thủy tinh màu, giống như thỉnh thoảng ta thấy ở cửa sổ các tiệm ăn. Cũi thứ hai, bằng gỗ sáng, trông cổ điển hơn.

— Cái đó thì người ta tìm được trong tất cả các tiệm bán đồ làm vườn, - Emma bắt đầu.

— Cái kia, ngược lại, sẽ làm vui mấy anh bán đồ cổ đó, - Pierre thêm vào.

Ngay khi họ vừa ngồi xổm trên mặt đất để nhìn vào bên trong thì Terry đi ra từ căn nhà mình đi ra. Emma đứng lên, bước về phía hắn.

— Bọn tôi đang tìm một đồ vật nhỏ mà Dan Barett có thể cất giấu trong cái cũi chó đó, - nàng giải thích.

Terry phì cười.

— Ông Barett mà làm thế sao?

— Tại sao không chứ? - Emma đáp trả, tức mình.

— Đó là cái cũi của Galaad. Một con chó béc-giê Đức to lớn, hiền lành

với con nít nhưng dữ tợn với người lạ. Ông Barett bao giờ cũng tránh xa nó. Ông thích con chó điện tử hơn.

— Dù sao thì cũng nhìn qua một chút, được chứ?

— Nếu bà không ngại áo quần lấm đất...

Pierre, hai tay chống trên lớp sỏi, xem xét cái cũi lớn dưới tất cả các góc độ. Trống trơn. Emma chỉ đứng nhìn. Khi anh sắp sửa quay sang cái cũi nhỏ nhất thì nàng kêu lên:

— Pierre, em có ý này! Em biết chỗ mà Dan cất giấu tập tin đó!

Pierre nhìn trộm nàng và tiếp tục công việc cho đến khi xong, không nói một lời. Nàng lúc nào cũng tiến quá nhanh. Nàng quay sang Terry.

— Kagébé! Kagébé đang ở đâu ngay lúc này?

— Trong cũi của nó... hay nói cho đúng hơn, không phải đó: nó đang sạc điện trong bếp nhà tôi.

— Nhanh lên! Ta đi đến đó!

Nàng ra dấu cho Pierre đi theo đến căn nhà nhỏ của tên gác dan. Emma chưa từng bước vào trong đó. Căn nhà bé tí, hư nát và trang bị sơ sài, với một mảnh vườn nhỏ chỉ có độc chiều dài. Cửa thì mở ngay vào phòng khách mà ta phải đi ngang qua để vào bếp. Một cái bếp đàn ông, Emma nghĩ thầm. Trên các kệ chất lộn xộn hàng chục thứ dụng cụ dùng trong việc sửa chữa linh tinh: búa, kềm, chìa khóa, máy khoan nhỏ, máy cưa cầm tay... và ngay cả một dụng cụ dùng để mở cuộn ru-băng kim loại cho phép ta cột các gói đồ hay giữ cho chặt các kiện hàng được đặt trên tấm sàn gỗ nhỏ cho dễ di chuyển.

Con chó rô-bốt đang ngồi trên mặt bàn bằng ván nhựa cứng lốm đốm nhiều chỗ bị cháy, hai cẳng sau gập lại, có dây nối vào ổ cắm điện. Emma

ghi nhận sự tương phản giữa cái vật dụng xa hoa bằng ti-tan và cảnh bần cùng của nơi chốn này. Chắc chắn là Dan đã không hình dung những chuyện như thế. Terry chắc là say mê con chó điện tử này lắm và nhận "nuôi" nó.

— Tôi chắc chắn là Dan đã giấu một cái USB dưới bụng nó, - Emma nói. - Hay một con chíp chứa đựng những hàng mật mã.

— Tôi không nghĩ vậy, - Terry đáp trả. - Bà biết đấy, tôi đã quan sát nó kỹ lưỡng... Tôi không nghĩ rằng Kagébé cất giấu bất cứ cái gì, không ở dưới bụng cũng như không ở bất cứ chỗ nào khác.

Pierre rút dây điện khỏi con thú, nhấc nó lên một cách thận trọng. Anh cảm thấy ánh mắt nghi hoặc của tên gác dan hướng về phía anh.

— Anh đã tháo nó ra chưa?

— Tôi không dám liều như vậy!

— Tôi có thể mang nó đi chứ?

Bộ mặt của tên gác dan trở nên cau có.

— Nếu ông mang nó trả lại tôi trong tình trạng hoạt động tốt...

Emma nói với Pierre là nàng sẽ gặp anh sau và nhìn anh rời đi về phía biệt thự, tay ôm con chó. Nàng muốn nói chuyện với Terry, mặt đối mặt thì dễ hiểu nhau hơn.

Nàng chất vấn tên gác dan hơn nửa tiếng đồng hồ. Barett đã gặp ai trong những lần cuối cùng ông đến đây? Ông đã làm gì? Ông đã chỉ đạo các công việc chỉnh trang cuối cùng ra sao? Có lẽ có một chi tiết nào đó mà nàng không biết tới. Nàng không nên bỏ qua bất cứ hướng tìm tòi nào.

— Bà có biết ông bị cái gì ám ảnh khi ông đến đây hồi tháng bảy không? - Terry đột ngột hỏi từ chỗ ngồi cạnh bàn ăn trong bếp.

Emma để ý là màn hình kiểm soát của ngôi biệt thự ngồi chễm chệ trên mặt bàn cạnh bồn rửa chén.

— Không, vậy nói tôi nghe đi.

— Bạch quả. Bà biết đó là cái gì chứ?

— Một loại cây ư?

— Đúng vậy, thưa bà Shannon, nhưng không phải bất cứ loại cây nào! Cây bạch quả của biệt thự Trianon đã bị trốc gốc một phần trong cơn bão lớn vào năm 1999. Ông Barett yêu thích cây này lắm, ông đã làm tất cả để cứu nó.

— Thật vậy à? Ông ấy không bao giờ nói với tôi về nó cả. Nó ở đâu, cây bạch quả đó?

— Ở cuối vườn, gần bức tường bao quanh nhà. Nó tỏa bóng mát xuống các ngôi mộ.

Emma mở to mắt.

— Các ngôi mộ à? Bộ có nghĩa địa ở đây sao?

— Ủa, bà không thấy à? Nghĩa địa các con chó. Phu nhân Mendl yêu thích mấy con chó xù lắm và...

Nhưng Emma không nghe hắn nữa.

Hắn thấy nàng chạy vụt đi, vòng tránh ngôi nhà và hướng về phía bức tường ngăn cách ngôi biệt thự Trianon với công viên của lâu đài. Mộ các con chó! Nàng chắc đã nhìn thấy chúng, vào lần đầu tiên mà Dan đưa nàng đi xem ngôi vườn. Nhưng lúc đó nàng chỉ muốn nhìn cái hồ bơi ngoài trời – bể nước cũ của Phu nhân Mendl - rạp hòa nhạc và những lối đi nhỏ dưới bóng cây, sống động với những bức tượng đặt hai bên.

http://tieulun.hopto.org

Nàng nhận ra từ xa dáng cao lớn của cây bạch quả, thân hơi đỏ, lá hình bướm. Nàng từng nghe nói là những cây này – những hóa thạch sống đích thực, hiện diện từ thời kỳ khủng long – có giới tính. Nhưng bây giờ không phải là lúc tự hỏi nó đực hay cái.

Bên tay phải nàng, bốn tấm bia bằng cẩm thạch được đặt ngay hàng sát bức tường. Emma bước lại gần, chậm chân hẳn lại, không gây ra tiếng động, giống như mỗi khi người ta đến gần một ngôi mộ. Bốn nấm mồ đều mang mỗi cái một bức ảnh một con chó xù thu nhỏ trong khung bầu dục. Những dòng chữ tưởng niệm khắc trên cẩm thạch thì không thể đọc được, bị phủ bởi rêu xanh và bụi bặm. Emma tin rằng đã phân biệt được một chữ "J" và một chữ "Y" trên một tấm bia, và một niên đại, "1922", có lẽ thế, trên một cái khác. Elsie de Wolfe chắc say mê các chú chó của mình đến mức chôn cất chúng như thế, giống như con người. Emma hình dung bà ấy, vào buổi tối, dưới ánh trăng trong vườn, ngồi khóc các con poodle của mình. Phu nhân Mendl, ngày nay, có làm y chang như vậy đối với Kagébé không? Tại sao không chứ... Emma đã từng chứng kiến nhiều người đàn ông ôm hôn máy tính của họ.

Cách các nấm mộ vài thước, một cái bàn và bốn cái ghế bằng kim loại, phong cách Art nouveau, nằm kề bên một đài nước có hình dạng chậu nước thánh, trên là tượng Amour bằng thạch cao. Một vài giọt nước lười biếng rơi xuống từ miệng con cá mà thằng bé cầm ở tay. Emma dùng mấy đầu ngón tay phủi bụi một chiếc ghế, ngồi xuống và ngắm các mộ bia. Sự tĩnh mịch nghĩa địa luôn cuốn hút nàng. Ở những nơi chốn đắm mình trong sự lặng im và nỗi buồn man mác như thế này, nàng cảm thấy thoải mái lạ lùng.

"Elsie đã không xây những nấm mồ này bất kể chỗ nào," nàng nghĩ. "Các thầy tu cũng thế, họ đã chọn những địa điểm tuyệt vời để xây tu viện. Hơn nữa, bà có đất rộng. Bà hẳn có thể chôn cả một vườn thú ở đấy cũng được

mà.”

Tinh thần thực dụng của nàng tác động mạnh trở lại. Nàng vẫn ngồi im tại chỗ, trước các tấm bia quá ngay hàng thẳng lối. Một chi tiết làm nàng bận tâm. Vừa rồi, khi các bức ảnh lần lượt hiện ra trên màn hình trong phòng nàng, không phải là có ba nấm mộ mà nàng thấy ở hậu cảnh sao? Nhưng ngay đây, trước mắt nàng, lại có bốn cái.

Nàng chạy về ngôi biệt thự, vội vã đi vào căn phòng mang tên nàng. Nàng cho các bức ảnh hiện lên lần lượt trên màn hình, và lần này thì chăm chú đọc các chú giải được in chồng lên ảnh.

Troop, sinh năm 1908, từ trần năm 1915

Be-bop, sinh năm 1919, từ trần năm 1922

Jelly, sinh năm 1922, từ trần năm 1932

Sau đó hiện ra hình ảnh của Elsie de Wolfe đứng chụp trong vườn với con chó xù: Phu nhân Mendl với Moon, tháng 7-1949. Ở hậu cảnh, người ta nhận ra bức tường bao quanh nhà. Emma bước lại gần màn hình. Sau lưng Elsie, bà được chụp cả người, ta thấy rõ ba nấm mồ. Hai trong ba cái thì nằm kề nhau, và cái thứ ba thì xa ra khoảng hai thước.

— Pierre ơi! Đến xem này! - Nàng kêu lên.

Anh chuyên gia tin học đang xem xét con chó rô-bốt trong phòng bên cạnh, tức phòng của Dan, nghe gọi liền đến ngay, không thấy bực khi công việc bị ngưng ngang. Anh đã không tìm được cái gì, trên hay trong Kagébé. Và vặn lại các con vít cho đúng chỗ khiến anh bực dọc. Phức tạp hơn khi lắp ráp giàn bếp Ikea của Clara trước khi đi nghỉ hè.

— Anh thấy đấy, - Emma vừa nói, vừa chỉ bức ảnh sau khi kể cho anh nghe những gì nàng mới vừa phát hiện trong vườn. - Ảnh này được chụp

một năm trước khi Elsie chết vào năm1950, và trên ảnh thì chỉ thấy ba nấm mộ. Nấm mộ thứ tư rất có thể là của Moon, con chó mà bà ôm trong vòng tay. Nhưng nếu đúng như vậy thì tại sao mộ của nó lại nằm ngay giữa ba cái mộ kia mà không phải là nối tiếp? Tại sao Elsie trước hết đã để dành một khoảng đất trống giữa hai mộ đầu và mộ thứ ba?

— Không có tên trên các nấm mộ sao? - Pierre hỏi.

— Có chứ, nhưng không thể đọc được, anh đến xem đi...

Ánh nắng mặt trời làm hai người chói mắt thêm một lần nữa khi họ bước qua cánh cửa ở hiên nhà. Mặt trời sắp sửa đúng ngọ và nóng bức hầu như không thể chịu được, ngay cả dưới bóng cây bạch quả. Pierre ngồi chồm hổm gần một tấm bia và dùng ngón tay chùi hàng chữ khắc trên đá.

— Không thể đọc được đâu, em nói rồi, - Emma nhấn mạnh.

Pierre mỉm cười bí ẩn.

— Chưa chắc... Đừng đi đâu hết, anh quay lại ngay!

Năm phút sau anh đến với một xô nước và một cái chậu đựng đầy cát mịn. Anh đặt chúng xuống trước các nấm mộ rồi lấy ra từ túi một cây cọ.

— Mấy thứ này có làm em nhớ đến cái gì không? - Anh hỏi, không quay mặt lại.

Như anh đã làm trước đó ở nghĩa trang quân đội Mỹ, Pierre bắt đầu phủ phía trên các tấm bia bằng cát ướt. Trời nóng đến độ lớp bột nhão màu nâu hầu như khô ngay tức khắc. Rồi anh dùng cây cọ quét cẩn thận xung quanh các chữ khắc trên đá. Emma đứng bên cạnh anh, không dằn nổi sự nóng ruột, đánh vần các chữ lần lượt hiện ra. Khi Pierre đứng dậy, các hàng chữ đã có thể đọc được.

Emma đọc to:

Troop, 1908-1915

Be-bop, 1919-1922

Ours, 1950-1964

Jelly, 1922-1932

Rồi cả hai người đều bất động, kinh ngạc, trước tấm bia thứ ba, cái đã không có mặt trong bức ảnh của Phu nhân Mendl.

— Con chó này không thể nào chôn ở đây năm 1964 được! - Emma kêu lên. - Elsie đã chết từ mười bốn năm trước! Vả lại, anh đã thấy rõ trên bức ảnh: con chó xù cuối cùng của bà mang tên Moon, chứ không phải Ours!

Pierre không trả lời ngay.

— Và anh thấy đây chứ? Nó có tên Pháp, con chó đó. Lạ lùng thật! Tại sao lại là "Ours"?[352] Lẽ ra nó phải mang tên Bear[353] chứ? Anh có nghĩ rằng, với thời gian, Elsie càng ngày càng cảm thấy mình Pháp không? Dù sao, cũng lạ lắm...

Pierre đang ngồi dưới đất bỗng đứng bật dậy.

— Emma, hãy lặp lại lời em vừa nói!

— Dù sao, cũng lạ lắm?

— Không phải, không phải câu này, cái câu ngay trước đó!

— Tại sao con chó xù cuối cùng lại có tên Pháp, "Ours"?

Pierre nhìn nàng chằm chằm. Nàng đã không phát âm "ours" cùng một cách giống như lần đầu. Dù là nói tiếng Pháp một cách hoàn hảo, nàng vẫn đưa vào, dĩ nhiên là không để ý, một chút âm "z" trong âm "s".

Anh siết chặt hai nắm tay.

— Ours, Emma! Anh hiểu ra rồi! Đó không phải là một từ Pháp! Đó không phải là dịch từ bear ra! Đó là ours tiếng Anh, có nghĩa là...

— Ours? Như *yours*[354] vậy hả? Nói cách khác: "của chúng ta", đúng không nào?

— Của chúng ta... hay "le nôtre", Emma ơi! "Le Nôtre"!

33

Ngày trước...

Anh ngồi xuống trên thảm ở hiên nhà và anh trải rộng tấm bình đồ dưới đất, trước mặt mình.

Đó là một kỳ quan nhỏ. Một bản vẽ đẹp bằng than chì, bằng bút lông và mực đen, được các màu xanh và lục rất nhạt làm nổi lên. Sự ẩm mốc không phá hại nó, dù trải qua mấy thế kỷ nằm dưới lòng đất. Những đoạn đường thẳng và những đám cây trồng được thể hiện bằng những hình dáng cây cối và cái bóng song sinh của chúng; những cánh đồng canh tác thì được kẻ bằng màu nước đơn sắc, đồng cỏ thì màu xanh lá xây nhạt và những con sông màu xanh dương, được kéo dài tới bờ bởi các hiệu ứng bóng chồng lên. Nó ít lớn hơn anh tưởng (rộng khoảng một thước), và gồm hai tờ giấy lớn được ghép và dán lại trên một tấm bìa dày.

Tài liệu này không mang chữ ký của Le Nôtre. Vào thời đó, các tác giả hiếm khi ký tên dưới các công trình của mình, thường là do các cộng sự thực hiện một phần trong xưởng vẽ. Nhưng nó có ghi niên đại: 1662. Đối với anh, niên đại này có giá trị bằng tất cả những con dấu và tất cả những chữ ký. Giống như cái bình đồ năm 1664 do một nhà nghiên cứu trẻ người Pháp phát hiện, và anh đã có dịp xem xét tận mắt ở Thư viện quốc gia Pháp, bình đồ của anh cũng có hình trang trí chìm với một *croix de Malte*[355] được vẽ nội tiếp, và dấu đóng thêm của nhà sản xuất giấy: *BC*, viết tắt của *Benot*

Colombier.

Anh biết thấu đáo những bình đồ của các ngôi vườn ở Versailles, qua tất cả các thời kỳ. Nhờ vậy, anh nhận thấy, qua cái nhìn đầu tiên, là bản vẽ mà anh đang nắm giữ, trong thực tế chỉ là một "dự định". Nói cách khác, nó là một đồ án chưa bao giờ được thực hiện (hay chỉ một phần), chứ không phải là bản ghi chép một tình trạng hiện hữu. Bộ khung của công viên hiện ra trong đó, với tất cả những sơ đồ quen thuộc – các lối đi, các khóm cây, các bể nước. Nhưng ở vào vị trí của cái ao nhỏ trong tương lai, mang tên des Suisses, là một bể nước lớn hình bát giác được một hàng cây viền quanh. Và, đây là sự ngạc nhiên thứ hai, trong hình chữ nhật lớn làm bãi cỏ đặt giữa bồn hoa Latone và bể nước Apollon lại có "lối đi hoàng gia của Tapis vert" kéo dài ra. Vâng, cũng là lối đi ngày nay đó! Trong khi nó lại không hiện hữu ở bình đồ năm 1664! Làm sao có thể như vậy được? Tại sao Le Nôtre đã vẽ lối đi đó năm 1662, rút nó ra năm 1664, rồi lại vẫn cho làm ra nó năm 1667? Ông ấy có ân hận không? Nhà vua có đổi ý không, có chấp nhận vào cuối thập niên đó những gì mà mình đã từ chối hồi đầu thập niên?

Anh nhìn cái bình đồ. Anh vuốt ve nó bằng mắt. Anh cảm thấy mồ hôi chảy sau gáy. Đó là vào đầu mùa hè. Trời không nóng lắm, nhưng sau cái mát mẻ dưới lòng đất, hơi ẩm nơi hiên nhà đầy ánh nắng làm anh nổi cơn sốt nhẹ. Trừ phi đó là nỗi xúc động... Thông thường, anh là người giỏi che giấu sự bối rối của mình mà. Em đã trách anh khá nhiều về chuyện này, phải thế không? Dù sao thì em hãy thừa nhận là, nếu anh trở thành người giàu có nhất nước Mỹ, đó chính là cũng nhờ một phần vào cái tài năng này. Để tạo dựng tài sản, ta phải là sư phụ trong nghệ thuật che giấu tình cảm của mình, nếu không phải là sư phụ trong nghệ thuật thải chúng ra khỏi người mình.

Đối diện với bình đồ của Le Nôtre, anh thấy xúc động – anh có thể thổ lộ

với em đó – hơn là khi Kevin ra đời. Có lẽ xúc động hơn cả Champollion[356] trước miếng đá Rosette[357]. Hơn cả Archimède[358] trong bồn tắm. Hơn cả John Suter trên con sông của ông ta ở California, vào cái ngày ông phát hiện những vảy vàng đầu tiên đãi được trong cát. Anh có cảm giác đang sống một trong những giờ phút hiếm hoi trong cuộc đời một cá nhân, giờ phút mà Lịch sử được viết lên.

Lịch sử, em biết đấy – bọn mình, em và anh, rất thường tranh luận về nó -, không tiến tới một cách liên tục, theo đường thẳng, vững vàng. Nó đi dò dẫm từng bước, giống như một nhà nghệ sĩ, nhà nghiên cứu, nhà thám hiểm. Nó chở theo hàng ngàn giờ, nhàn rỗi hay hoạt động, nhưng không có gì đáng để ý so với những thế kỷ. Nhà họa sĩ phác thảo, vẽ nháp, đi, đến, trở lại, xé, xóa, vẽ lại trong cái tĩnh lặng của xưởng họa. John Suter băng qua nỗi cô độc các vùng thảo nguyên, rừng núi để ra đến biển.

Rồi, một ngày kia, ánh chớp xuất hiện đột ngột. Sự soi sáng. Sự khám phá làm mọi sự thay đổi. Ở đó, vào những khoảnh khắc hiếm hoi, tuyệt vời hay khủng khiếp, Lịch sử run rẩy và tiến tới. Một tuyệt tác ra đời. Một thiên tài xuất hiện từ đám đông hàng triệu con người mỗi ngày sinh ra, lớn lên, rồi chết, vô danh trong cõi thiên thu. Mozart soạn nhạc cho vở *Ống sáo thần diệu.* Picasso vẽ *Các cô gái ở Avignon,* Suter phát hiện *những vảy vàng trong dòng nước.* Và lịch sử thế giới thay đổi. Một giai điệu được ghi vào lịch sử âm nhạc. Một tuyệt tác soi chiếu ra cả ngoài thời đại của nó. Số mệnh của California chao đảo. Em còn nhớ câu của Paul Valéry mà em đã nện cho anh, vào một ngày mà em muốn giành phần thắng không? “Lịch sử kéo dài bằng phương tiện, tiến tới bằng cực điểm.” Giỏi lắm! Anh gần như thấy tiếc là mình đã không theo học các môn nhân văn ở trường Sciences-Po như em.

Anh có cảm giác là mình đang sống vào một trong những khoảnh khắc

cực điểm này.

Anh nhanh chóng nhận ra là có những khác biệt khác nữa giữa cái bình đồ mà anh nắm giữ và các ngôi vườn của lâu đài. Chỉ là những chi tiết thôi mà, dưới mắt một người quan sát thờ ơ. Nhưng từ lâu rồi anh không còn là một người quan sát thờ ơ nữa trước những tuyệt tác của Versailles.

Công việc của anh trở nên dễ dàng hơn nhờ chuyện các bể nước đều có lời ghi chú: chúng mang một chữ viết hoa dẫn đến tên đầy đủ của chúng, viết tay bằng chữ thường, ở bên dưới bình đồ. Sau đó là một phát hiện cũng làm ngạc nhiên không kém, tức là anh thấy ra một vài bức tượng được "cách điệu hóa": vài nét vẽ của Le Nôtre diễn tả sơ qua hình dạng những bức tượng sẽ trang trí những bể nước chính.

Latone! Tượng bà nổi bật ngay đó, được đặt cùng một chỗ như ngày nay, ở giữa bể nước của bà, nhưng chưa đưa lên cao. Nhưng mặc dù vậy, bà không ở tư thế thường lệ của mình. Bà mẹ của Apollon không quay mặt về phía lâu đài, giống như lúc ban đầu, cũng không về phía bể nước Apollon, giống như hiện nay, nhưng... giữa hai phía đó.

Laton nhìn về phía bể nước nằm bên trái bà, trong vườn hoa, một trong hai cái bể nước Lézard.

Nhưng bể nước này không mang tên bể nước Lézard mà mang tên bể nước Jupiter.

Jupiter, thần của các vị thần, người tình của Latone! Anh đã thấy bản vẽ nháp đài nước này ở Viện bảo tàng quốc gia Stockholm... Bây giờ anh nhớ lại nó đây. Jupiter, vũ trang bằng chùm tia lửa, hiện ra cứu vớt người tình sủng ái nhất của mình và trút cơn thịnh nộ xuống đám dân quê ở Lycie đã phạm tội đối xử tồi tệ với nàng và các đứa con.

Bể nước Lézard kia, cái nằm bên phải Latone đó, vẫn mang cùng tên như

ngày nay.

Anh không tin vào mắt mình trước việc này. Đoạn truyện thần thoại này, được thể hiện như thế trong các ngôi vườn, thì không tương ứng với bản vẽ ban đầu của Le Nôtre. Nó bị cắt xén. Từ khởi thủy, ông đã muốn minh họa ba cảnh: *Latone cầu xin vị thần của các vị thần trừng phạt đám dân quê đã hạ nhục bà.* Cảnh hai: *Jupiter nghe được lời kêu cứu của bà và ra tay.* Cảnh ba: *những kẻ phạm tội bị biến thành cóc.*

Trên bình đồ mà anh đang cầm trong tay, ba giai đoạn này rất tương đồng với ba bể nước. Chúng được đặt theo hình tam giác, và đương nhiên người ta đọc trình tự các diễn biến theo chiều kim đồng hồ.

Thế nhưng, các ngôi vườn Versailles không hề được tạo lập như thế cả. Tất cả các bình đồ tương lai, tất cả các bản vẽ thực hiện sau đó đều gạt bỏ cảnh hai.

Người ta đã "quên" Jupiter.

Người ta đã cho ông ra rìa, ông, vị thần tối cao, chúa tể thế gian. Vườn hoa Latone bao giờ cũng gồm hai bể nước Lézard, giống nhau thấy rõ. Cuối cùng thì anh hiểu tại sao sự đối xứng này trông có vẻ nghèo nàn quá – dưới mắt Costello trước tiên, rồi dưới mắt Kathrin và anh. Đó không phải là kiến trúc mà Le Nôtre từng mơ ước.

Hai con thằn lằn thế chỗ cho Jupiter! Tại sao Le Nôtre lại thỏa mãn với một biểu tượng quá ư nghèo nàn như thế? Và tại sao không một người nào, sau ông ấy, dám bố trí trong công viên Versailles một chỗ trung tâm cho vị thần của các vị thần?

— Ông Barett?

Terry vừa xuất hiện ở cửa ra vào hiên nhà. Hắn gần như làm anh sợ. Vậy mà chính anh đã cho phép hắn đi vào không cần gõ cửa, không cần bấm

chuông.

— Nhà thầu mà ông cần gặp về chuyện mái nhà đã hủy cuộc hẹn. Ông ta hỏi có thể đến ngày mai được không.

— Thật là kỳ lạ... Không một ai biết coi trọng cuộc hẹn trong cái xứ này sao?

Anh chưa bắt đầu công việc sửa chữa nhà cửa ở đây – trừ trong vườn – mà chưa gì anh đã bực tức vì giờ giấc cao su và cách làm việc cầm chừng của đám thợ địa phương. Thế mà người Pháp lại không muốn để thợ ống nước Ba Lan vào làm việc ở Pháp!

Anh chờ Terry đi khỏi sau khi bảo hắn dời cuộc hẹn vào lúc sớm nhất sáng ngày hôm sau, rồi anh chúi đầu lần nữa vào bản vẽ của mình.

Jupiter, Latone, Apollon: người cha, người mẹ, đứa con trai. Mọi sự xuất phát từ bộ ba này. Tại sao Louis XIV không bao giờ cho thực hiện bộ ba này? Tại sao Jupiter không bao giờ được thể hiện bên cạnh ái phi của mình? Có phải Le Nôtre qua đó muốn nói đến sự vắng mặt của một Thượng đế tối cao hay sao? Thật là hết mức! Khi mà ngược lại, anh tìm kiếm bằng chứng cho sự hiện hữu của Ngài... Chắc chắn là có mối liên hệ giữa công thức thần linh và đoạn truyện bị cắt xén này, nhưng là mối liên hệ nào đây chứ?

Trong khi anh xem xét kỹ lưỡng cái bình đồ thì một ý tưởng đến trong đầu: Louis XIV, còn gọi là Apollon, có lẽ muốn giết người cha, trong vô thức. Bằng cách gạt Jupiter qua một bên, ông thấy yên tâm mà cai trị như một chúa tể tuyệt đối. Nhưng giả thuyết này thì quá ư đơn giản, và sai lầm: ngược lại là đàng khác, Thái Dương Vương đã chọn Versailles vì địa điểm này trước đó là nhà nghỉ khi đi săn của vua Louis XIII. Như thể để bày tỏ lòng tôn kính đối với cha mình. Và ông đã ra lệnh không phá hủy cái lâu đài nhỏ có từ đầu mà cho nó hòa nhập vào những kiến trúc mới. Cái ý tưởng

giết cha này, chỉ là thứ tâm lý học chợ búa.

Anh tải bình đồ vào laptop, để trong kho dữ liệu của mình. Trên màn hình, anh đặt chồng nó lên bình đồ của năm 1664. Thoạt tiên, không có gì gây ấn tượng mạnh cả. Không có gì mà anh đã không thấy ra bằng mắt thường. Anh tô đậm bằng màu vàng các phần quan trọng trong bức vẽ gập làm ba: Jupiter, Latone, Apollon, và anh "zoom" trên phần công viên nhỏ. Cái bình đồ được đặt ở vị thế thường được các sách hướng dẫn du lịch chọn theo: bên trái, phía Đông, là lâu đài; bên phải, phía Tây, là Grand Canal; ở giữa, theo đường ngang, là Tapis vert.

— Thưa ông Barett, thế là hẹn được rồi.

Terry lặng lẽ xuất hiện lại. Anh ngẩng đầu lên.

— Vào 8 giờ sáng phải không?

— Ơ... 10 giờ 30.

— Nhưng tôi bảo anh lấy hẹn vào lúc sớm nhất mà!

Terry đưa hai cánh tay lên rồi buông xuống, tỏ dấu bất lực.

Anh bắt đầu xem xét lại lần nữa từng phần một. Bể nước Apollon vẫn còn mang tên bể nước des Cygnes, nhưng lời ghi chú làm rõ thêm: *Apollon trên cỗ xe ngựa của mình.*

— Có phải Apollon đó không, cái nét vẽ nhỏ này? - Terry hỏi.

Hắn chỉ cái hình vẽ qua loa thể hiện thần Mặt trời giữa đoàn tùy tùng được vẽ đặc biệt thô kệch đến mức khó mà biết những con ngựa và những thần biển đầu người đuôi cá đang chạy về hướng nào.

Việc tên gác dan mở miệng xen vào làm anh phát bực. Hắn ở lại trong phòng và nhìn bình đồ qua vai anh. Hắn quan tâm đến cái gì đây chứ? Dĩ nhiên là hắn chưa bao giờ thấy bình đồ nguyên gốc của Le Nôtre và chẳng

giúp ích được gì cho anh.

— Đúng vậy, Terry, - anh vừa trả lời, vừa đứng dậy, - đúng là Apollon đó, anh cũng biết đọc lời ghi chú như tôi mà. Bây giờ, tôi muốn là...

Nhưng hắn buột miệng nói tiếp, không nghe những gì anh nói.

— Tội nghiệp quá, trông nó cứng đờ như cây cọc!

— Nghe này...

Anh mất kiên nhẫn. Terry hiểu ra, lùi một bước và bỏ đi, miệng còn lẩm bẩm:

— May thay, Apollon thật thì không có vẻ như số 1!

Anh giật mình.

— Cái gì? Terry, anh nói cái gì?

— Tôi nói là Apollon này không giống chút nào pho tượng thật ở ngoài công viên. Đây, với tóc nó ngược ra sau, người ta có thể tưởng rằng số 1. Con số 1.

Terry dùng ngón tay lần theo trên màn hình nét vẽ của Le Nôtre tượng trưng một cách qua loa pho tượng trung tâm. Hai nét đậm, một cái dài, một cái ngắn, cái này thì thẳng đứng, cái kia thì nghiêng bốn mươi lăm độ, lập thành một mũi nhọn. Tên gác dan có lý. Thần Mặt trời hiện ra dưới hình dạng con số 1.

— Thưa ông Barett, ông có vẻ hoang mang.

— Không... không đâu. Tôi đang tìm hiểu mà.

Anh ngồi xuống lại trước màn hình. Terry có vẻ lấn cấn vì anh đung đưa thân hình từ trước ra sau.

Anh nhìn không chớp mắt cái bình đồ. Con số 1 mà Terry đã nhận dạng

bây giờ hiện ra rõ rệt dưới mắt anh. Nhưng không chỉ thế. Anh cũng phát hiện là các bể nước Latone và Jupiter, hai khuôn mặt lớn khác được tô vàng, cũng được vẽ bằng những nét đậm. Hai vòng tròn dày.

— Terry...

— Dạ.

— Đó kìa, nhìn này... Anh thấy không?

Anh dùng ngón tay chỉ xung quanh những vị trí của Latone và Jupiter.

— Anh thấy những con số nào ở đó?

Hắn suy nghĩ một giây.

— Ta có thể nghĩ là hai "số không"!

— Đúng là hai con "số không", nhưng không giống nhau.

— Ông có lý lắm, ông Barett ạ. Một con to, hơi bầu dục, và một con nhỏ, tròn hơn.

— Vậy là thành...

—... một "số một" và hai "số không", - tên gác dan bổ sung một cách ngoan ngoãn, mắt nhìn anh dò hỏi, như thể tin là sẽ bị khẻ các ngón tay.

1, 0, 0. Apollon, Jupiter, Latone. Anh thấy em bật cười rồi đó.

— Dan, lúc nào anh cũng thấy nhị phân. Anh không bỏ lỡ cái nào!

Bọn mình đã tranh cãi cả trăm lần về chủ đề này. Anh: niềm tin sâu sắc là tất cả mọi thứ trong đời rút lại chỉ là cái tổ hợp 0 và 1. Là mọi thứ đều có thể phân tích được. Sống hay chết. Thắng hay bại. Trắng hay đen. Tóm lại, 0 hay 1. Em: sự xác tín là không có cái gì mà ta có thể mô hình hóa được, vì có "yếu tố con người", xúc cảm, tình yêu, lòng ghen ghét, nỗi sợ hãi... Là các tình cảm không thể nào được đặt thành phương trình. Và trí tuệ nhân tạo

thì không bao giờ thắng được trí tuệ xúc cảm.

Nhưng lần này thì rõ ràng lắm rồi.

1, 0, 0. Nhất là số 1. Tại sao thể hiện Apollon bằng cách này? Dĩ nhiên, chàng là Mặt trời, và Mặt trời thì độc nhất...

— Ta hiểu rồi! - Anh hét lên đột ngột, làm Terry giật mình.

Bộ tóc, mẹ kiếp, bộ tóc! Nếu bức tượng thực sự là của một vị thần đang chuyển động, nổi lên khỏi mặt nước, trên cỗ xe của mình thì cái thanh nghiêng trên con số "một" thể hiện, chắc chắn thế, mái tóc rậm của vị thần trẻ trung bị gió khi cưỡi xe thổi ngược ra sau.

Đúng rồi, chỉ có thể như thế thôi! Khi một nhà vua đặt hàng một bức tượng, không có cái gì được thể hiện một cách tình cờ. Kể cả và nhất là bộ tóc. Em còn nhớ đoạn ghi chép của Costello về chuyện pho tượng của vua Louis XIV cưỡi ngựa không? Những lọn tóc dài của Thái Dương Vương rất thẳng, dựng đứng, bất chấp những chuyển động của con ngựa đang lồng lên... Ngay từ lúc đó nhà vua đã muốn đưa ra dấu hiệu là mình, ông vua-thần, chế ngự được sức mạnh của tự nhiên. Khuất phục đến cả bộ tóc của mình ngay giữa cơn gió lốc.

Như vậy, đối với bức tượng Apollon, tóc tai cũng quan trọng! Nếu tóc bay về phía lâu đài, đó là Apollon quay lưng về phía cung điện. Chàng đang tiến về phía Tây! Chàng theo đường đi của Mặt trời!

Trên bình đồ của Le Nôtre, vậy thì Apollon được đặt đúng hướng.

Anh lấy ngòi viết vẽ lại trên máy tính xách tay các con số như chúng được đặt, theo quy luật chuyển động của Mặt trời, từ Đông sang Tây: 0, 0, 1. Con số không to là bể nước Latone. Con số không nhỏ là bể nước Jupiter. Rồi số 1, bể nước Apollon. Vậy, ta có một cách chính xác: 001.

http://tieulun.hopto.org

Thế mà, giữa con số không nhỏ và con số một, giữa bồn hoa Latone và cỗ xe ngựa Apollon, có một khoảng không gian. Đó là Tapis vert. Một bãi cỏ hình chữ nhật dài được viền bằng hai lối đi trải cát dọc theo hai cạnh dài. Trên bình đồ, hai lối đi này được vẽ bằng một nét, đậm hơn nét vẽ của hai cạnh ngắn. Như thể Le Nôtre, bằng cách ấn tay mạnh hơn khi vẽ hai cạnh dài, muốn thể hiện không phải một hình chữ nhật, nhưng hai nét ngang, song song nhau.

Một dấu toán học khác.

Bây giờ, mọi sự trở nên rõ ràng.

Công thức đây rồi, trước mắt anh.

34

“Ours”, giống như “le nôtre”. Hay đúng hơn, “Le Nôtre”.

Emma suýt chút nữa nhào vào lòng Pierre, giống như một cầu thủ bóng đá mừng vui. Nhưng nàng không dám. Sợ làm trò cười. Hay nói cho đúng hơn, sợ nổi lên lại sự cuốn hút nam châm kỳ dị mà nàng cảm thấy khi đụng đến người chàng.

— Pierre, ở đó mà, em chắc thế. Tập tin ở trong nấm mộ này! Dan đã cất giấu nó tại đây!

Anh khoát tay ra dấu để nàng bình tĩnh lại.

— Emma, từ từ đã nào! Chắc chắn là Dan đã cho xây ngôi mộ này. Nhưng ông ta có cất giấu gì trong đó không? Đất thì ẩm ướt, không phải là chỗ tốt nhất để giấu đĩa CD-Rom...

— Anh ấy có lẽ để nó trong hòm?

— Và tại sao không để nó trong một phi thuyền? Xin lỗi, em biết ông ta nhiều hơn anh, nhưng anh không nghĩ rằng kiểu người như Dan Barett lại gửi những tệp tin học của mình cho mấy con giun đất ăn.

Nhưng Emma không còn nghe anh nữa. Nàng đã ngồi xổm sát bên cạnh tấm bia, cho hai bàn tay trượt dọc trên mặt bia, rồi ấn mạnh vào hai bên, tìm cách làm cho nó xê dịch. Pierre nhìn nàng, không nói gì. Sau năm phút

làm đủ cách mà không có kết quả, nàng quay về phía anh, thở dài.

— Nếu ta thử dùng kỹ thuật thường lệ thì hơn? - Anh nhếch mép cười.

— Anh muốn nói gì thế?

— Như vậy đó, giống như mấy ảo thuật gia! Anh vừa nói, vừa lấy tư thế của người làm trò ảo thuật đang chờ tiếng trống nổi lên.

Anh dang tay về phía tấm bia của Ours rồi nói to giọng, phát âm rõ từng âm tiết:

— Le Nôtre!

Sau thần chú của anh là một sự im lặng kéo dài. Trời nóng đến mức làm nhẹ bớt tiếng ầm ầm của xe cộ ngoài đại lộ. Một con chim sẻ đến đậu trên nấm mộ, như thể coi thường hai người. Emma không biết có nên cười trước những điệu bộ giả vờ của Pierre hay nên xem chúng là cách riêng của anh xua đi sự căng thẳng.

Nhưng, xét cho cùng, bởi vì mọi thứ ở đây đều hoạt động theo tiếng nói thì tại sao không với các ngôi mộ chứ?

— Bây giờ đến phiên em, - nàng nói, vẻ mặt tập trung.

Nàng hít vào rồi nói rất to về phía mộ phần.

— Le Nôtre!

Kết quả chẳng cần chờ đợi. Tấm bia tự xoay trên chính nó, không gây tiếng động, đẩy luôn cái đế bằng đá. Pierre và Emma thấy hiện ra một lỗ hổng vuông vắn, to như miệng ống cống. Nàng đặt bàn tay mình lên cẳng tay Pierre; chàng tiến tới vài bước về phía lỗ hổng rồi khom người nhìn vào trong. Khoảng một chục bậc thang nhỏ, thẳng đứng, dẫn xuống dưới đất. Đường hầm có vẻ bắt đầu ngoặt khuỷu tay. Xa hơn là bóng tối.

http://tieulun.hopto.org

— Một đường hầm! Khó tin thật. Anh nghĩ nó sâu lắm. Anh không nhìn thấy đáy.

Emma ngồi chồm hổm sát bên lối chui xuống. Nàng run rẩy. Chức năng điều khiển bằng tiếng nói của ngôi mộ đã phản ứng trước giọng nói của nàng, của chỉ riêng nàng thôi.

— Pierre?

— Gì đấy?

— Em nghĩ đó là lối vào cái đường hầm mà Dan đã khổ công tìm kiếm! Bây giờ thì em hiểu tại sao anh ấy đã mua biệt thự này! Biệt thự Trianon!

— Ông ta tìm đường hầm à?

— Anh ấy tin chắc là ở Trianon có một căn phòng mà trong đó các vua nước Pháp, kể từ Louis XIV, cất giữ những tài liệu lưu trữ bí mật, và người ta vào được nó bằng một đường hầm.

Emma kể lại, giọng nghẹn ngào, như thế nào, vào hai năm trước, nàng đã đi xuống với Dan, vào trong hệ thống ống dẫn nước của các ngôi vườn, rồi Dan đã dùng ra-đa rà soát các bãi cỏ cũng như các lối đi của Grand Trianon như thế nào. Nàng quỳ một chân dưới đất và nói chậm hơn thường lệ, hai mắt nhìn thẳng lối vào ngôi mộ. Pierre đứng bên cạnh Emma, chốc chốc lại nhìn thấy, đáy lưng nàng mà chiếc áo sơ mi ngắn làm lộ ra theo nhịp thở của nàng. Da nàng tỏa sáng dưới lụa trắng.

— Vả lại, chính Granier đã đưa Dan đi theo hướng tìm căn phòng bí mật này.

— Em quen hắn lúc đó?

— Không có đâu, em chỉ biết việc này từ xa. Nhưng khi đến gặp em ở Arromanches, gã nói với em là có quen biết Dan.

— Vậy thì ta phải nói chuyện gấp với hắn!

Nàng nhìn anh, lộ vẻ bối rối.

— Em không biết. Có điều gì đó làm em băn khoăn. Dan hẳn không bao giờ kể với gã là đã mua cái biệt thự này. Chuyện tìm ra đường hầm cũng không. Dan chắc chắn có những lý do đúng đắn. Rồi...

Pierre cắt ngang.

— Granier đi vào các ngôi vườn trong một hay hai tiếng đồng hồ, dù sao hắn cũng sắp quay về.

— Anh không muốn ta thử đi xuống bây giờ sao? Đường hầm này có lẽ chẳng liên quan gì với những gì ta đang tìm, nhưng ta có thể đi xem, không được sao?

— Muốn xuống thì phải có đèn.

— Terry có đèn đó.

— Em muốn anh đi lấy không?

Lại cái hội chứng chó saint-bernard nữa rồi.

— Không muốn, để em đi lấy cho. Chờ em nghe!

Emma trở lại ba phút sau, tay cầm một đèn pin to. Pierre đã không chờ nàng. Vậy là nàng đi xuống chừng mười bậc thang để vào đường hầm. Nó đi sâu về hướng lãnh địa của Marie-Antoinette. Người ta chỉ có thể đứng trong đường hầm với điều kiện cúi gập đầu xuống.

— Trong này lạnh thật, - nàng nói khi bắt kịp Pierre rồi trao cái đèn cho anh.

— Mát chứ em.

Anh đưa tay lấy cái đèn, chạm qua các ngón tay nàng. Anh thấy hơi run

vì vui sướng, lùi người lại, như thể anh đã đến quá gần ngọn lửa một cây nến.

Anh tiến sâu vào lòng đất và Emma bước theo sau. Họ mất mười lăm phút, người gập làm đôi, mới đi hết một cây số từ đầu hầm đến ngõ cụt.

Khi đối diện bức tường bít lối đi, họ phát hiện bên phía tay phải một cánh cửa bằng kim loại.

— Anh thử không? - Pierre vừa hỏi, vừa chụp cái tay nắm bằng thép, không chờ trả lời.

Cửa không khóa, mở ra không kêu kèn kẹt chút nào.

— Nó được ai đó mở, đóng mới đây thôi, - Emma nhận xét, mắt nhìn người bạn đồng hành.

Họ nín thở, đi vài bước trên mặt đất hăng hắc mùi đất của căn phòng bí mật. Im lặng nặng nề và ẩm ướt bao trùm họ, chỉ để tiếng đập của trái tim vang đến tai họ.

— Anh có nghĩ là những tài liệu lưu trữ của các vua nước Pháp còn ở đây không? - Emma thầm thì khi thấy ra một khối đen nằm trong xó.

Pierre quay lại, lộ vẻ hoài nghi.

— Nếu Barett đã tìm thấy chúng, chắc là ông ta đã để chúng ở một nơi an toàn, không phải thế sao?

Một cái rương cũ kỹ được đặt trên mặt đất. Có ổ khóa nhưng không khóa.

Pierre giở nắp rương lên và chiếu một chùm tia sáng vào bên trong.

Nó chứa đựng một máy vi tính xách tay, một CD-Rom và một bộ tai nghe bằng điện cực.

35

Pierre đặt chiếc rương xuống living bed của Dan, Emma đã kéo anh đến đây. Trong biệt thự Trianon, căn phòng của Dan là phòng được trang bị tốt nhất về tin học, được điều hòa tốt nhất, và cũng là niềm nở nhất. Ngoài ra, Emma thích chiếc giường này. Bất kể mấy cái tấm đỡ lồng vào nhau và cái màn hình plasma có thể rụt vào trong, nó mời gọi ta làm chuyện khác ngoài làm việc và ngủ nghỉ.

— Này, giúp anh một tay! - Pierre yêu cầu.

Anh không hình dung được ý nghĩ thô tục nào của người đàn bà Mỹ mà anh vừa bóp nghẹt từ trong trứng. Chăm chú với việc đang làm, chàng chuyên viên tin học tháo dỡ các trang thiết bị tìm được trong căn phòng bí mật. Chắc chắn là anh không nhận thấy cái chức năng thích thú nhất của chiếc giường hiện đại nhất thế giới này... Thật tội nghiệp đàn ông! Emma nghĩ. Họ không biết làm hai chuyện cùng lúc.

Pierre bày ra trên giường bằng mút đỏ cái note-book – một máy tính xách tay rất nhẹ – dĩa CD-Rom, vẫn còn nằm trong hộp nhựa trong suốt, và bộ tai nghe lạ lùng: một băng cột quanh đầu rộng và cứng, trên đó gắn thêm khoảng chục điện cực kiểu ống giác, giống như hàng đèn chiếu ở mép sân khấu.

Trên nắp đậy của note-book, một màn hình kích cỡ hộp diêm bật sáng

khi tiếp xúc với ánh sáng ban ngày. Pierre thấy lần lượt hiện ra hàng chữ: *Cho Emma.*

— Đầu óc chi tiết làm sao! Tôi biết có người tự bằng lòng chỉ với cái nhãn tên và một miếng băng dán thôi.

Về phần CD-Rom thì nó mang một từ viết tháu bằng bút phớt: backdoor.

— Không cần tốn sức tìm xa hơn nữa! Anh kêu lên. Những hàng mật mã mà ta cần chắc chắn là được ghi trong cái CD-Rom này. Phần còn lại, anh nói thêm với một chút ghen tương trong giọng nói, chắc là một phát minh mà Dan muốn di tặng cho em...

Anh ngồi lên giường và đẩy đĩa CD vào trong máy tính đầu giường. Ngay tức khắc, một cửa sổ mở ra trên màn hình, yêu cầu nhập mật khẩu.

— Anh thử Apollon nghe?

— Thử đi.

Pierre gõ tên đứa con trai của Latone.

Invalid data. Try again[359].

Mật khẩu đó không đúng. Anh thử Le Nôtre.

Invalid data. Try again.

Cũng không xong. Anh đột ngột đứng dậy và bực tức ném mạnh cái hộp đựng CD xuống sàn gỗ.

— Không thể thế được! Coi thường bọn mình quá, ông bạn Barett quý hóa của em! Thế giới bùng cháy, thiên hạ chết như rạ, mà trong thời gian này thì ông ta bắt bọn mình chơi trò "Fort Boyard"[360] đây! Và nếu thử mật khẩu đến lần thứ ba mà không chạy thì ta bị tống cổ ra khỏi hệ thống, bao giờ cũng thế đó! Lần này, cái mật khẩu đúng là gì hả em? Em, chuyện gì

cũng biết, phải không nào?

— Pierre, im đi! Đừng có nổi nóng! Dan đã chết, làm sao anh dám nói về anh ấy như thế chứ? Anh nghĩ thực sự là anh ấy muốn những hàng mật mã của mình rơi vào tay bất cứ ai à? Em chắc chắn là ta sẽ tìm ra. Thôi, ta hãy xem xét phần còn lại đi!

Lạ thật, Pierre nghĩ, cái cách mà Emma trở nên bao dung khi đụng đến Barett. Anh nhìn nàng cầm note-book lên và khởi động nó. Đồng hồ cát hiện ra. Đang nhập chương trình. Hãy kiên nhẫn... Máy tính cũng mất hết hai phút mới sáng lên. Đứng trước cửa sổ, anh chuyên viên tin học chế ngự cơn bực dọc của mình bằng cách xoay trong bàn tay hai hòn bi Tàu màu xanh trang trí với những con rồng nhỏ thếp vàng mà anh tìm thấy trên lò sưởi.

— Pierre, tới xem này!

Cùng lúc đó, một tiếng nói khác bật ra từ loa của cái note-book.

Xin chào mừng, Emma. Anh thấy sung sướng là em đã đến tận đây...

Pierre giật mình. Đó là giọng nói của Barett, được truyền thanh trực tiếp, người ta hẳn có thể tin như vậy. Một giọng nói đến từ cõi chết.

Hãy đeo bộ tai nghe và các ống điện cực lên đầu, kiểm tra xem em có ngồi hoàn toàn bất động bằng cách tựa gáy vào một cái vách cố định, và nhìn chăm chú vào những hình ảnh sẽ theo sau. Chút nữa gặp lại.

Emma bất chợt lùi người lại. Nàng nhìn bộ tai nghe có gắn thêm các điện cực, lộ vẻ lo âu.

— Anh có nghe chứ?

— Chính là Barett, phải không?

— Vâng, đúng là giọng nói của Dan.

— Ngạc nhiên lắm.

— Quả là Dan! Anh ấy đã...

—... ghi âm tin nhắn này trước khi chết. Rõ ràng là để cho em.

Emma rùng mình. Pierre trở lại ngồi bên cạnh nàng, ở mép giường.

— Chính là Barett, không nghi ngờ gì nữa. Hay là giọng nói tổng hợp của ông ấy. Thôi được. Ta hãy bình tĩnh lại. Ta sẽ làm theo lời ông ấy. Thoạt tiên, em nên biết là bộ tai nghe thì nối điện với cái PC. Không có nguy cơ gì. Nó sẽ không truyền 220 vôn vào trong hộp sọ em đâu! Và anh nghĩ là ta phải dùng nó để có thể đọc cái CD-Rom... - Anh nói thêm, sau khi nghĩ ngợi vài giây, - Em còn nhớ BrainMap không?

— BrainMap à?

— Phải.

— Lờ mờ thôi... Gợi lên cái gì đó. Một xí nghiệp nghiên cứu y học đã phá sản cách đây ba hay bốn năm, phải vậy không? Công ty em có xem xét hồ sơ đó.

— Đúng vậy. Và anh trước đó đã không do dự mua các cổ phiếu khi nó lên sàn NASDAQ! Xí nghiệp đã đóng cửa, nhưng nó bán lại giấy phép sử dụng bằng sáng chế cho General Digital mà các nhà nghiên cứu sau đó tiếp tục phát triển thêm. Brain- scan[361], tên cái máy đó, em nhớ không? Một cái máy sử dụng cùng một công nghệ như máy nội soi cắt lớp dùng trong y khoa.

— Em không nhớ rõ lắm.

— Ồ, đơn giản thôi mà. Khi một phần bộ não bận rộn làm việc, nó cần thêm dưỡng khí, do đó máu chảy dồn về chỗ đó. Và việc này thấy được trên màn hình: vùng não đó “sáng lên”!

Pierre đứng dậy, đi vài bước về phía cửa sổ rồi quay về phía Emma.

— Anh còn nhớ là ngay trước ngày bầu cử tổng thống Mỹ, hãng General Digital đã làm một cuộc chứng minh lạ lùng để giới thiệu rộng rãi sản phẩm của mình. Tất cả các phương tiện truyền thông đều nói tới chuyện này. Các nhà nghiên cứu đã làm thí nghiệm với các cử tri hai đảng Dân chủ và Cộng hòa. Họ đưa cho các người này xem ảnh của mỗi ứng cử viên được ưa thích. Mỗi lần như thế, vùng não điều khiển sự đồng cảm thì hoạt động gấp đôi. Ngược lại, khi họ đưa cho các cử tri này xem ảnh của ứng cử viên đối thủ, máy nội soi cắt lớp ghi nhận là máu dồn về vùng não mà ở đó con người tìm cách kiềm chế các cảm xúc của mình. Ở chỗ mà... mà con người hầu như là cố gắng để... không yêu.

Pierre đã nhìn đi chỗ khác khi nói những từ cuối cùng này. Nhưng Emma thì quá tập trung vào sự lập luận của anh và không nhận thấy chi cả.

— Ý anh là chính máy nội soi làm việc phân tích các cảm xúc, phải vậy không? Nó cho biết người ta có thành thật hay không? Một loại siêu máy dò nói láo phải không?

— Chính xác. Hiện nay thì nó đã hoàn chỉnh. Khi người ta nói láo, người ta không sử dụng cùng cái phần não như khi người ta nói thật. Và cái dụng cụ này đo lường các phản ứng này, tốt hơn nhiều mấy cái máy dò nói láo cũ xưa gắn đầy "bug". Nhớ lại đi! Cái thứ máy gây ra nơi những người có bản tính dễ xúc động cùng sự ra mồ hôi, cùng sự tăng nhịp tim đập như ở những người nói láo...

— Vâng, - Emma gật đầu. - Các tay chơi xì phé có thể qua mặt máy dò tìm nói láo bằng cách giữ bình tĩnh, ngay cả khi họ chơi bịp. Nhưng bọn mình làm gì với thứ đồ lề lỉnh kỉnh này chứ?

Tiếng "bíp" của máy tính vang lên đột ngột. Một cửa sổ mở ra ở một góc

màn hình.

CNN Tin buổi chiều. *Mười người chết ở Los Angeles. Hội chứng mất trí nhớ bí ẩn vẫn hoành hành.*

— Pierre, nhìn này!

Anh nghiêng người bên trên vai Emma và thấy cái lôgô của *CNN* rồi người đọc tin của hệ thống truyền hình này. Barett chắc là đã lập trình cho máy tính của mình để nó kết nối với *CNN* bất cứ lúc nào, ngay khi một tin tức quan trọng xuất hiện.

Bản tin ngắn làm anh lạnh người.

Người đọc tin mô tả cái chết ở Los Angeles của mười người trong các tình huống từ nay đã trở nên thông thường. Chết, trong hai hay ba ngày, sau khi mê sảng đột ngột và mất trí nhớ. Các nạn nhân, tất cả đều đi xa về, không còn nhớ nổi tên tuổi của mình cũng như địa điểm mà họ đã lấy máy bay. Theo những lời khai đầu tiên của các nhân chứng, họ đã uống một viên *mélatonine* trước khi máy bay cất cánh tại phi trường Narita, ở Tokyo.

Tokyo, chứ không phải Boston.

Những tên khủng bố đã tìm ra một hệ thống phân phối dược phẩm khác. Và có lẽ nhiều hệ thống khác.

Người đọc tin chuyển tiếp trên những hình ảnh ở Hong Kong và Manchester cho thấy những hàng người đứng chờ trước những kệ nước khoáng trong các siêu thị. Các nhà thương đều quá tải. Một phóng sự về Paris cũng đưa ra bức ảnh gây ấn tượng mạnh của quảng trường Étoile, nhìn từ trên cao, hoàn toàn bị tắc nghẽn. Các trục đường chính dẫn đến quảng trường thì trông giống như những bãi đậu xe dài mất trật tự. Xe cộ bị kẹt cứng.

— Emma, ta không còn một phút nào để mất nữa! Nào, cầm bộ tai nghe lên! - Pierre ra lệnh.

Anh bảo nàng ngồi ở tận đầu living bed rồi bấm thiết bị điều khiển từ xa để dựng lên cái tựa lưng, nó có thể gập lại và dùng để làm đầu giường.

— Được rồi đó. Gáy giữ thẳng, đầu hơi nghiêng ra sau, theo lời Barett khuyên.

Anh giúp nàng đội dụng cụ lạ lùng này lên đầu. Vào lúc nàng túm tóc đưa cao lên để lộ phần gáy, bàn tay nàng chạm qua bàn tay Pierre. Đến phiên nàng thấy run rẩy. Nếu anh có thể thấy được, vào khoảnh khắc này, hình ảnh được nội soi của bộ não nàng, anh hẳn là chẳng còn chút hồ nghi nào về tình cảm của nàng.

— Em trông lố lăng quá, với cái thứ này trên đầu, - nàng nói để xua đi bối rối.

Pierre dằn miệng, không trả lời. Giờ phút này thực sự không phải để phân tích số lượng sự lố lăng mà nàng cảm thấy rơi vào. Tôi có lố lăng không? Có? Không? Một chút? Nhiều lắm? Một cái thói kỳ quặc nơi đàn bà, nỗi ám ảnh về hình ảnh mà họ phóng chiếu dưới mắt người khác.

Một cảnh tượng kỳ cục đi qua đầu anh. Một bà chủ tịch-tổng giám đốc đứng trên nóc nhà Trung tâm Thương mại Thế giới, ngay trước khi Tháp 1 sụp đổ, cầm tấm gương soi giơ lên trước mặt để kiểm tra, một lần cuối cùng, là mình trông không lố lăng.

— Em trông như tên hề, phải thế không? - Emma nói tiếp.

— Một tên hề dễ thương, - Pierre thêm vào, tay điều chỉnh bộ tai nghe trên mắt nàng.

Nàng thấy ngạc nhiên vì anh phát âm các từ “một tên hề dễ thương” một

cách dịu dàng. Sự hung hăng của anh trong mấy giờ vừa qua có vẻ dịu đi nhiều.

Pierre mở tấm ván kệ ra, đưa nó lên cao rồi đặt note-book lên để cho màn hình của máy tính nằm vừa tầm mắt của Emma.

— Bây giờ, em không động đậy nữa, em không nói nữa, em tập trung vào những gì em thấy. O.K.?

Nàng chớp mắt ra dấu đồng tình.

— Sẵn sàng chưa? - Anh còn nhắc.

Nàng thở vào rất sâu. Nhịp tim nàng chậm lại.

— Vậy thì bắt đầu nghe!

Pierre nhấn phím Enter trên máy tính. Trang chủ biến mất, nhường chỗ cho một bức ảnh.

Một cái nồi bằng kim loại mà đáy bị cháy đen.

Emma nhận thấy là Pierre, ở bên cạnh nàng, đang nghiến răng. Anh bị căng thẳng, bất chấp sự thanh thản mà anh cố gắng phô ra. Bộ mặt anh u ám, các ngón tay thì co quặp lại. Chắc chắn là anh đang nghĩ, lại một lần nữa, đến tất cả những người chết này, đến bạn bè ở Marseille mà anh sẽ không gặp lại, đến đứa em rể ở nhà thương, đến các đứa con, đến Clara, có lẽ thế. Có lẽ thế.

Nàng nhìn bức ảnh và suýt chút nữa ngã vật xuống. Nhưng là vì thấy hạnh phúc. Một cơn sóng tình cảm thắm thiết và ấm áp xâm chiếm nàng.

Ôi Dan yêu quý ơi!

Nàng nhớ lại hoàn toàn cái cảnh đó. Đó là vào năm 1988 hay 1989. Nàng còn là sinh viên, nhưng Dan đã thành lập công ty trước đó cùng với Bernie

trong khuôn viên trường Harvard. Một đứa trong đám bạn, tên là Anton, cho họ mượn căn hộ một gian ở ngoài phố trong ba tháng. “Cứ tự nhiên như ở nhà mình, tận dụng hết cỡ căn hộ nhé”, Anton nói. Để tận dụng thì đúng là họ tận dụng hết cỡ thật! Họ đến đó mọi buổi tối và qua đêm ở đó. Họ rủ bạn bè đến. Chương trình: hội hè chè chén về đêm và động não tranh luận trong lúc tạm ngưng. Và quét dọn chùi rửa toàn bộ ngày hôm sau. Không được làm bẩn cái gì. Tên bạn Anton có thói sạch sẽ kỳ quặc.

Thế mà, vào một buổi sáng, khi nàng đổ sữa để hâm nóng vào cái nồi đặt trên bếp ga thì Dan, ở trần, quần jean, đi vào bếp và ôm hôn nàng ở cổ. Rồi, từng tí một... Một giờ sau, trong khi Dan, nằm dài bên cạnh nàng, vùi đầu vào cuốn *Métaphysique des origines*[362] thì bất thình lình nàng ngửi thấy mùi cháy. Nồi sữa! Trễ quá rồi: chẳng còn lại gì trong nồi... và cái nồi chính nó cũng bị cháy đen. Họ không thể tìm ra một cái nồi khác cùng kiểu mẫu, nhưng Dan quả quyết là mình hẳn là sẵn sàng mua cả một bộ nồi mới nếu anh có thể sống lại một tiếng đồng hồ tuyệt diệu đó trong lúc cái nồi kia bị cháy.

Emma đưa mắt nhìn Pierre để anh yên lòng: nếu anh không hiểu thì nàng, ngược lại, thấy quen thuộc với hình ảnh này.

Máy tính đòi nàng nhấn phím Enter. Nàng làm theo và một bức ảnh mới hiện ra trên màn hình. Một chiếc “gondole”[363] trên Grand Canal ở Venise. Nhưng không phải thứ gondole được tô vẽ trang trí, lót nhiều gối ngồi thoải mái dành cho du khách. Đây là chiếc gondole lo việc traghetto, tức việc qua lại con kênh cho cư dân Venise. Nàng và Dan đã cãi nhau dữ dội trước một chiếc thuyền tương tự, trong chuyến đi tua châu Âu trong vòng ba tuần lễ nhớ đời của hai người. Họ vừa mới đến Venise. Nàng muốn đi gondole chở du khách, chàng muốn một gondole “đích thực”. Họ rời “la Sérénissime”[364] ngày hôm sau, người này giận điên người kia. Họ chỉ hòa giải với nhau ở La

Mã, dưới trần nhà nguyện Sixtine[365].

Nàng sắp sửa nhấn, căng thẳng, phím Enter thì Pierre chận lại.

— Từ từ thôi, Emma, từ từ thôi! Anh nghĩ là bọn mình đang đụng phải chuyện mật khẩu cảm xúc.

— Cái gì? Xin nói lại!

— Anh sẽ giải thích sau. Tiếp tục đi, nhưng xin em đừng có những cử chỉ đột ngột.

Nàng nghe theo, nhấn phím Enter một cách thận trọng quá mức. Lần này, một vidéo khởi động. Một cuốn phim của những năm 1970. Joan Baez, tay ôm đàn ghi-ta, tóc dài xõa ngang vai, hát *Diamonds and Rust*[366] dưới những hàng cọ, ở liên hoan Santa Barbara. *Diamonds and Rust,* ca khúc hay nhất mọi thời đại: đó là ý nàng và cũng là ý của Dan, khi cùng với khoảng hai chục người bạn vào cuối năm 2000, họ đã bầu chọn ca khúc của thế kỷ. Emma nghe đoạn một, xúc động. Nhưng Pierre đã ra hiệu cho nàng làm tiếp, và nàng phải tự ép mình để ngừng cuốn vidéo. Máy nội soi chắc chắn đã ghi nhận phản ứng của nàng.

Mới thoạt nhìn tấm hình thứ tư Pierre liền tỏ vẻ ngạc nhiên. Nó, anh nhận ra mà. Bức ảnh xưa cũ này đã được mọi tờ báo trên thế giới in ra, và các nhà báo cứ đều đặn moi nó ra mỗi khi đề cập đến thời khởi nghiệp của Controlware.

Một nhóm sinh viên để tóc dài, bảy chàng và ba nàng, vẻ mặt hớn hở, đứng chụp ảnh trước lối vào Harvard. Những người sáng lập Controlware đó. Dan đứng ở hàng đầu với ánh mắt cú vọ mà ông ta có vào thời đó và mái tóc mượt mà. Bên cạnh ông là Bernie và các bạn đồng hành từ ngày đầu. Ba người trong bọn họ thì để râu xồm. Hai người để râu mép. Tất cả để tóc dài. Áo blu của các cô gái thì giống như mấy cái tạp dề trong bếp.

Trông buồn cười thật. *Peace and love*[367], trễ mất mười lăm năm đó.

Emma ghét bức ảnh này và Dan biết điều này hơn ai khác. Nhưng không phải vì dáng vẻ như con ếch của bạn trai mình. Nàng ghét nó bởi vì nàng không có mặt trong đó. Thế mà vào thời điểm đó, nàng là một trong số những người thân thiết với Dan, tức là những người ủng hộ chàng, khuyến khích chàng, làm sparring partner trí thức cho chàng. Đáng lẽ nàng phải đứng chụp chung với họ.

Ông chủ Controlware đã đưa bức ảnh này vào trong loạt ảnh để làm nàng bực tức. Cố ý. Và ông đã đạt mục đích! Bức ảnh thường thường thu hút các lời nhận xét gây mủi lòng, các tiếng cười vui vẻ, các suy tư ngưỡng mộ. Thử nghĩ xem: một đám thanh niên đầy đam mê nhưng là những híp-pi muộn màng, khai sinh ra một công ty mạnh nhất thế giới!

Nhìn ảnh mà hiềm thù, chỉ có Emma mới có thể cảm thấy như vậy. Nàng gõ một cú khô khốc lên phím Enter. Bộ tai nghe trượt sang một bên.

— Cái gì xảy ra vậy? Đừng bực tức thế! - Pierre buột miệng, dịu dàng đặt bàn tay lên cánh tay nàng và sửa lại cho đúng chỗ bộ tai nghe.

Anh giải thích cho nàng là, nếu các điện cực đụng đậy, hoạt động của bộ não nàng có thể được ghi nhận sai lạc. Tất cả sẽ phải làm lại từ đầu, với ít cơ hội thành công hơn vì tính tự phát của các cảm xúc đã bị hao hụt.

— Cảm xúc của em à! Nhưng tại sao Dan lại muốn thử nghiệm các cảm xúc của em kia chứ?

Nàng gục đầu xuống như thể để ôm đầu giữa hai bàn tay. Nhưng nàng nhớ lại lời Pierre. Đừng làm đụng đậy bộ tai nghe.

— Anh có nghĩ rằng Dan muốn kiểm tra xem em không quên gì cả về những gì mà bọn em đã sống qua cùng nhau, trước khi để em vào tập tin đó

không?

— Tệ hơn thế nữa. Anh nghĩ là ông ta kiểm tra xem hai người có đúng là đã sống cùng một câu chuyện không!

Một nụ cười tinh quái làm sáng khuôn mặt Pierre. Như thể anh thích thú, mặc dù đang bị nỗi lo sợ day rứt, thấy Barett đã tìm được một phương tiện hiệu quả để biết được đàn bà nói dối khi nào, bằng cách nào và với cường độ nào. Vả lại, đối với đàn ông cũng vậy. Anh không thể không hình dung ra một sản phẩm như thế được bày bán trong các gian hàng Darty với giá 99 euros. Người ta sẽ thấy cảnh mấy ông chồng bị cắm sừng ồ ạt tranh nhau mua không? Cảnh các bà có tính thay lòng đổi dạ hô hào tẩy chay phần mềm đó không? Anh yêu, cái bãi biển ở quần đảo Antilles này, nó có làm anh nhớ tới cái gì không? Và cái ghế sau trong xe Austin Mini này?

Emma đưa con trỏ chuột lên bức ảnh tiếp theo. Nàng bắt đầu hiểu sự vận hành.

Cái mật khẩu cho phép mở máy tính này không phải là tập hợp những con chữ hay những con số mà ta phải gõ lên bàn phím, cũng không phải là những dấu vân tay hay con mắt cần đưa ra, nhưng là một chữ ký cảm xúc. Để chữ ký "tâm trí" này xuất hiện, Emma phải phản ứng, một cách chính xác như Dan chờ đợi, trước thử thách về sự thật mà ông ta bắt nàng trải qua. Một loạt ảnh chụp, điều khiển từng ấy phản ứng thích hợp: niềm vui, nỗi đau, sự cảm thông, sự chối bỏ... Có lẽ cuối cùng sẽ có số điểm. Chìa khóa là ở đó.

— Điều này có nghĩa là Dan đã liều lập trình từ trước những phản ứng mà những tấm ảnh này sẽ gây ra trong bộ óc em, phải không? Làm sao anh ấy có thể đoán trước được? Anh ấy có bao giờ là em đâu!

Pierre dằn miệng để không trả lời là có chứ, chính xác đấy. Nhưng khi

thấy ánh mắt anh lóe lên, nàng đoán được là anh nghĩ đến cái gì. Nàng cắn môi, và nhấn phím.

Không nhìn hình ảnh mới hiện ra trên màn hình, nàng buộc phải đuổi đi một hình ảnh khác đang xâm chiếm trí óc nàng. Nụ cười của Pierre. Sự dịu dàng của anh ở bãi biển. Cơn sốt của anh ở Colleville. Sự rụt rè của anh, sức mạnh của anh. Sự trộn lẫn giữa tinh tế và rắn rỏi. Và nỗi xúc động không thể hiểu được mà anh khởi phát nơi nàng. Thân thể không nói dối. Nàng yêu anh. Nàng yêu anh như chưa từng yêu người đàn ông nào cả.

Nàng phải cố gắng để tập trung trí óc thêm một lần nữa. Bức ảnh thứ năm thể hiện một bãi biển đầy đá cuội, vào lúc mặt trời lặn, nằm dưới chân vách núi nhô ra biển, ở một góc được tảng đá lớn che chở. Phía trước là biển xanh, lấp lánh ánh phản chiếu màu cam.

— Cồn cát Pilat, - Emma thì thầm.

Kỷ niệm xưa lại trở về: bữa ăn ngoài trời dưới đấy, với Dan, trong chuyến đi châu Âu nhớ đời của hai người. Bãi đó nằm ở bờ biển Arcachon. Khó mà quên được những nụ hôn, những vuốt ve, và vị ngọt cuộc sống mà hai người chia sẻ với nhau trong ngày ấy. Thủy triều đã xuống, bầu trời xanh trong pha lê, một ngày trong những ngày kỳ diệu mà gió thổi mây bay đi không biết mệt. Một ngày tuyệt vời cho sự hòa hợp tình yêu.

Nhưng những gì mà nàng đã sống qua trong đêm thứ tư sang thứ năm là không thể so sánh được. Hài hòa tuyệt diệu. Viên mãn tuyệt đối.

Nàng sợ là lần này, việc thử nghiệm sẽ không thuận lợi cho nàng. Trước tiên, bởi vì nỗi buồn, bất chấp nàng, lại chen vào niềm vui của kỷ niệm. Dan đã chết. Chàng có biết, lúc nàng nhìn những tấm ảnh này, là chàng đã không còn ở trên cõi đời này nữa không? Có phải chàng đã tính toán tất cả dựa trên chuyện này không? Dù gì đi nữa, khi nghĩ ra trong đầu cái mật

khẩu cảm xúc đó, Dan không thể biết trước là sẽ có một người đàn ông khác có mặt ở đây, bên cạnh Emma, một người đàn ông đã mang đến cho nàng những giây phút hợp nhất còn mãnh liệt hơn cả với Dan, trên một bãi biển giống như bãi đó. Gold Beach.

Hệ thống sắp đóng lại, chắc thế rồi. Bàn tay Emma run rẩy. Nàng ấn Enter. Giọng nói của Dan nổi lên.

Last item[368].

Emma rùng cả mình.

Nàng đã vượt qua trở ngại. Có lẽ cuối cùng là nhờ Pierre, vì do anh mà sự rối loạn xâm chiếm nàng. Phần mềm của Barett, nói cho cùng, chỉ đo được không gì khác ngoài cường độ của tình cảm, thông qua máy dò. Điều căn bản – nguồn gốc thực sự của cảm xúc – thì nó không biết. Nàng thấy mình có lý: máy móc chẳng bao giờ có thể thay thế bộ óc con người.

Còn một bức ảnh cuối cùng nữa. Vẫn là hình ảnh một bãi biển. Vịnh Sausalito. Nhưng nó không gợi lại niềm hạnh phúc. Chính nơi đây mà Dan và nàng quyết định chia tay, sau một ngày trời tranh cãi khó quên. Emma đã khóc rất nhiều. Tất nhiên, Dan đã tạo cho nàng ảo tưởng là chính nàng đã quyết định như thế. Nhưng nàng có sự chọn lựa nào không? Dan không muốn cưới hỏi, không muốn có con. "Đứa con" của chàng, chính là Controlware. *Forever*[369]. Mãi mãi.

Thăm Sausalito rồi chết... Cho đến tận hôm nay, nàng vẫn còn thấy buồn nôn về chuyện ấy. Nàng khép mắt lại. Một giọt lệ lăn xuống má. Dan thử nghiệm tình cảm cũng như trí nhớ của nàng. Anh muốn bảo đảm, trước khi cho nàng chìa khóa mở vào máy tính của mình, là nàng đã đau khổ vì cuộc tình dang dở của hai người.

Nàng nguyền rủa sự ác độc của Dan.

Cùng lúc, nàng không thể không ngưỡng mộ sự hoàn hảo của mẫu mã hóa dùng trong máy tính của anh. Các bức ảnh được lựa chọn một cách khéo léo. Bất cứ người nào khác ngồi vào chỗ của Emma để trải qua cuộc thử nghiệm này hẳn là không thể, khi nhìn thấy liên tiếp hai bãi biển đẹp như nhau, cảm nhận những tình cảm trái ngược như thế.

Người đàn bà trẻ mở mắt khi nghe Pierre kêu lên:

— Chạy rồi đó, Emma! Anh nghĩ là mình đến nơi rồi.

Màn hình máy tính bây giờ hiện ra các biểu tượng quen thuộc: *Word, Excel, My documents, Workstation, Recycle bin*. Và vài biểu tượng khác, ít thông dụng hơn, mà nàng chỉ liếc qua. Một tài liệu Word, ở trong góc trái màn hình, mang tên Sự bảo hộ xã hội toàn cầu. Một cái khác, ở ngay chính giữa, được đặt tên đơn giản: *Emma yêu dấu.* Nàng nhấp chuột lên đó. Một tập tin hiện ra.

Đó là một bức thư.

— Nếu anh không thấy phiền, - nàng vừa nói vừa gỡ bộ tai nghe, - em đi ra vườn đọc thư.

Nàng cầm note-book lên, lộ vẻ bối rối.

— Em quay lại liền, - nàng xin lỗi.

Pierre gật đầu một cách miễn cưỡng, và nhìn nàng rời đi.

Nàng không thể chờ đến khi ra ngoài. Ngay trong hành lang nàng đã bắt đầu đọc, say mê:

Lúc khởi đầu đã có Ngôi Lời.

Ngôi Lời là Thiên Chúa.

Và ta chính là Thiên Chúa.

Khi anh lên mười thì vua Louis XIV mê hoặc anh. Lên mười hai thì Napoléon. Đối với anh thì hai nhà vua này không khác nhau lắm. Chỉ có dân Pháp mới giả bộ tin rằng hoàng đế của họ thì cách mạng hơn Thái Dương Vương của họ... [370]

36

Ngày trước...

Anh đi ra vườn của biệt thự. Anh hầu như không đứng vững. Những con số 0, số 1 nhảy múa trước mắt anh.

Anh móc điện thoại từ đáy túi ra và nói to: "Emma". Đúng vậy, phản xạ đầu tiên của anh là gọi cho em để báo tin về phát hiện của mình. Nhưng anh bấm Off trước khi nghe chuông reo. Ý muốn giữ cho riêng mình cái "chiến lợi phẩm" phi thường này trở nên mạnh hơn.

Anh ra khỏi biệt thự Trianon và băng qua công viên về hướng Grand Canal. Anh đi dọc theo con kênh này rồi đi ngược lên các lối đi, chân bước nhanh.

Trước mặt anh lâu đài dựng lên sừng sững. Anh không ngừng hình dung cảnh này. Louis XIV ngồi ở trên sân hiên của nơi mà thời đó chỉ là một "tiểu lâu đài trên cát" của cha mình, đón tiếp Le Nôtre lần đầu tiên ở Versailles. Le Nôtre, cố ý tỏ ra khiêm cung, nhưng đã mang hào quang từ công trình thực hiện vẻ vang ở Vaux-le-Vicomte, công viên lớn đầu tiên của ông. Nhà vua khoát tay chỉ suốt bề rộng của những khu rừng và bãi lầy:

— Ông Le Nôtre, cái mà ta muốn không được giống bất cứ cái gì khác! Ta muốn lớn hơn, chắc thế rồi. Và đẹp hơn, tất nhiên. Nhưng ta muốn trên hết là những ngôi vườn của ta trở nên một bản ngợi ca đấng Toàn năng.

http://tieulun.hopto.org

Nhà vua do dự một chút trước khi nói thêm:

— Còn hơn nữa, ta muốn chúng làm bằng chứng cho sự hiện hữu của Thượng đế.

Qua giọng nhà vua và cách ngài dằn từng tiếng, Le Nôtre hiểu là ông phải tuân theo thông điệp của vua đúng theo nghĩa đen. Ghi khắc trong những ngôi vườn này, một ngày gần đây sẽ là uy nghi nhất thế giới, cái bằng chứng cho sự hiện hữu của Thượng đế. Ông có ngạc nhiên trước một hợp đồng như thế không? Ông biết rõ là vua Louis XIV trẻ tuổi không phải là người thực tình mộ đạo. Quá ham mê khoái lạc, quá hợm hĩnh để tự ép mình vào việc cầu nguyện. Nhưng ông vua mới lên ngôi này có được "lòng tin chất phác", như Voltaire nói sau này. Một sự sùng đạo chính trị, một loại giao kèo ký kết giữa ngài và Trời với mục đích tăng cường cơ sở quyền lực của mình. Nhà vua, thật vậy, nắm quyền nhờ Thượng đế. Ngài là con của Người, thay mặt Người trên thế gian. Do đó, sự gắn bó tôn giáo là cần thiết đối với ngài để bảo đảm chính quyền. Công viên Versailles phải là một công cụ trong chính sách của ngài.

Công viên này, hiện ra từ hư không, một chiến thắng của con người trước thiên nhiên, phải chứng minh sự hiện hữu của đấng toàn năng. Chứng minh, chứ không phải gợi ý.

Nhà tạo cảnh vườn Le Nôtre, người có những hiểu biết sơ đẳng nhưng đáng kể về toán học và quang học, và quen biết Descartes – chết chỉ mười hai năm trước -, đi hỏi ý kiến các đệ tử của ông này, những nhà toán học thời bấy giờ. Và câu trả lời của họ đã khích động trí tưởng tượng của ông. Đúng vậy, Lý trí điều khiển Tự nhiên. Đúng vậy, toán học là ngôn ngữ của Vũ trụ. Do đó, một công thức hiện hữu, và nó chứng minh là Thượng đế hiện hữu. Một định lý không tránh được!

Không do dự, những kỳ tài của môn đại số học đã trao cho ông chiếc chìa khóa thần kỳ mà họ vừa mới khám phá được. Và Le Nôtre đã phiên nó ra trong cái bình đồ của mình.

Là cái mà anh đã thấy lúc nãy.

Anh cứ kinh ngạc mãi. Chứng minh toán học về sự hiện hữu của Thượng đế! Nó nằm ngay trước mắt anh, bằng những nét vẽ đậm, màu đen mà anh tự mình tô lên sắc vàng bao quanh Latone, Jupiter, Tapis vert và Apollon.

0^0 = 1

Không lũy thừa không bằng một. Nói một cách khác, con số không thì bằng 1 khi nó được nâng lên lũy thừa không.

Anh không cần giải thích với một người như em tại sao công thức này chứng minh sự hiện hữu của Thượng đế: với con số không, nghĩa là với "không có gì", không có gì ngoài sự trống không, người ta tạo ra Một, nghĩa là "cái gì đó", một đơn vị đầu tiên có thể nhận thấy. Sức mạnh ưu việt này, đủ khả năng tạo ra thế giới từ hư không, làm nảy sinh cái hiện hữu từ hư vô, đó không phải chính xác là định nghĩa về Thượng đế của chúng ta hay sao? Nói theo cách toán học, sự tồn tại có thể bật ra từ hư vô.

Vậy thì Thượng đế hiện hữu.

Việc chứng minh bằng con số của công thức này thì quá thông thường. Em chắc đã học nó, trong nhà máy sản xuất trí thức của em. Rồi quên bẵng tức khắc, như tất cả mọi người. Tuy nhiên, cách tính thì không phức tạp mấy.

Tựa người vào bờ đá ở bể nước Latone, mắt nhìn về bể nước Lézards, đáng lẽ chỗ này phải là bể nước của Jupiter, anh bắt đầu đọc to quá trình chứng minh, như thể để thuyết phục một người nghe vô hình:

Trong toán học, ta biết rằng một số A được nâng lên lũy thừa N rồi được chia bởi cùng con số A, lần này nó được nâng lên lũy thừa M, thì bằng chính con số A này được nâng lên lũy thừa N – M. Điều này được viết như sau:

A^N/A^M = A^(N - M)

Nếu N = M, sẽ cho: 1 = A^0

Nếu A = 0, vậy thì ta có: 0^0 = 1

Trò trẻ con, thừa nhận đi em... Như vậy, khi ta nâng số không lên lũy thừa không, ta có không phải là không, như tính hợp lý giới hạn của chúng ta khiến mình nghĩ như thế, mà là một. Bất cứ con số nào được nâng lên lũy thừa không, là bằng 1, và con số không thì không phải là ngoại lệ đâu.

Từ cái "không" nổi lên cái tất cả. Hay là, nếu em thích hơn, từ sự khiếm diện sinh ra sự hiện diện. Từ hư không sinh ra Vũ trụ.

Từ khởi thủy là cái không. Tâm linh. Và tâm linh đã sinh ra thế giới.

Chính Thượng đế là có thể chứng minh được.

Thượng đế, Ngài cũng thế, cuối cùng, là nhị phân.

Và cùng một câu hỏi trở lại, day dứt: tại sao anh đã không nghĩ tới điều này sớm hơn? Đề tài này vốn dĩ làm anh say mê từ xưa. Các lập luận chứng minh triết học của Descartes, Kierkegaard[371] hay Hegel[372] đã chất vấn anh vào cái tuổi mà bạn bè anh còn chơi trượt ván. Ở tuổi mười hai, anh đọc Kant[373] và phát hiện ra ba "bằng chứng" về sự hiện hữu của Thượng đế: bằng chứng vũ trụ luận, dựa trên ý niệm nhân quả (nếu thế giới hiện hữu, đó là có một đấng Tạo hóa); bằng chứng mục đích luận, đi từ quy luật của thế giới, từ tính mục đích của nó, và nhân vật là đấng Hóa công; cuối cùng, bằng chứng bản thể luận, suy diễn từ khái niệm Thượng đế ra sự hiện hữu của Thượng đế ("Thượng đế thì hoàn hảo, sự hiện hữu là một sự hoàn hảo,

vậy thì Thượng đế hiện hữu"). Với Kant, anh bác bỏ ba bằng chứng này, chúng đặt sự hiện hữu của Thượng đế làm định đề hơn là chứng minh nó.

Nhưng đây này, một bằng chứng thứ tư xuất hiện. Và nó là không thể phản bác được. Thuần lý. Hoàn toàn toán học.

Chắc là Le Nôtre vui mừng biết bao, vào thời đó, khi đặt định lý này giữa Latone và Apollon, giữa lâu đài và Grand Canal! Nhờ ông mà những ngôi vườn Versailles sẽ tạo ra cảm xúc thẩm mỹ và phản ánh thông điệp chính trị theo ý nhà vua, nhưng cũng mang lại câu trả lời cho vấn đề sâu sắc nhất, cho câu hỏi muôn thuở của con người: Ai là khởi thủy của vũ trụ? Và ai điều khiển lúc lâm chung của nó?

Than ôi! Rất lâu trước khi các công trình được hoàn thành ở phần này của công viên, nhà tạo cảnh vườn thấy cả kết cấu tốt đẹp của mình bị sụp đổ. Nhà vua giải thích cho ông, trong vòng tuyệt đối bí mật, là Giáo hội không tán thành lắm việc tiết lộ cái công thức đó. Ý tưởng, theo đó sự hiện hữu của Thượng đế có thể đặt thành phương trình, đã là một sự lăng nhục tôn giáo. Đức Giáo hoàng ngờ vực các lý thuyết khoa học, ngay cả khi chúng phục vụ ngài. Sự hiện hữu của Thượng đế không thể là kết quả của lập luận của con người, dù bằng toán học đi nữa. Và nhà vua, với tư cách một tín đồ Cơ đốc sùng đạo, không thể làm trái ý Giáo hội. Những đệ tử của Descartes, phần họ cũng vậy, nhận lệnh không được phổ biến phát kiến của mình.

Thế nhưng, Le Nôtre không muốn tin chắc vào mấy cái lập luận thần học trống rỗng này. Ông chủ của ông, nhà vua trẻ đó, đã chấp nhận không tranh cãi ý kiến của các chức sắc tôn giáo! Ngài, một người bảo vệ khoa học nhiệt tình biết bao! Một sự chối bỏ như thế, tất nhiên là có chủ tâm.

Louis XIV chắc là có lợi ích gì đó ở đây.

Và không khó đoán lợi ích đó là gì.

Louis XIV đã bén mùi quyền lực chuyên chế. Đến mức ngài không cần Thượng đế nữa. Ngài đã trở thành chính Thượng đế!

Em hãy nhớ lúc bọn mình thăm viếng căn phòng nhà vua. Giường ngủ của ngài được bao quanh bởi một hàng rào giống như những bàn làm lễ trong các nhà thờ thời đó. Người ta quỳ xuống trước giường, như thể đối diện với thánh thể, ngay cả khi nhà vua không có mặt ở đó. Được thần dân ca tụng, được quần thần tôn thờ, Louis Đại vương dần dần tự thần thánh hóa. Ngài chỉ phải biện minh với chính mình thôi. Tất nhiên, ngài vẫn tiếp tục tôn trọng các chức vụ trong triều và ca tụng Thượng đế. Nhưng một Thượng đế thoát phàm, trừu tượng mà ngài không còn sợ cạnh tranh nữa. Chỉ đến tuổi bảy mươi và dưới ảnh hưởng của Phu nhân de Maintenon, ngài mới chấp thuận cho xây ở Versailles một nhà nguyện cao hơn các phần còn lại của lâu đài. Có phải vì hối hận không? Có phải cũng vì cầu xin tha thứ mà lúc về già ngài đã thúc đẩy triều đình vào con đường sùng đạo mê muội không?

Tội nghiệp Le Nôtre! Tương tự như Abraham[374] lúc chuẩn bị, bàn tay run rẩy, hy sinh đứa con trai của mình để thỏa mãn ý muốn của Thượng đế, nhà tạo cảnh vườn chắc chắn tin rằng mình đã mất tinh thần khi nhà vua yêu cầu ông trao lại cho ngài bản phác họa giấc mơ cái tuyệt đối của ngài. Ông, tất nhiên, tự nhủ là nhà vua sắp sửa đốt tài liệu này, dù gì cũng làm biến mất mọi dấu vết của giấc mộng nguyên lai. Như vậy, sẽ không ai biết được bao giờ bản vẽ thật của các ngôi vườn, ý đồ đầu tiên và cuối cùng của chúng. Sẽ không ai đoán được tại sao việc minh chứng sáng tạo đó lại bị xóa bỏ; và, như một hệ quả nhỏ, tại sao Apollon từ rày về sau đứng giữ mình ngược chiều.

Vì Le Nôtre đã trả thù, theo cách của ông. Ông đã thay thế bể nước Jupiter bằng một cái hố tầm thường đặt tên Lézard, giống y chang cái bên

cạnh. Và ông đã xóa đi tất cả ý nghĩa của huyền thoại mặt trời bằng cách chấp nhận cỗ xe Apollon chạy về hướng lâu đài. Lý do chính thức: "để mà nó không bao giờ quay lưng lại nhà vua". Giống như Latone, vào thời đó. Những vẻ bề ngoài vẫn được bảo toàn. Và hình ảnh của Thượng đế thì bị xóa bỏ mãi mãi.

Hình ảnh của Thượng đế thôi, chứ không phải bàn tay của ngài. Le Nôtre, anh chắc chắn thế, có linh cảm là sự trả thù thẩm mỹ nhỏ nhoi của ông chẳng thấm tháp gì so với sự trừng phạt của Chúa. Tất cả hậu duệ của triều đại Bourbon, thực vậy, sẽ phải trả giá cực kỳ đắt cho sự lăng nhục của Louis XIV đối với đức Chúa Trời. Thái tử[375], con trai của Thái Dương Vương, chết vào năm 1711. Rồi đến lượt con trai của Thái tử, tức cháu nội của Louis XIV, được chỉ định thừa kế ngai vàng, cũng qua đời ngay năm sau, 1712. Con trai của ông này, Louis XV, chắt nội của Louis XIV, ở ngôi một thời gian rất dài và vô vị, nhưng vận xấu vẫn tiếp tục sau đó với Louis XVI, bị dẫn lên đoạn đầu đài.

Cái ông Le Nôtre tốt bụng này đã không thể trông thấy điều linh cảm của mình trở thành sự thật, nhưng ông biết. Và nhà vua biết là ông biết.

Và bây giờ em cũng biết, thế đấy.

Chỉ mình em thôi. Cho dù anh đã không gọi điện cho em, ngày hôm đó, để chia sẻ với em sự khám phá của anh. Tuy vậy, khi vừa mới đánh giá được di sản phi thường được cất giấu dưới Trianon thì anh tự hỏi nên chuyển giao nó lại cho ai. Sự khám phá này, đối với anh thì quý báu hơn tất cả các phần mềm tạo ra kể từ khi anh khởi nghiệp, anh sẽ gửi gắm nó cho ai đây? Cho các sử gia Pháp ư? Họ sẽ vội vàng tranh cãi về nó. Cho Kathrin ư? Nàng đã làm anh thất vọng, anh không muốn nàng dính líu vào chuyện này lần nữa. Cho Amelia ư? Nàng thì quá lý tính, và bên cạnh đó, nàng cứ giữ mãi mối oán giận đối với ngôi biệt thự Trianon và tất cả những gì liên quan đến

nó. Cho Kevin ư? Còn nhỏ tuổi quá. Vậy chỉ còn có em thôi, kẻ đồng mưu với anh, người bạn tâm tình lâu năm nhất của anh, chỉ có em mới có thể hiểu được tầm quan trọng của nó.

00 = 1. Bây giờ thì em biết cái công thức đã điều khiển sự ra đời của vũ trụ.

Cũng chính công thức này một ngày kia, có lẽ, sẽ ngăn cản vũ trụ biến mất.

http://tieulun.hopto.org

37

Tay cầm laptop, Emma đi như chạy vào phòng "Moi", thấy Pierre đang đứng trước cửa sổ mở, xoay xoay một cách bực dọc hai hòn bi Tàu trong lòng bàn tay. Một cơn gió lốc bất chợt làm cánh cửa đóng sập lại. Bên ngoài, bầu trời chia hai. Một nửa còn xanh, nửa kia đã sầm tối. Trên lối đi, bãi cỏ bị bóng mây che phủ cũng có một nửa màu lục ngọc bảo. Màu lục lo âu, Pierre tự nhủ, đưa tay đóng cửa sổ lại và hạ màn sáo xuống. Cơn dông đang đe dọa.

Apollon.

Latone.

Anh đã không thử mật khẩu thứ ba trong lúc Emma bỏ đi ra ngoài để đọc thư, vì sợ hệ thống đóng lại. Sau đó, vài thao tác mà anh biết để "bẻ" các mật khẩu sẽ tỏ ra vô dụng. Anh cảm thấy thế rồi. Người ta không dễ gì mà giải được mật mã do Dan Barett lập ra.

— Pierre, em có nó rồi! - Emma hét lên. - Em có mật khẩu đĩa CD! Dan cho em trong bức thư anh ấy!

Mi mắt nàng ửng đỏ, như thể vừa khóc. Nàng đã bỏ hơn hai tiếng đồng hồ ngồi một mình trong nhà âm nhạc để đọc thư Dan. Một cuốn tiểu thuyết thực sự đó, Pierre nghĩ thầm, tức tối. Dù sốt ruột anh vẫn không muốn quấy rầy nàng. Anh đã đi một vòng xem ngôi nhà và đến lục lọi cái máy tính trung tâm, nó điều khiển những vật dụng mới lạ của biệt thự:

nhiệt độ hồ bơi thay đổi theo dự báo thời tiết, khởi động việc chiếu sáng trong vườn, được đáp ứng theo ánh sáng tự nhiên, hay còn là những hình ảnh hiện ra trên các màn hình plasma, được điều chỉnh theo sở thích của khách... Anh còn giải trí bằng cách thay đổi một vài thông số. Phản xạ cũ của một tin tặc đó mà.

Rồi anh lên lại phòng và bắt đầu ngẫm nghĩ. Tại sao Emma không trở lại? Barett kể cho nàng chuyện gì? Không lẽ nàng mất hai giờ chỉ để giải đoán một mật khẩu tin học sao? Không phải thế. Bức thư chắc chứa đựng một cái gì khác. Rất có thể là những điều tâm sự. Nhưng loại tâm sự nào đây? Và với giọng điệu nào? Barett nói chuyện với Emma như thế nào trong sự riêng tư?

Anh giằng co nhiều trong đầu nhưng vô ích, tính tò mò của anh đã làm nổi lên những câu hỏi khó chịu. Anh lại nghĩ đến Gold Beach, dù không muốn chút nào. Tình yêu ở Cap Manvieux. Nữ tính bất ngờ đến khó tin mà anh phát hiện ở Emma, vẻ dịu dàng mà anh bây giờ mới thấy thỉnh thoảng lộ ra dưới cái mặt nạ độc đoán. Thêm một lần nữa, anh cảm thấy tổn thương do cơn ghen gây ra mà Granier, lần này, không có trách nhiệm. Ông chủ đã chết của Controlware có còn yêu Emma trước khi qua đời không? Và nếu như không còn yêu nữa thì tại sao ông lại chọn Emma để ký thác bí mật của mình? Tất nhiên, Pierre có thể nghĩ ra là người ta có thể đặt cả lòng tin cậy tuyệt đối vào một người mà không nhất thiết muốn chia sẻ cuộc đời mình với người đó. Ngay cả anh nữa, vài ngày trước đây thôi, hẳn không hình dung là mình có thể sống chung với một người đàn bà như nàng.

Anh quay mắt nhìn chỗ khác khi nàng ngồi xuống living bed, trước máy tính của Barett.

— Em có mật khẩu rồi, - nàng lặp lại, - ta bắt đầu nghe?

Nàng đưa tay cầm con chuột.

— Không, Emma! Để anh làm.

Anh đặt các viên bi Tàu lên lò sưởi, đến gần nàng rồi tự ý khởi động máy tính.

— Tùy anh thôi, - nàng nói, nhường chỗ cho anh.

Một phản xạ do tổ tiên truyền lại của mấy "gã trượng phu", nàng nghĩ một cách chắc nịch. Không để bàn phím vào tay đàn bà. Như ngày xưa người ta không để họ cầm tay lái xe hơi.

Trên màn hình, cửa sổ đang chờ mật khẩu vẫn chưa có gì hiện ra.

— Gõ "00 = 1"! - Nàng ra lệnh. - Em sẽ giải thích cho anh sau.

Đúng là một thói tật kỳ quặc!

— Số không à? Mà là cái gì đây chứ?

— Em sẽ giải thích sau. Gõ đi...

— Nhưng cái gì?

— Số không lũy thừa không bằng một. Em xin anh!

Anh chuyên viên tin học nhớ lại bài học toán của mình: "Bất cứ con số nào được nâng lên lũy thừa không thì bằng một." Nhưng tại sao Barett lại sử dụng một mật khẩu như thế? Tại sao không là Neptune, Flore hay Bacchus, những tên bạn nhỏ của Apollon trong công viên Versailles kia chứ? Sẽ vô ích, nếu cứ đặt ra các câu hỏi mà anh sẽ không bao giờ tìm ra câu trả lời.

Anh gõ công thức đó trên bàn phím rồi nhấn Enter.

Xin vui lòng xác nhận mật khẩu. Hãy nói sau khi nghe tiếng "bip".

http://tieulun.hopto.org

Chương trình này đòi hỏi sự xác nhận bằng giọng nói. Pierre sắp sửa mở miệng nói lên cái công thức toán đó thì Emma chặn ngang.

— Chờ đã! Để em!

— Số không. Lũy thừa. Số không. Một. - Nàng phát âm rành rọt năm từ này với giọng rắn rỏi.

Đĩa CD-Rom mở ra.

Một lần nữa, phần mềm đó đã được lập trình để nhận ra giọng nói của nàng.

— Khó tin thật! Ông ta đã thu âm ngay khi em đang nói các từ này phải không?

— Em không nhớ nữa, nhưng chắc chắn là anh ấy đã làm em nói chúng ra, vào một dịp riêng nào đó, mà em không để ý.

Danh sách các tập tin được chứa trong cái CD-Rom bây giờ hiện ra trên màn hình. Pierre nín thở, đưa con trỏ chỉ vào từng tập tin một. Có khoảng một chục. Ở giữa danh sách, anh ngừng trên hai tên.

Backdoor 1.0.

Backdoor 2.0.

— Anh nghĩ là đây rồi.

Bên ngoài, những hạt mưa đá bắt đầu đập vào cửa kính. Tiếng còi hụ vang rền. Chắc là một xe cứu thương đang phóng nhanh trên con đường bên cạnh.

Pierre nhấp chuột liên tiếp trên hai tập tin backdoor. Mỗi lần như thế, màn hình lại hiện đầy những hàng mật mã nối tiếp nhau.

[...]

*dc c9 b0 42 jnp dx 75 push $0x42b0c9dc #Protoco10x1 nov $0x101001, %eax lea dxffffffD(%ebp), call * %esi xor %ecx, %ex*

[...]

Emma quan sát màn hình từ sau vai Pierre. Thấy khó chịu vì chiếc kẹp tóc bị xộc xệch, nàng đưa tay cột tóc lại theo kiểu đuôi ngựa. Khi nàng nghiêng người về phía trước, anh ngửi được mùi hương tóc nàng tỏa ra xung quanh. Cùng một mùi hương ở Gold Beach.

— *My God!* - Nàng kêu lên. - Có thực sự đây là điều mình tìm không? Anh hiểu cái gì đây không?

— Anh nghĩ là có, - Pierre trả lời. - Theo lô-gích thì tập tin thứ nhất điều khiển cho *backdoor* mở ra, và tập thứ hai điều khiển nó đóng lại. Em nhìn đây này: op. là opening (mở), và chỗ kia: clos. là closing (đóng).

Nàng đặt bàn tay trái lên vai Pierre, và dùng bàn tay phải chỉ vào màn hình.

— *Opening...* Em hình dung cái đó thì mình không cần. Chuyện xấu đã xảy ra rồi... Chính tập tin thứ hai mới làm mình quan tâm, không phải thế sao?

— Chẳng có gì qua mắt em được.

— Nhưng anh sắp sửa làm gì đây, một cách cụ thể? Anh sẽ truyền những hàng mật mã này vào cái gì đây?

Emma không hề là một nhà lập trình xuất sắc nhưng nàng hiểu biết tin học đủ để đoán ra trở ngại sừng sững trước mặt hai người. Họ đã khám phá ra món thuốc nhưng làm sao uống nó đây? Những hàng mật mã này chắc chắn cho phép sửa chữa những ổ cứng bị bọn tin tặc xâm phạm, nhưng làm sao vào được các bộ nhớ bị ngược đãi này? Tất cả những ổ cứng của tất cả

các máy tính trên thế giới hay gần như thế đều đã bị phá hủy! Hàng triệu các đơn vị trung tâm đã bị lây bệnh bởi những bài hát nhiễm độc. Làm sao tiêm thuốc giải độc vào để phục hồi chúng, tất cả và cùng lúc đây? Ta không thể sử dụng cùng một cách thức...

Một tiếng sấm nổ ran, ngăn không cho Pierre trả lời ngay.

— Không có phương tiện nào có thể giúp truyền dịch giải độc một cách toàn bộ, - anh giở giọng thông thái ra nói khi tiếng rền xa dần.

— Nhưng anh có thể đưa nó lên mạng Internet chứ?

— Được thôi... Và gửi thư điện tử đến tất cả mấy đứa bạn thân của anh rồi tụi nó, đến lượt mình, lại gửi thư đến lũ bạn của tụi nó, phải vậy không nào?

Emma giả bộ không biết đến ý mỉa mai của anh. Nàng lắc đầu, và những sợi tóc buộc đuôi ngựa của nàng quét qua vai anh.

— Từ nay đến đó thì bọn khủng bố đã làm nổ tung một nửa thế giới phương Tây rồi.

— Tất nhiên, nếu đó là mục tiêu của chúng.

— Và nếu anh gửi thẳng đoạn đắp vá chương trình vào các máy tính của những công ty nhạy cảm nhất thì sao? Các nhà máy điện hạt nhân, các nhà máy điện, các hãng máy bay, các...

Pierre thở dài:

— Chắc chắn rồi Emma, về mặt lý thuyết thì em có lý đó. Ta có thể làm điều này. Ta có thể thâm nhập vào các hệ thống nhạy cảm... nếu ta chịu khó nhọc như người La Mã ngày xưa! Em thử hình dung xem! Tất cả những công ty cấp nước, ga, xe điện ngầm, tàu lửa, tất cả các phi trường, các nhà máy bào chế dược phẩm... Phải mất cả mấy tháng trời để nhận dạng chúng

chứ phải chơi đâu!

Thấy phật ý, Emma đứng dậy, đưa tay một cách máy móc nhét áo sơ mi vào quần tây và đến đứng dựa lưng vào lò sưởi, dưới cái bình đồ của Le Nôtre. Vài hạt mưa đá bự như những hòn bi to theo đường ống khói rơi xuống vỡ tan dưới chân nàng. Không khí đột nhiên mát dịu hẳn.

— Anh thấy kích cỡ mấy hạt mưa đá này không? - Emma kêu lên, dùng các ngón tay cầm một hạt đang tan chảy. - Em yêu tiếng mưa đá rơi. Ban đêm, dưới mái lều, chắc là tuyệt diệu lắm...

Pierre làm bộ không biết đến câu nói đó. Trong những tình huống khác, hẳn là anh sẽ chỉnh ngay người đàn bà Mỹ này, khách hàng quen thuộc của các khách sạn có điều hòa nhiệt độ và chắc chắn kêu la thất thanh khi thấy phải con nhện bé nhất.

— Gần 20 giờ rồi, - anh nói. - Granier đi công viên chưa về sao?

— Về rồi, gần trưa anh ta có quay lại nhưng sau đó thì đi về nhà ở Paris. Cũng sắp trở lại đây đó.

Tất nhiên. Thủ đô thì gần xịt, và gã sở hữu một tư dinh ở quận 17, theo lời Emma nói với anh. Hơn nữa, ta có quyền hỏi là, với một căn nhà trú chân có sẵn như thế, tại sao Granier lại ở lại Versailles đêm qua? Đâu có phải là để giúp họ trong việc tìm kiếm, gã hoàn toàn vô tích sự mà. Vậy thì vì Emma chứ còn gì nữa... Và câu hỏi này, thêm một lần nữa, cứ dằn vặt anh: nếu tên nhà văn không ngủ với nàng thì gã đến phòng nàng làm gì cơ chứ?

Liên quan đến Granier, có một chuyện khác cũng làm Pierre khó nghĩ. Hồi nãy, không có gì làm trong phòng trong khi chờ đợi Emma đọc thư ngoài vườn, anh vào Internet tìm đọc về gã. Bên cạnh những bài báo về các cuốn sách, các bài bình luận thời sự hay các chuyện đào hoa của gã, anh

chợt thấy một mục vặt trong một tờ báo “people” phát hành năm 2004 kể lại rằng, bắt chước Omar Sharif[376] và các tay cờ bạc kinh niên khác, Granier đã quyết định yêu cầu các sòng bạc cấm cửa mình trong vòng ba năm. Nhà báo viết bài này nói bóng gió là trước khi đi đến việc tự nguyện cực đoan này, Granier chắc đã mất khá nhiều tài sản ở sòng cò quay.

Nhưng Pierre không muốn cho Emma biết thông tin này. Hẳn là nàng sẽ đánh giá anh là ưa chõ mũi vào chuyện riêng của người khác, là đồ nhỏ mọn. Ghen tuông. Nói cho cùng, có quan trọng gì không nếu tên nhà văn này cực kỳ giàu có hay bị sạt nghiệp?

— Gã có tìm ra các chỉ dấu nào không ở trong công viên? - Pierre hỏi, tỏ ra bình thản một cách giả tạo.

— Không, không có gì cả. Anh ta thực sự có vẻ vỡ mộng khi rời đây.

— Gã luôn luôn có vẻ vỡ mộng mà.

Emma nghĩ là anh có lý, nhưng im miệng. Pierre hỏi tiếp:

— Và em có nói với gã không?

Nàng kéo tóc lên một lần nữa để sửa lại cái kẹp cho ngay ngắn. Gây khó chịu thật. Tại sao nàng không gỡ nó ra cho rồi?

— Khi anh ta đi thì chúng ta chưa tìm ra cái gì cả. Và em thì đang thảo luận với Terry. Dù sao đi nữa, em không biết tại sao, em...

Pierre không hỏi thêm. Có lẽ anh sẽ không bao giờ biết được chuyện gì xảy ra giữa Granier và Emma, nhưng bây giờ có một điều rõ ràng: nàng tỏ ra xa cách với anh.

— Jean-Philippe chỉ đi về nhà lấy vài đồ dùng. Anh ta sắp trở lại.

Pierre có cảm tưởng nàng sẽ còn nói tiếp, nhưng một tiếng sấm mới, dữ dội hơn những tiếng sấm khác trước đó, đã cản nàng lại.

Emma vội vã bước nhanh về phía cửa sổ, đưa tay gạt màn sáo và thấy cửa nhà để xe, trong khu nhà phụ, mở toang hoác. Hai con mèo trú ẩn ở đó tránh cơn dông.

— Khi em nghĩ đến chuyện Brad mua một con mèo, thật là chịu thương, chịu khó! Để làm em vui đó. Anh ấy ghét mèo lắm.

— Có khỏe không? - Pierre hỏi, không ngẩng đầu lên.

— Cái gì khỏe, con mèo à?

Pierre vẫn không nhếch mép mỉm cười. Emma xin lỗi.

— Xin lỗi... Tất nhiên, anh ấy đâm ra lo lắng.

— Bình thường thôi, không phải vậy sao?

— Đúng vậy, ngược lại mới không bình thường.

Nàng hình dung ra Brad ngồi như đóng đinh trước TV, trước máy tính, canh chừng các tin tức. Nhất là tác động của những cuộc mưu hại trên thị trường chứng khoán. “Babe, em khỏe chứ?” “Darling, về nhà nhanh nghe. Hãy thận trọng nghe.” Cứ mỗi lần nàng đi qua phía bên kia Đại Tây Dương là anh ca cẩm cùng một điệp khúc này. Vậy mà vừa về đến nhà, nàng lại thấy anh ta cắm đầu cắm cổ vào những con số thống kê của sàn NASDAQ! Nhưng nàng sẽ không kể lể với Pierre những nỗi thất vọng gia đình của mình.

— Pierre này, về việc ấy, anh không nghĩ là mình có thể gửi thuốc giải độc cho Puttman sao? Ông ấy có thể chuyển nó đến tất cả khách hàng của Controlware. Như thế thì một phần to lớn công việc sẽ được làm. Và như thế đoạn đắp vá chương trình sẽ khó mà...

— Em tử tế lắm... Dĩ nhiên, đó là việc đầu tiên anh làm nếu ta có thể!

— Anh không tin cậy Bernie à?

— Emma nghe này... Như thể ngẫu nhiên sao đấy, mạng web của Controlware bị tê liệt ngay ngày đầu! Từ đó, không còn ai có thể tải xuống các đoạn đắp vá chương trình hay phần mềm chống virus! Và mỗi khi các kỹ thuật viên sửa chữa mạng web này thì nó bị vô hiệu hóa hầu như ngay tức khắc.

Emma thở dài.

— Em bây giờ hiểu tại sao cổ phiếu của hãng bị tụt dốc! Em cứ tưởng là do cái chết của Dan...

Người đàn bà trẻ hạ ánh mắt xuống, khuôn mặt bất ngờ tái đi. Như thể nàng không chịu thừa nhận là nguyên nhân gây ra giá cổ phiếu sụt giảm không phải là cái nguyên nhân mà nàng mong muốn – sự bày tỏ lòng quý trọng của các thị trường tài chánh đối với người bạn thân nhất của nàng sau khi ông qua đời.

— Dan chết đi, việc này chắc chắn có ảnh hưởng, em có lý đó, - Pierre nói.

Anh không tin chuyện này lắm, nhưng anh không muốn làm nặng thêm nỗi cay đắng của Emma. Trên thực tế, anh tin chắc rằng số mệnh của Controlware từ lâu rồi không còn nằm trên đôi vai Barett. Trước khi cái chết xảy ra, ông chủ sáng lập này chỉ có bận tâm với hoạt động từ thiện của mình thôi. Các cộng sự của ông cũng quả quyết là từ nhiều tháng nay, ông không còn đảm nhiệm vai trò "đầu não nghiên cứu" của mình ở Controlware nữa. Trên những blog cá nhân của vài nhân viên công ty, viết một cách nặc danh, họ kể là ông đã khăng khăng không chấp nhận mẫu điện thoại di động mới nhất. Và Amelia thì lo âu: Dan và bà không còn "cuộc sống lứa đôi".

Pierre nhớ lại một suy nghĩ của Anita, cô bạn tâm lý gia của anh, về chuyện một người bạn chung đã bỏ mạng khi một tòa nhà sụp đổ. Trong thời gian trước khi chết, Anita tin rằng đã thấy anh bạn tỏ ra hờ hững một cách lạ lùng đối với cuộc sống: "Người ta chết khi người ta đã hết sống", Anita nói. Ngoại trừ chuyện Barett không phải là nạn nhân trò may rủi của số phận: những kẻ khủng bố đã ám sát ông để bịt miệng.

— Cái chết của Dan, sự bất lực của Controlware khi đối đầu với bọn tin tặc... chắc chắn là toàn thể các yếu tố này đã làm giá cổ phiếu suy sụp, - Pierre nhấn mạnh.

Emma đi đi, lại lại trong căn phòng, lộ vẻ bị kích động hơn bao giờ hết. Các bước chân giật giật của nàng làm những thanh gỗ lót sàn kêu cót két khó chịu. Pierre suýt chút nữa buột miệng bảo là nàng làm ồn khi bước đi. Nhưng anh sợ một lời đối đáp đau như quất, theo kiểu: "Còn anh, anh làm ồn khi gõ bàn phím đó." Một loại đấu khẩu mà hai người thường giở ra khi còn làm việc trong cùng văn phòng, ngày xưa. Và anh thấy khó chịu vì gió lùa mỗi khi nàng đi vào hay đi ra, với những bước chân sải dài.

Hôm nay, chắc anh phải tự thú nhận điều này thôi, sự có mặt của Emma làm anh bối rối hơn nhiều, như lúc này đây, khi nàng ngồi xuống, bất động, cách anh vài centimét, và anh thấy được ánh mắt nàng. Màu lục đôi mắt nàng, đối với anh ngày xưa, có vẻ lạnh lùng, phảng phất sắc thép. Bây giờ, anh chỉ còn thấy ánh sáng dịu dàng phản chiếu ở đó.

— Thế nhưng, ta phải làm cái gì chứ! - Nàng nói, trở lại ngồi trên living bed, như thể nàng đoán được suy nghĩ của anh. - Ta phải tìm ra cách nào đó để sử dụng các hàng mật mã này! Anh có thể bắt đầu từ những chỗ nguy hiểm nhất, ví dụ như những địa điểm hạt nhân?

— Theo ý anh, đã có nhiều nhà máy điện mà hệ thống tin học hoạt động

theo chu kỳ khép kín. Các kỹ thuật viên của họ chắc đã cắt các đường dẫn vào Internet. Dù phải ngừng sản xuất đi nữa.

— Nhưng nếu bọn tin tặc có những sự thông đồng nội bộ, hay sự tê liệt được lập trình, và không ai phát hiện ra sự tê liệt này, thì họ sẽ không thể ngăn cản được cái gì hết!

— Thực sự là vậy. Rồi còn có những chỗ khác nữa. Tất cả những xí nghiệp này tự cho là bất khả xâm phạm đến độ thấy không cần thiết lập các biện pháp phòng ngừa... Ta vẫn có thể cố gắng đóng lại cái *backdoor* của họ, nhưng bao giờ cũng gặp phải cùng một vấn đề đó cả. Phải nhận dạng từng xí nghiệp một thôi.

Đến lượt mình, Pierre đứng dậy và đi về phía cửa sổ. Anh nhìn quanh, lối đi, các căn nhà phụ và bức tường bao quanh. Lũ mèo đã biến mất. Anh ngước nhìn lên trời. Những đám mây đen đã bay xa bên kia các lâu đài Trianon. Và để lộ phía sau chúng một vòm trời màu xanh lơ, gần như vàng, được chạm bằng những dải ruy-băng hơi nước đang tan dần ở chân trời thành sa mù trắng cụm lại như bông. Anh mở cửa sổ để thở.

Bồng bềnh phía trên Versailles được cơn dông rửa sạch, một không khí ban mai của Ngày Đầu sáng thế.

"Nhưng có lẽ là Ngày Cuối tận thế", Pierre nghĩ.

Emma có vẻ lờ đờ. Anh suy nghĩ một đỗi lâu. Bất thần anh đập nắm tay xuống giường.

— Anh có một ý!

Emma ra khỏi trạng thái đờ đẫn.

— Cái gì?

— Ta phải đụng thẳng chính bọn tin tặc.

— Anh muốn nói gì thế?

— Chính bọn chúng mà ta phải tước đi khả năng làm hại.

— Nhưng bằng cách nào?

— Phải tóm bọn nó bằng chính cái bẫy của chúng. Ta không phải mất hết công sức để đóng lại tất cả những *backdoor* trong tất cả máy tính trên thế giới.

— Vậy thì anh sắp sửa làm gì?

— Anh sắp mở *backdoor* của chúng đây!

38

"Suy tưởng cuối cùng của tôi sẽ dành cho ai? Hình ảnh cuối cùng nào mà tôi sẽ mang theo, vào lúc mà mọi sự chấm dứt?"

Từ vài phút rồi, từ khi anh biết, Pierre bỏ rơi màn hình và bàn phím và, dù không muốn, anh để mình bị lôi cuốn vào vòng xoắn ốc của những ý tưởng làm xáo trộn cả đầu óc. Câu hỏi của cái "suy tưởng cuối cùng", từ nhiều năm nay, thỉnh thoảng vẫn xuất hiện. Nhưng cho tới bây giờ anh vẫn không bao giờ tìm ra được một câu trả lời bền vững. Clara ư? Cách đây năm năm thì nàng hẳn còn "có thể được chọn". Nhưng ngày nay? Anh không tin thế nữa. Anh đã cảm thấy rõ ràng là nàng ít quan tâm đến những việc mà anh cố gắng làm từ một năm nay: trở về nhà sớm hơn vào buổi tối, không chấp nhận lên phi trường ngay từ chiều chủ nhật để sẵn sàng làm việc sáng thứ hai, giúp Gaétan làm bài tập về toán... Anh thổ lộ với Anita. Hai người cùng nhìn lại vào bản đồ những lãnh vực sống của anh. Bản đồ chỉ ra là cái phần đời sống dành cho công việc của anh thì quá quan trọng. Anh đã bắt đầu thay đổi, quân bình lại hệ thống các giá trị của mình. "Nhưng Clara tỏ ra bất cần là tôi về nhà sớm hơn," anh thú nhận với Anita vào một buổi tối u uất. "Cô ấy thích tôi cày hơn, thích tôi kiếm ra cả đống tiền hơn để cô ấy có thể tiêu xài sau đó."

Sự chẩn đoán của Anita thì thẳng thắn. Pierre đang đi qua cái mà cô bạn này gọi là một "lỗ hổng sinh tồn". Những khát vọng của anh và của Clara đã

khác nhau.

— Em đã lập trình cà phê cho anh, anh thích không?

Pierre giật mình và quay mặt lại.

Anh đã không nghe Emma trở lại trong phòng “Moi”. Nàng đã rời anh hai giờ trước để nghỉ ngơi một chút, vì biết rằng nàng chẳng thể giúp anh được gì.

— Trừ phi là anh đói, - nàng tiếp. - 21 giờ rồi đó, và ta chẳng ăn chút gì từ sáng đến giờ.

Nàng đứng ở ngưỡng cửa, rất thẳng người, vẻ mặt mệt mỏi, đường môi cong chán nản. Nàng không trang điểm, và mái tóc vẫn luôn kéo ra đằng sau. Nhưng nàng đã bỏ thì giờ thay quần áo, mặc cái quần dài hòa hợp với chiếc áo sơ mi mới, màu trắng và được ủi thẳng thớm. Lần này nàng có mang nịt ngực. Nhưng cổ áo sơ mi thì mở xuống khoảng chục centimét. Không đủ để lộ ra đôi vú, nhưng đủ để gợi ra dáng cong của chúng.

Anh nhắm mắt lại. Anh ước gì mình được mang đi xa bởi nỗi dịu ngọt mà anh đoán là ở trong tầm tay. Nhưng chuyện mà anh vừa phát hiện trên hệ thống đã ngăn cản anh.

— Cà phê à? Anh muốn uống lắm chứ, - anh vừa nói, vừa giấu vẻ bối rối. - Anh sẽ ăn sau, khi anh xong việc.

Một cái tủ nhỏ mở ra bên phải living bed. Một cái khay, được đặt trên ván kệ, mang cái tách với chút ít hơi nước trên miệng hiện ra.

Một tia cà phê đen chảy từ cái máy pha espresso[377] nhỏ.

Lại một vật dụng lạ mắt của Barett.

Emma bước về phía cái máy pha cà phê.

— Em đã lập trình cà phê cho anh từ dưới nhà. Hẳn là nó chạy đó! Nhưng này, anh có chắc là không sao chứ? Trông anh trắng bệch như chết vậy.

Pierre đẩy bàn phím ra và đứng lên.

— Còn em thì sao? - Anh hỏi với giọng cứng rắn, để tránh khéo câu hỏi cũng như để tỏ ra tỉnh táo.

Câu trả lời của Emma vang ra.

— Em vừa xem tin tức. Ở Zurich, hình như có một con vi khuẩn trong nước uống được đã gây bệnh cho khoảng một trăm người. Lyon đã hoàn toàn không còn được cấp nước. Bộ phận phụ trách khủng hoảng ở Matignon[378] đã yêu cầu tất cả các tỉnh trưởng Pháp kiểm soát chặt chẽ những hệ thống nước trong tỉnh của mình. Anh có thực sự nghĩ là chính những tên khủng bố...

— Anh có bằng chứng về chuyện này, bây giờ đây.

— Xin lỗi? Bằng chứng về chuyện gì chứ? - Emma hỏi lại, lộ vẻ lơ đãng, đưa tay cầm cái tách. - Em thấy ra là đáng lẽ em phải mang lọ đường lên đây, nó không có sẵn đường trong máy...

— Chuyện này... đó là giới hạn của công nghệ cao đấy.

Nàng hơi mỉm cười.

— Em xuống lại dưới nhà lấy đường cho anh!

— Thôi, bỏ qua đi, anh không bao giờ uống với đường. Vả lại, mình có chuyện khác để làm.

Pierre dùng một tay chỉ màn hình máy tính, tay kia cầm tách cà phê do Emma đưa cho. Một lần nữa, anh có cảm tưởng là nàng để cho các ngón tay

hai người chạm nhẹ nhau, một cách cố ý. Nếu như có thể thấy đôi môi anh, Emma hẳn là nhận ra chúng đang run rẩy nhẹ.

Anh ngồi xuống lại trước máy tính, uống một ngụm đầu tiên, hai mắt dán chặt vào màn hình, rồi quay sang phía Emma.

— Em biết đấy, giật gân quá sức!

— Xảy ra cái gì vậy?

— Anh không biết bắt đầu từ đâu...

— Anh đã tìm ra cái gì?

— Tốt nhất là anh chỉ cho em thấy.

Anh nói thêm, giọng đã hạ xuống:

— Anh đã vào trong hệ thống của bọn khủng bố.

— Úi chà!

Anh không phản ứng gì trước tiếng reo khâm phục của người đàn bà trẻ. Hai bàn tay anh vẫn để bên trên bàn phím, các ngón tay xòe ra, bất động.

Emma ngồi bên cạnh anh, đối diện máy tính. Thoạt nhìn vào, nàng chỉ thấy một màn hình đen với các ký tự màu trắng rải rác đây đó. Có những tiêu đề ngắn, bằng tiếng Anh nhưng khó hiểu.

Flooding

ESP

Boston Airport

Operation

DB

Traffic Pharma op

...

Nàng đưa tay cầm con chuột và quay về phía Pierre.

— Để em làm nghe?

— Làm đi!

Nàng nhấp chuột trên từ đầu tiên. Một văn bản hiện ra. Theo sau là nhiều bản khác. Những câu trả lời cho bản văn thứ nhất. Một cuộc đối thoại. Giống như trên một blog. Chắc là có ít nhất khoảng ba chục người ký tên, tên của họ hiện ra ở cuối mỗi bản văn ngắn. Pierre ra dấu bảo nàng dừng con trỏ trên một trong những cái tên đó một lát.

— *Owen... Owen Makresh*. Lạ lùng thật. Cái tên này nói lên cái gì đó với anh, - anh thầm thì.

— Một trong những bạn tin tặc cũ của anh phải không?

Owen Makresh. Dmitri Krashni. Salim Nehma. Bob Linderoth. Kadin Bondarenko... Và một tên T bí hiểm, nhận bản sao của tất cả văn bản. Chắc chắn là tên cầm đầu mạng lưới rồi.

Sự từ chối dịch vụ được phân tán với qui mô khổng lồ. Tài liệu này liên quan tới hàng loạt cuộc tấn công vào hệ thống Internet. Cuộc tấn công vào ngày thứ ba vừa qua, chắc thế. Anh nhớ lại buổi thảo luận ở nhà hàng La Marine. Pierre lúc đó giải thích là bằng cách nào mà bọn tin tặc đã phổ biến một ca khúc nhiễm độc đến hàng triệu máy tính. Granier, tỏ vẻ nghi hoặc và hơi buồn cười với cái "bague d'or" của anh ta, vẫn cứ nhắc lại là những chuyên viên tin học đã làm khiếp sợ, một cách vô ích, đồng bào mình với cái bug của năm 2000, cốt chỉ để bán các phần mềm chống virus.

Nàng kéo màn hình chạy.

— Có phải là bản báo cáo về cơn sóng thần tin học đây không?

— Không phải báo cáo đâu. Thủ tục tấn công đấy!

Tất cả đều được diễn tả một cách chi tiết. Đây này: tất cả cơ chế khởi động cuộc tấn công đã làm tê liệt thế giới năm ngày trước đó. Danh sách tất cả những máy chủ sơ cấp bị nhắm đến. Danh sách những ca khúc được ưa chuộng nhất, xếp theo từng nước. Những đĩa hát rất thành công đã phục vụ như phương tiện chuyên chở cho bọn khủng bố để đưa con virus đang ngủ vào trong hàng triệu máy tính mà người sử dụng không biết chi cả. Đây này: con virus đã được lập trình để thức dậy và tự động khởi động, ngày 11 tháng 9, vào lúc 8 giờ 46 phút, theo giờ New York, gây cho Internet bị vỡ chỗ phình mạch trên qui mô khổng lồ, và mở ra cái *backdoor* đáng ghét đó trong mỗi máy tính bị lây nhiễm.

— Nhưng anh đã làm cách nào để vào được trong đó?

— Anh sẽ giải thích cho em sau, phức tạp lắm.

Anh cũng có quyền giữ cho mình các bí mật chứ, nói cho cùng.

— Và anh đã cảnh báo cho ai?

— Không ai cả. Anh chỉ mới...

— Nhưng anh điên quá rồi hay sao? Phải gọi cho Nhà Trắng,[379] FBI,...

Pierre chụp cánh tay nàng ngay lúc nàng đứng dậy.

— Chờ chút, em chưa thấy gì cả.

Anh nhấp chuột trên những tiêu đề khác, từng cái một, không thả cổ tay nàng ra. Emma thấy mở ra hàng loạt khoảng mười lăm tài liệu, tương tự như cái mà nàng vừa đọc qua. Ngày tháng, địa điểm, mục tiêu. Các tiêu đề lần này thì không mơ hồ. Và có vài địa điểm thì quen thuộc lắm. Nàng nhặt nhạnh một vài cái tên trong số đó, một cách ngẫu nhiên.

04/08 02.20 pm.

Nhà máy dược phẩm Meliton G, Boston

11/09 06.15 am.

Nhà máy Atofina, Marseille

11/09 06.16 pm.

Nhà máy điện, Syracuse, New York

11/09 06.17 am.

Nhà máy điện hạt nhân Susquehanna, Pennsylvania

12/09 06.18 am.

Nhà máy điện, Ottawa

12/09 06.19 am.

Nhà máy điện, Cleveland

13/09 07.30 am.

Các nhà thuốc Tây, miền Đông Hoa Kỳ, Tokyo

13/09 04.00 am.

Hệ thống GSP

13/09 06.50 pm.

Hệ thống quản lý giao thông, Paris, Luân Đôn, Berlin

13/09 06.10 pm.

Hệ thống cấp nước uống được Lyon, Zurich, Manchester, Hong Kong

— Chúa ơi! - Emma thầm thì, rút bàn tay ra như thể để tạo ra khoảng cách xa nhất có thể giữa nàng và nỗi kinh hoàng mà nàng phát hiện trên màn hình.

Cà phê của Pierre bắn ra dưới đất, làm thành một vết đen trên sàn gỗ.

Nhưng Emma hầu như không nghe tiếng tách sứ vỡ ra. Màng nhĩ nàng vang vang tiếng tim đập. Hai chân nàng run lên. Nàng có dưới mắt danh sách của tất cả các máy tính mà bọn khủng bố đã tấn công. Xếp theo thứ tự ngày tháng.

Và không phải hết đâu.

— Nhìn ngày tháng kìa, Pierre nói, kéo tập tin trên màn hình xuống từng hàng một. *24, 25, 26 tháng 9.*

— Đó là những mục tiêu sắp tới của chúng.

24/09 02.08 pm.

Nhà máy Lipitrane, New Delhi

24/09 03.00 pm.

Nhà máy dược phẩm Alzeimid, Los Angeles

24/09 10.08 pm.

Trung tâm giao hàng của các nhà thuốc Tây, Cupertino

24/09 05.00 am.

Trung tâm phân phối dược phẩm, Sunnyvale

26/09 02.15 am.

Nhà máy Dolitor, New Delhi

27/09 10.13 pm.

Văn phòng các nhà thuốc Tây, Mountain View, Espoo

27/09 11.50 pm.

http://tieulun.hopto.org

Công ty cung ứng dược phẩm, Kita-shinagawa

27/09 05.30 am.

ArtaGene, Singapour

27/09 06.00 am.

Alzacorp, Reykjavik

30/09 08.08 pm.

Biobank, Nhật Bản, Hokkaido

12/10 04.08 am.

Dự án Gien đơn bội Estonie, Tallin

14/10 11.08 pm.

InmeGeN, Mexico

30/10 01.38 am.

Karolinska Gen, Stockholm

31/10 04.50 am

Viện nghiên cứu Gien đơn bội, Bắc Kinh

03/11 05.30 am

TheraBio, Tel-Aviv

— Hôm nay là ngày 14 tháng 9, - Emma thầm thì. - Bọn khủng bố sẽ làm gì giữa ngày 14 và 30? Đi tắm biển à?

— Có thể tưởng như thế.

Những tên khủng bố có dự kiến một khoảng nghỉ kỹ thuật nhằm sửa soạn những cuộc tấn công mới không? Hay là chúng dành thời gian này để

thương lượng trong vòng bí mật với các chính phủ?

Trên màn hình, một đứa mang tên Dmitri Krashni bắt đầu bằng cách đưa ra bản báo cáo về chiến dịch "Phi trường Boston" mà hắn gọi là cuộc "tổng diễn tập". Một thành công. Hơn hai ngàn hộp đã được giao. Những tác dụng độc hại của *mélatonine* được phát tán trong nhiều thành phố lớn. Nhưng những tổn thất thì ít quan trọng hơn dự kiến.

Chiến dịch đó dự định sẽ được lặp lại, lần này thì ở qui mô lớn. Khoảng một chục thành phố sẽ bị tấn công, thông qua các nhà thuốc Tây nằm trong các khu phố "được chọn", ở Cupertino, Sunnyvale, Dulles, Amsterdam, Kyoto, Tokyo (Kita-shinagawa), Berlin. Bọn tin tặc bắt đầu bằng cách thâm nhập vào hệ thống tin học của những nhà máy dược phẩm bào chế các thứ thuốc được các nhà thuốc Tây "bị chọn" bán ra. Chúng sửa đổi các định lượng dược chất trong quá trình chế tạo, biến hàng loạt thuốc men thành thuốc độc thực sự. Và vì chúng nắm được toàn bộ hệ thống sản xuất, chúng có thể quyết định biến đổi tất cả những gì chúng muốn: các số lượng được sản xuất, thời khóa biểu, các đơn đặt hàng, các địa điểm giao hàng.

Lần này, chiến dịch không liên quan tới *mélatonine* nhưng tới Lipitrane, thuốc chống cholestérol được bán nhiều nhất trên thế giới, và Dolitor, thuốc giảm đau rất có tiếng. Bọn tin tặc đã vào được các máy tính trung tâm của hai nhà máy chế tạo các loại thuốc này ở New Delhi.

Emma không có kiên nhẫn để tiếp tục đọc hết danh sách.

— Bọn chúng sẽ làm cho thế giới tràn ngập thuốc men bào chế bịp bợm!

— Các thứ thuốc phá hủy trí nhớ.

— Và làm chết người!

— Theo bề ngoài, mục tiêu ban đầu của chúng không phải là giết người nhưng biến đổi con người thành rau củ.

— Quả là điên rồ!

Pierre mở một tập tin khác mang tên Bhatnagar, New Delhi. Quá trình nắm lấy sự điều khiển cái máy tính trung tâm của nhà máy thuộc sở hữu công ty đa quốc gia Đức trong ngành bào chế dược phẩm, được đề cập đến một cách chi tiết. Địa điểm này là trung tâm chính sản xuất ra Nexor, một thứ thuốc dùng để chữa trị bệnh Alzheimer. Máy chủ đã bị "mở ra" vài tuần trước khi cuộc tấn công ngày 11 tháng 9 xảy ra. Chính ông Chủ tịch-Tổng giám đốc sáu tháng trước đã vô tâm vô ý đem con virus vào, khi ông nối kết điện thoại di động của mình với máy tính để bàn để nghe nhạc do con trai ông tải về. Đầu tháng tám, Krashni và các tên đồng lõa đã tìm ra hệ thống tin học nội bộ.

Phần tiếp theo thì khủng khiếp. Chúng vào được chương trình quy định việc chế tạo thuốc. Chúng thay đổi thành phần của thuốc. Trong ba ngày liên tiếp, nhà máy chỉ sản xuất ra thuốc giả.

— Pierre này, anh có hiểu ra việc chúng làm không?

Một lần nữa, cái giọng nói gấp gáp đó. Cách nói thúc đẩy đó. Nỗi kinh sợ xâm chiếm người đàn bà Mỹ khiến nàng tìm lại những phản xạ cũ của mình.

— Anh nghĩ là có. Chúng biến đổi các thứ thuốc thông dụng. Cái phân tử loại bỏ những tác dụng của jetlag thì được trộn lẫn với một chất nó làm...

— Nó làm cho mất trí nhớ nhanh hơn, đúng đó, làm mất nhanh hơn! Chính xác là như thế. Nó tấn công vỏ não, vào khu vực điều khiển sự suy nghĩ. Pierre...

Emma nắm lấy tay Pierre.

— Pierre... Chúng chế tạo loại thuốc đã giết chết Kathrin Strandberg đó!

Và chúng sẽ làm cho thế giới tràn ngập với các loại thuốc khác nhưng có cùng tác dụng!

— Và chúng sẽ giết hại hàng nghìn người. Những người vô tội. Những người tin mình uống *mélatonine* thật, thuốc chống đau thật, hay thuốc chống cholestérol thật, rồi sau đó thì bị mất...

— Trí nhớ. Rồi chết. Giống như... giống như Dan.

— Phải đó, nhưng đối với ông ta, chắc là chúng cho uống thuốc trực tiếp. Anh cũng muốn tin vào sự ngẫu nhiên lắm, nhưng anh không hình dung ra được là ông ấy tự mình đi mua *mélatonine* ở Boston, phải vậy không?

Emma nghiến răng. Nàng không thể chịu đựng được nữa.

— Đồ quái vật! Tại sao chúng làm thế?

— Anh nghĩ mình đoán được, - Pierre trả lời, anh đã có thì giờ tiếp thu và hiểu những thông tin mà Emma phát hiện ra.

Anh đặt ngón tay lên màn hình, chỉ ra những hành động được dự kiến của bọn tin tặc.

— Các thành phố được nhắm đến, Emma. Nhìn này! Cupertino, Sunnyvale, Mountain View, Kita-shinagawa, Espoo... Em không thấy gì hết sao?

— Cupertino, có chứ. Là trụ sở của công ty Apple và...

— Đúng rồi. Và Sunnyvale, trụ sở của Oracle. Mountain View, trụ sở của Google. Espoo, của hãng Nokia, - Pierre phát âm rõ từng chữ một. - Đây là những thành phố mà những công ty cạnh tranh với Controlware đặt trụ sở. Những nơi mà tất cả những cán bộ lãnh đạo sống hay đến hội họp. Và mua thuốc men.

— Ác mộng!

http://tieulun.hopto.org

Emma đưa hai tay ôm đầu và đạp chân xuống nệm của living bed. Nàng quen biết tất cả những người này. Họ là một phần thế giới nghề nghiệp của nàng. Vài người là bạn nàng.

— Tất cả những nhân vật có thế lực lớn thuộc những đại xí nghiệp công nghệ của thế giới bị lên án tử. Một cái chết chậm, ít nhiều trong ngắn hạn.

Bộ não lụi tàn, trí nhớ bị ruồng bỏ. *Out of memory*[380], như người ta nói trong ngành tin học. Một sự mỉa mai tàn nhẫn của số phận đối với những người đã làm giàu bằng cách cho tràn ngập thế giới với những bộ nhớ của mình. Đối với bọn khủng bố, các giáo hoàng của công nghệ cao sẽ chết từ những cái do chính mình tạo ra. Pierre buông người xuống trước lò sưởi, đầu nghiêng ra sau, rồi nhắm mắt lại.

Cuốn phim chạy trong trí anh, và anh chống chọi để khỏi đi đến tận cùng lập luận của mình. Nhưng làm sao mà cản được đây? Những người lãnh đạo những xí nghiệp công nghệ lớn, chết hay không còn khả năng suy luận. Cổ phiếu của xí nghiệp họ lao xuống dốc trên sàn chứng khoán. Trong vòng vài tuần, những tên tin tặc sẽ gây ra cuộc phá sản tài chánh lớn nhất trong lịch sử chủ nghĩa tư bản. Và loại bỏ, trong quá trình sụp đổ, những đối thủ của Controlware. Apple, Google, Sony, Palm, Nokia... Không người lèo lái, không động cơ, những con tàu say trong biển cạnh tranh toàn cầu. Những con quái vật đã bị hủy não. Bị đấm nốc-ao đứng. Chính Barett cũng chưa bao giờ làm được như thế.

Trong trường hợp đó, mảnh đất sẽ được dọn sạch để Controlware tiếp tục thống trị thế giới. Thế giới của máy chơi "game", điện thoại và TV. Những thị trường mới của Controlware, những hoạt động này được công ty phát triển một cách tăng tốc từ khi Barett lui về hậu trường.

Pierre thấy trong ánh mắt Emma là nàng cũng đã suy luận như anh.

— Pierre...

— Ừ?

— Đằng sau những Krashni này, những Nehma này, là có ai đó. Tất nhiên thôi. Ai đó có quyền lợi để phá hủy các xí nghiệp đó, để đè bẹp thế giới công nghệ nhằm thống trị nó theo ý mình hơn sau đó.

Nàng im lặng một lát.

— Anh có tin là...

Pierre im lặng gật đầu.

Họ nghĩ tới cùng một người.

Bernie. Bernie Puttman. Nếu chỉ có một người thủ lợi trong tai họa lớn lao mà họ trải qua từ bốn ngày nay, thì chính là ông ta.

http://tieulun.hopto.org

39

Emma ngồi im trên living bed.

— Khủng khiếp quá, Pierre, khủng khiếp quá! Phải chận nó lại! Ta không thể ngồi ở đây như đồ...

— Đúng vậy, như đồ "con"[381]. Người ta nói thế đó, trong tiếng Pháp.

Pierre hẳn là có thể thô bỉ hơn. Nhưng anh cố gắng suy luận. Anh chờ Emma nhảy lên chụp cái điện thoại di động của nàng. Gọi cho công an. Gọi cho các cơ quan tình báo. Gọi cho một trong những bà bạn làm lớn, hội viên của WAC. Hay gọi cho Nhà Trắng, tại sao không? Nhưng đó có phải là giải pháp tốt không?

Có cái gì đó làm anh khó chịu nhưng anh không biết tại sao.

Emma vẫn bất động, ngồi như dính chặt trước màn hình, đôi mắt đẫm lệ. Chắc là nàng còn nghĩ đến những người bạn ở Sunnyvale hay Cupertino. Hay là Dan. Đột nhiên, nàng lên tiếng:

— Pierre! Bọn khủng bố có biết không? Chúng có biết là mình biết không?

Pierre ép hai bàn tay vào thái dương, như thể làm nhẹ đi áp lực đang đè nặng lên người.

— Chúng không biết, chắc chắn thế! Nếu mà ta không thảo luận với

chúng.

— Thảo luận à?

— Đúng, hay là tán gẫu, buôn chuyện, nếu em thích nói thế hơn. Em thấy không, ở đó, phía dưới màn hình? Cái biểu tượng đó? Hộp thoại của chúng đấy. Một loại MSN[382] nội bộ, riêng trong hệ thống. Owen Makresh, Dmitri Krashni... Chúng có thể trao đổi với nhau trực tiếp.

— Và về phần mình, ta có thể nhập vào được không?

Anh tỏ ra do dự một chút rồi trả lời:

— Được, nhưng nói sao đây với em... Bây giờ, ta chỉ đứng trước ngôi nhà của chúng, đại loại như vậy. Và chúng không thể nhận ra sự có mặt của ta. Nhưng nếu ta đẩy cửa...

— Thì ta không thể tháo lui được nữa.

— Em hiểu hết rồi đó.

— Vậy thì, ta làm gì đây? Ta báo động cho ai, trước tiên?

Pierre nhận ra là nàng còn hoang mang hơn cả anh nữa.

— Thông thường, - anh nói, - thì người ta phải gọi cho IICC.

— IICC?

— Đúng, công an tin học, nếu em thích hơn.

— Vậy thì gọi đi chứ!

— Từ từ đã Emma. Ta có chút thì giờ mà, phải không?

Anh hẳn là không biết giải thích tại sao, nhưng anh thấy báo động với chính quyền thì có vẻ mạo hiểm quá. Anh muốn tranh thủ thời gian hơn. Suy nghĩ thêm. Anh có cảm tưởng như đã bỏ qua một yếu tố quan trọng,

nhưng yếu tố nào đây?

— Sao vậy kìa? Ngược lại, phải làm gấp lên chứ!

— Cuộc tấn công sắp tới chỉ sẽ xảy ra vào ngày 24 tháng 9. Từ đây đến đó...

— Từ đây đến đó à?

Emma nhìn thẳng vào mắt Pierre. Lần này, anh không thấy vẻ quả quyết thường lệ mà là nỗi lo âu bất thường, và dịu dàng gần như van nài. Như thể cái lớp vỏ bảo vệ của *Mrs. Shannon, chief executive officer* của Berkings & Shannon, đã tan chảy dưới sự căng thẳng.

Pierre dang tay quàng vai nàng.

— Đến đó đi, - anh thầm thì.

Nàng không có thời gian để trả lời. Anh đã ghé mặt lại gần, và môi anh chạm qua môi nàng. Một vuốt ve vụng trộm. Một nụ hôn lóe sáng.

Pierre lùi lại vài centimét để nhìn người đàn bà trẻ này. Chỉ cần bắt gặp ánh mắt nàng là đủ để anh ham muốn nàng. Anh cảm thấy bắt buộc phải nói ra điều này với nàng:

— Anh thèm yêu em lắm, - anh thì thầm, - chỉ nhìn em thôi... Không chạm đến người em. Em hiểu chứ?

Anh không chỉ muốn là nàng hiểu hay nàng đoán được nỗi ham muốn của anh. Anh muốn nàng cảm nó, muốn nàng thấy nó. Anh muốn nàng không hạ ánh mắt trước sức mạnh không gì cưỡng lại được mà nàng khởi động nơi anh.

Emma biết là không có vẻ gì "cao ngạo đàn ông" trong thái độ của anh, không có gì tự phụ hay giả tạo, đơn giản là một cách nói lên tình yêu của anh khi những từ ngữ của tình yêu này bị cấm cản.

Người đàn bà trẻ nín thở, không cử động. Nàng để cho các ngón tay Pierre rờ nhẹ đôi vú và vuốt ve khuôn mặt nàng. Anh đưa cả hai bàn tay ôm lấy đôi má nàng rồi nhìn nàng đăm đăm. Hai vệt đen đã khô, ngay phía trên những quầng thâm quanh mắt, tạo thành hai nét vẽ vụng về, nguệch ngoạc trên làn da trắng của nàng.

Không phù hợp với những tiêu chuẩn sắc đẹp, Pierre vẫn thấy cách trang điểm này hấp dẫn. Dù thế nào đi nữa, nó hấp dẫn hơn nhiều những lớp kem, lớp phấn và vẻ ngoài đứng đắn mà Emma phô trương khi nàng ngồi chễm chệ trên khán đài WAC với những người bạn của nàng. Nhà nhiếp ảnh nữ người Pháp Bettina Rheims một ngày kia đã thực hiện một xê-ri ảnh chân dung các ngôi sao không trang điểm gì hết. Anh còn nhớ những hình ảnh "mộc" đó. Laetitia Casta, Béatrice Dalle, Milla Jovovich[383], mắt đỏ, lông mi ẩm ướt, một vết sẹo nhỏ như chỉ hồng chạy dưới bẹn rám nâu.

Sắc đẹp, đó là cái gì còn lại sau khi son phấn đã trôi đi.

Và nhất là sự dịu dàng cực kỳ quyến rũ này. Lụa của đồ lót mà Emma mặc dưới áo sơ mi. Mùi nước hoa dịu nhẹ đã cuốn anh đi trong đêm hôm ấy ngoài bãi biển. Làn da mát dịu của hai bầu vú mà giờ đây anh ve vuốt và cảm thấy dưới các ngón tay hai đầu vú chắc, săn cứng. Trong đời mình anh không có kỷ niệm đã vuốt ve những bộ ngực mịn như nhung như vậy.

Giờ đây, nàng cũng mở mắt ra. Và luồn bàn tay dưới áo sơ mi Pierre. Các ngón tay nàng chạm nhẹ ngực, bụng anh, ngừng lại rồi lại tiếp tục trên các dấu vết vụng trộm của chúng. Trong đời mình, anh chưa từng được mơn trớn bởi đôi tay nghệ sĩ dương cầm như vậy.

Khi Pierre kéo dây áo ngực Emma xuống để hôn lên bầu vú phải, nàng để người ngả ra sau, trên living bed. Anh giữ nàng lại.

— Emma, - anh thì thào. - Đứng dậy!

Nàng không hỏi anh tại sao. Anh giúp nàng đứng lên, hôn rất lâu lên môi nàng, rồi tuột áo quần nàng. Nàng nhìn anh, ngoan ngoãn, im lặng, ánh mắt vô định. Mỗi cử chỉ của Pierre, mỗi cái nhìn đều làm tăng niềm ham muốn khoái cảm của nàng. Không người đàn ông nào, cho tới bây giờ, đã đáp ứng đúng như thế nỗi chờ mong này mà nàng không biết bày tỏ ra sao. Như thể anh đoán được những ham muốn của nàng, như thể anh là nàng. Lần đầu tiên trong đời, nàng làm tình trong sự giao cảm tuyệt đối.

— Anh là giấc mơ của đàn bà con gái, - nàng nói nhỏ giọng.

Có lẽ anh không hiểu điều nàng muốn nói. Nhưng anh phải biết ít nhất một lần trong đời anh là anh đã thỏa mãn, vượt quá cái có thể hình dung được, những giấc mơ của một người đàn bà, những khát vọng sâu sắc nhất của nàng.

Một lát sau, anh đối diện nàng, không còn áo quần trên người, như nàng.

Anh quỳ xuống và bắt đầu ôm hôn người nàng. Bụng, hai chân, rồi đôi vú, ngực, chỗ lõm ở cổ tay. Đôi vú, thêm một lần nữa, rất lâu, tận hốc cổ. Trong khi vuốt ve đôi chân nàng, anh cảm thấy trong tóc mình các ngón tay dịu dàng của Emma phát ra cơn run đều đặn. Và khi ngược lên lại khuôn mặt nàng, khi môi nàng hòa lẫn với môi anh, anh nhìn đôi hoa tai nàng lung lay. Tới bây giờ anh không chú ý đến món đồ trang sức này. Chúng làm thành từ một cái khuyên bạc có móc những sợi chỉ nhỏ màu đen đính những viên ngọc trai đỏ thẫm. Món nữ trang mang tính nghệ sĩ giang hồ. Nữ trang của đứa trẻ trốn học đi chơi. Trong khoảnh khắc nhìn đồ trang trí này, anh thấy tiêu tan trong tâm trí mình hình ảnh của người đàn bà mặc bộ áo váy nghiêm túc, hình ảnh của người đàn bà giỏi việc ngồi chễm chệ trong ban lãnh đạo Berkings & Shannon. Anh cảm thấy biến đi, như trong

một giấc mơ mà anh hẳn là không dám tưởng tượng ra, pho tượng bằng cẩm thạch lạnh lùng của Emma Shannon. Nỗi ham muốn càng tràn ngập nàng thì nó càng tan biến đi giữa hai bàn tay anh.

Anh ước gì giữ được nàng như thế này, làm đông lại ánh mắt mơ hồ và điên dại của nàng. Nhưng rồi một nỗi ham muốn tương tự cuốn cả anh đi.

Khi anh vào bên trong nàng, trên giường của Dan Barett, khuôn mặt của con người đã đưa họ đến tận đây, ông chủ Controlware, xẹt ngang trong đầu anh. Pierre đang làm tình với người đàn bà mà Barett đã yêu trước anh, có lẽ trên chiếc giường này. Một hình ảnh tục tằn hiện ra trước mắt anh. Barett thu âm giọng nói Emma trong lúc mây mưa. Có thể nào ông ta đã lập trình những tiếng kêu khoái lạc của nàng bằng MP3 giống như ông đã thu tiếng nàng khi nàng phát âm "Le Nôtre", "số không" hay "một" không? Có khi nào những tiếng kêu ấy sắp sửa khởi động, kia kìa, trong vài giây, thể hiện các dữ kiện bằng hình ảnh trên màn hình, hay cho phát ra một thứ nhạc nhục cảm qua các loa gắn trong giường không? Hay là tồi tệ hơn, phát ra giọng nói của chính nàng, báo rằng "đây là lần thứ hai và lần cuối cùng" không? Pierre loạn trí rồi. Loạn trí hơn cả Barett. Loạn trí, có lẽ, bởi vì anh chỉ còn vài giờ đồng hồ để sống.

Nhưng Emma không kêu la, nàng chỉ khẽ rên rỉ. Và anh thích những âm thanh rên rỉ vì khoái lạc này, anh gọi chúng đến mà. Như trên bãi biển ở mũi Manvieux, anh không đủ sức cưỡng lại sự lôi cuốn mãnh liệt của chúng. Tận bây giờ anh chưa từng cảm nhận, trong thân thể người đàn bà, một sự nóng bỏng đến thế.

Anh đẩy nàng nằm nghiêng nhưng nàng chồm lên người anh. Tóc nàng bay bay. Ngồi trên bụng anh, đầu ngửa và hai cánh tay chống ra sau để giữ thăng bằng, nàng có vẻ như dâng tặng anh cả bộ ngực đẹp đẽ của mình. Anh nắm lấy hai bên hông nàng, kéo nàng thật mạnh về phía mình để còn

vào sâu trong nàng hơn nữa. Anh có cảm tưởng là chính nàng mới vào sâu trong anh, chứ không phải ngược lại, khi hai người hợp nhất một cách nóng bỏng. Nàng có anh.

Anh còn thời gian tự hỏi, để đổi hướng suy nghĩ và kéo dài cơn khoái lạc, là sự cuốn hút không kiểm soát này chỉ hoàn toàn do mình nỗi sợ hãi cái chết gây ra hay sao. Hay là do ý chí thách thức cái chết.

Chết. Yêu. Yêu đến chết. Chết vì yêu. Hai từ này quay nhiều vòng lệch hướng, đau khổ và vui sướng. Hai bàn tay người đàn bà trẻ bây giờ níu cứng anh. Nàng không ngừng lẩn tránh đôi môi anh, để rồi trở lại, mãnh liệt hơn, căng thẳng, nóng bỏng, van xin.

Cuối cùng anh giữ yên nàng, khuôn mặt anh áp sát khuôn mặt nàng, môi anh dính chặt môi nàng, ngay vào lúc anh tan ra trong nàng.

Anh cảm thấy lúc đó có một tấm lụa mênh mông trùm lên anh, bao bọc anh. Rồi hầu như tức khắc, một ánh chớp màu xanh xẻ rạch nó. Một đốm sáng phá hoại quay tròn trong căn phòng.

Cơn múa may khật khùng của một cái đèn pha quay.

Bên ngoài, các xe cảnh sát và xe cứu thương mở còi hụ chát chúa trên đại lộ.

http://tieulun.hopto.org

40

Jean-Philippe Granier để các chìa khóa xe Porsch và cặp kính râm lên trên tủ có ngăn kéo kiểu Louis XV. Gã đã cạo râu, thay quần dài và áo veste sậm màu bằng quần jean với sơ mi vàng nhạt hở ngực. Gã châm lửa một điếu thuốc; từ chuyến đi bằng xe hơi gã bắt đầu hút thuốc lại. Gã hít vào một hơi, thở dài, và tự rót cho mình một ly whisky. Ngày hôm trước Emma đã chỉ cho gã thấy chỗ giấu bar rượu: một cái tủ làm lạnh được chèn khít trong bức vách ngăn phòng, bên trái lò sưởi.

Tên nhà văn tỏ vẻ bực mình. Sau khi đi lên, đi xuống một cách vô ích các ngôi vườn suốt cả buổi sáng, gã muốn tạt qua căn hộ của mình. Nhưng ở mỗi ngã tư, xe cộ dồn đống khiến giao thông bị tê liệt. Gã mất ba tiếng đồng hồ mới đến được Paris và cũng mất chừng đó giờ để trở lại Versailles. Đã thế lại còn phải dùng đến mấy cái mánh của dân Paris là chọn đi các con lộ nhỏ ở Marnes-la-Coquette và các lối đi trong công viên Saint-Cloud. Và tất cả thời gian đó thì không mở máy lạnh, để tiết kiệm những giọt xăng cuối cùng.

— Tưởng như đang ở Bagdad! - Gã nói với Emma ngay lúc nàng bước vào phòng khách. - Đèn đỏ không hoạt động, các đại lý xăng dầu thì hết hàng, công an cảnh sát khắp nơi... Nhưng cô đã ở đâu? Tôi gọi cô khi về đến đây, cô không nghe sao?

— Tôi không nghe, - Emma trả lời, ánh mắt lơ đễnh. - Tôi làm việc trên

lầu, với Pierre. Jean-Philippe, có phiền không nếu anh tắt điếu thuốc? Dan không chịu nổi người ta hút trong ngôi nhà này.

Nàng vừa tắm vòi hoa sen xong. Hai thái dương và một phần món tóc buộc ngược mà nàng búi lại trên đầu bằng một cái kẹp đồi mồi để khỏi bị ướt, thì còn ẩm ướt. Nhưng Granier có vẻ không để ý.

— Cô không nghe tiếng còi hụ sao? - Gã vừa nói, vừa đưa mắt tìm cái gạt tàn để dụi điếu thuốc.

Gã đi ra sân hiên kề bên phòng khách và đến gần cửa ra vườn. Cửa tự động mở ra. Granier ném điếu thuốc xuống ngưỡng cửa, không dụi tắt nó.

Lúc này là 23 giờ và trời tối đen. Mẩu thuốc lá còn cháy một lát trên cỏ. Xa hơn, vài ngọn đèn chiếu soi sáng các bồn phun nước, các pho tượng và căn nhà nhỏ dành cho âm nhạc.

— Còn có một tai nạn ngay gần đây, - gã nói, tay ném gói thuốc lá Marlboro lên cái bàn thấp, - một sự cố chập mạch đã gây ra hỏa hoạn ở nhà ga Versailles-Chantiers, lính chữa lửa bị quá tải...

— Thực sự là tôi có nghe tiếng còi hụ, - Emma trả lời. - Gần đến nỗi khiến tôi thậm chí có lúc nghĩ là cảnh sát sắp xông vào nhà này.

Nàng nhìn thẳng vào mắt Granier.

— Thôi, đó không phải là chuyện để nói. Pierre đã khám phá ra những chuyện trầm trọng trên hệ thống.

— Trên Internet à?

Granier nhíu mày, nghi hoặc, như thể để cho người đối thoại biết là, đối với gã, tất cả những gì xảy ra trên Internet đều là ảo, theo nghĩa đầu tiên của từ này. Lý thuyết, không thực. Emma bắt đầu kể cho gã nghe những biến cố xảy ra chiều vừa qua nhưng không thấy hứng thú chi cả. Nàng nói

với giọng mệt mỏi, đơn giản hóa quá mức thứ tự thời gian của các biến cố và bỏ qua không đề cập đến hai giai đoạn: việc phát hiện con đường hầm và sự khám phá ra định lý về sự hiện hữu của Thượng đế. Nàng không muốn nói với gã về đề tài này chút nào. Tại sao, mẹ kiếp, nàng không tài nào tin cậy gã? Dù biết là cần thiết!

— Và sao nữa? Cô sẽ làm gì đây? - Granier chặn nàng lại, tuy đã nghe một cách lơ là.

— Bọn tôi cố biết thêm. Pierre đang tập hợp các thông tin. Sau đó, bọn tôi sẽ liên lạc với các chuyên gia đấu tranh chống tội phạm tin học. Hay các quan chức chính phủ. Cái hiệu quả nhất...

Nàng ngừng một chút.

— Trước tiên, ta phải chắc chắn rằng cuộc tấn công tiếp theo là cuộc mà Pierre đã phát hiện, và nó sẽ chỉ xảy ra trong mười ngày tới. Về nguyên tắc, điều này được chỉ ra bởi cái mạng web mà trên đó...

Granier cắt ngang sự giải thích của nàng, và nói to:

— Truyền hình. Bật lên.

Emma suýt nữa buột miệng bảo gã là sự điều khiển không hoạt động theo tiếng Pháp, hay với giọng nói của gã, nhưng nàng lầm: màn hình lớn nhất bật sáng. Và gã không cần đổi đài để nghe tin tức. Tất cả các hệ thống TV lớn tiếp tục nói đến những thảm họa những ngày vừa qua và những hậu quả của chúng: vụ nổ ở nhà máy điện Marseille và những sự cố mất điện lặp đi lặp lại nhiều lần ở các nhà máy điện vùng Đông Hoa Kỳ. Người ta cũng đề cập đến việc nhà máy điện hạt nhân Susquehanna đóng cửa. Sự tê liệt này đã phát động hàng loạt quyết định ngừng hoạt động các lò phản ứng trên thế giới, đóng lại vì những lý do an toàn. Thiếu điện ở rất nhiều nơi. Nhưng còn có thứ đáng lo sợ hơn nhiều. Các hệ thống nước bị nhiễm

khuẩn ở Lyon, Hong Kong, Zurich và bây giờ ở Manchester và Berlin khiến dân chúng hốt hoảng. Người ta sắp hàng dài chờ đợi trước những cửa hàng nước khoáng dã chiến mọc ra trên những bãi đậu xe của các siêu thị. Trong các bệnh viện, các khoa cấp cứu đều quá tải. Nhiều thành phố đã trưng dụng các phòng tập thể dục để đặt giường nhằm tiếp nhận cư dân không thể về nhà và những trang bị sơ cứu, nhất là cho sự truyền dịch. Ở Pháp, Công đoàn bác sĩ cấp cứu vừa ra tuyên bố là mọi người đang tiến dần tới một tai họa lớn. Mười lăm ngàn người chết vào mùa hè năm 2003, mùa hè nóng bức, sẽ trở thành một tin vặt tầm thường nếu đem so với hậu quả của cuộc đầu độc toàn diện trong các hệ thống cấp nước uống được. Vào lúc này, những vi khuẩn có mặt trong các thành phố bị hại không gây chết người. Nhưng câu hỏi được tất cả các hệ thống TV đặt ra là: nếu, ngày mai, một con vi khuẩn khác được đưa vào trong nước?

Tình trạng giao thông tê liệt trong vài thủ đô lớn ở phương Tây làm tăng thêm sự hốt hoảng. Nhiều tổng thống, thủ tướng can thiệp trên truyền hình, phát sóng trực tiếp. Ngày mai, họ sẽ đến Washington dự cuộc họp thượng đỉnh của G8. Chủ tịch nước Trung Quốc và Thủ tướng Ấn Độ cũng được mời dự. Hai nước họ thì không bị hại, các cuộc tấn công tới bây giờ đều nhắm vào các nước giàu có nhất. Nhưng có lẽ đó chỉ là loạt đạn đầu. Các chuyên gia đưa ra những giả thuyết kỳ cục nhất. Không một thảm họa nào được ai lên tiếng nhận trách nhiệm, và không ai mang lại bằng chứng về mối liên hệ có thể có giữa hàng loạt tai họa và sự tê liệt tin học xảy ra tuần trước.

Đài truyền hình cũng phổ biến vài hình ảnh đám tang của Dan Barett vào cuối buổi sáng ở Boston. Emma ước gì xem được cả chương trình phát sóng trên màn ảnh nhỏ, thay cho sự hiện diện tại chỗ. Nhưng Dan không phải là chủ tịch nước, cũng không là hoàng thân quốc thích. Nên không có phát sóng trực tiếp. *CNN* chỉ đưa ra vài đoạn chính của lễ tang: những giọt

nước mắt của Amelia, vài câu nói của Puttman – khuôn mặt hốc hác vì mệt mỏi và căng thẳng -, quan tài đưa xuống huyệt mộ, những nắm đất và những đóa hoa hồng ném xuống từ từ phủ lên nó. Nàng ước gì mình đặt lên đó một bông lúa mì. Nàng hình dung thân xác của Dan ở bên trong, tự hỏi chàng được mặc áo quần thế nào và không biết Amelia có bỏ theo cặp kính của chàng không.

Nàng cảm thấy trào dâng trong lòng một đợt sóng buồn bã, nhưng, kỷ niệm về những giây phút mà nàng vừa trải qua với Pierre bỗng xen vào giữa. "Lừa dối" Dan ngay trên chiếc giường riêng của chàng, ngay trong ngày người ta đưa chàng xuống mộ: ý tưởng này làm ngừng dòng nước mắt sắp sửa trào ra. Nàng siết chặt nắm tay. Nàng thề. Nàng sẽ giữ gìn tất cả những lời hứa hẹn mà hai người đã trao nhau.

Granier chuyển sang đài *TF1*. Các nhà báo nói nhiều về thảm họa Marseille, gây ra nhiều chết chóc nhất ở châu Âu cho tới lúc đó.

— Jean-Philippe, xin anh vui lòng để lại đài CNN! - Nàng van nài.

Lạ lùng thay, các phương tiện truyền thông ít có dông dài về sự việc *mélatonine* đã gây ra trên ba trăm cái chết. Một vài nhà báo điều tra về xuất xứ những hộp thuốc bị cáo buộc và khả năng tìm ra "đường dây" phân phối. Ông chủ của tập đoàn dược phẩm, sở hữu nhà máy ở Ấn Độ chế tạo thuốc này, đã tổ chức một cuộc họp báo để khẳng định lại là cơ sở sản xuất của ông làm việc theo những tiêu chuẩn chất lượng và an toàn nghiêm khắc nhất, và không một điều bất thường nào được phát hiện trong hệ thống tin học trung tâm.

Internet cũng hoạt động bình thường. Sự tê liệt xảy ra vào ngày thứ ba vừa qua – mà các nhà báo đặt cho cái tên "mardinoir.com"[384] – thì được tả như một sự cố đơn giản. Không ai thấy ở đó là một biến cố nền tảng, tạo điều kiện cho bọn tin tặc có sẵn một cái pass[385] để chúng có thể kiểm soát

những máy tính theo ý chúng chọn. Dĩ nhiên, các chuyên gia có nhắc đến sự việc là một tổ chức khủng bố đã tìm ra cách thâm nhập vào hệ thống trung tâm của vài mạng web nhạy cảm, nhưng chẳng ai có vẻ hiểu là tất cả những máy tính trên thế giới từ nay đều bị mở ra để cho một bọn cuồng tín có thể nắm lấy quyền điều khiển của hệ thống bất cứ lúc nào. Các phương tiện truyền thông thiếu một cái nhìn toàn cục. Các nhà chức trách, về phần mình, có nắm được tin tức hay hơn không?

Và, trước hết, ai đứng đằng sau giật dây chuyện này? Câu hỏi trở đi, trở lại không ngớt, và các nhà báo đưa mi-crô vào miệng người nào chịu đứng ra trả lời. Một người gợi ý, để bắt đầu, nên tìm xem tội ác này sẽ mang lợi cho ai, và ám chỉ là người đầu tiên hưởng lợi từ cuộc khủng hoảng có lẽ là Controlware; công ty này có thể lợi dụng tình trạng hốt hoảng chung để tung ra trên thị trường, vài tháng sớm hơn dự định, Shadows 10.0, cái hệ điều hành "không thể sai được" loan báo từ một năm nay.

— Nghịch lý thảm hại làm sao! - Một người hâm mộ hãng Apple đay nghiến trên CNN.

Shadows vừa biểu lộ các điểm yếu của mình trước bàn dân thiên hạ, và bây giờ ta phải tin tưởng, lại một lần nữa, vào Controlware để nghĩ ra một sản phẩm hoàn hảo mới, có phải thế không? Siêu thực quá đi!

Một nhà phân tích tài chánh rất có tiếng ở Wall Street xác nhận là công ty do Dan Barett lập ra sẽ thắng lớn trong vụ việc này. Puttman, được phỏng vấn sau đó, đã nhận lỗi nhưng không nói gì về cái backdoor.

"Không có hệ thống nào, cho tới ngày nay, là không thể sai lầm một trăm phần trăm" ông ta giải thích một cách cơ bản. Rồi tiếp tục, bằng thứ ngôn ngữ cứng nhắc và lặp đi lặp lại của một ông chủ quá quen với việc trao đổi với công chúng thời khủng hoảng: "Tôi mong muốn thiết tha gửi tất cả những lời hối tiếc và lời xin lỗi chân thành nhất của chúng tôi đến các công

ty nạn nhân của những sự xâm nhập. Controlware không khước từ mọi trách nhiệm trong sự rối loạn chức năng mang tính tội phạm này, nhưng tôi mong muốn nói ra là chính chúng tôi cũng bị khổ sở bởi những cuộc tấn công nhằm phá hoại tiến trình tăng tốc đưa ra thị trường của Shadows 10.0"

Emma, ngồi trên trường kỷ màu đỏ thẫm đặt đối diện màn hình trên tường, nhìn không rời mắt khuôn mặt của Puttman, quan sát kỹ càng những thói tật vô thức có thể làm lộ ra tính hai mặt của ông ta. Puttman mặc bộ đồ lớn màu sáng và cà vạt hơi lệch sang một bên. Ông ta ăn nói một cách trịnh trọng, đứng trước bàn giấy của mình, và khuôn mặt thì có vẻ ít mệt mỏi hơn là trên những hình ảnh trong đám tang Barett được phát sóng vài giây trước đó. Chỉ có mấy giọt mồ hôi đọng trên trán mới làm lộ ra tâm trạng căng thẳng của ông.

— Tôi không hiểu, - Granier bất chợt buột miệng khi đến gần Emma, tay cầm ly rượu. - Các người thì đủ sức xác định vị trí tổng hành dinh của đám tin tặc, trong khi chính các kỹ sư của Controlware thì tỏ ra bất lực hay sao? Tuy rằng họ bị tấn công trực tiếp? Nhưng dù sao họ cũng biết rõ các cuộc tấn công đến từ đâu chứ?

— Không chắc đâu... Pierre chỉ xác định được vị trí của chúng bởi vì anh ấy đã có thể xem xét kỹ lưỡng những tập tin âm nhạc và anh ấy có các chìa khóa của cái backdoor...

— Các người đã tìm ra cái "bague d'or" danh tiếng của mình! Và các người không nói ra! Chúc mừng đấy! Các người thực sự là những... nói sao đây, tin tặc, phải thế không? Những tin tặc thượng hạng! Thế thì các người đã gọi cho Puttman để cho ông ấy các chìa khóa đó không? Mọi sự được giải quyết rồi à?

Granier, một lần nữa, đã chỉ ra đúng điểm đáng ngại của sự việc.

Puttman. Nếu có một cơ may trên mười, theo đó ông ta là kẻ đứng sau những cuộc tấn công, là ông tự mình đã mở *backdoor* ra, thì họ sẽ không đánh liều nói ra cho Puttman biết là họ có bản sao các chìa khóa.

— Trái với Dan, tôi không bao giờ thích được Puttman, - Emma thú nhận. - Người đàn ông này, đối với tôi, bao giờ cũng có vẻ...

— Tôi rót cho cô một chút Porto nhé?

Jean-Philippe Granier đúng là có nghệ thuật chuyển ý tưởng này sang ý tưởng khác, không trung gian. Gã hỏi, nhưng không nghe câu trả lời. Tuy vậy, Emma vẫn cảm ơn gã cho cử chỉ này: một ly rượu sẽ làm dịu bớt sự kích động trong đầu nàng, chỉ tội không giúp nàng nhìn sự việc rõ ràng hơn.

Nàng nốc, hầu như một hơi, một ly đầy Porto mà gã đưa cho, và vì gã để chai rượu trên cái bàn thấp, nàng rót thêm ly thứ hai.

Granier không nói gì nữa. Whisky cầm tay, vẻ mặt lãnh đạm, gã ngắm những hình ảnh Central Park bị cơn hỏa hoạn tàn phá. Cảnh tượng thật là đau lòng. North Woods bị cháy tan hoang. Ramble cũng thế. Ta thấy những thân cành cháy đen của những cây phong, cây anh đào đen châu Mỹ, cây minh quyết Địa Trung Hải, cả hàng trăm cây. Những cư dân lớn tuổi của New York khóc trước ống kính TV, thương tiếc "gã khổng lồ" của công viên: một cây du Anh, trồng năm 1860. Tên nhà văn cười rúc rích:

— Dân Pháp đã phản ứng giống y chang kiểu này khi cây sồi của Marie Antoinette trốc ngã năm 1999, trong một trận bão... Người ta hẳn nói đó là một thảm nạn quốc gia! Sau đó, thân cây chết được trưng bày trước điện Grand Trianon, và dân chúng sắp hàng để rờ vuốt nó, như một thánh cốt! Chuyện này đã mê hoặc ông bạn Dan của cô khi hai chúng tôi đi đến đó...

— Xuỵt! - Emma cắt ngang.

Nàng cố xem TV. Thảm họa ở Central Park có vẻ, đối với nàng, gần như

cũng tượng trưng như thảm họa ở World Trade Center, dù nó ít gây chết chóc hơn. Hai phần ba lá phổi xanh của New York đã tan thành khói. Chỉ những phần công viên gần bể chứa nước và hồ nhỏ thì còn giữ được nguyên vẹn. Đám cháy đã làm bốn người chết, là những thường dân đến giúp lính chữa lửa bị quá tải.

Tuy nhiên, nhờ rượu giúp, Emma bắt đầu xả bớt áp lực căng thẳng. Cái thông tin quan trọng nhất thì không lên truyền hình. Nó nằm trong tay nàng và trong tay Pierre. Hai người, và chỉ hai người họ thôi, biết cách đóng lại cái *backdoor* của Shadows. Bây giờ, đơn giản là chỉ còn tìm ra cho đúng người nhận thông tin này, người có thể khai thác nó một cách hiệu quả nhất. Người, tổ chức, chính phủ, tức ai đó có thể ngăn chận tức khắc bọn tin tặc.

— Emma!

Pierre vừa bước vào phòng. Trông anh có vẻ căng thẳng hơn bao giờ hết.

— Có chuyện gì vậy?

Nhìn anh đến gần, Emma muốn lao tới gặp anh. Sự lôi cuốn không thể cưỡng được này, thêm một lần nữa, những tiếng đập câm lặng này trong lồng ngực làm nàng nhớ lại – ý tưởng mới ngu ngốc làm sao – thời kỳ mà nàng đợi Rebecca, mười tám năm trước, thời kỳ mà bào thai ngọ nguậy trong bụng nàng, dù nàng không muốn.

Sự so sánh với ký ức thời mang thai của nàng thì quấy rầy thật. Thế nhưng, thân xác nàng không đóng kịch. Toàn bộ con người nàng lớn tiếng bày tỏ rằng người đàn ông này là hiện thân của giấc mơ nàng. Nàng chắc chắn về điều này. Chỉ đơn giản là nàng không thể nói ra với anh. Một vài giấc mơ được thực hiện quá trễ để thay đổi dòng chảy của một đời người.

Nàng vẫn ngồi trên trường kỷ. Pierre tiến về phía nàng, và nhìn nàng

chăm chú, sau cặp kính.

— Emma này! Thật là giật gân. Owen Makresh. Anh biết y!

— Owen... Ai thế?

— Cái anh chàng, em biết đấy, cái anh chàng ký những tin nhắn trên hệ thống đó.

— Em chưa hiểu, giải thích đi!

Granier, ngồi dạng chân trên chỗ dựa tay cua chiếc ghế bành thấp nằm tận cùng phía bên kia căn phòng, đặt cái ly xuống đất.

— Chúng tôi nóng ruột lắm, - anh ta buột miệng, giọng mỉa mai như không.

Pierre bị những gì mình vừa phát hiện ám ảnh, đến nỗi không nhận ra sự có mặt của tên nhà văn.

— Makresh, đó là biệt danh của một tay thanh niên. Hay là tên thật của y, có lẽ thế. Tariq Reshmak. Một tay có ít nhiều tiếng tăm trong giới tin tặc. Cự phách về phần mềm. Thoạt tiên, là một tên tốt về mọi mặt. Người Indonésia. Học ở Bangalore. Bằng cấp cao của đại học Stanford. Y đã làm việc trong một thời gian dài ở Controlware, bộ phận phát triển phần mềm. Y rời công ty vào năm 2002 hay 2003 chi đó, bằng cách quả quyết là y sắp sửa lập ra công ty riêng của mình. Chuyện này đã gây ra dư luận trong giới.

Pierre ngẩng đầu và lần này thì nhìn chăm chú Emma và Granier một cách luân phiên.

— Sự thực là y gia nhập IICC.

— I cái gì? Granier hỏi.

— Internet Intrusion Complaint Center[386]. Không hề gì. Chỉ cần biết đó

là một loại công an tin học, những biệt đội chống tin tặc, để nói một cách giản dị. Một tổ chức liên kết với FBI, và tất cả các vụ việc thuộc tội phạm tin học đều bắt nguồn từ nó. Nó báo động nhà chức trách ngay khi một mưu toan khả nghi bị phát hiện trên hệ thống. Nó xác định vị trí những tên tin tặc. Và ngược lại, nhà chức trách gọi đến nó ngay khi nghe phong thanh chuyện gì nghiêm trọng. Đó là một loại đài kiểm soát "không lưu" bí mật của Internet.

— Và Makresh thuộc về nó? - Emma hỏi. - Anh có chắc chắn là y không? Cùng một người mà anh biết?

— Trong giới này, người ta rất thích chơi với những biệt danh. Đó là một hình thức khiêu khích. Trong thực tế, người chủ biệt danh hầu như không liều gì cả, ẩn mình sau *backdoor* mà... Nhưng anh chắc chắn là y đó: những điều trùng hợp sao đáng lo ngại quá. Bọn tin tặc biết được tất cả những gì xảy ra trong cơ quan IICC!

Emma bước lại gần cửa lớn bằng kính mở ra vườn và đứng đó một lúc không nói gì, các ngón tay vân vê một lọn tóc. Chiếc áo sơ mi của nàng, hơi ngắn một chút, đôi lúc bị kéo lên để lộ phần dưới lưng nàng. Nhưng Pierre lần này không để mình mất tập trung. Sự hiện diện của Owen Makresh trong mạng lưới khủng bố làm phức tạp vụ việc. Báo động với IICC, như anh đã nghĩ tới một cách tự nhiên khi anh thâm nhập được vào hệ thống của Tổ chức, là điều nên tránh. Makresh sẽ biết được điều này tức khắc. Những phù thủy chưa lành nghề ở biệt thự Trianon sẽ bị lộ ngay.

Emma trở lại và nói:

— Pierre này, nếu em hiểu đúng thì ta không thể báo động với ai hết, phải không nào? Ta bị kẹt cứng?

Pierre gật đầu.

Granier buông người xuống chiếc ghế bành ở cuối phòng, rồi đưa tay mân mê tấm ảnh lồng kính điện tử đặt trên một cái kỷ nhỏ. Một bức ảnh đen trắng của Elsie de Wolfe mặc áo đầm dạ hội lộng lẫy chụp trước biệt thự Trianon. Tấm ảnh – trong thực tế, là một màn hình kỹ thuật số -, ngay khi ta cầm nó lên, thì nhường chỗ cho một câu trích dẫn của nhà trang trí nội thất: Tôi không thể vẽ, tôi không thể viết, tôi không thể hát. Nhưng tôi có thể trang hoàng và chăm sóc một ngôi nhà, và chiếu sáng nó, và sưởi ấm nó, và giữ nó sống động, hay đến nỗi làm cả thế giới ao ước, một chuẩn mực của sự hiếu khách hoàn hảo.

Tên nhà văn bất chợt ra khỏi sự lãnh đạm.

— Được rồi, sao cũng xong với tôi, tôi đi hút một điếu đây.

Gã nói thêm về phía Emma, miệng cười gượng gạo:

— Vâng, cô đừng lo, tôi đi ra ngoài...

Rồi hất cằm chỉ về bức chân dung Elsie:

— Bà hoàng của sự hiếu khách hoàn hảo chắc phải đội mồ sống dậy!

Gã chụp gói thuốc Marlboro nằm ngay trên cái kỷ nhỏ và biến mất ngoài sân hiên. Emma và Pierre nghe cánh cửa tự động mở ra vườn đóng lại bằng một tiếng clic gọn nhẹ.

Hai người nhìn nhau.

— Mình làm gì bây giờ?

— Ta phải liên lạc với ai đó ở trên mọi sự ngờ vực.

— Có lẽ em...

Một giọng cao bật vang đột ngột từ cuối hành lang đã ngăn Emma chấm dứt câu nói.

http://tieulun.hopto.org

— Mẹ ơi! Mẹ có đó không?

Những bước chân dồn dập. Người đàn bà Mỹ vừa kịp dợm người về phía cửa phòng thì một bóng người đã hiện ra ở ngưỡng cửa.

— Rebecca! Con đấy à? Mẹ không còn nghĩ là con sẽ đến...

Một cô gái mảnh mai, thân thể mềm mại, tóc óng vàng, nhào vào vòng tay Emma. Hai mẹ con ôm chặt nhau rất lâu. Pierre cũng đứng dậy, nhưng giữ khoảng cách vài thước phía sau, tỏ ra sửng sốt. “Mẹ ơi”! Anh có nghe rõ không chứ? “Mẹ”? Vậy thì Emma có một đứa con sao? Và lớn tuổi hơn các đứa con của chính anh! Sao vậy được chứ? Vào thời điểm mà anh làm việc với nàng ở Paris, nàng chưa lấy chồng. Có lẽ nào sau đó nàng đã nhận cô gái này làm con nuôi không?

Những câu hỏi lung tung cứ lởn vởn trong đầu anh. Đêm kia, ngoài bãi biển, Emma có nhắc đến chồng nàng, Brad, một cách mơ hồ. Nhưng con gái họ thì không.

Đúng là ở Gold Beach, anh tự nhủ và nhếch mép cười dù không muốn, hai người đã không có thì giờ để kể chuyện đời mình cho nhau nghe.

— Rebecca, đây là Pierre, một bạn đồng nghiệp mà mẹ tình cờ gặp lại ở Arromanches. Pierre, đây là Rebecca.

Emma đã đặt bàn tay lên vai con gái mình, giục nó chào Pierre. Giọng nàng vẫn không lạc đi, cũng không có chút gì do dự trước bộ mặt kinh ngạc của người đồng nghiệp cũ. Những phản xạ của bà chủ tịch-tổng giám đốc đã trở lại.

Rebecca tiến tới, bước chân nhanh nhẹn. Xinh đẹp, nhỏ nhắn, cô mặc váy mini và áo thun màu hồng không tay làm nổi bật hai cánh tay mảnh mai. Nhỏ con hơn mẹ, cô có những nốt tàn nhang đậm hơn trên mặt và

chân cổ. Tóc cắt ngắn nhưng vẫn để những món tóc quăn lòa xòa. Cô dang rộng tay, bàn tay chìa ra trước Pierre.

— Hai người đã gặp nhau rồi đó, - Emma mỉm cười, - nhưng tôi sẽ ngạc nhiên lắm nếu hai người còn nhớ. Hồi đó, Rebecca chắc được năm tuổi! Gặp nhau ở Jardin d'Acclimatation[387].

Nụ cười của Rebecca khiến Pierre nhớ đến nụ cười của Emma. Ánh mắt cũng vậy. Tối hơn, chắc thế rồi, nhưng cùng một chiều sâu, biểu cảm và tinh quái cùng lúc. Quan hệ mẹ con thấy rõ.

Rebecca. Jardin d'Acclimatation. Pierre nhớ lại buổi chiều đó, anh đã tình cờ gặp Emma trong công viên giải trí Neuilly. Anh đến đấy với Clara, khi đó đang mang thai Garance, và hai cháu gái, hai đứa con song sinh của em gái anh, được bảy hay tám tuổi gì đó. Anh gặp phải cô bạn đồng nghiệp đang mua que kẹo bông. Nàng đi chung với một người lạ, một người đàn ông lớn tuổi hơn nàng, khá đẹp trai và có dáng thể thao. Lại thêm một anh si tình bẽn lẽn, Pierre tự bảo lúc đó.

Pierre giải thích với Emma là anh đưa các cô cháu gái đi chơi. Emma vừa cười, vừa trả lời là nàng cũng vậy, rồi đưa que kẹo bông cho một cô gái nhỏ vừa mới cưỡi ngựa poney xong. Vậy là cháu gái nàng, anh tự nhủ.

Bây giờ anh hiểu đó là Rebecca, con gái của Emma. Người đàn ông đi chung với họ chắc là người cha.

Phần buổi chiều còn lại cũng trở về trong trí nhớ anh. Cảnh ghen tuông của Clara. Với nỗi bực tức và cái giọng chanh chua, nàng chê bai Emma Shannon đủ điều, dù chỉ trao đổi với người đàn bà Mỹ này không quá ba lời. Như thể nàng muốn ngăn chặn. Như thể nàng đoán được, trước cả Pierre, sự cuốn hút vô thức đẩy anh về phía Emma.

Emma âu yếm nhìn kỹ con gái. Cô đã trở thành người đàn bà xinh đẹp

làm sao! Nàng không thể cản mình nhìn bụng cô, săn chắc và có bắp thịt nở, nàng tìm xem bụng Rebecca có tròn lên để xác nhận lời con gái nói hôm trước. Nhưng không có gì trong vẻ ngoài của cô, không có gì trong thái độ của cô chỉ ra là cô quan tâm đặc biệt đến đứa bé sơ sinh tương lai. Hơn nữa, cô cứ nhảy chỗ này, chỗ kia trong phòng, đảo mắt nhìn quanh. Rõ ràng là cô đang tìm cái gì đó. Hay ai đó. Cô nhìn qua cửa sổ quay ra hiên và ra vườn. Những ngọn đèn chiếu gắn trên cây phát ra một thứ ánh sáng vàng nhợt nhạt lên bãi cỏ và lên thân cây thông bá hương đứng sừng sững chính giữa. Ngoài xa, ta đoán đó là bóng của bức tường bao quanh nhà, sát ngay công viên của lâu đài. Chỉ một tí nữa thì Rebecca hẳn là có thể thấy ra những nấm mộ các con chó của Elsie.

Một bóng người tiến về ngôi nhà, đi sau một đốm nóng sáng nhỏ xíu, khi sáng lên, khi tối lại một cách đều đặn. Một lát sau, cánh cửa tự động mở ra và bóng người đó dừng lại.

— Jean-Philippe ơi!

Rebecca băng qua sân hiên và chạy đến Granier, lúc ấy vừa dụi xong đầu mẩu thuốc lá trên cỏ.

Tên nhà văn không kịp trả lời. Cô đã nhảy cẫng lên ôm choàng lấy gã.

— Jean-Philippe, em cứ tưởng là không thể đến đây được bao giờ! Kẹt xe kinh khiếp quá! Em sung sướng gặp lại anh biết mấy!

Granier, cười toe toét, ôm hông cô gái.

— Ồ Reb! Cưng của anh ơi!

Pierre lùi ra sau một bước để dựa vào lưng cái trường kỷ. Chưng hửng, anh liếc nhìn về phía Emma, thấy nàng chẳng tỏ ra ngạc nhiên chút nào. Nàng lặng lẽ dùng đầu chỉ anh cửa phòng khách.

http://tieulun.hopto.org

— Đến với em, em sẽ giải thích cho anh.

Trong khi đó thì Rebecca ôm cổ Granier, đôi chân nghệ sĩ múa dài đẹp của cô quấn xung quanh hông gã, trông như cái đai. Về phần Granier, gã đã mất đi vẻ mặt chán chường. Với đôi môi tham lam, gã say sưa hôn cô gái trẻ, như thể gã muốn làm cho cô quên đi phần còn lại của thế giới.

http://tieulun.hopto.org

41

"Sữa tươi: ba lít. Trứng: bốn quả. Nước cam ép: nửa lít, đang đặt mua. Nước cà chua tươi ép: một lít rưỡi. Gà nướng tandoori[388], hai phần ăn. Gà nấu cà ri: một phần ăn, đang đặt mua..."

Pierre cứ bám riết mấy cái nút lập trình nhưng vô ích, anh không thể nào tắt cho được tiếng nói tổng hợp này. Tủ lạnh-máy tính[389] của Barett cứ mỗi ba tiếng đồng hồ thì kiểm kê thức ăn, đồ uống dự trữ và đặt mua trực tiếp những gì vơi đi, thông qua Internet, trên mạng *ooshop.com.* Chí ít là vào thời buổi bình thường. Từ hôm trước, siêu thị trực tuyến đã ngưng giao hàng.

— Bỏ qua đi, - Emma nói. - Khi xong phần kiểm kê thì nó sẽ im thôi.

— Xong rồi! Anh tìm ra...

Pierre và Emma đã đi xuống gian bếp phụ nằm dưới tầng hầm biệt thự Trianon. Dù đã khuya lắm rồi nhưng không ai thích đi ngủ cả, và Emma đề nghị làm một, hai món ăn gọn nhẹ. Trong bếp còn một ít bánh mì để làm xăng-uých, vài quả trứng và một cây xà lách được gói theo kỹ thuật chân không. Emma lấy ra một cái chảo lớn bằng gang rồi nấu trứng trên một tấm đốt bằng gốm thủy tinh.

— Anh ăn món trứng khuấy[390] được chứ?

Pierre hiểu ra nhanh là người đàn bà Mỹ này không muốn nói về quá

khứ. Hơn nữa, về hiện tại cũng không: nàng đã nói lấy lệ về những biến cố xảy ra mấy hôm nay liên quan đến gia đình nàng. Rebecca đã gặp Granier ở l'Opéra sáu tháng trước đó. Cô đem lòng yêu gã. Rồi có thai. Gã thuyết phục được cô giữ lại đứa con. Hai người sẽ cưới nhau vào tháng mười. Chấm hết.

— Vì việc này mà anh ta đến nói chuyện với em đêm qua, ở trong phòng em đấy.

Pierre lại gần nàng, trong khi nàng khuấy trứng trong chảo.

— Lẽ ra em nên nói với anh sớm hơn. Thấy gã ra khỏi phòng em, anh thật tình nghĩ rằng...

Emma thở dài.

— Anh đánh giá em cao quá há!

Giọng nói đầy cay đắng.

— Anh hối hận lắm, - Pierre nói.

— Jean-Philippe đến nói chuyện với em về cuộc hôn nhân của anh ta với Rebecca, và em và anh ta đã thảo luận suốt hai giờ. Em cũng không biết là anh ta quen biết con gái em. Hãy thử hình dung là em sốc như thế nào! Em tự hỏi tại sao anh ta lại không nói với em chuyện này sớm hơn, ở Arromanches. Anh ta quả quyết là Rebecca chưa chấp thuận...

— Khó tin lắm! - Pierre kêu lên. - Lý do thực sự, nếu gã nói ra thì hẳn là không tiện để tán tỉnh em đó.

— Anh đừng nói bậy! Anh ta cố gắng vừa đúng để thu hút sự ưu ái của bà mẹ vợ tương lai...

— Bằng cách hôn vào miệng em ở quán La Marine à? Một cách kỳ cục để đạt mục đích! Em đừng nói ngược lại, anh thấy em với gã mà!

— Thế à?

Emma thấy hết căng thẳng. Sự ghen tuông của Pierre làm nàng vui thích. Nàng diễn giải nó như là bằng chứng của tình cảm anh dành cho nàng. Bởi vì nàng vẫn không chắc chắn là anh tha thiết với nàng.

Khi hai người làm tình với nhau lần vừa qua, anh chỉ buột miệng nói vài câu. Nàng "đẹp tuyệt vời". Hai thân thể "hợp nhất như hai nửa quả cam". Anh chưa từng cảm nhận "một xúc cảm vẹn toàn như thế". Liệu những lời này chỉ được xui khiến bởi lòng ham muốn, bởi cái xung năng nhất thời? Đàn ông, khi làm tình, nói ra những điều mà họ không thực sự nghĩ.

Tuy vậy, chỉ vài phút sau, khi nàng tắm vòi trong phòng tắm của Dan, Pierre lại đến gần. Anh ngồi xếp bằng trên sàn gạch bông, cùi chỏ đặt trên đầu gối, trước bồn tắm rộng mà nàng ngồi xổm trong đó. Bàn tay mặt nàng cầm vòi cho nước dội khắp người, bàn tay kia nàng dùng che cặp vú trong một động tác máy móc. Anh nhìn nàng, mỉm cười, ánh mắt đi chầm chậm lên vai, lên ngực, lên lưng nàng, rồi chậm lại trên gáy, trên mái tóc búi ngược của nàng, rồi trên đám lông mượt ở chỗ hai đùi giao nhau, và trên nốt ruồi nằm ở đầu gối phải của nàng.

Vì nàng hỏi anh qua ánh mắt, anh thì thào:

— Anh ngắm nhìn nhan sắc của em.

Nàng không nói gì, bối rối. Và vào lúc chính xác này, *ex post*[391], như nàng nói một cách lạm dụng để chỉ "sau khi" yêu, anh không thể bị xung năng dẫn dắt được. Những lời của anh đã làm nàng cảm thấy trào dâng trong lòng một tình cảm thắm thiết rồi một ham muốn không cưỡng được ôm trong vòng tay người đàn ông đang nhìn mình như thế. Ngay lúc đó thì họ nghe Granier gọi.

Bây giờ, đứng trong bếp, nàng thấy hối hận đã xen lẫn những tình cảm

cá nhân của mình – sức mạnh thúc đẩy nàng về phía anh – với ý thức mà nàng có về bi kịch được báo trước đó, một bi kịch mà chỉ có họ mới có thể chặn đứng.

— Anh biết rõ kiểu hôn này mà, nó là thói quen của dân Paris đó, - nàng thầm thì khi nhắc lại sự cầu thân của Granier ở quán La Marine. - Một tật sính thông thường trong giới show-biz[392]...

Pierre không phản ứng.

— Và để nói hết với anh, - Emma còn bộc bạch, - khi anh ta hôn em trên miệng, em không thích chút nào nhưng em không tát tai anh ta. Ta có phải ở Mỹ đâu. Em chỉ yêu cầu anh ta đừng lặp lại.

Nàng nghĩ rằng Pierre sắp chế nhạo cái biện pháp nửa vời chất phác này. Nhưng anh không nói gì. Trứng chín. Emma lấy muỗng gỗ xúc ra và đặt chảo trên mặt bàn bếp. Rồi nàng nướng vài lát bánh mì.

— Xăng-uých chút xíu nữa sẵn sàng đó.

— A, xăng-uých kẹp bánh mì, - Pierre châm chọc, bước đến sau lưng nàng, hôn lên gáy rồi nhay những món tóc nhỏ mà nàng không giữ được trong cái kẹp tóc.

Lại một lần nữa, nàng thèm muốn buông thả.

— Đi nào, mình mang thứ này cho họ, - nàng nói, tay chìa ra trước mặt anh những cái xăng-uých mà nàng đã nhanh nhẹn kẹp thêm vào giữa vài lá xà-lách. - Anh lấy hai miếng đi, em mang phần còn lại. Sau đó mình ra ngoài hồ bơi. Nói chuyện ở đó yên tĩnh hơn.

Ý tưởng đầu tiên của Emma là lên lại phòng của Dan, nhưng nó không phải là chỗ lý tưởng để phân tích tình hình một cách thanh thản. Vả lại, Rebecca đang có mặt trong nhà...

Họ trở lại tầng trệt. Hai kẻ yêu nhau đang dán mắt vào màn hình TV. Đài *TF1* đang chiếu Cái ngày hôm kia[393]. Rebecca và Jean-Philippe, bị cuốn phim thôi miên, cầm lấy bánh xăng-uých và nói cảm ơn Emma một cách lơ đãng.

— Làm sao mà người ta lại có thể đưa vào chương trình phát sóng một cuốn phim thảm họa trong hoàn cảnh như thế này chứ? Người đàn bà Mỹ, bực tức, lầm bầm khi ra khỏi phòng khách.

— Và nhất là còn ngồi xem nó nữa chứ! - Pierre bổ sung, trở nên ít bao dung vì đói.

Anh đánh giá thái độ của Granier là không thể hiểu nổi. Tên nhà văn đã có hai đứa con ở tuổi lao động rồi. Và ba cuộc hôn nhân, theo máy đếm. Ba lời hứa hẹn, ba tiệc cưới, ba thất bại. Và bây giờ, lần toan tính thứ tư, với một cô gái nhỏ.

Pierre cũng không thể tin rằng Rebecca đã có thể làm cho Granier yêu mình say đắm đến thế. Cô xinh xắn, vui vẻ và tự nhiên nhưng thoạt tiên, đó không phải loại đàn bà có thể gây sóng gió trong tim một gã ngũ tuần đã chán chường sự đời.

Anh tự hỏi không biết Emma có ý thức về sự lệch pha hay không. Như mọi bậc cha mẹ, nàng chắc chắn sùng bái con gái mình: tiểu thư chín chắn biết mấy so với tuổi mình thì tất nhiên tiểu thư chọn lựa đúng. Nhưng Granier gây ra nỗi ngờ vực nơi Emma, Pierre cam đoan như thế. Thế thì bà mẹ vợ tương lai có đặt nghi vấn về ý đồ thực sự của tên nhà văn không? Anh suýt đề cập đến chuyện này nhưng rồi từ bỏ: có ích gì kia chứ? Anh không có giải pháp nào để đề nghị. Vả lại, như Emma đã nhấn mạnh trước đó, hai người có mặt ở đây không phải vì chuyện này. Những công việc cốt tử đang chờ họ.

Họ đi vài bước bên cạnh nhau trong hành lang với các bức tường nhung màu be.

— Anh biết Elsie de Wolfe nói gì không khi đi thăm đền Parthénon[394] ngay sau khi chiến tranh chấm dứt?

— Anh không biết, nói đi!

— Hình như bà kêu lên: "Màu be! Đúng là màu của tôi!"

Pierre mỉm cười. Barett ít nhất có một cái gien chung với bà chủ nhà trước, gien của khuynh hướng tự kỷ trung tâm.

Anh theo Emma quan sát những bức họa treo trên tường. Người đàn bà Mỹ đưa ngón tay chỉ một phiên bản của bức Sự tạo thành con người do Michel-Ange sáng tác và được Rosso Fiorentino vẽ lại, và một chi tiết thuộc bức *La Cène*[395] của Léonard de Vinci mà Dan thường nói đến. Barett rất gắn bó với những tác phẩm thế kỷ XVI đó. Dạo sau này, chàng càng ngày càng quan tâm đến siêu hình học. Chàng hình như cũng bị ám ảnh bởi cuộc tìm kiếm sự hiện hữu của Thượng đế. Có lẽ vì do tiếp xúc quá nhiều cảnh đói nghèo và chết chóc khi lãnh đạo quỹ từ thiện của mình không? Đối diện với sự khốn cùng mà chàng gặp trong các nước thuộc thế giới thứ ba, và giống như bất cứ người nào, Dan chắc chắn hoài nghi sự hiện hữu của Thượng đế. Hoài nghi sự hiện diện của Ngài, quyền lực của Ngài, và ngay cả sự cần thiết của Ngài nữa. Khi thấy hàng trăm trẻ em chết chỉ vì thiếu thuốc men, thiếu tiêm chủng, thiếu một chút nước hay củi, người ta tự để cho nỗi hoài nghi xâm chiếm đầu óc, một cách không thể tránh được: tin ở một Thượng đế tốt bụng và hào phóng thì có ích gì cơ chứ nếu rốt cuộc để xảy ra tình cảnh bi đát như vậy? Xét cho cùng, một con người đủ giàu có, biết tổ chức, có ảnh hưởng lại không hiệu quả hơn một Thượng đế tự gọi là toàn năng sao? Con người với óc sáng tạo, chung quy, lại không có khả năng vượt qua

Thượng đế sáng thế sao?

Con người thì mạnh hơn Thượng đế. Prométhée[396], cuối cùng, là người chiến thắng. Dan và Emma đã tranh luận về đề tài này trong một cuối tuần riêng của hai người ở đảo quốc Islande. Alzacorp, một xí nghiệp trẻ ở Reykjavik từng nhận dạng được gien của bệnh Alzheimer, vừa khám phá một "quả bom" khác. Gien LTA4H, liên quan đến chứng nhồi máu cơ tim. Dan muốn mua lại xí nghiệp này. Sau này nó sẽ trở thành một mỏ thuốc men cực kỳ lớn. Nhưng Emma có ý kiến khác. Quá mạo hiểm. Quá đầu cơ.

Pierre đưa tay đẩy cửa có hai cánh nặng nề dẫn đến gian phòng tiếp tân mà Elsie de Wolfe ngày xưa đã cho xây thêm vào biệt thự Trianon. Gian phòng này, một loại lều bằng vật liệu cứng, với những đường sọc trắng và xanh lá cây, đã được dựng lên vào một dịp lễ hội và không bao giờ được hạ xuống từ dạo đó. Dan biến đổi nó thành hồ bơi. Hai trụ xây bằng cẩm thạch Carrare, ngày xưa đánh dấu lối vào biệt thự, giờ tạo thành hai cột nội gia khiến gian phòng trông có vẻ một nhà tắm công cộng La Mã thời cổ đại. Pierre và Emma bước xuống bậc tam cấp của cái cầu thang xưa dẫn đến mép hồ bơi. Hơi nóng và mùi clo nồng nặc xông lên tắc cổ họng hai người.

— Em có chắc là muốn ngồi lại đây không? - Pierre vừa ho, vừa hỏi.

— Ta được yên tĩnh ở đây, không phải thế à? Vả lại, em cũng muốn là Rebecca và Jean-Philippe không nghe bọn mình.

Nàng cởi giày và nhúng chân xuống nước.

— Mmm... Nước mát ghê!

— Emma! Anh xin em! - Pierre thở dài, tay đưa bánh xăng-uých cho nàng.

Nàng rút chân ra khỏi nước và nhìn anh đăm đăm. Anh có vẻ căng thẳng, vài giọt mồ hôi đọng trên màng tang.

— Pierre, nói cho em biết, tên tin tặc đó, cái tên làm ở IICC... Makesh...

— Makresh, - Pierre chỉnh lại.

— Được rồi, Makresh. Anh có chắc chắn là y biết tất cả những gì xảy ra chỗ mấy người đồng nghiệp cũ của y không? Ta có thể nào báo cho họ biết mà y không biết không?

Pierre vừa cắn bánh, vừa giải thích bằng cách nào anh đã phát hiện ra sự thông đồng giữa bọn tin tặc ngay trong lòng cơ quan IICC.

— Em hãy đi xem trên máy tính những gì bọn nó kể với nhau, và em sẽ hiểu! Chúng biết kịp thời hết. Chúng đi bước trước hết. Kể cả những toan tính ứng phó của Controlware! Kể cả những cuộc truy lùng của các đội đặc nhiệm tin học Mỹ, Pháp hay Đức. Em biết đấy, anh bây giờ tin chắc rằng Puttman chẳng dính dáng gì đến vụ này. Controlware là một trong những mục tiêu ưa thích của chúng.

— Vậy mà em cứ như đánh cuộc...

— Và em hẳn sẽ thua đấy. Em phán đoán người ta quá lẹ.

Giọng Pierre có chứa một chút gì tự trách. Bất công. Vài giờ trước, anh cũng đã nghi ngờ Puttman.

— Vậy thì ta có thể báo cho Controlware chứ? - Emma nói tiếp. - Họ đâu có thông đồng với bọn tin tặc.

— Thực vậy. Trừ việc bọn tin tặc biết chính xác chuyện gì xảy ta, từng phút một, trong lãnh địa của Puttman đó.

Emma nghiêng người về phía trước và để bàn tay trượt trên mặt nước. Một con sóng nhỏ do nàng gây ra làm rung động mặt hồ bơi. Những chùm sợi quang học phát ra những tia sáng màu xanh ngọc bích là là mặt nước, một hệ thống chiếu sáng chắc là được dự kiến để đáp ứng với âm nhạc phát

ra từ bốn cái loa đặt dưới nước. Pierre đã thấy chúng khi đến đây, trên thành hồ bơi.

Mắt nhìn chăm chăm mặt nước, anh ăn ngấu nghiến miếng bánh, lấy làm ngạc nhiên sao thấy ngon miệng quá. Anh nhận ra là mình đã không bỏ bụng cái gì từ sáng đến giờ.

— Anh phát hiện ra chuyện khác nữa, - anh nói giữa hai miếng ăn. - Tổ chức cũng quan tâm đến các thí nghiệm di truyền học. Chúng đã nắm lấy quyền điều khiển ở Alzacorp và ở ArtaGene.

— ArtaGene, ngân hàng chứa dữ liệu di truyền ở Singapore à?

— Bộ có cái ngân hàng nào khác như thế sao?

— Cả hàng chục cái.

— Anh cảm thấy thế. Anh không biết chúng muốn làm gì với mấy thứ này, nhưng chắc chắn là nguy hiểm lắm, khi đáo hạn.

Emma đặt bàn tay lên cánh tay Pierre.

— Vào giai đoạn này, thật là vô ích nếu cứ khổ sở vắt óc để cố hình dung ra những ý định của bọn tin tặc, không phải thế sao? Vấn đề duy nhất là: làm sao ngăn chặn chúng đây?

Nàng để trôi qua một phút im lặng.

— Một cách cụ thể, anh sẽ làm gì? - Emma tiếp.

Giọng nàng vang vang trong gian phòng trống trải. Pierre nhìn đáy hồ bơi, nơi có những hàng kẻ trắng và xanh lá cây xen kẽ nhau, những sợi khổ giống y chang những cái phủ trên các bức tường gian phòng. Dan không để cho cái gì là tình cờ cả, như thường lệ.

— Anh lúc nào cũng có thể tự mình ngăn cản những cuộc tấn công, -

anh vừa nói vừa phủi vụn bánh xăng-uých dính lên quần jean. - Ví dụ như ngăn chặn cuộc tấn công sắp tới, ngày 24 này, bằng cách báo trước cho xí nghiệp liên quan và bằng cách đóng lại cái *backdoor* của họ.

— Nhưng bọn tin tặc sẽ mở nó lại mà!

— Không chắc đâu. Người ta không thể mở lại một cách dễ dàng như thế một khi nó đã bị đóng lại.

— Cứ cho là vậy đi. Rồi sau đó thì sao? Anh sẽ đóng lại tất cả những backdoor, từng cái một, suốt ngày suốt đêm sao? "Đây là Pierre. Hot Line Controlware[397], sẵn sàng phục vụ quý thân chủ, thưa ông cần tôi giúp gì đây?"

Emma nhại giọng của một anh chuyên viên tin học châu Á, thuộc đám người mà các công ty tin học thuê làm, ở tít đầu kia thế giới, để trả lời cho khách hàng đã làm "chết đứng" máy tính của mình.

Pierre có vẻ tươi tỉnh ra.

— Xin chào bà, Kim sẵn sàng phục vụ! - Anh nhại cùng một giọng. - Thưa bà, bà có kiểm tra xem máy tính có nối vào ổ điện không?

Anh nhanh chóng nói tiếp, giọng trầm lại lần này:

— Nếu anh muốn đóng lại tất cả những *backdoor* từng cái một, đó là không phải chuyện anh tiêu tốn hết giờ giấc ngủ nghê của mình cho việc này... Vấn đề nằm ở chỗ, chỉ mới can thiệp lần đầu là bọn tin tặc có thể nhận dạng anh ngay. Và ngăn chặn anh. Hơn nữa, ngay cả trong trường hợp chúng không tìm ra anh thì chúng vẫn biết là anh hiện hữu. Vậy là chúng sẽ thay đổi chiến thuật hay địa chỉ trong bộ nhớ. Trong cuộc chơi mèo vờn chuột, chúng sẽ mạnh hơn anh là cái chắc.

— Chờ đã! Và nếu hàng chục người can thiệp cùng một lúc, từ hàng chục

chỗ khác nhau thì sao? Đây không phải là giải pháp à?

— Đó là một ý kiến. Nói đúng hơn, một ý kiến tạm thời.

— Nhưng ta vẫn có thể báo cho nhà chức trách biết chứ? Chính phủ Pháp chẳng hạn? Nếu mình kể cho họ mọi chuyện, kể cả những mối nghi ngờ của mình đối với IICC? Chắc chắn là họ có những giải pháp dự phòng!

— Có lẽ thế.

— Em quen biết cô chánh văn phòng bộ trưởng Tài chánh Pháp[398]... Valérie Perrier. Cô ấy có đến Arromanches. Em ăn tối với cô ấy thứ tư vừa qua. Em sẽ gọi cô ấy ngay và cô ấy có thể...

— Em tin tưởng cô ấy à?

— Tin như tin chính em vậy.

Pierre cười thầm. Anh thấy lại hình ảnh bà chủ tịch-tổng giám đốc, người quyết định, tung ra các câu hỏi mà không chờ trả lời, không thể ngồi yên được ba phút mà không hành động. Emma đã rút ra cái điện thoại di động nằm sâu trong túi nàng. Tuy vậy, nàng tỏ ra lưỡng lự một lát trước khi nhấn phím.

— Em còn chờ gì nữa? - Pierre ngạc nhiên. - Gọi đi, nếu em biết rõ cô ấy lắm!

Nhưng người đàn bà trẻ không cử động. Mắt nhìn chằm chằm cái di động, các ngón tay co quắp, nàng suy nghĩ.

— Em có ý này hay hơn, - bất ngờ nàng buột miệng, tay đặt điện thoại lên trên bờ hồ bơi.

Nàng quay về phía Pierre, anh vẫn nhìn nàng không rời mắt. Ánh nhìn của Pierre, sau cặp kính, làm nàng thấy chóng mặt.

— Anh còn nhớ trên PC nhỏ của Dan có cái gì không? - Nàng vừa nói, vừa quay điện thoại trên đầu các ngón tay.

Anh ước gì được kéo bàn tay đó về phía mình, vuốt ve nó, hôn nó. Dù có làm văng cái di động xuống nước.

— Cái mà ta đã mở với mật mã cảm xúc phải không? - Anh trả lời ngắn gọn.

— Chính xác.

— Bức thư đó?

— Không phải, ở bên cạnh bức thư đó, trên màn hình. Có một tập tin mang tên Sự bảo hộ xã hội phổ cập, thấy được nó ngay trước mắt.

— Ơ... có lẽ thế, anh do dự.

Bản văn của tập tin tóm tắt một ý tưởng mà Dan thường nói với Emma. Nhà sáng lập Controlware và Quỹ Barett muốn kiến tạo một chế độ bảo hiểm y tế cho tất cả cư dân thế giới.

— Nói cho gọn, một loại "Sécu"[399] toàn cầu phải không? - Pierre tóm tắt sau khi nghe Emma nói lại một cách chi tiết nội dung bức thư.

— Đúng thế! Nó hẳn tạo cơ hội cứu vớt hằng triệu mạng sống.

— Và nó sẽ được tài trợ bằng cách nào?

— Dan muốn tạo ra một loại thuế GTGT[400], rất thấp, 1% chẳng hạn, nhưng trích ra từ mọi sự liên lạc. Thật hay ảo, tất cả. Vé máy bay, sự trao đổi dữ liệu, việc mua bán điện thoại hay máy tính... Và việc này được làm trong tất cả các nước phát triển, dựa trên một mức nào đó của tổng sản phẩm nội địa tính theo đầu người. Anh thử hình dung số lượng tiền lớn như trời cho thế này?

Nàng vung tay nhiều lần để nhấn mạnh những lời lẽ của mình, giống như đang ở diễn đàn WAC vậy. Pierre đồng ý.

— Được rồi!

— Và số tiền này sẽ được cung cấp cho bất cứ nơi nào mà dân cư không có bảo hộ xã hội... Dan muốn đặt tên thuế này là TCA:[401] thuế liên lạc gia tăng.

— A, đây thì em làm anh ngạc nhiên! - Pierre chế giễu. - Ông vua của chủ nghĩa tư bản lại đi đấu tranh cho thuế!

— Đâu phải cho bất cứ cái thuế nào, Pierre ơi, - Emma cãi. - Trước hết, về phương diện kỹ thuật, đó là loại thuế lý tưởng: tỉ suất thuế rất thấp, sự phân bổ thuế rất rộng. Nhiều người trả thuế rất ít vào mỗi lần: đó là một hệ thống tốt nhất phải không? Hơn nữa, thuế này thì do người dân, tức người tiêu thụ, gánh chịu, không đè nặng lên doanh nghiệp như thuế GTGT.

— Và em không thấy lạ lùng là Barett lại lấy cảm hứng từ khái niệm – Sécu - dù sao cũng là một khái niệm, từ khởi thủy do người Pháp phát kiến ra, hay sao? Và không thấy nó thực sự không phải là một mô hình hiệu quả hay sao?

— Đúng thế, nhưng với Dan nó hẳn là hiệu quả, tin em đi!

Pierre nhíu mày.

— Tại sao chứ?

— Các nhóm nhân viên của Dan sẽ quản lý những số tiền thu được trong khuôn khổ một Tổ chức Bảo hiểm Xã hội toàn cầu. Giống y chang như họ quản lý quỹ từ thiện của anh ấy ngày hôm nay. Với những mục tiêu có con số cụ thể, một phương pháp chặt chẽ, những báo cáo không khiếm khuyết.

Emma vẫn có câu trả lời cho mọi chuyện. Pierre vẫn mỉa mai:

— Anh hiểu rồi. Phương pháp Barett, có bằng chứng cầu tòa, và áp dụng trong lãnh vực nhân đạo. Ông thần kinh doanh, cứu tinh thế giới.

Emma bỏ qua lời chế giễu chua cay. Vào lúc nàng đọc bức thư Dan trên máy PC của chàng thì lời hứa mà nàng đã nói với chính mình trên bãi biển Arromanches xuất hiện lại trong trí nhớ nàng. Làm Dan sống mãi. Tiếp tục sự nghiệp từ thiện của Dan. Bây giờ, hay không bao giờ cả. Không có cơ may thứ hai đâu.

Đôi mắt nàng lấp lánh trong ánh sáng mờ dịu ở hồ bơi.

— Trên thế giới có biết bao nhiêu người chết vì bệnh tật mà đáng lẽ có thể tránh được, - nàng nói tiếp, - đơn giản chỉ vì họ đã không thể mua thuốc tiêm chủng đúng hay thuốc men đúng!

Giọng nói nàng chậm lại, điềm tĩnh, nhẹ nhàng hơn. Pierre cảm thấy nỗi xúc động, có thật, mà nàng biểu lộ ra. Anh cưỡng lại ý muốn đến gần nàng.

— Anh đoán là Barett đã tính ra số tiền cần có để chuẩn bị một dự án như thế? - Anh hỏi thử.

— Em nghĩ là anh ấy muốn bảo hiểm cho một tỉ người. Ba mươi đô-la cho mỗi người thì anh cần ba mươi tỉ. Chính anh đề nghị tự bỏ ra hai tỉ. Các người bạn tỉ phú của anh, Steve Edermark và William Cot, cũng bỏ ra mỗi người một tỉ.

— Và ông ta định tìm ra số tiền còn lại bằng cách nào?

— Dan đã cầm lên cây gậy người hành hương! Anh ấy đã liên lạc với ông Tổng thư ký Liên Hiệp Quốc. Cũng như với Chủ tịch Ngân hàng thế giới... Anh ấy đã nói về chuyện này ở Davos[402], trong các phiên họp kín, và với tất cả những nhà lãnh đạo các nước phát triển. Anh ấy cũng có nói vài lời với

Chủ tịch Trung Quốc và Thủ tướng Ấn Độ. Anh ấy đã được tiếp đón niềm nở. Những nhân vật quan trọng trên thế giới tuyên bố là sẵn sàng theo bước chân anh. Nhưng đó chỉ là những lời hứa suông, Dan nhận ra nhanh chóng...

Emma kết luận, giọng nghẹn ngào:

— Em nghĩ đó là giấc mơ của Dan. Giấc mơ quý báu nhất của anh ấy. Một ngày nọ, anh biết không, em chợt nhớ lại câu nói, một câu nói của Carnegie, em tin thế, đã ảnh hưởng nhiều đến Dan...

Nàng để vài giây trôi qua rồi đọc rõ ràng từng chữ, giọng bình thản:

"Chết giàu là chết vô phước".

Nàng hạ giọng, thêm.

— Carnegie cũng nói: "Vải liệm thì không có túi".

Giọng nàng run run. Lần này, anh đưa tay quàng vai nàng.

Anh hình dung Barett trên diễn đàn Liên Hiệp Quốc, giới thiệu kế hoạch của mình, một dự án nhân đạo lớn nhất trong Lịch sử. Nói ra những chữ đầu tiên, hay cuối cùng, những chữ giản dị, dễ hiểu, nhưng khi hợp lại với nhau chúng tạo thành một điệp khúc, một câu nói biểu tượng, một trong những câu mà cứ được lặp đi lặp lại mãi và sau đó được các sách vở, các DVD, các chương trình tưởng niệm trên TV, loan truyền, và khắc ghi vào trí nhớ con người. *"I have a dream."*[403], *"Ich bin ein Berliner."*[404], *"Paris outragé, Paris martyrisé."*[405], *"Un petit pas pour l'homme, un grand pas pour l'humanité."*[406] Barett chắc là sẽ sáng tạo ra một thành ngữ riêng cho mình, một câu nói sẽ tượng trưng mãi mãi cho chiến thắng trước đói nghèo của ông.

Emma gục đầu lên vai Pierre.

— Rồi sao nữa? - Anh hỏi, nhẹ nhàng ẩy nàng ra. - Liên hệ gì với vấn đề chúng ta đây?

Nàng đứng dậy lại.

— Anh không thấy ra à? Những chính phủ thuộc G8 đó! Ta sẽ giao cho họ chìa khóa của backdoor, nhưng để đổi lấy sự bố trí sơ bộ cho "Sécu" toàn cầu.

— Cái gì?

Emma nhấn mạnh.

— Chìa khóa của hệ thống đổi lại lời hứa thực hiện đầy đủ dự án của Dan.

— Em điên quá đi! Khi họ biết là...

Pierre ngưng ngang. Anh đã hiểu ý định của Emma. Chìa khóa *backdoor* đổi thuế Barett. Sự sửa chữa các máy tính đổi lấy sự tạo lập Bảo hiểm xã hội phổ cập. Mạng sống của những mạng web đổi lấy mạng sống của những con người. Nhưng này, có thể nghĩ ra không? Các chính phủ có thể chấp thuận một sự dọa dẫm để đổi chác như thế không?

Trong khoảnh khắc ngắn ngủi, một ý tưởng điên rồ khác vụt qua đầu anh. Hồi nãy, trong khi làm kiểm kê những hoạt động của Tổ chức, anh để ý là bọn tin tặc đã thực hiện những vụ chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng nhằm cung cấp tài chánh cho các hoạt động thực địa... Nếu chúng có thể làm được việc này thì Pierre ta cũng có thể...

Anh đã mơ màng về chuyện đó trong vài phút. Biển thủ tiền bạc. Cho anh. Cho Emma. Để bỏ đi xa với nàng. Hai người sẽ định cư ở Úc hay ở Patagonie. Sẽ mua một nông trại. Đổi đời. Hai người sẽ bắt đầu lại từ con số không, như thể họ gặp nhau khi hai mươi tuổi.

Vớ vẩn quá! Những ý tưởng kiểu này đôi khi khiến anh nghi ngờ tính chính trực tinh thần của mình. Anh kéo hai đầu gối lên sát ngực và cúi đầu xuống. Người đàn bà đó không phải dành cho anh, anh biết rõ điều này, từ lâu lắm rồi.

Emma lại cầm điện thoại lên và lần này thì bấm số.

— Em gọi cho Valérie Perrier bây giờ đây. Cô ấy sẽ hiểu nhanh thôi. Chính cô đã sắp xếp bước đầu chương trình châu Âu về vi tín dụng trong các nước đang phát triển. Cô biết rõ đề tài đó. Và cô không có nguy cơ thông đồng với bọn tin tặc.

— Cô ấy chịu trả lời vào giờ này sao? - Pierre nói, liếc nhìn đồng hồ đeo tay một cách máy móc, nó chỉ 2 giờ 10.

— Ông bạn ơi, ở mức độ trách nhiệm như thế này, người ta lúc nào cũng để điện thoại ở chế độ mở.

Emma đứng dậy và bắt đầu đi dọc theo hồ bơi, máy di động áp sát tai, chờ phía bên kia bắt máy. Chuông reo nhiều lần rồi cuối cùng chuyển sang bộ phận tin nhắn.

"Đây là Valérie Perrier. Tôi vắng mặt ở Paris ba ngày, nhưng nếu cuộc gọi của ông bà liên quan đến công việc, ông bà có thể để lại tin nhắn và tôi sẽ làm hết sức để gọi lại ông bà ngay khi có thể [...]. Hello, this is Valérie Perrier. I'm not in Paris now..."

Emma thấy nóng ruột. Pierre nghe ra tiếng kêu lèo xèo của tin nhắn dành cho người gọi, tính ra là nó kéo dài ít nhất bốn mươi giây.

— Người ta thấy là những người đó không trả tiền điện thoại, anh lẩm bẩm.

"[...] you can leave your message after the tone."[407]

— Valérie, Emma đây, - người đàn bà Mỹ khởi động. - Mình hy vọng cậu vẫn thường. Việc như thế này: mình biết chuyện gì xảy ra trên mạng. Và bọn mình cần cậu để...

Ngay lúc ấy, một giọng nói vang lên sau lưng khiến nàng giật mình.

Một người đàn ông đứng ở lối vào hồ bơi. Ông ta nói với giọng trầm, điềm tĩnh, bằng cách phát âm rõ ràng từng chữ một:

— Bỏ đi, Emma. Ta đã tìm ra tốt hơn rồi. Chúng ta không cần ai nữa đâu.

http://tieulun.hopto.org

42

Emma và Pierre, cả hai nhìn chằm chằm lối vào hồ bơi. Đứng trên các bậc tam cấp, tựa lưng vào cột, người đàn ông quan sát họ. Ông ta mặc quần tây đen và áo pô-lô dài tay cùng màu đen. Đeo sau tai đồ che tai Wifi mà một phần lòi ra trên gò má nhẵn nhụi. Người đàn ông đi đôi xăng-đan bằng da nhưng không mang vớ.

Emma đột ngột đưa bàn tay lên miệng và kêu lên:

— Dan! Không, không thể thế được! Có phải anh không?

Nàng nhảy chồm lên và muốn tiến về phía chàng. Nhưng nàng không có thời gian để dấn bước đầu tiên. Dan Barett cứng người lại và đút tay mặt vào túi quần.

— Dan! Vậy anh không...?

Nàng không chấm dứt câu. Không dám nói ra cái tiếng định mệnh, "chết". Dan Barett đã chết, vậy mà chàng lại đứng đó, trước mặt nàng.

— Đúng đó, em thấy rõ mà. Đừng tỏ ra ngu ngốc nghe! - Người đó nói kèm theo tiếng cười tinh nghịch.

Pierre không cử động. Anh sửng sốt, không còn tin vào mắt mình. Người đàn ông đứng trước mặt anh, hai tay đút túi quần, là người mà anh rất thường thấy trên các tờ báo hàng ngày, trên truyền hình, hay trên Internet.

Dáng người cao này mà thời gian đã làm mập ra đôi chút, phong thái thiền này, cặp kính thanh nhã này... Và đôi xăng-đan. Dan Barett, hoàng đế của thế giới tin học. Hay của thế giới – không thêm chữ gì đi theo nữa. Nói cho đúng hơn, của thế giới trước khi *backdoor* bị mở ra.

Trừ phi. Trừ phi Barett chết ba ngày trước. Và mới được chôn cất ngày hôm qua.

Anh quay về phía Emma để tìm lời giải thích trong ánh nhìn của nàng. Nhưng người đàn bà Mỹ vẫn nhìn Barett trân trân, như thể bị ông hớp hồn.

Đến lượt anh đứng dậy. Nhưng Barett không để anh có thì giờ bước tới.

Ông rút tay mặt ra khỏi túi quần.

Bàn tay cầm một khẩu súng lục.

— Này, mày đứng yên đó! - Ông ra lệnh, giọng khô khốc.

Ông bây giờ rất gần và đối mặt họ.

— Em yêu à, ta không tin là gặp em ở đây! Em đi nhanh hơn ta tưởng, - ông nói một cách lạnh lùng.

Đôi mắt Emma đầy sững sờ. Nàng trả lời bằng tiếng Anh:

— Nhưng này Dan, chính anh đã gọi em đến mà!

— Đúng đấy. Nhưng cái thiết bị này đã hơi lỗi thời. Đó là cách đây hai năm, ngay sau khi mua ngôi biệt thự, em nhớ chứ? Ta giải trí bằng cách nghĩ ra cuộc hành trình kết nạp này, những điều bí ẩn này mà chỉ một mình em mới có thể tìm ra giải pháp... Nhưng đối với ta, ngày hôm nay, tất cả mấy thứ này đã thuộc về tiền sử! Ta hoàn toàn không còn nhìn sự vật giống như trước nữa. Vả lại, để tỏ ra chân thật trọn vẹn với em, ta đã không hình dung, dù chỉ trong một giây thôi, là em còn nhớ chuyện cũ. Và cũng không hình dung là em đi nhanh đến thế! Giỏi lắm, em yêu à!

Dù bị khẩu súng hăm dọa, Pierre vẫn cố gắng suy nghĩ. Barett ở đây này, trước mặt anh, có vũ khí. Và rõ ràng là không mang ý định tốt đẹp gì. Barett, vị cứu tinh của thế giới, người đã dành cả tài sản của mình để xóa đói giảm nghèo trên cả hành tinh. Không thể tưởng tượng được.

Nhưng thái độ của Emma làm anh ngạc nhiên. Người đàn bà Mỹ có vẻ bị Barett cuốn hút. Ông không chĩa nòng súng về phía nàng, và nàng có vẻ uống lấy, uống để lời ông nói. Nàng cũng mỉm cười với ông nữa, có vẻ thế, khi ông nói "Giỏi lắm". Nàng vẫn tiếp tục nhìn ông, vẻ mặt hơi ngốc nghếch, như thế sao? Tại sao nàng không tìm cách nói điều phải trái với ông chứ?

Những câu hỏi xô đẩy nhau. Tại sao Dan Barett – nếu đúng là ông ta, đứng đó, nhìn họ một cách khinh thường – lại làm cho mọi người tưởng mình đã chết? Có phải vì ông thông đồng với bọn tin tặc không? Ông có phải là "T" nổi tiếng mà Makresh và Krashni nhắc đến trong các thư điện tử của chúng không? Có phải là người giật dây trong bóng tối, mà chúng cũng không biết đó là ai không? Trong trường hợp này thì có phải chính ông, chứ không phải Puttman, mới là *deus ex machina*[408], bàn tay vô hình khổng lồ đã nắm quyền kiểm soát Internet và phát tán con virus trong các máy tính khắp hành tinh để nó tạo phương tiện "mở" những máy tính bị chọn trước không? Nhưng với mục đích gì? Có phải chỉ để đẩy mạnh sức bán cho Shadows mới, và tạo cơ hội cho Controlware chi phối hơn nữa khối lượng máy tính trên toàn thế giới không? Chiến lược đó thì quỷ quyệt nhưng thích hợp. Controlware đang ở giai đoạn bản lề trong lịch sử của nó, suy yếu bởi những công ty cạnh tranh mới và hoàn toàn tùy thuộc vào hệ điều hành mới: Shadows sẽ tạo cơ hội cho Controlware tìm lại đà tiến mà nó đã có được trong suốt ba mươi năm. Barett, thông qua gia đình hay những đồng lõa của ông, có thể thu được hàng tỉ đô-la trong chiến dịch này. Và vì đã qua đời, ông trở thành một nạn nhân không thể nghi ngờ được.

Nhưng có cái gì không ổn ở đây. Nếu Barett là bộ óc của sự chụp giựt quyền hành giấu mặt này, thế thì tại sao ông lại gieo rắc những chỉ dấu cho phép Emma tìm lại được con đường dẫn đến căn phòng bí mật và các chìa khóa backdoor? Tại sao ông lại cung cấp cho người tình cũ hướng tìm mật mã có thể làm hỏng kế hoạch của mình? Về mặt nào đó, ông đã trả lời khi nãy, bằng cách nói rằng "cuộc hành trình kết nạp" được đưa ra cho Emma là đã "thuộc về tiền sử" từ rày về sau đối với ông, rằng ông không chờ đợi là nàng còn nhớ và khám phá ra bí ẩn nhanh đến thế. Có phải ông quên là mình đã xếp đặt cái thiết bị này không? Có phải ông đổ bộ xuống biệt thự Trianon để tháo bỏ nó, không hình dung ra là người tình cũ đã đến đây đầu tiên không? Không! Tất cả mấy chuyện này chứng tỏ sự khinh suất và tâm lý hành động kiểu "bạ đâu đánh đó" không hợp với con người Barett chút nào. Một điều chắc chắn: sẽ tốt hơn nếu giả thuyết Barett thông đồng với tin tặc là không đúng. Bởi vì, nếu Dan là "boss"[409] của Makresh và đồng bọn thì tất cả những người có mặt ở biệt thự này sẽ trở thành "gánh nặng" đối với ông.

Pierre bắt đầu sợ.

Giọng nói Emma lại cất lên, dịu dàng một cách ngạc nhiên.

— Dan, anh sẽ làm gì, bây giờ?

Câu trả lời của Barett văng ra, kiêu hãnh.

— Từ từ đã nào, lát nữa ta sẽ giải thích cho em.

Cái dáng màu đen rời xa vài bước. Pierre thấy bóng cánh tay ông chỉ về phía cửa ra.

— Tốt! Thằng kia, mày đến chỗ này, ngoan ngoãn nghe. Đi qua phía trước! Tất cả sẽ đi gặp lại mấy đứa bạn nhỏ của mày. Emma, vui lòng đi theo nó.

Emma làm theo. Nàng bước qua cửa hồ bơi, theo nhịp bước của Pierre. Barett đi sau cùng, súng trong tay.

Ở phòng khách chìm trong bóng tối, Granier và Rebecca bị trói chặt và cột vào chân cái trường kỷ kiểu Louis XV. Danh sách những người làm phim *Cái ngày hôm kia* đang chạy trên màn hình TV, phát ra một quầng sáng màu xanh dương trong căn phòng. Granier ngẩng đầu lên và nhăn mặt khi thấy Pierre và Emma đi vào. Rebecca không cục cựa.

— Anh đã không... - Emma kêu lên, lao về phía con gái mình đang nằm dài bất động dưới đất.

— Em đừng lo! - Barett trấn an nàng. - Ba giờ sáng rồi, ai cũng buồn ngủ, con gái em đang ngủ, tất cả vậy thôi.

Thế nhưng, Rebecca không ngủ; cô khóc, trán áp vào tấm thảm trải sàn. Emma dùng các ngón tay chùi những vệt mực vẽ mắt loang trên má và vuốt ve đôi mắt sợ hãi của cô. Pierre tự hỏi sao nàng không ôm con vào lòng. Cử chỉ của nàng trông điềm tĩnh lạ lùng. Có phải nàng sợ phản ứng của Barett không?

Anh bất chợt cảm thấy ông chủ Controlware nắm cùi chỏ và đẩy anh một cách thô bạo về phía lò sưởi.

— Thằng này, mày cũng sẽ đứng im đó nghe! Emma, đến đây này. Trói nó lại. Nhưng đừng giở trò ngu ngốc nghe.

Mọi người im lặng.

Vào lúc đi qua bên cạnh Granier nằm dài dưới đất, Pierre chợt thấy một vết đỏ trên trán tên nhà văn. Một chỗ bầm lớn thành hình dưới chân tóc. Da bị rách để một tia máu đọng thành giọt.

Barett chụp dụng cụ mở cuộn dây kim loại để cột các gói đồ nằm sẵn

trên cái bàn thấp. Nửa giờ trước nó đâu có ở đó, nhưng Pierre nhận ra là có một cái tương tự trong căn nhà của tên gác dan Terry, giữa những dụng cụ dồn đống trên các kệ ván trong bếp của hắn. Anh đoán là chuyện chắc đã xảy như thế này: khi đến biệt thự Trianon, Barett đi gặp Terry và được tên này báo cho biết sự hiện diện của Emma và các bạn nàng trong ngôi nhà. Terry... Nhưng tại sao hắn lại không có mặt trong phòng khách với Barett kia chứ? Một ý tưởng ghê gớm băng qua đầu Pierre. Barett chắc đã thủ tiêu Terry và lấy đi cuộn dây.

Emma cầm lấy dụng cụ mà Barett đưa cho và quấn dây xung quanh mắt cá chân Pierre, không nhìn anh. Rồi nàng dùng nó để siết chặt các chỗ cột. Cuối cùng, nàng đứng dậy để trói hai cổ tay anh.

— Cột ra sau lưng! - Barett ra lệnh.

Emma quỳ xuống sau Pierre và bắt đầu quấn dây xung quanh hai bàn tay anh.

— Em có làm anh đau không? - Nàng hỏi.

— Chẳng sao đâu, - Pierre nói, tìm cách bắt gặp ánh mắt nàng.

Họ phải nói chuyện với nhau, họ phải tìm cách nào đó để ra khỏi đường cùng này.

— Xong chưa vậy? - Barett tỏ ra sốt ruột.

Dùng hai tay kéo trên cái máy, Emma làm cuộn dây căng đến mức Pierre cảm thấy nó cắn vào da thịt mình.

Emma quay về phía Dan với những cử chỉ như người máy.

Nàng đang chơi trò gì đây? Pierre tự hỏi, dù hai cổ tay đang đau nhói như bị kéo cắt. Nàng có vẻ vâng lời người tình cũ mà không cần ông ta hăm dọa. Bị thôi miên. Chịu phục tùng. Không thể nhận ra được rồi.

— Tốt lắm, bây giờ tất cả ra ngoài vườn! - Barett ra lệnh.

— Anh sẽ làm gì họ? - Emma vẫn cứ hỏi, bằng tiếng Anh, giọng vô cảm.

Hai người bước ra ngoài hành lang để nói chuyện, nhưng không đóng cửa phòng.

— Đặt chúng vào chỗ mát mẻ, đơn giản có thế thôi.

Barett không đi một cách vênh vang, không vung vẩy súng trên tay. Ông luôn giống với chính mình. Quả quyết. Lạnh lùng. Nhị nguyên.

— Ông ta sắp giết bọn mình đó! - Pierre kêu lên, bằng tiếng Pháp.

Emma và Barett lờ đi câu nói đó và tiếp tục trao đổi.

— Anh sẽ giam họ trong căn nhà âm nhạc hay sao?

— Đặt chúng vào chỗ mát, ta nói rồi.

Người đàn bà Mỹ hiểu ẩn ý và tìm cách chống lại nhưng không tỏ ra hăm hở mấy.

— Có thực sự ích lợi không?

— Xin lỗi, ta không có lựa chọn nào khác, - Barett điềm tĩnh đáp trả. - Vả lại, nói giữa chúng ta thôi, đó là lỗi của em nếu sự thể ra đến nỗi này. Hơn nữa, ta và em, hai ta thường nói về chuyện này: một vài chuyện được thua vượt qua những tình cảm và những cảm xúc cá nhân nhỏ nhặt. Một vận mệnh lớn đang chờ đợi hai ta.

Họ rời xa hơn một chút ngoài hành lang và Pierre không nghe được nữa những gì họ nói với nhau.

“Em và ta”, “hai ta”. Barett liên kết Emma trong các lời lẽ của mình. Ông sắp giam họ, Granier, Rebecca và anh, trong đường hầm. Và tha cho Emma. Và nàng có lẽ sẽ để cho ông làm. Rồi chuyện gì sẽ xảy ra sau đó đối với đám

tù nhân này? Barett sẽ để họ chết dần, chết mòn trong đường hầm chăng? Nhưng, mẹ kiếp, tại sao Emma lại không bảo vệ con gái mình chứ? Cho dù nàng không tìm cách gì để cứu anh thì còn được, nhưng tại sao nàng có vẻ dửng dưng trước số phận Rebecca? Và tại sao Dan có vẻ xem sự thông đồng của Emma là điều đương nhiên?

Pierre tự nhủ là mình đang vùng vẫy ngay giữa cơn ác mộng. Anh sẽ tỉnh dậy, chắc chắn rồi. Barett đã chết. Còn tên Barett đang ở trước mặt anh là một nhân bản vô tính lén lút.

Mười phút sau, Emma và Barett xuất hiện lại trong phòng khách.

— Mẹ ơi!

Tiếng gào của Rebecca làm anh giật mình. Lúc này Barett lại gần để cắt dải băng cứng đã cột Granier và người yêu của gã vào cái trường kỷ.

— Bây giờ, tất cả ra ngoài!

Ông ra dấu cho họ đi về phía hiên nhà. Để bước tới với hai chân dính nhau, ba tù nhân phải kéo ra dải kim loại đang siết chặt bắp chân họ. Rebecca, hai bàn chân bị buộc lỏng hơn hai người kia, thì vừa đi từng bước ngắn, vừa khóc nức nở.

— Mẹ ơi! - Cô còn thầm thì sau khi đã đi được vài thước.

Tóc cô xổ tung ra, vài lọn lòa xòa trước hai mắt. Barett ra dấu cho Emma là nàng có thể giúp con gái bước đi. Thế là người đàn bà Mỹ tiến về phía Rebecca, và khi nàng đi sát qua Pierre, anh nhận ra mắt nàng cũng đẫm lệ. Tuy vậy, nàng vẫn tiếp tục thi hành mệnh lệnh của Barett. Gồng mình và bặm môi, nàng xốc con gái ngang hông, và cứ mỗi bước lại kéo cô đi được vài centimét.

Khi họ ra đến vườn, các ngọn đèn chiếu tự động bật lên dọc theo lối đi

mà họ đang bước trên đó. Một trong những ngọn đèn soi sáng Kagébé đang đi tuần ở cuối một lối đi. Dan chỉ nó với nòng súng của mình.

— Đó là một con chó giỏi, nó...

Mặt trăng, tròn và hiện rõ, nổi bật trên nền trời không gợn mây. “Những người điên thường đi ra ngoài vào những đêm trăng tròn”, Pierre nghĩ, dù không muốn. Một câu nói mà Clara thường thốt ra.

Barett trở nên điên rồi.

Granier, mệt lử vì di chuyển với hai bàn chân bị trói, cố gắng thu hút sự chú ý của ông.

— Dan, tôi không hiểu gì hết! - Gã xổ ra, hụt hơi. - Như thế này mà ông cảm ơn tôi đã giúp ông tìm ra cái bình đồ à?

— Granier, ông đã không giúp ta gì hết. Ông chỉ làm ta mất thì giờ thôi.

Họ phải mất nhiều phút mới đi xong khoảng cách giữa hiên nhà và nghĩa trang các con chó. Những mộ bia vuông vắn, đặt rất ngay hàng thẳng lối, được hai ngọn đèn chiếu treo trên những cành thấp của cây bạch quả soi sáng. Dưới chân cái bàn bằng sắt rèn là Terry bị trói và bị nhét giẻ vào miệng. Vì đi tìm hắn mà Emma và Barett vắng mặt khi nãy.

Barett đứng lại trước nấm mộ thứ ba.

— Le Nôtre, - ông nói to, giọng mạnh mẽ, mắt không ngừng canh chừng đám tù nhân của mình.

Phiến đá cẩm thạch xoay quanh, và lối đi đào dưới đất hiện ra, được một tia sáng từ đèn chiếu soi xuống. Granier và Rebecca, không biết đến sự hiện hữu của nó, bất ngờ hiểu ra điều gì đang chờ mình. Cuộc đi xuống mồ. Cô gái trẻ bắt đầu rống lên và muốn trốn chạy. Nhưng chưa gì cô đã loạng choạng và té xuống bãi cỏ. Emma ngồi xuống bên cạnh, tìm cách làm cho

con bình tĩnh trở lại. Nhưng cô cứ giãy giụa, miệng kêu la dữ dội.

— Làm nó im đi, Emma! - Barett bực tức ra lệnh. - Nó sắp đánh thức cả khu phố đó.

Emma đặt bàn tay lên miệng Rebecca. Pierre thấy cặp môi nàng run rẩy.

— Bây giờ, các người đi xuống, ngoan ngoãn nghe, - Barett tiếp tục ra lệnh. - Bắt đầu bằng cô gái này, - ông thêm, tay nâng Rebecca lên để kéo cô về phía cái lỗ.

Granier giữ im lặng từ khi bị Barett hắt hủi, chọn giây phút này để chơi cú được ăn cả ngã về không.

— Barett này! - Gã nói với vẻ thách thức. - Ông có biết là ông sắp chôn sống đứa con gái của chính mình không?

http://tieulun.hopto.org

43

Barett bất ngờ buông Rebecca ra, và cô ngã xuống đất.

— Ông nói cái gì thế?

— Rebecca là con gái ông đó, Barett! - Granier kêu lên.

— Ông muốn nói cái gì?

— Cô ấy đến từ ông! Rành rành như mũi ở giữa mặt!

Rebecca nằm trên bãi cỏ, vẻ mặt hốt hoảng. Cô không còn kêu rên. Barett thì đứng khựng lại.

— Làm con tính này đi! - Granier nói tiếp, khiêu khích. - Cô ấy sinh vào tháng mười hai năm 1990. Ông còn ở đại học với Emma chín tháng trước đó, đúng không nào? Và ngay trước mùa hè, khi bụng chửa sắp sửa thấy rõ, nàng bỏ đi sang Pháp để hoàn tất việc học... Một sự trùng hợp lạ lùng, không đúng à?

Barett hạ súng xuống và nhìn Rebecca. Mặt ông trở nên nhăn nhó vì ngán ngẩm. Pierre đoán ra điều ông đang nghĩ: cái hình dạng mềm yếu và rên rỉ đang nằm dưới chân ông không thể nào là sản phẩm của gien ông được.

— Rebecca không biết chuyện này và ông cũng không biết nữa, - Granier nói tiếp. - Vậy thì hãy hỏi nàng đi!

http://tieulun.hopto.org

Gã hất hàm chỉ sang Emma; nàng vẫn im lặng.

— Nàng kể cho con gái nghe rằng cô ấy bị sinh non, - tên nhà văn nói tiếp. - Rằng cha cô là một phi công máy bay tiêm kích mà nàng gặp vào tháng sáu khi đến Paris. Rằng ông ấy đã bỏ nàng vào tháng chín ngay sau khi biết nàng mang thai.

— Tại sao lại kể cho ta tất cả chuyện này, ta biết mà! - Barett đáp trả, cao ngạo. - Ta cũng biết là Emma không bao giờ quan tâm đến con gái mình. Ông muốn làm ta tin là nàng luôn nói láo với ta sao?

Emma nghiến răng.

— Chắc chắn là không rồi, Dan! Hắn cứ nói chuyện vớ vẩn!

— Vớ vẩn à? - Granier nhấn mạnh, tỏ ra nóng nảy. - Các ông bà có biết nhiều đứa con nít sinh non mà cân nặng đến ba ký rưỡi khi ra đời không? Tôi thì không! Tôi đã xem sổ sức khỏe của Rebecca.

Đã quên rồi tính khôi hài chua chát, sự hoạt bát giễu cợt, thói tự trào. Tên nhà văn của Saint-Germain-des-Prés lúc này trở nên hung hăng.

Thấy Barett không nghe nữa, gã bắt đầu gào lên:

— Chỉ cần làm xét nghiệm ADN là đủ để kiểm tra là tôi có lý. Ông cho làm xét nghiệm ADN đi!

Barett, bực dọc, chấm dứt chuyện dông dài vô bổ này.

— Ta không muốn mất thì giờ. Đi nào! Tất cả xuống hầm!

Ông chụp cánh tay Terry và kéo hắn về phía lối vào đường hầm bí mật. Những người khác không phải thắc mắc lâu la là làm sao đi xuống các bậc thang khi chân tay đều bị trói: Barett bắt Terry ngồi xuống bên mép lỗ rồi nhảy xuống. Rớt sâu hai thước, thân thể hắn gây một tiếng động đục, theo

sau là tiếng thét đau đớn.

— Tôi không chịu xuống dưới đó! - Granier gào lên, cuồng loạn.

— Tùy ông thôi, - Barett thốt ra và hướng nòng súng về phía Granier.

Ông im lặng nhắm chân tên nhà văn và bắn. Granier ngã xuống, đạn găm vào đùi.

— Jean-Philippe! - Rebecca la lên.

Tên nhà văn quằn quại vì đau trên cỏ. Emma bước về phía gã.

— Bảo hắn câm miệng lại và nằm im đó! - Barett ra lệnh.

Tiếng súng nổ làm Kagébé hoảng sợ. Nó sủa. Đôi mắt nó quét qua mặt đất với những ánh chớp đỏ.

— Im lặng! - Barett kêu lên.

Con chó không tuân lệnh. Ông đến ngồi xổm trước nó và đưa bàn tay rờ dưới vòng cổ nó. Một tiếng rít chát chúa rồi tiếng bấm *click* vang lên.

Con rô-bốt trở thành bất động.

— Đó là con chó ngoan, - Barett vừa nói vừa cười mỉm.

Emma lợi dụng khoảnh khắc ngưng nghỉ giữa chừng này để thầm thì vài lời vào tai Rebecca. Cô gái trẻ im ngay tức khắc. Mắt vẫn nhìn vào mắt mẹ, cô ngoan ngoãn đưa hai chân xuống miệng hầm rồi thả người rơi xuống, nhẹ nhàng.

Barett trở lại phía nhóm người nhỏ tụ tập trước các nấm mộ. Ông dùng súng chỉ vào cái lỗ mở toang hoác.

— Và bây giờ phải nhanh lên!

Vào lúc đến phiên mình xuống, Pierre cố bắt gặp ánh mắt Emma. Nhưng

nàng cứ nhìn đăm đăm cái nấm mộ được mở ra đó, như thể nàng không có mặt nơi đây. Có phải nàng sợ chịu chung số phận như những nạn nhân khác của Barett không? Pierre hy vọng một dấu hiệu thông đồng, một ánh nhìn, một lời từ giã trong im lặng.

Ngồi ở mép lỗ, anh tự hỏi, như thường lệ, những hình ảnh nào mà trí nhớ anh sẽ gọi lên ngay vào lúc anh bất tỉnh. Có lẽ cái bức ảnh này, đặt trên bàn giấy anh từ mùa hè năm trước: ba đứa con anh, mặt nạ và ống thở cầm tay, đứng chụp hình ở bãi biển đá Piana. Hay kỷ niệm thời thơ ấu: một buổi tối, tỉnh giấc vì ác mộng, anh bất thần thấy bố và mẹ đang khiêu vũ điệu slow trong phòng khách, trước TV đang mở.

Không nói một lời, Pierre nhảy xuống hầm.

Barett lôi Granier đến tận miệng lỗ và đẩy gã xuống. Pierre và Rebecca giúp gã cho nhẹ bớt sự va chạm nhưng gã rú lên thảm thiết khi chạm mặt đất.

Emma, vẻ mặt nhợt nhạt, chờ Dan phán quyết. Nếu ông buộc nàng đến lượt mình nhảy xuống, mọi sự xem như chấm dứt.

— Đóng cửa hầm lại! - Ông ra lệnh, như thể ông còn muốn thử lòng trung thành của nàng đối với ông. - Ta không cần nói với em là phải làm sao.

Người đàn bà trẻ không do dự chút nào.

— Le Nôtre!

Cái lỗ tự đóng lại trong một chuyển động êm ru. Không có tiếng xuýt xuýt để át tiếng rên rỉ của Granier và Terry đang xa dần vì bị hút sâu vào trong những ngõ ngách dưới lòng đất của Trianon.

Barett tỏ vẻ nhẹ người. Ông hất cằm chỉ về hướng biệt thự cho Emma, để

vũ khí vào túi và đi theo nàng. Nàng cố gắng bước đi một cách vững vàng, đuổi ra khỏi đầu hình ảnh của Pierre, của Rebecca và của Granier, bị thương, và sẽ hấp hối trong lòng đất dưới Versailles.

— Đúng là không có gì phong lưu mã thượng cả, cái tên Granier này! - Barett buột miệng. - Nói láo, rên rỉ, đó là tất cả những gì hắn biết làm. Khi ta nghĩ đến dân Francs-Comtois mà Louis XIV đã chiến thắng và thôn tính... Em biết họ phản đối bằng cách nào không, những người này? Khi chết, họ đòi được chôn ngược, mặt nằm sát đất. Họ muốn quay lưng về phía mặt trời để thách thức nhà vua ngay cả bằng cách chết.

Emma rùng mình. Dan xác nhận những nỗi lo sợ của nàng: ông chủ ý để tất cả bọn họ chết, nhốt kín trong lòng đất.

44

Emma im lặng leo lên cầu thang trước Barett và đi vào phòng "Moi", theo lệnh ông. Ông chủ Controlware đóng cửa lại. Ngay lúc ông thả nắm cửa ra, màn hình nằm ở trên lò sưởi bật sáng và làm hiện ra hai bức chân dung xưa. Hai bản họa. Hay rất có thể là tranh khắc gỗ, Emma tự nhủ, nàng nhận ra một trong hai bức là chân dung Louis XIV.

Barett đi về phía cái living bed và quay sang Emma:

— Em biết tại sao ta chừa em ra không?

Đứng bên cạnh lò sưởi, nàng tập trung suy nghĩ trước khi trả lời:

— Bởi vì em bao giờ cũng trung thành với anh, phải không?

Barett ngồi xuống giường, rút khẩu súng ra khỏi túi và đặt nó bên cạnh. Ông vỗ vỗ lên vải phủ giường màu đỏ, nằm dài ra rồi ngồi dậy, như thể ông muốn thử mức độ tiện nghi của tấm nệm, rồi mỉm cười, lộ vẻ thoải mái.

— Những lời nói làm yên lòng của em sẽ không đủ cho ta đâu, người đẹp ơi, nếu chính ta không tin ở lòng trung thành của em. Vậy thì, suy nghĩ nữa đi.

Barett đùa với nàng. Trong khi Granier đang mất máu. Trong khi con nàng đang khóc nức nở và cũng sắp chết. Nàng liếc nhìn khẩu súng để trên giường. Làm sao tới gần nó đây?

http://tieulun.hopto.org

— Có lẽ anh cần em cho phần tiếp theo, phải không? - Nàng nói liều, đẩy nhanh ra khỏi đầu hình ảnh Rebecca nằm úp mặt trong bụi bặm.

— Cũng không phải. Thế thì em không tìm ra à?

Vì Emma vẫn đứng, im lặng, trước ống khói, ông ra dấu bảo nàng đến ngồi bên cạnh ông.

— Emma này, nếu em đã có thể đi đến tận các hàng mật mã, đó là vì em đã vượt qua thành công sự kiểm tra. Em nhớ sự kiểm tra đó chứ? Em biết nó chứng minh cái gì không?

— Sự kiểm tra cảm xúc, anh muốn nói thế? - Nàng ngồi im trả lời.

— Chính xác. Vậy thì ta lặp lại câu hỏi: nó chứng minh cái gì?

Emma suy nghĩ vài giây. Barett bắt đầu lại những cuộc đấu trí với nàng, làm như chẳng có chuyện gì xảy ra vậy. Trừ phi, lần này, nàng cảm thấy là nếu phạm lỗi thì khó mà tha thứ được. Người đàn ông trước mặt nàng không phải là chàng Dan Barett mà nàng biết rõ ngày xưa. Hay chọc ghẹo, chắc thế rồi, nhưng bao dung. Thích chế ngự nhưng hào phóng. Quỷ sứ lạnh lùng đối với những công ty cạnh tranh nhưng không bao giờ như thế với những người thân cận. Con người đó, về mặt nào đó, đã thực sự chết. Và Dan mới này, người đã bắn Granier, nhốt kín chính con gái mình, góp phần vào cái chết của hàng ngàn người: vậy còn gì nơi con người thiên tài lạc quan và bác ái mà nàng từng thích thú biết bao khi cùng nhau hình dung ra một thế giới mới?

Cái dáng này, từ nay oai vệ, mái tóc thẳng và lóng lánh bạc này, hai nếp nhăn lớn chắn ngang vầng trán này; nụ cười vừa kiêu ngạo vừa dịu dàng này: không một nét mặt, không một tật máy cơ nào khiến nàng nghi ngờ là mình đang đối mặt với một người khác. Chỉ có một Dan Barett mà thôi. Nhưng có lẽ chính ông lại nhận lệnh. Trong trường hợp này thì từ ai chứ?

Nàng nhìn ông, sững sờ, mắt dán vào đôi xăng-đan của ông.

Barett tỏ ra bực tức.

— Đừng nhìn ta như thế nữa. Sao, em biết nó chứng minh cái gì chưa, sự kiểm tra đó?

— Em nghĩ là biết, - nàng bắt đầu, giọng còn lưỡng lự.

— Vậy thì nói nhanh xem...

Nghĩa trang chó. Rebecca tức thở. Pierre nằm dài trong đường hầm. Bức màn bằng hình ảnh đó đột ngột tự xé ra. Emma thấy lại cồn cát ở Pilat.

— Sự kiểm tra đó tạo cơ hội cho em biết nếu, đúng hay không...

Nàng không dám đi xa hơn. Dan khích lệ nàng bằng cái nháy mắt thông đồng.

—... em còn yêu anh.

Barett đứng phắt dậy, tự hào ra mặt. Tự hào về mình. Tự hào về kỹ thuật của mình hay về tình cảm yêu đương mà ông gợi lên nơi Emma? Cồn cát Pilat, cái nồi cháy đen, traghetto ở Venise, vịnh Sausalito: nếu bộ óc Emma đã phản ứng trước các bức ảnh này, đó là vì sự quyến luyến mà nàng cảm thấy đối với người bạn tâm đầy ý hợp lâu năm nhất của mình vẫn còn sống động như thuở nào.

— Đó chính là điều mà ta muốn biết thực sự, - ông trả lời. - Và bây giờ ta không còn hoài nghi gì nữa. Em bao giờ cũng vẫn yêu ta. Như vậy em có thể hiểu tất cả.

Emma đứng cách giường vài thước, tái mét. Nàng chưa từng thấy, trên bộ mặt Barett, một vẻ hung hăng cao ngạo như thế. Barett là con sư tử sẵn sàng nhảy chồm tới, tin chắc ở sức mạnh của mình. Nhưng vì lý do gì mà ông bây giờ lại quan tâm đến chiều sâu tình cảm của nàng đối với ông?

Trong một thời gian quá dài, chẳng phải chính ông đã gọi tình yêu của hai người là “tình bạn đẹp” hay sao?

Barett điên rồi, Emma tự nhủ. Điên đến độ đi kiểm tra, đến tận đáy não những người thân cận, có thực, cường độ và thời gian kéo dài của những tình cảm của họ. Nàng hết sức tránh đáp trả lời ông rằng, nếu việc kiểm tra cảm xúc tiết lộ sự hiện diện của một kỷ niệm tình yêu, nó lại không chứng minh gì cả về tình yêu hiện tại, tình yêu mà nàng cảm nhận đối với ông bây giờ. Đó là không nói đến những yếu tố khác đã ảnh hưởng, trong quá trình kiểm tra, đến cảm xúc của nàng, như sự hiện diện của Pierre bên cạnh nàng. Barett thường đánh giá quá cao hiệu quả các phần mềm của mình.

Emma đã yêu ông, người đàn ông đó, quả vậy. Không nghi ngờ gì nữa về chuyện này. Trong mười năm, ít nhất. Nàng đã rời xa nước Mỹ bởi vì nàng có thai với ông và ông thì không muốn có con. Nàng đã giấu ông chuyện Rebecca là con của hai người với mục đích duy nhất là để gìn giữ mối quan hệ đặc biệt của họ. Nàng hầu như không nói về Rebecca với ông, giấu kín việc nàng đi Pháp đều đặn để thăm con. Dù phải để ông nghĩ rằng nàng là một bà mẹ tồi, một người đàn bà ham làm ăn. Công ty là trước hết, gia đình thì lo sau. Phải lựa chọn thôi. Và nàng đã lựa chọn. Giống như Dan. Cuộc đời của riêng ông, chính là Controlware. Ông sẽ có con, ông quả quyết thế, chỉ khi nào ông có thể dành hết thời gian cho chúng. Barett không thích làm gì nửa chừng. Số không hay số một. Không bao giờ là 0,5 hay 0,8 cả.

Dần dần Emma hiểu ra là thái độ này, quả thật, biểu lộ một cấp độ đòi hỏi phi thường, nhưng trước hết cũng là tính ích kỷ sâu sắc. Rồi nàng cực kỳ ngạc nhiên vì ít lâu sau khi cuộc tình hai người tan vỡ để thỏa mãn sự đòi hỏi đó, Barett lại cưới Amelia, một trong những cộng sự của ông ở Controlware, làm vợ. Và vài tháng sau, ông báo cho nàng biết sự ra đời của Kevin.

Một cú sốc. Dan lấy vợ. Dan đẩy xe nôi. Dan ẵm em bé. Trong trường hợp như thế, nàng nhận ra là nếu ông đã bước qua ngưỡng cửa với một người đàn bà khác, đó là vì ông không bao giờ thực sự yêu nàng. Đối với ông, nàng bao giờ cũng chỉ là một kẻ thông đồng trí thức không hơn không kém. Nỗi ham muốn nàng nơi ông lúc nào cũng là phụ thôi, điều này giải thích tại sao ông đã sống những năm "quan hệ ảo" của hai người mà không thấy thất vọng về tính dục lắm.

Dan, chuộng lý tính, ưa phân tích, chọn nhị nguyên, có thể nào cảm nhận được tình yêu – một thứ tình cảm tự bản chất là phi lý – đối với con người, tất nhiên là không hoàn hảo, không giải thích được, không?

Nàng đã không yêu ông nữa từ lâu lắm rồi. Nhưng trước phần mềm nhận dạng cảm xúc, nàng đã hụt hẫng. Không chỉ vì Pierre đâu. Khi những kỷ niệm xa xưa trở về trong trí nhớ, chúng cũng chở về theo phần cặn bã của tình cảm đã đi theo những kỷ niệm đó từ lúc ban đầu. Chúng khai quật những cảm xúc đã vùi chôn. Cơn đam mê thoáng qua mà bộ não Emma đã phát khởi trước hình ảnh của cồn cát Pilat, của cái nồi cháy đen rõ ràng là có thực, nhưng chúng gửi trả về một con người đã không còn hiện hữu nữa. Tệ hơn nữa: một con người mà giờ đây nàng thấy ghê tởm. Một con người sắp sửa sát hại đứa con gái của họ.

Nàng không thể nén lại lâu hơn nữa lời lẽ mà nàng chặn trong cổ họng từ khi nàng đóng lại cánh cửa xuống đường hầm.

— Dan này?

— Cái gì?

— Granier đó... Anh không lẽ để anh ta...

Barett duỗi dài đôi chân, chống người trên hai cánh tay căng ra phía sau, ngẩng đầu lên, thư giãn.

— Chết, em muốn nói thế chứ gì? Chết như con chuột cống trong đường hầm của các nhà vua? Em đừng lo, hắn sẽ không cảm thấy gì hết.

Emma cố gắng nhìn Barett, thẳng vào đôi mắt. Chúng long lanh vẻ cao ngạo. Nàng chưa bao giờ thấy ông quá tin chắc vào sức mạnh của mình đến thế.

— Thật tuyệt vời, khẩu súng lục này! - Ông thở dài, bàn tay vuốt ve món vũ khí để bên cạnh mình.

Ông chĩa nòng súng dưới mũi Emma và tiếp:

— Nó bắn ra những viên đạn, giống như mọi súng lục khác. Nhưng những viên đạn nhỏ xíu à. Và hầu như không vào sâu trong da. Viên đạn khi đó tự mở và xả ra một phân tử nhỏ tự phát tán trong cơ thể. Người ta làm ra những thứ hay ho lắm ở Nanotech, em biết...

Emma, cả người run rẩy, cố sức giữ cho đầu óc tỉnh táo. Nanotech. Nàng biết mà. Một trong những xí nghiệp mà Dan Barett đã bỏ tiền đầu tư. Một trong những xí nghiệp dẫn đầu trong ngành công nghệ nano. Sự sản xuất của cái vô cùng nhỏ. Khoa học ở một phần tỉ mét. Những ổ cứng có kích cỡ bằng đầu mũi kim. Những máy quay phim cực nhỏ, bằng viên thuốc cảm. Và như vậy, tại sao không, những viên đạn phát tán các phân tử trong cơ thể con người.

Nàng lại nghĩ đến Granier.

— Anh muốn nói là anh đã truyền vào anh ta một...

— Một thứ thuốc nhỏ xíu thôi, đến từ Alzacorp. Nó xóa bỏ trí nhớ. Nó chùi sạch những khái niệm cơ bản cuối cùng được ghi trên ổ cứng con người, em thấy chứ?

Barett đằng hắng lấy giọng:

— Than ôi, đôi khi hơi quá hiệu nghiệm. Nhất là đối với bọn đàn bà tò mò tọc mạch...

Emma dợm người lùi ra sau, về phía cửa ra vào.

— Cứ ở lại, Emma! Em đừng sợ gì cả, - Barett nói tiếp, đưa tay cho nàng. - Ta muốn nói về thứ pin-up Thụy Điển đó.

Emma hầu như đứng thở.

— Kathrin Strandberg sao? - Nàng ấp úng.

— Đúng đấy! Một thứ đàn bà chuyên gợi tình đàn ông. Đã thông thái như vậy thì... Nàng đến gặp lại ta ở Boston. Nàng đã phạm sai lầm là khám phá ra cái bằng chứng thứ tư, tức là công thức về sự hiện hữu của Thượng đế. Ta buộc phải làm cho nàng uống *mélatonine* để mà nàng quên...

— Thứ *mélatonine* nhiễm độc!

— Nhiễm độc... nhiễm độc à... Em nói hơi quá đấy! Một loại thuốc đơn giản, nhỏ nhoi, xóa nhòa những kỷ niệm gây khó chịu. Cùng một loại như những viên đạn của ta, giấu trong những viên mélatonine. Makresh là một thanh niên tài giỏi. Anh ta vào trong máy tính và...

— Nhưng Kathrin Strandberg đâu chỉ uống mélatonne! - Emma cắt ngang. - Cô ấy chết thảm, trong tình trạng khủng khiếp!

Barett đưa hai cánh tay lên, một cử chỉ tỏ ra bất lực.

— Em hãy tin là ta lấy làm tiếc. Em biết ta mà, ta là người điều độ. Ta thích những thứ sạch sẽ, ngăn nắp. Nhưng mấy tên thầu phụ đôi khi có quá nhiều tưởng tượng. Ta chưa bao giờ hé miệng nói với chúng về cái công thức đó! Nhưng Thượng đế là một đề tài đã gợi hứng cho chúng, và những người tử vì đạo của Ngài còn hơn thế nữa! Nữ thánh Sainte-Catherine đó, da thịt bị bánh xe có răng cưa xé nát mà vẫn không chối bỏ đức tin, em thấy

không? Chuyện này đã cho chúng vài ý tưởng.

Emma lùi người lại để dựa vào tường. Nàng sắp ngã xuống đất. Cung cách mà Barett phát âm mấy từ "bánh xe có răng cưa" và cái nhếch mép cười gượng theo sau lời nói đã làm nàng lạnh người. Nàng ước gì có thể đưa tay chụp vai ông, lắc mạnh người ông, hét lên, để đưa ông ra khỏi cơn cuồng loạn. "Dan! Anh điên quá rồi! Anh không phải là anh nữa. Trở lại đi!". Nhưng cả người nàng bị tê liệt.

Nàng hít vào rất sâu. Nàng phải đứng vững. Nàng phải tiếp tục làm cho Barett nói ra. Tạo lòng tin cậy. Chắc chắn là ông sẽ buông lỏng chú ý trong vài giây. Trong trường hợp này, nàng sẽ đánh xoáy khẩu súng của ông.

— Có phải Kathrin Strandberg đã phát hiện ra công thức về sự hiện hữu của Thượng đế không?

— Phải.

— Cái của Le Nôtre? 00 = 1?

— Chính xác.

— Và cô ấy đã làm cách nào?

Barett đối diện với Emma. Ông đã di chuyển về phía cửa sổ và đứng tựa vào đó. Thỉnh thoảng, ông đưa mắt hờ hững liếc nhìn xuống ngôi vườn bên dưới, về hướng thôn Hoàng hậu. Bất chợt ông thấy các hòn bi màu xanh được trang trí với những hình rồng mà Pierre đã để lại trên lò sưởi.

Ông đặt khẩu súng lục vào chỗ chúng và mỗi tay cầm lên một hòn bi.

— Một cú may mắn! - Ông trả lời, hai tay gõ hai hòn bi lên nhau. - Cách đây vừa mới nửa tháng, bà vợ của ông kiến trúc sư cảnh quan khởi đầu chuyện này đó, Blandine Costello, đã tìm được một cái túi con mà chồng bà giấu trong lưng dựa của chiếc trường kỷ. Nó đựng lá thư của Le Nôtre gửi

cho đứa cháu trai của mình. Một văn bản độc nhất của Le Nôtre mà anh chưa từng nghe nói đến cho đến ngày này... Làm sao mà cái tư liệu này lọt vào trong tay Michel Costello? Bí ẩn! Dù sao đi nữa, bà góa phụ không biết làm gì với nó.

Vừa nói, ông vừa gõ nhịp với hai hòn bi. Emma có cảm tưởng đang nghe tiếng roi quất.

— May mắn thay, Blandine Costello vội vàng điện thoại cho Strandberg. Hai người này và ta đã cùng gặp nhau cách đây vài năm, nhưng chỉ có Kathrin là còn liên lạc với bà ấy. Ta bảo Kathrin đi xuống Aix rồi đến gặp lại ta ở Boston. Ta đã hứa tặng một số tiền lớn cho viện bảo tàng của nàng. Nàng vui lắm. Ngay cả khi ta khuyên nàng nên uống viên thuốc chống jetlag... Sau đó thì nàng đi Pháp để dự đại hội của mấy bà chị.

Câu chuyện kể của Dan đã khiến nàng có thì giờ tỉnh táo lại.

— Nhưng cũng phải bịt miệng bà Costello nữa hay sao?

— Khó mà làm khác được.

— Anh vẫn dùng mấy tên thầu phụ đó à?

— Luôn luôn. Đối với Blandine Costello, các tên thầu phụ của ta đã đi quá xa. Chúng bắt bà phải chịu cùng số phận với thánh bản mệnh của bà, nữ thánh Blandine đó: lưới, vỉ nướng, cột chân treo ngược đầu...

Giọng điệu thì dựa trên sự kiện, tỏ vẻ bất liên quan. Phương pháp Barett. Ông đưa ra mục tiêu. Sau đó, các thủ hạ tự lo nghĩ ra phương tiện. Và báo cáo kết quả. Emma chống chọi để đừng thấy ra trong đầu hình ảnh cơn hấp hối của Blandine Costello và Kathrin Strandberg. Câu chuyện kể của Barett làm nàng buồn nôn.

— Nhưng đã là quá khứ rồi, mấy thứ đó. Những thiệt hại phụ, xảy ra bên

cạnh đường đi! - Barett bất ngờ kêu lên, tay đặt lại những hòn bi lên trên lò sưởi để cầm lại khẩu súng.

Ông bước về phía living bed, đưa tay ra trước Emma thêm một lần nữa để mời nàng đến với mình.

— Emma, em và ta, từ nay về sau, hai ta đều gắn bó với nhau bằng sự hiểu biết một bí mật lớn nhất của Lịch sử. Như Le Nôtre với Louis XIV. Nhìn này!

Barett ngừng bước, đặt khẩu súng xuống cái bàn nhỏ bên cạnh máy tính, quay người về phía màn hình đã mở ra phía trên lò sưởi. Ông im lặng một lát, hai mắt ngước nhìn hình ảnh hiện ra.

— Ta giới thiệu với em André Le Nôtre, người làm vườn của nhà vua, và Louis Đại Vương, còn gọi là Thái Dương Vương, một đấng quân vương nhìn xa trông rộng nhất mà trời đất đã sinh ra, - ông trịnh trọng nói to. - Em có biết là tình bạn giữa hai người kéo dài hơn bốn mươi năm không? Le Nôtre là người duy nhất ở Versailles, trong suốt thời gian này, chưa bao giờ bị thất sủng. Ông gặp nhà vua hầu như hàng ngày để dạo chơi trên những lối đi, để sáng tạo ra những đài nước, những khóm cây, để nghĩ ra hệ thống thủy lợi... Ông là người bạn tâm tình của nhà vua, không phải để nói chuyện chính trị hay chiến tranh, nhưng để nói về cái cực kỳ quý giá mà nhà vua sở hữu: ngôi vườn Versailles, một tác phẩm vĩ đại của ngài! Ông cũng là người duy nhất ở triều đình có thể buộc Thái Dương Vương phải trả giá cao! Em thấy có ghê không? Ông làm vườn già này cũng tự cho phép mình đi thăm Fouquet, kẻ thù của vua, ở pháo đài Pignerol, nơi mà Louis XIV giam cầm ông này!

Emma lộ vẻ kinh ngạc. Barett, đứng trước màn hình plasma, ăn nói như một thầy giảng đạo. Hai bàn tay xoay tròn, dùng điệu bộ diễn tả theo một hình ảnh, đọc nhấn mạnh từng âm tiết của một từ, khoanh tròn một ý

tưởng. Ông vua phần mềm có vẻ xúc động bởi lòng say đắm của mình trước những năm tháng vinh hoa của triều đình nước Pháp. Bị vẻ tráng lệ của Versailles mê hoặc, giống như Rockefeller, Benjamin Franklin, và biết bao người Mỹ trước ông. Có phải đó là việc tất nhiên nơi những người quyền thế, sự cuốn hút đến từ Thái Dương Vương mà họ cảm thấy không? Có phải một số mệnh tự nhiên thúc đẩy những người này, được quyền hành thỏa mãn, mơ ước đến một dự định còn lớn lao hơn nữa không? Một dự định vượt qua cái quyền lực – cuối cùng thì quá mong manh, quá thảm hại – mà sự thành công thương mại hay chính trị đem lại không? Đạt tới sức mạnh tột cùng, cái sức mạnh cho phép sở hữu chính mình và thế giới.

Ông chủ Controlware đang phá hủy thế giới của ngày hôm nay để chế ngự tốt hơn thế giới của ngày mai. Nhưng ông nói về cái gì mà nồng nhiệt đến thế? Về thế giới của ngày hôm qua. Thế giới của Louis XIV và của Le Nôtre. Một thế giới vườn tược, bể nước. Một vũ trụ những đài nước thần tiên.

Dan là một trẻ thơ. Một trẻ thơ-vua.

Giờ đây, khi thấy ông đã làm cho mình bớt sợ, Emma tiến một bước về phía ông.

— Dan này, anh nói là hai đứa chúng mình chia sẻ bí mật này, nhưng anh có nghĩ đến em chút nào không? Em đã khóc khi biết tin anh mất. Anh không có quyền đối xử với em như thế. Đáng lẽ anh phải kể những bí mật của anh cho em nghe, ít ra là thế.

Dịu dàng. Có lẽ nàng còn có thể làm ông mủi lòng nữa. Có lẽ nàng sẽ khơi dậy được than hồng. Tình yêu ngày tháng cũ.

Nàng nghe tiếng vọng của giọng nói chính mình vang lên trong phòng. Nàng cảm nhận được từ nó sự run rẩy, sự chấn động gần như đẫm nước

mắt.

— Kể những bí mật của ta cho em à? - Barett hỏi lại. - Em hiểu anh dở quá. Bí mật là bí mật, cô nàng ơi! Em biết cái sơ đồ mà. Khi người ta chia sẻ một bí mật với người bạn gái thân nhất của mình, cô bạn này đem chia sẻ với người bạn gái thân nhất của cô ta. Vậy là chấm dứt bí mật! Ta đã không thể làm khác hơn là để cho ông bác sĩ của ta, Gilbert, một người thông đồng với ta từ lâu, biết chuyện. Nhưng ông ấy là người duy nhất, ta thề đó. Chính ông đã cung cấp giấy khai tử. Gilbert đó, em nhớ không?

Emma gật đầu.

— Một thiên tài. Em biết cái phát minh chót của ông không? Bây giờ, ông kiểm soát sức khỏe ta từ xa, hai mươi bốn giờ trên hai mươi bốn.

Barett kéo ống tay áo polo bên mặt lên và để cánh tay dưới mũi Emma. Rồi ông chỉ một cục u bé tí, cách cùi chỏ năm centimét.

— Em thấy cái nút này chứ?

Emma nghiêng đầu.

— Vâng. Người ta có thể tưởng là mụn cóc.

— Người ta có thể tưởng là em chưa hề thấy mụn cóc! Đó là toàn thể các bộ vi cảm biến, được ghép với một máy thu-phát, tất cả chứa đựng trong một viên nang nhỏ như hạt gạo. Từng giờ một, những bộ cảm biến đó tự động thực hiện một *check up*[410]. Các kết quả thì được lưu trong bộ nhớ của viên nang có chứa hồ sơ sức khỏe của ta. Sau đó chúng được chuyển đến PDA[411] của ta, và ta có thể đọc chúng trên đó. Cuối cùng, chúng được gửi đến máy tính của Gilbert. Nếu có vấn đề gì, máy tính đó sẽ báo động với đích thân Gilbert, cũng trên PDA của ông ấy. Gil quả quyết rằng, trong tình trạng y học hiện tại, với mấy thứ đó, ta có thể có thêm từ hai đến ba mươi năm để sống.

Barett bước ra xa để hạ ống tay áo xuống.

— Tức là ta sẽ sống tối thiểu một trăm mười năm. Nhưng đó chỉ là một giai đoạn. Một giai đoạn hướng về cuộc sống vĩnh cửu!

Quá đáng! Emma giấu mặt trong hai bàn tay. Rồi bằng một cử chỉ bức bối, như thể đó là một động tác duy nhất mà nàng dám làm, Emma giựt ra cái kẹp tóc bằng kim loại đang giữ tóc kiểu đuôi ngựa của nàng ra.

— Dan, anh điên quá rồi! - Nàng nói khe khẽ nhưng phát âm rõ ràng.

Nàng thấy tiếc ngay là đã nói ra lời này. Nếu nàng gợi dậy nỗi ngờ vực nơi Barett, mọi việc xem như chấm dứt.

— Emma! Đừng nói linh tinh! Hai ta giống nhau nhiều biết mấy.

“Đã giống nhau – có chút khác đấy chứ.” Nàng ước gì nói ra câu đối ứng này to thật to nhưng kịp dằn lại. Mình phải chơi trò này lâu chừng nào có thể.

Barett đã nói tiếp trước rồi:

— Chúng ta đang có trong tay cái bí mật của cuộc Sáng thế, Emma ơi! Cả hai ta. Như nhà vua với người làm vườn vậy.

— Nhưng để làm gì cơ chứ, Dan? Tại sao tất cả mấy chuyện này? - Nàng hỏi.

Nàng tiếp tục tìm cách chế ngự, khi được khi không, nỗi khiếp sợ mà người tình cũ gây ra trong lòng.

— Vậy thì em không hiểu à?

— Hiểu sao? Có phải thực sự cần thiết làm xáo trộn cả thế giới chỉ để thay thế tất cả những Shadow cũ trên hành tinh bằng cái 10.0 không?

Barett đưa hai cánh tay lên trời.

— Em yêu, chắc chắn là em mềm yếu hẳn đi! Tất cả mấy thứ đó, chỉ là tiểu tiết thôi mà! Chỉ là một màn khói ngụy trang! Việc này sẽ mang lại hàng tỉ đô-la cho Controlware, đúng đấy. Và quỹ từ thiện của ta cũng được hưởng theo. Như thế nó sẽ có thể tiếp tục chăm sóc người nghèo, người bệnh. Diệt trừ bệnh sốt rét, bệnh dịch tả, bệnh...

— Và không ai sẽ biết được chính anh là ân nhân.

— Ngược lại mới đúng chứ. Tất cả mọi người. Toàn thế giới sẽ suy tôn danh tiếng của ta. Kỷ niệm của ta. Emma, ôi Emma yêu của ta, chúa Giê su hẳn sẽ ra sao nếu không chết? Và Gandhi? Kennedy? Luther King?[412] Không là gì cả. Em hãy nhớ, chính cái chết mới thay đổi cuộc đời thành số mệnh. Chỉ có hậu thế mới đem lại quyền uy đích thực.

— Và Amelia thì sao? Và các con anh? Họ tin là anh đã chết! Bộ họ không thích anh sống với họ hơn sao?

— Emma! Khi nào thì em mới chấp nhận là trong đời có cái còn quan trọng hơn con cái và mẹ chúng nó đây? Hồi nãy em đã hiểu rõ rồi mà, không phải vậy sao? Khi em nhốt con gái mình...

Emma bỗng chốc tin rằng đã nghe thấy tiếng hét của Rebecca bị nghẽn lại trong đường hầm. Nàng sắp ói mửa vì kinh hoảng. Barett vẫn nói tiếp:

— Emma, ngày mai, mọi thứ này sẽ bị lãng quên. Quyền lực của Controlware tăng gấp mười ư? Chỉ là biến cố bất ngờ thôi! Hàng ngàn mạng sống được tiền bạc của một quỹ từ thiện cứu vớt ư? Chúng có thấm gì không so với hàng triệu mạng sống khác mà ta sẽ cứu vớt trong nhiều thế kỷ? Trong thiên thu? Thượng đế đã sáng tạo ra thế giới nhưng Người đã để cho nó mục rữa. Mục rữa vì bệnh tật, bần cùng và khổ ải. Người đã nghĩ ra một sản phẩm tốt – con người – nhưng không dự trù bất cứ dịch vụ hậu mãi nào!

Barett ngừng một chút, dò xét Emma bằng ánh mắt để xem nàng có ưa thích cách nói khôi hài của ông không. Nàng nhìn ông, đờ đẫn. Mái tóc nâu dài bị xổ tung. Miệng biến dạng vì nhếch mép cười gượng. Trong những buổi họp hội đồng quản trị, trong những cuộc thương lượng căng thẳng, nàng đã học để gây ảo tưởng cho người khác bao nhiêu lần? Đây chính là lúc, hay không bao giờ nữa, để tập hợp những phản xạ cũ của nàng.

— Thượng đế đã tạo ra con người từ chỗ không có gì cả, tạ ơn Người! - Barett tiếp tục. - Nhưng phần tiếp theo của tác phẩm của Người chỉ là một lời kể lể dài dòng buồn bã về những nỗi đau khổ và những suy tàn. Làm sao chấp nhận được, mười lăm tỉ năm sau cuộc tạo thiên lập địa, là muỗi mòng vẫn còn giết chết con người cơ chứ? Một thế giới ngu độn đến thế thì không thể hiện hữu. Phải thiết lặp lại một cấu hình mới cho nó. Phải sáng tạo lại con người. Một con người sẽ không biết đến đau đớn cũng như bệnh tật. Một con người miễn nhiễm. Một con người mới, nhất định thế.

Và ông kết luận:

— Hệ thống bảo hiểm xã hội toàn cầu, sự bảo hộ phổ cập mà ta từng mơ ước, em thấy không? Ta cũng sẽ không cần mấy thứ này nữa: ta sẽ làm thế nào để bệnh tật tự nó biến mất! Và với nó, cũng biến theo sự bần cùng, nỗi đau khổ, và cái ác. Cái Ác, Emma ơi! Ta sẽ loại trừ cái Ác. Cái Ác, viết hoa.

Trước đó, Barett đã mở cửa sổ nhìn ra bầu trời đầy sao, và vừa thách thức cái hình dáng xa xôi của lâu đài Versailles, vừa rao giảng bài thuyết pháp của mình. Emma đứng vài thước sau ông. Lẽ ra nàng có thể chụp khẩu súng nằm trên mặt bàn nhỏ, nhưng nàng vẫn đứng đó, tê liệt cả người, đôi mắt trống rỗng, đăm đăm nhìn xuống lối đi dọc theo ngôi biệt thự và các căn nhà phụ, dẫn vào khu vườn và tới mộ phần lũ chó.

Ông vua phần mềm không đối thoại ngay cả với Thái Dương Vương một

cách ngang hàng nữa. Hay ngay đến Thượng đế cũng không. Ông là Thượng đế.

45

Ngồi trên living bed, Dan Barett chăm chú quan sát màn hình máy tính của mình. Trước mặt ông, trên tấm nệm đỏ, những dấu hiệu huỳnh quang rung lên. Những con chữ *Q.W.E.R.T.* Những con số. Ông đã nối kết bàn phím ảo của mình.

— Hắn không tìm ra cái này à, tên Sherlock Holmes[413] của em! - Barett bông lơn trước nụ cười gượng gạo của Emma. - Hắn tên gì rồi? Chavannes phải không?

Emma nuốt nước bọt.

— Một tên tin tặc rất giỏi, thật vậy, - Barett nói tiếp trước khi nàng có thì giờ đồng ý. - Đáng lẽ hắn phải đến làm việc ở Controlware. Hắn sẽ giàu có ngay... Nhưng, đừng sợ, lại gần đây nào!

Barett đưa tay về phía Emma. Kiệt lực, nàng ngồi xuống mút đầu bên kia của living bed. Nàng vừa thấy, bên cạnh nàng, chiếc điện thoại di động của Pierre bị bỏ quên trên nệm. Nó đã rung lên từ trước. Màn hình cho thấy năm tin nhắn chưa đọc. Emma kìm tiếng nức nở chực trào ra.

— Đến đây, nhìn này! - Barett to giọng.

Nàng đi quanh giường, đến gần. Nàng nhận ra trên màn hình khoảng không gian dành cho đối thoại mà Pierre mở ra cách đây vài giờ. Barett đã vào đó và đang nói chuyện với Makresh và Krashni. Ông vuốt ve một cách

điềm tĩnh các phím phản chiếu trên tấm phủ giường. Và ký chữ T. dưới các tin nhắn.

T như "Treo", tên gọi ở nhà khi ông còn bé. Vũ khí của ông vẫn ở trong tầm tay, trên cái bàn nhỏ. Trông ông thanh thản, hai bàn tay đặt nằm trên các phím, ve vuốt các con chữ như một nghệ sĩ dương cầm ve vuốt các phím trắng, đen của mình. Thỉnh thoảng, ông ngừng lại để chờ câu trả lời. Emma nhận ra một Dan Barett quen thuộc khi giải quyết công việc, một P-DG vững vàng, phát lệnh cho các cán bộ trẻ của mình, một người khởi xướng kiêu hãnh, tin chắc là khi kết thúc các cuộc chiến, cuối cùng thì ông bao giờ cũng đặt, một cách thắng lợi, dấu ấn của Controlware trên các tòa tháp đối thủ.

Những cuộc chiến, mà từ nay, ông chỉ có thể thắng mà thôi. Tất cả các cuộc chiến.

Ông ngừng một lát, ngước mắt nhìn Emma đang lả người, rồi nắm hai vai nàng kéo về phía mình.

— Một điều kỳ diệu, Emma, một điều kỳ diệu! Tất cả những gì họ đã làm tới bây giờ chỉ là vài món khai vị thôi!

— Ai, họ? - Nàng hỏi khi thẳng người lại.

— Nhưng nhìn một chút coi! Đừng trương bộ mặt đưa đám ra nghe!

Emma đã thấy đủ mấy thứ này để mà hình dung ra cái tồi tệ nhất.

— Dan này, anh còn muốn làm gì hơn nữa đây? Anh đã có thế giới nằm dưới chân mình, tùy anh định đoạt mà, - nàng nói để tranh thủ thời gian.

— Thế giới à? Emma yêu, thế giới hiến thân cho ai thèm muốn nó nhất.

Bây giờ nàng thấy xoay trên màn hình một hình dạng có ba chiều. Dài ra. Đỏ, lục, vàng. Nhiều phân tử triển khai xung quanh một trục thẳng

đứng.

— ArtaGene, ở Singapore, nó gợi lên cho em cái gì không?

Dan nhấp chuột trên phân tử đó và một danh sách dài những tập tin chạy trên màn hình.

— ArtaGene, ngân hàng dữ liệu di truyền phải không?

— Chính xác, em yêu! Tiếc là em đã không dám đầu tư vào đó...

Emma biết công ty này. Berkings & Shannon đã do dự mua một phần vốn của nó vài năm trước đây. Rồi cuối cùng từ bỏ ý định. Quá mạo hiểm. Một thời gian sau, ArtaGene trở thành ngân hàng dữ liệu di truyền lớn nhất thế giới. Năm trăm ngàn mẫu ADN được chiết ra. Bộ gien đơn bội của năm trăm ngàn người, phần lớn người châu Á và Mỹ, tập trung tại một chỗ duy nhất. ArtaGene mua ở vài bệnh viện lớn trên thế giới (nhất là Thượng Hải, Jakarta, New York) các mô được lấy riêng ra trong các cuộc giải phẫu, đẻ con hay sinh thiết. Cho nên người ta tìm thấy ở ArtaGene, lưu trữ trong các tủ lạnh, nào máu, nào nhau, rồi gan, rồi mắt, và những tế bào ác tính. Hàng trăm nghìn. Xếp hạng rồi xếp hàng ngăn nắp. Sẵn sàng cho việc sử dụng.

Một Fort Knox[414] của bộ gien đơn bội.

Dan Barett đứng dậy, lưng thẳng, ánh mắt lạnh lẽo.

— ArtaGene! Krashni đánh cú này rất giỏi! Máy tính trung tâm thì được bảo vệ rất kỹ lưỡng, nhưng lúc nào cũng có những người thích nghe các ca khúc, phải không nào?

Ông kìm được một tiếng cười nhỏ thỏa mãn.

— Và không chỉ có ArtaGene đâu nhé. Emma, nhìn này!

ArtaGene, Singapour

Alzacorp, Reykjavik

Biobank Japan, Hokkaido

Dự án Gien đơn bội Estonie,Tallin

InmeGeN, Mexico

Karolinska Gen, Stockholm

Viện nghiên cứu Gien đơn bội Bắc Kinh

TheraBio, Tel-Aviv...

Những trung tâm công nghệ sinh học lớn nhất thế giới, những phòng thí nghiệm tên tuổi, những bệnh viện lớn, những cơ sở nghiên cứu về di truyền: tất cả đều nằm trong danh sách này. Nàng khom người về phía trước và nhắm mắt lại, thấy chóng mặt.

— Không thể thế được...

Dan không cần nói thêm. Chỉ trong vài giây, nàng đã hiểu được tầm quan trọng của sự chinh phục của Dan. Những ngân hàng sinh học[415]. Các cơ sở này thực sự lưu trữ mẫu máu, nước tiểu, mô và tế bào được lấy riêng ra từ các cá nhân đi khám sức khỏe định kỳ hay phải chấp nhận việc lấy bệnh phẩm khi nằm bệnh viện. Trên nguyên tắc, những dữ liệu này được dành cho khoa học để tạo phương tiện cho các nhà nghiên cứu nhận dạng mối liên hệ giữa một chứng bệnh phát triển nơi một nhóm người và những đặc điểm di truyền của chúng. Đại học Washington chẳng hạn, nắm giữ một cơ sở dữ liệu lớn nhất về ung thư vú. Bốn ngàn mẫu. Hai trăm năm mươi ngàn mẫu máu được lấy riêng, ba mươi sáu ngàn người đàn bà. Emma dễ dàng hình dung ra loại vũ khí ở trong tay người nào nắm giữ những cái tủ sắt di truyền này.

— Bán chúng đi thì sẽ mang lại cho anh bao nhiêu tiền?

Barett nhìn kỹ nàng với vẻ thương hại.

— Bán à? Em không hiểu, tội nghiệp em quá đi! Lại mấy thứ tính toán của dân tài chánh như em. Toàn hạng không dám nghĩ, không dám làm... Nếu muốn bán những dữ liệu này thì ta hẳn đã nắm quyền điều khiển các công ty đó từ lâu rồi!

Điều hiển nhiên. Sự thương mại hóa các mô con người, ADN, các tế bào là một trong những thị trường khổng lồ trong những năm tới. Emma biết việc này. Berkings & Shannon đã nghiên cứu lãnh vực này. Và đã làm những con tính. Từ mười ngàn đến một trăm năm mươi ngàn đô-la một mẫu tế bào con người. Và nhiều tỉ đô-la cho một ADN riêng biệt, được nhắm đúng. Cái gien của người sở hữu những kháng thể của bệnh viêm gan B mà vài năm trước đây, những kháng thể ấy đã tạo khả năng để chế ra thuốc chủng ngừa căn bệnh này, ngày nay có giá là ba tỉ đô-la.

Thực vậy, nếu Barett muốn nắm lấy những mỏ vàng di truyền này để kiếm tiền nhiều hơn, thì ông chỉ đơn giản mua lại chúng thôi. Nếu ông đã không làm thế, đó là vì ý đồ của ông nằm ở chỗ khác. Tham vọng hơn. Ma giáo hơn.

Nàng nhìn Dan đang mỉm cười với mình. Ông biết là nàng đã hiểu. Nàng biết là ông biết. Như ngày xưa ấy, khi hai bộ óc hoạt động một cách hòa hợp.

Bây giờ nàng nhớ lại những con số mà hai người đã đưa ra trong cuộc *brainstorming*[416] của họ ở đảo Marquises, vào dịp lễ Phục sinh năm 2004, ba năm trước đây: ba trăm triệu mẫu các mô và nội tạng con người, riêng ở Mỹ thôi. Mỗi năm lại thêm hai mươi triệu nữa. Một trăm bảy mươi tám triệu người Mỹ được ghi vào hồ sơ như thế. Những dấu di truyền của họ được sắp xếp kỹ lưỡng và giữ lạnh. Bằng cách thâm nhập một cách bí mật vào những máy tính lưu trữ tất cả các dữ liệu này, Barett không những nắm

lấy nguyên liệu quý giá nhất của thế giới ngày mai. Ông còn đọc được thẻ căn cước riêng tư nhất của hàng triệu con người. Sức mạnh của họ. Các điểm yếu của họ. Các bệnh lý đã biết hay còn bí mật của họ. Các thiểu năng được ghi trong gien của họ. Những chứng bệnh mà họ sẽ chữa khỏi. Những chứng bệnh sẽ giết họ. Những chứng bệnh của con và cháu nội, ngoại của họ.

Như vậy, Barett có thể chữa lành bệnh cho con người. Ông sẽ biết loại gien nào gây ra bệnh ung thư nào. Ông sẽ biết sự kết hợp nào của các dấu di truyền sẽ loại trừ bệnh tiểu đường, sốt rét, tâm thần phân liệt... Cơn mê sảng của ông hồi nãy là không phải giả vờ. Một khi làm chủ tất cả những dữ liệu di truyền này, ông thực sự sẽ có khả năng lập trình việc chế tạo con người không bệnh tật, con người không đau khổ, con người miễn nhiễm. Ông sẽ tạo ra con người mới. Con người được giải thoát khỏi cái ác. Xin được như nguyện.

Barett có thể ban phát hay duy trì cuộc sống. Nhưng ông cũng có thể tịch thu nó. Chắc chắn là ông sở hữu, Emma tự nhủ, khả năng vào được cái gien bệnh cúm Tây Ban Nha được lưu trữ tại Trung tâm y khoa quân đội ở El Paso[417], trong các mô của một người lính chết năm 1918. Ông có thể sử dụng con virus *H2N2* hay con *H5N1*. Cải biến thành phần của hàng ngàn thuốc men ngay trên dây chuyền sản xuất ở các nhà máy. Ông có thể truyền cái chết từ xa, cái chết được hoãn lại, cái chết có thể được lập trình.

Dan Barett có thể truyền bá cái thiện hay cái ác. Kéo dài hay cắt ngang cuộc sống. Cho tới bây giờ, ông sở hữu mã nguồn cho phép gần như toàn bộ máy tính trên thế giới hoạt động. Nhưng từ nay về sau, ông là chủ nhân vô hình của một mã quý giá hơn rất nhiều: cái mã làm sống "cỗ máy" con người.

Mã nguồn của Con người!

Alexandre Đại Đế[418]. Napoléon. Mao Trạch Đông. Và Louis XIV, tất nhiên rồi. Hàng chục vua chúa, hoàng đế, nhà độc tài, trước ông, đã làm hết sức để đạt tới giai đoạn quyền lực tối thượng. Quyền lực mà nhờ nó người ta tự do sử dụng chính mình và thế giới. Không một người nào đã đến được đó. Còn ông, ông đã đạt được.

Họ đã dùng những vũ khí của con người: đao kiếm, súng đại bác, bom đạn. Ông đã đạt tới mục đích bằng sức mạnh duy nhất của đầu óc mình. Như đấng Sáng thế.

Lúc khởi đầu, Thiên Chúa là Ngôi Lời. Và Ngôi Lời là Thiên Chúa.[419]

Đây không còn là một ẩn dụ hay một hư tưởng: kể từ nay Dan Barett là Thượng đế.

Emma cố cưỡng lại cơn buồn nôn làm nàng loạng choạng.

Vũ khí của Barett nằm đó, rất gần. Và ông đang nhìn chỗ khác. Nàng đưa tay ra, vụng về, căng thẳng.

— Từ từ đã, Emma! Đừng giở trò này với ta! - Barett vừa kêu lên, vừa chụp khẩu súng rồi bỏ vào túi quần. - Tốt hơn là em nên tĩnh trí lại! Ta thấy rõ trong những năm vừa qua là em không tin tưởng vào các công nghệ sinh học như ta... Sai lầm biết bao! Em đã nhỡ các món đầu tư! Ta tưởng là em khá hơn vậy chứ.

“Khá hơn vậy chứ” Lần này ông giáng câu nói thường lặp đi lặp lại của mình với giọng hung hăng, thô bạo. Nhưng ông tiếp tục làm trò tung hứng với cô bạn gái, từ dịu dàng vờ vịt chuyển sang mỉa mai lấn áp. Nàng còn có thể chống chọi được không? Có lối ra khỏi đường cùng này không? Vũ khí đàn bà? Vũ khí nước mắt? Ngày xưa thì được, Barett hẳn bị lung lay. Có lẽ thế. Vài tháng trước đây còn được. Nhưng bây giờ... Có còn là cùng một con người mà nàng đang đối diện không?

— Dan, ngừng lại! Em không chịu đựng được nữa, - nàng nói lắp bắp. - Công nghệ tin học, quỹ từ thiện của anh, cuộc chiến chống đói nghèo... em tưởng là để làm cho thế giới tốt đẹp hơn nên anh đã làm tất cả chuyện...

Nàng không nói hết được cả câu. Và ngã quị xuống khi Barett nện cho câu đáp trả, sắc bén và trịnh trọng:

— Emma ơi, cuộc sống đã dạy ta rằng cách hay nhất để làm cho thế giới tốt đẹp hơn là bắt nó lệ thuộc tuyệt đối vào mình.

Ông để kéo dài im lặng một lúc lâu và tắt máy tính. Rồi, thản nhiên như không, ông rút súng ra từ túi quần, đứng dậy, đi vài bước về phía lò sưởi và quay mặt lại Emma.

— Bây giờ em đã biết hết. Nói đúng hơn là biết quá nhiều.

— Anh muốn nói gì thế?

Emma không còn sức lực nữa để nói rõ ràng được một câu. Gào lên chăng? Chẳng có ích gì. Trốn chạy chăng? Barett sẽ bắn. Nàng bị dồn đến đường cùng rồi. Phần tiếp theo, nàng đoán được. Thế mà nàng đã hy vọng, khi Barett tha cho nàng khỏi chịu khổ hình dưới đường hầm, rằng sự hoãn lại này sẽ kéo dài ít nhất một đêm! Rằng nàng có thể khôi phục lại lòng tin của ông. Lợi dụng một giây phút lơ đễnh. Rằng nàng có cơ may cứu được những người cùng đi với mình. Ngây thơ chết người đi được! Tình yêu, ngay cả khi chỉ còn là kỷ niệm, vẫn làm mù quáng.

— Lẽ ra em không bao giờ nên gặp ta sau cái chết của ta, - Barett thốt lên, vừa lắp đạn vào súng.

— Dan! - Nàng van xin. - Em có thể giữ bí mật mà. Em đã chia sẻ bao nhiêu điều bí mật với anh, từ bao nhiêu năm nay!

Vẻ mặt Barett vẫn lạnh lẽo như băng.

— Ta biết. Nhưng em biết là nếu ta muốn thống trị theo ý mình thì ta phải biến mất. Cái gã tên Dan mà em biết không được có mặt trên đời này nữa. Hắn không hiện hữu nữa, nghe chưa? Em phải quên hết mọi chuyện xảy ra tối nay.

— Nhưng em sẵn sàng quên hết mà!

Emma thét lên. Dan bước về phía nàng, súng cầm tay. Chỉ trong một khoảnh khắc, nàng tin là mình đã nghe những tiếng động bị nén lại đến từ tầng trệt. Trí tưởng tượng lại chơi khăm nàng lần nữa. Đưa nàng vào một cơn mơ khác.

Barett đặt bàn tay trái lên đầu nàng và vuốt ve mái tóc, như người ta vuốt ve bộ lông một con thú.

— Emma, đừng sợ! Ta biết là em thành thật, vì vậy em sẽ được sống. Nhưng em hiểu rõ cho là ta không thể để tự do cái mà em có ở đây này.

Dùng ngón trỏ ông tự ấn vào màng tang, như để chỉ bộ óc, nơi khu trú của trí nhớ mình. Nàng hiểu.

— Đừng làm thế, em van anh!

Strandberg, Costello, Granier... và hiện tại là đến lượt nàng. Nàng lảo đảo. Barett giữ lấy cánh tay nàng.

— Hãy tin nơi ta, Emma. Như em đã luôn luôn tin. Ta không mong muốn điều xấu cho em, tin ta đi.

Ông đẩy Emma lên giường và vừa lùi lại vài thước, vừa giữ khẩu súng nhắm vào nàng.

— Em nhớ lời đề tặng của Bessie cho Elsie de Wolfe khi cuốn tự truyện của bà xuất bản năm 1923 không? Ta có gửi sách đó cho em.

http://tieulun.hopto.org

Khi nào cực hình này mới chấm dứt đây hả Trời? Emma nhìn vào mắt Barett. Khiếp sợ.

— Sao?

— Em...

— Em không nhớ nó và em sai lầm một lần nữa, vì cái lời đề tặng này vừa với chúng ta như in: *Cùng nhau ta đã có đau buồn, cùng nhau ta đã có niềm vui, cùng nhau ta đã thất bại, cùng nhau ta đã thành công.*

Ông để qua một lúc im lặng để tin chắc là nàng đã hiểu.

Ông chỉ khẩu súng.

— Sản phẩm tuyệt vời này sẽ chỉ xóa bỏ trong trí nhớ những giờ cuối cùng trong đời em thôi. Với mẻ thuốc đầu tiên, loại được dùng cho Strandberg và những người khác, tên chuyên viên hóa học của Makresh còn chưa làm chủ được các liều lượng. Ta bây giờ có loại mới. Light[420] hơn. Họ nói với ta nó hoạt động không chê vào đâu được. Granier chắc là đã quay về phía sau vài tuần lễ rồi.

Barett nhăn mặt.

— Nói cho đúng hơn, trên nguyên tắc là như vậy.

Emma nhắm mắt lại. Dan sắp sửa bắn. Nàng biết ông. Nàng hiểu ông. Vào giây phút quyết định, ông không run tay bao giờ. Cứu cánh biện minh phương tiện. Louis Đại Vương đã tàn sát hai mươi ngàn lính để làm cho các dòng nước phụt lên ở Versailles. Vậy thì sá gì một mạng người đối mặt với ý đồ vĩ đại của Dan Barett, phải không? Và cân nặng bao nhiêu, cuộc đời của những người mà ông giam giữ trong đường hầm, cuộc đời của người bạn gái tri kỷ của ông, và cả cuộc đời của riêng ông nữa, bởi vì, để thực hiện giấc mộng quyền lực của mình, chính ông mãi mãi sẽ phải sống một cuộc tồn

tại ảo?

Để làm điều thiện, trước tiên phải chấp nhận làm điều ác.

Barett chĩa súng về phía Emma, lúc này đang khiếp hãi, và không cử động nữa. Trong một giây, ông sắp sửa bấm cò, như ông từng bấm hàng ngàn lần trên phím con chuột của mình. Dứt khoát, máy móc. Sẽ có một tiếng *click* nhỏ. Rồi...

Nhưng ông không có thời gian. Vào lúc ông chĩa súng vào ngực Emma, cửa phòng bật mở và va vào tường dữ dội. Trên màn hình, hình ảnh của Louis XIV và Le Nôtre biến đi.

— Công an! Đứng im!

Ba sĩ quan công an mặc quân phục bước nhanh vào phòng, súng ngắn cầm tay.

— Ném súng xuống!

Barett hạ khẩu súng lục, đặt nó xuống đất và, không tỏ ra ngạc nhiên chút nào, chậm rãi quay người về phía các viên công an.

— Thưa bà, không sao chứ? - Người vào đầu tiên lên tiếng.

Anh ta đến bên nàng và đỡ nàng đứng lên.

Hai viên công an khác, đứng gần cửa ra vào, súng chĩa vào Barett.

— Sẽ ổn thôi, cảm ơn, - Emma lắp bắp. - Nhưng làm sao mà các ông... Ai đã báo cho các ông?

— Một ông Chabane... Hay Chavannes nào đó, tôi cũng không biết nữa.

Pierre à? Nàng có nghe rõ không nhỉ? Chavannes ư? Viên công an đã nói ra rõ ràng cái tên này. Nhưng Pierre đang ở dưới đường hầm, ba thước dưới mặt đất mà. Làm sao mà anh có thể báo cho công an được chứ? Trừ phi...

Không, không thể thế được. Điện thoại di động của anh còn ở đây, trên living bed.

Barett, vẫn bị các viên công an canh chừng, lùi dần từng bước ngắn, một cách khó nhận thấy, về phía màn hình đã tắt.

Ông đến gần lò sưởi. Emma nhớ lại là mình đã thấy một thứ ngắt điện vào lần cuối cùng nàng đến biệt thự. Barett đã chỉ nó cho nàng thấy. Nhưng nó dùng để làm gì?

Bất ngờ, nàng hiểu ra. Bộ cảm biến, mẹ kiếp, bộ cảm biến! Trễ quá rồi!

Barett đã quay người lại và nói với một giọng dõng dạc:

— Báo động!

Ngay tức khắc, một tiếng còi hụ chói tai, không thể chịu đựng nổi, làm nổ màng nhĩ. Barett vừa khởi động bằng tiếng nói hệ thống báo động của ngôi biệt thự.

Emma nhào ngay xuống đất, chính ngay chỗ Barett đặt khẩu súng. Hai viên công an buông súng ngắn, tìm cách bịt tai với hai bàn tay. Viên thứ ba gập người làm đôi, bị tiếng rít dữ dội dộng vào đầu.

Barett điềm tĩnh bước nhanh về phía Emma, dùng chân đạp mạnh nàng sang một bên để lấy lại khẩu súng nằm dưới người nàng. Nhưng khi nàng lật người lại sau cú đạp, ông thấy nàng cầm khẩu súng nơi tay. Chĩa vào ông.

— Emma, đừng bắn! Em sẽ hối tiếc lắm đấy!

Giọng ra lệnh thì rắn rỏi, nhưng Emma không nghe được. Còi hụ vẫn inh ỏi. Người đàn bà trẻ thấy khuôn mặt Barett bất ngờ hiện ra những nếp nhăn. Ông hơi nháy mắt.

Ông sắp sửa di chuyển nhanh đây. Chụp lấy súng của một công an.

Bắn. Giết nàng. Giết tất cả mọi người.

Nàng bóp cò.

Những nếp nhăn trên mặt Barett trở nên bất động. Không một cái chớp mắt nào đến tạo sức sống cho ánh nhìn của ông, nó cứ rịt chặt trên Emma. Chỉ có bàn tay ông từ từ hạ xuống phía trước ngực, chạm vào tia máu nhỏ mà ông cảm thấy chảy xuyên qua áo polo đen.

— Emma ơi! Lẽ nào là em! Không thể thế được!

Nàng chỉ thấy môi ông động đậy và cả bộ mặt nhăn nhó, méo đi vì đau đớn.

— Đứng im!

Một trong những viên công an đã cầm lại súng và lần nữa gí súng vào Barett.

Emma, quì trên sàn nhà, gào lên về phía hai người đàn ông còn đứng ở lối vào căn phòng:

— Đi với tôi, nhanh lên! Đến cuối vườn!

http://tieulun.hopto.org

46

Viên sĩ quan công an soi sáng lối vào đường hầm bằng đèn pin. Emma, quì bên cạnh nấm mộ, khom người trên miệng lỗ và thấy khuôn mặt Pierre, anh nheo mắt sau cặp kính.

— Emma? Em đó phải không?

— Pierre! Mọi người đều ở đó chứ?

Đến lượt khuôn mặt Rebecca, sưng húp và đỏ ửng vì khóc nhiều, hiện ra.

— Mẹ ơi! Có phải mẹ không? Nhanh đi, con xin mẹ!

Viên công an leo xuống hầm để cắt dây trói cho các tù nhân. Rồi giúp Rebecca trèo lên bãi cỏ. Cô gái trẻ nhào vào lòng mẹ, vẫn còn run rẩy vì sợ. Emma xoa bóp rất lâu sau gáy để cô yên lòng. Những cử chỉ bị quên bẵng, rất ít khi được thực hiện trong thời thơ ấu của cô.

Rebecca bắt đầu bình tĩnh lại khi Terry ra khỏi đường hầm, chân đi cà nhắc, Pierre theo sau, sau khi giúp Terry leo lên trước.

Anh chuyên viên tin học đi vài bước vụng về phía Emma và cuối cùng ngồi bệt xuống cỏ, mặt tái xanh.

— Không sao chứ? - Emma, vẫn ôm Rebecca, vừa bước lại gần anh, vừa hỏi.

— Anh thì ổn. Còn em? Barett đâu rồi?

— Công an đã chế ngự được ông ta.

— Ông ta không làm em bị thương chứ?

— Không. Ông ta vẫn ở trong biệt thự.

— Tiếng ồn địa ngục này, nó là cái gì vậy? - Pierre vẫn hỏi, như thể anh vừa mới nghe nó lần đầu.

Còi báo động vẫn phun ra những con sóng âm thanh chát chúa.

— Tôi đi tắt nó đây! - Terry nói, mắt dò phản ứng của viên công an vừa hiện ra ở miệng hầm.

— Cứ việc đi đi! Thật khủng khiếp!

Trong khi Terry lê chân cà nhắc rời xa, viên sĩ quan leo lên bãi cỏ, xoay người lại và dùng một tay giúp Granier trở lại với ánh sáng ban ngày.

Được viên công an dìu đi, tên nhà văn nhớn nhác, lảo đảo bước tới. Gã nhìn quanh mình, hai mắt trống không. Vết thương ở đùi không còn rỉ máu.

— Jean-Philippe? Anh ra sao rồi?

Rebecca lật đật rời Emma để lao về phía gã. Nhưng tên nhà văn lùi lại.

— Cô muốn gì ở tôi?

— Mẹ ơi! Anh ấy không còn biết chúng ta là ai nữa. Anh ấy đã mất trí nhớ! - Rebecca khóc sướt mướt lần nữa.

Emma, kinh khiếp, bước lại gần Granier. Ánh mắt hoảng hốt, gã phát âm rành rọt những từ nhưng không thành câu. Hai giờ, chỉ hai giờ thôi kể từ khi gã bị viên đạn độc hại găm vào người. Nhưng chất độc đã gây tổn hại những khu vực đầu tiên của trí nhớ. Phá hủy những đầu mút thần kinh. Gã chắc là “quay về phía sau vài tuần rồi”, Dan đã nói thế. Nhưng Granier

không nhận ra Rebecca nữa, người mà gã đã gặp sáu tháng trước đó! Loại light của thứ "thuốc" này của Barett cũng không được xử lý tốt hơn loại trước. Có lẽ Granier không sắp sửa chết như những nạn nhân đầu tiên của *mélatonine* giả mạo. Nhưng gã sẽ từ từ mất đi những điểm mốc. Những tên người quen biết. Những khuôn mặt quen thuộc. Bị suy nhược bởi một thứ bệnh Alzheimer đến sớm và diễn biến nhanh như chớp.

Emma liếc nhìn Pierre một cách kinh hãi.

Vũ khí mà nàng đã dùng để bắn Barett là cùng một thứ đã làm bị thương Granier.

Đột ngột, tiếng còi hụ im bặt.

— Đi theo tôi! - Một viên công an nói. - Bây giờ mọi người vào nhà đi.

Tên sĩ quan xốc vai Granier và ra dấu cho họ bước về phía biệt thự.

Họ đi theo, trên lối đi dọc bãi cỏ. Người ta nghe tiếng đá sỏi lạo xạo dưới bước chân nặng nề của Granier. Và ngoài xa, chắc chắn là ở trước nhà, tiếng quát thét ầm ĩ. Những cánh cửa dập mạnh.

Đến gần khu chuồng ngựa cũ, Rebecca, vẫn nắm tay mẹ, dừng lại, tựa lưng vào cửa. Cô có vẻ kiệt sức.

Bất ngờ Emma nhận ra những chiếc xe công an đậu dưới các cây dẻ. Khoảng một chục nhân viên lăng xăng làm việc. Viên sĩ quan đang dìu Granier bước đến gặp họ và ra dấu cho một người đàn ông mặc áo bơ-lu trắng đến chăm sóc Rebecca và mẹ cô.

— Được, anh có thể đưa nó đi. Nó kiệt sức rồi. Và đang mang thai đó, - Emma giải thích khi viên bác sĩ đến gần nàng.

— Và còn bà thì sao ạ?

— Không sao cả.

Viên bác sĩ dìu Rebecca đến tận xe cứu thương đậu gần căn nhà Terry. Emma không đi theo. Pierre ở bên cạnh nàng. Anh gỡ kính ra và dụi mắt. Nàng quay sang anh và đặt bàn tay lên ngực anh.

Nàng thèm nói chuyện với anh. Hay đúng hơn là không. Nàng chẳng biết nói gì bây giờ, nỗi xúc động làm nàng nghẹn họng. Đơn giản là nàng muốn ở bên anh. Ngả đầu lên vai anh.

Pierre đeo kính lại, nắm bàn tay phải Emma trong tay mình, và dùng cánh tay kia quàng vai và kéo nàng về phía mình. Hai người cứ gắn chặt với nhau như thế cả một phút dài. Rồi Emma ngẩng đầu lên và hai ánh mắt gặp nhau, trước khi cùng nhau quay sang hướng khác, xé lòng. Người này và người kia đều biết điều này có nghĩa là gì.

Trong vài phút nữa, Pierre sẽ vào phòng khách. Gọi cho Clara. Làm cho vợ yên tâm. Nói với Clara là anh yêu nàng. Emma, phần mình, phải liên lạc với Brad.

Brad sẽ lấy chuyến bay sớm nhất. Anh sẽ có mặt ở Roissy ngày mai hay ngày mốt. Anh sẽ đưa nàng về lại San Francisco. Ngay người Mỹ cũng nói bằng tiếng Pháp: *C'est la vie*[421].

— Em nghĩ là em đã quên nói cảm ơn anh, nàng buột miệng để phá vỡ im lặng. Có vẻ như anh đã báo cho công an. Anh đã làm cách nào?

Pierre khẽ nhếch mép cười.

— Em không đoán ra à?

— Không ra.

— Em giống như Barett ấy: có thiên tài, nhưng không hoàn hảo... Và khi những thiên tài lớn phạm những lỗi lầm nhỏ, thì trả giá đắt.

Anh chùi kính thêm một lần nữa, với phần dưới chiếc áo polo.

— Khi Barett và em, cả hai đi tìm Terry, hồi nãy, em nhớ không? Hai người đã ra khỏi phòng khách vài phút.

— Em nhớ. Rồi sao nữa?

— Chính xác ở chỗ rồi sao đó. Đoán xem...

— Nhưng anh không thể làm gì được cơ mà, anh bị trói và cột chặt vào ghế bành mà!

Lần này Pierre nhếch mép cười rộng hơn.

— Emma ơi! Em cũng vậy, em quên một chuyện: ở trong cái chuồng heo này mọi thứ hoạt động theo tiếng nói! Không chỉ TV và tủ lạnh đâu! Cả điện thoại nữa.

Emma nhìn Pierre, gần như không tin. Barett nói không sai. Người đàn ông này lẽ ra phải có chỗ của mình giữa những tên tuổi đầu đàn ngành phần mềm ở Controlware. Nhưng cái mà nàng cảm thấy nơi anh thì vượt xa lòng khâm phục.

Chưa gì mà nàng đã cảm thấy nỗi đau xé lòng của cảnh chia tay.

— Anh chỉ phải gọi số 17[422], Pierre nói tiếp. Nhưng anh không có thì giờ cho họ địa chỉ. Điều này giải thích tại sao họ mất hết hai tiếng đồng hồ mới tìm ra chúng ta. Anh đã không còn tin là họ đến.

Pierre bất chợt im miệng, bị những tiếng gào thét cắt ngang. Barett đứng ở bậc tam cấp biệt thự Trianon. Và ông gầm rú:

— Đây là nhà ta! Các ông có quyền gì đến đây hả? Ta là Dan Barett, nghe chưa! Dan Barett!

Emma và Pierre giật mình. Barett hét tên mình, lặp đi lặp lại cách quãng nhiều lần. Bị còng tay sau lưng, ông cứ vùng vẫy. Hai công an nhào tới giúp người đồng nghiệp đang cố giữ yên ông. Mặt mũi đỏ gay, miệng gào thét

không ngớt, Barett thoát ra được và lảo đảo vài bước trên lối đi. Ông ngừng lại, rồi tiếp tục điệu luân vũ điên dại, đầu cứ lắc sang trái, sang phải, rồi lại đứng im, mắt tóe lửa.

— Ta là Dan Barett... Chính ta đã phát minh ra Shadows...

Đột nhiên ông thấy ra, ở cuối lối đi, người tình cũ.

— Emma ơi! Giúp ta với! Hãy nói với chúng nó ta là người quyền lực nhất thế gian!

Những giọt mồ hôi to bây giờ chảy trên trán ông. Các viên công an đứng yên quan sát cảnh múa may buồn cười và vô ích của người tù nhân tay đã vô còng.

Emma dựa người vào cánh cửa chuồng ngựa. Sững sờ trước cảnh tượng trước mắt. Barett, chỉ cách nàng vài thước, giãy giụa một cách thống thiết như người mắc bệnh "danse de Saint-Guy"[423]. Dưới mắt đám công an có mặt, người đàn ông đó chắc chắn chỉ là một tên vừa mất tự chủ, giận dữ quá lố. Một hồ sơ như bao nhiêu hồ sơ khác: *Một ông Chavannes nào đó đã gọi cứu nạn khẩn cấp vào lúc bốn giờ sáng. Chủ đề: một kẻ cuồng nộ dọa giết năm người. Mức độ khẩn cấp: ưu tiên. Họ đã đến. Họ đã bắt hắn. Không có chuyện bẻ khóa vào nhà ăn trộm.* Công việc đơn điệu hàng ngày của công an. Nhất là dạo này.

Barett bây giờ bớt nhảy múa loạn xạ hơn. Ông đến gần bức tường bao quanh nhà và ngồi xuống đất. Rồi ông im bặt.

Emma và Pierre thấy ông cúi đầu, đưa ánh mắt nặng nề nhìn về phía các bác sĩ và công an đang ở quanh ông, rồi, một cách chậm rãi, ông bắt đầu đung đưa người từ trước ra sau.

Các viên công an tiến lại gần ông. Một y tá chạy về xe cứu thương, mở cánh cửa sau và lấy ra từ thành trong xe một bọc huyết thanh và một chai

ôxy.

Emma và Pierre nhìn nhau, rụng rời. Người y tá không biết điều gì đã xảy ra nhưng anh ta không có lý do gì mà vội vã đến thế. Dan Barett không sắp chết đến nơi. Ông chỉ đơn giản là sắp mất trí nhớ, và ông cũng biết thế. Sản phẩm đã giết Strandberg chắc chắn là được điều chỉnh tốt hơn trong loại mới này. Nhưng nó vẫn cứ xâm lấn từ từ bộ óc ông. Những cơ cấu nối giữa các tế bào thần kinh của ông sẽ yếu dần. Những cầu nối dày đặc, những dây buộc hết sức bền dai giữa những khu vực trong vỏ não của ông sẽ bị vỡ nát, không tránh được. Những lối vào cái trí nhớ phi thường của ông sẽ từ từ nút lại. Tất nhiên là theo một thứ tự chính xác, giống như ở những nạn nhân khác. Khu vực trí nhớ trực tiếp sụp đổ đầu tiên. Rồi đến khu vực của lô-gích, của sự phát biểu ý nghĩ. Sau đó, toàn bộ các trạng thái cảm xúc sẽ bị xóa đi. Cuối cùng, nếu sản phẩm đó mạnh thì khu vực của trí nhớ sâu kín, tức là trí nhớ bản sắc, sẽ bị phá hủy.

Emma quay mắt sang chỗ khác, không đủ sức đối đầu lâu hơn nữa với hình ảnh trước mặt. Ngồi bệt dưới đất, bị mặt nạ ôxy che kín cả mũi lẫn miệng, Barett bây giờ nhìn đăm đăm lên bầu trời đang tỏ dần. Ánh bình minh mờ mờ đầu tiên hiện ra giữa các đám mây. Bên kia ngôi biệt thự, khu vườn cũng sáng dần. Và phía bên ngoài bức tường bao quanh nhà, trong công viên của lâu đài, mặt trời sắp khởi đầu cung đường cong bất tử của mình, lên cao phía trên lâu đài, chào hỏi Latone, vuốt ve Grand Canal để, chiều tối nay, đến đậu trên cỗ xe Apollon.

Và trong vài ngày nữa, có lẽ trong vài giờ nữa, con người đang đối diện họ, cúi rạp thân mình trên sỏi đá của biệt thự Trianon, con người đã ngự trị trên các bộ nhớ của thế giới, con người-thần linh đã nắm giữ Trí nhớ nguyên thủy của Nhân loại, sẽ tự làm trống rỗng trí nhớ của riêng mình.

http://tieulun.hopto.org

ĐOẠN KẾT

— Anh có nghĩ là ta thắng không?

— Chắc chắn.

— Làm sao mà anh có thể quả quyết như thế?

— Những đồ án khác đều ít hay hơn, vậy thôi! Chút nữa anh sẽ cho em xem các bản vẽ của chúng ta. Em sẽ thấy, tuyệt vời lắm.

Emma và Pierre bước đi bên cạnh nhau trên bãi biển Omaha. Thủy triều đang rút. Cát còn ẩm ướt và cát đã khô làm thành nếp gấp, màu lạc đà, bị xẻ bởi những rãnh nước nhỏ êm ái chảy ra biển. Trời đã mưa sáng nay nhưng gió vùng Normandie đã làm công việc đơn điệu hàng ngày là thổi mây bay về phía Paris. Và để mặt trời mùa xuân đầu tiên chiếu tia nắng lên những mái nhà đá đen.

Trời thường đẹp vào cuối buổi chiều, ở Normandie. Để cho con người muốn thức dậy ngày hôm sau.

Emma mặc áo đầm dài có dải đeo nơi vai, bằng vải lanh màu xanh, nhàu nhĩ và không hình dạng nhất định. Pierre đã mặc lại một trong những chiếc áo gió bằng vải dệt mịn như lông cừu có khóa kéo tận cổ mà anh rất thích. Loại trang phục cho cuối tuần.

Anh đang nghỉ cuối tuần. Một cuối tuần hàng năm đầu tiên với Emma.

Người phụ nữ trẻ quan sát kín đáo người đàn ông đi bên cạnh mình, tay thọc trong túi quần kaki hiệu Dockers. Từ ngày sống ở Boston, từ ngày chấp

nhận nhiệm vụ mà Bernie Puttman đề nghị, anh có vẻ cởi mở hơn, tin tưởng hơn. Và nhất là tự tin rất nhiều. Ngược lại, mấy tháng vừa qua nàng có phần thấy những xác tín của mình biến mất.

— Vậy em thì sao? - Pierre hỏi, đi vượt qua để đứng trước mặt nàng, như thể anh chặn ngang lối đi. - Chuyến đi Rwanda của em đó? Em không kể cho anh...

— Anh biết không, quỹ Barett không có ai làm trung gian ở đó vào lúc này. Đang tìm. Có biết bao nhiêu chuyện phải làm...

Trước mặt họ, trên cát, sừng sững một khối bê-tông cao chừng đầu người, có hình dạng một kim tự tháp Aztéc. Một vết tích của bến cảng nhân tạo mà quân Đồng minh đã cố gắng đặt ngay đây, vào ngày 6 tháng 6 năm 1944. Giống như ở Arromanches, nhưng than ôi, ít thành công hơn. Omaha Beach – bao gồm những bãi biển Vierville, Saint-Laurent và Colleville – là địa điểm đẫm máu nhất trong cuộc đổ bộ. Hôm trước của ngày N, những chuyến oanh tạc mở đường đã đánh hụt mục tiêu. Khi các tàu chiến Mỹ đến, những tuyến phòng ngự của Đức vẫn còn nguyên vẹn. Quân lính Đồng minh bị bắn ngã hàng loạt, không được che chở, trên bãi cát sỏi hay trong lúc leo lên đồi.

Ngọn đồi đó, ngày nay, phủ đầy những cây thánh giá trắng. Pierre và Emma đã leo lên đó vào đầu buổi chiều, dưới trời mưa. Để phủ cát vàng lên những cái tên của những người "con đỡ đầu" của họ. Hai người đi tìm những cây thánh giá cần tìm, qua những con đường nhỏ khó thấy giữa những mộ bia được sắp thành hàng đều đặn. Họ đi dọc theo bể nước mà trong đó phản chiếu lá cờ Mỹ. Họ đi ngang dưới cái chuông gióng từng tiếng điểm giờ theo những nốt nhạc của Big Ben[424]. Một người lính thủy đánh bộ già, khom người trước bảng định hướng, kể cho các người bạn đi cùng làm sao ông đã đổ bộ lên đây, tay cầm lái xe tải, ngày 7 tháng 6 năm

1944.

Cách đây sáu tháng, Emma đã đến đây tìm Pierre để đưa anh đi Versailles. Như thể một thế kỷ đã trôi qua.

Từ khi nàng bán cổ phần của mình ở Berkings & Shannon và từ chức ở công ty đó, thời gian qua nhanh quá. Quỹ Barett, mà nàng nhận giữ trách nhiệm điều hành, đã không làm nhẹ bớt chương trình hoạt động. Đơn giản là chỉ thay đổi những nơi nhận tài trợ. Calcutta, Dacca, Caracas, Cotonou. Những khu phố nghèo, những bệnh xá, những mái lều chuyển đổi thành phòng hộ sinh. Amelia Barett thường đi cùng nàng. Hai hôm trước đây, họ đã khánh thành một bệnh viện ở Lagos, Nigeria. Và đuổi việc một bác sĩ không hoàn thành được mục tiêu của mình. Vẫn là tinh thần Barett. Cuối tuần, nàng gặp lại Brad ở San Francisco hay Rebecca ở Paris. Rebecca sẽ sinh một bé gái, tên Amy, trong vài tuần nữa.

— Và Dan? Ông ta ra sao rồi? - Pierre vừa hỏi, vừa leo lên khối bê-tông.

Emma ngừng bước và cúi đầu buồn bã. Dùng gót giày nàng vẽ lên cát một loạt những cây gậy nhỏ.

— Em đi thăm anh ấy ba hay bốn lần tại viện an dưỡng ở New York... Chỗ đó chỉ toàn là dân nghiện hút, nghiện trò chơi vidéo, nghiện Internet không à. Dan sống trong một căn nhà nhỏ dành riêng cho mình, nhưng vào những giây phút sáng suốt, anh ấy thích nói chuyện với mấy dân đó.

— Ông ấy có nhận ra em không? - Pierre cắt ngang, đưa tay cho Emma nắm để nàng leo lên với anh.

Emma vẫn cúi nhìn xuống dưới nên không thấy bàn tay đưa ra phía trên nàng. Nàng nói thấp giọng, như thể nói cho chính mình:

— Em thì có. Em may mắn lắm, Dan nhận ra em. Có vẻ như là vì em thuộc phần quá khứ xa xôi nhất của anh ấy. Nhưng chỉ mình em thôi. Với

cha và mẹ Dan, tất nhiên. Nhưng Amelia và các đứa con, anh ấy thấy như người xa lạ, thật dễ sợ...

Nàng thêm, hầu như không lên giọng:

— Em có gọi cho Dan tuần trước để báo là dự án Bảo hộ xã hội toàn cầu sẽ được trình bày trước Ủy ban châu Âu vào tháng mười. Em cũng nói cho anh ấy biết là em đã thuyết phục được thượng nghị sĩ bang Ohio, Andy Gantner, chịu lãnh đạo chiến dịch của chúng ta ở Mỹ. Nhưng rõ ràng là Dan không biết là em nói cái gì.

Pierre vuốt ve tóc nàng với đầu các ngón tay. Anh thích nàng ngẩng đầu lên, nhìn anh, đến với anh trên khối bê-tông này. Anh đưa tay ra cho nàng lần nữa và cuối cùng thì nàng leo lên bên cạnh anh.

— Dù sao thì căn bệnh cũng tự ổn định chứ? - Anh vẫn hỏi. - Nó không tiến triển?

— Không nhiều thì ít, - nàng thở dài. - Amelia nghĩ rằng nó có thể đảo ngược, nhưng em không tin thế. Có cái lạ là thỉnh thoảng Dan tìm lại được những năng lực lập trình của mình! Anh ấy sáng tạo ra những mẩu phần mềm ngắn...

— Và Granier, có giống vậy không? Hắn vẫn viết chứ?

— Em không nghĩ vậy. Em không có tin tức gì từ mấy tháng nay, nhưng em nghĩ anh ta hiện sống gần La Hague, trong ngôi nhà nhỏ của mình, gần nhà Prévert. Một cô y tá chăm sóc anh ta. Rebecca sẽ một mình nuôi Amy. Như mẹ nó ngày xưa ấy.

— Sự trả thù được lập trình của Barett đối với Granier...

— Anh đừng nói vậy!

— Anh tự hỏi hoài tại sao Barett bắn Granier mà không bắn anh. Em có

nghĩ là ông ấy chỉ muốn làm bọn mình sợ không? Dầu gì thì ông cũng không thể đoán ra được là tên nhà văn đang nợ nần như chúa chổm và muốn lấy Rebecca với mục đích chiếm đoạt tiền tỉ của ông. Chính Rebecca cũng không biết là mình sẽ thừa hưởng một phần tài sản của ông!

— Trực giác đó, anh không tin sao? Tia chớp huyền bí hiện ra trước cả sự lập luận. Dan nhiều trực giác hơn ai cả. Anh ấy thậm chí còn nghĩ một ngày kia sẽ mô hình hóa nó, cái trực giác ấy...

Emma mỉm cười và lại gần Pierre. Một luồng gió mạnh thổi qua làm tóc nàng tung bay lòa xòa quanh mặt nàng. Trước mặt họ, gió đẩy vài thuyền buồm chạy trên cát màu xanh biển đang lướt nhanh về nhà chứa xe. Những đám mây lớn đã bay xa. Trong vài giờ nữa, mưa sẽ rơi trên Versailles.

Pierre đưa tay về phía Emma. Anh còn muốn vuốt ve tóc nàng. Để các ngón tay mình trượt dài chầm chậm cho đến đuôi tóc như để chải tóc cho nàng. Lau bụi cát vướng trên má nàng, gần tai. Nàng quay lại phía anh.

Từ lúc khởi đầu của tình yêu thì bao giờ cũng có ánh mắt chao đảo, cái khoảnh khắc lạ lùng mà, nói theo một bài hát, người ta nghe tiếng cười của các thiên thần. Một tia lửa để mà đám cháy bùng lên. Pierre bao giờ cũng tự hỏi tại sao Emma và anh không cảm thấy nó lần đầu tiên hai người gặp nhau ở Supra Data. Và tại sao tia lửa này trở lại, bốc đồng, mỗi khi hai người gặp lại hay đến gần nhau. Trong tình yêu của họ như có một sự thiếu hụt nguyên lai. Một khiếm khuyết ban đầu buộc họ phải thấy nảy sinh, vào mỗi lần gặp gỡ, cùng một làn sóng tuyệt vời và không thể nào kiểm soát được đó. Họ yêu nhau một tình yêu-thủy triều.

Từ sáu tháng nay họ nói chuyện với nhau gần như hàng ngày. Qua webcam. Bằng SMS. Bằng MMS. Ấn bản điện tử của lòng chung thủy. Họ thậm chí không thể gặp nhau ở Boston. Emma đã gửi bằng thư điện tử chấp thuận dự án trồng lại cây ở Central Park do Pierre khởi xướng. Ý tưởng

đưa ra làm nàng vui thích. Dựng lên, ở ngay trung tâm New York, một *remake*[425] hiện đại của những ngôi vườn Versailles. Latone, Apollon, Neptune, các bể nước "des Saisons" được tưới bằng việc vận hành của những đài nước cực kỳ hiện đại, tất cả được vẽ bởi Damien Hirst và Rachel Whiteread. Chính quyền thành phố New York tỏ ra thích thú. Hai khuôn mặt của nghệ thuật đương đại này và một kiến trúc sư cảnh quan người Bỉ phụ trách phối hợp các công trình sẽ gặp nàng và Pierre lát nữa ở khách sạn Overlord, trước buổi họp báo dự định vào ngày mai để chính thức giới thiệu dự án.

Pierre nghiêng người về phía Emma. Đôi môi nàng. Vẫn đôi môi nàng. Từ khi hai người gặp lại nhau ở sảnh lễ tân khách sạn, anh nghĩ đến chúng. Lớp son mỏng như lụa của chúng. Vẻ dịu ngọt của chúng. Như lắc lư trong trí nhớ anh. Bất chấp anh. Bất chấp Clara. Rốt cuộc, vợ anh tỏ ra rạng rỡ từ khi Pierre và nàng đến Mỹ ở với các con. Khi anh báo cho Clara là anh được bổ nhiệm vào chức vụ *chief executive developer*[426] ở Controlware và hưởng mức lương đi kèm – "tới bảy con số" anh xác định -, nàng đã hỏi anh có phải là "trước dấu phẩy" không. Rồi nàng hiểu ra nhanh chóng. Nhà của họ ở Cape Cod thì sang trọng: một ngôi biệt thự lớn màu trắng mà trong đó mọi thứ hoạt động theo giọng nói. Có hàng rào bằng tre. Và cái bến nổi nhìn ra đại dương. Nàng mơ là một ngày kia Scarlett O' Hara[427] sẽ xuất hiện giữa những hàng cây bạch đàn trong vườn. Garance, Sixtine và Gaétan đi học ở trường trung học Pháp. Các giáo viên thì cực giỏi, tốt hơn ở Marseille nhiều. Vào ngày thứ tư Gaétan đi học chơi thuyền buồm. Và không bao lâu nữa Pierre sẽ mua một chiếc thuyền ba thân, anh đã hứa với con.

— Anh nói với em là anh có thông tin về các dự án cạnh tranh với ta? - Emma hỏi, cảm thấy khó mà che giấu nỗi rung động nảy sinh trong nàng khi ở gần Pierre.

Nàng lại đứng lên. Đứng trên khối bê-tông, tay giữ tóc đằng sau, áo đầm dán sát vào người vì gió, nàng nhìn ngọn đồi ở Colleville. Pierre tự nhủ nếu là nhà điêu khắc, anh sẽ tạc một dáng hình như thế để đặt ở mũi con thuyền của anh. Clara có lẽ sẽ ưa thích lắm.

Anh mỉm cười với ý tưởng này và đi theo Emma, lúc này đã nhảy xuống cát.

— Có khoảng nửa tá đề xuất cạnh tranh với mình, - Pierre giải thích. - Một vài cái đã được giới thiệu tuần trước. Anh đã xem chúng trên Internet. Nhưng, nói một cách thẳng thắn, anh sẽ lấy làm ngạc nhiên lắm nếu một cái trong số đó hay hơn đề xuất của chúng ta!

Nàng không thể không chế giễu sự táo tợn, gần đây thôi, của anh bạn đồng nghiệp cũ. Nàng quay lại và nắn nắn cánh tay anh.

— Anh cũng tập cho nở cơ bắp phải không, hay là em lầm?

Pierre đẩy tay nàng ra và muốn ôm ngang hông nàng, nhưng Emma tránh né và bỏ chạy về hướng ngọn đồi. Vài thước đến tận bờ dốc. Anh chụp được nàng, đẩy nàng ngã xuống trên những ngọn cỏ ít oi mọc giữa cát và đá cuội, rồi nằm dài lên người nàng. Trên đầu, những con chim mòng biển và hải âu bay vòng vòng, phát ra những tiếng kêu xé lòng. Cách đây sáu mươi năm, tại đây, trong ngọn đồi đâm ngang ra biển này, những người lính ẩn mình để tránh đạn.

— Lâu quá rồi...

Tiếng thở dài của Emma bị nghẹn lại vì nụ hôn mạnh mẽ của Pierre. Rồi những lời yêu. Tên nàng, anh lặp đi lặp lại. Nàng nghe là nàng đẹp, anh nhớ nàng biết mấy những tuần lễ vừa qua. Nàng nghe anh tả nét dịu dàng của bờ vai, đôi má nàng, anh thèm gặp nàng, thèm nắm tay nàng dạo bước trên bãi biển. Nàng nghe anh nói, nhưng những gì nàng nghe thì đâu có gì quan

trọng nữa. Hay có chứ, có quá là đằng khác. Nàng phải ghi khắc những lời này trong tâm can mình, cho sau này, cho những ngày không có anh. Nhưng lời này đuổi lời kia. Những câu nói băng qua trí nhớ nàng, như bóng của mây trời dưới gió.

Pierre để bàn tay lang thang trên người nàng. Dưới chiếc áo đầm dài, anh vuốt ve hai đầu gối, bụng, mặt trong của hai chân nàng. Anh nhìn khuôn mặt nàng, lùi ra xa để nhìn rõ hơn, hôn nhanh lên đôi môi nàng rồi lùi xa một lần nữa.

— Anh có thể ngồi nhìn em suốt cả ngày, - anh thì thào. - Chỉ nhìn em thôi mà lòng ham muốn trào dâng.

— Và không bao giờ lột quần áo em phải không?

Anh luồn tay dưới dải đeo của chiếc áo đầm và khám phá ra một trái vú, trắng, tròn, căng về phía anh. Khi thấy nó hiện ra, anh chặn lại trong họng một tiếng kêu. Emma ngưng cười và kéo anh lên trên người nàng, ánh mắt gắn chặt vào ánh mắt anh. Tóc nàng xõa dài trên cát, rối tung.

Giữa hai háng nàng có sóng lừng. Và những con sóng đến chết trong mắt nàng.

Họ làm tình trên một bãi chiến trường.

Rồi thân thể người đàn bà trẻ ưỡn lên cao, hai hàng mi khép lại, đôi môi hé nửa chừng trong một tiếng rên dài. Bị chìm ngập, anh bắt kịp nàng trong nỗi hân hoan.

Tiếng kêu của những con hải âu bất ngờ im bặt.

Pierre ngẩng nhẹ đầu. Lần này, anh thấy nàng. Anh giữ nàng trong vòng tay. Đó là hình ảnh cuối cùng, hình ảnh mà anh sẽ mang theo mình khi mọi sự lụi tàn.

HẾT

http://tieulun.hopto.org

LỜI CẢM ƠN

Thế kỷ XVI và thế kỷ XXI. Kỷ nguyên Ánh sáng[428] và kỷ nguyên Internet. Thế giới của vua Louis XIV và Le Nôtre, thế giới của Bill Gates[429] và Steve Jobs[430]. Tiểu thuyết này nằm ngay chỗ gặp nhau giữa hai kỷ nguyên và hai thế giới đó. Để hiểu chúng, chúng tôi đã cầu viện sự giúp đỡ của nhiều người mà chúng tôi muốn cảm ơn ở đây.

— Kiến trúc sư cảnh quan Michel Corrajoud, người đã phân tích hết sức kỹ lưỡng các ngôi vườn Versailles và tìm ra ở đó con số vàng.

— Daniel Souillol, giáo sư ở École Polytechnique[431], người đã mở rộng cách hiểu theo quan điểm phân tâm học rất hấp dẫn về lãnh địa Versailles của Louis XIV.

— Các nhà sử học Pierre Bonnaure và Aurélia Rostaing, những chuyên gia lớn về Le Nôtre, đã chia sẻ niềm đam mê của mình với chúng tôi về người làm vườn phi thường này của nhà vua.

— Béatrix Saule, quản đốc trưởng lâu đài Versailles, đã khai tâm chúng tôi về những bí mật Apollon, và chắc sẽ rộng lòng tha thứ cho việc chúng tôi đã hư cấu ít nhiều so với sự thật lịch sử.

— Gabriel Novello, thợ cả ống nước ở Versailles, Marly-le-Roi và Saint-Cloud, đã hướng dẫn chúng tôi đi thăm những mê cung dưới lòng đất (và cũng cảm ơn Brice đã tạo cơ hội cho chúng tôi gặp được Gabriel).

— Các chuyên viên trong ngành an ninh tin học Mauro Israël, François Pavé, Nicolas Ruff, Olivier Ménager, đã giúp chúng tôi soạn thảo các tình

tiết (có thể chấp nhận được) về sự tê liệt Internet toàn cầu.

— Jean-Baptiste Durand, người tuần canh Internet, về năng lực sáng tạo tràn trề.

— Daniel Temam, về những suy nghĩ theo quan điểm nhà toán học (và nhà triết học nữa!).

— Hélène Vecchiali, đã dùng con mắt của nhà phân tâm học để nhìn những tính cách của các nhân vật chính, và sự ủng hộ không ngừng dành cho chúng tôi.

— Michel Conin, đã cho chúng tôi "mượn" ngôi biệt thự Trianon của mình, trước là chỗ ở cũ của Elsie de Wolfe, để làm khung cảnh cho cuốn tiểu thuyết, và về những suy ngẫm lịch sử của ông.

• Quyển sách này hẳn không thể ra đời nếu như không có:

— Những bằng hữu đã giúp đỡ hay khuyến khích chúng tôi: Isabelle Sathicq, Sonia Bardet, Rémi Deffarges, Dominique Mataillet, Fabiola Flex, Christian Bommelaer, Luc Fayard, Anita Dexmier, Étienne Demailly, William Coop, Christine Rodwell, Christine Balesdent (và con mắt tinh nhạy!), Jacques Gautrand.

— Hélène và Dominique Kriz đã cùng chúng tôi đi lại nhiều lần để xem nước từ lòng đất phun lên trong các ngôi vườn Versailles.

— Thierry và Sophie Kerdellant, đã đọc bản thảo sớm nhất và biết phê bình một cách khôn khéo, và đã cùng chúng tôi "thăm lại" Versailles.

— Sylvie Kerdellant và đại gia đình các anh chị em họ ở Fermanville, đã kiên trì vận động chúng tôi viết một tiểu thuyết phiêu lưu, và cuối cùng thì đã mang lại kết quả.

http://tieulun.hopto.org

• **Đặc biệt, xin cảm ơn:**

— Isabelle và Nicolas Meyer, đã làm người đọc đầu tiên, kiên nhẫn và chăm chú, của cuốn sách này, và đã góp ý phê bình.

— Nadette và Michel Kerdellant, Yvonne Dufour và Jean-Max, đã ủng hộ vô điều kiện và tạo phương tiện thích hợp để hoàn thành tiểu thuyết này.

Cuối cùng, lời cảm ơn sâu sắc xin được gửi đến các biên tập viên nhà xuất bản Nicole Lattès, Leonello Brandolini và Stéphane Barsacq (người đầu tiên đã tin chắc vào ý tưởng chính của sách này và đã làm nó phong phú thêm).

http://tieulun.hopto.org

• CHÚ THÍCH •

[1] Tiếng Anh trong nguyên tác. Tất cả các chú thích trong sách đều là của người dịch.

[2] Trung tâm Thương mại Thế giới, ở thành phố New York, Mỹ.

[3] Baltes (các nước): từ dùng để chỉ toàn thể các cộng hòa Estonie, Lettonie và Lituanie (nằm phía Bắc nước Ba Lan).

[4] PC: viết tắt của personal computer (máy tính cá nhân).

[5] George Lucas: đạo diễn Mỹ của các phim nổi tiếng như "Indiana Jones" hay "Star Wars" (Chiến tranh giữa các vì sao).

[6] Tiếng Anh và in nghiêng trong nguyên tác, Overlord (Lãnh chúa) là mật danh quân sự của chiến dịch đổ bộ lên vùng Normandie (Pháp) này, bắt đầu từ ngày 6 tháng 6 năm 1944 của phe Đồng minh (Mỹ, Anh, Pháp, Canada...) trong Thế chiến thứ hai.

[7] Vincent Van Gogh, họa sĩ danh tiếng người Hà Lan (1853-1890), người mở đường cho trường phái Dã thú và trường phái Biểu hiện.

[8] Nhà sinh lý học Nga (1849-1936). Giải Nobel 1904.

[9] Tên đầy đủ là Arromanches-les-Bains, một làng nhỏ vài trăm dân nằm bên bờ biển Manche. Khu nghỉ dưỡng khá có tiếng. Còn được biết đến là nơi đổ bộ của quân Đồng Minh ngày 6 tháng 6-1944.

[10] "Đại hội Phụ nữ Thường niên".

[11] Từ "San Francisco" được rút gọn lại.

[12] Tin tức Thương mại Thế giới.

[13] Chúa ơi, Trời ơi.

[14] Gần thành phố San Francisco (bang California), sau khi qua cây cầu nổi tiếng Golden Gate Bridge.

[15] Chúng ta là những nhà vô địch.

[16] Viết tắt của Short Message Services (Dịch vụ thông báo ngắn).

[17] Viết tắt của Hors Service (Không sử dụng được).

[18] Tên hai phi trường quốc tế ở Paris.

[19] Viết tắt của Asymmetric Digital Subscriber Line (Đường dây thuê bao số bất đối xứng).

[20] Trang âm, Chiếu sáng, Thiết bị tin học và Kỹ thuật điện tử.

[21] Một loại vải trước làm ở nước Anh, có mô típ bằng đường thẳng cắt nhau, với nhiều sắc độ khác nhau nhưng cùng một màu.

[22] Nữ doanh nhân.

[23] Cựu đệ nhất phu nhân Mỹ, hiện là Bộ trưởng ngoại giao Mỹ.

[24] Nữ chính trị gia Pháp, cựu ứng cử viên tổng thống Pháp.

[25] (1953-2007): Cựu nữ thủ tướng nước Pakistan. Bị ám sát vào tháng 12-2007.

[26] Nữ chính trị gia nước Colombie, sinh năm 1961, bị bắt làm con tin sáu năm (2002-2008).

[27] Double-crème: phó mát (fromage) có chất béo trên 60%.

[28] “siêu phụ nữ”

[29] PME: viết tắt của Petites et Moyennes Entreprises (các doanh nghiệp nhỏ và vừa).

[30] (1890-1969): Tư lệnh quân Đồng minh trong cuộc đổ bộ 6-6-1944 ở Normandie. Sau này là Tổng thống Mỹ (1952-1960).

[31] Có thể vừa nhận vừa gửi tin.

[32] "Chào mừng bạn đến Đại hội Phụ nữ Thường niên"

[33] Tên một đại lộ trung tâm của thành phố Marseille, Pháp.

[34] Tên đầy đủ là Institut des Sciences Politiques (Học viện Khoa học Chính trị) ở Paris.

[35] Viết tắt của Curriculum Vitae, bản ghi tóm tắt (thường hai hay ba trang) quá trình học vấn, đào tạo và kinh nghiệm làm việc, cần thiết khi đi xin việc làm.

[36] Manufacturing Message Services: Dịch vụ thông báo sản xuất.

[37] Bộ nhớ khả biến (thuật ngữ tin học) cho phép người sử dụng đọc hay sửa đổi tùy ý nội dung chứa đựng trong nó.

[38] Tiếng Anh và in nghiêng. CEO là viết tắt của Chief Executive Officer, hay Tổng giám đốc, chứ không hẳn là chủ tịch như tác giả viết trong ngoặc.

[39] Phụ nữ lãnh đạo ở các cơ quan công quyền hay các doanh nghiệp...

[40] Ngày tận thế.

[41] Viết tắt của Société Nationale des Chemins de Fer (Hãng xe lửa quốc gia, Pháp).

[42] Viết tắt của Federal Bureau of Investigation: Cục Điều tra Liên bang (Công an nước Mỹ)

[43] Nguyên văn: "tsunami informatique".

[44] Nguyên văn in nghiêng: Big One.

[45] Nguyên văn trong truyện: Au commencement était le Verbe – Le Verbe était Dieu – Et moi, j'étais le Verbe. (Phúc Âm theo Thánh Jean 1.1).

[46] Louis XIV hay Louis le Grand (Louis Đại Vương) (1638-1715), một ông vua lớn của nước Pháp, còn gọi là Le Roi- Soleil (Thái Dương Vương) thuộc triều đại Bourbon, lên ngôi từ nhỏ (1643) và trị vì cho đến khi chết ở Versailles.

[47] Napoléon đệ nhất (1769-1821), hoàng đế Pháp (từ 1804 đến 1814 rồi "100 ngày" năm 1815).

[48] Xe hơi tư nhân được trang bị để chở theo đồ cắm trại đi nghỉ hè.

[49] Versailles cách thủ đô Pháp Paris độ 14 cây số, phía Tây Nam.

[50] Le Tapis vert (Thảm xanh) là tên khác của Allée royale (Lối đi hoàng gia), một thảm cỏ hình chữ nhật rất đẹp, nằm trong công viên Versailles, giáp mặt phía Tây của lâu đài Versailles.

[51] Apollon (tên khác là Phébus): theo thần thoại Hy Lạp, là thần của cái Đẹp, Ánh sáng, Nghệ thuật và Thuật số.

[52] Thôn Hoàng hậu: Hoàng hậu Pháp Marie-Antoinette (1755-1793), vợ vua Louis XVI, thường đến đây ở; bà bị lên đoạn đầu đài tháng 10-1793 (thời Đại Cách mạng Pháp).

[53] Con Kinh Lớn (trong công viên Versailles) rộng 23 héc ta.

[54] Jean-Baptiste Tuby (hay Tubi) (1635-1700): nhà điêu khắc Pháp gốc Ý, nổi tiếng với nhóm tượng "Apollon sur son char" (Apollon cưỡi xe ngựa) đặt ở bể nước Apollon (Versailles).

[55] Latone: tên La tinh của nữ thần Hy Lạp Léto, mẹ của Apollon (theo thần thoại Hy Lạp).

[56] Nằm ở phía Bắc bang California, được xem là thủ đô công nghệ điện tử của nước Mỹ.

[57] Khu vực trung tâm của thành phố New York, nơi tập trung rất nhiều nhà chọc trời, kể cả Tháp đôi World Trade Center.

[58] Jupiter: theo thần thoại La Mã, là thần Trời, Ánh sáng, Sấm và Sét, ban phát của cải trần thế, bảo hộ cho đô thị và Nhà nước La Mã. Tương tự như thần Zeus trong thần thoại Hy Lạp.

[59] Con thằn lằn.

[60] Chào bạn, ông, bà....

[61] "Không tương lai".

[62] Một đạo diễn điện ảnh Mỹ nổi tiếng.

[63] 1757-1834, tướng lãnh và chính trị gia Pháp, tích cực tham gia vào cuộc chiến giành Độc lập của người Mỹ từ năm 1777.

[64] 1706-1790, chính trị gia Mỹ, tham gia vào việc thảo bản Tuyên ngôn Độc lập Mỹ (1776), đến Versailles thương thuyết về liên minh Pháp-Mỹ (1778). Cũng là nhà vật lý, phát minh ra cột thu lôi (1752).

[65] 1743-1826, chính trị gia Mỹ, tác giả chính của bản Tuyên ngôn Độc lập Mỹ (1776), trở thành Tổng thống (1801-1809).

[66] Được thành lập ngày 9 tháng 7 năm 1789, trong cuộc Đại Cách mạng Pháp 1789.

[67] Tên của một thợ mỏ Liên Xô. Chỉ một phương pháp làm tăng năng suất lao động thông qua sự thi đua giữa những người lao động, được áp dụng ở Liên Xô từ năm 1930 đến 1950.

[68] Tiếng Anh, có nghĩa là con lạc đà.

[69] Bản thảo trên giấy da (parchemin, thường bằng da cừu hay da dê) mà bản viết đầu tiên đã bị chùi hay cạo đi và một bản mới được viết lại trên đó.

[70] André Le Nôtre (1613-1700): kiến trúc sư và nhà thiết kế vườn người Pháp nổi tiếng, đã tạo dựng nên danh hiệu "vườn kiểu Pháp". Các tác phẩm của ông ở Versailles, Vaux-le-Vicomte, Sceaux... vẫn được người đời sau ngưỡng mộ.

[71] Hay là Louis de France (1661-1711), còn gọi là Le Grand Dauphin, con trai kế nghiệp của vua Louis XIV.

[72] Chỗ đi dạo có cây cối được sắp xếp theo ngũ điểm (bốn điểm ở bốn góc, và một điểm ở chính giữa).

[73] G7: viết tắt của "Group of Seven", gồm bảy nước công nghiệp phát triển trên thế giới: Mỹ, Canada, Anh, Đức, Pháp, Ý và Nhật Bản.

[74] Chỉ cơ quan phụ trách việc bảo tồn, trùng tu những "Công trình kiến trúc lịch sử" đã được Nhà nước Pháp công nhận và xếp hạng.

[75] Tiếng Pháp "linteau", là cái đà gánh phần tường ở trên cửa sổ, cửa ra vào...

[76] "Tiểu Công viên".

[77] Tên một chiếc tàu thủy chở khách lớn và hiện đại nhất thời đó của nước Anh đã bị đắm vào đêm 14-4-1914 trong chuyến đi xuyên Đại Tây Dương đầu tiên. Hơn 1.500 người thiệt mạng. Hollywood đã làm vài phim về đề tài này.

[78] "Sự nghỉ ngơi của người đánh cá"

[79] "Những chiếc dù ở thị trấn cảng Cherbourg", tên một cuốn phim ca nhạc của Pháp nổi tiếng vào những năm 60 thế kỷ trước.

[80] Có nghĩa “tiêu biểu (kiểu) Anh”.

[81] France và Queen Mary là tên hai chiếc tàu thủy chở khách lớn và sang trọng.

[82] Tên tắt của École nationale d’administration (Trường quốc gia hành chánh), thành lập từ năm 1945 để đào tạo cán bộ cao cấp cho bộ máy nhà nước Pháp.

[83] Nói rút gọn của từ “directeur de cabinet” (chánh văn phòng).

[84] Một loại kích thích tố (hormone) do tuyến tùng trong não tiết ra vào ban đêm, tác động đến sự điều hòa nhịp sinh học. Hành khách đi máy bay thường uống *mélatonine* để tránh những triệu chứng “jet lag” (sự mệt mỏi, rối loạn sau một chuyến bay dài đi qua nhiều múi giờ).

[85] Novocaïne là tên thương mại của procaïne, một loại thuốc gây mê cục bộ và giảm đau.

[86] Tên một loại nước suối nổi tiếng ở Pháp.

[87] Một loại bánh nướng Thụy Điển.

[88] Viết tắt của Centre Hospitalier Universitaire (Bệnh viện có sự hợp tác chữa trị và đào tạo của một đại học y khoa).

[89] Một chất hóa học thường được dùng để độn vú phụ nữ trong ngành giải phẫu thẩm mỹ.

[90] Một con đường nổi tiếng ở Paris, nơi tụ tập thường xuyên của trí thức, văn nghệ sĩ, nhất là ở hai quán “Le Café de Flore” và “Aux Deux Magots”.

[91] Hai thương hiệu Ý (Gucci) và Pháp (Vuitton) về áo quần thời trang cao cấp.

[92] Nguyên văn: “... cabri au lait.” (dê con nấu với sữa) khi phát âm thì

giống như động từ “cabrioler” (có nghĩa: trong vũ ba-lê, diễn những bước nhảy hai chân thẳng đập vào nhau - ở đây có thể ám chỉ hành động làm tình).

[93] Có nghĩa “bước sắp tới là gì?”

[94] Gọi tắt tên bà Ségolène Royal.

[95] Nữ ca sĩ và diễn viên Pháp (sinh năm 1927), nổi tiếng từ năm 1949, được mệnh danh là “la muse de Saint-Germain-des-Prés” (người đàn bà gợi hứng sáng tác cho các nhà thơ, nhà văn ở khu phố Saint-Germain-des-Prés), có “giọng hát chứa cả nghìn bài thơ”.

[96] Tiếng Anh “cục cưng bé bỏng”, “bé”...

[97] Macho: tỏ vẻ ta đây đàn ông một cách hung hăng hay kiêu hãnh quá đáng.

[98] Một nhãn hiệu thời trang của Pháp thuộc hàng cao cấp nhất thế giới.

[99] Một nam diễn viên điện ảnh nổi tiếng ở Hollywood.

[100] Cư dân vùng Normandie, Pháp.

[101] “Những bản nhạc hay nhất của những năm 60”.

[102] Thành phố du lịch và thương mại của nước Maroc.

[103] Một cơn bùng nổ cảm xúc.

[104] Tên những nam diễn viên điện ảnh nổi tiếng ở Hollywood.

[105] “Em đẹp lắm”.

[106] NASA, viết tắt của “National Aeronautics and Space Administration” (Cơ quan Hàng không và Vũ trụ Quốc gia) của Hoa Kỳ, nơi thực hiện các chuyến du hành khám phá vũ trụ.

[107] "Cách thức chỉ cho xem những ngôi vườn Versailles".

[108] Nicolas Copernic, nhà thiên văn học Ba Lan vĩ đại (1473-1543), người đầu tiên đưa ra giả thuyết Trái đất và các hành tinh khác xoay quanh Mặt trời, tạo ra một bước ngoặt trong lịch sử tư tưởng và tiến bộ khoa học.

[109] Sân Cẩm thạch.

[110] Vua Pháp, Louis IX (1214-1270), được phong thánh vào năm 1297 nên còn gọi là Saint Louis.

[111] Olympe: đỉnh núi cao nhất nước Hy Lạp (2917 mét), được người Hy Lạp xem là nơi cư ngụ của các đấng thần linh.

[112] La Fronde (1648-1653): từ dùng chỉ những cuộc biến loạn xảy ra khi vua Louis XIV còn nhỏ tuổi, chống lại chế độ nhiếp chính của mẹ vua, thái hậu Anne d'Autriche và thủ tướng - hồng y Mazarin. Cuộc nổi loạn này của nhân dân Paris và một số quý tộc cuối cùng thất bại.

[113] Có nghĩa là con rồng.

[114] Henri IV (1553-1610), vua Pháp thuộc triều đại Bourbon. Bị tên Ravaillac giết chết.

[115] Charles đệ nhất (1600-1649), vua nước Anh thuộc triều đại Stuart. Bị Quốc hội Anh kết án tử hình rồi sau đó bị chặt đầu ở Luân Đôn.

[116] Theo thần thoại Hy Lạp, Thétis là một trong năm mươi nữ thủy thần (Néréides) con của Nérée, thường cứu giúp các thủy thủ bị nạn. Thétis là mẹ của Achille.

[117] Thanksgiving Day. Ở Mỹ, là ngày thứ Năm cuối cùng của tháng Mười một hàng năm.

[118] Sotheby and Co., hay Sotheby's, một doanh nghiệp toàn cầu quan

trọng nhất về bán đấu giá, được thành lập vào năm 1733 ở Luân Đôn. Chuyên về đồ cổ và các tác phẩm nghệ thuật.

[119] Institut de France là một tập hợp gồm năm hàn lâm viện của nước Pháp: Académie française (Hàn lâm viện Pháp), Académie des inscriptions et belles- lettres (Hàn lâm viện bi ký học và ngữ văn), Académie des sciences (Hàn lâm viện khoa học), Académie des beaux- arts (Hàn lâm viện mỹ thuật) và Académie des sciences morales et politiques (Hàn lâm viện khoa học đạo đức và chính trị).

[120] Viện bảo tàng danh tiếng ở Paris, thuộc hàng lớn nhất thế giới, được lập ra từ năm 1791.

[121] Molière (tên thật: Jean-Baptiste Poquelin) (1622-1673), nhà soạn kịch vĩ đại của nước Pháp, tác giả các tuyệt tác tới nay vẫn còn được trình diễn trên các sân khấu thế giới như "Tartuffe" (1669), "Le Bourgeois gentilhomme" (1670), "Les femmes savantes" (1672), "Le Malade imaginaire" (1673)...

[122] Tác giả có lẽ đã nhầm lẫn ở đây. Phải viết Francfort (thay vì Luân Đôn) mới hợp lý, vì nạn nhân thứ tư chết ở Francfort.

[123] Nữ thủ tướng Đức.

[124] Richard Nixon (1913-1994), Tổng thống Mỹ từ năm 1968 đến 1974.

[125] Nam diễn viên điện ảnh Hollywood thuộc hàng sao hiện nay.

[126] Charles Le Brun (hay Lebrun) (1619-1690): họa sĩ và nhà trang trí Pháp, được vua Louis XIV ưa chuộng, đã chủ trì công tác trang hoàng cung điện Versailles.

[127] Amour, còn có tên khác là Cupidon, là con trai của nữ thần Venus, thường được vẽ hay tạc dưới dạng một đứa bé trai 7 hay 8 tuổi, như một tiểu

thiên thần.

[128] Tên của hai anh em nhà văn và ngữ văn học người Đức, Jacob Grimm (1785-1863) và Wilhelm Grimm (1786-1859), viết nhiều truyện dân gian Đức nổi tiếng.

[129] Tên nhân vật trong truyện thần tiên của Perrault (1697), được viết lại bởi anh em Grimm (1812).

[130] GPS, viết tắt của "Global Positioning System" (Hệ thống định vị toàn cầu), máy giúp tìm đường, tìm chỗ các địa chỉ... thông qua vệ tinh.

[131] Albert Einstein (1879-1955), nhà vật lý học danh tiếng, tác giả các thuyết tương đối. Giải Nobel năm 1921.

[132] (1450 hay 1451-1506), nhà hàng hải người Ý, khám phá ra châu Mỹ năm 1492.

[133] Xin vui lòng, làm ơn...

[134] Blaise Pascal (1623-1662), nhà bác học, nhà văn và triết gia Pháp. Tác phẩm xuất bản: "Les Provenciales" và "Pensées".

[135] Tiếng Anh, có nghĩa "cười ầm lên".

[136] Món ăn bỏ lò gồm khoai tây phủ bánh mì vụn hay phó mát nạo, thêm nấm củ "truffe", theo cách nấu của vùng Dauphiné, Pháp.

[137] Nơi chữa bệnh bằng nước khoáng, bùn, nước biển, bằng sự vận động, sự xoa bóp...

[138] Ngày 6 tháng 6 năm 1944 là ngày quân Đồng minh trong Thế chiến thứ 2 (1939-1945), đổ bộ lên đó.

[139] Nhân vật huyền thoại gốc Tây Ban Nha, nổi tiếng "Sở Khanh".

[140] Viết tắt của Club Méditerranée (Câu lạc bộ Địa Trung Hải), Pháp, lập

ra từ năm 1950, là những khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp, phần lớn nằm ở các bãi biển đẹp trên thế giới.

[141] Viết tắt của Village Vacances Famille, một tổ chức tiên phong trong du lịch xã hội và gia đình ở Pháp, giá cả bình dân để nhiều người có thể đi nghỉ hè, nghỉ đông ở các trung tâm nghỉ dưỡng gọi là "làng".

[142] Nguyên văn: "politiquement correct", một thành ngữ thời thượng xuất phát từ tiếng Mỹ "politically correct", dùng để chỉ thái độ, cung cách, lối suy nghĩ, lời ăn tiếng nói... phù hợp với chuẩn mực, quy ước (không riêng gì về chính trị mà cả về xã hội, văn hóa...) đã được chấp nhận vào một giai đoạn nào đó.

[143] Bắn súng khí ép khi chơi trò dàn trận giả.

[144] Theo trường phái phân tâm học do Sigmund Freud (1856-1939) sáng lập.

[145] Tiếng Anh trong nguyên tác, nghĩa đen là người cùng đánh bốc với võ sĩ quyền Anh để tập luyện; ở đây có nghĩa người mà ta thường thích đấu khẩu, tranh luận, thường trong không khí thân thiện.

[146] Tên một giống nho đỏ dùng làm rượu vang.

[147] Marcel Proust (1871-1922), nhà văn Pháp, tác giả bộ tiểu thuyết lớn "À la recherche du temps perdu" (Đi tìm thời gian đã mất).

[148] Oscar Wilde (1854-1900), nhà văn, nhà soạn kịch Ai-len, tác giả tiểu thuyết "The portrait of Dorian Gray" (Chân dung chàng Dorian Gray). Cả Proust lẫn Wilde đều đồng tính luyến ái.

[149] Tượng nữ thần mình người đuôi cá hay mỹ nhân ngư.

[150] Một hóa chất do chính cơ thể con người tiết ra, có khả năng làm giảm sự đau đớn, và an thần.

[151] Cô gái trẻ đẹp (nổi tiếng hay không) được chụp ảnh, thường là khỏa thân, và bức ảnh được in ra khổ lớn, nhiều bản, để đàn ông ghim lên tường mà ngắm nhìn.

[152] Viết tắt của Columbia Broadcasting Systems, một trong ba đài truyền hình tư nhân lớn nhất nước Mỹ.

[153] (1908-1989): nhạc trưởng danh tiếng người Áo, được phong làm nhạc trưởng trọn đời của Dàn nhạc giao hưởng Berlin (Đức) mà ông điều khiển từ năm 1954 cho đến khi qua đời.

[154] Thuộc Tây Ban Nha hay các nước Châu Mỹ la-tinh nói tiếng Tây Ban Nha.

[155] Antonio Vivaldi (1678-1741), linh mục, nhà soạn nhạc người Ý; một trong những tác phẩm nổi tiếng nhất của ông là bản "Bốn mùa".

[156] Viết tắt của Train à Grande Vitesse: tàu cao tốc.

[157] Toutankhamon, vua Ai Cập cổ (pharaon) thuộc triều đại thứ XVIII (khoảng 1354-1346 trước Công nguyên), chết lúc mười tám tuổi. Ngôi mộ tráng lệ của ông nằm ở Thung lũng các vì Vua (la Vallée des Rois) được khám phá vào năm 1922.

[158] Pigeonnier: chuồng nuôi chim bồ câu. Ở đây chỉ căn phòng nhỏ và nằm trên cao.

[159] (1926-1962): nữ diễn viên điện ảnh Mỹ, nổi tiếng về sắc đẹp gợi tình trong những năm 1950.

[160] Hugh Grant và George Clooney là hai nam diễn viên điện ảnh ăn khách ở Hollywood.

[161] Còn gọi là tỉ số vàng hay tỉ lệ vàng.

[162] “Toise” là đơn vị đo chiều dài của Pháp ngày xưa, bằng 1,949 mét, viết tắt là tz.

[163] Combinazione: tiếng Ý, có nghĩa sử dụng các phương tiện, các thủ đoạn mờ ám để đạt mục đích, như “đi cửa sau”, “móc ngoặc”, mua chuộc hay bạo lực... Tác giả cố ý dùng từ Ý này ở đây vì nước Ý có tiếng giỏi sử dụng “combinazione”, không riêng gì trong lãnh vực chính trị mà lan tràn trong nhiều hoạt động khác của xã hội.

[164] Nhà bác học và nhà văn người Ý, tên đầy đủ là Galileo Galilei (1564-1642), nổi tiếng trong lịch sử là đã bị Tòa án dị giáo (L’Inquisition) của Giáo hội Thiên chúa giáo, năm 1633, kết án và bị ép phủ nhận lý thuyết nhật tâm do nhà bác học Ba Lan Nicholas Copernic khởi xướng. Ông chỉ được Giáo hội đó phục hồi danh dự hơn 4 thế kỷ sau, vào năm 1992.

[165] René Descartes (1596-1650), triết gia, nhà toán và vật lý học Pháp danh tiếng.

[166] Làm cho kích thước của vật được chụp hay quay hiện lên to hơn/nhỏ hơn trên màn hình máy tính.

[167] Trong ngôn ngữ tin học, có nghĩa là con rệp được cài đặt hay chỗ hỏng hóc trong máy tính.

[168] Été indien (hay tiếng Mỹ: an Indian summer): chỉ thời kỳ thời tiết nắng ráo, ấm áp vào giữa mùa thu (thường vào khoảng tháng 10) ở lục địa Bắc Mỹ, chỉ kéo dài năm ba ngày thôi. Không dính dáng gì đến Ấn Độ cả.

[169] La cité phocéenne tức là Marseille, vì thành phố này do người Hy Lạp từ thành Phocée (ở vùng Tiểu Á) đến lập ra vào năm 550 trước Công nguyên.

[170] Greenpeace (Hòa bình xanh) là một phong trào quốc tế tranh đấu cho mục tiêu hòa bình và bảo vệ thiên nhiên và môi trường trên thế giới,

được thành lập ở Vancouver (Canada) vào năm 1971.

[171] Gió Bắc, mạnh, lạnh, khô... thổi dọc theo thung lũng sông Rhône ở Pháp.

[172] Bernin tức Bernini (1598-1680), nhà điêu khắc và kiến trúc sư người Ý danh tiếng.

[173] Có nghĩa "ngành nghiên cứu về Versailles, hay Versailles- học", từ tự chế ra, không thông dụng.

[174] Nguyên văn: "L'ubiquité et la spécificité photographique de la rhétorique visuelle contemporaine ont élaboré une stase pictorielle qui est un substitut totalement impératif du jardin en tant qu'expérience spatiale et temporelle."

[175] "Những cuộc hóa thân" của Ovide, nhà thơ la-tinh danh tiếng (tên la-tinh là Publius Ovidius Naso, sinh năm 43 trước Công nguyên - mất năm 18).

[176] Từ chỉ em trai vua Pháp (hay hoàng đệ).

[177] Paul Gauguin (1848-1903), danh họa Pháp, chết ở quần đảo Marquises.

[178] Ca sĩ và nhạc sĩ viết ca khúc danh tiếng người Bỉ (1929-1978).

[179] Các bạn là những người giỏi nhất, những nhà phát triển (phần mềm) giỏi nhất, người giỏi nhất, người giỏi nhất.

[180] Nữ ca sĩ da đen Mỹ danh tiếng, thuộc hàng "diva", sinh năm 1938.

[181] Một loại rượu sâm banh (champagne) Pháp đắt tiền hơn rất nhiều các rượu champagne thông thường khác.

[182] Len dệt bằng một loại lông dê.

[183] Tên thánh của cô đào Mỹ Marylin Monroe.

[184] Sách hướng dẫn du lịch dành cho giới trẻ, xuất bản hàng năm ở Pháp.

[185] Tức Thành Long, diễn viên điện ảnh võ thuật- hài khá nổi tiếng ở Hollywood, sau khi thành công ở Hong Kong.

[186] Nhân vật điệp viên hư cấu nổi tiếng của nhà văn Anh, Ian Fleming (1908-1964), thường được biết đến trong tiểu thuyết và phim truyện dưới mật danh 007.

[187] Hai nam diễn viên điện ảnh nổi tiếng ở Hollywood.

[188] Chiến tranh giữa các vì sao, hồi 3.

[189] Phần mềm độc hại.

[190] P-D-G viết tắt của Président - Directeur - Général (Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc.)

[191] Nằm trên đại lộ cùng tên, sang trọng nhất kinh thành Paris.

[192] Vụ nổ có tính giả thuyết mà các nhà khoa học cho là đã tạo nên vũ trụ.

[193] Hàng thời trang danh tiếng của Pháp, do nhà tạo mẫu áo quần lừng danh Coco Chanel (18831971) sáng lập.

[194] Từ gốc Ý, chỉ loại phóng viên ảnh chuyên săn lùng chụp ảnh người nổi tiếng để bán cho các tờ báo lá cải.

[195] Từ tiếng Anh, chỉ loại tin tức quan trọng hay giật gân, đưa ra độc quyền và thường là trước các đối thủ cạnh tranh, bởi một hãng thông tấn hay một nhà báo.

[196] Jeanne d'Arc, còn gọi là La Pucelle d'Orléans (Cô trinh nữ thành Orléans) (1412-1431), nữ anh hùng nước Pháp, được phong thánh năm 1920.

[197] Từ tiếng Anh, ở đây chỉ các tin giật gân, ton hót hay quảng cáo "ngầm", ít nhiều liên quan đến sinh hoạt riêng tư hay công cộng của các người nổi tiếng, thường đăng ở các báo bình dân rẻ tiền nhưng phát hành với số lượng lớn.

[198] Style mouche, kiểu mắt kính tròn, to, che gần như hết một phần ba khuôn mặt, hơi lồi ra giống như mắt con ruồi. Ray- Ban là hàng hiệu của Anh.

[199] Tiếng Anh, chỉ sự phản đối thể hiện bằng biểu tình ngồi, thường là tại một nơi công cộng.

[200] Từ tiếng Pháp là stéganographie.

[201] Các bí mật vô hình.

[202] Al-QaÏda (có nghĩa là "Căn cứ"), một tổ chức khủng bố Hồi giáo toàn cầu do Osama Bin Laden thành lập năm 1988 ở Afghanistan để chống lại các chính quyền các nước Hồi giáo bị đánh giá là "không Hồi giáo" và Phương Tây. Bị quy trách nhiệm trong cuộc tấn công vào Tháp Đôi ở New York ngày 11 tháng 9 năm 2001.

[203] Tiếng Anh, ở đây có nghĩa mỉa mai là nhìn chằm chằm, soi mói như máy nội soi cắt lớp.

[204] Émile Zola (1840-1902), nhà văn Pháp, đầu đàn trường phái tự nhiên chủ nghĩa.

[205] Baroque, từ chỉ một phong cách nghệ thuật và văn chương bắt nguồn từ Ý và lan tràn sang phần lớn châu Âu và châu Mỹ la-tinh vào thế kỷ XVII và XVIII.

[206] Tên các tạp chí Pháp.

[207] Từ chỉ nhà văn có tiểu thuyết được chọn vào vòng chung kết của giải

thưởng văn học hàng năm danh giá nhất nước Pháp, giải Goncourt.

[208] "Buồn nôn", ra đời năm 1938, một tiểu thuyết quan trọng của triết gia hiện sinh Pháp, Jean-Paul Sartre (1905-1980), người từng từ chối giải Nobel văn học năm 1964.

[209] Tên một tờ nhật báo uy tín ở Paris.

[210] Từ tạo ra từ tên ông Walt Disney (1901-1966), một nhà làm phim và sản xuất phim hoạt hình, thường là theo các truyện thần tiên, danh tiếng người Mỹ. Sáng lập ra Disneyland, một khu vui chơi giải trí rộng lớn và hấp dẫn cho trẻ em, đầu tiên ở Mỹ, sau ở nhiều nước trên thế giới, kể cả ở Pháp. Ở đây, theo cách hiểu của người dịch, từ này chỉ khuynh hướng "con nít hóa", "tầm thường hóa" trong đời sống văn hóa hay giải trí ở châu Âu theo kiểu Disneyland, tuy hấp dẫn, hoành tráng nhưng nông cạn và rẻ tiền.

[211] Tên các nhà văn, triết gia lớn của Pháp.

[212] "Mật mã Da Vinci", tên cuốn truyện rất ăn khách của tác giả người Mỹ Dan Brown.

[213] Nhân vật nữ trong hàng loạt truyện tranh "Tintin" nổi tiếng thế giới của tác giả người Bỉ, Hergé.

[214] Nhân vật nữ trong hàng loạt truyện tranh nổi tiếng ở Pháp, kéo dài từ 1905 đến 1952, do Joseph Pinchon vẽ.

[215] Người phụ nữ dẫn chương trình truyền hình "talk- show" nổi tiếng và được cho là ảnh hưởng nhất nước Mỹ hiện nay.

[216] Nữ ca sĩ Pháp nổi tiếng nhưng xuất thân nhà nghèo và ít học...

[217] "Ex- libris" và "Vol de nuit" là hai chương trình truyền hình chuyên về văn học ở Pháp. Ex- libris là dấu triện đóng lên sách để chỉ sở hữu chủ sách đó; "Vol de nuit" (Bay đêm) là tên cuốn tiểu thuyết nổi tiếng của nhà văn

Pháp Saint- Exupéry (1900- mất tích năm 1944).

[218] Tên một nhà thiết kế thời trang Pháp danh tiếng.

[219] Nữ diễn viên điện ảnh ở Hollywood, nổi tiếng vào những năm 50 và 60 thế kỷ trước.

[220] Một cuốn phim nổi tiếng của Alfred Hitchcock (1899-1980), một đạo diễn người Anh làm việc ở Hollywood, bậc thầy về phim kinh dị, hình sự, gián điệp... đầy căng thẳng và khoắc khoải lo âu.

[221] Theo kiểu cao hứng đầy màu sắc của Rabelais (1494-1553), linh mục và nhà văn Pháp thời Phục hưng.

[222] Alexander Fleming (1881-1955), bác sĩ người Anh, khám phá ra chất kháng sinh pénicilline vào năm 1928. Giải Nobel y học năm 1945.

[223] Vua Louis XVI (1754-1793) thuộc triều đại Bourbon. Bị lật đổ trong cuộc Đại Cách mạng Pháp (1789) rồi bị kết án tử hình vì tội phản bội đất nước. Lên đoạn đầu đài ngày 21-1-1793. Vợ ông là hoàng hậu Marie-Antoinette cũng bị đưa lên đoạn đầu đài khoảng 9 tháng sau đó.

[224] Tiếng Ý trong nguyên tác, có nghĩa tương đương trong tiếng Pháp như "chère Kathrin" (Cô Kathrin ơi)

[225] Hoàng hậu Marie-Antoinette sinh năm 1755 ở Vienne, thủ đô nước Áo, con của Hoàng đế François đệ nhất.

[226] Nữ diễn viên điện ảnh nổi tiếng người Tây Ban Nha.

[227] Nữ diễn viên điện ảnh người Ý, nổi tiếng vào những năm 70 và 80 thế kỷ trước.

[228] Demi Moore, nữ diễn viên điện ảnh Mỹ nổi tiếng ở Hollywood.

[229] (1928-1987): họa sĩ Mỹ thuộc trường phái "pop art".

[230] Công nghệ cũ.

[231] Tiếng Anh trong nguyên tác, có nghĩa đen là cửa ở phía sau nhà, nghĩa bóng là cửa hậu (không minh bạch, không hợp pháp). Ở đây có nghĩa cửa giấu kín, bí mật không ai biết.

[232] Là tên của một phần mềm, có nghĩa đen là "bóng tối", còn có nghĩa là người bí mật theo dõi ai đó...

[233] Viết tắt của Central Intelligence Agency (Cục Trung ương Tình báo) của nước Mỹ.

[234] Nguyên văn: bague d'or, phát âm hơi giông giống tiếng Anh backdoor.

[235] Vladimir Nabokov (1899-1977), nhà văn Mỹ gốc Nga. "Lolita", xuất bản năm 1955, là một danh tác của ông, bị cấm đoán ở Mỹ một thời gian.

[236] Chương trình truyền hình thực tế, kiểu "người thật, việc thật".

[237] Damocles (thế kỷ thứ 4 trước Công nguyên) là người thân tình của tên bạo chúa thành Syracuse (ở đảo Sicile, nay thuộc nước Ý) tên là Denys l'Ancien. Trong một bữa tiệc lớn, Denys cho treo bằng lông bờm ngựa một lưỡi gươm nặng ngay trên đầu Damocles để cho Damocles hiểu rằng hạnh phúc của các vua chúa thì mỏng manh biết bao.

[238] Cửa hàng bách hóa đồ sộ và đắt tiền ở Paris.

[239] Công viên rất lớn, nằm ngay trung tâm thành phố New York.

[240] Tiếng Anh trong nguyên tác, có nghĩa ở một nơi xa xôi, hẻo lánh.

[241] Diễn giả đề dẫn.

[242] Có nghĩa "Những người nắm quyền lực: nam giới hay phụ nữ, có tạo ra sự khác biệt không?"

[243] In nghiêng trong nguyên tác. Pédégère là viết tắt của "Présidente-

directrice générale" (Nữ chủ tịch kiêm tổng giám đốc). Đàn ông giữ các chức vụ này thì gọi là pédégé.

[244] Được tổ chức vào năm 1996 ở thành phố Atlanta (bang Georgia, Mỹ). Trong lúc Thế vận hội đang diễn ra thì có một quả bom nổ ở quảng trường chính của thành phố, làm bị thương trên một trăm người.

[245] Có nghĩa "cuộc chơi đã tàn"

[246] Viết tắt của National Association of Securities Dealers Automated Quotations (Bản công bố tự động hóa (giá chứng khoán hiện thời) của Hiệp hội quốc gia các nhà buôn chứng khoán). Thành lập vào năm 1971, NASDAQ là một sàn giao dịch chứng khoán điện tử lớn nhất thế giới hiện nay.

[247] Tiếng Anh trong nguyên tác, nghĩa đen là cứt, phân. Ở đây có thể dịch là "Như cứt!".

[248] Tôi không muốn bàn về chuyện đó.

[249] Theo thần thoại Hy Lạp, con rắn quái dị này có đặc điểm là mỗi khi một đầu trong bảy của nó bị chặt đứt thì đầu khác mọc lại. Chỉ có lực sĩ Hercule thắng nó vì chém được cả bảy đầu cùng lúc.

[250] Hay Phố Wall, mệnh danh là thủ đô tài chính của Mỹ, nằm ở New York, và cũng là nơi đặt Sàn chứng khoán New York (NY Stock Exchange).

[251] Kỹ sư trưởng phần mềm.

[252] Tiếng Anh trong nguyên tác. Asap là viết tắt của "As soon as possible".

[253] Mảnh giấy nhỏ, vuông, thường màu vàng, có keo sẵn sau lưng, dùng để ghi lại vài chữ rồi dán lên đâu đó...

[254] Jean-Baptiste Colbert (1619-1683), chính trị gia Pháp, từng giữ nhiều chức vụ quan trọng trong chính quyền, có ảnh hưởng lớn đến nền công

nghiệp, thương mại và hành chánh Pháp.

[255] Có nghĩa "(Một) Thỏa thuận công bằng, không phải thế à?"

[256] Một hệ thống cửa hàng bán đồ chơi cho trẻ em nổi tiếng, có mặt hầu như khắp nơi ở Mỹ.

[257] Fauchon và Lenôtre là hai tiệm ăn và tiệm bánh nổi tiếng ở Paris.

[258] Empire là từ chỉ chế độ chính trị Pháp do hoàng đế Napoléon đệ nhất lập ra, từ 1804 đến 1814.

Đó là Empire thứ nhất. Còn Empire thứ hai thì do Napoléon đệ tam lập ra, từ 1852 đến 1870.

[259] Georges Clémenceau (1841-1929), thủ tướng nước Pháp (1906-1909 và 1917-1920), thương lượng hiệp ước Versailles (1919) giữa các nước đồng minh thắng trận và các nước bại trận trong Thế chiến thứ nhất (1914-18).

[260] Các đòi hỏi nhất quyết, áp đặt bởi kẻ mạnh, nhất là trong quan hệ quốc tế.

[261] Một chương trình truyền hình ở Pháp: "Những câu hỏi cho nhà vô địch" do Julien Lepers dẫn dắt từ 22 năm nay, gần giống như chương trình truyền hình "Đường lên đỉnh Olympia" ở nước ta.

[262] Masque de Fer (Mặt Nạ Sắt), một nhân vật bí ẩn suốt đời phải mang mặt nạ, bị giam ở pháo đài Pignerol rồi ở ngục Bastille (Paris) cho đến chết năm 1703. Đồn là bị anh mình, vua Louis XIV, hạ ngục.

[263] Tức Hoàng đế Napoléon.

[264] (1763-1814) Nữ hoàng Pháp, vợ Hoàng đế Napoléon từ năm 1796 đến năm1809. Bị Hoàng đế phế bỏ vì không sinh được người nối dõi.

[265] (1791-1847), công chúa Áo, con của Hoàng đế François đệ nhị, trở

thành Nữ hoàng Pháp sau khi bị ép lấy Hoàng đế Napoléon năm 1810 khi mới 19 tuổi. Gọi hoàng hậu Marie-Antoinette (lên đoạn đầu đài năm 1793 ở Paris) là cô vì bà này là chị gái của cha mình.

[266] Một thứ quặng màu lục có thể đánh bóng, dùng làm đồ kim hoàn hay trang trí cho các đồ vật nhỏ bằng ngà, gỗ mun, sừng, xương, đồi mồi...

[267] (1777-1825) Hoàng đế nước Nga (1801-1825), thuộc triều đại Romanov.

[268] Nữ hầu tước de Maintenon (1635-1719), sau khi thành góa phụ thì phụ trách giáo dục cho các con vua Louis XIV và các con của Phu nhân de Montespan (Bà này là nhân tình sủng ái của vua, có đến 8 đứa con với ông). Sau khi hoàng hậu Marie-Thérèse qua đời, nhà vua cưới bà làm vợ năm 1683. Bà là vợ "không môn đăng hộ đối" (morganatique) vì xuất thân không phải công chúa, nên bà không được mang tước hiệu hoàng hậu, không được hưởng các đặc quyền hoàng gia... Bà có ảnh hưởng lớn đối với nhà vua, nhất là về đạo giáo.

[269] Từ "souterrain" (tính từ) có nghĩa là dưới mặt đất, nhưng nếu là danh từ thì có nghĩa con đường hầm. Nguyên văn: La duchesse ne parle pas d'un accès souterrain, mais d'un accès à *un* souterrain!...

[270] Viết tắt của từ "nécrologie", ở đây có nghĩa tiểu sử một nhân vật vừa mới qua đời.

[271] Dù tác giả cho là "intraduisible", (không thể dịch được, có lẽ sang tiếng Anh vì nhân vật Barett là người Mỹ), trang 237, người dịch cũng cố gắng chuyển tên các món ăn này sang tiếng Việt để độc giả có một ý niệm tương đối: "Cá kiếm hấp mềm đặt trên bí ngòi xanh và trứng cút luộc. Bánh quả mâm xôi với va-ni Madagascar". Vénus, theo thần thoại La Mã, là nữ thần tình yêu và sắc đẹp, dùng đặt tên cho món tráng miệng này cho có vẻ "văn hóa" chứ không có ý nghĩa cụ thể nào cả, còn va-ni đến từ đảo quốc

Madagascar thì đắt tiền nhất và có tiếng là thơm ngon nhất trong tất cả các loại va-ni.

[272] Corcovado là ngọn núi đá cao 715 mét nằm ngay trung tâm thành phố Rio de Janeiro (Brazil), nổi tiếng thế giới với tượng Chúa Giê su cao 38 mét đặt trên đỉnh núi. Ipanema và Leblon là hai bãi biển gần đó.

[273] Cốc bia có dung tích ¼ lít.

[274] "punching-ball" là quả bóng da nhồi hoặc bơm căng treo lơ lửng hay đặt trên trụ để các võ sĩ tập đấm.

[275] Tàu lửa gắn động cơ mà năng lượng được một hay nhiều tua- bin khí đốt cung cấp.

[276] Một thiết bị cài sẵn trong điện thoại di động để ghi lại và lưu trữ các tin nhắn bằng lời nói mà người sử dụng có thể mở ra nghe bất cứ lúc nào hay gởi tới người khác.

[277] Khách hàng không muốn số máy của mình bị tiết lộ thì yêu cầu hãng điện thoại ghi tên mình vào danh sách "đỏ", và nhân viên chỉ dẫn thông tin không được đưa số máy này cho người khác khi được hỏi.

[278] Viết tắt của "Interruption Volontaire de Grossesse" (Tự nguyện phá thai).

[279] "Nhưng đ. mẹ thằng chó đẻ nào đã dám..."

[280] Thành ngữ La-tinh, có nghĩa "vị thần xuống bằng một cỗ máy", dùng để chỉ người hay biến cố xuất hiện đúng lúc để tháo gỡ một tình thế bi kịch không lối ra, nhất là ở sân khấu.

[281] Một loại sách hướng dẫn du lịch của Pháp, khá được ưa chuộng, bìa luôn màu lục.

[282] Họa sĩ người Hà Lan (1872-1944).

[283] "Ba ơi, trò chơi đã xong! Trò chơi đã xong!".

[284] Cà phê có cho thêm một chút sữa tươi để có màu hạt dẻ (nâu hung).

[285] *Star Wars* và *Titanic* là những cuốn phim do Hollywood sản xuất.

[286] Viết tắt của McDonald's, tên tiệm chuyên bán thức ăn nhanh (fast food) cầm tay, nhất là thịt bò băm chiên (hamburger) kẹp trong bánh mì tròn, có mặt ở rất nhiều nơi trên thế giới, nổi tiếng đến mức trở thành một trong những biểu tượng của nước Mỹ, bên cạnh Coca- Cola, quần jeans, tượng Nữ thần Tự do...

[287] Một điệu nhạc khiêu vũ và sân khấu, ra đời từ cung đình vua Louis XIV, thịnh hành ở Pháp cho tới thời Cách mạng 1789, và cho tới giữa thế kỷ XIX trong tất cả giới quý tộc châu Âu.

[288] Jean-Baptiste Lully (hay Lulli) (1632-1687), nhà soạn nhạc người Ý nhập tịch Pháp, sống phần lớn cuộc đời ở Pháp. Đã sáng tạo ra nhạc kịch Pháp (l'opéra francais).

[289] Một điệu vũ gốc Châu Mỹ la-tinh, du nhập vào Tây Ban Nha (thế kỷ XVI) rồi Pháp (thế kỷ XVII).

[290] Tên một vở nhạc kịch (opéra) của Lully, ra đời năm 1684.

[291] Cơ quan phụ trách về nước ở Versailles.

[292] Theo thần thoại La Mã, Neptune là một thủy thần.

[293] Điệu vũ gốc Tây Ban Nha, thông dụng ở Pháp vào thế kỷ XVII, nhất là trong các vở nhạc kịch của Lully.

[294] Kiểu chơi bài với cỗ bài 52 lá, người chơi chia làm hai phe, mỗi phe hai người.

[295] James D.Watson, sinh năm 1928, nhà sinh học người Mỹ, cùng với

hai nhà khoa học Francis Crick và Maurice Wilkins, đã tìm ra được cấu trúc của ADN vào năm 1953. Giải Nobel 1962.

[296] ADN là viết tắt của acide désoxyribonucléique. Tiếng Anh viết tắt là DNA thì thông dụng hơn.

[297] (1918-1988), nhà vật lý người Mỹ. Cha đẻ của cơ học lượng tử. Giải Nobel năm 1965.

[298] Sinh năm 1943. Nhà cổ nhân loại học (paléoanthropologue), đã khám phá ra bộ xương người đàn bà hóa thạch được đặt tên là Lucy ở châu Phi năm 1974.

[299] Tên các bộ xương người hóa thạch được các nhà khoa học khám phá ra trong vòng mấy chục năm gần đây.

[300] Charles Darwin (1809-1882), nhà khoa học tự nhiên người Anh, chủ trương thuyết tiến hóa, thường gọi dưới từ "darwinisme", được đưa ra trong tác phẩm kinh điển "On the Origin of Species by Means of Natural Selection or the Preservation of Favoured Races in the Struggle for Life" (Về nguồn gốc các loài qua con đường chọn lọc tự nhiên hay sự giữ gìn các loài được thuận lợi trong cuộc đấu tranh sinh tồn", xuất bản năm 1859, và sau này thường được gọi tắt là "On the Origin of Species".

[301] Từ sinh học: génomique, thuộc bộ gien chỉ có một nửa nhiễm sắc thể của những tế bào cơ thể bình thường.

[302] André Malraux (1901-1976), nhà văn và chính trị gia Pháp. Tác giả các tiểu thuyết nổi tiếng như "La condition humaine" (Thân phận con người), "L'espoir" (Hy vọng)...

[303] Ngôi sao sáu cánh, biểu tượng của đạo Do Thái.

[304] Có nghĩa: "Nơi đây an nghỉ trong vinh quang và danh dự người chiến

hữu chỉ có Thượng đế biết...”

[305] La Toussaint, ngày 1 tháng 11.

[306] Ricain, từ bình dân chỉ người Mỹ với ý chê bai, khinh thị.

[307] Jacques Prévert (1900-1977), nhà thơ, nhà biên kịch điện ảnh Pháp nổi tiếng.

[308] Sinh năm 1945, nhà văn và nhà biên kịch điện ảnh Pháp. Được giải Goncourt năm 1977 với tiểu thuyết “John L’Enfer”. Hiện là Tổng thư ký L’Académie Goncourt, nơi trao giải văn học cùng tên.

[309] Tiếng Anh, chỉ cái thói ưa nêu tên các nhân vật quan trọng hay nổi tiếng trong khi nói chuyện với người khác để ngụ ý là mình cũng quan trọng không kém vì quen biết họ.

[310] Một trong những công ty chuyên bán đấu giá quan trọng nhất trên thế giới, được thành lập vào năm 1766 ở Luân Đôn.

[311] La Restauration (Trung hưng), chế độ chính trị Pháp được thiết lập sau khi Napoléon mất quyền, kéo dài dưới hai đời vua, Louis XVIII (1814-15 và 1815-24) và Charles X (1824-30).

[312] (1757-1836), thuộc dòng họ Bourbon, lên ngôi vua nước Pháp năm 1824, sau khi anh trai, vua Louis XVIII (1755-1824) từ trần. Thoái vị năm 1930.

[313] Con chó xù.

[314] Tiếng Anh, có nghĩa tập luyện để xuất hiện, trả lời hay đối phó cho tốt trước các phương tiện truyền thông.

[315] (1891-1964), nhà soạn nhạc và ca khúc người Mỹ, nổi tiếng vào những năm 1920 và 1930, thành công với những vở nhạc kịch (musical) ở Broadway (New York).

[316] Có nghĩa “Cục cưng đen và trắng đó của tôi”.

[317] Chỉ một phong cách kiến trúc và nội thất thịnh hành ở Anh và Bắc Mỹ từ giữa đến cuối thế kỷ XIX, cùng thời gian ở ngôi (1837-1901) của nữ hoàng Victoria của Đế chế Anh.

[318] Daniel Buren, sinh năm 1938, nghệ sĩ tạo hình Pháp nổi tiếng, thường dùng những tấm vải có sọc thẳng đứng một màu để tạo cấu trúc cho không gian.

[319] Buổi khiêu vũ có thêm những màn trình diễn xiếc.

[320] Một loại ngựa nhỏ, lùn, thường để cho trẻ con cưỡi.

[321] La Régence (Thời Nhiếp chính: 1715-1723): Philippe d’Orléans (1674-1723) cầm quyền tạm thời ở nước Pháp sau khi vua Louis XIV băng hà và vua Louis XV còn vị thành niên.

[322] Duke of Windsor (1894-1972), trước là vua nước Anh với vương hiệu Edward thứ 8 thuộc triều đại Windsor, đã từ bỏ ngai vàng năm 1936 để cưới Mrs. Simpson, một phụ nữ Mỹ ly dị chồng, và nhận tước hiệu công tước Windsor, còn vợ ông trở thành nữ công tước Windsor. Ông là bác ruột của Nữ hoàng Anh Elisabeth Đệ nhị hiện nay.

[323] Có nghĩa “Tôi, hay Anh, Em (cách xưng hô tình cảm)...”

[324] Đồ tang hay mặc đồ tang (để tang).

[325] Điệu nhảy gốc Tây Ban Nha cho một cặp đôi, lúc đầu nhanh sau chậm lại, thịnh hành ở Pháp nhất là vào thế kỷ XVII và XVIII.

[326] Ở đây có nghĩa là “Em” hay “Anh” (xưng hô tình cảm)

[327] Nghĩa đen là “Những năm điên cuồng”, chỉ giai đoạn từ 1918 (Thế chiến thứ nhất vừa chấm dứt) đến 1929 (cuộc Đại suy thoái kinh tế bắt đầu)

với các nét tiêu biểu là ảnh hưởng văn hóa Mỹ lan tràn và sáng tạo nghệ thuật sôi động mà Paris là trung tâm.

[328] Ernest Hemingway (1899-1961), nhà báo, nhà văn Mỹ, giải Nobel văn học năm 1954. Tự sát.

[329] Viết tắt các từ tiếng Anh: “Very Important Person” (Người rất quan trọng).

[330] Một vùng biển nổi tiếng về du lịch mùa hè, thuộc bang Massachusetts (Mỹ).

[331] Từ chỉ chung giới thượng lưu và những người nổi tiếng, hay có vai vế trong xã hội ở Paris.

[332] (1884-1920), danh họa người Ý, thuộc trường phái Paris.

[333] (1869-1954), danh họa người Pháp, bậc thầy của trường phái dã thú (fauvisme).

[334] “Google Thời sự”

[335] Đến từ thành phố Carrara nước Ý, cẩm thạch ở đây nổi tiếng thế giới là đẹp và đắt.

[336] Viết tắt các từ tiếng Nga “Komitet Gossoudarstvennoi Bezopasnosti” (Ủy ban An ninh Nhà nước); là tên (từ năm 1954 đến 1991) của các cơ quan phụ trách tình báo và phản gián bên trong và bên ngoài Liên Xô.

[337] Có nghĩa “CNN. Bản tường thuật đặc biệt. Tai họa môi trường ở Hong Kong.”

[338] Không biết tác giả có nhầm lẫn không, chứ dân số Hong Kong chỉ khoảng 7 triệu người (năm 2009), và nếu tính cả tỉnh Quảng Đông sát bên cạnh (110 triệu) thì cũng không thể lên đến con số ba trăm triệu người như tác giả viết.

[339] Thường được viết tắt là E.coli, là một loại vi khuẩn nằm trong đường ruột, do một bác sĩ người Đức, Theodor Escherich, khám phá ra vào năm 1885, nên nó được đặt theo tên ông.

[340] Một thảm họa xảy ra ở nhà máy điện nguyên tử Tchernobyl (nước Ukraina hiện nay) vào ngày 26-4-1986 khiến 336 ngàn người phải sơ tán và tái định cư.

[341] Có nghĩa "giường sinh hoạt".

[342] Một loại chó rất to con, lông trắng và vàng hung, được đặt tên theo ngọn đèo Grand- Saint- Bernard ở núi Alpes, được huấn luyện để tìm cứu người lạc trong núi. Nghĩa bóng là vị cứu tinh.

[343] Một loại chỗ ở của người Inuit vùng Bắc cực, xây bằng các tảng băng hay tuyết.

[344] Viết tắt của "Bâtiment et des Travaux Publics" (chỉ ngành xây dựng nhà cửa và công chánh như đường sá, cầu cống...)

[345] Là cách phát âm không trịnh trọng của từ "yes". Ở đây có thể dịch là "Thế mới được chứ!".

[346] (Thế kỷ thứ 8 trước Công nguyên): Người lập quốc, giải phóng và thống nhất dân tộc Do Thái, và đặt nền móng cho đạo Do Thái.

[347] Có nghĩa là vua.

[348] Nghĩa đen là "Chế độ Cũ", từ chỉ chế độ chính trị (quân chủ chuyên chế) và xã hội nước Pháp từ thời vua François Đệ nhất (1515-1547) đến khi nổ ra cuộc Cách mạng 1789.

[349] Có thể dịch là "Bé ơi, khỏe không?"

[350] Ở đây có nghĩa "Em yêu".

[351] "Đàn ông đến từ sao Hỏa, đàn bà đến từ sao Kim".

[352] Tiếng Pháp, có nghĩa là con gấu.

[353] Tiếng Anh, có nghĩa là con gấu.

[354] Tiếng Anh, có nghĩa "của, hay thuộc về, ông/bà, anh/chị, các ông/bà, các anh/chị, các bạn... ; và "ours" có nghĩa "của, hay thuộc về, chúng ta, chúng tôi."

[355] Hình chữ thập với bốn nhánh bằng nhau, nhưng đầu mỗi nhánh thì rộng ra.

[356] Nhà Ai Cập học người Pháp (1790-1832), người đầu tiên giải đoán các chữ tượng hình Ai Cập cổ đại.

[357] Là một miếng đá bia được phát hiện năm 1799 ở Rosette (Ai Cập), có khắc văn bản, bằng chữ tượng hình cổ Ai Cập, bằng chữ Hy Lạp..., của một chiếu chỉ của vua Ptolémée thứ 5, và nhờ nó mà Champollion giải mã được vào năm 1822 các chữ tượng hình.

[358] Nhà bác học Hy Lạp (287-212 trước Công nguyên).

[359] Có nghĩa "Dữ liệu không hiệu lực. Hãy thử lại."

[360] Một trò chơi truyền hình Pháp theo kiểu "săn tìm kho báu" rất được ưa chuộng ở Pháp cũng như nhiều nước trên thế giới từ hai mươi năm nay. Fort Boyard là một pháo đài (và nhà tù) được xây trên một đảo nhỏ ở Pháp vào đầu thế kỷ XIX, được dùng làm bối cảnh cho trò chơi này.

[361] Máy nội soi cắt lớp não.

[362] "Siêu hình học về các nguồn gốc".

[363] Thuyền ở Venise (Ý), thân dài và phẳng, mui cong, chỉ có một mái chèo ở đàng sau.

[364] Tên chỉ nước Cộng hòa Venise ở thế kỷ XV và XVI.

[365] Nhà nguyện nổi tiếng ở Vatican, xây dựng từ cuối thế kỷ XV và được các danh họa Ý thời Phục hưng trang trí. Bích họa tuyệt đẹp dưới mái vòm nhà nguyện là do Michel- Ange vẽ.

[366] Tiếng Anh, có nghĩa "Kim cương và màu gỉ sắt".

[367] "Hòa bình và tình yêu", một phong trào phản chiến trong giới thanh niên Âu, Mỹ trong những năm cuối thập niên 60 và đầu 70 thế kỷ trước, trong đó có rất nhiều "hippies", thường để tóc dài, tham gia.

[368] Có nghĩa mục hay khoản cuối cùng.

[369] Có nghĩa là mãi mãi, luôn luôn.

[370] Câu này, ở đầu chương 3, thì nằm trước câu "Đối với anh... không khác nhau lắm", chứ không phải nằm sau như ở đây. Tác giả có lẽ sơ ý, vì đây là cùng một bức thư.

[371] Nhà tư tưởng và nhà thần học Đan Mạch (1813-1855).

[372] Fiedrich Hegel (1770-1831), triết gia Đức.

[373] Emmanuel Kant (1724-1804), triết gia Đức.

[374] Sống ở vùng Palestine vào thế kỷ XIX trước Công nguyên. Theo Kinh thánh, ông là tổ tiên của dân Do Thái và Á Rập thông qua hai con trai là Isaac và Ismael.

[375] Tên là Louis de France (còn gọi là Le Grand Dauphin) 1661-1711.

[376] Diễn viên điện ảnh người Ai Cập, nổi tiếng thế giới với vai chính trong phim "Bác sĩ Zhivago" do Hollywood sản xuất năm 1965. Được biết đến là người đam mê cờ bạc.

[377] Từ tiếng Ý, chỉ cà phê được pha bằng cách cho nước sôi dưới áp suất

đi qua lớp cà phê.

[378] Dinh Thủ tướng Pháp.

[379] Dinh Tổng thống Mỹ.

[380] Bộ nhớ của máy tính không còn chỗ để mở rộng hay tải xuống thêm các dữ liệu, các chương trình...

[381] In nghiêng trong nguyên tác. Từ tục tĩu, chỉ cơ quan sinh dục đàn bà; ở đây có nghĩa "đồ ngu".

[382] Viết tắt của Microsoft Network, mạng thông tin rất nổi tiếng của hãng Microsoft.

[383] Các nữ diễn viên điện ảnh Pháp.

[384] Có thể tương đương tiếng Việt: "ngaythubaden.com".

[385] Tiếng Anh, ở đây có nghĩa là giấy phép hay thẻ ra vào.

[386] "Trung tâm (giải quyết) Khiếu nại về sự Xâm phạm Internet".

[387] Một công viên giải trí cho trẻ em rất lớn và nổi tiếng ở Paris, mở cửa từ năm 1860.

[388] Kiểu thức ăn Ấn Độ nấu trong lò đất (gọi là tandoor) với lửa than.

[389] Nguyên văn: frigordinateur (do tác giả ghép chữ).

[390] Oeufs brouillés: trộn lòng trắng và lòng đỏ của trứng với nhau trong lúc đang nấu với sữa và bơ trong chảo.

[391] Từ La-tinh, dùng trong kinh tế học, có nghĩa là sự phân tích những sự kiện kinh tế được thực hiện sau khi chúng xảy ra.

[392] Hay viết đầy đủ là "show business", chỉ công việc kinh doanh các trò giải trí, nhất là ca nhạc, sân khấu, điện ảnh, TV...

[393] Phim điện ảnh Mỹ, rất ăn khách trên thế giới khi khởi chiếu năm 2004, có tên là "The day after tomorrow", nói về những thảm họa xảy ra trên trái đất do sự biến đổi khí hậu gây ra.

[394] Nằm trong thành cổ Acropole, nay thuộc Athènes, thủ đô Hy Lạp. Được xây vào thế kỷ thứ 5 trước Công nguyên.

[395] La Cène: Bữa ăn cuối cùng của Chúa Giê- su với các tông đồ trước khi đi chịu nạn vào ngày hôm sau.

[396] Theo thần thoại Hy Lạp, Prométhée, một nhân vật thuộc nòi Titan (người khổng lồ), là người khởi xướng nền văn minh đầu tiên của nhân loại. Ông đã đánh cắp ngọn lửa thiêng của các thần linh và chuyển giao nó cho con người. Zeus (Thần tối cao), để trừng phạt, đã buộc ông vào dãy núi Caucase, nơi đó một con chim đại bàng gặm nhấm lá gan ông, nhưng lá gan này cứ không ngừng tái sinh. Sau ông được bán thần Héraclès (người La Mã gọi là Hercule) giải thoát.

[397] Tiếng Anh, có nghĩa: Đường dây nóng của hãng Controlware.

[398] Ở đầu chương 4, tác giả lại viết "bộ trưởng Bộ Công nghiệp"

[399] Tên gọi quen miệng ở Pháp của "Sécurité sociale" (Bảo hiểm xã hội).

[400] Trong nguyên tác, được viết tắt là TVA (Taxe à la Valeur Ajoutée).

[401] Viết tắt của "Taxe à la Communication Ajoutée".

[402] Một làng miền núi ở Thụy Sĩ, nổi tiếng nhờ "Diễn đàn kinh tế toàn cầu" (The World Economic Forum) họp ở đó hàng năm, với sự tham dự của nhiều nguyên thủ quốc gia, các tổ chức kinh tế, tài chánh quốc tế lớn và đại diện các công ty thuộc hàng lớn nhất thế giới.

[403] "Tôi có một giấc mơ". Câu nói nổi tiếng của Martin Luther King (1929-68, Giải Nobel Hòa bình 1964), một mục sư người Mỹ da đen tranh

đấu cho bình đẳng chủng tộc ở Mỹ. Bị ám sát năm 1968.

[404] Nguyên văn tiếng Đức, có nghĩa "Tôi là người Berlin" do tổng thống Mỹ John F. Kennedy (191763) phát biểu ở Tây Bá Linh vào tháng 6-1963, trong thời kỳ Chiến tranh lạnh. Bị ám sát năm 1963.

[405] Câu đầy đủ hơn là: "Paris outragé! Paris martyrisé! Mais Paris libéré!" (Paris bị lăng nhục! Paris bị ngược đãi! Nhưng Paris giải phóng!) do tướng De Gaulle (1890-1970, tổng thống Pháp,1959-69) phát biểu vào ngày Paris được hoàn toàn giải phóng, 25-8-1944.

[406] Câu nói gốc tiếng Anh là: "One small step for (a) man, one giant leap for mankind" (Một bước nhỏ cho (một) con người, một bước nhảy vọt khổng lồ cho nhân loại) của nhà phi hành vũ trụ Mỹ, Neil Amstrong (sinh năm 1930) khi đặt chân đầu tiên lên mặt trăng ngày 20-7-1969. Người Mỹ vẫn tranh cãi xem Amstrong đã thực sự nói "... for man," hay "... for a man" khi đó.

[407] Ông bà có thể để lại tin nhắn sau khi nghe tiếng bíp.

[408] Xem chú thích T 242 (chương 23).

[409] Tiếng Anh, có nghĩa là ông chủ, hay người đứng đầu, người quản lý...

[410] Sự kiểm tra sức khỏe tổng quát.

[411] Viết tắt của Personal Digital Assistant, tiền thân của cái "smartphone" hiện nay.

[412] Cả ba nhân vật này đều bị ám sát chết. Gandhi (còn được gọi kính cẩn là Mahatma, Thánh, 18691948), nhà tranh đấu giành độc lập cho nước Ấn Độ từ thực dân Anh, theo con đường bất bạo động. Bị ám sát năm 1948. Về John F. Kennedy và Luther King, xem chú thích ở những trang trước.

[413] Nhân vật hư cấu rất nổi tiếng của nhà văn Anh, Conan Doyle (1859-

1930), một kiểu thám tử nghiệp dư và sáng suốt.

[414] Kho chứa vàng dự trữ của Nhà nước Mỹ, ở tiểu bang Kentucky.

[415] Nguyên tác: "biobanque".

[416] Có nghĩa thông thường là một phương pháp giải quyết vấn đề khó khăn bằng cách họp những người liên quan lại và để họ nêu ý kiến, tra vấn, tranh cãi lẫn nhau... nói chung là ai cũng phải động não để tìm ra giải pháp hay sáng kiến.

[417] Một thành phố thuộc bang Texas, Mỹ.

[418] (356-323 trước Công nguyên). Vua nước Hy Lạp xưa, học trò triết gia Aristote, nổi tiếng nhờ đã chinh phục nhiều nước như Ai Cập, Iraq, Iran, vùng Tiểu Á...

[419] Hơi khác ở chương 3: Lúc khởi đầu đã có Ngôi Lời / Ngôi Lời là Thiên Chúa.

[420] Tiếng Anh trong nguyên tác, có nghĩa "nhẹ" (độ).

[421] "Đời là thế" hay "Đời mà!".

[422] Ở Pháp, số điện thoại này dùng để gọi khẩn cấp công an và hiến binh.

[423] Một hội chứng thần kinh gây co giật tay chân không kiểm soát được... do bác sĩ người Anh, Thomas Sydenham (1624-1689) khám phá ra.

[424] Tên đồng hồ khổng lồ nổi tiếng có bốn mặt đặt trên tháp cao ở tòa nhà Quốc hội Anh ở Luân Đôn. Đã chạy từ năm 1859, theo lời đồn là không bao giờ sai giờ, cho tới nay!

[425] Tiếng Anh, (danh từ) có nghĩa thứ được làm lại.

[426] Giám đốc điều hành lãnh vực phát triển (phần mềm).

[427] Nhân vật nữ chính trong cuốn tiểu thuyết Mỹ nổi tiếng của Margaret

Mitchell, “Gone with the wind” (Cuốn theo chiều gió), xuất bản năm 1936.

[428] Les Lumières: từ chỉ phong trào trí thức và triết học từng chế ngự thế giới tư tưởng ở châu Âu vào thế kỷ XVIII. Các nét cơ bản của phong trào này là: từ bỏ siêu hình học, đề cao chủ nghĩa duy lý, có niềm tin ở sự tiến bộ và khả năng hoàn thiện của con người, đấu tranh cho sự khoan dung và sự tôn trọng các quyền tự do dân sự.

[429] Người Mỹ, sinh năm 1955, sáng lập công ty tin học Microsoft khi 20 tuổi (1975). Được cho là người giàu nhất thế giới hiện nay.

[430] Người Mỹ, sinh năm 1955, sáng lập công ty Apple khi 21 tuổi (1976), tiên phong trong lãnh vực máy vi tính.

[431] Trường đại học bách khoa danh tiếng của Pháp, thành lập ở Paris năm 1794.